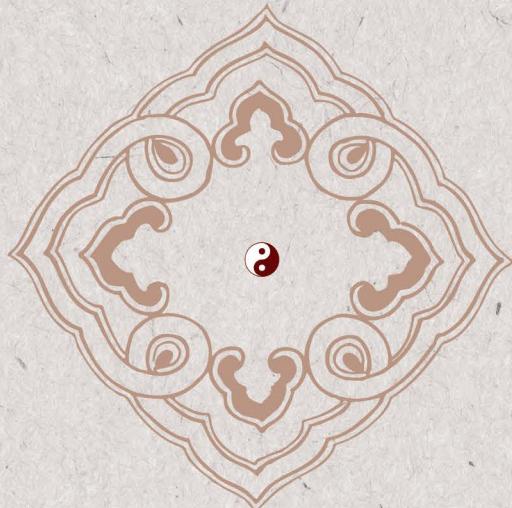


Thu Giang NGUYỄN DUY CẦN
Dịch và bình chú

DỊCH KINH TƯỜNG GIẢI

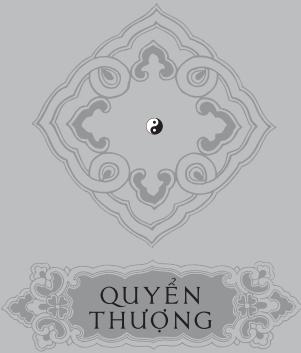


DI CẢO



N H À X U Á T B Á N T R È

DỊCH KINH TƯỜNG GIẢI



Gia đình tác giả giữ bản quyền.
Nhà xuất bản Trẻ xuất bản độc quyền theo hợp đồng sử dụng tác phẩm với
gia đình tác giả.

BIỂU GHI BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN DO THU VIỆN KHTH TP.HCM THỰC HIỆN
General Sciences Library Cataloging-in-Publication Data

Nguyễn Duy Càn, 1907-1998

Dịch Kinh tường giải. Q. Thương / Thu Giang Nguyễn Duy Càn. - T.P. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2014.
548 tr. ; 24 cm. - (Tủ sách Triết học phương Đông).

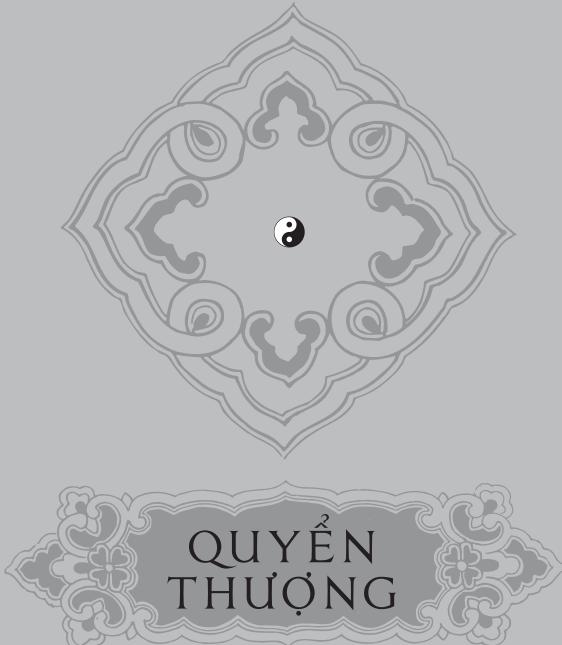
1. Kinh Dịch. 2. Triết học phương Đông. 3. Bói toán.
1. Yi jing. 2. Philosophy, Eastern. 3. Divination.

133.33 -- dc 23

N573-C21

Thu Giang NGUYỄN DUY CẦN
Dịch và bình chú

DỊCH KINH TƯỜNG GIẢI



DI CẢO

N H A X U A T B A N T R E

LỜI NÓI ĐẦU

Bộ kinh Chu Dịch tính đến nay (theo ước lượng) đã có hơn 4500 năm tồn tại và phát triển, chỉ tính riêng loại sách dịch và bình chú về kinh Dịch trên toàn thế giới hiện nay cũng đã lên đến “thiên kinh vạn quyển”. Cũng như ở Trung Quốc, kinh Dịch ở Việt Nam và các nước đồng văn khác được xếp vào hệ thống “Ngũ kinh” (gồm kinh Thư, kinh Thi, kinh Lễ, kinh Dịch và kinh Xuân Thu) và được dùng làm giáo trình chính thống đào tạo nhân sĩ, trí thức trong các viện hàn lâm thời phong kiến. Ngày nay, kinh Dịch vẫn được đông đảo tầng lớp người học say mê nghiên cứu, tìm hiểu và phong trào phát huy Dịch học trên toàn thế giới vẫn ngày càng phát triển.

Nhưng trớ trêu thay, dù đã trải qua lịch sử nhiều ngàn năm phát triển, truyền bá rộng rãi và đã được dịch ra nhiều ngôn ngữ với số lượng hết sức phong phú nhưng kinh Dịch đến nay với một đại bộ phận trí thức nước ta nó vẫn bị hiểu lầm là sách chuyên phục vụ bói toán mang đậm màu sắc mê tín dị đoan. Còn một bộ phận người đọc khác thì tuy nhận biết được các giá trị triết lý cao quý của Dịch học và chịu khó tìm tòi, học hỏi nghiên cứu, nhưng (như họ thú nhận) thường bị thất bại và phải bỏ dở giữa chừng (con đường nghiên cứu kinh

Dịch) từ đó các sách viết về kinh Dịch thường chỉ còn tác dụng làm sách “trang trí” trên các kệ sách gia đình.

Sự tình như trên, lý do của nó vì đâu?

Đầu tiên phải kể đến sự khó hiểu của hình thức biểu đạt trong kinh Dịch. Dịch dùng Tượng (hình tượng) và Số (con số) để biểu đạt tư tưởng, phần “ngôn từ” chỉ là phần phụ dùng để làm sáng tỏ thêm cho Tượng và Số mà thôi. Thứ hai, là bản thân ngôn từ của kinh Dịch, tuy chỉ là phần phụ thì nó cũng đã là một thách thức vô cùng to lớn đối với những người muốn tìm hiểu nó. Ngôn ngữ của Dịch (Thoán từ, Hào từ, Thoán truyện...) được thánh nhân tác Dịch giản dị hóa tối đa với loại ngôn ngữ “tối cổ” mà ngày nay không còn được mấy người có thể đọc và hiểu trực tiếp từ nguyên bản.

Với những khó khăn trên, đa phần độc giả muốn tìm hiểu kinh Dịch thường tiếp cận bằng các loại sách “dịch và bình chú” kinh Dịch do các nhà nghiên cứu viết ra. Phần diễn giải và bình chú kinh Dịch của các tác giả Đông Tây Kim Cổ tuy nhiều đến hằng hà sa số về lượng nhưng mỗi nhà giải thích mỗi kiểu, mỗi trường phái có sở học riêng lại bình chú theo thiên kiến của học phái của mình mà phần lớn chỉ trình bày được phần Hình nhị hạ học mà thôi, tư tưởng của các nhà diễn giải có khi sai lạc với tư tưởng chủ đạo của kinh Dịch thậm chí tự mâu thuẫn với nhau rất nhiều và có nhiều khi sự lý giải các thời trong các quẻ rất khiên cưỡng gần như là giải ép. Chính vì thế, người mới học Dịch thường dễ bị sa vào mê hồn trận đến rối tung rối mù của rừng sách bình chú kinh Dịch này.

Bộ *Dịch Kinh Tường Giải* mà các bạn đang cầm trên tay nằm trong bộ sách ba tựa gồm: *Dịch Học Tinh Hoa*,

Chu Dịch Huyền Giải và *Dịch Kinh Tường Giải* của tác giả Thu Giang Nguyễn Duy Cần - một nhà nghiên cứu và trước tác kỳ cựu. Hai tựa *Dịch Học Tinh Hoa* và *Chu Dịch Huyền Giải* đã lần lượt được xuất bản. Và nay, sau 28 năm kể từ khi *Dịch Kinh Tường Giải* được hoàn thành (1986), 16 năm kể từ khi tác giả qua đời (1998), được sự giúp đỡ của gia đình tác giả, bộ di cảo *Dịch Kinh Tường Giải* được hân hạnh lần đầu tiên ra mắt bạn đọc.

Dịch Kinh Tường Giải là bộ sách dịch và bình chú kinh Dịch đầy đủ 64 quẻ theo Hình nhi thượng học, tác giả đã vận dụng những thành tựu của khoa học hiện đại để lý giải 64 quẻ tương ứng với 64 thời trong kinh Dịch, giúp người đọc dễ hiểu, dễ tiếp cận những Hào, Tượng, Số và từ đó dễ dàng thoát khỏi những thú tư tưởng mù mờ, bí hiểm, khó hiểu nhuốm đậm màu sắc mê tín. Qua *Dịch Kinh Tường Giải* người đọc sẽ dễ dàng nắm bắt những tư tưởng triết lý của Dịch về sự vận hành các luật lý của vũ trụ, những hình thái phát triển cũng như sự vượng suy của xã hội loài người từ xưa đến nay. Chúng tôi hy vọng *Dịch Kinh Tường Giải* sẽ là bộ sách hữu ích cho quý bạn đọc trên con đường tiếp cận những tinh hoa của nền triết học minh triết phương Đông.

Là lần đầu xuất bản, chắc hẳn bộ sách không tránh khỏi những thiếu sót, chúng tôi kính mong các bậc cao minh, những nhà nghiên cứu kinh Dịch cùng quý bạn đọc xa gần lượng thứ và góp ý với nhà xuất bản Trẻ để bộ sách được hoàn thiện hơn trong những lần xuất bản tới.

不學易何以識造化之端倪

易通則物理自通

未有不通易而能通物理也

Không học Dịch, làm gì rõ được đầu mối của Tạo hóa.

Dịch mà thông thì sự lý trong vạn vật tự thông.

Chưa từng thấy chưa thông Dịch lại thông cả được
cái lý của sự vật.

“*Gieo mầm Sống, thì cứ gieo...
Đừng thắc mắc nó sẽ ra sao, nó chỉ là cái Nhân...
mà cái Nhân, cần phải có Duyên,
sự vật mới tạo thành...*”

Đây, là *thuyết Nhân Duyên* của Nhà Phật,
mà cũng là của Dịch đạo.

“*Triệu văn Đạo; tịch tử khả hỉ...*”

Sớm nghe và hiểu được Đạo; chiềng có chết, cũng thỏa lòng!

*
* *

Thánh hiền xưa đã bảo: “Dịch, quán quần kinh chi thủ”.

Sách này đứng đầu trong cái học của Tam Huyền, hạng
thế nhơn dễ gì lui tới với nó.

Học Dịch thật khó, đâu phải ai cũng học được. Nếu không
bền chí kiên gan, không sao học nổi bộ sách vĩ đại này.

DÂN NHẬP



NHỮNG ĐIỀU CẦN LUU Ý KHI HỌC DỊCH KINH

Các triết lý của phần lớn các tôn giáo hiện nay đã và đang vào quỹ đạo của Thái Âm, cho nên phần Hình nhi thượng học đã bị thất truyền từ lâu.

Sách Dịch đã biến thành sách bói chỉ còn dành cho bọn Hạ Ngu; Kinh Phật chỉ dành cho bọn thày sãi chuyên việc tụng Kinh để cầu phúc báo nào đâu còn để tìm *Huệ nghiệp*; Thánh Kinh Cựu Ước lẫn Tân Ước đã mất từ lâu phần Hình nhi thượng học, chỉ còn lại phần Hình nhi hạ học, tu cầu phúc báo như các tôn giáo khác.

Thiền học ngày xưa, nay cũng đã biến thành một thứ giáo quyền có một tổ chức chu đáo và cứng rắn mà Chùa, Miếu, Nhà thờ đã trở thành những nơi “buôn Thần, bán Thánh”, cầu cạnh Thần quyền một cách vô cùng tráng trọng.

Trong Bộ *Dịch Kinh Tường Giải* này, chúng tôi cố gắng đem ra cái “học Hình nhi thượng” (ésotérisme), trong bộ Thánh Kinh (*la Sainte Bible*) Thánh Jean, trong *Apocalypse*, toàn dùng đến *con số*, Xin lưu ý các bạn nếu không hiểu về *Tượng Số* học thì không làm gì hiểu nổi phần bí truyền của Thánh Kinh. Đối với Dịch Kinh cũng thế!

Tương đối mà nói, ta tạm công nhận Bộ Thánh Kinh

(la Sainte Bible) đã được cộng đồng Thiên Chúa giáo và Cơ Đốc giáo nhìn nhận gọi là “la Bible de Jérusalem” (Les Editions du Cerf, Paris, 1955).

Trong bộ sách nghiên cứu khá dồi dào của M.C Poinsor (Lib. Secrétan, Paris 14e, 1950) nhan đề “L’Occultisme, La Bible et l’Evangile”, nhiều nghi vấn đã được nêu lên, có thể tin được phần nào. Người tín đồ Thiên Chúa giáo (Catholicisme) cũng như của Cơ Đốc giáo (Christianisme) nên đọc quyển sách này để rõ thêm Bộ Thánh Kinh.

Người Tây phương ngày nay không thể dốt về Dịch Kinh, mà người Đông phương ngày nay cũng không thể dốt về Bộ Thánh Kinh hay Bộ Kabbale của Trung Đông. Đối với hàng trí thức ngày nay Đông Tây phải là Một, vì Đông và Tây chỉ là một Âm một Dương mà thôi. Đông, Tây, Nam, Bắc cũng chỉ là một khối, không thể phân chia. Ngay giữa cái hữu hình và vô hình *không còn có sự ngăn cách nữa...* Khoa học nguyên tử ngày nay cũng chẳng nói khác hơ.

Dịch Kinh, là một bộ sách với sự cộng tác cả trong mấy thế kỷ, gồm hầu hết các tiên hiền của cả 2 phái Nho và Lão. Cho nên, nào là Thoán từ, Thoán truyện, Đại Tượng, Tiểu Tượng gắn thêm vào các Quẻ... thật là rườm rà, phức tạp, đa đoan... Làm sao tránh được sự lặp đi lặp lại mãi... nào là chú... rồi lại còn phụ chú cho những phụ chú... Đọc Dịch thực sự có biết bao nhiêu trở lại, khó khăn... vậy mà vẫn còn mù mờ! Đọc Dịch xong, còn lại phải đọc thêm Thập dực... toàn là những gì trong Kinh văn, được lặp đi lặp lại mãi...

Sự lặp đi lặp lại mãi này, là một sự cần để cho Chân lý thâm nhập lần lần hầu mở được Chân Tâm, mới

hiểu được phần nào Thiên Lý! Thiên Tông đốn pháp nói: “nhất hồi niêm xuất, nhất hồi xuân” (mỗi lần nói lại, mỗi lần mới lạ).

Cái khó của sự Học Dịch nằm trong sự Mâu thuẫn.

Muốn biết rõ một học thuyết nào, điều kiện đầu tiên là phải vào sâu trong đó, và điều kiện kế đó, là phải ra khỏi đó.

Đi vào sâu, có khi còn dễ hơn lúc bỏ nó mà bước ra... vì có khi ta bị “kẹt” nặng! Bỏ thì thương, vương thì tội, cho nên có một bức họa vẽ Huệ Năng xé sách, “xé sách” là hàm ý bảo hãy “quên” đi! Hãy viết “vô trụ”, “vô tướng” và “vô chấp”! Ngày hôm qua không còn phải là ngày hôm nay: mặt Trời mỗi ngày mới mới.

*
* *

TẠI SAO CẦN PHẢI ĐỌC DỊCH?

Đọc sách là để hiểu được mình, bằng cách tìm người tri kỷ của lòng mình, vì chỉ có đồng thính mới tương ứng, đồng khí mới tương cầu... Nhưng, cũng có lối thứ hai là không kiểm tri kỷ tri âm mà tìm bè trái tâm tư mình... hâu tránh kiến thức phiến diện của mình. Kẻ có những ý kiến không hợp ta, thường giúp ta nhiều hơn là người tri kỷ của ta. Chân lý bao giờ cũng có Hai mặt... Họ không còn ru ngủ ta, họ đánh thức ta, họ châm điện, làm cho ta nẩy ngược người lên... Thường đọc họ, ta cảm thấy như bị điện giật...

Pascal nói: “À la fin de chaque vérité, il faut ajouter qu'on se souvient de la vérité opposée.” (Sau mỗi chân

lý, cần thêm cái chân lý đối nghịch). Cho nên không gì thích thú bằng đọc Lão Tử hay Trang Tử, nhất là đọc Dịch Kinh, nguồn gốc của Lão Trang.

Nhớ lại câu chuyện của nhà văn Paul Claudel, khi đọc Nam Hoa Kinh của Trang Tử, bỗng la to lên: “*Anh nói gì đấy? Ôi! Kinh khiếp quá, ngu xuẩn quá, nhục nhã quá! Quá lầm rồi anh ạ! Anh đi quá xa rồi! Ày, anh ca tụng những tính xấu nhất của tôi, anh phanh phui một cách tro trên quá những tư tưởng đang chôn giấu mà không bao giờ tôi dám thổ lộ! Tôi nghe anh nói, mà lòng bị ray rút, nhưng lại rất đê mê sảng khoái!*” (*Comment dis-tu? Horrible, idiot, scandaleux! C'est trop! Tu vas trop loin! Ah, tu flatte mes plus mauvais instincts, tu dévoiles cyniquement mes pensées inavouables! Je t'écoute avec remords et ravisement!*)

(*Paul Claudel et l'Univers Chinois*, Ed. Gallimard, 1968, page 355)

L'Oiseau noir dans le Soleil vivant, Oe,t III, p.301).

CHÂM NGÔN DỊCH LÝ – CĂN BẢN CỦA TAM HUYỀN

“Tam Huyền là Kinh Dịch, Lão, Trang”

1. *Phé đó, là hung đó;*

Thu rút lại, là mở rộng đó ra;

Cướp đoạt đó, là ban thêm cho đó;

Làm yếu đó, là làm mạnh đó.

Thắng, là bại

Thêm cho đó, là bớt đó,

Bớt cho đó, là thêm cho đó.

Đạo Trời vậy thay!

(Luật Lưỡng Cực)

2. ĐẠI THẮNG, ĐẠI BẠI;

ĐẠI VINH, ĐẠI NHỤC;

ĐẠI LỢI, ĐẠI HẠI;

(Luật Lưỡng Cực)

3. CÀNG MUỐN ĐƯỢC, CÀNG KHÓ ĐƯỢC.

4. “VỘI BỒI, VỘI LỠ”

5. “ĐƯỢC, LÀ MẤT”

6. “ÂN CÀNG THÂM; OÁN CÀNG SÂU”

7. ĐẠO TRỜI XOAY VÂN,

Chánh phản tương thông,

Chung thủy vô đoan.

8. ĐẠI THOÁI, TẮC ĐẠI TIẾN.

Chỗ huyền nhiệm thiêng liêng của những câu văn ngắn gọn và cô đọng của các Kinh sách xưa như Dịch Kinh và Đạo Đức Kinh chứa một *Thần Lực phi thường* làm chấn động cả Kiền Khôn vũ trụ.

Một câu văn ngắn gọn của người xưa, có thể dùng viết ra cả một quyển sách ngàn chương... nhất là khi được cô đọng bằng một hình tượng đơn giản như hình *Thái cực đồ* chẳng hạn.

Bộ “*Dịch Kinh Tường Giải*” hôm nay, là để bổ túc cho 2 bộ sách *Dịch Học Tinh Hoa* và *Chu Dịch Huyền Giải*, đọc giả nên đọc kỹ lại *Chương I (Âm Dương luận)* và *Chương II (Tứ Tượng luận)* quyển *Chu Dịch Huyền giải* mới có thể đọc tiếp bộ này.

Tập sách hôm nay cũng có thể gọi là *một loại đặc biệt của Bộ Chu Dịch Huyền Giải*, nghĩa là cố giảng giải đến chỗ huyền nhiệm của Kinh Dịch theo kiến giải hiện thời.

MƯỜI ĐIỀU TÂM NIỆM

Có 10 điều nên lưu ý để đọc Bộ “*Dịch Kinh Tường Giải*” này.

1. Dịch, không phải là bộ sách thuộc về *Luân Lý* với nghĩa thông thường, vì nó *chẳng nêu lên những giá trị bất di bất dịch* nào cả: Nó đứng ngoài Thiện Ác, Thị Phi, Lợi Hại, Vinh Nhục. Nó *đứng ngoài hệ thống tư tưởng Nhị Nguyên*. Nó thuộc hệ thống Nhất Nguyên luận, mà là thứ *Nhất Nguyên Luồng Cực Động*, nghĩa là Âm Dương trong đồ Thái Cực.

Cho nó là Duy Tâm luận hay Duy Vật luận cũng không sao. Trong đồ *Thái Cực*, bên *Sáng*, thuộc về *Duy Tâm luận* (bởi Thái Dương hàm chứa Thiếu Âm); bên *Tối*, thuộc về *Duy Vật luận* (bởi Thái Âm hàm chứa Thiếu Dương). Cho nên, nói chung thì *Dịch* là *Âm Dương luận*. *Cả hai tuy Hai, mà Một; tuy Một mà Hai*. Nó *ngầm chứa mâu thuẫn*, nhưng lại *không bao giờ mâu thuẫn*. Xin đọc kỹ lại, chương *Âm Dương luận*, trong quyển *Chu Dịch Huyền Giải*.

2. Cần có một đồ hình viên mãn và nhất trí để nói lên cả *Lưỡng Nghi* và *Tứ Tượng*, cả *Vô Cực* và *Thái Cực*. Các bậc *Thánh* nhờ các đồ hình mới biểu lộ được những ý tưởng thâm sâu của mình. Các đồ hình, là các bí quyết của *Thánh* nhon. Nếu *chẳng có đồ hình, không ai có thể hiểu được thâm ý sâu sắc của các bậc Thánh*

làm ra Kinh Dịch. Một đồ hình của quẻ Kiên là cả một bộ Kinh nói về quẻ ấy. Nên viết ít, mà vẽ nhiều là thế.

Ta cần vẽ cho nhiều, và nói ít hơn... “*Hi ngôn, tự nhiên*” (Ít nói, mới đúng với Tự Nhiên, tức là Đạo. (“Dịch”, là “Đị” (đơn giản), chữ “Đị” đây là ám chỉ Vô cực, cái “bất di bất dịch” (immuable) gọi là Đạo (theo Lão), quá đơn giản, nên không được phần đông lưu ý, bởi trí óc con người ngày nay đã bị chìm sâu vào sự phức tạp và đa đoan của Nhị Nguyên Lý Trí.

Trong “*Dịch Thuyết Cương Linh*” Chu Hy có nói: “*Phục Hy vạch ra 8 quẻ, tuy chỉ có mấy nét mà đã bao quát được hết mọi lẽ huyền vi trong Trời Đất. Kẻ học mà chỉ hiểu được ở Lời thì chỉ hiểu được phần thiển cận, chỉ khi nào hiểu được phần Tượng mới mong đạt đến phần tinh thâm diệu nghĩa của Nó mà thôi. Tiền nhơn vì Ý mà truyền Lời. Kẻ hậu học chỉ lo đọc Lời mà quên Ý. Dịch, vì thế mà bị thất truyền từ lâu*”.

Chớ quên: “Dịch, là một Kinh Vô tự”, chỉ có Tượng và Số mà thôi. Cái hay cũng đó, mà cái khó cũng đó.

Các nhà Khoa học chính xác (*sciences exactes*) thì dùng Dịch mà đi sâu vào các môn kỹ thuật máy móc như hai nhà Vật lý học Trung Hoa nhờ Dịch mà được giải Nobel về Vật lý... Giá trị thực sự của Dịch học đâu phải chỉ ở những gì nó đã được khoa học vật chất Tây phương hiện đại chứng nhận, mà chính ở những gì mà khoa học hiện đại của Tây phương bó tay không khai thác nổi, chúng tôi muốn nói đến những giá trị huyền nhiệm thiêng liêng của nó noi tâm linh con người, mà một phần nào nhóm “Tâm lý học về bè sâu” của C.G.Jing đã khám phá, tức là cái học về Vô Thức

(Inconscient) hay Siêu Thức (Superconscious) trong vấn đề Mộng mị (les Rêves).

3.Như chúng tôi đã thường nói: Dịch Kinh là một *bộ Kinh “vô tự”* vì, như Lão Tử đã từng nói: “*Tri giả bất ngôn, ngôn giả bất vi*”, ĐÀO bất khả ngôn luận.

Bởi muôn cho dễ hiểu, dễ lĩnh hội mà chúng tôi đã bị bắt buộc phải dùng đến khoa học vật chất hiện đại để gọi ý thôi. Các danh từ khoa học ngày nay, cũng như chính khoa học ngày nay đã bị “xét đi xét lại” mãi vì chỉ trong vài thập niên sau mà những gì khoa học đã khám phá đều bị “xét lại”.

Tiếng nói của Dịch Kinh, là tiếng nói của “Vô ngôn”, và bởi “Vô ngôn” mới nói lên được phần nào cái “vô tận” của Đất Trời... không thể hiểu một cách máy móc theo những danh từ “tạm bợ” đang được dùng ở các môn vật lý của Âu Mỹ ngày nay. Có nhiều bạn trẻ “tiên tiến” ngày nay, đọc Dịch vội vã reo mừng vì thấy được có một vài chỗ hợp với những gì mình đã được nhồi nắn ở Nhà Trường Tiến bộ ngày nay, và bởi thiếu kinh nghiệm, các bạn ấy đâu có dè những danh từ dùng trong bộ Dịch Kinh là những danh từ cưỡng dụng, hư ngôn, đa dạng và đa dụng tùy trường hợp, tùy không gian và thời gian gọi là “Siêu Thời Không”.

Dịch học là Nhất nguyên luận trước hết, tức là đối với Dịch học phải có *cái nhìn bao quát*. Đời sống của con người là sự tổng hợp của con người và vũ trụ, mà cái động của vũ trụ là một bản nhạc trong đó có đủ âm giọng... Khoa học Tây phương thiên về sự phân tích, nó phân sự vật ra từng khu vực, ra từng yếu tố, còn cái học của Đông phương là cái học tổng quát, *tìm hiểu sự liên*

lạc giữa mọi sự vật. Đông phương nghe nhạc, tuy quý từng loại nhạc khí, mà lại thích nghe bản hòa tấu của cả 3 giới “Thiên lai, Địa lai, Nhơn lai” (nói theo Trang Tử) hơn là nghe riêng ra từng nhạc khí... Kinh Dịch chủ trương sự Thái hòa cho nên Đông phương không nghe nhạc lẻ tẻ... mà thích nghe *nhạc hòa tấu*... Tuy nhiên không phải thế mà họ không để ý đến các tiếng nhạc lẻ tẻ. Nên mới nói: “*Dịch, là Biến, mà là Biến trong cái Bất biến: Mỗi cái “Tự riêng”, lại cũng là cái “Tổng thể”, “hòa nhì bất đồng”.*

Đông phương Y học cũng một thế. “*Không có bệnh, chỉ có người bệnh*” nghĩa là toàn thể cơ quan trong con người đều đau, cho nên trị bệnh phải để ý đến sự liên lạc các cơ quan trong cơ thể con người. Nên nhớ câu: “*Vũ trụ là một bối chiến trường, trên đó trỗi lên một bản tình ca bất tận*”.

Cũng có một số học giả lỗi lạc Tây phương cõ Richard Wilhem, Carl Gustav Jung, Hermann de Reyserling René Guénon, v.v... đã khai thác khéo léo những giáo lý căn bản của Dịch, nhưng cũng chưa hẳn nói lên hết được những giá trị huyền nhiệm thiêng liêng của Nó. Có lẽ, chỉ có Richard Wilhem, là đã được vào trong phần Hình nhi thượng học của Đạo với sự thực hiện cụ thể Đạo Tâm bằng *một hé mỏ*... như đã giới thiệu với Tây phương bản dịch Bộ Kim Hoa “*Le Secret de la Fleur d'Or*” của Lữ Tố (Lu-Tsou).

*
* *

Đọc Dịch, đừng chết theo văn tự... Nếu cứ mãi chết theo văn tự, thì Dịch đã chết rồi, đối với các bạn! Phải

đọc Dịch như đọc Lão Trang: “đắc ý nhi vong ngôn”! (được ý, hãy quên lời).

Sau khi đã cho xuất bản những sách thuộc về Đạo học Đông phương... tôi cảm thấy hết sức thất vọng vì chưa gặp được người lý tưởng đã được Trang Tử nói đến: “*Có Lời là vì Ý, được Ý hãy quên Lời. Ta tìm đâu được kẻ biết quên Lời, hẫu cùng nhau đàm luận?*”

Cố tật của con người, là chấp trong văn tự mà không dám lìa văn tự.

4. Học Dịch, như đã thấy, là học về *Tượng* (*symboles*). Phải đọc kỹ, phần “*Dịch Tượng*” (ở thiên Thuyết Quái).

Vì vậy *Tượng học* (*Dịch Tượng*) phải đi cùng với *Số học* (*Dịch Số*) gọi chung là *Tượng Số học*. Chúng tôi sẽ dành riêng cho *Dịch Số luận* (giới thiệu về sự quan trọng của con số được ghi trên Hà đồ và Lạc thư, những con số 1, 3, 5, 7, 9 (số dương) và 2, 4, 6, 8, 10 (số âm) gọi là “cơ ngẫu” trong 1 bộ sách tiếp theo.[1]

Tượng Số học, tóm lại, là *cái học* về những con số ẩn trong mỗi *Tượng*, nhu đài Tống, *Thiệu Ung* (1011–1077) lập thành một học phái đặc biệt gọi là *Tượng Số học*, viết ra quyển “*Hoàng Cực Kinh thê*” phảng phất giống nhu cái học Hình nhu thượng của Lão Trang.

Thiệu Khang Tiết theo cái học về *Tượng Số* mà suy diễn ra cái học *tu dưỡng* rất cao.

Vì sự cực kỳ quan trọng của nó, chúng tôi đã phải dành riêng một tập đặc biệt, lấy tên là *Tượng Số luận*. Nói “luận” mà không nói “học” vì đây chỉ nói đại cương

1. Đón đọc *Dịch Tượng Luận* và *Dịch Số Luận* của Thu Giang NGUYỄN DUY CẦN.

về phần lý thuyết *Tượng Pháp là một*. Thiệu Khang Tiết trích riêng thành một tập sách nhỏ có tên là *Tiên Thiên đồ* (lấy Tiên Thiên Dịch số làm cǎn bản).

Thêm phần Thập dục (Mười cánh chim), nhờ đó mà *bay cao và nhìn rộng* Dịch lý, mà Dịch, nằm trong cái học về Tượng. Chẳng những riêng về Dịch luận, ngay tất cả sách tư tưởng cao sâu của Đạo học Đông phương đều đặt nền tảng trên Tượng học.

Tượng luận, là phần quan trọng vào bậc nhất của Dịch Kinh. Ta thấy trong Dịch Kinh có 2 phần quan trọng, là Đại Tượng và Tiểu Tượng. Cho nên Dịch Truyện là quan trọng, nhất là bộ phận thứ 5 của nó, là *Thuyết Quái*. Tiếc thay, ở các bản dịch ra Việt văn trong nước từ trước tới giờ, đó lại là phần đã bị liệt vào loại không mấy thiết yếu. Bản dịch của Phan Sào Nam chỉ dành cho *Thuyết Quái* một chương độc nhất, là Chương Hai (mà chương này cũng chỉ có một tiết mà thôi). Còn bản dịch của Ngô Tất Tố, thì bỏ hẳn, chỉ có bản dịch của Nguyễn Duy Tinh thì dịch được đầy đủ nhưng lại than: “Khó hiểu quá” nên chỉ dịch theo sát văn tự mà thôi nên rất khó đọc và khó hiểu, bởi thiếu sự giảng giải.

Nói đến *Dịch Tượng*, cần phải nói đến *Dịch Số*. Rất tiếc, Dịch Kinh chưa có sách nào đề cập đến *Dịch Số rõ ràng*.

Nên biết: *Tượng học không thể rời khỏi những con số*, đã ghi rõ ở Hà đồ và Lạc thư. *Số là tiếng nói thiêng liêng của cái Tượng*, nên cần đọc chung là *Tượng Số Học*.

Những con số, là những *Tượng Hình vĩnh cửu* (*symboles éternels*), bất diệt (*symboles immortels*) được khắc sâu và không bao giờ phai, vào “Tiềm Thức Chung” của con người từ vạn cổ. Chúng là những “khuôn thức

bất di bất dịch” được gọi là những “*khuôn thiêng*”, nhà “Tâm lý học về bề sâu” đặt cho cái tên là “*Archétype*” (theo nghĩa là những cái gọi là “*Original qui sert de modèle*”, mà Tạo hóa đã dùng làm mô hình để tạo thành vạn vật. “*Nếu chẳng phải là một vật dùng làm biểu tượng độc lập để hiểu thấu được thần minh, thấu rõ được sự biến hóa của Trời Đất mà biểu tượng ấy là những con số, thì làm sao ta có đủ điều kiện để tham dự vào công việc sáng tạo huyền bí của Tạo hóa?*”

Tóm lại, sự sinh thành vũ trụ vạn vật, sự thiên biến vạn hóa của Âm Dương, sự tác động cực kỳ biến chuyển của Ngũ hành sinh, khắc, chế, hóa, sự hình thành của muôn vật để tạo thành vũ trụ đều tùy thuộc vào những con số trong Hà đồ.

Chúng ta thật không ngờ chỉ ở trong những con số biểu thị qua những điểm đen trắng, hoặc những cái xoáy trắng bên lưng con Long Mã mà lại có một tác dụng kỳ diệu trong cuộc khám phá những huyền bí của vũ trụ. Theo *Số học, của Tây phương cổ học*, con số là *một sinh vật trên địa bàn tinh linh*.

5. Trong đồ Thái cực, cần phải lưu ý kỹ về đồ Tứ tượng: “Âm trung hữu Dương căn”. Dịch đã nói rất rõ về công dụng của Âm nghi trong sáng tạo. Có Dương mà không có Âm, dù Kiền khí có công năng sáng tạo bực nào nhung chính nhờ có Khôn âm mới có thể thực hiện được sáng kiến của mình. Nó mới là nguyên lý của sự sinh sản nhờ ôm áp lâu ngày sáng kiến mới hình thành được, không khác nào không có noãn bào của người đàn bà thì tinh trùng của người đàn ông cũng chỉ hiện ra để rồi chết mất, như hột giống, nếu chẳng gặp được đất lành, đành phải chịu sự thối nát mà vứt đi thôi!

Các bậc vĩ nhân có óc sáng tạo phi thường đều là những người có bộ óc thuần âm. Những nhà chuyên môn thường chỉ là một bộ óc thuần dương, một bộ óc thuộc về lý trí theo Nhị nguyên, hay phân tích mà chẳng biết tổng hợp, cứ mãi phân tâm nên không làm sao sinh sản gì được cả. *Những bậc Đại Trí đều mang chất Âm, Tạo hóa ban cho họ một cái Bụng để (âm chỉ cái Đan điền Khí hải) có thể thụ thai và sinh để tạo được một ngoại thể thành một thể chất giống mình,* như trường hợp Richard Wilhem. Ông này có một bộ óc sáng tạo thiêng liêng đến cực độ giúp ông có được một thứ trực giác mà hiếm ai có được, ông mới thực hiện nổi những bản dịch phi thường của ông về Bộ Kinh Dịch mà không ai có thể so sánh nổi! (theo C.G.Jung).

6. Một vấn đề khá quan trọng khác trong nhân sinh quan của Dịch, là vấn đề *Định Mạng hay Tự do?*, điều mà trước giờ các triết gia cả Đông lẫn Tây đã bàn cãi và đã làm hao không biết bao nhiêu giấy mực mà không giải quyết được ổn thỏa.

Không thể phủ nhận rằng không có định mạng, là bởi một cách khách quan mà nói, lịch sử đã chứng minh con người có thể biết trước tương lai. Đó là nhờ noi luật Nhân Quả, các quả trong Dịch Kinh đều bàn rõ về những Nhân và Quả. Đó là cái mà ta gọi là Định Mạng. Sở dĩ con người không biết được tương lai là vì chưa đạt đến óc Nhất Nguyên nên cũng đã mất luôn thiên tính gọi là linh giác, mà những kẻ dốt nát, những đứa trẻ đần độn... còn giữ lại phần nào (theo Balzac, trong quyển “La Viet son Mystère” của Bác sĩ A. Leprince).

Từ một quyển sách đầu tiên là sách thuộc loại *Bói*

toán (bốc phệ) đến một quyền thuần túy triết học và “tâm lý học về bè sâu”, Dịch Kinh đã phải trải qua từ Thiên tính hồn nhiên đến Lý trí.

Cái học về Định Mạng, về Linh Giác (Bốc phệ) ngày nay đã bị thất truyền từ lâu vì đó là một cái học rất khó, may ra chỉ có những đầu óc phi thường cõi Thiệu Khang Tiết, Khương Thượng, Khổng Minh, Phạm Lãi... mới học nổi. Và cũng vì thế cái học về Tượng Số của Thiệu Nghiêu Phu về sau ít ai theo nổi mà phải bị thất truyền... Rồi một bọn người thừa nước đục thả câu, chuyên môn khai thác... nên cái học về Bói Toán bị lợi dụng trăng trộn... và bị gọi là khoa “mê tín, dị đoan” rất đúng.

Kết quả sự Bói toán rất cụ thể, ngay nhà bác học Carl Gustav Jung chuyên khảo cứu về Dịch lý cũng đã dùng đến cách bói Cỏ thi, tuyên bố rằng những câu hỏi của ông đã được quẻ trả lời một cách rất hợp lý và đầy ý nghĩa của lương tri, đến đỗi người ta khó tưởng tượng có được câu nói nào hay hơn! (...la réponse accordée par l'oracle à ses interrogations était si raisonnable et pleine de bon sens qu'il eût été difficile d'en imaginer une meilleure). Jung lại còn nói thêm: “Si un être humain m'avait fait de telles réponses je n'aurais eu, en tant que psychiatre, qu'à le déclarer saint esprit...” (Le Livre des Mutations, par Raymond de Becker, p.45, 46). (Nếu có một ai nói cho tôi những gì tôi thắc mắc như câu trả lời của Dịch bốc, tôi sẽ cho họ là một kẻ có tinh thần lành mạnh sáng suốt, đúng ở cương vị một người trị bệnh tâm thần như tôi).

Đọc la Sorcellerie en campagne của Charles Cancelin. (*de l'Inconscient au Conscient*, từ trực giác đến linh

giác) qua lý luận thô sơ nhất của Nhị Nguyên: Con người sinh ra, từ tình trạng tự nhiên như thảo mộc “vô tâm, vô niệm” nên đã chịu ảnh hưởng của vũ trụ tuyến một cách trực tiếp vì chưa tách rời khỏi chung của sự sống... và chỉ đến 7 tuổi (là một chu kỳ tuổi thơ) mới bắt đầu tách rời khỏi cái khói chung vũ trụ mà biến thành một con người có cá tính đơn độc, và cũng là bắt đầu chịu ảnh hưởng của xã hội chung quanh mà mất dần cái “tâm xích tử” do thiên tính hạy vô thức điều khiển... Càng ngày con người càng tiến vào Nhị Nguyên luận... Giai đoạn *tách rời “khối sống chung”* của *Đại toàn thể*, là giai đoạn của Lý Trí, của óc ngạo mạn cá nhân chống lại với trật tự tự nhiên của Tạo Hóa, giai đoạn thứ hai của con người sang qua triết lý Nhị Nguyên (giai đoạn thịnh hành của Khoa học Trục Vật (được gọi bằng cái tên là Khoa học Chính xác (Sciences exactes) ngày nay. Bước sang giai đoạn tâm thức thứ ba, là giai đoạn (stade) *siêu thoát nhị nguyên* đi vào Tam Nguyên.

Khoa luyện phép *Tịch cốc của Ấn Độ, Trung Hoa* đã được áp dụng từ lâu: chỉ dùng sinh khí (prâna) mà ta có thể không ăn, chỉ dãn khí và hô hấp tức là giai đoạn của linh tính, linh thị hay linh giác, con người đi vào giai đoạn trở về với “cái tâm của trẻ thơ” được gọi là “xích tử chi tâm” cũng được gọi là cái “Tâm vô thức”.

Bảo Ba, trong “Chu Dịch Nguyên chí” có nói: “Trong khoảng ẩn của Thần minh, và chỉ có Thần minh mới hiểu nổi được trước những sự lành dữ mà không sao lấy lời nói bảo thăng cho đời biết đặng. Bậc Thánh nhơn giúp Thần minh nói lên được điều ấy qua trung gian của cách Bói “cỗ thi”. Việc bói toán do đó mà sinh ra, Dịch Kinh do đó mà soạn ra với 64 quẻ.” Chỗ mà

Bảo Ba nói trên đây gọi là Thần minh, *thực sự không phải một đấng thần minh nào ở ngoài ta, mà chính là Thần minh của ta, mà ai ai cũng có*. Nên mới có câu: “Linh tại ngã, bất linh tại ngã”! *Chỉ vì ta quá dùng đến Lý trí mà tự mình đánh mất cái tâm xích từ của mình, làm mờ mịt cả Thiên tính...* Ngay như các loài ong, kiến... còn cảm biết trước thời tiết sắp đến mà tiên liệu tránh nạn... Con người chúng ta về “thiên tính” phải nhìn nhận còn thua chúng xa... vì đã hơn chúng về lý trí. Phần đông theo khoa học chính xác ngày nay không tin sự tiền định, cũng không tin khoa tiên tri tiên giác, nhưng ngày nay, thế giới đã ra đời khoa *Parapsychologie* (nghiên cứu về các khoa huyền bí như nghiên cứu về những hiện tượng siêu hình về thần giao cách cảm, giác quan thứ 6 (sixième sens) v.v... mà ta cho là “dị đoan mê tín”.

Có Định Mạng rõ ràng, do các sấm ký ngày xưa để lại, nhất là *các lời tiên tri* lại thấy nhiều nhất trong Thánh kinh Tân ước và Cựu ước. Nhất là lời tiên tri của Thánh Jean rất đúng với thế giới ngày nay về chiến tranh nguyên tử: “*Un feu prodigieux parti du firmament et répandu dans les airs, descend sur la terre, où, dans la minute, il a tout consumé, tout détruit, tout purifié, sans qu'il en reste un seul vestige de souillure...*”. (Trên không trung một khối lửa to đổ xuống mặt đất, và trong nháy mắt, tiêu hủy tất cả...).

Đó là chưa nói những tiên tri của Nostradamus, của Thánh Malachie nói về các Giáo hoàng... không sai chút nào cả. Nước ta thì có bộ Bách Văn Thi Tập của Nguyễn Bỉnh Khiêm. Ta nên biết dù Đông hay Tây, *các lời tiên tri không được tiết lộ* (thiên cơ bất khả lậu),

nên có một truyền thống cấm kỵ, dù là những bài thơ của Nostradamus, của Malachie, hay của Trạng Trình đều được giữ kín bằng những lời văn bí ẩn, chỉ khi nào việc tiên đoán xảy ra rồi, mới thấy không sai một mảy. Chỉ nói về sự tuần tự xảy ra, như 4 mùa, chứ không nói đến thời điểm dứt khoát.

Dịch Kinh như đã thấy, chủ trương có sự *Tiền định*, nhưng đồng thời cũng chủ trương “có Trời, mà cũng có Ta”: phần nào ta cũng có thể tham dự vào phần thay đổi số mạng của chính mình.

Cách mạng Pháp năm 1789 đã được nhà văn Jacques Cazotte, tác giả quyển *Diable amoureux*, tiên đoán một cách hết sức tỉ mỉ từng chi tiết trước một năm (1788). Trong sách kể cho ta nhiều câu chuyện rất lý thú, *kỳ dị ngoài sức tưởng tượng*... vì có nhiều chi tiết tỉ mỉ.

Trong quyển *La Boule de Cristal* của Ruth Montgomery nói về bà Jeane Dixon với tài tiên đoán của bà về vụ Tổng thống Mỹ Kennedy bị ám sát, vụ nữ minh tinh Carole Lombard chết cháy trên máy bay...v.v... và v.v... Jeane Dixon đều tiên đoán không sai chút nào cả. Quyển sách này đã làm xôn xao nước Mỹ và thế giới, khi họ thấy rằng: có tiền định. Ngay việc Giáo hoàng Jean Paul I và Jean Paul II cũng đã được Malachie tiên đoán không sai, đến đỗi thời mà Jean Paul I quá ngắn ngủi chỉ trong vòng 1 tháng, vì dấu hiệu của Giáo hoàng Jean Paul I, là mặt trăng *hạ huyền* (De Médietate lunae), thời mà người Hồi giáo *nổi lên* khắp Trung đông (Iran và Lybia). Dấu hiệu mặt trăng lưỡi liềm của Hạ huyền phải chăng là quốc hiệu của Hồi giáo?

Sự Chiêm bốc của Dịch Kinh không hẳn có ý nghĩa là có một sự Tiền định không thể thay đổi được! Bất

cứ quẻ nào, trong 64 quẻ, đều đưa ra cho ta thấy *một “dự đoán” về một việc sắp xảy ra mà ta phần nào còn có quyền lựa chọn thái độ đối phó.*

Nếu ta đi xem bói, phải nhớ rằng ta đi hỏi những gì ta không biết (nếu biết thì đâu phải đi hỏi), nhưng ta phải biết, nếu ta là hạng triết nhân quân tử, bản chất thật của việc sắp xảy ra, nếu nó thuộc về phần không phải do ta tạo ra, thì nó không còn thuộc về điều Phải hay lẽ Quấy nữa. Đó là muốn nói có *2 thứ định mạng*, một loại thuộc về *định mạng do bên ngoài đến*, do thiên tai gây ra, thì không còn phải còn do tự mình định đoạt được. Phải biết chấp nhận nó như ta gặp phải trời mưa hay trời bão... gấp động đất hay sóng thần... thử tìm chỗ trú đụt đỡ cho qua cơn... Ta không nên xem đó là sự Phải Quấy, Thiện Ác gì nữa. Còn *một thứ định mạng khác do ta tạo ra, là sự phán đoán của ta, do chính ta tạo nên* bởi sự vô minh của ta gây ra. Đó, là việc mà ta có quyền lựa chọn. Trong 64 quẻ của Dịch Kinh đều có đưa ra những lời răn để khuyên nhủ để ta được tự do lựa chọn.

Trong thuyết Luồng cực, câu “Đương trung hữu Âm cǎn; Âm trung hữu Dương cǎn” là một chân lý đã nói lên một cách rùng rợn cái mâu thuẫn của lòng người... Theo Khoa Tâm Lý Về Bè Sâu, người ta đã nhận xét về những cử động mâu thuẫn... Trong quyển Chu Dịch Huyền Giải, chúng tôi đã có nói: “Tâm linh con người là cả một bầu mâu thuẫn (như đồ Thái cực đồ đã tượng trưng): vừa thích Âm, vừa cũng thích Dương... Có một cái gì làm cho ta như bị thu hút vào một tâm trạng mâu thuẫn lạ thường ấy, đâu phải ta chỉ ưa uống chén rượu đào ngon ngọt đầy hương thơm bát ngát mà ta

lại cũng ưa thích những gì đắng cay khó ngửi. Âm hay Dương, Ác hay Thiện đều có sự hấp dẫn riêng..." vì "Âm trung hữu Dương cǎn; Dương trung hữu Âm cǎn" (xem thêm *Âm Dương luận*, Chu Dịch Huyền Giải).

Thái độ đón tiếp những tai họa phải xảy ra, vì nó phải xảy ra bởi Nhân nào Quả nấy! Gặp thời Quẻ Bĩ mà biết xử sự như trong các hào Dịch Kinh đã đưa ra, thì sẽ chả có gì phải sợ cả. Bao giờ, Dịch cũng khuyên ta: Thận trọng đấy vì luật phản phục bất thường... Họa đó, biết đâu chẳng là Phúc đó; Phúc đó, biết đâu lại chẳng phải là Họa đó? Hễ "tri kỷ vinh", thì phải biết "thủ kỷ nhục" với một tâm hồn thản nhiên bất động "dĩ bất biến, ứng vạn biến", tức là "dĩ Hu vô chi tâm, nhi ứng vạn biến chi sự": "*Nguy giả, sử bình; dĩ giả sử khuynh, kỳ đạo thậm đại, bách vật bất phế, cự dĩ chung thi, kỳ yếu vô cựu, thủ chi vị Dịch chi đạo dã.*" (Hệ từ hạ truyện, chương 11) (Biết trước có sự nguy khốn mà phòng bị thì sẽ được bình an; còn xem thường xem khinh thì ắt sẽ phải bị nghiêng ngửa đổ nhào... Đạo này, to lớn làm sao!)

“Ôi! Việc trong thiên hạ, mầm họa đâu phải sinh ra trong lúc loạn ly, mà thường dễ sinh ra trong những lúc thái bình thanh trị. Họa đâu phải sinh ra trong con hoạn nạn, mà thường dễ sinh ra trong những lúc đang hưởng hạnh phúc tuyệt vời! Ai mà chịu để ý đến câu: “Dương trung hữu Âm cǎn; Âm trung hữu Dương cǎn”.

7. *Châu Liêm Khê*, cũng gọi là *Châu Đôn Di* đã lấy tư tưởng của Lão Trang mà chú giải Dịch Kinh một cách rất đặc lực, đó là ông đã gom lại được cái học của Tam Huyền.

Người hiểu Dịch thâm sâu nhất, ngoài Lão Trang

không còn ai hơn. *Đạo Đức Kinh là Dịch học trong đạo tu thân và xử thế.*

Bất cứ nghiên cứu về nền văn hóa hay văn minh một xứ nào hay một nước nào, phải để ý trước đến *những cái mầm*, vì nó đang sống và chứa đầy tương lai, chớ quá quan tâm đến những trái chín của nó, vì nó đã trưởng thành và sắp đi vào con đường suy vong. Cho nên học Dịch cần để ý đến những cái mầm như Thiếu dương và Thiếu âm, mà đừng quá bận đến Thái dương và Thái âm. Kinh Dịch, khuyên ta phải *lo tiêu diệt những cái mầm* tai hại ngay khi nó vừa manh nha, chớ nên để cho nó trưởng thành, khó trị: *phòng loạn hon là trị loạn, điều mà luôn luôn ta thấy trong mỗi quel*.

Khi nói, cái gì lớn và già, trước sau gì cũng đi vào con đường hủy diệt, nhưng cũng chính lúc ấy, con người thống khổ tuyệt vọng, và *một sống một chết* đối với nó. “*Phiêu phong bất chung triều, sầu vú bất chung nhụt*” (gió lốc không thổi suốt ngày, mưa to không mưa được suốt ngày), đó là muốn nói chõ cùng cực nào cũng phải có biến (biến tắc phản). Cái mầm non, là thời manh nha của cái Nhân, mà cái gì đã già rồi, đó là cái Quả. Trị loạn, phải lo trị khi nó bắt đầu, chớ để cho nó trưởng thành, thật là nguy hiểm vô cùng.

Thấy được chõ tế vi của sự vật, gọi là Sáng. Gọi là “*tiểu*” là nói về *cái mầm non*, tuy nhỏ, mà nó chưa đựng *cái lớn*. Ông cũng lại nói: “*Đồ nan ư kỳ dị; Vi đại ư kỳ tế; Thiên hạ nan sự, tất tác ư dị. Thiên hạ đại sự, tất tác ư tế.*”

Làm việc khó, phải bắt nui chõ dẽ; làm việc lớn, phải bắt nui chõ nhỏ. Việc khó trong đời, là khỏi nui chõ dẽ; việc lớn trong đời, đều khỏi nui chõ rất nhỏ. Cho nên

Thánh nhơn suốt đời chẳng làm gì lớn, mới thành được việc lớn: “*Thị dĩ Thánh nhơn chung bất vi Đại;*

Chương 64 Đạo Đức Kinh đã nói lên tinh hoa Kinh Dịch, trong câu này:

*Dân chi tùng sự
Thường ư cơ thành nhi bại chi.
Thận chung nhu thi
Tất vô bại sự.*

Thế nhơn hễ làm việc gì, thường lúc gần thành mà gặp bại. Là tại sao? Là vì lúc ban đầu khó, nên dè dặt thận trọng, nhưng lúc gần thành công lại hay xem thường mà lơ đãng nên gặp phải hư bại bất ngờ, nếu biết “*thận chung ư thi*” lúc cuối cùng vẫn biết dè dặt thận trọng như trước, thì ắt sẽ không bị thất bại, nếu biết “*Thi chung nhu nhứt*”.

Thận chung nhu thi, Tất vô bại sự. Đó là câu mà Dịch Kinh luôn luôn cảnh giác bát cứ trong Quẻ nào: “*lợi vĩnh trinh*” (có lợi mà giữ kỹ một lòng dè dặt như lúc ban đầu). “*Thánh nhơn suốt đời không làm gì lớn*”, là nghĩa lý gì? Là muốn bảo: “Thánh nhơn xem cái Nhân, không nhìn cái Quả, nếu thấy là Họa thì lo bài trừ khi nó còn trong trứng. Mới nói: “Vật còn “đong yên” dẽ cầm; việc “chưa bày điềm”, dẽ lo; vật “mềm”, dẽ bẻ gãy làm cho tan mất đi; vật “nhỏ”, dẽ làm cho nó phân tán. Cho nên, cần phải biết ngăn ngừa khi chưa hiện; có sửa trị, hãy lo mà trị khi chưa loạn.”

8. Đọc Dịch, cũng như học Dịch, rất khó, mà khó nhất là phải *giữ cho lòng được Hu Vô, không may mắn thành kiến nào cả*, thành kiến về duy tâm hay duy vật.

Sự thất bại trước giờ là do đó. Dịch dạy ta “vô ngã, vô trú, vô tướng” và “vô cầu”.

Nếu còn có một thành kiến nào, ta sẽ không thể nào chịu nổi những câu như “*Thiện Ác giao Thiên Lý*” của Trình Minh Đạo.

Tôi có một ông bạn đã bỏ cả đời mình để nghiên ngâm bộ Dịch Kinh, thế mà khi nghe câu “*Thiện Ác giao Thiên Lý*” ông ta nhảy dựng lên như một người bị điện giật ông ta kêu to, như thế là phản Đạo rồi, rồi ông ta giơ tay xé mạnh quyển sách và vứt vào giỏ rác! Tôi cười, bảo: “*Phản Đạo, là Đạo của Dịch*, hay là phản lại cái đạo “tu phúc báo” của ông bạn?” mà giận dữ?

Ngay như Phan Sào Nam, một bậc túc nho của ta, noi quê Hỏa Thiên Đại Hữu (số 14) *giảng rất sai về Dịch lý*, như sau: “*Át ác dương Thiện, thuận Thiên huu Mạng*”. Ông bảo: “*Nguyên Mạng Trời phú cho Người chỉ có Thiện mà không có Ác*, nên phải tuyệt loài Ác mà dương lên loài Thiện, chính là theo Mạng Trời đó vậy!” (Chu Dịch, quyển I, trang 325). Nên biết Phan tiên sinh là một nhà Nho, nhưng không phải là đệ tử của ông Khổng Tử “vô ý, vô cố, vô tất, vô ngã”, và “vô khả, vô bất khả”, mà là của ông Khổng Tử hạ thừa học chỉ chấp “*Thiện*” mà thôi không công nhận sự cần thiết của Ác.

Dịch Kinh là bộ sách chỉ nói lên những *Chân lý bất di bất dịch, làm đảo lộn tất cả mọi giá trị thông thường của luân lý nhị nguyên nhon tạo*. Người nói hoặc viết về Kinh Dịch, phải là người có một thứ *tinh thần bất úy...* nghĩa là *không biết sợ gì cá*, là người phải có một tinh thần Tự do, theo nguyên nghĩa của nó.

Người biết gìn giữ Thiên chân, không để cho bất cứ ngoại vật nào làm cho lay chuyển. Trước hết, họ rất

điêm tĩnh. Trang Tử, trong chương Thu Thủy đã căn dặn: “Bất dĩ nhơn diệt Thiên”. Đừng lấy nhơn vị, tức là dư luận, luân lý, luật pháp, chế độ... mà giết chết cái Tánh Tự Nhiên (hay Thiên Chân) của ta... và hãy luôn luôn bảo toàn nó (toàn Thiên, bảo Chân) gọi chung là đạo *Toàn Chân*.

Gột rửa được lòng mình, những thành kiến do Nhị Nguyên nhồi sọ ta từ bấy lâu nay, đâu phải là chuyện dễ... Cho nên nhà Nho khuyên ta “ôn cố nhi tri tân”, lấy môn Sử học làm cái học căn bản cho vấn đề tri thức. Nhà Đạo, mà Dịch là đầu não, lại bảo “nhực tân, nhực nhực tân” nên không chấp nhận lối tri thức căn cứ vào trí nhớ, cái cũ nữa: “vi Đạo, nhực tốn, tốn chí hực tốn, dĩ chí u vô vi”. Nhị Nguyên dạy Nhớ, nên cái học của họ là cái học “ôn cố, tri tân”. Còn Nhất Nguyên dạy Quên, để thích ứng kịp với sự vạn biến trên đời: “dĩ Hư vô chi Tâm nhi ứng vạn biến chi sự”.

9. Học Dịch, chớ bao giờ quên địa vị của *Kiền Khôn Ly Khám* trong Tiên thiên Bát quái đồ – gọi chung là *Tứ chánh*, 4 quẻ căn bản của các quẻ Bát dịch. Công dụng của 2 quẻ Ly và Khám, hiện lên rất rõ rệt khi bàn đến công dụng của nó... ở 2 quẻ Ký Tế (Thủy Hỏa Vị Tế) và Vị Tế (Hỏa Thủy Vị Tế). Ta lại thấy, trong đồ “Âm Dương tiêu túc”, Dịch đã nói lên cũng rất rõ thời Tận thế của một chu kỳ đại hóa, không phải như trong Thánh Kinh rằng nhơn loại sẽ bị tiêu diệt trong khói lửa, mà phải bị tiêu diệt trong băng giá. Khoảng năm 1913 có một quyển sách nói về “*Thuyết Đại băng giá*” (*doctrine de la Glace éternelle*) của Hans Horbiger (người Đức, có người cho là người Áo). Thuyết này của Horbiger rất giống với *thuyết Tận thế của Kinh Dịch*.

Theo Dịch, vòng *Chu Kỳ Đại Hóa* sẽ kết thúc khoảng từ *quẻ Bác* đến *quẻ Phục*, ngưng đọng trong thời *quẻ Khôn*. *Khôn*, là cực Âm, cho nên đó là thời *Băng giá*. Quẻ Kiền và quẻ Khôn, là Thể; còn Ly và Khảm là Dụng. Dụng, mới quan trọng, điều mà Dịch Kinh đã bảo: “*Nhất Âm, nhất Dương chi vị Đạo*”, và câu này muốn nói: Đạo là gì? Đạo nằm trong quẻ Ly (một Âm) và quẻ Khảm (một Dương). (Đã có công lệ: “*Quái đa Dương dĩ Âm vi chủ; quái đa Âm, dĩ Dương vi chủ*”). Quẻ Ly là nhất âm nhị dương, nên *lấy Âm ở trung quái làm chủ*; quẻ Khảm thì nhất Dương và nhị âm, nên *lấy Dương ở trung hào làm chủ*. Hai quẻ Ly và Khảm là 2 quẻ thuộc về *cái Dụng* của 2 quẻ Kiền và Khôn. Đó là nói về đơn quái của Bát quái. Còn nói về trùng quái thì có 2 trùng quái là Trung Phù và Tiểu Quá. Trung Phù thì nhị âm ở giữa 2 quẻ thượng và hạ, một loại như quẻ Ly; còn Tiểu Quá thì nhị dương ở giữa 2 quẻ thượng và hạ, một loại như quẻ Khảm. Tóm lại, *đọc Dịch, phải lưu ý sự cấu tạo của các quẻ*, trước hết 2 quẻ nhất âm và nhất dương, là *quẻ Ly và quẻ Khảm*. Nói đến Đạo, là nói về 2 quẻ này.

Hai quẻ Kiền và Khôn, là 2 quẻ đầu não đóng vai trò Cha và Mẹ, ta nên lưu ý đến những “dứa con” của chúng. “Cây có cội, nước có nguồn”. Ly và Khảm, là một thí dụ: chỉ với 2 quẻ này mà Thánh nhân đã bàn với ta vỡ lẽ về *sự Trị Loạn* trong đời, nghĩa là cả về *Nhân Quả* của *Trị Loạn*. *Sự Trị Loạn trên thế gian*, theo *Triết Học Đông phuong*, đều do *sự nguy trị* của 2 thứ *văn hóa* Nhất Nguyên và Nhị Nguyên. Nói theo *Dịch lý*, thì *sự Trị hay Loạn* đều do *sự làm Chủ hay làm Khách* của *quẻ Ly*.

Cho nên, trong những cách cấu tạo quẻ, sau loại Nhất Âm, Nhất Dương, là loại Tam Âm, Tam Dương.

(Xin nhắc lại, số 1 là số căn của số 3. Số 3 (ba hào trong mỗi đơn quái, nhưng quan trọng là số 1 (số căn) dù ở hào nào: hào sơ, hào trung, hay hào tam). Nên nhớ rằng Lão Tử đã có bảo: “Nhứt sinh Nhị, Nhị sinh Tam, Tam sinh Vạn vật”. Về phần Dịch Số luận, chúng tôi sẽ bàn rộng về những con số căn trong đồ Tiên thiên (Hà đồ).

Căn của quê Ly, là quê Kiền, nền văn học của người phương Nam (ở Trung Quốc) là nền văn học của Lão Trang ở Hoa Nam dọc hai bờ sông Dương Tử, còn bên Âu châu, địa thế cũng ngang bằng Trung Quốc, là văn học của Địa Trung Hải.

Tóm lại, sự Trị hay Loạn trên thế giới, đều do sự ngự trị của hai nền văn hóa Nhất Nguyên (Monisme) hay Nhị Nguyên (Dualisme). Hay nói theo Dịch học, sự Trị hay Loạn đều do sự làm chủ hay làm khách của hai quê Ly hay quê Khảm, tượng trưng cho 2 nền văn hóa nhất nguyên của phương Nam hay nền văn hóa nhị nguyên của phương Bắc.

Một ví dụ điển hình, là Mông Cổ phương Bắc chiếm phương Nam Trung Hoa, nhưng rồi phương Nam văn hóa đã lại làm chủ mà phương Bắc văn hóa phải chịu thua, gây được hòa bình và văn minh lộng lẫy một thời gian vô cùng hung thịnh. Hốt Tất Liệt thắng Trung Quốc, bằng quân sự, nhưng rồi lại bị mê say theo văn minh Trung Quốc.

Dịch, khuyên người Quân tử: “*Thiên địa bế, hiền nhân ẩn*”. Đừng tranh với tiểu nhọn, chúng đang ở thế thượng phong: “*Nước loạn, đừng ớ; thành loạn, đừng vào*” như lời khuyên của Dương Chu.

Dịch thường khuyên: *Quân tử mà tranh với tiểu*

nhơn, thua là cái chắc! Tiểu nhon hơn người quân tử, ở chỗ họ rất khéo giả vờ làm người quân tử, trong khi người quân tử không bao giờ chịu làm kẻ tiểu nhon. Cố nhân thường khuyên: “*Mặc tín trực, trung trực; tu phòng nhân bất nhân*” (Đừng tin những kẻ hay nói về sự trung trực mà cho họ là hạng người người trung trực thực sự...) Họ đóng trò đấy! Đừng thấy họ thuyết về nhân nghĩa mà tin bằng lời rằng đó là hạng người nhân nghĩa thật sự! Trang Tử bảo: “Những kẻ nói Nhân Nghĩa là người khôn; những kẻ dễ nghe và tin Nhân Nghĩa là phuòng dại”.

Cũng bởi thiên hạ, ai cũng tôn trọng bậc Hiền nên những kẻ tiểu nhon thích đóng vai Hiền giả hầu được người người kính trọng, Lão Tử mới bảo: “*Bất thượng Hiền sử dân bất tranh...*” văn hóa miền Nam (là Trung Hoa) mà bị bại, phải chăng đúng theo lời của Kinh Dịch: Thắng là Bại, mà Đại thắng là Đại bại (les grandes victoires sont des grandes défaites). *Quân sự thua Văn hóa là thế.* Cho nên, nếu biết để nền văn hóa phuong Nam (quẻ Ly) đóng ở nội quái làm chủ, và để văn hóa phuong Bắc (quẻ Khảm) đóng ở ngoại quái, như trong quẻ Thủy Hỏa Ký Tế, một hình thức của quẻ Địa Thiên Thái, thì thiên hạ được thanh bình. Trái lại, nếu lại để cho văn hóa Bắc phuong (là quẻ Khảm) đóng vai chủ động (nội quái) còn đặt văn hóa phuong Nam ra ngoại quái, làm khách, đó là trạng thái quẻ Hỏa Thủy Vị Tế, một hình thức của quẻ cǎn là *Thiên Địa Bì: thiên hạ sống liên miên trong ly loạn và đói lạnh.*

Như ta thấy, ở quẻ Thái, nội quái là quẻ Kiền (tượng người quân tử) đang cầm quyền ở trong, và đẩy quẻ Khôn (tượng kẻ tiểu nhon) ra ngoài (ngoại quái) nên

thiên hạ thanh bình; còn quẻ Bĩ tượng trưng thời loạn, nội quái là Khôn, tiểu nhọn cầm quyền, mà quân tử là Kiền bị đẩy ra ngoại quái.

Tuy nhiên, Dịch đâu có phủ nhận hoàn toàn Văn học và Văn hóa Nhị Nguyên, mà gồm cả hai phần Bắc và Nam, Tây và Đông, nghĩa là cả 2 bờ túc cho nhau như Âm Dương vậy. Có quẻ Khôn đè quẻ Kiền, quẻ Thủy đè quẻ Hỏa, thì mới có tình trạng quẻ Địa Thiên Thái hay Thủy Hỏa Ký Tế, mới có trạng thái biến hóa sâu rộng Đạo học phương Nam. Có xung; có khắc mới có chuyển động, mới có biến hóa, mà có Biến mới có Thông (Hanh thông).

Trước cảnh điêu linh thống khổ mà cả nền văn hóa quốc tế bị nền văn hóa phương Bắc và phương Tây nói chung và cả Tây Bắc (thuộc Âm và Thái Âm) nặng về vật chất đã gây cho nền văn hóa phương Nam và phương Đông (nói chung là Đông Nam (thuộc Dương và Thái Dương) nặng về vật chất mất tinh linh, có người bi quan cho rằng văn minh tinh thần đã đến thời kỳ tiêu vong rồi và nhuòng chỗ cho văn minh vật chất, đưa đến chiến tranh nguyên tử.

Đó là bởi chưa thông Dịch lý mới có ý đó, nghĩ bi quan như thế, chử kẻ thông hiểu Dịch lý bao giờ cũng không quên câu “*Họa trung hữu Phúc*”, có Thái âm mới sinh được Thiếu dương; và như Lão Tử đã bảo:

*Tương dục hấp chi;
Tất cố trường chi;
Tương dục nhược chi;
Tất cố cường chi,
Tương dục phế chi,*

*Tất cõi hưng chi,
Tương dục đoạt chi,
Tất cõi dữ chi,
Thị vị vi minh...*

*Hòng muốn thu rút đó lại,
Là sắp mở rộng đó ra.
Hòng muốn làm yếu đó,
Là sắp làm đó mạnh lên.
Hòng muốn rút bỏ đó,
Là sắp làm hưng khởi đó.
Hòng muốn cướp đoạt đó,
Là sắp ban thêm cho đó.
Áy gọi là “ánh sáng huyền vi”*

Cho nên, *sự đàn áp có qui mô*, và nếu lại còn dùng cả vũ lực nữa, sẽ đã *chẳng những không làm yếu*, mà lại còn *làm cho nền văn học và văn hóa phương Nam càng ngày càng thêm hấp dẫn* (ngay đối với kẻ cố làm cho nó bị tiêu hủy). Ta thấy sau này, Âu Mỹ đã chân thành đổi hướng. Văn minh vật chất thế giới ngày nay mà âm khí đã đến thời kỳ cực độ, điểm Dương trong lòng Thái Âm đã và đang lần lần phát huy lực lượng tiên thiên của nó một cách ngấm ngầm và mãnh liệt. Bằng chứng: *Thiền học cũng như Lão học và Trang học, cả Dịch học đang phát sinh mạnh ở các nước Âu Mỹ, một số khá đông đại trí giả và thanh niên cấp tiến đã tỏ ra yêu chuộng Lão học và Thiền học cũng như Dịch học một cách say đắm chân thành.* Sách vở về Lão Trang và Thiền bên Âu Mỹ hiện nay in ra bao nhiêu, bán hết bấy nhiêu. Nhất là sau khi 2 nhà bác học Trung Hoa là Dương Chấn Ninh và Lý Chánh Đạo được lãnh giải Nobel về Vật lý vì đã

biết khai thác Kinh Dịch, thì người Âu Mỹ đua nhau đọc Dịch. Sách Dịch Kinh của Richard Wilhem hiện đã được tái bản lần thứ 4 chỉ trong vài năm.

Phải chăng đều nhờ quẻ Địa Thiên Thái và Thủy Hỏa Ký Tế, mà Đạo học được Khoa học nguyên tử làm cho thêm nhiều rực rỡ hơn xưa.

Khám Thủy (văn học Bắc phương mà đại diện là Khoa học nguyên tử) đã thấy như đúng ở thế thượng phong và sẽ đàn áp và giết chết quẻ Ly (văn học phương Nam mà đại diện là Đạo học) mà thực sự lại nhờ Khoa học vật chất ấy giúp mà Đạo học Đông phương trở thành vô cùng hấp dẫn cho cả hai bên Đông–Tây, Nam–Bắc.

Vai trò quẻ Ly và quẻ Khám trong vấn đề Trị Loạn thấy quá rõ ràng. Thiếu Khoa học Tây phương, Đạo học Đông phương đâu được trỗi dậy quá cao siêu như thế! Phật ngôn đã nói: “*Phiền não tức Bồ đề*”. Không có Nhị Nguyên, Nhất Nguyên không chuyển được phong trào đến cao độ như nay, cho nên học Dịch cần phải học Lão, mà cái học của Lão sở dĩ cao được cũng là nhờ ở Nho học phần lớn. Nên biết rằng Lão không chống Nho, mà nói rằng Nho chưa nói đủ: chỉ có phân nửa chân lý mà thôi.

10. Có một số người thắc mắc thành thật bảo với chúng tôi “Ở trong một xã hội mà tất cả đều hướng về vật chất chỉ còn lo cho những thực tiễn hằng ngày thì viết về Dịch, nhất là dịch lại bộ Kinh Dịch và chú giải dài dòng, để mà làm gì, không khéo lại là một việc dễ làm trò cười cho thiên hạ!”

Thật tâm, đúng như lời nói này của một học giả Tây phương nhưng rất thâm về Đạo học: “*L'exposé d'une doctrine, si favorable soit-il à cette doctrine, ne signifie*

pas qu'on souhaite qu'elle soit adoptée. Les docteurs du TAO le souhaitaient-ils eux-mêmes? Absolument pas, puisque l'Apostalat était ce qui leur répugnait le plus." (Trình bày một giáo lý nào, dù sự trình bày ấy có thuận lợi cho giáo lý đến đâu, cũng không có nghĩa là cầu mong nó được có người người thừa nhận. Chính các bậc uyên thâm về Đạo Học, họ có cầu mong được như thế không? Tuyệt đối là Không, vì sự Truyền giáo là điều mà họ kỵ nhất! Dù sau này có ai thích đọc nó, thì đọc; không thích thì thôi, "có đồng thính mới tương ứng, có đồng khí mới tương cầu" chứ nào ai truyền dạy được cho ai? Viết về Dịch, phải "vô cầu" là thế!

Thoát khỏi Nhị Nguyên, là thoát khỏi thi kiến phiến diện và méo mó của vấn đề Thiện Ác, Thị Phi, Vinh Nhục thì làm gì còn có sự Hiếu ố (ura ghét) nữa, ura thiện ghét ác, ura phải ghét quấy, ura vinh ghét nhục, và hon nữa, ura sống ghét chết, ura Lợi ghét Hại... trong khi thực sự cả hai là Một.

Nhờ đó mà lòng dạ được luôn buôn bình thản đối với sự đói đầy não loạn đảo điên đầy máu thuẫn. Nên gọi Dịch học là thứ Triết Lý của sự Giải thoát toàn diện.

Học Dịch, để làm gì? Để hiểu lẽ Trời (Thiên Lý), và để hiểu mình (Tự tri) hầu thực hiện được nguyên lý căn bản của đời người, là "Thiên Nhơn tương hợp", hon nữa "Thiên Nhơn Vi Nhất". Dịch, không phải là một bộ sách luân lý theo nghĩa thông thường Nhị Nguyên, không thiên hẵn về bên Thiện hay bên Ác, cho nên "Sống" không phải là "Phúc"; mà "Chết" cũng không phải là "Họa"; "Nên" không phải là "công"; mà "hư" cũng đâu phải là "tội". Một thứ Triết lý giải thoát toàn diện Nhán loại. Bởi vậy đọc Dịch và học Dịch sẽ làm

cho lòng ta trở nên *thán nhiên đối với bất cứ việc gì, tốt hay xấu, lợi hay hại...* Dịch học giúp ta thấy rõ chân tướng sự vật bao giờ cũng có hai mặt: không có cái Thiện nào mà chẳng có cái Ác của nó... Cả hai đều là *Lẽ Trời cả*. Về vấn đề Họa Phúc, Sinh Tử cũng vậy: Hễ có sinh là có tử, *chẳng những xen nhau sau trước, mà Sinh Tử đồng hiện lên một lúc*, Dịch gọi là “*phuong sinh phuong tử*”, cũng như trong câu: “*Nhất Âm, nhứt Dương chi vị Đạo*” có hai nghĩa: hết đêm đến ngày, hết ngày đến đêm tiếp tục nhau không thôi; “*Nhất Âm, nhứt Dương*” cũng có nghĩa “đồng có” một lúc, tức là *Âm trung hưu Dương, Dương trung hưu Âm*, Âm và Dương không bao giờ có trong tình trạng Cô Âm hay Cô Dương. Lão Tử đã bảo: “*Tri kỳ vinh, thủ kỳ nhục; tri kỳ hùng thủ kỳ thư; tri kỳ bạch thủ kỳ hắc*”. Cho nên, được Vinh thì phải đợi cái Nhục của cái Vinh ấy sắp đến chẳng sai... Như vậy, hãy *thán nhiên chấp nhận* những việc gì sắp đến: *hễ Vinh lớn, Nhục lớn; Lợi lớn, Hại lớn; Phúc to, họa to...* Nếu biết từ chối không nhận cái Vinh nào cả, thì làm sao có cái Nhục do cái Vinh ấy tạo nên... Do đó, mới có sinh ra thuyết “*bất đắc dĩ*” nghĩa là “*bất đắc bất nhiên*” của *Lão Trang*. Tóm lại, không cần học Dịch, vì học Dịch phải tốn nhiều công phu... *Cứ đọc và học Đạo Đức Kinh hay Nam Hoa Kinh, là đã đọc Dịch và học Dịch rồi...* Bằng học Dịch thêm, thì sẽ như gấm thêu hoa... đẹp đẽ thêm và tâm hoạt động của ta càng thêm hiệu quả rõ ràng hơn.

Dịch, đa dạng và đa dụng... là thế!

Đại để, theo sự sắp xếp của tiên hiền, loài người có 5 hạng (theo Arnold Keyserling):

1. *Bậc Hạ ngu*: Sống theo thiên tính loài vật, chỉ lo thỏa mãn dục tính, lo thụ hưởng triệt để văn minh kỹ

thuật. Hạng người này, không thèm đọc Dịch, có dùng đến Dịch chăng, là để *học khoa bói toán của nó*... chứ không sao học và hành nổi triết lý của nó. Mục tiêu đời họ, là chạy theo Danh và Lợi... Tình và Tiên, họ học Bốc phê dùng làm phương tiện tiến thân.

2. Hạng *Trung nhon*: Ý thức được có một ông Thánh bên cạnh con thú, và cố gắng để hướng thượng làm lành lánh dữ... thường là hạng “ba phải”, có thể suy tư theo bậc Thánh thiện, nhưng hành động theo dục tính con Thú.

3. Bậc *Thượng trí*: Tánh tình thanh cao, ít dục vọng. Đây là hạng người được gọi là **Quân tử**.

4. *Hiền nhon*: Được Tự Giác, còn biết lo độ tận chúng sinh. Nhà Phật gọi là Bồ Tát. Dù sao, vẫn còn cách biệt với đời, bởi còn thấy có Ta có Người, nên còn lo Tế độ quần sinh.

Tiến thêm một bước nữa: “*Thiên Nhơn câu vọng*” đó mới là hạng đã thực hiện được Tâm Hu (Thánh nhon).

5. Bậc *Thánh nhân*: Hạng người cao nhất, kể như đã hiểu Đạo; Lão Trang gọi là Chân Nhơn. Học Dịch, là để trở thành Thánh Nhân (le Saint). Họ là hiện thân của ĐÀO (gồm cả Âm Dương).

Bàn về hai nhà Dịch học đời Tống Châu Đôn Di và Chu Hi

Châu Đôn Di tự là *Mậu Thúc* (1017 – 1073), người tỉnh Hồ Nam. Sau về ở dưới núi Liên Hoa, thuộc Lư Sơn, ở đó có cái khe nước rất trong, ông bèn đặt cho nó cái tên là Liêm Khê, và tự lấy hiệu là Liêm Khê. Hậu Nho nhân đó mà gọi học phái của ông là Liêm phái.

Có điều đặc biệt, là *những gì* sờ *đắc* của ông, không ai truyền cho cả (ông là kẻ vô sự, thuộc loại người ở hào Dụng Cửu của quê Kiên: “quần long vô thủ”). Bởi vậy chỗ thích nhất của ông là cái học “vô sự” của Lão Trang. Đó là chỗ “đồng thinh tương ứng, đồng khí tương cầu” cho nên tánh tình ông rất thung dung hòa nhã, có tinh thần “vô khả, vô bất khả” không chịu buộc ràng bất cứ trong hình thức cố định nào. Ông có được cái học “Phá chấp” của nhà Phật Thiền tông.

Còn Chu Hi tự là Nguyên Hồi, sau đổi là Trọng Hồi, hiệu là Hồi Am (1130 – 1200), người tỉnh An Huy. Tánh tình rất nghiêm cẩn, lúc nào cũng cúc cung lễ nghĩa, qui củ hẳn hòi... Nhan sắc tuy trang nhã mà lời nói thì nghiêm khắc, đi thì thong thả mà luôn luôn chánh trực; ngồi thì đoan trang luôn luôn ngay chính đúng mực. Lúc nhàn cư, khi chưa sáng đã dậy sớm, mặc áo thâm, bịt khăn nếp, đi giày vuông, vào lạy gia miếu và các đấng tiên thành rồi mới lui ra ngồi ở thư phòng. Án thư để ngay ngắn, sách vở đồ dùng đâu đó chỉnh tề ngăn nắp. Lúc ăn uống thì đồ ăn thức uống dụng bày có định vị, cái thia (muỗng), chiếc đũa cất nhắc có thứ tự. Lúc nằm ngủ, không dám nằm ngửa, để Kính Trời... Mỗi khi nghỉ ngơi, thì ngồi ngay ngắn nhắm mắt định thần, nghỉ ngơi xong đứng dậy bước đi khoan thai mực thước, không vội vàng, không hoảng hốt, không lúc nào lìa bỏ phép tắc...” Người ta cảm thấy ông như “một người máy”, bất cứ hành động nào cũng có tiết điệu giống nhau theo sự chỉ huy của một cái lò xo. Trái xa, cử chỉ, hành động của Châu Liêm Khê, chí để ngoài tràn tục, thích chơi ở những danh lam thắng cảnh, nước biếc non xanh, sóng gầm thác đổ, lại ưa thích xem cái sinh ý tự nhiên của tạo hóa. Trước cửa chỗ phòng nhà

học, ông để cỏ mọc um tùm xanh tốt. Có người hỏi sao không nhổ bớt đi cho sạch lối, thì ông nói: “Dữ tự gia ý tú nhất ban” (Nó cũng giống như ý tú của ta vậy!) (Hãy để nó mọc tự do, đừng có dùng ý ta mà干涉 sự hoạt động của nó...) Phải chăng đây là ý sống tự do không can thiệp ngăn trở sự phát triển tự do của mọi vật? Phải chăng là ý nghĩa của hành động Vô Vi của Lão Trang? Phải chăng đây là Trang Tử mà mặc áo nhà Nho?

*
* *

Cái học của hai Họ, Chu Hi và Châu Đôn Di sở dĩ cùng gốc mà khác ngọn, bởi sự khác nhau của *hai tánh khí: ngoại hướng* (*Chu Hi*), và *nội hướng* (*Châu Đôn Di*).

Chu Hi, tượng quẻ Khảm (bị nhốt trong 2 hào Âm, chết lịm trong Khuôn thức); còn *Châu Liêm Khê* là *tượng quẻ Ly*, là cái học không câu nệ trong giáo điều nguyên tắc, khác nào như 2 Dương tan rộng ra ngoài giới luật.

Cái học của họ Chu có nhiều góc cạnh nên đụng chạm với mọi người; thiên dùng Lý Trí, thích biện luận dài dòng...; còn cái học của họ Châu không góc cạnh, tròn trịa nên hòa nhã thung dung, không ưa biện bác.

Sau Châu Liêm Khê, có Nhị Trình, là Trình Minh Đạo và Trình Y Xuyên cũng đều là bậc kỳ tài, nhưng tánh khí khác nhau: Y Xuyên thì giống tánh của Chu Hi; Minh Đạo giống tánh khí của Châu Liêm Khê. Về sau, cái học của Minh Đạo thành ra cái học của Lục Cửu Uyên và Vương Thủ Nhân.

Dịch lý chủ Biển, chẳng có gì mà chẳng biến như lời

nói sau đây của Héraclite: “*On ne peut pas descendre 2 fois dans le même fleuve, ni toucher 2 fois une substance périssable dans le même état car elle se disperse et se réunit de nouveau, se rapproche et s'écarte par la promptitude et la rapidité de ses changements* (Nº 87).” Câu này giống như câu nói của Khổng Tử đứng nhìn nước chảy dưới cầu: “*Thệ giả nhu tu phù, bất xá trú dạ!*” (Chảy mãi như thế này ư, ngày đêm mà không thôi!) (Người ta không bao giờ bước xuống một dòng nước hai lần giống nhau, cũng không thể rờ mó 2 lần một món vật mà sau như trước, nó đã tan đi, rồi tụ lại, gần lại rồi xa đi... một cách vô cùng mau lẹ). Có khác nào Trang Tử đã nói về “sự vật phương sinh phương tử” (sinh đó là tử đó, hợp đó là tan đó). Vậy phải học Dịch như thế nào để vừa “tự sinh tự hóa” chứ cứ nhốt sự vật đang biến vào một cái gì “nhốt chặt” trong khuôn, thì học và hiểu Dịch sao nổi! Ngay trong thuyết Biện chứng duy vật còn nói: “*Une doctrine qui n'a plus d'adversaires réels est une doctrine morte*”. (De Marx au Marxism, p.52). (Một giáo thuyết nào mà chẳng có những kẻ thật chống đối là một thứ giáo thuyết chết. Là vì chỉ còn có động mà không có phản động.

Về sau, trong một cuộc tranh luận giữa Chu Hi và Lục Tượng Sơn do Lữ Đông Lai tổ chức, Chu Hồi Am tâm sự với Lục Tượng Sơn: “*Hi, ngày nay ngày một già yếu, nhưng may thay, đã ít lâu có nhiều công phu mà không còn cái bệnh chi ly như trước nữa... Dù biết rằng cái học của mình có nhiều điều sai lầm gò bó muốn sửa đổi lại, nhưng vì quá già yếu nên không thực hành được!*”

Cái học của Chu Hi (như của Y Xuyên) quá chi ly vụn vặt theo từng nghĩa chữ, quá thiên về đường văn

tự, chứ không đạt đến cái Tâm học uyên thâm của người xưa làm ra Kinh Dịch. Tuy *về sau lúc đã già, ông mới tỉnh ngộ và biết hối lỗi, nhưng không còn thời giờ*: ông chết năm 1200 lúc được 70 tuổi. Thành kiến khó sửa đổi thật.

Phải nói *ông là một nhà bác học*, nhưng chưa phải đủ tư cách làm nhà Đạo học theo cái học “vô ngôn” của Dịch học.

Trình Y Xuyên lúc cùng anh là Trình Minh Đạo theo quan Đại trung coi đất Hàn Châu, đến tối vào ngủ ở một cái chùa, Minh Đạo đi vào cửa bên hữu, mọi người cùng theo cả về cửa bên hữu; Y Xuyên đi vào cửa bên trái, thì chỉ đi có một mình, không một ai chịu đi theo. Vào đến trong chùa, Y Xuyên nghĩ thầm: “Đó là chỗ ta không bằng anh ta!”. Người ta đi theo Minh Đạo vì ông khoan hòa, đại lượng, cho nên ai cũng muốn thân cận mà hóa theo; còn Y Xuyên thì quá nghiêm trọng thắc mắc, khó tánh, nhiều câu chấp... nên không ai dám gần, dù là thầy trò hay bè bạn.

Tánh của Y Xuyên hay câu nệ chấp nhất những điều nhỏ nhặt vụn vặt, nghĩa lý hẹp hòi câu nệ mà không biết tùng quyền... Xem như ông cố chấp một câu: “Khấp tất bất ca” (Khóc, thì không được hát) để phải bị Tô Đông Pha mắng giữa bá quan: “Cái anh Thầy đồ này láo quá!” làm cho ông phải cúi mặt bỏ đi ra một nước.

Tư Mã Quang mất, tang lễ cử hành rất long trọng. Ngày làm lễ phát tang cũng chính là ngày rước thần vị của vua Thần Tông vào Thái miếu. Triều thần dự lễ đó trước rồi mới qua điếu Tư Mã Quang.

Trình Di nổi tiếng là người rất nghiêm khắc, điều khiển tang lễ. Theo tục, các quan phải tới, đứng bên

linh cữu, khóc liền mấy tiếng. Trình Y Xuyên yêu cầu các quan đừng khóc, vì theo sách Luận Ngữ Thánh Khổng bảo, ngày nào đã khóc thì không được ca hát mà các quan hôm đó lại đã ca hát, ít nhất cũng đã dự cuộc tấu nhạc ở Thái miếu, nên cũng không được khóc. Tô Đông Pha cãi: “Nhưng Luận Ngữ không chép rằng ngày nào Đức Thánh đã ca hát thì không được khóc nữa”. Và mặc lời cấm của Trình Y Xuyên, Tô cầm đầu các quan, vẫn lại bên cạnh linh cữu Tư Mã Quang làm lễ rồi khóc.

Khi quay ra, Tô ngạc nhiên sao không thấy con trai Tư Mã Quang đứng đó để đáp lễ. Hỏi ra, thì cũng tại Trình Di đã cấm: con mà có hiếu thì khi cha mẹ mất, phải tỏ ra đau khổ vô cùng, không được ăn uống, đi đứng không nổi, nếu còn đứng đáp lễ các người phúng điếu, chẳng hóa ra còn khỏe mạnh, nghĩa là không thương xót cha mẹ? Trước mặt mọi người, Đông Pha bảo: “Ôi! Cỗ hủ thay, ông thầy đồ này!” Ai nấy đều mỉm cười, Trình Di bén lén bỏ đi. Lát sau vua Triết Tôn cùng Thái hoàng Thái hậu thân hành đến điếu, cũng đứng khóc bên linh cữu.

Người như thế làm sao hiểu nổi *tinh thần “vô chấp”* của Dịch lý: Quá khứ, là cái đã qua, qua rồi, không bao giờ trở lại: “Sinh sinh chi vị Dịch, chu lưu lục hư...” Như vậy, Trình Di chưa phải là người chân thật liều ngộ Dịch đạo, bởi Tri và Hành chẳng đi đôi, điều mà người Đông phuong Đạo học không chấp nhận.

Kẻ giáo điêu là người phản Đạo, cố “nhốt cái cũ lại” mà không cho nó biến... như trong Hệ từ hạ, chương 8 đã nêu lên tinh thần Dịch Lý: “*Sinh sinh chi vị Dịch*”, “*Vi Đạo dã, lũ thiền biến động bất cứ, chu lưu lục hư*,

thượng hạ vô thường; Cương nhu tương dịch, bất khả vi điển yếu, duy biến vi sở thích..."

Trình Di, vô tình với thái độ cố chấp và nê cổ, đã phản lại tinh thần “nhật tâm chi vị Thịnh đức, sinh sinh chi vị Dịch” rồi! Ông đã biến Đạo học của Dịch Kinh thành một Tôn giáo... Ông chỉ là một con người của lý thuyết, thuộc vanh vách sách xưa để nói lại chứ không phải để hành động. Đông phuong Đạo học không bao giờ chấp nhận có những con người ấy đại diện. Trong quyển *Tinh Hoa Đạo Học Đông Phương*, chúng tôi đã lưu ý rất kỹ lưỡng vấn đề này: “Con người, là một cái gì vô tận. Cuộc sống cũng vô tận. Sống là một cuộc thiên diễn, luôn luôn đổi mới Quá Khứ (cả những tri thức mà ta đã thu thập được trong kinh sách ngàn xưa để lại) không thể còn dùng được để nêu lên làm khuôn vàng thước ngọc, cho việc đối phó với việc xảy ra hiện giờ... Cái Sống đã là vô tận, tại sao bắt phải dừng lại? Cái “dừng lại” là cái đã chết. Cho nên cái mà ta gọi “bài học của lịch sử” vô cùng tai hại, hết sức sai lầm... Nhị Nguyên dạy “Nhớ”, cho nên cái học của họ là cái học “ôn cố, tri tân”. Nhất Nguyên dạy Quên (vi Đạo nhặt tổn, tổn chi hậu tổn dĩ chí ư vô vi...) vì có biết Quên Tâm mình mới thích ứng kịp với cái vạn biến của cuộc đời muôn mặt vô thường. Dịch đã bảo “Tẩy Tâm thói tang ư mật”, tức là khuyên ta, muốn nhận thức được Chân Lý của sự đời luân chuyển vô thường, phải biết “gột rửa con Tâm mình những mốc meo của quá khứ”.

Các nhà đạo đức hương nguyên (cõi Chu Hi và Trình Di) ưa cái việc lên án phê bình kẻ khác, và tỏ ra hần học đối với những ai không đồng quan điểm với họ về điều mà họ cho là phải hay quấy. Bao giờ họ cũng có một mẫu người lý tưởng mà ai ai cũng phải uốn mình

mô phỏng theo... Và bởi thế mà họ đã vô tình hay hữu ý biến cõi đời này thành một địa ngục trần gian (mà họ tin rằng thiên đường ở dương thế, mưu được cho nhân dân hạnh phúc).

Đọc Trình Truyện và Châu Dịch Bản Nghĩa của Chu Hi, nên đọc như đọc các sách nghiên cứu (livre de documentation) chứ đừng đọc như đọc Thánh Kinh của Dịch... Cái hay của sách Trình Di và Chu Hi là đây, mà cái dở của Trình, Chu, là phải cẩn thận ở chỗ ai cũng tin mình đã nắm được chân lý mà kẻ khác hiểu sai. Sách của hai họ Trình, Chu đều có những mâu thuẫn giữa Tri và Hành. Chính trong Dịch Thuyết Cương Linh, ta thấy có 2 điều mâu thuẫn đã nói trên đây: lý thuyết một đàng, hành vi một ngã, như khi kết luận, Chu Hi bảo: *Đọc Dịch phải có tinh thần vô chấp, biết giữ tâm lòng hư tĩnh*, nhưng hãy căn cứ vào sách của ta mới có thể hiểu Dịch mà thôi! “*Đọc Dịch trước hết, hãy đọc sách Bản Nghĩa của ta, rồi coi Trình Truyện để cùng tham khảo*. Nếu chưa đọc sách nào khác, mà được xem thuyết của ta trước sẽ dễ hiểu bởi *chưa bị các thuyết khác làm chìm đắm*”!

Ôi! Chiến tranh càng ngày càng lan tràn khắp chốn, là vì không một ai lại chẳng tin tưởng chỉ có mình là đã nắm được Chân lý tối thượng mà thôi! “Đời đục, một mình ta trong; đời say cả, một mình ta tỉnh”. Và đó cũng chính là điều mà cái gọi là Văn hóa và Giáo dục ngày nay đang lo thực hiện: *một công trình nhồi sọ tập thể... và cái bệnh “Thầy đời” là một căn bệnh trầm trọng nhất của thời đại, mà cũng là nguy hiểm nhất cho Nhân loại*.

Ảnh hưởng của Chu Hi thật to rộng, nhưng nên lưu ý kỹ, về chân diện mục của họ Chu và họ Trình. Họ chưa rõ thế nào là Nhất Nguyên lưỡng cực động của Dịch lý nên thiếu sự uyển chuyển.

Trần Trọng Kim cũng cùng một nhận xét như của chúng tôi. Ông nói: “*Trình Y Xuyên hay câu nệ tiểu tiết. Xem như ông “cố chấp” trong một câu “Khấp tắc bất ca” trong Luận Ngữ mà cãi nhau với Tô Đông Pha chứ không chịu lấy cái nghĩa “tùy thời chấp trung” mà hiểu, đủ rõ cái học của ông có phần quá chi ly vụn vặt*” (Nho Giáo, q.III, trang 219).

“*Cái học của Khổng Tử (hình nhi thượng) “vô nhập nhi bất tự đắc”, cái học “vô khả, vô bất khả” chỉ có Châu Liêm Khê và Trình Minh Đạo có phần tâm đắc thôii, chư như Trương Hoành Cù, Trình Y Xuyên và Chu Hồi Am thì thường quá thiên về đường qui thức, quá trọng về đường thượng lẽ và cù kính, nên thành ra quá câu chấp, quá bó buộc về mặt thủ cựu quá đáng, lâu ngày phải bị ú trệ*” (Nho giáo, q.III, trang 247). “Cái học của ông quá chi ly trong từng chữ từng câu, quá thiên về đường văn tự chứ không đạt đến chỗ tâm đắc của cái học Hình nhi thượng của Khổng Mạnh mà lúc sống chưa hề nói đến cho những đệ tử tầm thường. *Tuy về già, ông mới biết tinh ngộ thì không còn kịp thời giờ san định lại.* Trong quyển “*Cái Cười của Thánh Nhân*” chúng tôi đã cho nó cái tên là “*Văn học cẩn nguyên*”, thứ văn học của bọn khép nép chầu chực ở sân rồng còn kém xa “loài heo té”... (trang 20 và 21).

Việt Nam có mấy bộ Dịch do Ngô Tất Tố và Nguyễn Duy Tinh cũng đều không ngoài sự đề cao hai họ Trình Chu này, nên còn nhiều phiến diện, ta cần lưu ý.

Thế nào là *cái lợi tích cực* và *cái lợi tiêu cực*? và nhất là *cái hại tích cực* và *cái hại tiêu cực*? như chúng tôi đã viết, trong quyển “*Chu Dịch Huyền Giải*”, chương thứ I (Âm Dương Luận): “Áp dụng thuyết Âm Dương trong vấn đề xung đột giữa các thế hệ Già với Trẻ, ta nên hết sức lưu ý đến cái mà chúng ta thường gọi “*cái lợi tiêu cực*” và “*cái lợi tích cực*”; “*cái hại tiêu cực*” và “*cái hại tích cực*” (le bien actif, le bien négatif; le mal actif, le mal négatif). *Cái Thiện, cũng như cái Ác; cái Lợi, cũng như cái Hại, không có cái nào tuyệt đối Tốt hay tuyệt đối Xấu.* Dương, tượng trưng cho thần Thiện, nhưng tự nó có 2 mặt: *Thiện mà Ác. Âm, tượng trưng cho thần Ác, những tự nó cũng có 2 bộ mặt: Ác mà Thiện.* Có nhận thấy được *cái Âm trong cái Dương, cái Dương trong cái Âm; cái Họa trong cái Phúc, cái Phúc trong cái Họa,* mới là người tinh thông Dịch Lý, hiểu thấu được chỗ huyền nghĩa của Âm Dương.

Phần đông, học Dịch, ít có ai chịu để ý phân biệt kỹ vấn đề này: “*cái hại tiêu cực, cái hại tích cực*”, chính đây lại là điểm quan trọng vào bậc nhất khi ta bắt tay vào công việc tu thân và xử thế.

Ai mà chẳng biết: muốn thành công trong bất cứ một công trình nào, phải có được một tinh thần đại hùng, đại dũng. Nhưng muốn là người đại hùng đại lực cần nhất là phải biết câu: “*tri túc, tri chi*” (biết đủ, để mà dừng lại), bằng không, có thể sẽ thành một công trình đại hủy, đại hoại... vô cùng tai hại. Nếu ta hiểu được ai ai cũng có những tánh hay và tật xấu, hay nói một cách khác, ai ai cũng có những tật xấu trong những tánh hay của mình. Có tánh cương cường cương quyết, cũng dễ sa vào chỗ dở này, là tàn nhẫn và phá hoại, đó là chỗ thái quá của người quân tử.

Trong “Khổng Tử Gia Ngữ” có ghi câu chuyện sau đây:

“Một hôm Tử Hạ hỏi Khổng Tử:

- Nhan Hồi là người thế nào?
- Cái tin của Hồi hơn ta! Phu tử nói.
- Tử Cống là người thế nào?
- Cái lanh lợi của Tú hơn ta!
- Tử Lộ là người thế nào?
- Cái dũng của Do hơn ta!
- Tử Trương là người thế nào?
- Cái nét trang nghiêm của Sư hơn ta!

Tử Hạ bèn đứng dậy, hỏi: Thế thì tại sao bốn gã ấy lại đến đây học với Thầy?

Phu tử nói:

– Ở đây, ta bảo: *Hồi, chỉ biết tin mà không biết nghĩ lại. Tú biết lanh lẹ, mà không biết lúc cần phải chậm chạp; Do chỉ biết dũng cảm mà không biết có lúc nên nhút nhát; Sư có nét quá trang nghiêm mà không biết ứng dung để hòa đồng với mọi người.* Gồm tất cả những cái hay của bốn gã mà ta không bằng để đổi lấy cái của ta không bằng bốn gã, ta không bằng lòng đổi, nên bốn gã phải thò ta làm Thầy!”

Phu tử bao giờ cũng có cái thái độ “vô khả, vô bất khả”, hòa nhã mà vẫn tôn nghiêm, khoan hoảng mà vẫn cương nghị...

Bàn về vấn đề Lợi Hại, cần nhất là biết phân biệt rõ, thế nào là “*cái hại tiêu cực*” và “*cái hại tích cực*”. Xin thử lấy vài thí dụ thông thường: Trong xã hội loài người tuy phúc tạp đa đoan thật, nhưng tựu trung chỉ có 2 hạng người: *hướng nội* và *hướng ngoại*, tức là hạng bảo thủ và hạng cấp tiến. Người già với nhiều kinh nghiệm nên phán xét già dặn thực tế, tự nhiên khuynh về óc bảo thủ và dè dặt. Người trẻ nhiều nhiệt huyết dễ hăng say, lại thiếu kinh nghiệm nên nhiều lý tưởng xa với thực tế, thích tự do vô điều kiện, rất ghét sự gò bó và kỷ luật nên thường có đầu óc cấp tiến (tiến mau, tiến lẹ) nên thích nổi loạn và chống báng thần tượng. Họ thích “*làm “cách mạng” để cách mạng*”. Đối với chánh quyền khi chưa cướp được chánh quyền thì ai cũng ghét sự bảo thủ, nhưng khi nắm được chánh quyền, thì lập tức không muốn có kẻ muốn phá chánh quyền, nên họ dễ trở thành bảo thủ rất mau lẹ, họ không ưa bọn trẻ bên ngoài chánh quyền làm cách mạng. Tóm lại, chánh quyền nào cũng bảo thủ cả, xem bọn làm cách mạng là kẻ làm trái ngai cho chế độ và trật tự. Cho nên, óc cách mạng không lợi cho bọn người bảo thủ, đó là “*cái hại tiêu cực*” của họ. Cũng như óc bảo thủ của bọn người già là “*cái hại tiêu cực*” cho những phong trào cách mạng quần chúng và của bọn trẻ cách mạng. Nói cách khác, cái gọi là “*hại tiêu cực*” là cái hại chỉ *làm trái ngai* mà thôi.

Như vậy, phải làm sao cho đúng Đạo? Dịch bảo: Phải biết cho đó, chỉ là “*cái hại cần thiết*” cần phải chấp nhận.

Bảo thủ và cấp tiến, là cặp Âm Dương cần phải có, để nương nhau mà sống, không thể bỏ qua một trong hai

yếu tố này, xã hội mới có thể gọi được là lành mạnh. Không có óc bảo thủ thì xã hội dễ đi đến sự phá vỡ tan tành. Mà nếu không có óc cách mạng và nổi loạn của tuổi trẻ thì xã hội cũng dễ đi đến mục nát và ung trệ. Bất cứ trong một xã hội lành mạnh nào cũng phải có 2 phần: bảo thủ và cấp tiến, trì kéo nhau để giữ cho xã hội được quân bình.

Bàn về Phép dịch Bộ “Dịch Kinh Tường Giải” và lý do soạn nó

A. Thiết nghĩ ở thời đại Quốc tế ngày nay, nhất là ở những nước nhỏ, như ở Thụy Sĩ (Suisse) chẳng hạn, ngoại ngữ là phần tối quan trọng, người Việt Nam phải cần biết được nhiều ngoại ngữ, biết được càng nhiều ngoại ngữ càng quý. Nhưng theo tôi cần nhất phải thật tinh thông 3 ngoại ngữ sau đây: 1/ Chữ Hán đứng đầu (bởi sách Dịch viết bằng Hán văn); 2/ Kế đó là chữ Pháp (Pháp ngữ là văn tự của văn minh cao nhất đại diện cho văn hóa La-tinh); 3/ Hàng thứ ba, là chữ Anh (Anh ngữ là ngôn ngữ có tầm quốc tế trong sự giao tế và đại diện cho văn minh “anglo-saxon” thực tiễn).

Trong lúc viết quốc văn, chúng tôi hay chua cạnh bên Pháp ngữ tương đương là muốn cho bạn đọc biết rõ gốc gác các sách đã trích (để được uống nước về nguồn), cũng như các câu văn chữ Hán dịch ra quốc văn cũng được ghi thêm bằng Hán ngữ hay Anh ngữ. Pháp ngữ gốc văn hóa tối cổ bắt nguồn từ văn hóa La Hy. Có nhiều chữ rất khó dịch vì trong Tự điển Việt Nam không có chữ tương đương. Chúng tôi thấy có nhiều dịch giả dịch rất sai, như chữ Bát Nhã là do chữ Prajna Ấn Độ, sách Tàu âm lại nhưng viết nên có

nhiều dịch giả đọc sai là “*Ban nhược*”. Dịch chữ này, chúng tôi dịch “Bát Nhã” có dấu ngoặc đố (Prajna). Các chữ mới trong khoa học cũng để y nguyên văn. Độc giả có thể biết để tra tự điển chữ Pháp, chữ Hán hay chữ Anh. Vì ngại mình dịch ý mà sai nghĩa nên luôn luôn không dám quên ghi vào cạnh văn tự gốc của nó. Ngay trong các sách Tây phương, vẫn phải để y nguyên văn, như chữ Thái Cực, R.Wilhem dịch “le Tai Ki” (le Grand Commencement). Quẻ Kiền, thì ghi “K'ien”; quẻ Khôn, thì ghi K'ouen... Cách làm việc và ghi chú này là phương pháp “*liêm sỉ tinh thần*” cao nhất (honnêteté intellectuelle).

Lại cũng xin thưa rằng: lầm đoạn văn phần chánh văn hay tuyệt không làm sao dịch nổi, bất quá là dịch ý nhưng lại mất sự thâm trầm của chánh văn, nên đành phải để y chánh văn... “*Văn dịch, là phản*” (*Traduire, c'est trahir*), điều mà các dịch giả lỗi lạc cõ Richard Wilhem cũng phải thú nhận...

Nhà văn Okakura Kakuzo có viết: “*Une traduction est toujours une trahison, et, comme le remarque un auteur Ming, ne peut-être, si bonne soit-elle, que l'envers d'un brocart; tous les fils y sont, certes, mais point la subtilité de la couleur et du dessin.*” (Phiên dịch, luôn luôn là một sự phản nghịch. Phiên dịch dù hay đến đâu, cũng chỉ có thể ví như bề trái của một thứ gấm thêu, chẳng thiếu một sợi to nào, nhưng chỉ thiếu cái tinh xảo của màu sắc và kiểu họa.

B. Điều tối quan trọng cuối cùng là đọc Dịch hay học Dịch cần phân biệt rõ thế nào là *Dịch Nhất Nguyên* và *Dịch Nhị Nguyên*... Nói là có 2 thứ Dịch, nhưng hai loại ấy là Một như *một Lý một Biểu*.

Cần lưu ý kỹ điều này: chỗ Bất Biến của Dịch là Dịch Nhất Nguyên, là Vô cực chi đạo; còn chỗ Biến của Dịch Nhị Nguyên, là Thái Cực, Luõng Nghi của Đồ Thái Cực.

Người nghiên cứu về Dịch, xưa nay, trừ Châu Liêm Khê ít thấy ai dám đề xướng “*Vô cực nhị Thái cực*”. Vô cực là Nhất Nguyên.

Trong quyển *Chu Dịch Huyền Giải*, chúng tôi đã lưu ý đặc giả về sự cần phân biệt thật kỹ vấn đề này. Xin nhắc lại: “*Sở dĩ chúng tôi nhấn mạnh về sự phân biệt giữa Nhị Nguyên và Nhất Nguyên*, nghĩa là giữa Huyền bí học (Occultisme) và Huyền học (Mysticisme) là vì bấy lâu nay giữa Khoa học (gọi là chính xác (sciences exactes) và Khoa huyền bí học có *sự xô xát nhau* (như trường hợp điển hình giữa nhà khoa học chính xác Marcel Boll và nhà văn huyền bí học khét tiếng Dom Néroman; nhưng *thật sự hai cái học này cùng trong một hệ thống Nhị Nguyên: Huyền bí học chỉ là một sự nối dài của khoa “Khoa học chính xác”*. Khoa học chính xác chỉ dừng lại chỗ hữu hình và hữu thính; còn Huyền bí học thì đi sâu vào cái gọi là “vô sắc, vô thính” mà thực sự cũng chỉ là “thinh và sắc mà tinh nhí hon”... Với máy móc tối tân của khoa học chính xác ngày nay người ta có thể bắt được các làn sóng như ở vô tuyến truyền hình... còn các nhà huyền bí học, với giác quan thứ sáu (sixième sens) hay giác quan thứ bảy (septième sens) của các nhà linh giác, linh thị (clairvoyance et clairaudience) v.v... Các nhà huyền bí học đi xa hơn kẻ chỉ có ngũ quan thường... đi sâu được vào chỗ gọi là “ultra-sons”. Nếu khéo tập luyện ta có thể theo kịp những “mụ đòn bà đốt nát” nhưng có giác

quan linh thị cõi các cô gái Bohémiennes đoán tương lai như thần... nhưng không phải là bậc Thánh nhân! Bởi chưa phân biệt rõ vai trò hay sứ mạng của Khoa học, Huyền bí học, và Huyền học (Đạo học); và cũng vì chưa nhận rõ được sự liên lạc giữa Khoa học và Huyền bí học cũng như vì chưa phân biệt được *sự khác nhau to tát* (la Grande Différence) giữa *Huyền bí học* với *Huyền học* (tức là chưa hiểu rõ thế nào là Tam Huyền học của Triết học Trung Quốc nên thay vì theo Huyền học (Đạo học) của Lão Trang ta lại sa vào mê hồn trận của Đạo giáo lấy Y, Bốc, Tinh, Tuồng làm Chánh đạo, trong khi chúng chỉ là những phụ thuộc hay phuơng tiện mà thôi, đừng vướng mắc.

Bởi trong Dịch Kinh có phần *Bốc Phệ, đừng làm nó là Chính* mà *dè cao* đến *đối* bị sa vào mê hồn trận của nhóm “*Bốc phệ tả đạo bàng môn*” đã và đang như sóng vỗ bờ tràn ngập, thiêん hạ hiện đang đổ xô vào cái học Tử vi, Bốc Dịch và Địa Lý... hầu nuôi tham vọng cầu Danh trực Lợi... trong thời Hắc ám (Thái Âm đầy Ma Khí) ngày nay. Cho là cái học của đám “mê tín dị đoan” là đúng! Nhưng cũng sai. Là vì, từ thời Thái Âm qua thời Thiếu Dương, ta đang trải qua một thời kỳ *hủy diệt và ngưng động* (Pralaya) mà *Hoàng Cực Kinh Thế* gọi là thời *Bế Vật*. Lúc này Dịch Kinh khuyên ta: “*Thiên Địa bế, Hiền nhon ẩn*”, ta lại thấy, con rắn sắp chết nên vãy vùng dữ tợn lấm, như trường hợp ngày nay các khoa huyền bí đang phát động và lan tràn vô cùng mạnh mẽ. *Huyền bí học, phải chăng là thành trì cuối cùng của Bản Ngã* đang dãy chết. Dọn đường cho một kỷ nguyên mới sau này, mà chúng tôi gọi là thời Thiếu dương, hiện trong Phật Giáo có “*Thiền học*” trỗi dậy, trong Huyền bí học có Krishnamurti đã phá hủy

cái học huyền bí của Thông thiên học ngày nay. Vương Bật có lý khi bác phần Bốc phê.

Bộ *Dịch Kinh Tường Giải* hôm nay là để giúp con người đi vào Dịch của Nhất Nguyên (gồm cả *Nhi Nguyên*, mà đại diện là Trình Di “*thiên nhon tương hợp*” và *Dịch Nhất Nguyên*, mà đại diện là Trình Minh Đạo “*thiên nhon vi nhất*”).

Đi theo Dịch Bốc để rồi phải thoát khỏi Bốc phê chứ không nên chết theo Bốc phê mà biến thành bọn “Bàng Môn” (cửa một bên, chứ không phải là Chánh môn, vì Chánh môn thực sự là “Vô Môn” vậy. Bọn người “say mê” Khoa Bốc phê, Arnold de Keyserling sắp họ vào hạng “Hạ ngu” (nói về 5 loại người đọc Dịch hay học Dịch) rất đúng ở điểm này.

Bởi đã dự bị cho thời Thiếu dương, nên mới có soạn ra bộ “*Thiền đạo Tinh hoa*” và “*Dịch Kinh Tường Giải*” này.

Trước đây, khi soạn xong bộ *Dịch Học Tinh Hoa*, chúng tôi đã lưu ý các bạn đọc: Dịch học có 2 con đường “đi ra” và “đi về” (“*Thệ viết Viễn; Viễn viết Phản*”). Cho nên, đọc *Dịch học tinh Hoa* rồi, cần đọc thêm quyển *Tinh Hoa Đạo Học Đông Phương* (quyển bổ túc cho Dịch Học tinh Hoa). Quyển *Tinh Hoa Đạo Học Đông Phương* chuyên bàn về cái đạo “đi về” của Dịch, tức là phần cuối cùng của con người trên con đường tìm hiểu và thực hiện đạo Dịch nơi mình, mà một bậc tiên hiền gọi là “*Kỷ Dịch*”.

“*Dịch Kinh Tường Giải*” là đạo “đi ra”, còn “*Thiền Đạo Tinh Hoa*” là đạo “đi về”, vì “*Thiền Đạo Tinh Hoa*” là để bổ túc cho quyển “*Tinh Hoa Đạo Học Đông*

Phuong". "đi ra" là hướng ngoại (extraversion); "đi về" là hướng nội (introversion).

Phần này *Nội hướng* và *Ngoại hướng* cần nói thêm cho rõ ràng dễ hiểu hơn, không đâu bằng câu nói này của Lão Tử: "*Tri nhon giả Trí, tự tri giả Minh*" (Biết người là người Trí; biết mình mới là người Sáng).

Chính người học Phật ngày nay cũng đã chua bao giờ thật để ý đến sự phân biệt ấy? Trong "*Lục Môn Thiếu Thất*", Bồ đề Đạt Ma (sơ tổ Thiền Trung Hoa) đã quả quyết: "*Nếu chưa Kiến Tánh, thì niệm Phật, tụng Kinh, chay lạt, giữ giới đều vô ích! Niệm Phật, thì được công quả tốt (sự thật không chối cãi)! Tụng Kinh, thì Tâm Trí được thông. Giữ Giới, thì được sinh lên cõi Trời (tức là cõi Thiên đường trên dương thế, sống trong nhung lụa, cực điểm giàu sang, ăn trên ngồi trước như các bậc đế vương...), Bố thí, thì được phúc báo... Nhung, tìm Phật như thế, không bao giờ gặp Phật! Là vì, Phật tại Tâm! Chớ lầm bái lạy những thần tượng bên ngoài!*" (*Lục Môn Thiếu Thất, Huyết Mạch luận*, trang 114–133).

Câu chuyện Thiền trên đây, đã nói lên thế nào là *ngoại hướng* (thuộc *huyền bí học*); thế nào là *nội hướng* (Kiến Tánh thành Phật) của Phật Giáo. Các thứ học khác cũng do đó mà suy ra.

Đọc Dịch mà được thích thú và thực tiễn một cách tầm thường nhất phải chăng là phần mà Dịch Kinh dành cho ta về *đạo Dưỡng sinh*?

Phép tu dưỡng cao hơn phần Y thuật. Dịch Kinh đã đề cập đến vấn đề này đại khái ở các quẻ *Tinh*, *quẻ Cấn*..., *quẻ Nhu*, *quẻ Di*, *quẻ Đinh*... nhút là *quẻ Vô Vọng*, mà ta không thể bỏ qua hay lơ là được.

Dưỡng sinh đạo theo Dịch Lý, phải gồm đủ Âm Dương, cương và nhu, cho nên phép Tịnh tọa cần phải được tiếp nối bằng phương Thái Cực Quyền. Thậm chí bàn về cái đạo “nội Thánh, ngoại Vương” của Dịch học, kẻ học Đạo không thể là người ly thế gian tướng mà vừa Tịnh vừa Động (nội thánh là Tịnh, ngoại vương là Động, tức là Hành đạo). *Hành động một cách Tự nhiên, vô cầu vô tướng (vi nhi bất thị).*

Người ta chỉ lo luyện Thái cực quyền mà không biết phép Tịnh tọa là hữu Dương vô Âm (công phu không sao thành tựu được) mặc dù Tịnh tọa pháp đưa ta đến quẻ Phục (phục kỳ kiến thiên địa chi tâm hồn). Trong bộ “*Thái cực quyền nghiên cứu toàn tập*” đã nêu rõ điều này.

Nên biết: Đạo Đức Kinh là căn bản của Thái Cực Quyền, là bộ Dịch Kinh thứ hai, về sau Ngụy Bá Dung dùng làm căn bản cho bộ Tham đồng Khế (phái Đạo giáo).

Theo Dịch, có Âm Dương, nhưng Âm lại là Dương, Dương lại là Âm, vì “Âm trung hữu Dương căn, Dương trung hữu Âm căn” (Dương căn, là Thiếu Dương nên rất mạnh; Âm căn, là Thiếu Âm cũng rất mạnh) vì vậy trực Tý Ngọ rất mạnh, trực Mèo Dậu thì Âm Dương bình quân nên gọi là Xuân phân và Thu phân, còn Tý Ngọ gọi là Đông chí và Hạ chí (“Chí”, là cực độ).

Thái cực quyền tuy Động mà gốc ở Tịnh; còn Tịnh tọa tuy Tịnh mà gốc là Động (Tịnh cực Động sinh) hào Dương của quẻ Khảm rất mạnh, hào Âm của quẻ Ly cũng rất mạnh, nên công phu của Đạo gia chú về 2 giờ Tý Ngọ làm Chánh, mà Mèo Dậu làm Phụ). Ta thấy các Đạo sĩ luyện công bao giờ cũng quý nhất là 2 giờ

Tý và Ngọ (trục Tý–Ngọ) bao giờ cũng là trục của Kiền Khôn: quả Đất xoay tròn cũng theo trục này. Ai đã từng nghiên cứu khoa Chiêm tinh Trung Quốc (Astrologie Chinoise) đều hay nhìn kỹ trục Tý Ngọ, và Mạng ai được nằm ngay trục ấy... đều là “đại quý” vì *được 2 cung Sưu Mùi nhị hợp sinh nhập, độ số được tăng gấp bội*. Đọc Hán Sở tranh hùng, Lưu Bang cùng Hạng Võ phải chăng đều được Mạng cư Tý Ngọ, nhưng cuối cùng Lưu Bang thắng Hạng Võ nhờ giờ sinh của Lưu Bang ở trục Tý Ngọ mà Hạng Võ ở trục Mèo Dậu.

Lưu Bang tuổi Ngọ, sinh giờ Ngọ, mạng đóng ở cung Ngọ, Thân Mạng đồng cung với cách Tử Phủ Vũ. Tướng bảo không phải là Chân Mạng Đế Vương sao? Còn Hạng Võ (Sở Bá Vương), tuổi Mèo, sinh giờ Mèo và tuy Mạng đóng ở cung Ngọ, nhưng với cách Cơ Nguyệt Đồng Lương thì bảo không thua xa Lưu Bang sao được? Kẻ biết được vận số Trời Đất là Trương Lương mới nói: “Tôi tìm Chúa Thánh mà thờ!” nên về với Lưu Bang và kéo theo lũ Tiêu Hà và Hàn Tín.

Ta thấy, học *Dịch* mà thiếu cả 4 môn *Y, Bốc, Tinh, Tướng* khó mà hiểu được toàn diện *Dịch Lý* (*Thiên cơ* hay *Thiên lý*).

Về 4 môn “*Y, Bốc, Tinh, Tướng*” ta cần phân biệt *Y* có 2 thứ: một cái theo Tự nhiên, một cái theo nhân vi giả tạo (cần đọc kỹ quẻ *Thiên Lôi Vô Vọng*); *Bốc* cũng có 2 thứ: bốc để tiên liệu, và bốc mê tín đi cầu danh lợi (đi làm nhà thầy bói nói chuyện hoang đàng); “*Tinh*” cũng có 2 thứ, Tinh tú học lại sa vào mê tín và tìm hiểu công danh sự nghiệp và đầu cơ, khiến con người trở thành ngu mê tìm ảo vọng, làm giàu cho bọn thầy bói, bọn trí thức nửa mùa tâm hồn sa đọa *thừa nước đục thả câu*

(nghề Bốc, Tinh, Tướng đang làm giàu) trên đau khổ bọn “ngu phu, ngu phụ”, mà kẻ học bói Dịch bị liệt vào hạng “Hạ ngu”. Luong tri con người chưa lúc nào tệ hại như ngày nay: “hay” nhiều thì “dở” cũng nhiều: “Y, Bốc, Tinh, Tướng” đưa người lên gân bắc Thánh nhân, mà nó cũng đưa người vào hố sâu của tội lỗi!” Cho nên Dịch chủ trương “lợi to” thì “hại cũng to”. Không quẻ nào mà Thánh nhơn tác dịch không răn đe khuyên nhủ. Thường ta có câu: “Nhất thế Y, tam thế công hầu; nhất thế Y, tam thế suy”! Tạo Phúc cũng nó, tạo Họa cũng chính nó. Y Sư lương thiện, hạnh phúc cho nhân dân không biết chừng nào; mà Y Sư thiếu lương tâm thì nguy hại cũng không biết chừng nào! Cao quý thay, mà cũng hạ tiện thay! Đó cũng là *Bè mặt và Bè trái* của sự đời, mà Dịch học gọi là *tình trạng “lưỡng cực”* (*ambivalence*). Thượng đế và Satan (quỷ vương) tức là *một Sinh một Sát* của Âm Dương lưỡng cực! “Tri cực, loạn sinh”, mà “Loạn cực, tri sinh”... Dịch học “đáo đế” là thế, và chẳng bao giờ sai chạy.

Trước đây, tôi có đã lưu ý việc này, trong Dịch Học Tinh Hoa:

“Ôi! Kinh Dịch rồi đây sẽ bị bọn thầy bói “mu rùa” mà chết; nhưng, cũng chính nhờ bọn họ mà nó còn sống vất vưởng đến ngày nay! Cái dở và cái hay của nó là đó.” (xem thêm *Dịch Học Tinh Hoa*)

Tại sao trong 5 loại người liên quan đến Dịch học, hạng thầy bói hay bị loại vào hạng Hạ ngu, mà Lão Tử gọi là “hạ sĩ”? Đạo của Dịch rất to rộng, họ là hạng người sở dĩ đến với Dịch là để lợi dụng khoa Bói toán của Dịch để tiến thân, cầu Danh trực Lợi, để bóc lột bọn ngu phu ngu phụ ngày đêm nom nớp tương lai mà họ muốn biết

lúc nào họ được công danh phú quý. Bọn dân u mê ám chuồng đòi hỏi noi khoa Bốc phê như vậy, cho nên theo luật cung cầu mới có sinh ra đám người làm nghề Thầy bói chuyên nghiệp. Tôi ác và nghiệp chuồng của họ là nuôi dưỡng lòng khao khát nhân dân ngu muội, thay vì cần làm cho dân “tỉnh”, lại cố làm cho dân “mê”.

Trong quyển *Dịch Học Tinh Hoa*, tôi đã cảnh giác: “*Đến ngày nay, trong dân gian cũng như trong hàng trí giả, Dịch vẫn còn được hiểu chỉ là một bộ sách bói không hơn không kém. Một số người hiểu được nhược điểm hiện thời của đa số con người đang sống khắc khoải của một ngày mai tối đen mù mịt, đỗ xô vào con đường bói toán, không phải để tìm hiểu sự thật mà chỉ để tìm an úi để sống “cầm hơi” trong thời nhiễu nhương không tiền khoáng hậu này. Tin “dị đoan” đã thành một nhu cầu tâm lý, cho nên phong trào bói toán đã được lan rộng một cách đáng lo ngại...*”.

Y, Bốc, Tinh, Tướng giúp cho con người thành Thánh, mà theo luật Lưỡng Cực cũng giúp cho con người dễ bị sa đọa mà thành lũ ma vương. Phải chăng căn bản của Dịch Lý là “Thiên Nhơn tương hợp”! Kẻ đọc và học Dịch, há không đề cao cảnh giác hay sao? Tôn Tẩn thành Tiên, Bàng Quyên thành “Quỉ không đầu” cũng đều do cái học của Quỉ Cốc tiên sinh truyền dạy.

Đào Uyên Minh (tức Đào Tiềm) đã nói: “Đại Nhơn tiên, bất khả ngôn Mạng” (Đừng bàn đến số mạng trước mặt bậc Đại Nhơn). “*Đại nhơn*”, là ám chỉ hạng người “thoát tục” nghĩa là thoát khỏi “nhị nguyên luận”.

Ngày xưa, những bậc Tôn Sư chân chánh, dù đối với đệ tử thân tín nhất của mình, nếu muốn tiết lậu Thiên cơ đều dùng “cẩm nang” trao cho đệ tử, khi

gặp việc mới được mở ra... Các câu Sấm bao giờ cũng bao bọc trong một tấm màn kín, và chỉ khi nào câu chuyện xảy ra mới hiểu được. Sấm Trạng Trình, sấm Nostradamus, sấm của Thánh Malachie... đều dãy dày vẻ mơ hồ rất khó hiểu.

Bất cứ thời nào, những bí ẩn của Vũ trụ phải *được truyền khẩu cho những ai xứng đáng*, và *giữ thật kín*: kẻ nào phạm vào luật “tri giả bất ngôn” *đem phổi biến cho nhân dân, kẻ áy phải bị tử hình* (le manquement à ces secrets initiatiques était puni de mort). Trong *Apocalypse* (Tận thế) của Kinh Tân Ước có ghi: “Aux temps de la Fin des Mondes, il sera donné à l’homme de découvrir le secret de la Matière.” Thời Tận thế, loài người mới tìm ra và *phổi biến những bí mật của Vật chất* nên trước sau gì cũng sẽ chết về những phát minh và *truyền bá áy* của mình cho thiên hạ. Việc áy đã và đang xảy ra mà thiên hạ đâm ra lo âu, sợ hãi về cái nạn “chiến tranh đầu đạn nguyên tử” như đầu tiên Nhật quốc đã ném qua với vụ thả bom nguyên tử ở Hiroshima và Nagasaki năm 1945 sau khi phe quân phiệt Nhật khai chiến với cả vùng Thái Bình Dương, Đông Nam Á và cả Mỹ quốc bằng trận Pearl Harbor lịch sử! Tạo “nghiệp dữ” thì lãnh “nghiệp dữ”, đó là luật Phản Phục (loi du Choc en Retour) – có gì lạ!

Cách đọc các Quẻ:

Có 2 cách đọc các Quẻ trong Dịch Kinh

1. Nếu ta tin vào Bốc Phệ, thì mỗi quẻ chỉ cho ta con đường nên đi... để xu kiết di hung. “Vật cùng tắc biến” không có việc gì bế tắc mà không có chỗ thoát cả.

2. Trái lại, nếu ta không tin Bốc phệ, nên đọc theo phép cấu tạo các Quẻ; hoặc theo thứ tự của mỗi quẻ mà phần Tự quái đã ghi khá kỹ... Tại sao có mâu thuẫn? Là vì có mâu thuẫn mới có giải quyết các bế tắc.

– Như thời *Loạn đầy binh cách*, cần đọc quẻ Sư, sau thời binh cách sắp đến thời bình, nên đọc quẻ Tí (tiếp quẻ Sư) để chọn lựa bậc cầm quyền tối cao như hạng lương tể, để biết rõ con đường kiến thiết lại.

– Đọc quẻ Sơn Trạch Tốn phải đọc thêm liền quẻ Phong Lôi Ích, nên biết Tốn do quẻ Thái mà ra, còn quẻ Ích do quẻ Bĩ mà ra, dĩ nhiên phải đọc 2 quẻ Thái và Bĩ với nhau, và Ích Tốn với nhau cùng một lượt.

– Đọc quẻ Khảm phải đọc quẻ Ly, đọc quẻ Tiếu Quá phải đọc liền quẻ Trung Phù, đọc quẻ Sơn Lôi Di nên đọc thêm liền quẻ Đại Quá. Nghĩa là phải để ý về sự liên quan này. Đây là những quẻ *Bất dịch* (hay là những quẻ Căn của các quẻ Biến dịch).

Nên biết: các quẻ xấu nhất lại là những quẻ thường chuyển ra tốt nhất, các quẻ tốt nhất lại có khi sẽ trở thành những quẻ xấu nhất. Tỉ như còn gì xấu bằng quẻ Cố vì Cố là hủy hoại, là mục nát... Vậy mà sau cùng Cố lại là nơi sinh ra các bậc Hiền Thánh trên đồi. Quẻ Tuy là Tu, mà cũng là để mà Tán.

Đọc Dịch cần lưu ý kỹ về *luật Luồng cực* (*loi de l'Ambivalence*) hay *luật Phản Phục* (*loi du Choc en Retour*), tỉ như trong 64 quẻ của Dịch, còn quẻ nào tốt bằng quẻ Phong (Lôi Hỏa Phong)? Phong, là thời của Văn minh cao nhất (époque de la plus haute civilisation), văn minh đến hồi cực thịnh, vậy mà Thoán, Hào, Tượng đều xấu là phần nhiều, lời răn đe

lại cũng rất nhiều. Là vì *mầm Họa thường núp trong Phúc: Phúc nhở, Họa nhở; Phúc to, Họa to...* (Xin đọc lại kỹ bài “Lời nói đầu” của quyển Dịch Học Tinh Hoa). *Đây là quẻ cực kỳ quan trọng, đường như viết ra cho thời đại “cực văn minh mà cũng là cực dã man” của chúng ta ngày nay.* Anh đã là người đại thắng ư? Coi chừng, anh sắp đi vào con đường đại bại đấy! Cứ giờ Lịch sử mà xem, ta sẽ thấy rất rõ ràng lẽ ấy!

Đọc Dịch để hiểu rõ lẽ mâu thuẫn của cuộc đời, nhất là *lẽ mâu thuẫn của Lòng người và Lòng mình*, mới hiểu tại sao Thánh Hiền ngày xưa khuyên ta: “*mạc tín trực, trung trực; tu phòng nhân, bất nhân*” (Đừng nghe người ta nói về sự Trung Nghĩa mà cho rằng người ấy là người Trung Nghĩa; đừng nghe kẻ ấy thuyết về Nhân mà cho họ là bậc Hiền Nhân). Đại đa số con người ngày nay thường gán cho hạng người này là giả dối (giả nhân, giả nghĩa hay ngụy quân tử). Bảo thế không đúng, hạng này chính là hạng mà Pascal bảo là “*n'est ni Ange ni Bête*”. Họ ham mê học làm người quân tử lăm, ngày đêm tay không rời sách, gặp ai họ cũng thuyết pháp, răn dạy, lo lắng răn đe... nhưng rồi, khi hành động Tri và Hành không bao giờ được nhất trí: ngoài mặt là Quân tử, mà hành động Tiếu nhơn. Cho nên Lão Tử bảo họ: “thoạt nhớ, thoạt quên”. Trang Tử cũng bảo: “Kẻ nói Nhân Nghĩa, là người khôn; kẻ nghe Nhân Nghĩa, là người dại” là để phòng ngừa kẻ nói hay, mà làm dở này. Câu “*Mạc tín trực, trung trực; tu phòng nhân, bất nhân*”. Đừng nghe kẻ nói ngay thẳng, là thật con người ngay thẳng, phải phòng kẻ hay nói lời nhân từ mà tin bằng lời, họ là bậc hiền! Coi chừng! những kẻ thích làm ông Thánh, tỏ vẻ Thánh nhơn, mặc áo thảy tu... thường là kẻ gian giảo nhất, họ đã

bị con thú của họ trả thù: “Qui veut faire l’Ange fait la Bête”! Một trò hề của nhon thế!

Arnold Keyserling sắp xếp nhân loại thành 5 loại; Lão Tử chỉ sắp thành 3 loại thôi, rất đơn giản và thực tiễn hơn. Ta cần sắp lại 5 hạng người của Arnold Keyserling, thành 3 (như theo Lão Tử) vì hạng 3, hạng 4 và hạng 5, Kinh Dịch gọi chung là hạng Quân tử.

1. *Hạng Hạ Ngu*: chỉ biết sống chạy theo Danh và Lợi mà thôi, bất chấp liêm sỉ... “*Hạ sĩ văn Đạo, đại tiểu chi!*”. Đừng nói gì đến Đạo cả (Đại Đạo), chỉ nói về đạo đức tầm thường nhất như Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín của các Nho gia mà thôi, họ còn cười chê là lạc hậu, là chưa tiến bộ.

2. *Hạng Trung nhon*: Hạng người có văn hóa, có học thức... đã ý thức Người có 2 tâm hồn: một ông Thánh và một con Thú. Họ ham học để thành Thánh, ngày đêm miệt mài đọc sách và nghiên cứu học hỏi không thôi, nếu họ theo tôn giáo, họ là người ngoan đạo thường lân la lễ Phật lễ Chúa, hinh hương sùng bái cái ông Thánh noi họ, miệng không ngót niệm Phật, đọc Kinh Thánh, tay luôn luôn nâng niu tràng hạt hoặc ê a gõ mõ tụng kinh... để cầu Phúc... Nhưng, ngoài lúc đọc Kinh, niệm Phật... họ sống hoàn toàn theo thị dục, chạy theo Danh Lợi bất chấp thị phi hay lương tâm nhân đạo, họ lừa đảo, lừa thầy phản bạn, gạt gãm mọi người... và chỉ biết cái đạo Thành công bất cứ bằng phương tiện nào mà họ cho họ là hạng người thực tiễn nhất...

Hạng này dẽ thương thật, nhưng cũng đáng ghét thật khi ai động đến quyền lợi của họ hay của gia đình, dân tộc họ... Họ rất yêu họ, yêu gia đình họ, yêu quốc gia dân tộc họ... Họ là hạng không phải Thánh cũng

không phải con Thú và thường thích làm như bậc Thánh, luôn luôn đạo mạo, đạo đức và nghiêm khắc với mọi người.

3. *Hạng thứ 3*, chia thành 3 thành phần:

- *Thượng tri (Homme Supérieur)*, gọi chung là Quân tử.
- *Hiền giả (le Sage)*
- *Thánh nhơn (le Saint)*. Cao nhất trong 3 hạng đã kể trên Quân tử, Hiền giả...

Thánh nhơn cũng có thể phân biệt thành hai loại:

- a) hạng Thánh nhơn *nhập thế*: nhà Phật gọi là Bồ Tát.
- b) hạng Thánh nhơn *xuất thế* nhà Phật gọi là Phật.

LUÂN LÝ CỦA DỊCH KINH

Đây là vấn đề “hóc búa” của người học Dịch. Một giáo thuyết đứng ngoài vòng Thiện Ác, Thị Phi, Vinh Nhục... thì còn nói đến Luân Lý theo nghĩa thông thường Nho giáo làm sao ổn được?

Như Jean Grenier, mà chúng tôi xem như là một học giả rất tinh thâm về Đạo học qua các quyển “*L’Esprit du Tao*” và “*Entretiens sur le Bon Usage de la Liberté*”, nhất là chương bàn về Vô Vi (*Le Non-Agir, d’après le TAO* (117–157) có viết: “*Le Sage taoïste méprise ouvertement toutes les valeurs (morales et sociales) admises par les hommes et ne craint pas de transgresser les lois. De ce point de vue il est Libre...*” (Đạo gia là người khinh ra mặt tất cả mọi giá trị (luân lý và xã hội) được người người chấp nhận, họ cũng đâu có sợ vượt qua mọi luật lệ của xã hội. Nhân đó, họ là con người Tự Do) (trang 135–136, Ed. Gallimard, 1948).

Ta nên nhớ rằng *Luân lý của Lão Trang là luân lý của Dịch Kinh*. Thú luân lý này nghịch hẳn với luân lý của Nho giáo, nhất là Nho giáo của Chu Hy. Nên biết: có hai ông Khổng Tử: “Khổng Tử hình nhi hạ” học mà chủ trương là Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín; và “Khổng Tử hình nhi thượng” sau khi ông tham khảo Dịch Kinh và

ham đọc nó đến đứt 3 lần lè da. Đó là ông Khổng hình nhí thương, ông Khổng của Trung đạo, của Dịch đạo, ông Khổng Tử “vô ý, vô tất, vô cố, vô ngã”, nghĩa là “vô khả vô bất khả”.

Khổng Tử đã than: “Giá Trời cho ta sống thêm vài năm nữa để học Dịch cho được đầy đủ trọn vẹn, thì mới có thể tránh được nhiều làm lõi lớn!” (Học Dịch, khả dĩ vô đại quá, vi nội Thánh ngoại Vương chi đạo).

*
* *

Dịch, không phải là một quyển sách luân lý thông thường theo thế nhơn, phải hiểu nó không phải loại “vô luân” mà là “siêu luân”, như Trang Tử đã nói: “Thái tử Đảng, hỏi Trang Tử về chữ Nhân.

Trang Tử nói: “Hùm sói là Nhân đấy!”

Hỏi: “Sao nói thế?”

Trang Tử nói: “Cha con nó thân nhau, sao gọi là bất nhân?

– Xin hỏi: còn bậc Chí nhân thì sao?

Trang Tử nói:

– “Chí nhân không thân riêng với ai cá!”

Thái tử hỏi: “Đảng tôi nghe rằng: Không thân thì không thương, không thương thì không thảo. Gọi bậc Chí nhân không thảo được không?”

Trang Tử nói: “Không phải vậy! Chí Nhân cao lắm! Hiếu thảo theo thế nhơn đâu đủ để nói đến họ? Đó, đâu còn phải là chuyện thái quá của Hiếu, mà là chỗ bắt cập của Hiếu...”

Hiểu mà kính sợ, dẽ; hiểu mà *thương*, mới khó. Hiểu mà thương cũng còn dẽ, hiểu mà *quên* kẻ thân của mình đi mới khó. Quên kẻ thân của mình cũng còn dẽ, khiến kẻ thân của mình *quên* mình đi mới khó. Quên luôn cả thiên hạ càng khó hơn là khiến kẻ thân của mình quên mình đi! Quên luôn cả thiên hạ còn dẽ, mà *khiến cho cả thiên hạ đều quên mình đi mới còn khó hon nữa*. Đức, cao xa hơn Nghiêu Thuấn mà chưa từng thấy có làm, ân huệ nhuần thấm khắp mọi người đến muôn đời mà thiên hạ không ai hay biết gì cả, há lại còn đem chữ Nhân, chữ Hiếu mà nói được với họ nữa hay sao? Phàm Hiếu, Đê, Nhân, Nghĩa, Liêm, Trinh đều là chỉ để phục vụ cho Đức của mình, có gì để mà ca ngợi quá lời..." (*Thiên Vận*)

*
* *

Chương này để trả lời cho những ai gán cho cái học của Trang (như của Lão học) danh từ “Vô luân lý” mà phải hiểu cho đây là một nền học thuật có tánh cách “siêu luân lý”, một nền luân lý của những con người giải thoát, của con người “vô kỷ, vô công và vô danh”.

*
* *

- Sao nói thế: *Hùm sói là Nhân đấy!*
- *Cha con nó thân nhau, sao gọi là Bất nhân?*

Thật vậy, đó là cái Nhân của thế tục. Kìa những kẻ yêu gia đình mình, yêu quốc gia mình, yêu dân tộc mình... nhưng đối với gia đình khác, quốc gia hay dân

tộc khác thì lại đối xử một cách vô cùng tàn ác có khác nào những giống sài lang, chúng có bao giờ giết hại thân nhon của chúng mà hết sức dã man tàn bạo đối với các giống loại khác. Trong các cuộc Đại chiến thế giới vừa qua, loài người hơn gì loài thú, có khi còn tàn ác hơn với những mưu mô kỵ xảo không tiền khoáng hậu... Tàn bạo hơn hùm sói, là loài người điên cuồng đến đỗi bất chấp đồng bào trong nước như những thú chiến tranh về ý thức hệ đang xảy ra trong các nước trên toàn thế giới ngày nay.

Chương này của Trang Tử đã nêu lên vấn đề Chân lý và Luân lý, những bức bình phong đạo đức có tánh cách duy trì và ủng hộ lòng tư kỷ và tư hữu của loài người ngày nay! Lão Tử đã bảo một cách tráng trọn cái “trò hè” đạo đức giả đỗi này đang được nhân loại tôn thờ... “*Thất Đạo nhi hậu Đức; thất Đức nhi hậu Nhân; thất Nhân nhi hậu Nghĩa; thất Nghĩa nhi hậu Lễ*” “*Lễ giả, trung tín chi bạc, loạn chi thủ dã.*”

Nói thế, không có nghĩa là, người học Dịch bất chấp vấn đề thiện ác, trái lại, họ biết rất rõ thế nào là Thiện, thế nào là Ác, hơn nữa họ biết lúc nào là Thiện, lúc nào cái Thiện ấy không còn là Thiện nữa để mà “*tri túc, tri chi*”. Họ là kẻ “*tri Tiến Thoái, Tồn Vong chi đạo nhi bất thất kỳ chánh dã...*” Biết rất rõ Thiện và Ác, nên mới rõ đạo Tồn Vong, lúc nào còn (tồn) để gìn giữ, lúc nào mất (vong) thì bỏ đi không cố chấp... bởi “vật cực, tắc phản” dù cố mà giữ cũng không sao giữ được. Cho nên, họ hiểu biết rất rõ luật *an nguy, lẽ tồn vong, cơ tri loạn*: “*Nguy giả, an kỳ vị dã; vong giả, bão kỳ tồn giả dã; loạn giả hữu kỳ tri giả dã*” (*Nguy, là vì yên với ngôi vị mình sẽ không bao giờ mất; Mất, vì chắc ở sự*

còn mãi; *Loạn*, là vì tin cậy một cách tuyệt đối nơi sự trị mãi không bao giờ có loạn.)

Bởi vậy, người quân tử lúc sống yên vui không bao giờ quên lúc sẽ ly loạn, nhờ vậy mà thân mới được yên, nước cũng có thể tương đối giữ được lâu bền hơn (Thị cổ, quân tử an nhi bất vong nguy; tôn nhi bất vong vong; trị nhi bất vong loạn; thị dĩ thân an nhi quốc gia khả bảo dã).

Bàn đến Thiện Ác, Thị Phi, Vinh Nhục, Lợi Hại là để *tạm thời* cho ta biết *nên làm gì*, hoặc *không nên làm gì*... để mà tiến thoái cho phải thời... nhưng lòng vẫn thản nhiên không bận mắc, biết chấp nhận, cố gìn giữ đạo Trung, không thái quá, không bất cập “*Thời chỉ, tắc chỉ; thời hành, tắc hành... kỳ đạo quang minh*”.

Bởi biết rõ “*vật cùng tắc biến, vật cực tắc phản*” nên rất tránh sự cực đoan...

Ta có thể phân biệt phần Luân lý Kinh Dịch làm 2 loại, loại *nhập thế* và loại *xuất thế* như ta thấy ở giáo lý của Lão Tử và Trang Tử.

Ta đã biết: học thuật của Lão và Trang tuy cùng một gốc mà chẳng đồng nhau về chỗ diệu dụng.

Lão Tử cho rằng: “cứng rắn dễ bị bể nát; nhọn bén dễ bị mòn lụt”; cho nên ông chỉ cho người con đường tránh khỏi sự đổ nát mòn gãy! “Ôm giữ chậu đầy, chẳng bằng thôi đi bởi đầy thì đổ; vàng ngọc đầy nhà, khó mà giữ lâu; giàu sang mà kiêu, tự vòi họa ưu; nên việc lui thân, thân được bình yên...”

Trang Tử thì chủ trương sự “ngoại tử sinh, vô chung thủy, cho nên chỗ mà Lão Tử thắc mắc lo lắng cho nhân sinh, thì Trang Tử lại nhìn với cặp mắt thản nhiên,

lạnh lùng như không đáng kể. Triết lý của Trang Tử, khác với Lão Tử ở chỗ muốn siêu thoát khỏi vấn đề nhân gian thế sự.

So sánh tư tưởng của Lão và Trang, trong quyển “Thiền đạo Tinh hoa”, tôi có nói: “Lão Tử xem trọng việc trị loạn, nên chưa làm sao quên được phần “biến đạo”, nghĩa là chưa làm sao quên được “Cơ Quyền Biến”; còn Trang Tử thì quý trọng Thần Hóa (hay Vạn Hóa) nên đã vào cảnh giới “tiêu dao”, thoát vòng thế sự!

Có hiểu được như vậy, đọc Dịch mới thấy hay, đọc Lão mới thấy thú, đọc Trang mới thấy sướng và say mê... Phải chăng Người là vật tối linh trong vạn vật, là một cái Hữu hạn trong cái Vô hạn. Cái học của Tam Huyền phải chăng là cái Học căn bản của loài người, của Con Người thật là Người, của bậc Chân Nhơn?

Ôi! Dịch học dạy ta điều gì? “*Tri tiến thoái, tồn vong chi đạo, nhi bất thất kỳ chánh giả... kỳ duy Thánh nhơn, hò!*” Đó, là điều quan trọng mà Dịch dạy ta.

“*Chỉ có bậc Thánh nhon mà thôi ư?*” Cho nên, thông Dịch, là Thánh nhon! biết trước những gì sẽ xảy ra mà phòng bị trước, khác nào người “sáng mắt” tránh được sự gập ghềnh các lỗ hang hay vực thẳm... bao giờ cũng biết rõ những gì mình làm.

*
* *

Tóm lại, luân lý trong Kinh Dịch, là luân lý của Đạo Đức Kinh (theo Lão Tử), luân lý của con người nhập thể.

Dịch, là gì? Và tại sao viết như thế?

Có kẻ cho rằng nguyên tự là chữ “hội ý” gồm chữ

Nhật 日 và chữ Nguyệt 月 để ám chỉ sự luân chuyển biến hóa của Âm Dương. Đó là theo sự giải thích của Hứa Thận trong Thuyết Văn.

Nhưng, cũng có thuyết cho rằng, nguyên không phải là loại hội ý, mà là chữ theo loại “*tượng hình*”: *Hình vẽ con “tích lịch”* (*tức là con Kỳ nhông = Caméléon*). Kỳ nhông là một loài thú sống trên cây, luôn luôn biến đổi màu sắc theo thời gian và không gian, tượng chữ “Thời 時” và chữ “Biến 變”, nghĩa là luôn luôn biến để thích ứng với mọi hoàn cảnh, biến theo thời gian, sáng, trưa, chiều... và biến theo không gian, cây lá xanh thì màu nó xanh, màu lá vàng sậm thì màu nó màu vàng sậm... Đó, mới chính là nguyên ý của chữ Dịch “*vi Đạo dã, lũ thiên biến động bất cư, chu lưu lục huy, thượng hạ vô thường, cương nhu tương dịch bất khả vi điển yếu, duy biến sở thích* 為道也，屢前遷變動不居，周流六虛，上下無常，剛柔相易不可為典要，唯變所適。

Câu văn trên đây của Hệ Tù hạ (chuong 8) đã nói lên tất cả tinh hoa nằm trong chữ Dịch, thì hình tượng của con “tích lịch” trên đây đã nói lên đầy đủ ý nghĩa thâm sâu về chữ “Thời”.

Tôi bác thuyết của Hứa Thận rất thô sơ và khiêm cưỡng – không sao nói lên được tinh hoa của Dịch – Kẻ bày ra thuyết này, thật quá ấu trĩ! quá nông nỗi! và giả tưởng. Nhận xét trên đây của Jacques Lavier rất xác đáng! Không thể trong 2 giả thuyết phải chấp nhận cả hai. Trước giờ trong 2 giả thuyết trên đây, ít ai quả quyết chấp nhận giả thuyết nào, chỉ ghi nhận cả hai. Huống chi thời Phục Hy chưa có văn tự, chỉ là chữ “*tượng hình*” mà thôi, sao chấp nhận đã có loại chữ “*hội ý*”?

Con Kỳ nhông biến mãi mà trước sau gì nó vẫn là nó, đó là Biến trong Bất biến, Động trong Tịnh.

Cách cấu tạo của Quẻ

Đọc các quẻ của Dịch Kinh, cần lưu ý đến các dấu hiệu ghi trước mỗi quẻ.

Bất cứ sự vật nào, có hai bề: bên trong và bên ngoài (gọi là Biểu Lý: Biểu, là ngoài; Lý, là trong). Cái bên trong gọi là Nội: Âm nào cũng có Dương ẩn bên trong (tức là “Âm trung hữu Dương căn”), căn bản của Âm Dương, như tượng hình các hạt nguyên tử: Âm bọc Dương.

Dịch, chủ động, và lấy *Nội động* làm gốc. Nhân đó mới có câu: “Dĩ bất biến ứng vạn biến”. “Bất biến” đây, là hào giữa của mỗi quái hào được gọi là hào “Chánh Trung”. Đó là hào chánh trung của Đơn Quái. Còn đối với Trùng quái (2 quẻ đơn chồng lên nhau), thì cũng phải lấy những hào bên trong làm chánh trung, là hào *Nội động*.

*
* *

Tóm lại, dù là quẻ cực tịnh nhu quẻ Khôn (6 hào âm) vẫn có cái Động của Nội tại (Thái âm nào mà chẳng có chứa Thiếu dương). Thiếu dương nằm trong Thái âm là quẻ Phục (nhứt dương sinh ở dưới quẻ Khôn, thành quẻ Chấn (Chấn, là nhứt dương (thiếu dương) nằm giữa Thái âm).

Trong đạo “tề gia”, “trị quốc”, “bình thiên hạ” cần phải luôn luôn lưu ý đến *hào so* “nhất dương sinh” hay

“nhất âm sinh”, để mà *trù mầm loạn khi nó mới vừa sinh ra.*

Cái điểm “*đương*” nằm trong Âm, là “cái mầm” rất mạnh, nó đang lớn lên... Cho nên Dịch khuyên ta *hãy coi chừng hào Sơ*, để ý những cái mầm hơn là những trái. Trái đã đến lúc cùng rồi, không sao có thể thay đổi gì được nữa. Cốt yếu những giáo lý của Dịch, là nói những cái mầm.

Nên để ý nghiên cứu cho kỹ 2 quẻ Hỏa Thủy Vị Tế và Thủy Hỏa Ký Tế để hiểu rõ sự quan trọng của quẻ Nội động (hay quẻ Nội chuyển) ngầm ngầm nằm trong quẻ.

Khoa Nguyên tử học ngày nay, cũng có nói: “*Rien n'est immobile, ni dans la Matière, ni dans l'Esprit. Tout se meut, tout se transforme. Il y a une intensité de Mouvement qui se poursuit perpétuellement au cœur des êtres et des choses, en dépit de leur apparente immobilité.*” (Thấy như là tuyệt nhiên *bất động* và *im lìm*, nhưng ở trung tâm các sự vật đều có một cuộc *động chuyển* cực kỳ mạnh mẽ như các *lực sóng ngầm*.) “*Même dans le plus modeste grain de sable, aux milliers de milliards d'oscillations moléculaires par seconde, s'ajoutent des millions de milliards de révolutions électroniques autour de chaque noyau... Rien n'est éteint. Tout brûle du Feu intérieur et dévorant d'une mouvance éternelle*”.

(*Spiritualité de la Matière*, de R. Linssen (Directeur de l’Institut Supérieur de Sciences et Philosophies de Bruxelles (Ed. de la Planète), p.74, 75, 76.

Mới có câu: “*Không chi chí nhu, kỳ động giả chí cường*” (Chỗ cùng cực của Tịnh là chỗ cùng cực của Động, hay nói cách khác: *chí Nhu là chí Cường*).

SỞ DĨ CÓ DỊCH, ĐỂ LÀM GÌ?

Ôi! Sở dĩ có Dịch, là để khai thông, mở mang những sự vật chưa có cơ hội để mở ra, như ánh Thái Dương kích động và giúp cho muôn hoa được “khai hoa, trổ nhụy” theo luật Cảm ứng, luật “đồng thinh tương ứng, đồng khí tương cầu”. Nhờ Dịch, lòng người nhờ có tương thịnh mà tương ứng, khai phát được những gì quý báu đang bị bế tắc vì chưa được khai thông! nên bảo là “*khai vật thành vụ*”, Dịch lại “bao bọc tất cả đạo lý trong thiên hạ” (“*mạo thiên hạ chi đạo*”). “*Thành vụ*”, là khiến cho mọi vật phát huy ra được cả sở năng của mình để được ứng dụng, chứ không còn phải là những hoa chưa nở, những hột giống chưa nứt mộng... để thực hiện tất cả những gì nó đang chấp chứa... Nhờ Dịch, mà ta mới có thể đi sâu vào tiềm thức của mình, chỗ ẩn nấp Chân lý, chỗ chấp chứa mọi kinh nghiệm các đời trước (nhà Phật gọi là “*thức A-lai-da*”) cả dĩ vãng, hiện tại...) (dĩ thử “*tẩy tâm thói tang ư mật*”) và “*nghiên Cơ, thám nguyên*” hay “*cực thâm, nghiên Cơ*”.

Ở đây, Dịch đã đá động đến luật Cảm ứng luật then chốt của các khoa học ngay cả các khoa học tự gán là “*khoa học chính xác*” hay “*khoa học huyền bí*”.

Tâm hồn ta như có nhiều sợi “dây đòn” đã lén dây... chỉ đợi có tiếng gọi đồng cung đồng bực khêu lên, là sẽ đáp ứng một cách tự nhiên.

*
* *

Hai câu “*khai vật, thành vụ*”, và “*tẩy tâm thói tang u mật*” là hai câu đầu não của hai đoạn văn bí hiểm trên đây. Có hiểu được mới hiểu được Kinh Dịch, bằng không hiểu nổi, cũng nên vứt bỏ nó vào giỏ rác!

Với ai đã thông hiểu luật Cảm ứng của Dịch, thì chẳng còn gì để thắc mắc nghi ngờ khó hiểu nữa, cái gì đã qua đều biết rõ, những gì sắp đến cũng biết rõ (không phải vì có phép bói toán, mà vì đã có óc cực kỳ thông minh mà hiểu được tất cả). (“*Thần dĩ tri lai, trí dĩ tang vãng, cổ chí thông minh duệ trí, thần vũ nhi bát sát*”).

Nhờ Dịch mà cả Dân trí được khai thông (dù kẻ *ngu* đến đâu cũng hết *ngu*, kẻ *hở* bao nhiêu cũng hết *hở* (Kiết hung dữ dân đồng hoạn), với các “*thần vũ*” ấy của Thánh nhơn tác Dịch, *tiêu diệt* được tất cả cái vô minh của thiên hạ không phải bằng “vũ lực” mà chỉ bằng “*thần vũ* của lời nói”... cho nên chẳng có giết chết ai cả, lại còn làm cho sống lại một cách rực rỡ sáng chói “*thần vũ* nhi *bát sát*”! Đó là *thắng trận* mà chẳng dùng đến binh đao, chỗ mà Lão Tử bảo: “*bất tranh nhi thiện thắng*” “*thiên hạ chí chí nhu, trì sinh thiên hạ chí chí kiên*” (không đấu tranh bằng sức mạnh, vậy mà thắng được một cách hoàn toàn; cái hết sức yếu mềm, lại thắng được cái hết sức cứng rắn).

Dùng lời lẽ mà khuyết phục, vẫn còn làm sai với Đạo; vì *thuyết phục chỉ cũng là một sự “bạo động”* một sự ám thi, một sự cưỡng bức. Thánh nhơn nói là nói, như chim phải hót, không hót không còn tự nhiên nữa, nhưng nếu lại có ý “hữu cầu” sẽ không còn tự nhiên nữa. “*Chữ Vô cầu là chữ Thiên nhiên*”.

Học Dịch tuy rất khó; nhưng hành Dịch lại càng khó hơn bởi phần. Là tại sao? Là tại cái “tự ngã” làm trở ngại: ta muốn cho việc đòi phải xảy ra như lòng sở nguyện của ta, chứ không muốn cho nó xảy ra như nó phải xảy ra, tức là ta muốn việc đòi phải trường cửu trong khi không có gì trường cửu cả. Ta muốn “mặt Trời đừng bao giờ lặn”, đòi ta sáng mãi mà đừng có tối... Nghĩa là ta muốn đừng có gì thay đổi để cái thế “thượng phong của ta hiện có” đừng bao giờ thay đổi, nhưng làm gì có sự trường cửu bất biến trên đòn. Cho nên Dịch nói gì thì nói; khi thực hành, ta chẳng muốn làm theo.

Câu “*tẩy tâm thối tang u mật*” bảo ta hãy đào sâu vào Tiềm thức để tìm hiểu con người của ta thực sự là gì? Khoa *Tâm lý học về bè sâu*, giúp ta một phen khá đặc lực.

Câu “*bất tranh nhi thiện thắng*” nói trên đây cũng đồng một nghĩa với câu “*bất chiến tự nhiên thành*”... Ở đây, câu này có một huyền nghĩa siêu hình, không phải theo ý nghĩa bị người ta lợi dụng trong các câu sấm!



“*Thi chi đức, viên nhi thần*”, là nói đến chỗ thần diệu của phép bói “Cỏ Thi”. “Viên”, là viên mãn, đầy đủ... Trong Thuyết quái nói: “*Kiền vi viên*”, quẻ Kiền thì hình tròn, tròn là tượng của Trời. Còn “*quái chi Đức, phuong dĩ Trí*” Chỗ gọi là Thần, thì tròn; còn chỗ mà Trí ta đạt được, gọi là Đất (hình tượng “vuông” là của Đất). Nhờ Cỏ Thi, ta biết được chỗ vô hình của sự vật bằng cái Thần của ta, còn ta biết được chỗ hữu hình “phuong” (là vuông vức) nhờ dùng bằng Trí luận. Ở đây, gồm cả Trực giác và Lý trí. Mới có nói: “*Thi chi đức, viên nhi Thần; Quái chi đức, phuong dĩ Trí*”, gọi chung là “*thông minh duệ trí*”. Sách xưa có câu: “*Thiên viên, Địa phuong*” (Trời tròn, Đất vuông). Biết được cả Thiên lẫn Địa, là biết rõ trong chỗ Vô hình và Hữu hình.

VAI TRÒ CỦA TRIẾT LÝ KINH DỊCH TRONG NỀN TRIẾT LÝ CHUNG CỦA THẾ GIỚI

Arnold là con trai của văn hào Đức Herman de Keyserling, cả hai cha con đều rất sùng bái triết lý Kinh Dịch và đang dẫn đầu phong trào nghiên cứu về Dịch Kinh ở nước Đức, theo gót Richard Wilhem. Arnold là giáo sư Đại học tại Vienne.

Sau đây, xin trích các đoạn quan trọng trong bài diễn văn của giáo sư Arnold Keyserling liên quan đến quẻ Thiên Hỏa Đồng Nhơn của Kinh Dịch:

“Đề tài của chúng tôi hôm nay, là sự hợp tác của Triết học Trung Hoa và vai trò quan trọng của Kinh Dịch trong nền triết lý chung của thế giới, của nhơn loại.

Lập luận của chúng tôi đặt trên hai quan điểm sau đây:

Thứ nhứt, có một nền văn hóa Trung Hoa có đầy đủ cá tính đặc biệt của Trung Hoa và giá trị độc đáo của nó, không thể lẫn lộn với triết học và văn hóa quốc tế.

Thứ hai, có một thứ triết học quốc tế gồm tất cả những thứ chân lý vụn vặt được khoa học tìm ra và chấp nhận, ta gọi là Triết lý Khoa học.

Nói tóm lại, hai nền triết lý nói trên, là một thứ triết lý có tính cách chủ quan, và một thứ triết lý khách quan đã được khoa học chứng minh.

Ngoài ra, chúng ta sẽ thử trả lời câu hỏi Triết lý Trung Hoa đã đóng góp được gì cho nền triết học quốc tế?

Xin lần lượt trình bày 4 giai đoạn sau đây:

1. Bàn về sự đóng góp của giáo lý Lão Tử và của Đạo giáo (nên biết Lão giáo và Đạo giáo khác nhau xa vì Đạo giáo là giáo lý pha đầy ma thuật mà Lão Tử thuần túy lại hết sức bài bác).

2. Bàn về học thuyết của Khổng Tử và môn phái của ông (Nho giáo) thiên về Xã hội thuần túy.

3. Tìm hiểu cơ cấu Thời gian nền tảng mọi biến thiên trong nhon sự được mô tả kỹ lưỡng từng chi tiết trong quyển Kinh Dịch.

4. Lý tưởng về sự Tự Do trong nhân loại, theo quan niệm các triết nhân Trung Hoa. Quan niệm của Tự Do trong một xã hội tự do được nói lên rất rõ trong quẻ “Thiên Hỏa Đồng Nhơn” (số 13).

Giai đoạn thứ 4 này, gồm cả 3 giai đoạn trên.

Tư tưởng then chốt của Đạo học được miêu tả rất rõ ràng và đầy đủ trong câu này của Đạo Đức Kinh ngay ở chương thứ nhất:

Đạo khả đạo, phi thường Đạo,

Danh khả danh, phi thường Danh.

Đạo lớn mà mất đi, mới có sinh ra Nhân, Nghĩa... Và chỉ có thể đạt đến Đạo lớn bằng phương pháp nội quan hay nội tĩnh mà thôi.

Chính cái Danh mà người có thể gọi tên và cái Đạo mà người ta có thể nói lên, chẳng phải là cái Thường Danh, Thường Đạo. Đạo “ Thường” ở đây, là đạo vĩnh cửu bất diệt.

Lý tưởng của chính sách trong việc Kiến quốc và Lập quốc nằm trong hai chữ Vô Vi.

Vô Vi là đạt đến trung tâm cuộc sống, nó ở trên và ở ngoài Thiện, Ác, ở trên và ở ngoài mọi Danh và Tượng.

Mọi vật hiện hữu đều do hai cái Cực này: là Đạo và Đức (Đạo là Vũ trụ chưa phân đồi, tức là Đạo còn ẩn trong vô cực); còn Đức là Âm Dương Trời Đất... đã hiện ra, tức là Đạo hiện.

Từ ngày phát minh được khoa “Tâm lý học về bề sâu”, người ta đã khám phá nơi con người còn có cái gọi là Vô Thức... phải chăng cũng nhờ Dịch học gợi cho, trong câu “Tẩy tâm thoái tang ư Mật”...

Triết học Trung Hoa có những tiêu chuẩn khác và đã giúp cho Tâm lý học Tây phương vượt bức tường hữu thức mà đi sâu vào Tiềm thức.

Kinh Dịch khuyên ta: “Thiên Nhơn hợp nhất”.

Người Tây phương và cả Mỹ đã đánh mất cái tâm của con trẻ (xích tử chi tâm). Người ta đâu phải là một phần tử lạc loài và đối lập với thiên nhiên mà chỉ là một phần trật tự điều hòa trong thiên nhiên. Lão Tử tin rằng: chỉ khi nào ta trở về được với tinh thần hồn nhiên ngây thơ của đứa con đỏ, thì mới có thể hồn hợp với Tạo hóa mà thôi. Lão Tử tin rằng: Không ai nên tìm cách để cải hóa kẻ khác, cấm cản họ không cho họ được sống theo cái sống tự nhiên theo bản tính của họ.

Còn triết lý Nho giáo của Khổng Tử giúp được gì cho triết học thế giới?

Có hai thứ giáo lý. Giáo lý siêu hình Hình nhi thượng và triết học công dụng Hình nhi hạ, cùng đều ở trong một chữ Nhân. Về sau, người ta đã hiểu sai, hiểu một cách câu chấp hẹp hòi chữ Lễ của ông... Lễ đây là sự điều hòa giữa mọi người đồng nghĩa với sự thái hòa của Nhạc. Nói chung là Lễ Nhạc. Phàm nói đến Âm Dương, thì Dương thăng, Âm giáng, Thiên tôn, Địa ty, Kiền Khôn định vị rõ ràng...

Theo quan điểm này: sướng, khổ, vui, buồn, toàn thịnh hay suy vong đều chỉ là tương đối chứ không bao giờ tuyệt đối. Đây chỉ là những hoàn cảnh biến thiên: nếu mặt trời lên đến tột đỉnh thì nó sẽ bắt đầu xế bóng; trăng tròn rồi sẽ khuyết...

Người ta sở dĩ bị chia rẽ, là vì đã theo lối lẽ nghi một cách quá thụ động, không chút niềm thông cảm về tinh thần...

Giá trị nhân bản gồm hai yếu tố, vừa ý thức rõ cái trung tâm đạo đức của riêng mình, vừa có thể đổi xử với người khác một cách nhân đạo và công bằng.

Nhưng không phải ai cũng đạt tới giá trị nhân bản này. Khổng Tử diễn đạt nó qua 5 giai đoạn:

1. Bậc hạ ngu: họ sống chỉ biết lo thỏa mãn nhu cầu.
2. Hạng trung nhơn: người có chân giá trị, biết cố gắng chế ngự dục vọng tư kỷ, biết hoạt động lo nâng cao đời sống kẻ khác. Có thể xem họ là kẻ đang tập sự trung đạo làm người.
3. Bậc thượng trí: con người cao thượng, ý thức được sứ mạng thiêng liêng của mình và hiểu rằng ý nghĩa

chính của cuộc đời là phải tìm hiểu và xác định vai trò của sứ mạng ấy. Có nghĩa là, sống phải phù hợp với tiềm năng tiến hóa của mình. Hễ tài cao thì phải biết khai thác tài năng ấy để giúp ích cho kẻ khác.

4. Bậc quân tử: tức là kẻ “được lựa chọn”, không những họ phải lo thực hiện sứ mạng thiêng liêng của mình mà còn phải lo khai quang kẻ khác, cho thiên hạ hiểu rõ đâu là chính đạo, nhân đó họ trở thành nhà dẫn đạo. Kinh Dịch gọi là Hiền giả. Nhưng họ cũng còn cần phải học hỏi thêm nữa để cố gắng đi đến giai đoạn cuối cùng là giai đoạn thành bậc Thánh nhân.

5. Bậc thánh nhân: bậc cao nhất, đã kể như đắc đạo, là hiện thân của Đạo.

Trong khi bậc thánh nhân theo Ấn Độ sống một đời khổ hạnh, bậc thánh nhân theo Công giáo là một kẻ sẵn sàng tử vì đạo hay một nhà tu khổ hạnh, thì bậc thánh theo Khổng giáo chỉ là nhân vật hoàn toàn Người.

Và ở đây lý tưởng Khổng và Lão gặp nhau: người chí thánh của Lão là Chân Nhân.

Con người lý tưởng là con người thực là người, là cái cầu nối tiếp Trời và Đất. Họ vừa thực hiện được những tiềm lực tự nhiên của bản thân, vừa phát triển được những tiềm lực siêu phàm nhập thánh.

Trong đời sống cá nhân đã vậy,

Trong đời sống xã hội cũng thế.

Khổng Tử đã nhận thức rõ, mỗi thế hệ văn minh đều phải thực hiện một trong 5 giai đoạn nhân bản khác nhau.

Thời đại của Khổng Tử là thời kỳ chỉ đi đến giai

đoạn thứ ba, là giai đoạn con người “thượng trí” mà thôi, trong khuôn khổ một đại gia tộc.

*
* *

Nhưng, làm thế nào để hiểu được nền tảng của sự sống và đường tiến hóa của nhân loại, của thiên nhiên, của vũ trụ?

Ở đây Đạo giáo cũng như Nho giáo đều có sự liên hệ đến kiến thức căn bản mà Văn Vương và Chu Công đã đạt đến khoảng 1.300 năm trước Công nguyên, và nền tảng của kiến thức kia nằm ngay trong bộ Kinh Dịch. Cuốn sách này đã thu thập được những kiến thức của hầu hết các bậc vĩ nhân có đại công với nền văn hóa Trung Hoa từ trước năm 2.300 trước Công nguyên. Trong tất cả kinh sách của văn hóa Trung Hoa, đây là bộ sách đã được chú giải nhiều nhất, từ Lão Trang Khổng Mạnh không đâu không do đó mà ra.

*
* *

Nhưng, có rất ít nhà bình giảng hiểu nổi bản chất của nó, thấu rõ tinh hoa cốt túy của nó... nhất là làm sao hiểu nổi nó qua những phạm trù thông thường của triết học Âu châu hoặc Ấn Độ. Ở Âu châu, nghiên cứu về các sự biến hóa trong vũ trụ, bất quá là đi đến một triết thuyết về sự Trở nên, tựa tựa lối triết lý biện chứng cõi Héraclite, hoặc là lối triết lý của sự phản phục như của Nietzsche.

Vì thế mà qua đa số các bài bình luận của các bình

luận gia, ta thấy quyển Kinh Dịch bị đánh giá quá rẻ, bị liệt vào loại sách bói toán mà không hiểu nổi sự bói toán ấy có ý nghĩa huyền diệu nào... vì trong đó có cả việc tiên tri tiên giác... Mỗi quẻ đều có 2 phần: sự việc gì xảy ra và sẽ xảy ra như thế nào – bởi nhân nào quả này... và nếu xảy ra như thế này sách liền chỉ dạy lối thoát hiểm. Cho nên, những kiến thức trong quyển Kinh Dịch vẫn mãi còn giá trị và mãi mãi sẽ là những kiến thức quan trọng không ai có thể bỏ qua. Nền tảng của quyển sách căn cứ vào hiện tượng này: có hai thứ quá trình trong thời gian, là luật *tuần hoàn* và *điều tiết* như bốn mùa trong năm, và có cả những cách thức vận chuyển của các vì tinh tú luôn luôn có mục thướt. Kinh Dịch, trong Đại Truyện có nói: “Tinh thần của Kinh Dịch là không bị cố định trong một khuôn thức nào cả. Kinh Dịch cũng không có một khẩu hiệu nhất định nào cả”. “Thư bất tận ngôn, ngôn bất tận ý” (Sách không nói được hết lời, lời không thể lột được hết ý).

*
* *

1. Đối với hạng “hạ ngu”, những kẻ chỉ sống để thỏa mãn những nhu cầu vật chất, đặt tất cả việc đời trong những điều hên xui may rủi, thì nghiên cứu Kinh Dịch để dùng làm phương bói toán, giúp họ biết được con đường nào phải đi để cầu danh cầu lợi cho bản thân mình thôi... *Kinh Dịch đối với họ, là sách để bói toán, giúp họ nhận ra con đường thực tế nhất để đi đến kết quả họ mong mỏi.* Hầu hết thiêng hạ đời nay thuộc về hạng người này, và cũng đã có không biết bao nhiêu người dùng nghề bói toán này làm kế sinh nhai... và được thỏa nguyện.

2. Bậc “trung nhơn”, trong lúc tìm hiểu ý nghĩa các hào, thấu triệt được các biến cố xảy ra đều có nhân có quả, sự nên hư đắc thất luân phiên nhau xảy đến, chứ không phải có sự thật tốt, cũng không bao giờ có sự thật xấu... nói chung họa phúc liên đới nhau như đêm với ngày, trong họa nào cũng có cái phúc của nó, trong cái phúc nào cũng có cái họa núp sẵn, cho nên họ đạt đến một tâm hồn phảng lặng, điềm tĩnh, thanh thản.

3. Bậc “thượng trí” là kẻ cố gắng dung hòa được đời sống vật chất với sự hoàn thành sứ mạng thiêng liêng của mình, cố gắng nhận chân rõ cái Định Mạng của mình và đi tìm con đường *đắc trung đắc chính* trong Kinh Dịch.

4. Bậc người “Quân tử”, người mà Khổng Tử cho mình là hạng người này, và ước mong sẽ đi đến giai đoạn cuối, là những bậc vĩ nhân cõi Phục Hy, Thần Nông, Hoàng đế... của thời hoàng kim trước đây...

5. Giai đoạn sau cùng này, là bậc thang cao nhất trên đường tiến hóa của nhân loại, từ xưa đến nay. Đó là bậc Thánh nhân. Theo Khổng Tử, đây là ngôi sao Bắc đầu, vị sao trung tâm cho các sao khác xoay chuyển chung quanh mình một cách điều hòa, còn mình thì bất di bất dịch ở trạng thái bất động hay tịnh cực.

*
* *

Xem thế, đủ biết Kinh Dịch đa dạng và đa dụng, nghĩa là có những công dụng khác nhau tùy theo trình độ tiến hóa của nhiều loại người của Nhân loại.

Bởi vậy có nhiều thứ Dịch: Dịch của Nho gia, Dịch của Lão Trang, Dịch của Đạo sĩ, Dịch của Y học, Dịch

của Chánh tri; Dịch của Bình pháp, v.v... Người ta đã bảo: “Dịch, quán quán Kinh chi thủ”, có lẽ không sai.

*
* *

Khía cạnh quan trọng nhất của Kinh Dịch là chỉ lối đưa đường cho con người xây dựng một cuộc nhân sinh lý tưởng, một xã hội tự do cho những con người tự do.

Kinh Dịch nói về quẻ Thiên Hỏa Đồng Nhơn, chỉ cho ta cách lập nên một xã hội lý tưởng Tự do và Hạnh phúc thực sự, cho toàn thể nhân dân hay nhân loại.

Xã hội lý tưởng này một khi đã được thai nghén, phải lần lượt trải qua 6 giai đoạn sau đây (6 hào trong quẻ, là tượng 6 thời, 6 giai đoạn):

1. Chung sống với người ở bên ngoài ngưỡng cửa: không hối.

Nghĩa là: động cơ thúc đẩy người ta tụ tập liên kết với nhau, phải ở ngoài tư lợi, ở ngoài những liên hệ săn có về tư hữu: xã hội mới này phải xây dựng trên một cái gì mới mẻ mà chẳng thiệt hại gì đến những hiện trạng đang có. Công việc phải được bắt đầu một cách cương quyết không thương tiếc cái cũ – nói cách bóng dáng, sự xây dựng phải được thi hành ngoài trời quang đãng, không chút gì ẩn ý.

2. Tập hợp với những người cùng tộc họ: có lối.

Cùng một tộc hệ, là nói về sự tập hợp có tính cách tư lợi (lo cho nhà ta, quốc gia ta...). Yêu gia đình ta trên hết, quốc gia ta trên hết... là một sự ích kỷ nguy hiểm, vì là nguồn gốc chiến tranh. Giai đoạn này hoàn toàn tiêu cực, vậy ta phải nhất thiết hủy bỏ.

Trong giai đoạn sơ khởi này, có thể đi đến một sự diệt vong toàn diện, như đã xảy ra bao lần trong lịch sử, lúc người ta cố tâm dùng chân lý để làm lợi khí cho tư lợi. Lúc ấy những gì tích cực sẽ trở thành tiêu cực và biến thành một yếu tố chia rẽ, cuối cùng sẽ đi tới phá hoại và tiêu diệt.

3. Ô hào Ba quẻ Đồng Nhơn: “Phục nhung vu măng” (giấu khí giới vào trong bụi gai và leo lên đỉnh đồi phía trước). Ba năm liền họ không dám ngóc đầu dậy: “tam tuế bất hưng”.

Mặc dù mục tiêu là phải tạo được một xã hội sống chung trong hòa bình, nhưng vì là “đồng nhơn vu tông” nên phải lo nghĩ đến sự thù địch giữa các quốc gia khác, nên lo giấu khí giới để làm công việc quốc phòng!

4. Hào Cửu tú quẻ Đồng nhơn, được miêu tả như sau: họ trèo lên tường, nhưng không thể tấn công: thắng lợi.

Sau thời gian 3 năm lo củng cố lực lượng, “xã hội mới” sẽ tuyên bố nền tự do độc lập của mình, tuy không xâm chiếm ai, nhưng chính mình ở trong tình trạng vinh quang.

Đứng trên tường, có nghĩa là bảo toàn được sự tự do độc lập của mình trong giới hạn của nước mình; xã hội này sẽ ở ngoài vòng cạnh tranh với những xã hội quốc gia khác. Nhưng đâu phải sẽ vĩnh viễn như thế mãi.

Sự chống đối vốn là bản tính của con người, bởi vì trên phương diện vật lý, nhân loại chia làm 2 phần: Dương và Âm, Nam và Nữ. Sự đeo đuổi theo một mục đích chung sẽ dẫn đến một sự tranh chấp nội tâm, sẽ khơi ngòi chiến tranh trong nội giới, và sự đấu tranh này sẽ được diễn đạt như sau đây:

a. Hermann de Keyseling đã ví Liên Xô và Hoa Kỳ là hai người anh em ruột mà thù địch, Liên Xô tuy về hình thức là đối phương với Hoa Kỳ, nhưng luôn luôn theo dõi và đồ hệt những gì Hoa Kỳ làm và cả hai vẫn mong có ngày được cùng sống chung trong Hòa bình.

b. Và biết đâu sau một thời gian “thù địch”, hai bên lại yêu nhau và thương nhau? Thương nhau lắm, cắn nhau đau là lẽ thường. Càng Ghét, lại càng Thương như luật “luồng cực” của Dịch đã nêu lên. Sau cùng hai kẻ thù “bất cộng đái thiên” sẽ bắt tay thân mật, sống chung hòa bình??? Rất có thể lắm, vì đó là luật chung cho sự sinh tồn vũ trụ.

5. Xã hội loài người ban đầu thì kêu than nhưng sau rồi lại cười vui: “Tiên hào đào, nhi hậu tiếu”.

Càng ghét nhau lắm càng thương nhau nhiều: Giữa Âm Dương mâu thuẫn, nhưng trong Âm nào mà chẳng có gốc Dương; trong Dương nào mà chẳng có gốc Âm (Dương trung hữu Âm căn; Âm trung hữu Dương căn).

Tình trạng Luồng Cực là một luật tắc quan trọng của Dịch lý.

Vấn đề “sống chung hòa bình” đâu phải là vấn đề không tưởng! Mà là một vấn đề vô cùng thiết thực.

Toàn thể nhân loại sẽ bị chia ra làm 2 khối, 2 phe địch thủ, tức là 2 người anh em mà thù địch nhau, lăm le sẽ tàn sát nhau không dung tha, thì việc xây dựng nên một xã hội hòa bình cũng phải do cả hai phe đồng tâm hiệp lực mới hoàn thành.

Xã hội tự do của loài người tự do sẽ không thực hiện bằng chiến tranh, mà sẽ thực hiện bằng tiếng cười cởi mở, sống chung hòa bình trong hạnh phúc. Người ta sẽ đột nhiên hiểu rằng chiến tranh vô công hiệu, và

sẽ cùng nhau tập trung lực lượng để hoàn thành một khối Đại đồng Tinh thần.

6. Giai đoạn cuối cùng: “Chung sống với người trên đồng cỏ. Không hối”.

Vị trí giai đoạn sơ khởi là ở bên ngoài ngưỡng cửa, còn giai đoạn cuối cùng thì ở trên đồng cỏ nghĩa là ra khỏi thành phố, trên đồng cỏ bao la.

Trên đồng cỏ, giữa thanh thiên bạch nhật, cái gì cũng được xét đoán một cách vô tư. Xã hội tự do mới này sẽ hiện ra dưới hình thức một Cộng đồng tự do: kết hợp mọi người với nhau một cách tự do, không cưỡng ép.

Như đã nói, ở thời đại Khổng Tử, theo lời ông thú nhận, chưa thể thực hiện được lý tưởng xã hội tự do. Sự bất lực này còn có một lý do khác. Lý tưởng của thời ấy, chỉ là lý tưởng của bậc “thượng tri”, kẻ giữ nguyên vị trí mình và không hề mong ước thoát ly ngoài vị trí nhất định của mình trong cuộc sống. Bởi vậy họ đã dùng Kinh Dịch để giải quyết những cảnh huống bất thường xảy ra cho cá nhân hoặc hoàn cảnh chính trị, và cũng do đó, họ dùng Kinh Dịch làm sách bói toán.

Ở thời đại Khổng Tử, lý tưởng cao nhất là lý tưởng “thượng tri”, nhưng con người lý tưởng thực sự mà Kinh Dịch nhắm vào là dân dắt con người đến bậc Hiền giả hoàn thành mỹ mãn 6 giai đoạn như người cõi trên 6 con Rồng bay giữa không trung...

Nhờ sự hiểu biết Kinh Dịch và căn cứ vào đó, một ngày kia loài người sẽ xây dựng được một trật tự xã hội đúng theo lý tưởng của “Đồng Nhơn”, một xã hội của những con người tự do trên thế gian này... Và đó, hình như cũng là mục đích lịch sử mà mỗi dân tộc trong thời đại chúng ta phải đeo đuổi cho kỳ được.

LẼ CÙNG THÔNG VÀ THÀNH BẠI THEO DỊCH LÝ

Thường tình, người đói ai cũng thế, muốn thành sọ bại, muốn được sọ mất mà không phút nào hưởng được sự an lạc tinh thần... Chưa chết mà đã sợ chết, chưa nghèo mà đã sợ khó, chưa được mà đã sợ mất... Trừ những ai đã tinh thông Dịch Lý biết rõ luật Phế Hung của Tạo hóa nên lòng luôn luôn thản nhiên không tham sinh húy tử, không cầu vinh ghét nhục, thản nhiên với cuộc thăng trầm vinh nhục, được không mừng mà mất cũng chẳng cần...

Bởi luật “Âm trung hữu Dương căn; Dương trung hữu Âm căn”, nên Lão Tử mới khuyên ta phải coi chừng: Họa trung hữu Phúc, Phúc trung hữu Họa (Họa hè, phúc chi sở ý, Phúc hè, họa chi sở phúc). Họa, là chỗ dựa của Phúc, Phúc là chỗ núp của họa.

Sự doanh hụ, tiêu trưởng của cuộc đói là lẽ tự nhiên “có ai giàu ba họ, khó ba đói”, ngạn ngữ của bình dân cũng đã nói lên điều ấy. Cái gì lên cao rồi lại xuống thấp; xuống thấp rồi lại lên cao, Thịnh rồi Suy, Suy rồi Thịnh không ai có quyền thay đổi luật Phế Hung này.

*Đèn vũ tạ, nhện giăng cửa mốc,
 Thú ca lâu, dế khóc canh dài.
 Đất bằng bỗng rập chông gai,
 Ai đem nhân ánh nhuộm mùi tà dương?
 Mọi phú quý như làng xa mā
 Bả vinh hoa lừa gã công khanh.
 Giác Nam Kha khéo bất bình!
 Bừng con mắt dậy, thấy mình tay không!
 Hình mộc thạch vàng kim ố cổ,
 Sắc cầm ngư ủ vũ e phong.
 Tiêu điều nhân sự đã xong,
 Sơn hà cung hoãn, côn trùng cung hue.
 Cầu thẻ thủy ngồi tro cổ độ,
 Quán thu phong đứng rū tà huy.
 Phong trần đến cả son khê,
 Tang thương đến cả hoa kia cỏ này!*

Theo luật Tiêu Trưởng của Âm Dương, Dịch Lý đã quả quyết: “Lên cao là để xuống thấp, không xuống không được! Xuống thấp rồi lại lên cao, không lên cũng không được! Đó là luật Tuần hoàn của Tạo hóa. Đừng bao giờ có ảo vọng, Mặt Trời sẽ không bao giờ lặn! Câu *Nhật vāng tắc nguyệt lai, Nguyệt vāng tắc nhứt lai*, từ khi có loài người đến nay chưa bao giờ sai lạc.

Nhân những điều đã nói trên, Lão Tử đã khéo khai thác câu “Âm trung hữu Dương cǎn; Dương trung hữu Âm cǎn” thành ra một chương nói ròng về luật Phé Hung:

*Tương dục hấp chi, tất cốt trương chi
 Tương dục nhược chi, tất cốt cường chi.*

Tương dục phế chi, tất cố hưng chi.

Tương dục đoạt chi, tất cố dũ chi.

Thị vị vi minh

(Chương thứ 36 – Đ.D.K)

Câu này có 2 nghĩa, một tích cực, một tiêu cực:

a. Tiêu cực: Nếu muốn làm cho đó thu rút lại, hãy làm cho đó được mở rộng thêm ra.

Nếu muốn làm cho đó bị yếu đi, hãy làm cho đó được mạnh thêm lên.

Nếu muốn vứt bỏ đó đi, hãy làm cho đó hưng thịnh lên.

Nếu muốn cướp đoạt đó, hãy làm cho đó có nhiều thêm lên[1]

Đó, tức là ý nghĩa nhiệm màu của câu “Ích chi nhi tổn, tổn chi nhi ích” cũng của Lão Tử. (Thêm là bót; Bót là thêm). Như cái đòng đưa, khi nó qua bên hưng, cường... mà ta lại đẩy cho nó lên cao hơn, tức khi nó bị đánh trả lại (phản phục), nó sẽ đánh mạnh và tự hủy, tự diệt một cách mau lẹ tan tành khó tránh. Cho nên, theo luật “vật cực tắc phản, vật cùng tắc biến”, ta như nhà Nhu thuật (Jiu-Jitsu) hay Nhu đạo (Judo) thay vì chống đỡ lại đòn tấn công bên địch, ta sẽ tránh qua một bên, tiếp sức cho bên địch đi quá đà tấn công... mà mất quân bình và suy yếu, ta chỉ đánh nhẹ một đòn, nó cũng phải chết. Đó là “tương dục nhược chi, tất cố

1. Một cách u măc, có nhà văn viết: “Nếu anh ghét ai, đừng nói xấu nó, hãy nói tốt nó... Đưa nó lên cao, là giết nó mau lẹ hơn, nó sẽ chết vì lòng tự cao tự đại!”. Nham hiểm thật! Vậy mà người đời, chúng ta đều rất thích nghe lời khen tặng, đua nịnh.

cường chi”. Cũng là phép dụ địch đi sâu vào nội địa để đánh úp chúng bằng du kích hay phục kích cho nó bị đánh bất ngờ hoặc bị sa lầy (tới không được, mà lui cũng không được).

Binh thư cấm việc đem quân vào “thành không”, như mình tống mạnh vào cái cửa để mở rộng – Nguy lầm!

Thiệu Khang Tiết, trong Hoàng Cực Kinh Thế có nói: “Sống trong thời loạn, hãy cầu cho loạn cực, vì “loạn cực trị sinh” (dương cực, âm sinh).

Việc trong thiên hạ từ xưa đến nay, xét cho kỹ đều đúng như thế. Cây cung mà căng quá sẽ chùng đi, cho nên nếu muốn cho nó gãy đứt, thì hãy làm cho nó căng thêm. Một quả bóng mà cứ bom cho nó thêm to, nó sẽ nổ.

Trong lịch sử Tây phương ngày xưa, đế quốc La Mã hùng cường đến bực nào, ảnh hưởng lan tràn chung quanh Địa Trung Hải đến đôi người La Mã xem cái biển này như một “cái ao nhà”; nhưng La Mã càng mạnh bao nhiêu càng trở thành yếu bấy nhiêu, vì bờ cõi càng được mở rộng chừng nào thì năng lực kiểm soát để khống chế lại càng giảm đi chừng ấy. Đó là chưa nói đến lòng kiêu căng khinh địch và lo hướng thụ của những người đại thắng dễ đưa đến suy vong!

Sử gia Arnold J. Toynbee, trong quyển “Guerre et Civilisation” đã nhận xét rất chu đáo nguyên do sự sụp đổ quá đau thương của đế quốc La Mã: “Sự sa đọa và diệt vong của đế quốc La Mã ngày xưa có hai nguyên nhân chính sau đây:

a. Nhờ lật đổ vương quốc Macédoine, người La Mã bấy giờ cảm thấy hiu hiu tự đắc rằng không còn ai là đối thủ và địch thủ với mình nữa, nghĩa là không còn

một cường quốc nào dám thách đố uy quyền tối thượng của mình nữa.

b. Sự sống xa hoa truy lạc, sống trong sự khoa trương hách dịch cả vật chất lẫn tinh thần, quan liêu hống hách của con người chiến thắng xem bọn chiến bại như một bầy nô lệ tội lỗi phải luôn luôn khὸm lưng cúi cổ, chịu sự lợi dụng và vơ vét đến tận xương tủy, lại được tăng cường nhờ sự chuyên chở các châu báu ngọc ngà vàng bạc đã vơ vét sạch tại Macédoine về nước. Người chiến thắng đâu có dè và hiểu được rằng sự sút lụn bại tinh thần do sự lo thụ hưởng những chiến lợi phẩm của kẻ chiến bại để lại là một đòn chí tử mà kẻ chiến bại là Annibal đã dành riêng cho bọn người chiến thắng La Mã”.[1]

Trong lịch sử Trung Hoa thời Chu mạt, Ngô Phù Sai thắng Tề, sinh lòng tự đắc về sự chiến thắng và hung thịnh của mình.

Ngũ Viên thấy vậy can: “Trời định làm mất nước nào thì cho nó có điều mừng nhỏ, rồi bắt có điều lo lớn! Việc

1. “Si l'on demande pourquoi cette ‘maladie sociale’ ‘s'enflamma’..., deux raisons peuvent être données en réponse: La première était qu'avec le renversement du Royaume de Macédoine, les Romains sentaient qu'il ne restait plus de puissance au monde qui pût défier leur suprématie. La seconde raison était que l'ostentation matérielle, privée et publique, à Rome, avait été énormément accrue par le transfert à Rome des biens de Macédoine”.

“Les vainqueurs ne comprirent pas que cet état d'esprit même était la prévue de la défaite morale que le vaincu des armes, Annibal, avait réussi à leur infliger...”

(Guerre et Civilisation, A. Toynbee, l'Envirrement de la Victoire, page 169, Gallimard, 1953)

thắng Tề chẳng qua là điều mừng nhỏ, tôi e rằng sắp có điều lo lớn đến nơi!”

Câu Tiên, theo kế của Văn Chủng, đem vàng bạc, châu báu, gái đẹp, gỗ tốt... dâng cho Phù Sai. Kế của Văn Chủng, căn cứ vào câu “tương dục đoạt chi, tất cố dữ chi”... Hãy cho, hãy tặng... để rồi lấy lại dễ dàng như trở bàn tay.

Người ta thúc đẩy, giúp đỡ anh “dương lên cao”, “mở rộng thêm”, đẩy ư? Đó là anh sắp bị người ta “rút bớt” lại, “thu rút” lại đó!. Người ta viện trợ cho anh nhiều để anh được mạnh, là người ta muốn cho anh suốt đời sống nhờ mãi viện trợ của người ta, anh luôn luôn là kẻ thọ ân và tôn thờ quyền uy tối thượng của người ta. Người ta “ban ân huệ hậu trọng” là để anh làm tôi mọi không công cho ý đồ bành trướng thế lực của người ta đấy thôi!

Ngày xưa, Trang Công biết Thúc Đoạn sắp làm loạn để cướp ngôi thiên tử của mình, khi nghe quần thần biểu tấu, giả vờ bỏ qua tỏ ra như một người anh có nghĩa... Đợi Thúc Đoạn tu binh mãi mã mạnh rồi, mới hung binh tận diệt với danh nghĩa “trị loạn”: đó là thuật “nuôi loạn” để mà “trị loạn” vô cùng nham hiểm và tàn ác. Thủ đoạn ấy, cũng lấy theo câu của Lão Tử “tương dục phế chi, tất cố hung chi”.

Cái thuật “thâm u, sáng tỏ” này, ta chẳng nên chẳng lưu tâm đến! Lòng thì “thâm u” bí hiểm, nhưng bề ngoài là quang minh chánh đạo... Thủ đoạn của bất cứ đế quốc nào cũng đều như thế cả!

Luận giả về sau,[1] có kẻ ghép Lão Tử vào phái âm

1. Luận giả về sau như Vương Ứng Lâm cho rằng: “Chính lời nói trên đây của Lão Tử là lời nói của mưu lược. Phạm Lãi và Văn Chủng đã dùng

mưu thủ đoạn là oan cho Lão Tử, vì chính với câu này, Lão Tử đã phá vỡ thủ đoạn của bọn âm mưu trá thuật thời Chiến Quốc, để răn người đang được kẻ khác giúp cho được “trương”, “cường”, “hung thịnh” nên cẩn thận coi chừng thủ đoạn nham hiểm của chúng. Cho hay, cái lợi nào mà chẳng có cái hại của nó. Dịch Lý bảo: Lợi nhỏ, hại nhỏ; lợi to, hại to... cũng như Thắng là Bại, mà Đại thắng là Đại bại.

Trong Chiến Quốc sách có nói:

Thắng một trận làm Thiên tử

Thắng hai trận làm Chư hầu

Thắng luôn ba trận, mất nước.

Vua Trang vương nước Kinh muốn đánh nước Trần, sai người qua dò xét tình hình. Người về nói:

- Nước Trần không nên đánh!

Trang vương hỏi:

- Tại sao?

Người ấy thưa:

- Nước Trần thành cao, hào sâu, kho tàng súc tích rất nhiều!

Trong triều có Ninh Quốc lại nói:

- Như vậy nước Trần nên đánh lắm! Trần, vốn là nước nhỏ mà kho tàng súc tích quá nhiều, là đã đánh

.....
 câu này để giết Ngô Phù Sai và diệt luôn nước Ngô. Trương Lương gốc cũng dùng câu này để diệt Sở giết Hạng Vũ. Họ Vương bảo: “Bạn đạo gia là hạng người cơ mưu thâm trầm, mưu lược không lường, nếu đem ra mà thi hành trong chiến thuật thì thiên hạ không còn ai địch nổi!”

thuế quá nặng. Thuế nặng, dân oán, thành cao, hào sâu, dân phục dịch quá nhiều, dân đã kiệt sức. Nếu ta đem quân sang đánh, tất lấy được nước Trần.

Trang vương nghe lời, đem quân sang đánh, quả lấy được nước Trần.

*
* *

Cho nên, sau khi chiến thắng, bên ngoài thấy là thắng trận, bên trong đã suy sụp nhiều rồi... Đó là con đường tự hủy vậy. Sau cái thắng, thường là cái bại.

Phần thì quá mệt mỏi, đói khát vì chịu đựng quá nhiều gian khổ, kẻ chiến thắng cảm thấy mình có quyền hưởng thụ... nên dễ tìm đủ cách để thụ hưởng trên đống bạc vàng đã được tịch thu của kẻ chiến bại... Thành ra mới sinh ra phong trào thụ hưởng... rồi thì các bọn tham lam quyền thế có cơ hội thuận tiện thụ hưởng hon, bắt đầu tranh quyền giết lẫn nhau đến không còn một tên bợm cướp nào cả. Như bọn quân nhân của Đại đế Alexandre, sau khi Alexandre thăng hà, bọn tướng tá trở guom đáo đâm chém nhau suốt 42 năm. Khoảng 323 trước Công nguyên đến 281 trước Công nguyên, bị thất trận Lysimaque tại Couroupédion [1]

1. "Démoralisés au lendemain de leur victoire par la splendeur et l'immensité de leur butin, ces nouveaux maîtres d'un monde violenté sont capables de se rendre mutuellement 'de menus services' jusqu'à ce qu'il ne reste plus un seul brigand de la bande pour se repaître du butin. Observons les Macédoniens, qui, après avoir envahi l'Europe achéménide et poussé au-delà de ses frontières les plus éloignées jusque dans l'Inde dans les 11 années qui suivirent le passage d'Hellespont par Alexandre, tournent ensuite leurs armes

Có khắc nào câu chuyện ba tên ăn cướp. Có 3 tên ăn cướp vào cướp của một người nhà giàu. Sau khi cướp xong, chúng dừng lại nghỉ trong một khu rừng. Mới sai tên nhỏ nhất lấy tiền ra chợ mua đồ ăn để khao một bữa, trước khi chia của. Thằng nhỏ nghĩ: “Giờ đây ta sẽ giàu... nhưng chia ba, thì ta làm sao ăn trọn gói? Vậy ta phải tìm cách nào trừ diệt chúng. Ta sẽ bỏ thuốc độc vào đồ ăn. Thì ta chỉ có một mình mà tưởng tận!”. Nhưng trong khi đó, hai tên cướp kia cũng nghĩ như thế: thủ tiêu thằng nhỏ khi nó về. Thằng nhỏ bị hai đứa kia giết, chúng bèn cùng ngồi lại ăn, trúng độc chết hết.

Câu chuyện ví von để kể cho bầy trẻ nhỏ học, mà sự thật trên đời cũng chỉ một thế! Bọn tướng tá của Alexandre sau khi Đại đế thăng hà, đều trở giáo guom tàn sát lẫn nhau. Thi hài vua thì bỏ đó, trọn 8 ngày chẳng ai nhìn tới, khói hương vắng lặng. Kể trong lịch sử Đông phương, cổ kim chưa có thời nào phân tranh, nội tình rối loạn và đại biến nhu thế, khoảng chừng 2 thế kỷ, từ khi vua Alexandre băng đến khi La Mã sang cai trị.

Phải chăng như đã nói: “Đại thắng là đại bại!”

*Kỳ thành giả, hủy dã,
Tức thành, tức hủy.*

*
* *

Trong chương thứ 5, quyển *Lois des Révolutions*,

.....
l'un contre l'autre avec une égale férocité pendant les 42 années qui s'écoulent entre la mort d'Alexandre et la défaite de Lysimaque”.

dành riêng cho vấn đề “Sự thù địch trong khu kẻ chiến thắng” (La discorde au camp des vainqueurs) có nhiều đoạn miêu tả rất tỉ mỉ việc tàn sát nhau sau khi thắng trận, giành giụt con mồi vừa hạ sát.

Cuộc Cách mạng Pháp 1789, người đồng bào tàn sát đồng bào một cách khủng khiếp vô nhân đạo hơn các cuộc chiến tranh ngoại xâm. Phe thắng trận nào cũng tàn sát phe thất trận không nương tay... Arnold J.Toynbee, trong quyển đã nói trước đây “Guerre et Civilisation” có nhận xét: “En réalité, lorsqu'une marche fait demi-tour et met en pièces l'intérieur de sa propre société, elle s'arrange généralement pour maintenir l'ennemi extérieur à distance de la main gauche tandis qu'elle livre une guerre fratricide de la main droite... Lorsqu'une marche se tourne contre son propre intérieur, elle prend l'offensive dans une véritable guerre civile, et chacun sait que les guerres civiles sont menées avec plus de haine et de férocité que toutes les autres” (p. 134,135).

Khi một đội quân trở đầu quay về nhắm vào đồng loại của mình (như trường hợp các tướng tá của vua Alexandre) phải biết, thật đáng ghê tởm! Nội chiến nào cũng đáng sợ... Cách mạng Pháp năm 1789, xác đồng bào chết thành núi, máu chảy thành sông... Sự thanh trùng nội bộ, phe thắng thường là phe bị tai họa dữ dằn nhất, sau bọn người bị hạ bệ.

Tài của Hàn Tín quá cao, cao hơn Cao tổ quá nhiều nên phải bị hại; nếu biết công thành thân thối, từ bỏ chỗ cao xuống chỗ thấp như Trương Lương, Phạm Lãi thì may ra mới mong bảo vệ được tánh mạng nhỏ bé của mình!

Để tạm kết luận, xin nêu lên lời khuyên tâm huyết của Kinh Dịch, nhất là của Đạo Đức Kinh: “Công thành, thân thoái, thiên chi đạo” mà tự mình rút lui trước khi bị “thiên số” hành hạ. Câu “công thành, thân thoái” đúng là Thiên đạo: “Cao giả úc chi”. Người “quân tử” theo Dịch học, là kẻ hành động luôn luôn kịp thời, túc là kẻ “tri tiến thoái, tồn vong chi đạo, nhi bất thất kỳ chánh dã”, chứ không khi nào như bọn ngu phu, ngu phụ ngồi lì mãi một chỗ hầu tận hưởng vinh hoa.

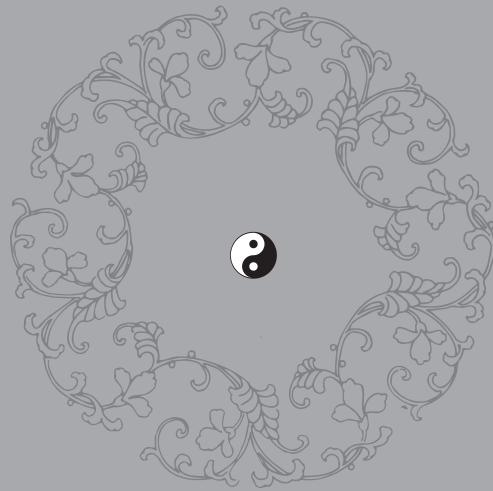
Bởi quá tinh thông Dịch Lý, nên Lão Tử mới nói: “Ngã hữu Tam bảo... Nhất viết Từ, Nhì viết Kiệm, Tam viết bất cảm vi thiên hạ tiên”. Cho nên nhờ biết “ngoại kỳ thân” mà không ai hại mình nổi và được “tồn tại” mãi mãi...

“Ngoại kỳ thân” là để thân mình tự do không gò bó vào một tổ chức nào của nhân vi.

Để kết luận quyển *Kim Vân Kiều*, Nguyễn Du đã hết sức sáng suốt nói lên câu nói cuối cùng:

*Có tài mà cậy chi tài,
Chữ Tài liền với chữ Tai một vần!*

QUYỀN THƯỢNG



1. BÁT THUẦN KIỀN^[1]

八純乾

Kiền: Sức sáng tạo
hoặc *Đáng Tạo hóa*



“Kiền giả, Kiền dã”
乾者，建也。
Tượng: con Rồng

Quẻ có 6 hào dương. Hào dương là nguyên lực *rất mạnh* (cương Kiện), *sáng*, và rất *hoạt động*, không bao giờ chịu đứng yên, *Kiền, là thiên biến vạn hóa*.

Có 2 nghĩa, a) thuộc về *vũ trụ*, b) về *việc người*. Tức là nói chung về *sức sáng tạo của Tạo hóa*; và *sức sáng tạo của Con người* (cũng đồng với *sức sáng tạo của Tạo Hóa*). Người không sáng tạo, kể như là gỗ mục!

Về *sức sáng tạo của con người* (*đồng với Tạo Hóa*), nói về *sự sáng tác các công trình văn nghệ của các bậc Hiền Thánh* (bất cứ thuộc về *hạng người nào* chứ

1. có 2 giọng đọc: *Kiền* hoặc *Càn*. *Kiền*, là tên quẻ đầu tiên của Dịch Kinh; *Càn*, là sự nóng, khô ráo. Nên phân biệt, để đọc cho đúng giọng.

không riêng gì hạng người cầm quyền trị nước) có công dụng giúp cho thiên hạ tinh ngộ và ý thức rõ vai trò thiên lý ẩn nấp nơi mỗi người!

Quẻ này thuộc về tháng 4 âm lịch (tháng Ti). Tháng mà Kiền khí (hay dương khí) lên đến mức cao nhất (tối vượng), trước Hạ chí và sắp sang Thu... (tiết Man chủng).

Tượng quẻ Kiền, là quẻ Ly biến thể, tượng Mặt Trời, nguồn sống của vạn vật trên quả Đất.

Thoán từ

Kiền, nguyên, hanh, lợi, trinh
乾，元，亨，利，貞。

Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh, là 4 đại đức của Kiền. Với 6 hào Dương, Kiền có nghĩa là *sức sáng tạo của Trời* hay *Tạo Hóa*. Dịch, không quan niệm chữ Trời (Thiên) như là một Đấng Tạo Hóa được nhân cách hóa, mà là một Nguyên lý Sáng tạo trong Vũ Trụ.

“*Đại tai! Kiền Nguyên, vạn vật tư thi, nãi thống Thiên*”
大哉。乾元，萬物資始，乃統天。

Lớn thay! Đức Nguyên của Kiền, vạn vật nhờ đó mà bắt đầu sinh ra. Đức “Nguyên” này quả đã thống quát cả đạo Trời!

Đây là lời tán đúc Nguyên của Thoán Truyện.

“*Vân hành, vũ thí*
“*Phẩm vật lưu hình*
雲行，雨施
品物流行。

Thoán truyện, giải về đức Hanh 亨 của Kiền như sau:

“Hanh, là sau khi vạn vật sinh nở, cũng nhờ Kiền khí nung nấu mà tụ lại thành hình, như “tinh trùng” gấp được “noãn bào” nên trụ lại mà tạo ra thai bào, gọi là “lưu hình”, tượng như mây bay mưa đổ (vân hành, vũ thí) mà vạn vật đều được hiện ra có đủ hình thức (phẩm vật lưu hình). Chữ “lưu 流”này đồng âm và đồng nghĩa với chữ “留”, là “để lại”, “giữ lại” để rồi “luân lưu 輪流”.

“Đại minh chung thủy

“Lục vị thời thành,

“Thời thừa lục long, dĩ ngự thiên.

“Kiền đạo biến hóa

“Các chánh Tánh Mạng

“Bảo hợp Thái Hòa, nãi Lợi Trinh”.

大明終始。

六位時成。

時乘六龍，以御天。

乾道變化。

各正性命。

保合太和，乃利貞。

Nói về nhơn sự, đức “Nguyên Hanh” đã tạo ra một bậc Thánh nhơn rồi: có hột giống tốt (nhân), có đất tốt để trồng (duyên), như vậy, là đã có đủ thánh đức để thành bậc Thánh rồi. Bởi Thánh nhơn đã có đủ nhân quả tốt, đã có chung thủy (đại minh chung thủy)... trải qua 6 hào của quẻ Kiền, nhận rõ chữ “Thời” qua các hào ấy nên có khác nào đã *được cõi Rồng bay trên trời* (“thừa lục long dĩ ngự thiên”) rồi tùy cơ mà biến hóa (tùy cơ nhi biến). “Lục long” là nói về 6 hào quẻ Kiền.

Sáu hào, là *sáu thời* khác nhau do địa vị khác nhau, Thánh nhơn tùy thời mà xử sự đâu xong đó. Chữ “chung” là nói về chữ *Trinh*; còn chữ “thủy” là nói về chữ *Nguyễn*.

Đạo Kiền biến hóa; các vật, vật nào cũng được Chánh khí của Kiền mà được Tánh Mạng của riêng mỗi vật, thì hãy nên cố mà gìn giữ nó, cho được chỗ Thái hòa của mình, chớ để cho mất đi. Đó là được cả cái Lợi và cái Trinh túc là cái Chánh của mình.

“*Kiền đạo biến hóa*” thì phải theo đó mà *biến mãi theo thời*; như *tú thời*, các mùa luân phiên biến đổi không ngừng, thì ta đâu có thể cố chấp mà giữ mãi trong một hình thức nào cố định không bao giờ thay đổi! để bị lỗi thời.

Tuy nhiên, dù có biến cũng phải cố giữ Tánh Mạng của mình chứ không biến theo kẻ khác mà làm mất Tánh Mạng của mình, như các thứ hoa trổ dưới ánh mặt trời, cây hoa nào trổ hoa nấy! *Người Quân tử*, vì vậy, không bao giờ bắt chước theo ai, mà cũng không bao giờ đem mình gò bó trong một khuôn thức cố định nào do kẻ khác bắt buộc. Thánh nhơn là một *con người Tự do*, hoàn toàn Tự do, túc là *người bảo toàn được Thiên Chân của mình*! trở về với ngôi vị của mình (*Thiên Chân, là “tòn Thiên bảo Chân”*).

“*Tạo sinh*” là do 2 chữ *Nguyễn, Hanh*; còn “gìn giữ” cái mà ta đã được *tạo thành* ấy, là do 2 chữ *Lợi, Trinh*. “*Lợi*” là được thuận lợi, không bị ngăn trở; “*Trinh*” là gìn giữ vững bền cái Chánh của mình (bất thất kỳ chánh dã). Cho nên, mới nói: chỉ có bậc Thánh nhơn mới giữ bền được cái Chánh của mình, thường nhơn

dù được Nguyên Hanh, nhưng không giữ bền được chỗ Lợi Trinh “*Vĩnh Trinh 永貞*”

Bởi vậy, Dịch bao giờ cũng căn dặn: “*lợi, trinh, kiết 利貞吉*”. Lại nói: “*Kỳ duy Thánh nhơn hồ! tri tiến thoái, tồn vong chi đạo nhi bất thất kỳ Chánh giả, kỳ duy Thánh nhơn hồ!*”

(Ôi! Chỉ có bậc Thánh nhơn mà thôi sao? Biết lúc tiến mà tiến, lúc thối mà thối; biết phải giữ cho còn mà giữ cho còn; biết phải làm cho mất mà làm cho mất đi, nhưng không bao giờ làm mất chỗ Chánh Trung của những lúc ấy. Ôi! Chỉ có bậc Thánh nhơn mà thôi sao?)

“*Thủ xuất thứ vật, vạn quốc hàm ninh.*”

首出庶物，萬國咸寧。

Thánh nhơn mà được cái “lợi trinh” ấy, người người sẽ nhìn vào đó coi như là gương mẫu. Nhà mà được một người như thế, là nhà hạnh phúc. Nước mà có được một người như thế là nước hạnh phúc, vạn quốc nhìn vào mà được “hàm ninh”.

*
* *

Dịch bảo: “*Các hữu Thái Cực*”, có khác nào nhà Phật bảo: “*Các hữu Phật Tánh*”.

“*Các hữu Thái Cực*” là gì, nếu không phải là “*Các Chánh Tánh Mạng*”; vậy sao lại còn bảo: chỉ có bậc Thánh nhơn mới có được đầy đủ bốn đức Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh? “*Kỳ duy Thánh nhơn hồ*”... (Ôi! Chỉ có bậc Thánh nhơn mà thôi sao?)

Sở dĩ chỉ nói đến bậc Thánh nhơn, là vì chỉ có Thánh

nhơn mới giữ được 2 chữ *Lợi Trinh* “*bảo hợp*” được “*Thái Hòa*” (một danh từ dùng để ám chỉ Đạo noi con người, noi mọi vật). Lão Tử gọi đó là *cái Tâm của con đở* “*Xích tử chi tâm*”, Thiền gọi là “*Bản Lai diện mục*”.

Kẻ mà “đức” dày, giống như “con đở”. “*Hàm đức*” được “*dày*”, tức là “ngậm đủ 4 đức *Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh*” của Kiền.

*
* *

Một câu chuyện về Thiền đạo Trung Hoa sau đây, gợi cho ta ít nhiều ý kiến trên:

Có một đệ tử hỏi Thiền sư Triệu Châu:

– Thưa thày, Phật bảo “*các hữu Phật tánh*”; vậy con chó có Phật tánh không?

Thiền sư nói:

– Có.

Lại hỏi thêm:

– Còn như con, con có Phật tánh không?

Triệu Châu trả lời:

– Không!

*
* *

“*Phật tánh*”, cũng gọi là “*Bản lai diện mục*”, là “*Xích tử chi tâm*”, là “*Thiên Chân*”... đâu đâu cũng có. Một may mà ta tỉnh ngộ, thì cái Mê của ta sẽ mất hẳn! Ta sẽ thấy Ta và Vạn vật liên hợp với nhau một cách rất

huyền diệu, tức là chỗ mà Thiền gọi: “*Ta là Vạn Vật*”; “*Vạn vật là Ta*”

“*Phật tánh*”, cũng gọi là “*Thiên Chân*”, hay “*Bản lai Diện mục*” đâu đâu cũng có, trong các loài thảo mộc và cầm thú... Nhưng, chỉ có con người có những nếp sống giả tạo vì đã bị đồng hóa với những ước lệ giả tạo không tự nhiên của xã hội nên đã mất dần cái *Bản lai Diện mục* mà Dịch gọi là cái “*Thái Hòa*” nên không còn thông cảm được nữa với cái Bản lai Diện mục của vạn vật!”

Trở lên, là để trả lời câu thắc mắc của người học Dịch: “Nếu bảo rằng “*Các Chánh Tánh Mạng*”, sao lại còn bảo: “Chỉ có bậc Thánh nhơn mà thôi sao?”

*
* *

Đại Tượng

Thiên hành Kiện
Quân tử dĩ tự cường, bất túc
 天行健
 君子以自強不息。

Hành động của Trời mạnh mẽ lắm; người quân tử, noi theo đó, mà bất cứ hành vi nào cũng *tự cường, tự lực*, không bao giờ ngưng.

Chữ “*Kiện*” là sự *cường Kiện*, là cứng rắn và lâu bền.

“*Tự cường*” là một đức tính đặc biệt của Trời là then chốt của cả một đời người quân tử. Có tự cường là phải có “*tự lực*”... người quân tử không bao giờ chịu nhờ đến bất cứ một thứ “*tha lực*” nào. Còn mong đến *tha lực*, chưa phải là đức Trời! Cho nên *người quân tử tu đức*,

là tu theo tự lực, chứ không theo tha lực. Tu “tự lực” là Chánh, tu “tha lực” là Bất Chánh mà Chánh mới thực là khí phách của người quân tử! “Tự cường”, cần phải “Bất túc”.

“*Bất túc*” là không bao giờ bỏ dở một việc làm gì. Không phải “tự cường”, “tự lực” một lúc nào cao hứng thôi, lâu ngày thối chí mà bỏ dở... Trái lại, phải trì chí kiên gan và luôn luôn nhẫn耐... Có hột giống nào đang mọc, lại mọc nửa chừng không? Cho nên 2 chữ “*bất túc*” tuy đi sau 2 chữ “*tự cường*” kỳ thực đó mới là đầu não. Có “*bất túc*” thì việc làm nào cũng được viên mãn. Giữ cho bền vững cho đến cùng, đó là đức *Trinh*. *Trinh* đây là *Trinh Chánh* một danh từ đôi của Dịch học. Phải hiểu như vậy[1].

*
* *

1. “*Bất túc*”, là chìa khóa của thành công, bất cứ ở địa phận nào. Ai đã từng luyện tập phương Thái Cực Quyền sẽ dễ thấy sự quan trọng mà phần Đại Tượng quẻ Kiền dạy bảo “*Tự cường, bất túc*”.

Cốt yếu trong *Thái Cực Quyền*, là ở 3 nguyên tắc chính này, mà điểm thứ nhất, là sự “*liên quán*”.

Nhất cử nhất động, toàn thể châu thân phải theo 4 chữ “*khinh linh*” và “*liên quán*”. “*Khinh linh*”, là “linh động nhẹ nhàng” như con mèo đi, không nghe tiếng động; còn “*liên quán*” là *cử động* phải được vừa hư vừa thực “*liên miên nhất quán*”...

Cần có công phu này, mới hiểu được ý nghĩa vô cùng linh diệu của Đại Tượng: “*Thiên hành Kiện, quân tử dĩ tự cường bất túc*”.

Ngày xưa, không một người Trung Hoa đại trí thức nào học Dịch đạo mà chẳng biết hành sử phép Thái Cực Quyền... Đó là hợp được cái học của Tam Huyền (tức là cái học của Dịch, Lão và Trang).

Thái Cực Quyền một sáng chế của Trương Tam Phong một Đạo sĩ phái Võ Đang toàn căn cứ trên quyền Đạo Đức Kinh của Lão Tử, nhưng lại là đệ tử của một Thiền sư.

Tiểu Tượng

Sơ Cửu: Tiềm Long, vật dụng. Dương tại hạ dã.

初九：潛龍，勿用。陽在下也。

Sáu hào “*dương*” trong quẻ, đều là *Rồng* cả (*Rồng*, là tượng Khí *dương*).[1]

Hào Sơ, tượng con *Rồng* còn nhỏ, chưa thể làm nên việc “vân hành, vũ thí” để mưu hạnh phúc cho nhân sinh, nên khuyên: “Chớ dùng”! Dùng cái gì? Dùng đến cái Tài Đức của mình sớm quá. Người quân tử nên sống trong cảnh “tiềm ẩn” để tiến đức tu nghiệp, đừng ham ra mặt với đời quá sớm! một cái “bệnh chung” của con người!

Thường tình, ai cũng vậy! Có Tài bao giờ cũng muốn ra mặt giúp đời! Đó là đức *dương cương* của Kiền, dù đang còn ở hào sơ cho nên lầm kẽ tu chua đắc lại ham đi phổ độ quần sinh, và cho đó là bốn phận của người “trí thức” không nhiều thì ít... Thiện chí, tuy đáng khen, nhưng kết quả... rất tai hại! Có “*tự giác*” mới đi làm công việc “*giác tha*”, mà “*tự giác*” đâu phải dễ! Bởi hiểu rõ tâm tư con người, nên hào từ có lời răn đe: *Rồng* còn yếu lầm, chớ vận dụng sức mọn của mình... “dương đức còn thấp lầm”! (*dương tại hạ dã*).

Dịch, bởi vậy, mới có lời khuyến cáo: “*Đức bạc nhi vị*

1. *Rồng*, theo “*Tâm Lý Học về bè sâu*” là để ám chỉ Đạo Kiền đang còn nằm yên trong Tiềm thức, giai đoạn con “*Thần Xà*” còn đang ẩn dưới huyệt Trường Cường và Hội Âm (quẻ Khôn tiên thiên). Kiền khí đang “phục” ở chốn âm u (Tý cung, phương Bắc)... Từ chốn âm u (Khôn) và quẻ Phục, Kiền khí (*Rồng*) mới trồi lên lần lần trên mặt đất, đó là hào Cửu Nhị quẻ Kiền “*hiện Long tại điện*”.

tôn; trí tiếu nhi mưu đại; lực tiếu nhi nhiệm trọng, tiến bất cập hỉ! 德薄而位尊，智小而某大，力小而任重，鮮不及矣！” Đức mỏng mà ngôi vị cao; trí nhỏ mà lại đi mưu việc lớn; sức nhỏ mà đi gánh việc nặng, ít thấy ai được thành công!

Không thành công, có sao, nhưng còn bị tai họa khủng khiếp là khác nữa! Chẳng những gây tai họa cho mình, lại còn gây tai họa cho người là khác!

*
* *

Cửu Nhị: Hiện long tại điền,

Lợi kiến đại nhơn.

九二：見龍在田利見大人。

Hào Nhị, cũng là hào dương, ở đây là được *đắc Trung* *đắc Chánh*: đó là bậc Đại nhơn rồi! Cửu Nhị rất có lợi mà đi tìm Cửu Ngũ, cũng là một Đại nhơn đắc trung đắc chánh ở ngôi chí tôn, được thêm Dương cư Dương vị, hon Cửu Nhị một bực là khác! Có lợi mà gặp Cửu Ngũ để cho chí đồng đạo hợp cùng giúp nhau mau thành đại sự, rất ích lợi cho cả thiên hạ.

Hào Nhị, khác xa hào Sơ Cửu, vì *Sơ* là “Rồng ẩn”, còn *Nhị* là “Rồng hiện”.

“Rồng ẩn” nhu “Rồng hiện” đều có cái đạo của nó!

“Rồng ẩn”, tức là người quân tử, vì một lý do gì không thể thi thố, nhất là vì Tài Đức còn chưa được đầy đủ... thì phải biết an phận, giữ vững “long đức” của mình đừng chạy theo thế tục mưu cầu phú quý! “Long đức nhi ẩn giả dã, bất “dịch” hồ thế 龍德而隱者也，不

“易”乎世。”. Không lảm tát ham khoe khoang, sợ không ai biết đến cái “tài hèn” của mình! (“*Bất thành hồ danh 不成乎名。*”). Người ta hay tự xử nhũn nhặn, tự gọi “Kẻ hèn này!” nhưng có ai vô tình đụng chạm cái “danh hèn” của họ, là họ “nẩy ngược” lên mà chửi bới không tiếc lời... một sự nhún nhường khiêm tốn giả dối! Trò hề của bản ngã!. Là bậc “thánh ẩn” không phải xử thế như vậy! Mà thực sự, nên “lánh đòn” không nên lấy đó làm một việc *tủi nhục mà thẹn thuồng!* cũng *không nên lấy đó làm một sự hãnh diện để khinh người!* Như trường hợp các “ẩn sĩ” gọi là “Trúc Lâm thất hiền” ngày xưa: *Kê Khang* được tiếng là một thi sĩ tài giỏi nhất của nhóm Trúc Lâm. Tư Mã Chiêu sai Chung Hội đến mời ra làm quan. Khi Chung Hội đến cổng, sai người vào báo với *Kê Khang* rằng có sứ của Tấn Công đến. *Kê Khang* ngồi chồm hổm trên ván, sai người mời vào. Chung Hội vào thấy *Kê Khang* có vẻ kiêu ngạo tự phụ, bèn bỏ ra về.

Khang thấy vậy, hỏi: “Nghe thấy gì mà đến, nhìn thấy gì mà đi?”

Hội vừa đi ra, vừa đáp: “Nghe lời đồn mà đến, thấy cử chỉ mà đi!”. Nghe thiên hạ đồn *Kê Khang* văn hay, viết đẹp... lại cũng là người rất đẹp, thiên hạ bảo như “cây tùng”, như “núi ngọc”! Nhưng nay, lại thấy vẻ kiêu căng khinh thế ngạo vật, nên bỏ ra về!

Nói cho cùng, dù thiên hạ không ai biết được cái “tài hèn” của mình, cũng chẳng nên buồn.

Tuy nhiên, nói thế cũng không có nghĩa rằng “Rồng ẩn” chẳng chịu làm gì cả! Nếu có ai vui lòng muốn cho mình làm, thì cứ làm; nếu không ai muốn cho mình làm, thì tránh xa đi, không làm.

Và, nhất định, cái khí tiết ấy, cái phượng châm ấy, quyết gìn giữ trước sau như một, không ai có thể làm lay chuyển nổi! (*Xác hồ kỳ bất khả bat* 確乎其不可拔) (*Bat* 拔 là nhổ đi)

Trở lên, là “đức” của Rồng ẩn, “đạo” của nhà Ân sĩ! của các Đạo sư phái Thiền, của hàng người thuộc về hào Dụng Cửu của quê Kiền.

Còn đức của “Rồng hiện” thì như thế nào?

“*Long đức nhi Chánh trung*” giả dã. *Dung ngôn nhi Tín. Dung Hạnh nhi Cẩn; nhàn tà tồn kỵ thành; thiện thế nhi bất phạt. Đức bác nhi hóa!*”

龍德而“正中”者也。庸言之信。庸行之謹，閑邪存其成，善世而不伐。德博而化。

1/- Trước hết, là đức *Trung Chánh*, bất cứ ở trường hợp nào *Trung Chánh* (hay Trung đạo), nhà Phật cũng lấy *đạo Trung* (tức là *Tâm Hu*) làm gốc, là cốt yếu của *Kinh Dịch*. Cho nên trong 6 hào của các quẻ, chỉ có 2 hào Nhị Ngũ là hào Chánh Trung, vì nó chiếm ở địa vị Trung của nội quái và ngoại quái, còn tất cả không hào nào gọi là đắc Trung cả!

Dịch là gì? Nếu không phải là Trung Chánh? “Dịch, hà dã? Trung Chánh nhi dĩ hi: sử thiên hạ chi bất trung, quy chi vu trung; sử thiên hạ chi bất chánh qui chi vu chánh. Trung Chánh lập nhi vạn biến thông!”

易，何也？中正而已矣！使天下之不中，歸之于中，使天下之不正，歸之于正。中正立而萬變通。

“*Trung Chánh*” là cái trọng tâm, cái trọng lực khiến cho cặp Âm Dương không bao giờ rời nhau được, vạn sự vạn vật không bao giờ ngưng đi cuộc thiên biến vạn

hóa! Cho nên mới nói: Dịch, là gì? Là Trung Chánh mà thôi vậy! Khiến cho việc trong thiên hạ không trung trở về chỗ Trung; khiến cho việc trong thiên hạ những gì không chánh trở về chỗ Chánh. Trung Chánh mà lập lại rồi, thì cuộc biến hóa của vạn vật được thông rồi vậy!

Nói cho đúng, trong vạn sự vạn vật, không có sự vật gì mà không trung, không có sự vật gì mà không chánh. Nghĩa là, *trong những sự gọi là bất trung bất chánh đều đã có sự trung chánh của nó rồi! Tự nhiên, chúng đã tự điều chỉnh lấy nhau để mà tồn tại, cũng như trong mỗi cơ thể, đều đã có sẵn sức đề kháng bảo vệ tự nhiên của cơ thể, phàm có dư thì bớt, có thiếu thì bù (tồn hữu dư, bổ bất túc) như Đạo Trời vậy: “Thiên chi đạo dã!”.* Cho nên mới nói: *Không có gì là không quân bình, ngay trong những gì xảy ra thấy như không quân bình, vì thực sự đó là những thứ quân bình tạm đang tìm cách lập lại quân bình chung của sự sự vật vật trên đồi!* Hay nói cách khác: *chính trong những sự vật mất quân bình, ta mới thấy rõ luật Quân bình của Trời Đất!* và *Chính trong cái Động mà ta thấy được Đạo.*

2/- *Đức thứ hai* của “Rồng hiện” là dùng đến chữ “*Tín* 信” “*Dung ngôn nhi Tín* 庸 言 而 信”.

Hết đã nói, thì chẳng bao giờ lật lọng (nói đi rồi nói lại)! (Ở đây, chữ *Dung* có nghĩa là *dụng* 用 (“*Dung giả, dụng dã*” 庸 者 用 也。).

Có *Tín*, là bởi có *Thành* hai chữ này là chữ đôi, thường gọi chung là *Thành Tín*: Lão Tử căn dặn người học đạo Thánh phải biết tôn trọng chữ *Tín*: dù người ta có không thành tín với anh, hãy cứ giữ thành tín với

họ: “*tín giả* *ngô* *tín chi*; *bất tín giả*, *ngô* *diệc* *tín chi* 信者吾信之，不信者吾亦信之。

Đó là *long đức* của con “*Rồng hiện*”.

Châu Liêm Khê cũng lấy chữ *Thành* làm căn bản cho đạo học của ông, khi ông nói: “*Thánh giả, Thành nhi dĩ hi!* 聖者誠而已矣!”. Chữ Thành đây, là thành thực với mình, và thành thực với người: Thành thực theo bản tính hay chân tâm của mình.

*
* *

3/- *Đức thứ ba* của “*Rồng hiện*”, là làm lợi cho đời mà *không* *cây công*, *không* *kể công*, đúc vừa rộng vừa bao la quảng bác mà không phân biệt kẻ thiện hay người ác, không phân biệt kẻ thân hay người sơ, không phân biệt người cùng giống hay khác giống, người cùng nước hay khác nước... nên cảm hóa được mọi người trong thiên hạ (“*đức bác nhi hóa*”). Hạng thánh nhơn này, cũng là chỗ mà Trang tử gọi là “*chí nhơn vô kỷ, thần nhơn vô công, thánh nhơn vô danh*”. Tức là bậc mà Trang tử gọi là “*cổ chí chân nhơn*” (Chân nhơn ngày xưa), hạng người “*lợi trach u vạn thế, thiên hạ mạc nǎng tri dã*” (làm lợi cho khắp cả mọi người trong thiên hạ đến ngàn muôn đời, vậy mà không ai hay biết gì cả...) “Chữ “*phạt*” đồng nghĩa với chữ “*tri*”.

*
* *

Cửu Tam: Quán tử chung nhứt Kiền Kiền
Tịch dịch nhược lệ, vô cựu

君子終日乾乾
夕惕若厲，無咎。

Tượng viết: Chung nhụt Kiền Kiền

Phản phục đạo dã.

象曰：終日乾乾
反復道也。

Hào Cửu Tam đứng trên chót vót nội quái, nhưng dù có đứng trên cao nhất, cũng vẫn còn nằm trong nội quái. Bảo rằng ở trên, nhưng vẫn còn ở dưới, mà bảo rằng ở dưới, vẫn lại đang đứng trên hết. Nghĩa là, trên thì không hẳn là trên, mà dưới cũng không hẳn là dưới, một địa vị chông chênh rất khó xử... Trên đằng, dưới kéo, lại còn bị 2 hào dưới chạy theo, khiến người ở địa vị dễ bị lôi cuốn mà sinh lòng tham vọng! Làm hoen ố sự trong sạch của mình.

Nhưng, nếu biết lo sợ trước mà đề cao cảnh giác thì cũng có thể không đến bị có lỗi... *tịch dịch nhược lẻ, vô cựu 夕惕若厲，無咎。*

Lời Tượng thêm vào câu khuyên răn: “*chung nhụt Kiền Kiền, phản phục đạo dã*”, suốt ngày làm việc phải biết lo nghĩ đắn đo, luôn luôn nghĩ đến việc mình phải lo trả về đạo làm người của người quân tử (phản phục kỳ đạo 反復其道). Tại sao Thánh nhân cứ mãi răn đe... như vậy. Là bởi Tam tuy đắc chánh “dương cư dương vị” mà chưa được đắc Trung!

Con đường ra đi cho đến lúc tới nơi chốn của Thánh nhơn, tuy có một, nhưng từ nơi khởi thủy đến giai đoạn cuối cùng có thể chia ra làm 6 thời, tượng trưng bằng 6 hào. Kẻ học đạo Thánh hiền phải biết rõ lịch trình trước, để dự phòng mà đối phó hữu hiệu.

Như hào Cửu Tam đây, quả là có “long đức” như các hào Sơ và Nhị, *nhưng tiếc* vì nó lại bị ỏ vào cái thế, tuy đắc chánh mà *không đắc Trung*.

*
* *

Vậy, ỏ địa vị Cửu Tam, phải làm sao đây? Dù sao, Cửu Tam là bậc Thánh trí chưa gấp thời để ra mặt tế thế an bang... bởi Tam còn ỏ trong nội quái, chưa ra được ngoại quái để thi thố tài năng của mình!

Thánh nhân tác Dịch, mở ra cho Cửu Tam một con đường, đó là con đường Văn hóa, “*tu từ lập kỳ thành, sở dĩ cư nghiệp dã*”!

Thánh nhon, trong việc “tiến đức” có 2 con đường “*nội thánh, ngoại vương*”. Phải trước hết có được “*tự giác*” (*nội thánh*), rồi mới “*giác tha*” (*ngoại vương*) *được*. Muốn “*giác tha*”, công trình đầu tiên là thuyết pháp, mà thuyết pháp có nhiều cách, đăng đàn diễn thuyết, dạy học trò, và làm văn viết sách!

Khổng Tử ngày xưa, sau khi thất bại không được cầm quyền thiên hạ, tể thế an bang ông lui về vườn, lo dạy học và san định lại các kinh sách hâu lưu lại đời sau: “*tiến vi quan, thối vi sư*”! Đó là đạo xuất xứ của người quân tử ngày xưa theo Nho học.

“*Tu từ*” là “*lập ngôn, lập đức*”, dùng văn chương, nghệ thuật mà cảm hóa loài người, và lấy đó làm sự nghiệp của mình (“*dĩ ngôn vi sự nghiệp*”).

Cũng nên nhớ đức *Trung Chánh*, là không phải chuyên dạy người trong nhà mình, trong nước mình, dạy về cái đạo yêu nhà, yêu nước hẹp hòi câu chấp...

mà phải mở rộng phạm vi cho cá nhân loại! Có nhiều nhà văn “yêu nước” dạy dân trong nước mình phải biết rõ ai thù, ai bạn... chuyên dạy cách hận thù nhau, chia rẽ nhau... và chỉ lo làm giàu cho dân mình bất cứ bằng phương tiện nào! Đó là lối giáo dục hẹp hòi ngày xưa cha mẹ trong nhà dạy con, ở nhà trường thầy dạy trò... chủ nghĩa quốc gia quá khích... đó là truyền cho con em mình một thói bịnh truyền nhiễm nguy hiểm nhất mà triệu chứng đã báo cho ta biết trước, là thói bịnh ung thư giết mòn sinh mạng của cả một dân tộc”!

Người quân tử không phải là người ích kỷ. Thánh nhơn là người dẫn đạo quần chúng, không nên đi làm công chuyện a dua quần chúng, chạy theo sở dục quần chúng bị những tay phù thủy chánh trị đầu độc và xúi giục để cầu công danh phú quý, mặc dù biết nếu nói ra sự thật sẽ không được đa số quần chúng ủng hộ! Bậc Thánh trí chỉ biết làm “sáng dân”, chứ không làm “ngu dân” bằng cách my dân!

“*Tri chí, chí chi, khả dĩ cơ dã* 知至，至之，可與幾也。” (Biết thì biết tới nơi, đi thì phải đi tới chốn). Hàng Thánh trí làm văn hóa đâu phải là bọn xảo ngôn lợi ngữ, chỉ biết tuyên truyền miệng, mà không bao giờ làm những gì mình đê xeướng! Đó là thiếu Thành Tín đối với người, mà trước hết chính là tự mình làm nhục mình!

Nói về phần học vấn, bậc Thánh trí bao giờ cũng “*tri chí, chí chi*”, “*tri chung, chung chí*”. “*Tri chung*”, là biết rõ mục đích của mình muốn gì?

Trong quyển “*Discours aux sourds*” có câu: “Thời buổi này, hơn cả lúc nào, chúng ta phải biết tự hỏi: “Ta muốn gì? Muốn Tự do hay Nô lệ? Muốn Tự do thì

chớ bao giờ dùng cách nô lệ để mưu Tự do!” Đó là “*tri chung, chung chi*” vậy.

Lại còn có đặc tính khác này, là không bao giờ không lấy chữ “Khiêm hạ” làm gốc, mà đó cũng là đặc tính của những kẻ học Thiền!

Tự cao, là một thói *bản tiện nhất*, mà trong Tướng pháp của Trung Hoa, cho đó là một trong “*lục tiện cách*”!

Vì vậy, hàng Thánh nhon, rất kỵ tánh tự tôn, tự đại bởi *Thánh nhon là người vô kỷ, vô công và vô danh...* Nếu tự cao tự đại, hay khoe khoang thì làm gì có đức *Khiêm*, mà trái lại! Cho nên mới nói: “*Thị cổ, cự thượng vị nhi bất kiêu*” (Ở ngôi cao mà không kiêu thái, hách dịch, ta đây).

Tại sao Thánh nhon lại răn đe hào Cửu Tam về tật xấu này? Là vì Cửu Tam, bị “*trùng cương*” (hào Cương, lại cự trên vị Cương) cũng gọi là “*bội cương*” (2 lần cương) nên có tánh *hay khoe khoang!* Thường, hễ kẻ có tánh *ham khoe khoang* bao giờ cũng lại *thích a dua, phụ họa cầu thân*, mà thường dân hay bảo “*thượng đội, hạ đẹp*”. Trong 6 tướng hạ tiện, kể cả ba: là *thích khoe khoang; thích a dua; và thích công kích nói xấu kẻ vắng mặt!* Đó là 3 trong 6 tướng “tiện”.

Tuy nhiên, hào từ lại nói thêm: “*Kiền Kiền nhân kỳ thời nhi “dịch”, tuy nguy, vô cựu*”

Nếu ở thời vị, “*thượng bất thượng, hạ bất hạ*” như Cửu Tam, mà biết ẩn nhẫn đợi thời, biết dè dặt, lo xa để phòng hờ tai họa, thì không đến đỗi phải có sự lỗi lầm (*vô cựu 無咎*).

Bậc thánh hiền ngày xưa vì biết rất rõ luật “phản

phục bất định” của Âm Dương, tức là biết rõ luật Tứ tượng: “*dương trung hưu âm, âm trung hưu dương*” nên sống luôn luôn trong cảnh đề phòng, vì “*phúc trung hưu họa*”, không như thế nhơn, mà trái lại, luôn luôn phòng bị sự phản trắc của Âm Dương. Vì vậy, đã phòng trước, nên không phải ngõ ngàng khi gặp họa. Đừng cho rằng, như thế, là “hèn” vì hay lo sợ! Lão Tử đã tả rất rõ hành động của Thánh nhơn: “*Cố chi thiện vi sĩ giả, vi diệu huyền thông thâm bất khả thức - Dụ yên nhược đồng thiệp xuyên, do hè nhược úy tú lân!*” 古之善為士也，微妙玄通深不可識。。。豫焉若冬涉川，由兮若畏四鄰。

Bậc toàn thiện ngày xưa, tinh tế, nghiêm mầu, siêu huyền thông suốt, sâu chăng thể dò... Là người rất thận trọng dè dặt như đi trên sông nước đặc, do dự dường như lo sợ, mắt nhìn kỹ bốn phương... Phải chăng là để giáng đoạn “hào tử” hào Cửu Tam.

Đây là điểm cực kỳ quan trọng mà Dịch thường hay răn đe người quân tử.

Cửu Tú: Hoặc được tại uyên, vô cựu

Hoặc được tại uyên, tiến, vô cựu.

或躍在淵，無咎

或躍在淵，進，無咎。

Cửu Tú: là “*dương cư âm vị*” ở vào chỗ bất chánh. Nhìn lên, không bằng Cửu Ngũ, ngó xuống không hơn Cửu Nhị bởi cả 2 này đều là dương cường đắc trung đắc chánh cả.

Dù sao, ở thời Kiền, bản thân là dương cường vẫn là người quân tử, nhưng vì hoàn cảnh và địa vị khó xử: tiến chưa chắc là hay, mà thối cũng chưa chắc là đẹp!

Vậy, cần phải suy nghĩ cho thật kỹ lưỡng, coi có nên tiến hay thối? Nếu biết “*tùy Thời*”, may ra, không lỗi. Tú chỉ hon Tam chỗ có thể tiến, còn Tam thì tuyệt đối không nên tiến: Tú ở ngoại quái rồi, có thể hoạt động, còn Tam thì bị kẹt còn trong nội quái! Nên hào từ có câu: “*hoặc được tại uyên, tiến, vô cựu*” (nếu nhảy lên khỏi vực, không sao cả)! Chữ “*hoặc*” nói lên khả năng được làm hay không muốn làm, miễn là làm cho kịp thời, là hay “*Quân tử tiến đức, tu nghiệp, dục “cáp thời”*” *dã* 君子進德修業，欲“及時”也。

*
* *

Nói “*được tại uyên*”, là rồng đang vượt hang sâu bay lên trên vực thẳm, mà đang còn do dự... vì trước giờ chưa từng bay! “*Hoặc*”, là đang do dự.

Thánh nhơn ở hào Tú có thể *hoặc tiến, hoặc thối*. *Tiến*, là *nhập thế*, bay cao lên nữa và nhận một địa vị xã hội do Vua Chúa ban tặng hoặc được dân chúng bầu lên (tùy chế độ quân chủ hay dân chủ); hoặc “*xuất thế*” lo tu dưỡng trong cảnh “an bần lạc đạo”, hay thanh bần. Nghĩa là người quân tử thời này, nếu theo con đường nhập thế, là “con người hùng”; còn theo con đường xuất thế, là bậc “thánh ẩn”. *Không có gì bắt buộc*, tùy tánh khí của con người “ngoại hướng” hay “nội hướng” mà hành động hợp với bản tính. Bậc Thánh hiền là hạng siêu nhơn toàn là bậc đại hùng đại lực cả, nên hoàn toàn tự do trong hành động của mình, nghĩa là hoàn toàn *không bị bắt buộc phải “hữu vi” hay “vô vi”*.

*
* *

Cửu Ngũ: Phi Long tại thiên

Lợi Kiến đại nhơn

飛龍在天

利見大人。

Tượng viết: Phi long tại thiên,

Đại nhơn tạo dã.

象：飛龍在天

大人造也。

Đây là hào tốt nhất của quẻ Kiền[1].

Hào Cửu Ngũ dương cương đắc trung đắc chánh, lại cũng là ngôi vị Chí tôn, là bậc Thánh Vương như Nghiêu Thuấn bên Trung Quốc ngày xưa, tượng Con Rồng bay lên Trời (Phi Long tại thiên).

Tuy là một Đại nhơn, nhưng việc thiên hạ đâu phải việc đơn thuần mà vô cùng phức tạp phải cần có người phụ giúp đắc lực, cho nên hào từ khuyên, có lợi mà gấp bậc đại nhơn (ám chỉ hào Cửu Nhị).

Nên để ý phân biệt chữ “Long” ở 2 hào Nhị và Ngũ. Tuy cùng là một giống Rồng, nhưng Long ở hào Nhị thua Long ở hào Ngũ, bởi ở Ngũ thì Long đức có sức hoạt động rộng rãi hơn vì đã lên trên ngoại quái rồi! Còn Long ở hào Nhị kém tài năng hơn, vì đây là Dương

1. Hào Cửu Ngũ, là hào chủ chốt của quẻ Kiền, cũng như hào Nhị Lục, là hào chủ chốt của quẻ Khôn.

Hào Cửu Ngũ có 2 nghĩa:

- a. Lợi kiến Đại nhơn (là bảo nêu tìm gấp bậc “đại nhơn”, hay nói cách khác, bậc “Vĩ nhân”, để nhờ sự dạy dỗ.
- b. Nói về cái tài đức và công việc sáng tạo của bậc Thánh nhân (hay hạng Hiền Thánh).

cư Âm vị. Cái hay của Ngũ là dương cư dương vị, đó là cương ngộ cương, cái hay của Nhị là cương ngộ nhu... Thảy đều có chõ hay riêng! Kẻ cầm quyền khác với người phụ tá.

Bởi cùng là một thú Long, mà địa vị khác nhau, nên mới có dùng đến những danh từ như “tiêm”, rồi “hiện”, rồi “dược”, rồi “phi”. Cho nên phải biết tùy thời mà “tiêm”, mà “hiện”, mà “dược”, mà “phi”, chứ đâu phải muốn làm gì thì làm, làm càng làm bướng theo cao hứng nhứt thời!

Tuy cùng là một bậc Đại nhơn, nhưng ở Nhị chỉ mới được thịnh đức, đến Ngũ mới hoàn thành đại nghiệp, mới chuyển tạo được thời cơ, nên hào tú ở Cửu Ngũ mới nói: “đại nhơn “tạo” dã”.

Ngày xưa những bậc đại tài đại đức cõ Truong Luong Phạm Lãi... đều đã tự lượng xét kỹ “Thời” mình chưa làm được hào Cửu Ngũ nên ép mình làm vai trò Cửu Nhị giúp cho Hán Lưu Bang hay Việt Câu Tiễn, để rồi như Lão Tử đã bảo: “công thành, thân thối”!

Kể ra làm Lưu Bang hay Câu Tiễn dễ, chứ ẩn mình để phụng sự kẻ khác vì nghĩa chung thiên hạ, mà làm như Truong Luong, Phạm Lãi... không dễ! Phải là kẻ “vô công”, “vô danh” mới làm nổi! Thế nhơn làm sao hiểu nổi tâm sự của những bậc “cao nhơn”! Họ là hạng người xuất chúng phi thường.

*
* *

Câu “lợi kiến đại nhơn” tùy trường hợp mà có nghĩa khác nhau. Ở các quẻ khác như quẻ Tụng, câu “lợi

kiến đại nhơn” là mình phải đi cầu đại nhơn để được người ta giúp mình; còn ở quẻ Kiên, nghĩa có khác: Thánh nhơn như ngọn đuốc sáng ban đêm, hễ đốt lên thì cả thảy người chung quanh đều thấy mà trông vào! Không phải Thánh nhơn đi tìm thiên hạ, mà chính thiên hạ phải đi tìm Thánh nhơn. Có khi đi tìm mà vẫn không thấy, là vì trình độ hiểu biết của mình quá kém, nên lời thánh nhơn nói, mình không sao hiểu nổi để cảm ứng. Là vì có *đồng mới có ứng, không đồng không sao có ứng được*, thế thôi!

Tìm được Thánh nhơn, có khi rất dễ; *nhưng thấy được Thánh nhơn đâu phải dễ!*

*Khen cho con mắt tinh đời,
Anh hùng tìm giữa trần ai mới già!*

Không có cặp mắt thánh, không làm sao nhận ra bậc Thánh!

*
* *

Câu chuyện *Thợ đá và thợ ngọc* sau đây giúp ta dễ rõ việc ấy!

Có một người *thợ ngọc* đi qua hàng *thợ đá*, vào xem thấy một tảng đá có ngọc. Anh ta mua về, đẽo ra quả có một viên ngọc rất quý trắng muốt lại có gân đỏ, quý giá vô cùng, nhờ vậy, anh ta trở nên giàu sụ!

Anh thợ đá, hay được việc ấy, rất thích, nghĩ rằng đá nào cũng có ngọc. Bèn đem tất cả đá còn lại, đập phá cả. Chẳng những không thấy ngọc, mà đá đều bị vỡ tan cả, không dùng vào đâu được nữa! Uất ức quá, sinh bệnh mà chết!

Trong thiên hạ, chỉ ai có thánh tâm mới nhìn ra bậc Hiền thánh mà thôi! Vợ con trong nhà, và cả cha mẹ bè bạn không ai biết được, vậy mà kẻ phuong xa lại tìm đến. Là vì “đồng thinh tương ứng, đồng khí tương cầu”!

*
* *

Đời Đường có viên Tể Tướng tên là *Hứa Kính Tôn* có tánh tự kiêu và hay khinh người. Tiếp ai xong, nhiều khi quên ngay, sau họ trở lại, cũng chẳng nhớ là ai cả!

Có kẻ chê *Kính Tôn* là không được thông minh.

Kính Tôn nói:

– Cái đó là tự người ta đã làm cho ta khó nhớ đó thôi! Ví ta mà gặp được những bậc hiền tài như *Hà, Lưu, Thẩm, Tạ*... thì dù có sờ trong bóng tối, ta cũng có thể nhớ ra liền!

*
* *

Câu sau cùng: “Các tùng kỳ loại” là do câu “đồng thinh tương ứng, đồng khí tương cầu” mà ra.

Muốn biết người, không gì hay bằng nhìn kỹ bạn bè của họ, bởi “các tùng kỳ loại”, thấy bạn bè là người hiền, thì biết kẻ ấy là bậc hiền; còn thấy bè bạn tới lui là bọn say xưa đàng điếm, thì người đó là hạng người hèn... Cách ngôn Tây phương có câu: “Dis-moi qui tu fréquentes, je te dirai qui tu es!” (Hãy nói cho tôi biết, anh hay lân la với ai, tôi sẽ nói: anh là hạng người thế nào!).

*
* *

Trong *Lữ thi Xuân Thu* có câu chuyện “Xem Tướng” của một nhà tướng số “đại tài”, nói câu nào trúng câu nầy, thiên hạ xa gần đều biết tiếng.

Vua Trang Vương thấy thế, cho vời đến hỏi:

– Nhà ngươi dùng thuật gì mà xem tướng như thần vậy?

Nhà “xem tướng” thưa:

– Thần không có thuật gì cả! Chỉ xem bạn bè người ta mà biết được người ấy hay hoắc dở! Như thần xem cho thường dân mà thấy chơi toàn là người hiếu đế, thuần hậu, cẩn thận... thì thần đoán người dân ấy là người dân lương thiện, ắt có ngày sẽ được vê vang!

Như thần xem cho hạng quan lại, mà thấy chơi ròng với những người bạn thành tín, liêm khiết, thì thần đoán cho ông quan ấy là ông quan tốt. Như thần xem cho hàng vua chúa mà thấy gần bên là những bậc hiền tài, khi có lỗi có nhiều người can gián, thì thần đoán đây là một ông vua giỏi, tất được thần dân tôn trọng, nước tất được một ngày một trị yên; còn nếu chung quanh toàn là bọn tham ô, hách dịch, quan liêu, thì thần đoán không sớm muộn gì cũng mất nước! Quả, thần không có thuật gì lạ cả!

*
* *

Có gì lạ!

Cũng như muốn đánh giá một bực trí thức hay học giả, hãy nhìn kỹ “tú sách” trong thư phòng họ đủ biết phần nào khuynh hướng, nhất là xem bạn bè của họ... “Cái gì gốc noi Trời, thì thần thiết với loại trên; cái gì

gốc dưới Đất, thì thân thiết với loại dưới... Vật nào theo loại ấy!” (*Bản hô Thiên giả, thân thượng; Bản hô Địa giả, thân hạ. Các tùng kỳ loại dã*).

Tục ngữ ta có câu: “*Gần mực đen, gần đèn sáng!*”. Gần với bậc thông minh, thì “tối” làm sao được? Từ xưa, bậc Thầy (*tôn sư*) đứng vào hàng đầu Nhân loại. Bậc thầy đứng trên Cha.

*
* *

Thượng Cửu: Kháng long, hữu hối

Doanh, bất khả cữu dã.

亢 龍 有 悔

盈 不 可 久 也。

“Kháng”, là quá cao. Quá cao, phải biến: “vật cực tắc phản”! Cương quá, thì gãy (thái cương tắc chiết).

“Long” ở Thượng Cửu, có khác nào Long ở Cửu Ngũ, nhưng sở dĩ có điều “hữu hối” đâu phải lỗi ở Long, mà lỗi ở chữ “Kháng” (nghĩa quá cao).

Cái gì quá cao, cũng như cái gì quá đầy; hễ “đầy thì đổ”, không thể lâu bền (*doanh bất khả cữu*)

Lão Tử cũng đã nói rõ điều ấy!

“Trì nhi doanh chi, bất nhu kỳ dĩ... Kim ngọc mãn đường mạc chi nǎng thủ... 持 而 盈 之, 不 如 其 已。。金 玉 满 堂 莫 之 能 守。” (Ôm giữ chậu đầy, chẳng bằng thôi đi!... Vàng ngọc đầy nhà, khó mà giữ lâu) thì cũng như Dịch vừa đã bảo: “*doanh bất khả cữu dã*”!

*
* *

Thượng Cửu, tuy quý nhung mà “vô vị 無位” không có địa vị xứng đáng chánh thức! Từ hào Cửu Tú sắp xuống như Cửu Tam, Cửu Nhị, Sơ Cửu đều đã về theo Cửu Ngũ cả rồi, cho nên Thượng Cửu, bởi “vô vị” mà thành ra “vô dân” (không ai theo mình cả!), không ai phụ họa với mình cả “vô phu 無輔”; như vậy, nếu động sẽ có hối tiếc (*thì dĩ động nhi hữu hối dã 是以動而有悔也。*).

*
* *

Dụng Cửu: Kiến quần long vô thủ, Kiết

Thiên đức, bất khả vi thủ dã.

見羣龍無首，吉。

天德，不可為首也。

Dịch, là gì? Là Biến, và Biến luôn luôn, chẳng bao giờ ngưng!

Sáu hào Dương của quẻ Kiền, mà biến hết, sẽ thành ra quẻ Khôn... Vậy, muốn bàn thêm cho ra lẽ Biến này, nên đặt thêm cho quẻ này hào *Dụng Cửu*, và cho quẻ Khôn hào *Dụng Lục* do Châu Công đặt thêm cho 2 quẻ Kiền và Khôn mà thôi.

Đến đây, bắt đầu rắc rối! Vì *Kiền bắt đầu chuyển qua* một “thời kỳ mới”, hay nói đúng hơn, một “Kỷ nguyên mới”. Đó là “Kỷ nguyên một xã hội vô giai cấp” hay “siêu giai cấp”, giai cấp không còn ai cầm đầu nữa cả! trên mọi lãnh vực: chánh trị, tôn giáo, văn hóa... giai cấp con người “xuất tục”, “bắt sự vương hầu” dưới mọi hình thức.

“Kiến quần long vô thủ” là 6 hào Dương đã biến hết. *Dương*, là tượng “long”, “long” sở dĩ hoạt động được là nhờ “có cái đầu” (*hữu thủ* 有 首). Bấy giờ các giai cấp cao quý nhất đều không còn nữa, trên thế gian này chỉ có “quần long vô thủ 羣 龍 無 首” (bầy Rồng không đầu).

Như vậy, sao gọi là “Kiết”?

*
* *

Từ hào Sơ đến hào Lục, phải chăng để tượng trưng cho sáu thời văn minh của nhân loại!

Hào Sơ, tượng trưng cho một thời hồn đôn sơ khai, con người còn ăn lông ở lỗ.

Hào Nhi, tượng trưng thời đại có văn tự.

Hào Tam, tượng thời kỳ tiền Trung cổ.

Hào Tứ, tượng thời kỳ hậu Trung cổ.

Hào Ngũ, là thời đại Khoa học tiến bộ rực rỡ...

Tiếp đó là hào *Thượng Lục*, xã hội của “khoa học nguyên tử” và “du hành không gian”. Thời này dọn đường cho chiến tranh nguyên tử... để biến mất tất cả, trong một thời “tận thế” sắp đến không lâu, cả loài người đều bị tận diệt (cả nghĩa bóng của nó)?

Có như vậy, thì “quả đất sẽ tan tành ra tro bụi”, và trên đó sẽ có một “xã hội mới” mọc lên, xã hội hoàn toàn là “một bầy rồng không đầu” (quần long vô thủ). Hữu thủ, là hữu niệm; vô thủ, là vô niệm.

Hê “Bác tận Phục sinh” là thế!

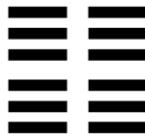
Trang Tử cũng đã tiên báo “xã hội quần long vô thủ”

này bằng cách đánh đổ cả thảy mọi chế độ chánh trị... và để xuong một xã hội trong đó tất cả mọi người đều “bất sự vuong hâu, cao thượng kỳ sự”... Nhũng bậc thánh trí này đều đã từ chối tước lộc... như ông đã trả lời với nhũng vị đại phu thay mặt Vua Chúa mời ông ra làm Tướng Quốc: “Cái lợi của nghìn vàng quả trọng thật, cái địa vị Khanh tướng quá cùng quý thật. Nhưng riêng ông chả thấy con bò té sao? Được người ta săn sóc, được mặc đồ trang sức vẫn vê để đưa vào Thái miếu. Lúc ấy dù có muốn làm con lợn còi, há còn được nữa hay sao? Các ông hãy đi đi, chờ đến làm nhục ta! Thà ta rong chơi ở chốn bùn lầy nhơ bẩn này còn thấy sung sướng hơn là để cho kẻ làm chủ một nước kia trói buộc được ta!”

2. BÁT THUẦN KHÔN

八純坤

*Là Sư thu nhẫn
Là Sư thu hút;
Sư tăm tối, sư dịu mềm
mà tượng là Trái đất.*

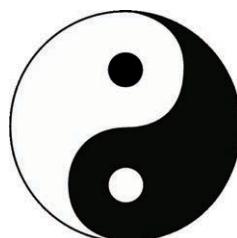


*“Khôn giả, thuận dã”.
坤者，順也。
Khôn, là sự hiến thân.*

Có hai cách đọc Dịch và hiểu Dịch:

Nhìn theo Lý Trí Nhị Nguyên luận; và nhìn theo Trực Giác Nhất Nguyên luận.

Đạo là Thái cực gồm Luồng Nghi Tú Tượng, như đồ sau đây:



Lưỡng nghi, là Âm với Dương; *Tứ tượng* cũng là Âm với Dương, nhưng thêm một điểm Âm trong Dương, một điểm Dương trong Âm, tức là “Âm trung hữu Dương căn, Dương trung hữu Âm căn”. Điểm Dương trong Âm, là hào Thiếu dương; điểm Âm trong Dương là hào Thiếu âm.

Thấy được Âm trong Dương, Dương trong Âm là cái thấy của Nhất Nguyên luận; còn chỉ thấy Âm là Âm, mà Dương là Dương, thấy có Hai, và chấp một bên Dương hay Âm đó là cái *thấy phiến diện*, Trang Tử gọi đó là “tiểu tri”. Trái lại, *thấy được trong Âm có gốc của Dương; thấy được trong Dương có gốc của Âm là cái thấy Toàn diện*, Trang tử gọi là “đại tri”.

Theo đồ Tứ tượng ta mới hiểu được câu “*Các hữu Thái cực*” của Dịch học, ta mới có được cái nhìn viên mãn là “*Hoa trung hữu Phúc, Phúc trung hữu Hoa*” mà luôn luôn đề phòng cảnh bất trắc của Âm Dương!

Nên mới nói: *Âm Dương tuy Hai mà Một, tuy Một mà Hai*. Dương, tượng trung cho Thiện, mà cũng tượng trung cho Ác, nghĩa là có Dương quân tử, có Dương tiếu nhơn; còn Âm là ác, nhưng cũng có Âm tiếu nhơn, và Âm quân tử, tức 2 bề mặt và trái.

Có hiểu trước được như vậy, mới có thể đọc Dịch và hiểu Dịch: Dịch, là Mâu thuẫn, mà cũng không mâu thuẫn vì Âm bù đắp cho Dương, Dương bù đắp cho Âm. “*Bù đắp*”, tức là “*bổ túc*”, mà đã nói đến sự bổ túc, thì sao còn có thể xem đó là Hai? Vì Âm tự nó cần phải có Dương, Dương tự nó phải có Âm, *trên đời, chẳng bao giờ có hiện tượng Cô Dương hay Cô Âm*. Hon nữa, Âm Dương không phải Hai: “Âm Dương là *Bát Nhị*”.

Thực tế mà nhận xét, có cái *Hay nào mà chẳng có*

cái Dở của nó, có cái Dở nào mà chẳng có cái Hay của nó... Bởi thế, nhìn đời phải có “cái nhìn bao trùm”... Và những vấn đề như Thiện Ác, Vinh Nhục, Thị Phi, Họa Phúc chẳng bao giờ là Tuyệt đối, mà chỉ là Tương đối mà thôi. Cho nên, tôi gọi Dịch là “Siêu tương đối luận”.

Đọc Dịch, phải cần đến hai luồng nhãn quang như thế, mới mong hiểu được Dịch, hiểu được cái lý *mâu thuẫn mà không mâu thuẫn* của sự đời vô cùng phức tạp, nhưng cũng không có gì phức tạp cả!

*
* *

Nhi nguyên chủ trương: “*Dương xuóng, Âm họa*”, Dương bao giờ cũng xuống lên trước, còn Âm luôn luôn là theo sát một bên Dương. Thần thoại Thiên Chúa giáo về sự tạo thành *Adam* và *Eva* cũng không ngoài cái ý muốn bảo “*Dương xứng Âm họa*”: Chúa Trời sinh ra *Adam*. *Adam nguyên thủy* (*Adam Primordial*) là một *Thái Cực* gồm luồng tánh Dương và Âm, *Tây phương* gọi là “*androgyn*e”. Chúa Trời cho *Adam* ngủ mê, bèn rút ra một cái xương sườn bên tả, và biến nó thành *Eva*, rồi Ngài phán: *Từ đây con phải theo sát Adam, không được rời nó. Nó đâu, Con đó...* *Bao giờ con cũng phải ở bên cạnh tay trái của nó*. Đó là tượng con “*tǎn mā*”, tượng của quẻ Khôn. Đó là một cái luật thiên nhiên của Tạo Hóa.

“Có Âm Dương, có Vợ Chồng,
“Dẫu từ Thiên địa, cũng vòng Phu Thê!

Eva, là cánh xương sườn của *Adam*, cho nên *Eva* là *Adam*, mà *Adam* cũng là *Eva*! *Tuy Hai mà Một*.

Đạo Trời là vậy, còn đạo Người trái lại: người đàn bà đã quên sứ mạng thiêng liêng của mình, tự hạ mình để kéo nhau biểu tình đòi “nam nữ bình quyền”, thật là quái gở! Đó là Âm muốn tách rời Dương, không lệ thuộc Dương nữa, như trong cơ thể con người có sự tranh giành giữa Huyết và Khí, Huyết bảo: Khí dẫn Huyết là “bất cộng” cân đả đảo!!! Đó là làm điên đảo cả Âm Dương, cả Kiền Khôn vũ trụ, tai hại cho hạnh phúc chung của toàn thể nhân loại, mà bắt đầu là trong đạo vợ chồng có sự ly tán! Như ta sẽ thấy sau đây ở hào Thượng Lục.

*
* *

Thoán từ:

Khôn, nguyên, hanh, lợi tấn mã chi trinh; quân tử hữu du vãng: tiên mê, hậu đắc, chủ lợi Tây Nam đắc băng; Đông Bắc tang băng: An, Trinh, Kiết.

坤，元，亨，利，牝馬之貞。君子有攸往，
先迷後得，主利西南得朋，東北喪朋。
安，貞，吉。

Khôn, khác xa Kiền. Cho nên bốn đức căn bản là Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh tuy danh từ giống nhau, kỳ thực rất khác nhau về chữ *Trinh* 貞.

Kiền, thì *lấy sự cường kiện làm Trinh;* *Khôn,* trái lại, *lấy sự mềm dẻo nhu thuận làm Trinh.* “*Tấn mã chi trinh* 牝馬之貞”, là *sự mềm dẻo và nhu thuận* của “*con ngựa cái*”.

Bởi đối với *Thiên Lý* (Lẽ Trời) thì “*Dương xướng Âm*

hoa”, nên người quân tử nếu ở cái thế của quẻ Khôn sẽ không bao giờ tự mình chủ xướng việc gì trước; mà biết an phận làm “con tần mã”, *làm phụ tá cho người ta*.

Nếu lại vượt bức Âm Dương, Âm nhu mà lại “*thủ xuóng*” thì phải bị hỏng việc; còn họa theo kẻ khác mà làm thì được việc hơn, nên hào từ mới bảo “*tiên mê, hậu đắc*”. Thủ xuóng trước thì “mê làm” mà phụ họa sau, là “hậu đắc” (được việc). Tây Nam, thuộc về hướng Âm, nên Khôn “thời”, có lợi đi đến hướng Tây Nam, không lợi, nếu đi đến hướng Đông Bắc (thuộc Dương). Mới nói: qua hướng Tây Nam, gặp bạn; qua hướng Đông Bắc, mất bạn (“*Chú lợi Tây Nam đắc bằng; Đông Bắc tang bằng*”). Cũng là do câu “*các tung kỵ loại!*! Muốn bình trị phía Nam mà dùng Cương đạo, thì hỏng; mà biết dụng Nhu đạo, thì được việc hơn.

“*An trinh, Kiết*”, cái hay của Khôn, là biết “giữ cho bền” đức Trinh của Khôn, là “nhu thuận”.

*
* *

Thoán Truyện:

Chí tai Khôn nguyên,
Vạn vật tư sinh, nãi thuận, thừa thiên.
 至哉坤元
 萬物資生，乃順，承天。

Đây, là để giảng rộng thêm đức *Nguyên* của quẻ Khôn.

Ta nên để ý về lời tán của Thánh nhơn tác Dịch ở 2 quẻ Kiền và Khôn.

Ở quê Kiền, thì lời tán là “*Đại tai, Kiền hồ! Cường Kiên Trung Chánh, thuần túy tinh dã* 大哉乾乎！剛健中正，純粹精也。

(To lớn thay, đạo Kiền! Đã Cường lại Kiện, đã Trung lại Chánh, lại vừa thuần túy, lại tinh nữa). “*Kiện*” 健 là bền dai, “*Cuong*” là mạnh cứng, tức là *Dung khí*, nhưng mạnh mẽ không bền, không phải là “*Kiện*”! “*Kiện*” tức *mạnh mà lại bền*, đó là nói về nghị lực.

Người có dũng khí quả cảm gọi là “*Cuong*”, có tánh kiên trì nhẫn耐, gọi là “*Kiện*”, nhưng cũng cần tu dưỡng cho đến mực vô thái quá vô bất cập, bất thiên bất ỷ, thì mới nói được là có cả “*Cuong, Kiện, Trung, Chính*”. Cũng chưa đủ, có cả 4 đức *Cuong, Kiện, Trung, Chính* mà thiếu sự *bền bỉ*, trước như sau, *thi nhu chung, thi chung nhu nhứt*, thì mới thật là “*thuần túy*”. Thuần túy, rồi cũng lại phải *tịnh* nữa mới đầy đủ viên mãn.

Còn ở quê Khôn, thì lời tán nói khác: “*Chí tai khôn nguyên, vạn vật tự sinh, nai thừa thiên*”. Ở Kiền, thì lời tán là *Đại tai!* (lớn thay); còn ở Khôn lại bảo: “*Chí tai*”, Khôn nguyên, là tại sao? (Đến nơi vậy thay! Đức Nguyên của Khôn).

Chính nhờ đức Nguyên này của Khôn, mà Dương khí biết dừng lại, biết đứng lại và để cho Dương khí biết trú vào đó mà thụ hình, chẳng khác nào “tinh trùng” của cha gấp được “noãn bào” của mẹ bắt dừng lại mà tạo thành cái “thai” của đứa trẻ... “*Dương sinh, mà Âm dưỡng*” là thế! hay nói cách khác “*Âm nuốt Dương*”.

“*Chí tại Khôn nguyên, vạn vật tự sinh*” (“Đi đến nơi rồi, Khôn nguyên; nhờ vậy mà vạn vật sinh ra).

“*Dương xướng, âm họa*”, phàm “*Dương thì công âm*” (phụ âm); mà Âm thì có bổn phận “*nuôi Dương*” (bảo

dương). Cho nên “*dương tinh*” nhờ có “*âm tinh*” ôm áp nên mới *nuôi sống* được tinh trùng. Giả như không gặp Âm ôm áp dưỡng nuôi, thì tinh trùng sẽ chết hết trong một thời gian rất ngắn.

Chữ “*thuận thừa thiên*” là âm cõi trên dương, nhờ dương công đi, nên mới nói “*Dương xướng, âm họa*”. Âm ngồi trên lưng Dương, nhờ Dương chở đi... Dương đến đâu, Âm liền đến đó ngay, nên mới nói “*Chí tại Khôn nguyên*” (*Đến nơi vậy thay!* Đức Nguyên của Khôn).

*
* *

Tất cả bao nhiêu “phẩm vật” trên đồi, đều nhờ nơi sinh khí của Kiền mà trưởng thành và phát đạt và nhờ đức Hanh của Khôn cả. “Hanh” đây là “hậu” vậy, là bao bọc, là nuôi dưỡng như trong hột nguyên tử. Tướng Pháp cũng bảo: người đàn bà phúc hậu bao giờ cũng có da thịt đầy đủ, nếu lại gầy gò ốm nhom ốm nhách, là “bạc tướng” (phúc mỏng).

“*Tǎn mā địa loại;*
Hành địa vô cương;
Nhu, thuận, lợi trinh.”

牝 馬 地 類
 行 地 無 疆
 柔 順 利 貞。

Khôn, là *tượng* Đất, tánh của Khôn, là *thuận*; còn cái thể của Đất thì luôn luôn lăn chuyển không bao giờ ngưng... (“*Tǎn mā, địa loại, hành địa vô cương, nhu thuận lợi trinh*”). Loài *ngựa cái*, thuộc về *loại trên*

đất, và đi trên mặt đất rất khỏe, tánh nhu thuận, bền bỉ, chịu đựng giỏi hơn ngựa đực... Người quân tử thời Khôn, nhìn theo quẻ Khôn mà hành sự một cách nhu thuận, nhờ vậy mà được “lợi trinh”!

Thoán truyện hay bàn đi bàn lại chỉ có bấy nhiêu thôi... Người ta cũng thế: đàn bà phải dịu dàng, nhu thuận, kiên nhẫn... Người đàn ông chỉ được cường cường, nhưng về *sức nhẫn nại chịu đựng gian khổ phải thua người đàn bà xa*, cũng chẳng qua là “thiên tính” thôi! Muốn là bậc Đại Thánh Nhân, người đàn ông phải học noi người đàn bà cái đạo “Nhu nhược thăng cường cường” này!

Đại Tượng

Địa thế Khôn, quân tử dĩ hậu đức, tài vật.
地勢坤。君子以厚德載物。

Địa thế của đất, tuy chỗ lồi chỗ lõm, mà nhìn lướt qua, giống như một mặt bằng phẳng bao la rộng lớn, chở được cả vạn vật, không từ khước một vật gì cả, *tượng lòng bao la, rộng lượng, lòng yêu thương vô bờ bến của phái nữ, được tượng trưng ở lòng Bà Mẹ. Phụ nữ, có nghĩa là Tình yêu, mềm dẻo, dễ tha thứ, chở che, bao bọc, và hi sinh.*

Tượng quẻ Khôn là *một vực thẳm, hư không và bao dung* được cả mọi người, thiện cũng như ác. Lòng dạ không bao giờ chừa chất hận thù. *Đàn bà, là vị tha, đàn ông là vị kỷ*, cho nên mới nói: người đàn bà mà ích kỷ, không phải là đàn bà, không xứng đáng là Bà Mẹ của muôn loài!

Chữ “*hậu đức*”, “*tal tài vật*” là nói lên tất cả chỗ hay của

quẻ Khôn. Richard Wilhem bình giảng về quẻ Khôn có câu: “*La terre, dans son abnégation, porte le bien et le mal sans exception.* Ainsi l’homme noble rend son caractère vaste, solide, endurant de manière à être capable de porter et de supporter les hommes et les choses” (p.30 – Yi-King) (Đất chở tất cả, không phân biệt kẻ thiện người ác... Lòng trớn nên rộng rãi, hậu trọng, có thể chứa được tất cả và chịu đựng tất cả).

Quẻ Khôn, là tượng của Tâm Hư, “*quân tử dĩ hậu đức tải vật*” 君子以厚德載物。

Lão Tử cũng đã có nói về “*hậu đức*” này như sau:

Thiện giả, ngô thiện chí;

Bất thiện giả, ngô diệc thiện chi.

Đắc thiện hi!

Tín giả ngô tín chi;

Bất tín giả, ngô diệc tín chi.

Đắc tín hi!

(Với kẻ lành, thì lấy lành mà ở

Với kẻ chẳng lành, cũng vẫn lấy lành mà ở

Nên được lành vậy!

Với kẻ thành tín, thì lấy thành tín mà ở,

Với kẻ không thành tín,

vẫn cũng lấy thành tín mà ở

Nên được thành tín vậy!)

(Chương 49 – Đ.Đ.K.)

Tiểu Tượng

Sơ lục: Lý sương kiên băng chí.

初 六：履 霜 堅 冰 至

Quẻ Khôn, là quẻ thuộc về tháng 10, tiết lập đông. Khi ta đi trên sương lạnh khoảng tháng 9 (chín), nghĩa là khoảng quẻ Bác cuối Thu (tiết sương giáng) khí âm lạnh lẽo và sương roi, ta biết trước rằng sắp đến mùa Đông. Đời người cũng thế: đến cuối thu, là sắp đến Đông. Khi đã có triệu chứng suy vong, thì phải biết lo phòng trước... vì sự suy vong đang đến gần bên mình trong gang tấc.

Cho nên lời Tượng viết: “*lý sương kiên băng, âm thi ngưng dã, tuân trí kỳ đạo; chí kiên, băng dã*”! 履霜堅冰，陰始凝也，馴致其道，至堅冰也。“*Lý sương*” (chọn dãm lên sương) là lúc đầu khí âm mới ngưng kết thành sương roi, dần dần tích lũy đến âm khí lên cực độ mới biến thành giá (kiên băng 堅). Phàm việc trong thiên hạ, loạn đâu phải sinh ra ở thời loạn, mà sinh ra trong cảnh thanh bình. *Mầm họa ở ngay lúc “lý sương”*, bởi không biết răn mình ở lúc “lý sương” mà phải gặt lấy cái họa “kiên băng”! cũng chẳng lâu đâu. Khi nó đến, là sự đã rồi!

Họa, bao giờ cũng “*tù từ mà đến*”, nhưng khi đến thì đột nhiên mà đến, khó mà phòng: Khó là ở chỗ đó! “*Thần thí kỳ quân, tử thí kỳ phụ, phi nhút triều nhứt tích chi cố, kỳ sở do lai giả, tiệm hỉ!*” Có gì đáng sợ bằng việc tôi thí vua, con giết cha... việc xảy ra đâu phải một sớm một chiều, mà đã xảy ra từ lâu rồi, nó từ từ mà đến vậy. Mà khi nó đến lại quá đột ngột không kịp trở tay.

Lão Tử có lẽ cũng đã khai thác hào từ Sơ lục này mà viết ra những câu đao để này:

*“Chưa bày điểm, để lo...
Ngăn ngừa, khi chưa hiện...
Sửa trị khi chưa loạn...”*

(“Kỳ vị triệu dị mưu; vi chi ư vị hữu, trị chi ư vị loạn”)

其未兆易謀
為之於未有
治之於未亂。

*
* *

Để bàn rộng thêm nữa, Văn ngôn nói:

*“Tích thiện chi gia
“Tất hữu dư khương
“Tích bất thiện chi gia
“Tất hữu dư ương
“Thần thí kỳ quân
“Tử thí kỳ phụ
“Phi nhất triều nhất tịch chi cố,*

Kỳ sở do lai giả tiệm hū! Do biện chi bất tảo biện dā.

*Dịch viết: lý sương kiên băng chí, cái ngôn thuận dā,
thuận tác thuận dā.*

積善之家必有餘慶
積不善之家必有餘殃
臣弑其君。子弑其父。

非一朝一夕之故。
 其所由來者，漸矣。
 由辯之不早辯也。
 易曰：履霜堅冰至，蓋言順也，順作順也。

*
 * *

Tây phương và Đông phương chỉ bắt đầu xa nhau, là ở thời kỳ Trung cổ trở xuống, chứ Tây phương Trung cổ, quan niệm Đại Gia đình cũng rất quan trọng nhờ thói tục phong kiến. Khi bước qua thời khoa học bành trướng, ngay bên Pháp sau cuộc Cách Mạng 1789 lật đổ Quân quyền, thì nền tảng Đại Gia đình đã bị lung lay...

Đông phương ngày nay, sau khi tiếp xúc với Tây phương khoa học, cũng đã mất lần quan niệm Đại Gia đình, trừ ỏ những gia đình quý tộc.

Đoạn văn ngôn này, không có gì lạ, đó là một tín ngưỡng của phần đông người Đông phương chúng ta trong câu ngạn ngữ luôn ở đầu lưỡi con người: “Phúc đời ông bà!” để lại.

Phàm việc trong thiên hạ, dù cao lớn đến đâu, đều nhờ có sự tích lũy lâu ngày... chứ không có quả nào mà chẳng có cái nhân của của nó. Đó là luật Nhân Quả! Chứ không bao giờ có việc “ngẫu nhiên”. Gọi là ngẫu nhiên, là bởi ta chưa nhận thấy cái Nhân. Thường ta thấy có những con cháu không phải hành thiện gì, vậy mà vẫn được hưởng phúc dồi dào; còn có biết bao nhiêu kẻ không làm gì tàn ác, vậy mà số kiếp long đong dày

đoạ, đau khổ liên miên, gọi là người “bạc phúc”! Rồi kêu lên: “Ông Trời không có mắt!” Kể ra, như đối với người Tây phương thì việc phúc đức do ông cha để lại, không mấy ai tin tưởng, còn ở Đông phương, không phải vậy! Ở Tây phương ít quan trọng hóa Đại Gia đình, mà chỉ để ý đến Tiểu Gia đình thôi, nên Đông phương có cái đạo “*thờ ông bà*” thường bị người Tây phương chế diễu.

Sự “tích đức” đâu phải việc của hiện tiền mà do có sự tích lũy lâu đời (tích lũy chi gia) của gia đình lâu đời mà có được! “Tích thiện” cũng nhu “tích ác”... quan trọng ở chữ “tích” (do đây mới có cái luật gọi là “luật di truyền”).

Kia nhu việc tai họa tày trời, nhu việc tôi mà thí vua mình, con mà giết cha mình... đâu phải việc một sóm một chiêu, mà do noi sự tích lũy lâu ngày mà ra (“*Kỳ sở do lai giả tiệm hi*”). Quan trọng là chữ “tiệm” (lần lần, từ từ mà đến).

Nếu biết lo dứt trừ sóm, thì sao phải gặp họa to? Cầm chánh quyền trong nước mà không lo trừ sóm nạn tham quan lại để cho xã hội ngày một mục nát, thì bảo không mang đại họa sao được? Để cho lòng bất mãn của dân chúng càng ngày càng lớn, oán thù chồng chất động đến trời xanh, oán khí ngất trời, thì cái nạn táng quốc vong thân làm sao tránh khỏi?

Câu “*lý sương kiên bằng chí*” là bảo cho ta phải biết phòng xa để tránh cái họa “*kiên bǎng*” ngay lúc sương vừa mới rơi... Tây phương cũng có câu: “*Gouverner, c'est prévoir!*” (*Cai trị, là tiên liệu*).

Câu: “*Do biện chi bất tảo biện hi!*” 由辯之不早辯矣。 (Vì không sớm biết lo, mà gây ra tai họa) ta

thấy cũng là chỗ mà Đạo Đức Kinh đã quan trọng hóa bằng một chương đặc biệt, chương 64, xin lược thuật sau đây:

“*Kỳ an dì trì; Kỳ vị triệu dì mưu;*
 “*Kỳ thủy dì phán; Kỳ vi, dì tán;*
 “*Vi chi ư vị hữu; Trị chi ư vị loạn.*”

其安易持。其未兆易謀。
 其脆易泮。其微易散。
 為之於未有。治之於未亂。

Vật yên tĩnh, dễ cầm; chưa bày điềm dễ lo; vật còn mềm, dễ làm cho tan vỡ; vật nhỏ, dễ phân tán; ngăn ngừa khi chưa hiện; sửa trị khi chưa loạn, chứ để cho loạn rồi, gõ làm sao ra!

Phải chăng đây là thứ chân lý rất sơ đẳng mà quá cao siêu, vì đem áp dụng vào việc gì trong đời chúng ta, đều thấy *rất đúng!*

Nói thẳng ra, bậc lương y trị bệnh, nếu là bậc thượng y, thì không bao giờ trị bệnh, mà *đã lo trị, khi bệnh chưa phát ra...* Bậc thầy hay cha (phụ huynh) mà trị (giáo dục) con trẻ, cũng phải lo trị ngay lúc ban đầu, tánh xấu đang trong thời kỳ manh nha, chứ không phải để cho tánh xấu ấy to lớn thành hình rồi mới trị... Đó là “*ngăn ngừa khi chưa hiện, sửa trị khi chưa loạn*” 為之於未有，治之於未亂。

Biết lo, lúc sự việc chưa hiện ra, mà *ngăn ngừa trước...* đó là “câu nói vàng ngọc” của hàng Thánh nhơn vậy! Chó thấy dễ mà khinh thường!

Lục Nhị: Trực, phuong, đai, bất tập, vô bất lợi.

六二：直，方，大，不習，無不利。

Tượng viết: Lục nhì chi động,

Trực dĩ phuong dã.

Bất tập, vô bất lợi,

Địa đạo quang dã.

象曰：六二之動

直以方也。

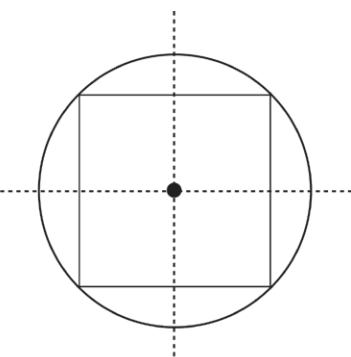
不習無不利

地道光也。

Hào Lục Nhị, là hào chủ chốt của quẻ Khôn.

Ba chữ “Trực” (ngay thẳng), “Phuong” (vuông vức) và “Đại” (to lớn) là 3 đức tính của quẻ Khôn. “Bất tập”, là để tự nhiên. Theo đạo Khôn, phải giữ cho bền ba đức tính Phuong Trực Đại cho được tự nhiên, và như vậy, khuyên ta đừng thêm gì nữa, đừng nói gì cả, mà hãy để tự nhiên, đừng mó tay vào làm trái sự phát triển tự nhiên của sự vật. Tức là chỗ mà Lão Tử bảo ở chương 33.

“Hi ngôn, tự nhiên” 希言，自然 (Ít nói, hãy để tự nhiên). Đó là căn bản của đạo “Vô Vi” tức là “Vô ngôn” của cả nền Đạo Học Đông phuong! Đạo Kiền, là Trời, thì Tròn; đạo Khôn, là Đất, thì vuông vức đó là 2 hình thức viên mãn đầu tiên trong vạn vật.



“Trực” là sự đi thẳng vào trung tâm của Vòng Tròn (Trời) và Vòng Vuông (Đất), tức là “*Trung Chánh Kỳ Đạo*”, hay nói theo Thiền tông Đốn Pháp, là phải đi thẳng vào Tâm (*trực chỉ nhơn tâm*). Đã trực chỉ nhơn tâm, thì đã đến chỗ Trung đạo, đắc được chỗ *Tự Nhiên* của Đạo (Đạo pháp Tự Nhiên); và “đắc Trung” là “đắc Chánh”, thì còn phải cần gì đến “lời nói” (hi ngôn, hay “vô ngôn”), nên Thiền tông bảo “bất lập văn tự” bởi lời nói hay văn từ bao giờ cũng không diễn tả được Chân lý Tuyệt đối, là Đạo.

Đây, đã nói hết lời... mà lời làm sao nói hết được sự thật, nên mới có chủ trương “vô ngôn”. Dịch, là “vô ngôn”, là “bất lập văn tự”, là “trực chỉ nhơn tâm” vậy. Cho nên Dịch học mới có câu: “*Thư, bất tận ngôn; Ngôn bất tận ý*”.

Đọc Dịch cần phải ý thức rõ đạo Khôn, là “*Trực, Phương, Đại, bất tập*” và được như thế thì không có gì là không có lợi (vô bất lợi 無不利).

Khôn nhị, là “*tịch nhiên bất động*”, tịnh cực động sinh, thấy là tịnh, mà lại là chỗ nguồn gốc của cái động, một cái động phi thường, bởi vậy mới có nói: “*Khôn chí chí Nhu, nhi Động giả chí cương*”. Cái động của Lục Nhị, được đắc Trung đắc Chánh, nên mới nói “*Trí hư cực, Thủ tịnh đốc*”

(Chương 16 – Đ.Đ.K)

Tượng của Trời là hình chữ Nhựt 日 điểm chính giữa là điểm của đồ Thái cực, ám chỉ cái bia, chỗ chiếc tên bắn thẳng vào trung điểm, như trước đây vừa mới trình bày: “*trực chỉ nhơn tâm, kiến tánh thành Phật*”.

Văn ngôn luận về hào Lục Nhị, có giảng thêm:

Hào *Lục Nhị*, là trỏ vào bậc Thánh nhon, vì ở đây “Thể Dụng kiêm toàn”, “nội ngoại vi nhất”. Lời Văn ngôn bảo: “*Kính dĩ trực nội 敬以直內*”, lấy đức Kính mà trì thủ bên trong, lấy sự Chính trực ở nội tâm (tượng hào Nhị ở quẻ Khôn, là hào đắc Trung), và lấy đạo Nghĩa mà ràng buộc bên ngoài, không cho nó buông lung theo ngoại cảnh (“*nghĩa dĩ phuơng ngoại*”).

Hai đức “Kính” và “Nghĩa” mà được đứng “vững” rồi (*Kính Nghĩa lập*) thì lòng người ngay thẳng vuông vức, nghĩa là không còn thiên vị về cái nghĩa chia ly Thiện Ác nữa, Tuệ trí càng ngày càng trở nên sáng suốt, không cần gì học tập mà việc gì cũng được tốt cả (*bất tập, vô bất lợi*).

*
* *

Lục Tam: Hàm chương khả trình,

Hoặc tùng vương sự,

Vô thành hữu chung.

六三：含章可貞

或從王事

無成有終

Tượng viết: Hàm chương khả trình, dĩ thời phát dã.

Hoặc tùng vương sự, tri quang đại dã.

象曰：含章可貞，以時發也。

或從王事，知光大也。

Theo lệ thường, thì hào Lục Tam này là hào bất trung bất chánh: âm cư dương vị.

Nhưng, đặc biệt, ở quẻ Khôn thì hào nào cũng có đức Khôn cả! Tuy là nhu thuận ở vào vị cương, có thể cho là tốt vì âm cư dương, kiêm được tánh khí vừa nhu vừa cương, có đủ cương nhu nhị tánh, lại hay! Thuần nhu không hay; mà thuần cương cũng dở bởi gấp phải sự thái quá.

Lục Tam được ngồi trên hết nội quái, đúng là cương vị của một bực nhơn thần. Dù sao, cũng phải biết phận mình là thuộc về quẻ Khôn, nên phải biết Khiêm hạ, theo số phận của kẻ không nên đứng đầu thủ xướng việc gì... “Hàm” là ngâm miêng lại, là cái khớp miệng ngựa lại... cho nên không nên thủ xướng việc gì, đừng kiêu căng lên mặt, tỏ ra là người dẫn đạo... thì mới có thể có được kết quả tốt (*hữu chung* 有 終) bằng không vậy, sẽ không thành công mỹ mãn được (“vô thành 無 成”).

Lục Tam, bất đắc vị, nhưng làm được việc, nếu biết *Khiêm cung*.

*
* *

“*Hàm chương hữu trung*” chứa được cái sáng bên trong, mà chớ có phô bày ra ngoài, tức là chỗ mà Lão Tử thường căn dặn: “*Tri kỳ hùng, thủ kỳ thư, tri kỳ vinh thủ kỳ nhục...*” (Biết như con trống, hãy làm như con mái; biết vinh thì ăn ở như kẻ tầm thường...).

Chẳng phải châm ngôn này để dùng ở những thời ly loạn mà thôi! *Thực sự, có lúc nào trên thế gian này, mà không phải là thời ly loạn? Cho nên giữ theo đạo Khôn, là “khôn ngoan” nhất!*

Câu “hoặc tùng vương sự” có nghĩa rộng là, lãnh một chức vụ nào trong xã hội, luôn luôn là phận của người làm “tôi” cho xã hội, chứ không nên tưởng rằng, có lãnh một chức vụ xã hội nào, mình làm “cha ông” thiên hạ! Đạo, tuy là đạo của Khôn mà có thể thay thế cả đạo Trời. Nên nhớ câu này nằm lòng: “*Hàm chuong khá trình*”, tức là “*Tri kỳ Bạch, thủ kỳ Hắc*”, và “*thông minh duệ trí, thủ chi dĩ ngu, dũng lực chấn thế, thủ chi dĩ khiếp*”.

*
* *

Lục Tứ: Quát nan, vô cựu, vô du.

六四：括囊，無咎，無譽。

Tương viết: Quát nan vô cựu, thận bất hại dã.

象曰：括囊無咎，慎不害也。

Lục Tứ, là hào âm, tuy âm cư âm vị, mà bởi ở nhầm vào thời Khôn, nên phải bị cảnh “*nhu thuận có dư, mà cương đoán bất túc*”, rõ là hạng người bất tài, mà lại ở được địa vị rất cao (ở cận hào Lục Ngũ), tức là bậc cận thần của Nhà Vua (cõ Tam Công).

Xử vào địa vị này như hào Lục Tứ, thật nguy hiểm làm sao? Dịch có câu: “*Đức bạc nhi vị tôn; trí tiểu nhi mưu đại; lục tiểu nhi nghiêm trọng; tiến bất cập hĩ!* 德薄而位尊，智小而某大，力小而任重，鮮不及矣！” (Đức mỏng, mà ngôi cao; trí nhỏ mà mưu việc lớn; sức nhỏ mà gánh nặng, mà chẳng gặp tai họa là ít thấy vậy!)

Xử vào thời này, phải biết “*thắt cái miệng đãy lại*” (Kéo nó rót hết ra ngoài không làm sao giữ lại được)

(Quát nan 括 囊) biết an phận thủ thường may ra không lỗi (vô cựu 無咎) mà cũng chẳng danh dự gì (vô dự 無譽).

Phải luôn luôn dè dặt cẩn thận, may ra không hại đến thân (thận, bất hại dã).

Câu “thận, bất hại dã” là câu đầu lưỡi của Dịch dùng để răn đe những ai hay xem thường việc đời mà không bao giờ lo đề phòng họa hoạn! Ở thiên Hェ Từ hạ truyện, chương thứ 11 có nhấn nhủ: “*Nguy giả sứ bình; dị giả sứ khuynh, kỳ đạo thậm đại!*” 危者使平，易者使傾，其道甚大。. Hễ biết phòng bị trước sự nguy sẽ đến bất ngờ, thì khiến cho mình luôn luôn được yên ổn bình an; nếu có lòng khinh thường, thì khiến cho dễ bị nghiêng đổ.

“*Nguy giả sứ bình*” cùng một ý với câu: “*sinh ưu hoạn*”; còn “*dị giả sứ khuynh*”, đồng ý nghĩa với câu “*tử ưu an lạc*”.

Việc trong thiên hạ, mầm họa đâu phải sinh ra trong lúc loạn ly, mà thường dễ sinh ra trong những lúc thái bình thanh trị. Họa đâu phải sinh ra trong con hoạn nạn, mà thường dễ sinh ra trong những lúc đang hưởng hạnh phúc tuyệt vời!

Bởi vậy mới có câu: “*Nguy giả, an kỳ vị giả dã, vong giả, bảo kỳ tồn giả dã; loạn giả, hưu kỳ trị giả dã. Thị cố: quân tử an nhi bất vong nguy; tồn, nhi bất vong vong; trị, nhi bất vong loạn. Thị dĩ thân an, nhi quốc gia khả bảo dã!*” 危者，安其位也，亡者，保其存者也，亂者，有其治者也。是故君子安而不忘危，存而不忘亡，治而不忘亂。是以身安而國家可保也。” (Nguy, là vì yên chí

với ngôi vị minh không bao giờ lay chuyển; *mất*, là vì quá chắc ở sự còn mãi mãi; *loạn*, là vì cậy ở sự được mãi mãi bình trị. Bởi vậy, người quân tử lúc yên ổn không bao giờ quên lúc nguy khốn; lúc *còn* không bao giờ quên lúc phải *mất*; lúc *trị* không bao giờ quên lúc loạn ly! Nhờ vậy, mà thân mới được yên, và nước mới có thể giữ được lâu bền!)

*
* *

Khí Âm cự tuyệt với Dương; Dương cách tuyệt Âm, thế là Âm Dương bất giao, Thiên địa bất tế... nên Dịch từ khuyên: “*Thiên địa bế, hiền nhơn ẩn* 天地閉，賢人隱”. Đó là đạo “*minh triết bảo thân*” của Trương Lương, Phạm Lãi “*công thành thân thối, thiên vị đạo dã*”! Phải là bậc Thánh nhân mới làm nổi việc này, thường nhơn há biết nổi điều này đâu!

*
* *

Lục Ngũ: Hoàng thường, nguyên, kiết.

六五：黃裳元吉。

Tượng viết: Hoàng thường nguyên kiết,
văn tại trung dã.

象曰：黃裳元吉，文在中也。

Ngũ, là vị chí tôn trong toàn quẻ, đắc trung đắc chánh: Âm nhu mà đắc trung rất hợp với đức Nguyên của quẻ Khôn. *Ngũ*, cần phải tỏ ra từ tốn nhu thuận của quẻ Khôn, dù sao cũng chưa phải đúng là Chánh vị

(vì Âm cư Dương vị) nên hào từ dùng danh từ “hoàng thường” (là cái áo lót màu vàng bận bên trong). Vàng, là màu của Trung thổ.

“Hoàng thường nguyên kiết” là *“Văn tại trung dã”* nghĩa là hào từ khuyên nên Giấu kín cái áo lót màu vàng bên trong, khá có cử chỉ Khiêm tốn, đừng khoe khoang lòe loẹt bên ngoài... Lão Tử cũng dứt khoát khuyên Lục Ngũ rằng: *“thông minh duệ trí thủ chi dĩ ngu”*, *“tri kỳ hùng, thủ kỳ thư”*, *“tri kỳ bạch, thủ kỳ hắc”!*!

Khuyên thế, đâu phải khuyên bậc chí tôn, mà là *cho tất cả ai có một địa vị tôn trưởng: làm cha, làm thầy, làm anh, làm chồng...* đều phải lấy cái đạo *“Khiêm nhu” làm căn bản!*

Câu *“Quân tử hoàng trung, thông lý, chánh vị cư thể, mỹ tại kỳ trung, nhi sướng ư tú chi, phát ư sự nghiệp, mỹ chi chí dã* 君子黃中通理。正位居體，美在其中，而暢於四支，發於事業，美之至也。 ”.

Lục ngũ là bậc quân tử thông suốt đạo lý, mà lại chịu hạ mình ở dưới, đó mới thật là *tốt đẹp bên trong* (*chánh vị cư thể, mỹ tại kỳ trung*) mà *làm cho nở nang bè ngoài*, khuếch trương thành nghiệp lớn.

Sở dĩ Văn ngôn cứ nhắc đi nháć lại mãi câu *“Mỹ tại kỳ trung, nhi sướng ư tú chi”* là muốn nói hễ có Văn thái bên ngoài, trước hết phải có *mỹ chất bên trong: đẹp mĩ, đẹp lòng*: Đẹp lòng mới là quan trọng. Nhưng, nói thế không phải bảo chỉ cần có cái đẹp bên trong mà thôi! Phải nói: Cái đẹp bên trong cũng cần phải có cái đẹp tương đương bên ngoài, bằng thiểu một trong 2 yếu tố ấy thì cũng là một cái đẹp “phiến diện” mà thôi. Dịch lý, phải thế, bởi phải thực hiện sự *“nội ngoại vi nhất”*!

*
* *

Thượng Lục: Long chiến vu dã, kỳ huyết huyền hoàng.

上六：龍戰于野，其血玄黃。

Kỳ đạo cùng dã 其道窮也。

Hào Thượng lục, là âm hào thịnh cực rồi!

Từ hồi nào đến hồi nào, bao giờ Âm mà tranh nổi với Dương. Nhưng Âm mà cực thịnh rồi, thì sức cũng ngang bằng với Dương. Âm cực thịnh, Dương cực thịnh trong 2 quẻ Khôn và quẻ Kiên, nên không bên nào nhường nhịn bên nào cả, mới có chiến tranh đến nhuộm huyết; “Huyền” là sắc của Dương, “hoàng” là sắc của Âm nên mới nói “Kỳ huyết huyền hoàng”. Đánh nhau đến cả 2 nhuộm máu.

Cái gì lên cao quá, đều có hại. Thượng cửu là Dương cực, nên nói “Kháng long hữu hối”: đó là cái họa của cực dương!

Còn ở quẻ Khôn, ở hào Thượng lục thì “Kỳ huyết huyền hoàng” đó là cái họa của cực âm. Khôn là người đàn bà, đến hào thượng lục, là đàn bà cực âm dám sánh ngang hàng với dương, nghĩa là đàn bà biến thành đàn ông, nhưng vì cực âm này cực hiểm! cực ác! cực tiểu tâm. Nên nhớ là quẻ Khôn, mà đến chỗ cực âm, thường là kẻ âm hiểm khôn khéo vô cùng lại mất cả bản tính yếu mềm, nhu thuận. Lại nữa, cực âm là cực dâm hay cuồng dâm, như Võ Tắc Thiên chẳng hạn.

Đàn bà mà tài ba không sút kém đàn ông, lại cầm quyền thiên hạ, là cái đại họa cho nước! Tuy nhiên, trên đời cũng có vài ngoại lệ.

Dường như Tạo hóa đã phó cho người đàn bà một thứ ma lực kinh hồn làm say mê người đàn ông hiếu sắc (mà có đàn ông nào không hiếu sắc? lệ thường là vậy)!

Tranh với đàn bà, nhất là hạng người Thượng lục, tất nhiên có vẻ đẹp kinh hồn cướp cả tâm hồn người đàn ông... đó là chỗ mạnh nhất của phái yếu – “Âm cực thôn Dương” (Âm cực nuốt dương) – Một nhà văn Tây phương nhận xét rất đúng: “les femmes sont extrêmes, elles sont pires ou meilleures que les hommes” (người đàn bà thì cực đoan, hoặc tốt nhất hoặc tệ nhất hơn đàn ông xa). Đẹp thì được mà tuyệt đẹp, đáng sợ! Nhà văn Hermann de Keyserling nói khá chí lý: “Les plus belles fleurs et les plus beaux serpents sont les plus venimeux...; les femmes les plus belles et les plus séduisantes sont aussi les plus fausses.” (Những thứ hoa tuyệt đẹp cũng như những loài rắn tuyệt đẹp thì tuyệt độc...; những người đàn bà tuyệt đẹp và tuyệt quyến rũ cũng là hạng người giả dối nhất!). Cho nên quẻ Khôn huyền diệu nhất: “Huyền chi hựu huyền, chung diệu chi môn” như Lão Tử đã nói. Ngày xưa bên Trung Hoa, bọn Hỉ muội, Bao Ti, Đát Kỷ phải chăng đã làm đổ nát biết bao triều đại vì sắc đẹp “khuynh thành khuynh quốc” của họ! Danh từ “khuynh” đáng phải chú ý.

Hào Thượng lục, Kinh văn có câu:

“Âm nghi ư Dương tất chiến; vị kỳ hiềm ư vô dương dã. Cố xưng “huyết yên”. Phù huyền hoàng giả, thiên địa chi tạp dã. Thiên huyền nhi địa hoàng”.

陰疑於陽必戰，為其嫌於無陽也。故稱“血焉”。夫玄黃者，天地之雜也。天玄而地黃。

Sở dĩ có hào Thượng lục, là bởi có sự nhận làm theo

Nhị Nguyên rằng Âm là Âm, Dương là Dương thuần túy, trong khi *quẻ Khôn* (*tượng 6 hào Âm*) tuy thấy không có Dương mà trong thực tế Dương chưa từng không có trong Âm, Kiên chưa từng không có trong Khôn: *Kiên Khôn là bất nhị!* nhu đồ Tú Tượng đã nói lên.

Bởi có sự nhận lầm theo Nhị Nguyên mà trong Đại tượng quẻ Đại Hữu, câu “át ác dương thiện” đã bị giảng giải sai lầm như các nhà bình giảng Phan Bội Châu, Ngô Tất Tố. Họ đã nói: “Át” đây, là ngăn chặn một cách dứt tuyệt... *Nguyên Mạng Trời phú cho loài người, chỉ có Thiện mà không có Ác, (nên phải) tuyệt loài Ác mới là thuận với Mạng Trời đó vậy!*”.

“Át ác”, là “ẩn át”, chứ không có nghĩa là “*tuyệt loài Ác*”, nếu loài Ác mà bị tận diệt rồi thì vũ trụ cũng đâu còn... *Hột nguyên tử nào mà chỉ thuần Dương hay thuần Âm?*

Dung Lục: Lợi vĩnh trinh.

用 六: 利 永 貞 .

Tương viết: *Dung Lục vĩnh trinh, dĩ đai chung dã*
象曰: 用六永貞, 以大終也。.

Hào Dụng lục: Lợi về sự vĩnh viễn, chính đính.

Lời Tượng: Hào Dụng lục, vì được sự “vĩnh trinh” mà sự rộng lớn đều được chố cuối cùng! “*nhu thuận lợi trinh*”.

Trong 6 hào quẻ Khôn, tốt nhất có 2 hào Lục Nhị và Lục Ngũ. Nhưng nếu *lục nhị* (đắc trung đắc chánh) độc nhất là vị “*Âm cự âm vị*” nếu biết theo *Dụng lục*, thì kết quả, lợi to cho bản thân biết chừng nào, tức là nếu được Vĩnh Trinh (luôn luôn Trinh chính) đó là bậc *đại*

thánh trí trong quẻ Khôn! Dụng lục, là *biết dùng* Nhu đạo như Lão tử đã khuyên dạy: Đức căn bản của bậc Đại Thánh.

Tâm lý người đàn bà nào cũng vậy, thường có tánh *mau chán nản, hay đổi ý bất thường* (tương nét đứt của hào Âm (– –). Nếu biết dùng hào Dụng lục, là “vĩnh trinh” (một mục cố gắng đừng làm đứt đoạn công phu tu tập của mình, thì sẽ có lợi to: “*lợi vĩnh trinh*”). Đây cũng là lời khuyên nhủ của Thánh nhơn đối với hàng “tu chân nội tĩnh” phải cố gắng có những công phu *đừng bao giờ để cho gián đoạn*, một năm như một tháng, một tháng như một ngày, một ngày như một giờ, một giờ như một giây. Đó mới có thể nói đến sự thành công bất cứ trong công trình nào về văn học hay văn hóa. Cái khó nhất trong đời kẻ “Tiến đức tu nghiệp” là chỗ này: *đừng cho gián đoạn*. Kẻ tu “tham thiền” hay “luyện đạo” mà bỏ một ngày công, thì tất cả công phu tu luyện kể như “bức hoành thêu của Pénélope” ngày thêu đêm cắt thì hỏng cả! Chỉ một con giận dữ là phí cả công phu luyện công trong một tháng.

Nhưng, phần hình nhi thượng của 2 hào này, chưa mấy ai đề cập đến. Đó là 2 phép Tu Chân của Đạo gia mà chỉ có các Đạo sĩ mới biết. Phần này đã được đề cập trong quyển *Le Secret de la Fleur d'Or* của Lư Tố (Lu-Tsou) mà bản chữ Hán gọi là “*Tánh Mạng Khuê Chi*”. “*Kim hoa*” (*la Fleur d'Or*), là *Kim đơn*. Đây, thuộc về Đạo giáo rồi! Trong bản dịch ra tiếng Pháp có câu: “En quoi consiste cette pilule d'Or spirituelle? Elle signifie: demeurer constamment dans l'absence du dessein... (càd *Vider le Cœur*). (p.112 – *Le Secret de la Fleur d'Or*, Lu-Tsou, Lib. Médicis, 1969).

Phải chăng, đây là ý nghĩa của lời Tượng: “*Dụng lục vĩnh trinh, dĩ đại chung dã*”. Dụng lục, là *biết dùng đến cái Nhu của Đạo*. Phương pháp Dụng lục đâu phải dễ dàng cho hàng dung tục: sai một đường tơ kẽ tóc là đã đi xa ngàn dặm rồi! có khi tán mạng trong nháy mắt!

Học Dịch đi đến chỗ mà theo danh từ nhà Phật gọi là Chánh đẳng Tối thượng Chánh giác... là luyện đến “phẩm” mà Lão Tử bảo: “*Hư Kỳ Tâm Thực Kỳ Phúc*” (chương III).

Trong 2 quẻ Kiền và Khôn, các hào Thượng Cửu và Thượng Lục là xấu nhất, còn 2 hào *Dụng Cửu* và *Dụng Lục* là thuộc loại “siêu phàm thoát tục” hay “siêu phàm nhập thánh”!

Công phu của “*Kim đơn chi đạo*”, chia làm 2 đoạn:

1. *Tiến Dương hỏa*
2. *Thối Âm phù*

“*Tiến Dương hỏa*”, phải tiến dương cho đến 6 hào, thì Dương mới được thuần toàn, tột bức cường Kiện, mới xong công phu “tiến dương hỏa”. “*Thối Âm phù*”, phải vận âm cho tới 6 hào âm cho được thuần toàn, tột bức nhu thuận, mới làm xong công phu “thối Âm phù”. Công phu của Dương hỏa và Âm phù đã tới cùng rồi, đó là đạt đến công phu Dụng Cửu Dụng Lục thì Cường Nhu bằng nhau, Kiện Thuận đầy đủ, trong Dương có Âm, trong Âm có Dương, Âm Dương chung một Khí, Thái Cực hoàn sinh, Thiên lý hoàn phục, sáng trong rực rõ như hòn ngọc lưu ly. Tới đây, Thánh thai đã trọn thành, một hột “*Thứ mẽ Bửu Châu*” treo giữa Thái Hư (hay Thái Cực), lặng lẽ, bất động; thường úng, thường

tịnh, Bản Lai Diện mục tự Hu Không mà hiện ra: đó là “*Nhứt hiệp Kim đơn thâu nhập phúc*”, hay nói như Đạo Đức Kinh:

*Hu Kỳ Tâm
Thực Kỳ Phúc...*

Ở chương “*Thượng cổ Thiên Chân luận*” thiên *Đạo Sinh* (Nội Kinh) đã có nói:

“*Điềm đạm Hu Vô,
Chân Khí tùng chi,
Tinh thần nội thủ,
Bệnh an tùng lai.*

恬 懈 虛 無。
真 氣 從 之。
清 神 內 守。
病 安 從 來。

*
* *

Dương đến cực độ, biến ra Âm; Âm đến cực độ, biến ra Dương, đó là một sự biến chuyển to lớn nên con người đã thành Đạo gồm cả Luồng Nghi Tú Tượng, một con vật hoàn toàn ngang hàng với Trời Đất Tạo Hóa... Con người cùng Tạo Hóa là Một: “*ngô Tâm tiên thi Vũ trụ; Vũ trụ tiên thi ngô Tâm*”. Brihad Aranyaka Upanishad có câu: “*Toàn cõi Vũ trụ này, chỉ có những món ăn và những người ăn*”. Thượng đế lại nói: “*Ta là Món ăn, mà cũng là Người ăn*” Âm Dương tương sinh và tương diệt là thế.

3. THỦY LÔI TRUÂN

水雷屯

Là nỗi truân chuyên lúc ban đầu.



“Truân giả, vật chi thi sinh dã”
屯著，物之始生也。

“*Truân*”, là lúc vạn vật mới sinh, chưa lấy gì được hanh thái, còn nhiều nỗi truân chuyên. Cách ngôn thường nói: “*Vạn sự khởi đầu nan!*” (Việc gì cũng thế, lúc khởi đầu, bao giờ cũng đầy gian khổ). Cho nên việc gì cũng vậy: *hết lúc ban đầu mà quá dễ dàng, về sau khó được hanh thông*. Đời người cũng thế: lúc còn nhỏ mà quá sung sướng, đầy may mắn hơn người, về sau gặp thực tế cuộc đời đầy gian lao sẽ làm cho con người nhiều lúng túng. Các bậc vĩ nhân trong thiên hạ, lúc nhỏ bao giờ cũng gặp nhiều tranh đấu khổ sở nên về sau mới lướt qua sóng gió của cuộc đời, tay lái bao giờ cũng hay hơn những đứa trẻ lúc nhỏ sống trong nhung lụa!

Đây, là một nguyên tắc mà kẻ làm Cha Mẹ, những bậc Phụ Huynh, hay bậc Thầy nên lấy đó làm công việc giáo dục... Không gì khó khăn bằng dạy con: “Dạy con dạy thuở còn thơ” vì “*sinh giả nhu nhược, kỳ tử giả*

Kiên cường" (cây còn non dẽ uốn, cây lớn, già mà còn uốn, sẽ gãy) (Lão Tử).

*
* *

Theo lệ thường của Kinh Dịch: *nội quái là chủ thể; ngoại quái là khách thể, là sự trở ngại.*

Nội quái quẻ Truân, là quẻ Chấn. Trưởng nam (người con trai trưởng); – ngoại quái, là quẻ Khám, Trung nam (người con thứ), vậy mà anh Trưởng lại bị anh Thứ ở thượng vị, bức hiếp. Tượng kẻ có lý (hay tự xem là có lý), lại bị kẻ vô lý, hiếp mình, nên mới có sự tố tụng để được công bình (?). Ngạn ngữ có câu: “*Thất bại là mẹ Thành công*”. Có tài cao mà không gặp cảnh khó khăn làm sao có được chiến thắng vẻ vang – “Cái khó bó cái khôn”[1]

Trên là Khám (nước), nhưng ở đây, lại là mây (nước trong mây); Dưới là Lôi (sấm sét) tức là Trời sắp mưa to.

Và như vậy, *Khám là tượng “hiểm”, Chấn là kẻ đang sắp hành động trong chốn hiểm nguy*, tất nhiên, tượng một con người can đảm, đầy mạo hiểm, bất chấp gian nguy! nghĩa là có chí “tiến thủ”, bất khuất, bất úy... của người “anh cả”.

1. Lịch sử, theo sử gia Arnold J. Toynbee, có trong quyển L’Histoire nêu một cái luật căn bản giúp cho nhân loại nói chung mà mỗi quốc gia nói riêng được mau tiến đến vinh quang, là “*luật Thủ Thách*” (loi du Défi). Có sự ngăn trở khó khăn chặn đứng, thì dòng nước mới mạnh. Vượt được mọi trở ngại mới có thể được hanh thông.
Toynbee nói: Bị ngăn trở (bất cứ bằng phương tiện nào), vượt khỏi những chướng ngại ấy, xã hội mới thành Văn minh.

Toynbee nói: Bị ngăn trở (bất cứ bằng phương tiện nào), vượt khỏi những chướng ngại ấy, xã hội mới thành Văn minh.

*
* *

Thoán từ:

“*Nguyên, Hanh, Lợi Trinh*”,
vật dụng hữu du vãng, lợi kiến hâu.
 元，亨，利，貞，物用有攸往，利見候。

“*Truân, cương nhu thi giao nhi nạn sinh; động hô
hiểm trung, đại hanh trinh, lôi vũ chi động, mân
doanh; thiên tạo thảo muội, nghi kiến hâu, nhi bất
ninh*”

屯，剛柔始交而難生。動乎險中，大亨貞。雷雨之動，滿盈。天造草昧，宜建候而不寧。

Quẻ Truân, Cương và Nhu mới giao với nhau, mà tai nạn sinh ra; động trong chốn hiểm mà được cả sự hanh thông bền bỉ to lớn; sấm động mưa rào tràn trề ngập tất cả; “trời tạo” (thiên tạo, là thiên vận) đến, mà làm rối loạn tối tăm, đã rối loạn phải lo dựng lên kẻ cầm đầu để dẹp loạn, nhưng mà, như thế vẫn cũng chưa được an ninh!). Là nghĩa làm sao?[1]

1. Câu này rất khó hiểu, phải thông Siêu hình học mới có thể hiểu được phần nào.

Nó nói lên *luật PHẾ HƯNG*, đã được Đạo Đức Kinh *Dịch lý* hóa nó bằng đoạn văn này:

*
* *

Như đã nói: *Truân*, là lúc ban đầu, lập ra xã hội loài người, đầy dẫy sự gian nan khổ... tượng một loài cỏ mọc, đang tranh sống để mọc lên khỏi mặt đất. Do đó, *Truân* có nghĩa là “sự gian khổ khó khăn buổi ban đầu”.

Do Âm Dương tụ hợp để giao tế, nhưng chưa thật giao tế được, khác nào trời đang vần vũ, bức bối khó chịu, cảnh sấp có giông to, gió lớn, và mưa rào... Tuy vậy, vạn vật vẫn cảm thấy có ngọn gió lạnh, mát mẻ, nhẹ nhàng... chờ trận mưa to sắp đổ xuống! Khảm (là

.....

*"Tương dục hấp chi; tất cố tương chi;
"Tương dục nhược chi; tất cố cường chi;
"Tương dục phế chi; tất cố hưng chi;
"Tương dục đoạt chi; tất cố dữ chi.
Thị vị Vi Minh."*

(Nếu muốn thu rút đó lại, hãy mở rộng đấy ra;
Nếu muốn làm cho đó yếu đi, hãy làm cho đó mạnh lên;
Nếu muốn vứt bỏ đó đi, hãy làm cho đó dấy lên;
Nếu muốn cướp đó, hãy cho đó thêm nhiều;
Đó mới là chỗ thâm kín nhiệm mầu!)
Hay nói cách khác:
(Làm cho thu rút đó lại, là mình sắp *làm cho đó được mở rộng thêm ra*;
Làm cho yếu đó, là *sắp làm cho đó mạnh lên*;
Làm cho đó bị vứt bỏ đi, là *sắp làm cho đó được hưng khởi lên*.
Cướp đoạt đó, là *sắp ban thêm cho đó!*
Đó là ánh sáng huyền vi của Đạo) – gọi là “Vi minh”
Lịch sử gọi đây, là *luật thử thách* (*loi du défi*). Trong Ngô Việt Xuân Thu, Việt bị Ngô đánh bại và làm sỉ nhục; về sau, Việt mới diệt được Ngô. *Phế đó, là hưng cho đó!* Sự việc rành rành.
Người anh hùng vĩ nhân nếu không nhiều gian khổ làm sao thành được những bậc phi thường? Đừng lo có sự ngăn sông, cách núi... mà hãy lo cho cái lòng ngoại núi e sông.

nước trong mây) gọi là Khói mây; sấm *mà nổ vang trời, là điềm sắp có mưa to.*

Việc gì trong đời cũng vậy. Lúc đang sửa soạn có một cuộc chuyển động của thời cuộc to tát, bao giờ cũng có sự lo lắng, bức bối, nóng nảy... Nhưng, không sao, hãy cứ *nhẫn耐* mà chờ, trước sau gì cũng có mưa, mà là mưa to! Sau con mưa to, bầu trời sẽ trở nên quang đãng. Đừng sợ những khó khăn buổi ban đầu. Trước càng khó khăn; sau càng dễ hanh thông sung sướng (bí cực, thái lai)!

Cho nên, chó vội vã, chó bôn chôn... vì bất cứ chuyện gì, trong lúc này, hành động quá vội vàng sẽ đưa đến thất bại ngay! Khó, là lúc này! “*Dục tốc, bất đạt*”, *mấy ai lo cho đời, mà biết nhẫn耐 chờ Thời!* Một việc nên, mà trា̉m việc hư, là thời buổi *Truân* này!

*
* *

Tuy nhiên, ở thời *Truân*, cần phải biết *đoàn kết*, đừng có đứng riêng rẽ! nên hào từ mới có câu: “*lợi Kiến hâu*” 利見候 nghĩa là trước con bão tố, phải biết lo trước mà dựng lên một chương trình, *một kế hoạch* “phòng bão”, dĩ nhiên phải kiểm ra người đứng đâu chỉ huy việc “phòng bão” và “trị bão”. Chữ “*hâu*” đây, đâu phải là bậc “vuong hâu” mà là Kẻ cầm đầu. Đi trên một chiếc thuyền mà gặp con bão, phải có một người đứng ra vừa lo chỉ huy, vừa lo trấn an các người cùng hội cùng thuyền!

Đang lúc hiểm nguy mà biết *hành động thích nghi*, bao giờ cũng *điềm tĩnh phi thường* mới xứng đáng là

người của thời Truân, nên mới nói: “*Động hồ hiếm trung, đại hành trình*”.

Bão tố, tuy là *điều đáng lo, đáng sợ...* nhưng nó lại *đầy húa hẹn!* Bão to gió lớn là những hành động tự nhiên của Âm Dương nóng lạnh bất điều hòa, là *một cần thiết của Tự nhiên để lập lại quân bình đã mất!*

Bão tố, là một cuộc Cách Mạng tự nhiên của Tạo hóa, cho nên dù là những cuộc cách mạng đẫm máu... cũng chỉ là *những cần thiết* của *đạo Trời*. “*Người*” cũng như của *Đạo “Trời”!* Đối với Thiên lý, mỗi cuộc biến cố chiến tranh to tát như cuộc Thế Chiến thứ hai (khoảng 1941 – 1945) biết đâu lại không phải là một cuộc thanh lọc thế giới, như các “thiên tai” dồn dập đến với con người... Ai dám bảo: *Thượng đế háo sinh mà chẳng háo sát? Không sát, làm sao mà sinh?* Đó là luật Quân bình của Tạo Hóa.

Nho nhỏ, là những “nội chiến”; to hơn là những chiến tranh giữa nước này với nước kia; to hơn nữa là thế chiến... *biết đâu lại chẳng phải là Cơ Trời* (*Thiên cơ* hay *Thiên lý*)? Theo luật Tiêu Trưởng, thời này là thời thuộc về Thái Âm cai quản.

Dịch học, bàn thắng Thiên lý, nên như Trình Minh Đạo, một tổ sư Dịch học thời Tống, đã bảo: “*Thiện Ác giao Thiên Lý!*” (*Thiện và Ác đều là Lê Trời cả*).

Đó là nghĩa sâu kín của câu: “*Lôi Vũ chi động, mãn doanh*” (*Mãn doanh*, là đầy tràn hi vọng hay đầy hứa hẹn tốt).

Đứng ở cương vị nhân dân, của những con người bình thường (thế nhon), thì Chiến tranh quả là một việc làm tàn ác vô nhân đạo, rất phi lý; nhưng đứng ở

cương vị Đạo (Lẽ Trời) hay Thiên lý, thì chiến tranh là kết quả của nhiều oán khí, những uất khí do tư tưởng hận thù hăng ngày của thiên hạ tạo nên: ta phải gặt lấy những gì ta đã gieo trồng. Có những nước mà kẻ cầm quyền thiên hạ lại cố gắng gieo sự hận thù trong nhân dân ngay từ thuở bé nào là những tư tưởng “yêu nước” và đê cao người trong nước bao giờ cũng cao hơn các nước láng giềng. Nhân có *đê cao quá đáng* dân tộc Đức, mà Hít-le (Hitler) mới gây nổi một cuộc chiến tranh chống Nga, dân Đức tàn sát người Nga với một sự hăng máu vô cùng khốc liệt?

Những nước a dua lòng tự tôn tự đại của quần chúng mới có việc đi xâm lăng nước khác dưới khẩu hiệu là gây hạnh phúc cho các nước yếu nhược dưới ngọn cờ Hòa Bình, Tự Do và Hạnh Phúc cho tất cả loài người! Đức thắng Nga cũng nhờ gây được lòng yêu nước, muốn cho nước Đức đứng trên nước Nga, mà Nga mới chống lại Đức, cũng nhờ kêu gọi lòng yêu nước của dân Nga! Không để cho dân Nga sống dưới ách thống trị của Đức Quốc Xã! của dân Đức!

Đại Tượng

Vân, Lôi, Truân
Quân tử dĩ Kinh luân

雲，雷，屯。
 君子以腈綸。

Trên là mây, dưới là sấm nổ, đó là tượng của quẻ Truân.
 Người Quân tử noi theo đó, mà lo việc Kinh luân tế thế!

“Kinh Luân” là sắp xếp việc trong nước cho đâu vào đó, cũng như sắp xếp các đường chỉ dọc ngang trước, để có thể dệt nên tấm vải trên khung dệt! Âm chỉ, lo điệu hòa Âm Dương cho đâu đó có hệ thống “*thiên tôn địa ti, Kiền Khôn định vị*”. Âm, là tiểu nhơn; Dương, là quân tử đều có chỗ dùng cả, kẻ dệt đâu có thể chỉ dùng chỉ ngang mà thôi.

Chữ “Kinh luân” đúng về cương vị chánh trị, là đem tài trị nước mà sắp đặt lại kỷ cương trong xã hội, thường gọi là tài “Kinh luân”; về phương diện hình nhi thương học, kẻ có tài kinh luân là kẻ cầm quyền thiên hạ phải là bậc Thánh quân hay bậc Thánh trí, tức là kẻ đã biết rõ “*Thiện Ác giao Thiên lý*” để mà dùng kẻ Thiện người Ác, ai vào chỗ này! chứ không thiên về kẻ thiện mà không dùng kẻ ác! Mới có câu: “Các an kỵ sở an” (Trang Tử).

*
* *

Lúc *Quản Di Ngô* (tức là Quản Trọng) đau nặng, Tề Hoàn Công đến thăm, cầm tay, hỏi:

- Nếu chẳng may mà Trọng phụ mất rồi, ta biết giao quyền chính cho ai đây?

Quản Trọng thở dài, nói: Tiếc thay Ninh Thích!

Tề Hoàn Công nói:

- Bộ người tài hết rồi sao? Ta muốn giao quyền chính cho Bào Thúc! Trọng Phụ nghĩ sao?

Quản Trọng, nói:

- Bào Thúc là người quân tử! nhưng không thể cầm

quyền chính được! bởi ông ta hay phân biệt Thiện Ác quá! Yêu điều Thiện, là phải; chứ ghét điều ác thái quá, ai mà chịu nổi? Bởi vậy, Bào Thúc làm gián quan thì hay, mà làm đến bậc Tướng quốc, thì hỏng!

Lời tiên đoán của Quản Trọng không sai.

Quản Trọng chết, Tề Hoàn Công giao cho Bào Thúc thay quyền Tướng Quốc. Bọn tiểu nhơn cùng đường, làm loạn. Hoàn Công mất ngôi Bá, bị bọn tiểu nhơn giết một cách thê thảm!

Người cầm quyền trị nước, phải có tài Kinh Luân, nghĩa là biết dùng cả kẻ thiện người ác ở những địa vị tương xứng. Hạng Thánh trí mới làm nổi công việc Kinh Luân này.

*
* *

Tiểu Tượng

Sơ Cửu: Bàn hoàn lợi cư trinh, lợi kiến hâu.

初九：盤桓，利居貞，利見候。

Tương viết: Tuy bàn hoàn, chí hành chính dã.

Dĩ Quý há Tiện, đại đắc dân dã.

象曰：雖盤桓，志行正也。

以貴下賤，大得民也。

Hào Sơ cửu này, là một trong 2 hào Dương của toàn quẻ lại ở vào nội quái; dương cư dương, là hạng có tài năng đức độ, vì Sơ cửu ở nội quái lại làm chủ quẻ Chấn nữa, có tài có đức thua gì hào Cửu ngũ, lại còn lấn quyền là khác!

Thiên hạ đang ở buổi Truân mà kẻ có tài dương cương đắc chánh, có thể nào thiên hạ lại chịu để cho họ ăn không ngồi rồi, trước sau gì tiếng đồn sẽ đến tai Ngũ; *Cửu ngũ*, sẽ hạ mình xuống kiểm Sơ cửu để cầu sự giúp đỡ cho coi!

Tiếc vì hào Sơ lại bị ở dưới một bầy tiểu nhơn (trên hào Sơ, có đến 3 hào âm) nên có vẻ như dùng dằng, do dự nên hào từ mói nói “bàn hoàn” (do dự, e dè). *Ở thời Truân, cần nên dè dặt, chờ hấp tấp, chờ vội vàng (lợi cự trinh 利居貞* (nghĩa là có lợi mà ẩn nhẫn chờ thời) tốt hơn.

Người mà có Tài có Đức như vậy, lại còn biết hạ mình, biết quên đi cái tài cao đức rộng của mình (*dĩ quý há tiện*) thì sao thiên hạ lại không chạy theo mình? Cũng như Lão Tử đã thường khuyên: “Ta có 3 của báu: trong đó cái *của quý thứ ba mà ta bao giờ cũng ôm giữ*, là “*bất cảm vi thiên hạ tiên*” (*không bao giờ dám đứng trước thiên hạ*). Hê “*hậu kỳ thân, nhi thân tiên*” (để mình đứng sau thiên hạ, vậy mà, lại được thiên hạ đưa ta ra đứng đầu) “Đi sau, về trước; đứng dưới, lên cao”.

Thói đời có đúng như vậy: Có ai mà muốn bị Thiên hạ xem thường, nên bị phải cái “mặc cảm tự ty”, đi đâu cũng khoe khoang, cũng tự cao tự đại, và khinh miệt thiên hạ! Nhưng *trò đời* lại làm đảo lộn việc ấy: ai muốn tự tôn, thì thiên hạ lại dìm họ xuống dưới bùn; trái lại, ai biết luôn luôn “tự hạ” thì thiên hạ lại tôn trọng và đưa lên cao! Không có một bậc thánh trí nào mà hay khoác lác, kiêu căng! và như ta đã thấy trong sách luận về Tướng pháp: “*Kẻ kiêu căng, phạm nặng vào cách “lục tiệm”*. Tướng kẻ hạ tiện, trước nhất là những Kẻ kiêu căng!” (Thùng không, to tiếng!).

Lão Tử cũng thường nói như Dịch Kinh: “*Dại quốc dĩ hạ tiểu quốc, tắc thủ tiểu quốc; tiểu quốc dĩ hạ đại quốc, tắc thủ đại quốc. Đại giả, nghi vị hạ!*” (Chương 61, Đ.Đ.K).

(*Nước lớn mà biết hạ mình trước nước nhỏ, ắt sẽ được nước nhỏ xưng thần. Nước nhỏ mà biết hạ mình trước nước lớn, ắt được nước lớn che chở. Bậc Lớn, nên hạ mình!*). Cũng là chỗ mà hào từ Sơ Cửu đã nói: “*Dĩ quý há tiện, đại đắc dân dã*” (được lòng dân). Tóm lại, được hào này, cần phải lo tạo được nhân tâm để củng cố địa vị, không nên tự hào, tự cao, tự đại, mà phạm đến *nhon quyền*.

Lục Nhị: *Truân nhu, chiên nhu, thừa mā ban nhu, phi khấu hōn cǎu, nǚ tú trinh, bát tú; Thập niên nãi tú.*
六二：屯如。遯如。乘馬班如。非寇婚媾。
女子貞，不字。十年乃字。

*Lục nhị chi nан, thừa cuong dã
Thập niên nãi tú, phản thường dã.*
六二之難，乘剛也。
十年乃字，反有也。

Lục Nhị, âm cư âm vị, lại đắc trung đắc chánh, tượng một người con gái, có đủ tài đức phẩm hạnh, lẽ ra cuộc đời êm xuôi, phải có một người chồng rất tốt mới xứng phận mà trao duyên, vì trên là Cửu Ngũ chính ứng cũng rất tốt (dương cư dương vị) lại “đắc trung đắc chánh”.

Nhưng, ở thời buổi Truân chuyên, nhơn trị còn bế tắc, mà kế bên là hào Sơ cũng dương cương háo động, nên e đây là tên cường khấu, giả sử mà nó ép uổng mình phải theo (nó lại ở bên cạnh mình) thì còn gì

người con gái, thân phận quá mỏng manh, nhược chất liêu bồ! Tiếc một điều, là anh ta không phải là chỗ chính ứng của mình.

Hào từ khuyên: Nếu như Nhị mà là đứa gái trinh chính, cứ một mực đợi chờ, dù cho mười năm cũng ráng mà chờ... Cửu ngũ chính ứng, dù thế nào cũng sẽ tìm đến để cầu hôn, vì Ngũ là chính ứng: “*hữu duyên thiên lý năng tương ngộ, vô duyên đối diện bất tương phùng!*”.

Cái khốn khổ của Lục Nhị, là trong toàn quẻ, chỉ có 2 hào Dương thôi... Vậy, lựa hào nào? Đáng lo, là Nhị lại đang cõi trên hào Dương, sát cận bên mình, nhưng vì không phải chính ứng mà “tâm không đồng, đạo không hợp”... lòng hỏi lòng, chưa có thể “Đồng thịnh, đồng khí”. Còn anh chàng phương xa, lại đang còn nhiều trở ngại, còn bị một bầy Âm ngăn trở, nhưng lại là hào chính ứng, lòng hỏi lòng quả là “chí đồng đạo hợp”... vậy *phải biết chờ* khi nào quả tim rung động... Chờ mười năm, có là bao... dù có phải thiên thu viễn cách, thà ôm cầm mà đợi kẻ tri âm!

Thủ tượng, lấy việc người con gái, nhưng mà việc đời suy rộng ra, cũng một thế!

Có biết bao bậc vĩ nhân, suốt đời chẳng gặp được kẻ tri âm tri kỷ... họ thà chết trong cô đơn chứ không chịu bùa bãnh nhận càn người tri kỷ! Thảo nào, khi gặp được tri kỷ, họ reo mừng: “*đắc nhất tri kỷ, khả dĩ bất hận!*”. Bá Nha đã đập đòn khi Tử Kỳ đã chết!

Giữa thầy trò, bè bạn... bậc Thánh trí rất khó trong sự giao du và kết bạn: Nguyễn Tịch (trong “Trúc Lâm Thất Hiền”) hẽ gặp ai là kẻ tri âm tri kỷ, thì cặp mắt hiện màu xanh; trái lại, gặp kẻ thường nhơn, thì tròng mắt trở nên trắng bạc. Ngoại ngữ Tây phương có câu:

“L’ami de tout le monde n’est l’ami de personne!” (Bạn của tất cả mọi người không phải là bạn ai cả!)

*
* *

Lục Tam: Tức Lộc vô ngu, dĩ tùng cầm dã. Duy nhập vu
lâm trung; quân tử cơ, bất nhu xá vāng, lǎn.

六三：即鹿無虞，以從禽也。惟入于林中，
君子幾，不如舍往吝。

Tượng viết: Tức lộc vô ngu, dĩ tùng cầm dã. Quân tử xá
chi, vāng lǎn, cùng dã.

象曰：既鹿無虞，以縱禽也。君子舍
之，往吝，窮也。

Lục Tam, là hào bất trung, bất chánh, chính ứng với Thượng lục cũng bất chánh: Âm ngộ Âm bất ứng, đó là kẻ tài hèn sức mọn, lại là kẻ không có bè bạn tốt để dắt dùi! Lẽ ra, biết mình như thế, thì nên lo “thận độc kỳ thân”, “an thân thuận mạng”, nhưng vì bất trung bất chánh nên hay đèo bòng tham muối. Hào từ nói đến việc Tam tham ăn thịt nai, nên lén vào rừng sâu săn nai. Phàm đi săn nai trong rừng rậm, lệ có những kẻ chuyên dẫn đường vào ổ nai người đi săn nào mà không quen với rừng cần phải nhờ họ dẫn đường. Nếu Tam là người có chút ít trí khôn, biết an phận, đừng tham ăn thịt nai, lại biết nhờ người dẫn dắt, không làm càn làm buồng một mình vào chốn rừng sâu, thì đâu có điều “hối lǎn” (đáng thẹn, đáng tiếc).

Lục Tứ: Thùa mā ban nhu
Cầu hôn cầu

Vāng Kiết, vō băt lợi.

六四：乘馬班如。

求婚媾。

往吉，無不利。

Tượng viết: Cầu nhi vāng, minh dā.

象曰：求而往，明也。

Hào Lục Tú, có tánh chất một người hiền, nhưng thiếu Tài, vì ở phải thời Truân (rất cần có Tài). Tuy ở cận Cửu Ngũ, nhưng Ngũ đã có Nhị rồi, nên e rằng có lên tim Ngũ, Ngũ có chấp nhận hay không? Bởi vậy mà lòng do dự, muốn tới mà không hiểu tới có lợi gì không? nên như người cõi ngựa (thừa mā) lại dùng dằng chảng dám đi tới (ban nhu).

Nếu Tú đừng có cầu cao, biết thân phận mình như vậy, nên ngó xuống mà lo kết nghĩa với hào Sơ đi. Sơ, là kẻ tài tình lăm kia mà! Tú, tuy không có Tài bằng Sơ, nhưng cần phải có Sơ là bậc hiền tài, nên *phải biết hạ mình đi với kẻ dưới* kia có Tài hơn mình (Cầu nhi vāng), thì sẽ được tốt đẹp, mình mới được gọi là sáng suốt (“minh dā 明也”). Ở đây, không có gì gọi là “mất thể diện”! Như đã nói ở hào Sơ cửu: “*dī quý há tiễn, đai đắc dân dā.*

Cửu Ngũ: Truân Kỳ cao, tiểu trinh,

Kết. Đại trinh, hung.

九五：屯其高，小貞，吉。大貞，凶。

Tượng viết: Truân Kỳ cao, thí vị quang dā.

象曰：屯其高，施未光也。

Sơ cửu, tuy là ở dưới, mà lại tài hơn Cửu Ngũ, là tại sao? Là bởi Sơ cửu ở hào Nội Chấn, là hàng Trưởng nam, còn Cửu Ngũ ở Ngoại Khảm, thuộc về đàn em (thứ nam). Bởi vậy, *Sơ cửu, là bậc quyền thần áp đảo* quyền Thiên tử. Dù là một bậc Vua, dù có sáng suốt, với cái thế hạ phong nêng đành chịu lép vế, chỉ còn là một ông Vua “hữu danh vô thực”, như Hiến đế nhà Hậu Hán, rất sợ oai của Tào Tháo!

Cho nên, kẻ ở vào hào này, đâu dám làm việc gì to lớn được, có thể quyền thần chỉ cho phép làm những việc nho nhỏ mà thôi! Nên mới nói, “*tiểu trinh, kiết; đại trinh, hung*”!

Chữ “cao 高” là mỏ, còn “truân” thì rít lại, keo lại, tượng ân huệ do Cửu Ngũ ban cho chúng nhơn chả có là bao! “*Thí 施* là ban cho”, đâu có được bao nhiêu, không chút “sáng sủa” gì cả! *Vị quan dã 未光也。* Với hào Dương của Cửu ngũ, mà ở vào cái thế quẻ Khảm, thì hãy coi chừng, quyền thần có con mắt nhìn kỹ hành động mình, mình là kẻ nằm trong tay họ, không khéo, thì chết, như Hiến đế bị ở trong tay Tào Tháo, mỗi khi Tào Tháo phật ý mà “gầm” lên, thì “mây” trên trời “rung rời” đổ hột. Hào Cửu ngũ, như ta thấy, ở ngay quẻ Khảm, mà Khảm là gian hiểm nguy ngập không biết chừng nào... cái chết sẽ đến không biết giờ nào! Còn cái oai khí của Sơ cửu là làm chủ quẻ Chấn, hễ nổ vang thì mây rơi thành nước, lai láng đất trời!

Hào Cửu Ngũ, thật là rất xấu ở thời Truân vậy. Không còn cái “truân” nào tệ hơn!

Thượng lục: *Thùa mā ban nhu, khấp huyết liên nhu.*

上六：乘馬班入，泣血連如。

Tượng viết: *Khấp huyết liên nhu, hà khả trường dã*

象曰：泣血連如，何可長也。

Thượng Lục, là thời Truân chuyên đã đến cực độ của âm khí rồi!

Ở vào thời này, ít ra phải là một bậc Thánh nhân, một người đại tài đại trí mới mong thoát khỏi tan nạn! Nhưng Thượng Lục lại là cực nhu, âm nhu cực độ là kẻ *vô tài vô đức* mà phải sống trong thời này (sống đúng trên hào Cửu Ngũ, tức là những bậc cận thần quyền thế riêng của Cửu Ngũ, thì lại càng khốn khổ hơn Cửu Ngũ bực nào! *Đi không được mà ở cũng không biết phải làm sao...* Thế nào quyền thần cũng sẽ giết hết những trung thành của Cửu Ngũ! Khác nào người cõi ngựa đứng bên đường, quẹt đôi hàng huyết lệ (*thùa mā ban nhu, khấp huyết liên nhu*) làm sao mà sống được? (*hà khả trường dã*)? Thượng Lục cùng với Lục Tú, tuy chính ứng với nhau, nhưng Tú cũng đâu có tài cảng gì hơn, mà mong được cứu trợ!

4. SƠN THỦY MÔNG

山水蒙



“Mông giả, muội dâ”
 蒙者，昧也。
 (Mông, là mê muội)

Cũng gọi là “Đồng Mông” (óc mê muội của tuổi trẻ),
 của con người ở thời buổi sơ khai, rùng rú...

Mê muội làm cho con người hay tìm cách ra khỏi
 cảnh mê... nên người ta, ai cũng vậy, ham tìm kiếm
 mọi cách để hiểu biết thêm. Tìm sự hiểu biết dường
 như là một thiên tính khiến ta thích tò mò, và tánh tò
 mò là ham tìm hiểu những gì bí mật chung quanh ta...
 Như ta thấy nơi những đứa trẻ, với những câu hỏi tò
 mò của chúng thường làm cho ta bối rối... Cái gì đối với
 chúng cũng lạ, chúng đòi hỏi ta phải giải thích.

Bởi thế, mới đặt ra vấn đề Mê và Tỉnh (hay Mê và
 Ngộ). Quẻ Mông gồm 2 quẻ: trên là Cấn (núi cao mà
 vách thẳng), còn dưới là quẻ Khảm (là biển rộng mênh
 mông). Cũng có nghĩa là dưới núi có suối nước chảy ra.

Suối chảy ra, dưới Chân núi, đâu có biết mình sẽ

cháy vè đâu? thì *cứ tìm chỗ thấp mà cháy vào!* tượng tuồi trẻ chưa biết đường hướng, cứ đi và đi mãi, không biết chỗ nào phải đi đến (bất khả tri kỳ sở đáo xú)!

Trên, là núi sùng sưng, dốc đứng, như muốn chặn đứng không cho suối chảy ngược dòng. Quέ Cán là đứa trai nhỏ, quέ Khảm là đứa trai thứ, đều là một bọn thiếu niên cả, trí thức còn nồng cạn, tượng trí thức của bọn “đồng mông”, thú trí thức chưa được khai thông, nên vẫn còn mờ mờ, chưa sáng (*muội, nhi bất minh* 昧, 而不明。).

Người được quέ này, là hạng người mà trí thức còn nồng nỗi như “bọn trẻ” chưa phân biệt thị phi, tà chánh, là bọn mê tâm không phương hướng, cho nên gấp đâu học đó, chưa biết lựa thầy hay mà học. Cần phải có Thầy chỉ dẫn lúc ban đầu, và sau, nhờ những bạn tốt dịu dắt nhau: “*Mông muội giả năng thuận hiền sư luong hữu chi giáo, khởi kỳ thông minh nhi hanh thông*” 蒙昧者能順賢師良友之教，啟其聰明而亨通。

Nước suối có chỗ này, là còn trong sạch chưa bị xā hội làm xú nihil... Đầu óc còn trong sạch, nên mới nói: “*tự kỷ hư tâm*” 自己虛心. Có được như vậy, mới mong tìm được Chân sư. “*Hư tâm*” là lòng không thành kiến.

Tuy vậy, tuồi trẻ rất háo thắng; bao giờ cũng tưởng mình học nhiều và thông minh, nên thường bọn trẻ trí thức có thói “*mục hạ vô nhon*”, chỉ vừa được vài cấp bằng, là đã tưởng trên đồi không còn ai hơn mình nữa cả! Bởi vậy, Richard Wilhem dịch quέ Mông là “*Folie juvénile*”. Richard Wilhem, là người đã biết rõ cuồng vọng của thanh thiếu niên. Nhà văn Joubert nói: “*Nếu*

anh có gì muốn biết, cứ hỏi bọn thiếu niên. Họ biết tất cả!". Tánh nết tự cao háo thắng!

Ngày mà họ lớn lên rồi, đến tuổi trưởng thành, họ lại trở nên rất khiêm tốn. Họ lại nói theo Socrate: "Điều mà tôi biết rõ nhất, là tôi không biết gì cả".

Tìm Chân sự, đâu phải khó, mà cũng đâu phải dễ!
 Đã mê muội lại còn tự tôn tự đại thì làm gì gặp được Chân sự? Có khi có Chân sự, nhưng Chân sự biết mình chưa xứng đáng, không dạy gì cả, nghĩa là Có mà như Không, bởi chưa có chỗ đồng thinh đồng khí!. Chỉ có khi nào lòng chí thành, mới mong gặp得到 Chân sự chịu dạy cho.

*
* *

Tích xưa, lúc đệ nhị tổ Thần Quang đến cầu Đạo noi Bồ Đề Đạt Ma...

Đạt Ma lạnh lùng không nhìn đến.

Thần Quang không nản lòng, nghĩ rằng những bậc chí Thánh đại hiền ngày xưa đều đã phải trải qua đủ thiên ma bách chiết mới thành được lòng nguyện ước cầu sư.

Đêm đêm như thế, chờ cho Đạt Ma để ý tới! đúng dàm mình trong tuyết lạnh mà không sờn lòng.

Một đêm, tuyết rơi tầm tã lút đến khỏi đầu gối mà Thần Quang vẫn đứng chờ... im lặng!

Bấy giờ Đạt Ma mới quay đầu lại, hỏi:

- Ông muốn cầu gì?

Thần Quang bi thiết, khóc lên, thưa:

- Nguõng mang Hòa thượng từ bi, mở cửa cam lô, rộng độ chúng sinh!

Tổ Đạt Ma nói:

- Đạo vi diệu huyền thông của chư Phật, *cần phải* *nhiều kiếp tinh cầu*, hàng trí nhỏ đức cùng, *đồng mông*, mê muội lại *đầy lòng khinh慢*, há có thể chịu nổi nhọc nhằn lao khổ mà cầu pháp chân thừa sao?

Thần Quang nghe quo, bèn rút dao bén bên mình, *chặt đứt cánh tay trái, dâng lên trước mặt tổ.* Tổ biết đã gắp được người có pháp khí, bèn nói:

- Chư Phật lúc phát tâm cầu Đạo, *thường vì Pháp mà vong thân chẳng ngại!* Nay ông dám chặt tay trước mặt tôi, vậy, ông muốn gì?

Nói xong Đạt Ma bèn đổi tên Thần Quang và ban cho tên mới là Huệ Khả, như vậy để cho thấy mặc nhiên đã nhận Huệ Khả là đệ tử mình rồi!

Huệ Khả bạch:

- Pháp ấn chư Phật có thể nghe được không?

Tổ sư nói:

- Pháp ấn chư Phật, không thể nhờ ai khác ngoài mình!

Huệ Khả bạch:

- Tâm con không an, thỉnh tôn sư làm cho nó an.

Tổ sư nói:

- Hãy đưa Tâm ngươi cho ta đi, ta an cho!

Huệ Khả bạch:

- Con kiếm mãi mà chẳng thấy đâu cả, suốt mấy năm trời!

Tổ sư nói:

- Thế là ta đã an cái Tâm của người rồi đó!

Huệ Khả bỗng dung Giác ngộ.

*
* *

*Cầu Sư đâu phải dẽ! mà Thầy đi tìm đệ tử cũng
đâu phải dẽ, có khi còn khó khăn vô cùng! Tại sao khó
khăn? Ta cần để cho kẻ cầu Đạo thật chí thành, nhưng
khi dạy, còn phải cẩn lưu ý đến căn cơ trình độ hiểu
biết đã đến đâu “phi ngã cầu đồng mông, đồng mông
cầu ngã chí ứng dã!”*

“Trung nhơn dĩ hạ, bất khả dĩ ngú thượng dã.

“Trung nhơn dĩ thượng, khả dĩ ngú thượng dã.

(Từ hạng trung đến dưới, không thể dùng lời nói cao
mà nói được; từ hạng người trung trở lên, mới có thể
dùng lời nói cao mà nói được). Thật khó, là chõ đó!

Nói cao lăm, người nghe không sao hiểu kịp; còn nói
thấp quá, người nghe lại dễ chán sinh lờn. *Làm sư khó
hon làm đệ tử*, cho nên đệ tử không nên cãi thầy, vì
ông thầy phải là người cao hơn mình rất xa mới được!
Sư, phải được đắc Trung đắc Chánh. Sơ ý, mà ông
Thầy dạy sai, thì “hột giống xấu ấy” lại hại cả một đời
người đệ tử của mình! hại cả thiên hạ!

“Mông hanh! Dĩ hanh hành “Thời”, trung dã 蒙
亨！以亨行“時”中也。

Giúp cho kẻ bị mông muội được hanh thông, thì phải
biết hành động đúng “thời”, nghĩa là “đắc kỳ trung chi
thời”.

Những câu chuyện về Thiên tông đốn Ngộ cho ta thấy: các Thiên sư đắc Đạo, biết rất rõ trình độ người đệ tử đã đến chỗ “chín muồi” chưa, và chỉ với một câu nói bất ngờ, giúp cho người đệ tử “đắc ngộ” lập tức! Kẻ thế nhon không làm sao ngờ được! và hiểu được!

Một trong những câu chuyện về Thiên như sau, chứng minh điều này:

“Một chú tiểu, thành khẩn thỉnh cầu sư Triệu Châu dạy Thiên.

Sư hỏi:

- Chú ăn cơm chưa?

Chú tiểu thưa:

- Ăn rồi!

Sư bảo:

- Thì đi rửa chén đi!

Chú tiểu vừa nghe, liền tinh ngộ.

- À! ra, chỉ là thê!”

*
* *

Thoán từ có câu:

“Mōng, dī dường Chánh, thánh công dā 蒙以養正，聖功也。”. Thời Mông, bậc tôn sư là người biết di dưỡng đạo Chánh Trung đến mực, nên công đức ấy gọi là *Thánh đức*! ở 2 hào Nhị, Ngũ.

Bậc Minh sư ở thời Mông muội đây, là nói về hai hào Chánh Trung, hai hào Nhị, Ngũ:

Nhị, dương cương, đắc Trung đắc Chánh, chủ nǎo

của nội quái là quẻ Khảm, tức là chỗ mà nhà Đạo gọi là đơn điền (*phúc nǎo*) như nguồn suối chảy ra thao thao bất tuyệt.

Trong quẻ *Mông*, nội quái là quẻ *Khảm*, hào Dương, là Bậc Minh sư; còn hai hào âm bọc ngoài, là đám đệ tử.

Cũng nên nhớ: Ở quẻ *Mông*, quẻ *Khảm* là trung nam; còn quẻ *Cấn*, là thiếu nam. *Khảm*, là bậc Thầy (anh lớn, trung nam); còn *Cấn*, là bậc đàn em (hàng đệ tử) thiếu nam.

Dạy bằng lời nói, còn dẽ; dạy bằng văn tự lưu lại vạn thế, thì trách nhiệm nặng nề biết chừng nào! Công, thì công to; mà tội, tội cũng không nhỏ. Chữ “Chánh” trên đây, không phải là chánh đối với tà, mà là cái đạo Trung Chánh (*Trung Chánh chi đạo*) của Dịch. Hay nói cách khác: đó là đạo Trung dung.

*
* *

Đại Tượng

“Son ha, xuất tuyển: Mông.

“Quân tử dĩ Quả hạnh, dục đức.

山下出泉：蒙。

君子以果行育德。

Dưới núi, có suối chảy, tượng quẻ Mông;

Người quân tử noi theo đó mà vun trồng “trái hạnh” (quả hạnh), và dưỡng dục nó bằng “đức”.

Câu này có 2 nghĩa: một cạn, một sâu.

1. *Cạn*, có thể để nói lên công trình và sứ mạng của Văn hóa và Giáo dục, lấy Đức dục đứng đầu, và Trí dục làm thứ yếu: “Đức thắng Tài vi quân tử; Tài thắng Đức vi tiểu nhơn.”

2. *Sâu*, thì sự dưỡng dục cái Đức, không còn phải là đức hạnh thông thường của luân lý nhị nguyên, mà là cái Đức theo Lão Tử đã nói: “Thượng đức bất đức”, đó là cái Đức của Đạo, là cái gọi là “tư kỷ hu Tâm”, dưỡng dục cái Tâm Hu siêu Thiện Ác của mình, cái mà Trang Tử gọi là “Vương đức” hay Đạo Tâm. Ta hãy nghe đây, định nghĩa chữ “Vương đức”: “Nghe rõ được trong chốn Vô thinh, thấy rõ được trong cảnh vô sắc, nghĩa là nhận thấy rất rõ trong chốn vô thinh, vô sắc. Trong chỗ lặng lẽ, im lìm của vô thinh, họ nhận thức rất rõ cái nhạc thái hòa của mọi cảnh xung đột và mâu thuẫn trên đời. Hay nói cách khác: trong Âm, họ thấy rõ cái “Âm trung hữu Dương”; trong Dương họ thấy rõ cái “Dương trung hữu Âm”, nghĩa là họ thấy rõ cái Họa trong cái Phúc, cái Phúc trong cái Họa. Cái nhìn của họ là cái nhìn của Nhất Nguyên, không phải còn là cái nhìn phiến diện của Nhị Nguyên nữa! Họ thấy rõ ngay trong cảnh hỗn loạn của Chiến tranh cái trật tự Thái Hòa của Thiên Lý: “Toàn thể Vũ trụ chỉ là một bối Chiến trường, trong đó trỗi lên một bản Tình ca bất tận”.

Tiểu Tượng

Sơ Lục: 初 六 : “Phát Mông, lợi dụng Hình nhon.

“Dụng thoát, “trất cốc” dī vāng, lān.

發 蒙，利 用 行 人。

“用 說”，“桎 楠” 以 往 啓。

Hào Sơ Lục ở đâu quẻ Mông, là hào Âm, là hào bất chánh (“âm cư dương vị”), tức là Kẻ còn *hôn ám, mê muội*, bị nhiều thứ gông cùm trói buộc chân tay, tượng những “*giáo điều cố định*”, những thành kiến của xã hội, luân lý, tôn giáo, chánh trị còng trói lại rồi, nên không còn hoạt động tự nhiên được nữa, hoàn toàn bị “nhân vi” khu sử trong mọi tư tưởng, tình cảm và sinh hoạt hàng ngày, tức là người hoàn toàn nô lệ hoàn cảnh, hay nói cách khác, là người hoàn toàn là “*sản phẩm của xã hội*”. Những ước lệ giả tạo của xã hội chi phối cả tư tưởng, tình cảm và hành vi như bị các gông cùm trói buộc, không sao biểu lộ được Thiên Chân. Cho nên, điều phải làm đầu tiên để giải thoát nó, là phải lột bỏ tất cả mọi gông cùm ấy “*dung thoát trát cốc*” (*trát cốc*, là gông cùm) bằng cách cho nó biết rõ, nó đang bị còng trói như một tên nô lệ, để mà nó được “*thoát*” khỏi mọi gông cùm ấy, tức là các giáo điều cố định, các tập quán nhị nguyên và cả những dục vọng ích kỷ như tham lam, tật đố... còng trói nó. Tóm lại, đây là một tên *nô lệ*: nô lệ dục vọng của mình, nô lệ những ước lệ của xã hội hay du luận của chung quanh con người.

Cửu Nhị: Bao Mông, Kiết, nạp phu, tử khắc gia.

九二：包蒙，吉，納婦，子克家。

Tượng viết: Tử khắc gia (tiếp dã) cương nhu tiếp dã.

象曰：子克家。剛柔接也。

Cửu Nhị, dương cương, đắc Trung đắc Chánh, làm chủ nội quái, thống trị cả loài âm. Bao bọc và che chở hết thảy cái hào âm, là cương vị một vị *Tôn sư* ở thời mông muội, lãnh trách nhiệm khai tâm cho cả thời này. Các hào âm, là tượng những người đàn bà những

hạng người u mê ám chướng, thì Cửu Nhị săn sàng dung nạp (nên nói “*nạp phu* 納婦”, không cự tuyệt một ai, không phân âm dương, thiện ác gì cả. Đó là cái nghĩa của hai chữ “*bao mông* 包蒙”.

“*Tử khắc phu*” hay “*Tử khắc gia* 子克家” đồng một nghĩa. Nghĩa là “Con dạy Cha”.

“*Nhị*” ứng với “*Ngũ*”. *Ngũ* là tượng người Cha, người trên hết trong nhà; còn *Nhị* là chính ứng, đứng dưới, là người con: Cha phải là vị “*thần tượng*” của con mình, và của vợ mình!

Ngũ, tuy là đại diện cho người Cha, nhưng Cha mà thuộc về loại Âm nhu (địa vị kẻ học trò); phải cần có Thầy “khắc” tâm, khai ngộ, tức là nhờ Nhị dùi dắt cho (*Tử khắc gia* 子克家). Trường hợp ta cũng thường thấy xảy ra: con tu đắc Đạo, về độ cả gia đình! Đứa con “thần đồng” bao giờ cũng giỏi hơn cha mẹ. Hơn nữa nhờ con mà Cha Mẹ được “*phản tinh*”.[1]

Hào Cửu Nhị sở dĩ được khen bằng 2 chữ “Kiết” (“*Bao mông*”, Kiết, và “*nạp phu*”, Kiết), là nhờ ở đức Trung cương. Còn *Ngũ*, là âm nhu, mới có được sự tương tiếp của Nhị, giả sử mà *Ngũ* cũng cương đồng với Nhị, làm gì có được sự “Cương nhu tương tiếp (Cương Nhu tiếp dã 剛柔接也, phải có một Âm một Dương mới đúng Đạo!

1. “*Phản tinh*” là xem sự có mặt của con mình như một “*bài minh, bài trâm*” để mà lo kiểm chính lại đời mình. Cắp mắt của con mình là cắp mắt của một bậc nghiêm sư, đừng bao giờ để cho nó thấy sự bê bối của mình, sự lỗi đạo hay ti tiện của mình nếu có. Mình, trước nhất, phải là vị thần tượng của con, một thần tượng thực sự. Đó, là “*con dạy cha*” (*tử khắc phu*).

Lục Tam: Vật dụng thú nũ;

Kiến kim phu bất hữu cung, vô du lợi.

六三：勿用娶女。見金夫。不有躬。無攸利。

Tượng Viết: Vật dụng thú nũ; hạnh bất thuận dã.

象曰：勿用娶女，行不順也。

Chó có cuối đưa con gái này, con gái mà thấy ai có tiền thì chạy theo ngay (Kiến kim phu) quên cả thân người con gái, phải giữ chữ trinh làm đầu (Bất hữu cung, là quên mất thể thống con người của mình).

Vì vậy, hạng người con gái này, chẳng đi đâu mà có lợi cả (*vô du lợi* 無攸利).

Thủ tượng, lấy hình ảnh một người con gái, nhưng thực sự không phải nói chuyện về đưa con gái mất nét ấy. Đây, là muốn nói một kẻ yếu đuối mà không có thể thống, có tánh hễ thấy ai hơn mình, vội vàng xem người ấy như là thần tượng, như người con gái ham tiền, thấy người nào giàu là xem đó như thần tượng (“Kim phu”, con người bằng vàng khối). Hạng người này, quá yếu đuối, nên thích thờ phục kẻ Tài Đức hơn mình kia như hạng thần tượng.

Học Đạo, trong thời Mông muội, phải biết tìm bậc “*Sư vô sư*” (thầy mà không thích lên mặt ông thầy). *Dựng lên một thần tượng, là tự mình xem mình là đoàn nô lệ!* Và như thế, có một đứa học trò có một tinh thần nô lệ như thế, không danh dự gì cả cho cả Thầy lẫn Trò!

Như trước đây, ở *hào Sơ lục* đã có bảo: “*Hãy tháo gỡ gông cùm cho những ai muốn bước vào đường Đạo!*

Dựng lên một ông Thầy, là dựng lên cho mình một “tù ngục” tinh thần!”. Mới nói: “Người thù đáng sợ nhất của người học Đạo, là đấng Đại Tôn Sư của mình.”

Bậc Chân sư, Không ai lại muốn biến lũ học trò mình thành một lũ tôi đòi nô lệ, để mình cũng tự biến thành một Kẻ “chăn tù”, như “con chó giữ bầy chiên”, cẩn mĩy con chiên muốn lọt ra khỏi đoàn chiên, buộc chúng phải trở về đoàn bầy của nó! Thấy một lũ học trò mãi khummings num bên mình, là một sự Đại nhục cho những bậc Chân sư Đại đắc.

Bởi thế, hào từ Lục Tam mới có câu: “*Vật dụng thứ nữ kiến kim phu, hạnh bất thuận dã* 勿用娶女，行不順也。”. Chữ “*thuận* 順” đây, có nghĩa là (trinh 貞) tức là hạng phụ nữ bất trinh, bất chánh; nói chung, là hạng người *vô tư cách*, “vô si” (*không biết nhục*).

Lục Tứ: Khốn Mông, lẩn.

六四：困蒙，吝。

Tượng viết: Khốn Mông chi lẩn, độc viễn thực dã.

象曰：困蒙之吝，獨遠實也。

Ở quê Mông, chỉ có 2 hào Nhị và Ngũ mới có tài “phá Mông” (nghĩa là phá được cảnh Mông muội cuồng loạn của con người thôi!)

Còn như hào Lục Tứ này, là tượng của một sự trùng âm (âm cư âm vị) và bất trung. Trên, thì còn rất xa với Thượng cửu; còn dưới, cũng xa với Cửu Nhị. Chung quanh, là toàn Âm, tượng của kẻ đã bị hôn ám chung quanh lại toàn là hôn cảnh, chung quanh không có bạn bè tốt, không thầy để học, thật đáng tiếc! Hết sức bạc phúc!

Là một con người “cô độc” tự mình xa thày xa bạn tốt (độc, viễn, thực dã 實 也 nên phải đặt cho cái tên là “Khổn Mông” (chữ “thực 實” ám chỉ dương hào, vì nó là nét đầy, nên gọi là “thực 實”, còn hào âm, thì gọi là “hư” vì là nét đứt). Cho nên “viễn thực” là xa người quân tử!

Người quân tử mà gặp phải cảnh này, thì phải đành chịu thôi!

*
* *

Lục Ngũ: Đồng Mông, Kiết.

六五：童蒙，吉。

Tượng viết: Đồng Mông, Kiết, thuận dĩ Tốn dã.

象曰：童蒙，吉，順以巽也。

Lục Ngũ, ở vị tối cao, “âm nhu”, đắc trung đắc chánh nên có tánh Khiêm hạ, biết “tôn hiền, khuất kỵ”, như Lưu Huyền Đức cầu hiền là Khổng Minh Gia Cát, như Văn Vương cầu hiền là Khương Thượng Tử Nha! Bậc Đế sống với Thầy; bậc Vương sống với bạn; bậc Bá sống với bầy tôi; Vua mà mất nước, sống với bầy nô lệ!

Nói chung, thì “gần mực đen, gần đèn sáng”.

Kẻ nào không tự kiêu, mà biết tìm Thầy, bao giờ cũng tự xem là bạn “đồng mông” (trẻ dại) thì sẽ được tốt “Kiết”. Trái lại, tự kiêu tự phụ, là dở! Phải biết thuận theo bậc Hiền Tài, như thuận cho gió thoổi nhẹ nhàng: “thuận dĩ tốn dã”, là cái chỗ Tốt kẻ sống ở hào Lục Ngũ của thời Mông.

*
* *

Thượng Cửu: Kích Mông, bất lợi vi Khấu, lợi ngư Khấu.

上九：擊蒙，不利為寇，利禦寇。

Tượng viết: Lợi, dung ngư khấu. Thượng hạ thuận dã.

象曰：利用禦寇，上下順也。

Quẻ Mông, chỉ có 2 hào Dương, dương hào ở hào Nhị, và dương hào ở hào Thượng. Cái Cương của Nhị đã trung đắc chánh, rất hay! Còn cái Cương của Thượng thì bất đắc trung, bất đắc chánh, mà ở thời Mông, khó thành công, bởi dùng đạo Cương không phải lúc, không đúng thời!

Chữ “Kích” là đả phá, là công kích. Nhưng “phá Mông” mà lại dùng cương đạo là sai lầm! Người ta đã có lỗi, lại còn bị dùng lời nặng nề, đe dọa, thì có ai mà chịu nghe!

Vấn đề giáo dân, cần phải có vẻ ôn tồn, nhã nhặn nên mới gọi là “văn hóa” (hóa người bằng văn vẻ).

Không nên dùng Pháp trị trong vấn đề Giáo dục, đối với trẻ con mất dạy cũng như đối với kẻ tù tội, phải biết làm dịu xuống sự căm hờn và lòng tự ti của chúng. Như Trang Tử đã nói nơi thiên “Từ Vô Quí”: “Cái đạo trị thiên hạ, khác nào việc *chăn ngựa*: chỉ nên lo trừ khử những gì có hại cho ngựa mà thôi!”. Ở thiên “Tại Hựu” ông lại nói: “Ta nghe “*phòng giũ*” thiên hạ, chứ không nghe có việc “*tri*” thiên hạ. “*Phòng*”, là sợ thiên hạ đắm đuối mà mất Tánh; “*Giũ*”, là sợ thiên hạ dời đổi lòng mình mà “mất Đức”. Thiên hạ mà không đắm đuối để mất Tánh, dời đổi để mất Đức, thì sao lại

cần đến việc có kẻ “trị” thiên hạ? (Trang Tử Nam Hoa Kinh, trang 445, 446).

Richard Wilhem, dịch và bình đoạn hào này có viết: “Ce conseil dit hautement qu'il n'est pas avantageux de commettre des excès de pouvoir. L'intervention de l'autorité doit toujours demeurer *préventive*. La punition n'est pas à elle-même sa propre fin.”

Lối “giáo dục mới” ngày nay bên các nước tiên tiến Âu Mỹ, cấm tuyệt đối việc đánh đập trẻ con, và tra tấn tội nhon... Nhân phẩm, là nhân quyền đó! Còn phạm đến nhân quyền, là còn ở trạng thái dã man dù sống trong những chế độ được gọi là “tiến bộ” nhất! Trang tử gọi con người phạm nhon quyền, là bọn “phi nhon” (Tây phương gọi là sous-humain) chưa phải là “chân nhon” (l'humain).

5. THỦY THIÊN NHU

水天需



“Nhu giả, đái dā, ẩm thực chi đạo dā”
需者，待也，飲食之道也。

Tất cả mọi sinh vật đều cần đến món ăn. Các món ăn cũng đều phải được ăn uống có chừng mực, có giờ giấc, chứ không phải muốn ăn gì ăn, ăn uống bất cứ lúc nào, bởi chưa đói mà ăn, ăn no rồi lại cũng ăn... thì sai thời... Phải biết đợi, biết chờ! Mưa, phải có lúc, chứ đâu phải ta muốn mưa giờ nào, sẽ có mưa giờ đó. Phải có sự nóng bức khô hạn (tượng trưng quả Kiền) thì mới có thể mưa... Mưa sẽ làm cho vạn vật vui lên và vui sống vì nước là lõi sống trước nhất của cả loài vật và loài người!

Cho nên *Nhu*, có 2 nghĩa chính:

1. Là món ăn để dưỡng nuôi, nên *Nhu* là món ăn.
2. Là sự chờ đợi. Thông thường nhất, là phải đợi có đói mới ăn, có khát mới uống.

Nên mới nói: “*Nhu giả, ẩm thực chi đạo 飲食之道也*” và “*Nhu giả, đái dā 需者，待也*” (*Nhu*, là *đợi chờ!*)

Chữ “*Nhu*” vì vậy, có nghĩa là “*nhu thiết cho sự sống*”, cái Sống của con người cũng có 2 loại: cái sống về thể chất và cái sống về tinh thần, cho nên đã có món ăn cho thể chất, cũng phải có món ăn cho tinh thần.

Ngày mà nhân loại tiến bộ, và càng tiến bộ, thì món ăn về tinh thần có khi còn cấp bách và khẩn thiết hơn món ăn cho thể chất. Có kẻ sống thiếu ăn thiếu mặc, vậy mà lòng khao khát học hỏi bắt họ dám ngồi dưới bóng trăng mà đọc sách. Người trí thức đòi hỏi xã hội phải cung cấp cho họ đủ phương tiện học hỏi, và học hỏi phải rộng rãi bao la, chứ không được cấm cản không cho học những gì họ muốn học. Không gì ngăn cấm họ nổi, dù có “đốt sách chôn học trò” như Tân Thủy Hoàng cũng không làm sao chặn đứng nổi sự đòi hỏi món ăn tinh thần của con người... Không khéo, càng cấm cản, càng làm cho lòng ham học càng trở nên cấp thiết và lan rộng! Không đâu làm cho con người ham tự do bằng các nhà tù, các trại giam, các chế độ độc tài...

Thoán từ

*Nhu, hữu phu, quang hanh,
trinh, kiết, lợi thiệp đai xuyên.*

需，有孚，光亨，貞，吉，利涉大宣川。

Câu Thoán trên đây, chỉ vào 2 hào Nhị, Ngũ (vị hồ thiên vị, dĩ Chánh Trung dã 位乎天位, 以正中也.). Cửu Ngũ ở vào vị chí tôn, là ở tại ngôi Trời và lại được Chánh Trung để ứng với hào Nhị. Nhị cũng được Chánh Trung, nên ứng được với hào Cửu. Hai bên, trên dưới, phải biết đợi nhau, đừng vội vã vì “dục tốc

bất đạt” bởi 2 bên đều dương cương. Được vậy, thì chắc chắn không bao giờ bị khốn cùng.

Tóm lại, *Nhu, là phải biết chờ đợi!* Chờ đợi lúc thuận tiện mới hành động, đó là đức Nhẫn.

Trước sự nguy hiểm, mà nhẫn nhục được để đừng có những hành động táo bạo, mất bình tĩnh, đâu phải là việc làm tầm thường mà ai ai cũng làm được? Là như toàn thể quẻ Nhu, đã nói rõ: nội Kiền, là một tinh thần cường cường và kiên quyết, trước hiểm nguy (quẻ Khảm) đâu là việc thường. Nếu mất sự điềm tĩnh thì có khi việc lớn phải hỏng! “*Tiểu bất nhẫn, tất loạn đại mưu*”.

Bậc Thánh nhơn, làm chủ được mình, mới làm chủ được tình thế (Seul celui qui est fort viendra à bout de son destin). Ngạn ngữ có câu: “*Ăn có nhai, nói có nghĩ*.”

Đại Tượng

Vân thương u thiên, Nhu.

Quân tử dĩ ẩm thực, yến lạc.

雲上於天，需。

君子以飲食，宴樂。

Mây ẩn lên tột trời, là tượng quẻ Nhu, chắc rằng rồi đây sẽ có mưa, chỉ còn chờ đợi thôi!

Người quân tử ở thời này - *lấy cái đạo ăn uống để làm căn bản cho mọi tác động văn hóa và giáo dục*.

Ăn uống là cả một nghệ thuật; mà nguyên tắc căn bản là chờ bao giờ ăn mà nuốt trọng, và như vậy bộ răng của ta Tạo hóa đã tạo để dùng vào việc gì?

Phải nhai thật kỹ! “*Ăn, phải nhai; nói phải nghĩ*”.

Đối với vấn đề Văn hóa và Giáo dục, cũng cùng một nguyên tắc: “*Nói phải nghĩ*”, phải nghĩ đi nghĩ lại ít lăm là 3 lần, như chữ Ngôn, đã lưu ý ta. Chữ “*Ngôn 言*” trước hết là 1 chấm đầu, nghĩa ta phải biết rõ ta muốn định nói gì, tại sao phải nói, và nói bằng cách nào? Rồi sau đó, 3 lần suy xét, (số 3 là ý muốn nói “*nhiều*”, đó là con số biến của con số 1) chừng áy mới được phép nói ra. Tây phương cũng khuyên ta: “*il faut tourner sept fois la langue avant de parler*”! Là vì sự quan trọng của lời mới thật đáng sợ: “*một lời thốt ra, bốn ngựa khó theo kịp*” (*nhất ngôn thuyết quá, tứ mã nan truy*). Nhứt là trong giới Chánh trị, thường hay nêu lên câu cách ngôn căn bản này: “*nhất ngôn khả dĩ hung bang; nhất ngôn khả dĩ táng bang*”. Chỉ một lời nói thôi, mà nước nhà được hung vuong hoặc bị táng quốc vong gia! Các nhà ngoại giao lại càng nên dè dặt mồm mép của mình! Thể thống quốc gia cũng là điều thiêng liêng!

Về vấn đề Văn hóa, cẩm kỵ nhất, là “*đốt giai đoạn*”. Yếu tố thời gian, là yếu tố vô cùng quan trọng. “*Bất chấp thời gian, đốt giai đoạn, là phản văn hóa*”. Một nhà văn có nói: “*Mỗi khi tôi định viết lên một điều gì, tay tôi run lên, lòng tôi hồi hộp!*”.

Hào từ lại có câu: “*Quân tử dĩ ẩm thực, yến lạc*”. Ở đây, 2 chữ “*Yến lạc*” đâu phải khuyên ta thú rượu chè yến ẩm vui đùa ở các tửu gia! ở các trà đình tửu điểm! mà là nói về sự “*say sưa*” thường thức các công trình văn hóa tuyệt hảo! Đọc được một tác phẩm văn chương hay nghệ thuật... ta cảm thấy say sưa ngây ngất không bao giờ muốn tỉnh! Dự được những cuộc triển lãm nghệ thuật, những buổi dạ hội thơ nhạc giao duyên, người ta mới thấy cái đẹp phi thường của kiếp sống con người!

Người ta, sở dĩ khác con thú, là biết thưởng thức các văn hóa phẩm. Ta há chẳng thấy các Thiền sư đều vừa là nhà đạo đức, vừa là thi sĩ hay nhạc sĩ như Thất Hiền ở Trúc Lâm ngày xưa. Như Kê Khang, đứng hàng đầu Trúc Lâm Thất Hiền, là một nhà văn lỗi lạc, một nhạc sĩ tài hoa mà thiên hạ đều ngưỡng mộ, không ai qua nổi!

Sở dĩ người xưa đánh giá sự thanh cao hay hạ tiện là ở vấn đề “*ẩm thực yến lạc*” này!

“*Ẩm thực và Yến lạc*” của thế nhơn, thường là “nhậu nhẹt yến ẩm ly bỷ” nơi trà đình tửu điểm rất ty tiện! Trái lại, *bậc thanh cao thì ở chỗ* “*ẩm thực yến lạc*” vui say trong những cuộc “*thi thần nhạc thánh*”. Tuy nhiên, vật chất tinh thần không phải Hai, mà là Một, không nên quá thiên chấp - “*các tung kỲ loại*”.

Tiểu Tượng

Sơ cửu: Nhu, vu giao, lợi dụng hằng, vô cựu.

初九：需，于郊。利用恒。無咎。

Tương viết: Nhu vu giao bất phạm nạn hành giả; lợi dụng hằng, vô cựu, vị thất thường dã.

象曰：需于郊，不犯難行也。

利用恒，無咎，未失常也。

Sơ cửu, dương cư dương vị, đặc chánh, là kẻ biết cơ tiến thoái, người quân tử sáng suốt còn cách xa ngoại quái là Khảm nên chẳng phải sợ sự nguy hiểm, nên chẳng đáng lo (chữ “giao” là nói về chỗ ôn ào náo nhiệt, chỗ ở xa thành thị).

Sơ cửu, tuy khôn ngoan, đứng ra ngoài xa chỗ hiểm

(tức là nơi ôn ào náo nhiệt và xa cạ), nhưng vì “Cương ngộ cương” là trùng cương, e khó giữ được tánh điềm đạm mà vội tiến hành, mới có lời răn: nên giữ thái độ bình tĩnh, chờ tưởng mình đã đứng xa chỗ hiểm mà vội vàng khinh tiến. Có được như vậy mới mong được “vô cựu” (không lỗi).

Tóm lại, cần “nhu vu giao” đứng đàng xa chỗ hiểm nguy mà chờ đợi thôi!

Cửu Nhị: Nhu vu sa, tiếu hưu ngôn, chung kiết.

九二：需于沙。小有言，终吉。

(Sa 沙, là bãi cát, gần biển.)

Cửu Nhị, không xa chỗ hiểm, tượng người đứng ở bãi cát trước biển. Như vậy, cũng dễ sa vào chỗ hiểm.

Nhưng, Cửu Nhị là dương cương, đắc trung đắc chính là người lịch thiệp và khôn khéo việc đời, tuy ở gần chỗ hiểm, mà biết lựa chọn kỹ lưỡng rồi mới tiến, nên không đến nỗi bị tai họa, chỉ bị chút ít khẩu thiệt (tiểu hữu ngôn) do bọn tiểu nhơn nhiều lời vì ganh ghét. Nhưng không sao, chung quy sẽ được tốt lành (*chung kiết* 吉).

Quan trọng nhất, là Cửu Nhị được 2 chữ đắc Trung. Đắc Trung, là đắc được cái gọi là Trung đạo, tuy nhiệt tâm nhưng vẫn trầm tĩnh, không quá nóng, cũng không quá lạnh, tuy hết sức thận trọng dè dặt mà không biến thành kẻ đa nghi, tuy thấy hết sức ung dung mà không phải chậm trễ!

Thời chưa đến, dù có ai dụ dỗ, khuyến khích cũng chẳng đi; thời mà đến, thì có cố gắng ngăn cản cũng cứ đi tới.

Xử vào thời đại của Nhu, không hào nào hay bằng

hai hào Nhị và Ngũ! Vì chỉ có 2 hào này là đặc Trung mà thôi.

*
* *

Cửu Tam: Nhu vu nê, trí khấu chí.

九三：需于泥，致寇至。

Tượng viết: Nhu vu nê, tai tại ngoại dã.

Tự ngã trí khấu, kinh thận bất bại dã.

象曰：需于泥，災在外也。

自我致寇，敬慎不敗也。

Cửu Tam đã đến chỗ biển sâu rồi! “Nê”, là bùn lầy, đã bước xuống bùn, nghĩa là sắp bị sụp vào chỗ hiểm. Quέ Khảm đây, là Biển cả, nơi rất nguy hiểm! Có khác nào tự mình dẫn mình vào nhà bọn cướp giết người để tự mình bị giết (tự chiêu kỳ họa).

“Cửu Tam, nhu vu nê, trí khấu”, tức là “tự ngã trí khấu” tự mình đến nhà kẻ cướp giết người!

Cửu Tam, là dương cư dương vị, lại bất trung bất chánh, nên tánh trùng cương (quá nóng nảy, thiếu bình tĩnh, thiếu suy xét) nên đã biến thành một kẻ cương táo, làm sao làm chủ được mình nổi.

Kẻ mà không làm chủ được mình, cứ nghe theo cương tánh mà làm càn làm buông, dĩ nhiên phải bị tai ương (vọng tác, hung). “Vọng tác”, là làm buông, làm càn!

Tuy nhiên, lời Tượng có răn đe: nếu Tam biết thận trọng, may ra có thể tránh được tai họa (*Kinh thận, bất bại dã 敬慎不敗也*). “Kinh thận”, là hết sức cẩn thận.

Lục Tú: *Nhu vu huyết, xuất tự huyết.*

六四：需于血，出自穴。

Tượng viết: *Nhu vu huyết, thuận dĩ thính dã.*

象曰：需于血，順以聽也。

Lục Tú, là đã rót ngay vào biển thâm rồi! Tượng như kẻ đã gieo mình trong biển máu (nhu vu huyết) cũng như lọt vào hố sâu, cần phải lo leo lên khỏi “huyệt” (*xuất tự huyết* 出自穴), và chỉ còn có một cách, là nếu biết dùng phép “nhu” thì có thể ra được, bởi Lục Tú là hào Âm cù Âm, được trùng âm... Mà Âm, thì phải dùng Âm thuật, dùng Nhu thuật, nghĩa là biết nghe theo Thiên lý (ở thời Nhu mà hào lại thuộc Âm nhu) đó là biết thuận theo Thiên lý (thuận thiên giả tồn).

Cửu Ngũ: *Nhu vu túu thực, trinh, kiết.*

象曰：需于酒食，貞，吉。

Chờ đợi nơi yên ẩm, thì được tốt. Tạo các cuộc giải trí lành mạnh, chớ sa vào lối yến ẩm tầm thường.

Cửu Ngũ, đắc trung đắc chính, lại được dương cư dương vị, ở ngay ngôi chí tôn, ở thời Nhu, là đắc thế nhất, nên cứ yên vui nơi “tiệc đời”, cứ ăn uống no say... như Đại tượng đã nói, mà *chờ đợi...*

Nhưng, phải nhớ 2 chữ Trung Chánh mà chớ sai ngoa “*dĩ Trung Chánh dã*”, mới hoàn toàn tốt. Nên lợi dụng khoảng này, mà nghỉ ngơi dưỡng sức!

Tại sao, lời Tượng lại còn răn đe, nhắc nhở “*Túu thực trinh kiết, dĩ Trung Chánh dã*”, là vì, họa thường sinh ra ở những lúc hưởng phúc tuyệt vời... “*lạc cực sinh bi*”. Chớ bao giờ quên qui tắc ấy của Dịch lý! Làm

việc nhiều, phải có lúc *giải trí*, và trong lúc giải trí nên tổ chức những cuộc *giải trí lành mạnh!* Đây, là chỗ bí hiểm nhất của quẻ Nhu.

Thương lục: Nhập vụ huyệt, hưu bất tốc chi khách, tam nhon lai, kính chi, chung kiết.

上六：入于穴，有不速之客，三人來，敬之，終吉。

Hào Thượng lục, ở trên chót vót quẻ Khảm, là nguy
cực, tượng người bị *sa vào lỗ sâu* (nhu vu huyệt) được
hào Cửu Tam chính ứng. Cửu Tam theo thượng lục
như Dương đem theo Âm, có điều là anh Cửu Tam này
chạy theo lục bà lại mòi luôn cả 3 người (tức là 3 hào
Dương của nội Kiền) cùng theo lên, nên mới nói, khách
không mòi mà đến (hữu bất tốc chi khách, là khách
không ai mòi, lai đến (*tam nhon lai* 三人來).

Lục là âm cực nhu nên hiếu khách (hào Âm có tính thu hút, quyến rũ) tiếp đón nồng hậu 3 chàng trai, nhờ vậy mà Lục được kéo ra khỏi hố sâu của cảnh cô đơn, rốt cùng được hưởng phần nào sự tiếp viện về sự dinh dưỡng. Ba chàng trai mà nuôi một cô gái, dư lực. Cho nên mới nói: “*tuy bất đáng vị, vị đại thất dã* 雖不當位，未大失也。. Lục nhờ vậy, mà không mất mát gì to, chưa gọi là đã mất to! (vị đại thất 未大失. (cũng đọc là “**不當** bất đương”).

6. THIÊN THỦY TỤNG

天水訟



Ngoại quái, là quẻ Kiền (trời) là Khí Trời hoạt động đi lên; còn nội quái, là quẻ Khảm (tượng nước) theo đá đi xuống, chảy xuống theo bản tánh của nó.

Hai quẻ, một cái hướng lên, một cái hướng xuống, cho nên mới sinh ra tụng đình, bởi không hiểu nhau được!

*
* *

Tụng, là sự chống đối nhau giữa một cái ngó lên cao, một cái nhìn xuống thấp; chảy xuống thấp là Nước, thoát lên trên là Khí trời: bởi vậy có sự *bội nghịch* nhau, có sự phải trái chống đối nhau. Thói đời, cái gì cùng theo ta là phải; không cùng theo ta là quấy: trò thiên diễn của Nhị Nguyên, nhân đó mới có sinh ra sự độc tài độc đoán: muốn cho tất cả đều chấp nhận sự mà ta cho là phải, không thể tha thứ cho có kẻ nghĩ nghịch lại với ta. Do đó có sự Tụng, có sự chống đối nhau.

*
* *

Tụng, là quέ đáo ngược của quέ Nhu. Nhu, là “ẩm thực chi đạo”, là sự ăn uống. Có vì món ăn, có vì tranh ăn mới có bày ra sự tranh tụng.

Như quέ Nhu đã phân tích: về việc ẩm thực (ăn uống), ngoài món ăn vật chất để nuôi thể chất của ta, còn có một món ăn khác, không kém quan trọng, và có lẽ còn quan trọng hơn món ăn vật chất, là món ăn tinh thần. Cái đó mới là rắc rối, vì có *những món ăn rất độc*.

Đói khát về vật chất, dễ làm cho bót đói bót khát và có thể hết đói hết khát, chứ cái đói về tinh thần thì có thể nói là vô tận, vì lòng ích kỷ của con người thật vô cùng to tát! Ai cũng vậy, đều tự bảo “ninh thọ tử, bất ninh thọ nhục” (thề chết, chứ không thể chịu nhục). Vấn đề Vinh Nhục là nguồn gốc đau khổ nhất của bọn thế nhơn!

Trong tất cả cái mà ta xem là vinh hạnh nhất, phải chăng là được thiên hạ tôn thờ, xem mình là bậc vĩ nhân.

Lão Tử đã nói thẳng ra: “*Bất thượng hiền, sứ dân bất tranh; bất quý nan đắc chi hóa, sứ dân bất vi đạo! bất kiến khá dục, sứ dân tâm bất loạn!*” (Không tôn bật Hiền, khiến cho lòng dân không tranh; không quý của khóặng, khiến cho lòng dân không trộm đạo; không phô trương điều mà dân chúng ham muốn, khiến cho lòng dân không loạn). (Chương 3 - Đ.Đ.K.)

Trọng bậc hiền tài, tức là xúi giục lòng dân tranh giành làm bậc hiền tài để được người người tôn quý, nhân đó mới có nỗi lên đám người quân tử giả, hiền tài

giả. Quý của khó đặng, tức là xúi giục lòng dân tranh giành chiếm đoạt để được người người thèm muốn, khao khát món đồ sở hữu khó kiếm của mình. Trộm cướp nhân đó mà nổi lên, là bởi cái lỗi của kẻ cầm quyền trị nước đã bày ra để gọi lòng tham của dân chúng.[1]

Tóm lại, hẽ còn đem những gì làm cho con người thèm muốn mà tranh giành xâu xé với nhau, đó là *khoi*

1. Tục ngữ có câu: "*Cơ hội biến kẻ tham, thành tên trộm*" (C'est l'occasion qui fait le larron!). Có của quý mà biết giấu kỹ, có tài cao mà biết giữ kín trong lòng, đừng khoe khoang là không khêu gợi lòng tham muồn của kẻ khác, đồng thời cũng để gìn giữ tánh mạng của mình. Người xưa rất cẩn thận, và giữ rất kín đáo tài hay sắc đẹp của mình: Ngoại quái, là Kiền, khí trời càng ngày càng lên cao ngất Trời, khiến cho kẻ thấp kém phía dưới, như nước (Khảm) chảy xuống và tìm chảy vào các hạng thấp nhất, họ tủi thẹn, không dám ngược mặt trông lên. *Khoe tài hay sắc đẹp, là làm "nhục" kẻ bất tài và xấu xí!* Đó là gây oán thù của kẻ hèn đồi với người quý! Sở dĩ kẻ nghèo cảm thấy nhục nhã đối với kẻ giàu sang, đâu phải tại cái nghèo của họ, mà chính do sự xa hoa của kẻ phú quý (C'est l'étalage insolent des grandes fortunes et la façon dont elles sont dépensées qui ont le plus contribué au développement des idées socialistes. *On ne souffre réellement que du bonheur des autres.* Le malheur du pauvre est là.) (Chính sự khoe khoang một cách ngạo nghễ những gia sản kếch sù và cách ăn xài phung phí của họ đã giúp cho những tư tưởng về đấu tranh xã hội bắt nguồn. Người ta chỉ đau khổ thực sự về những hạnh phúc của kẻ khác. Cái khổ đau của kẻ nghèo là chỗ đó). Đối với Quốc gia cũng một thế! Nước này dòm ngó nước kia với sự thù oán thâm xương vì những cảnh giàu sang lộng lẫy của các nước giàu có. Đức Quốc Xã thấy nước Liên Xô quá nhiều của quý, nên nhất định chiếm hết và nếu không chiếm được, cũng phải tàn phá tân cảng! Lão Tử đã có nói: "*Ngư bất khả thoát ư uyên! Quốc chi lợi khí, bất khả dĩ thị nhơn*" (Cá trong vực sâu, chớ tìm cách trồi lên mặt nước (cho người ta thấy). Một nước cũng vậy, tài lợi chớ có khoe khoang. Mọi người biết, khó mà giữ nước được lâu bền!)

nguồn cho trộm cướp và chiến tranh. Thứ này, là món ăn rất độc, cần phải tránh cho dân, nhưng rất tiếc, dân chúng phần đông còn rất mê muội “đồng mông” đâu có biết món ăn tinh thần nào là thanh khiết, món ăn nào gây thành những bệnh ung thư tinh thần.

Sự sắp xếp của Kinh Dịch thật đáo để: Trước là quẻ *Nhu*, sau *Nhu* là quẻ *Tụng*, và sau *Tụng* là quẻ *Sư* (chiến tranh).

Thoán từ:

*Tụng, hưu phu, trất, dịch, Trung, Kiết, chung hung,
lợi kiến đại nhơn, bất lợi thiệp đại xuyên.*

訟，有孚，窒，惕，中，吉，終，凶。
利見大人，不利涉大川。

(*Trất* 室, là lấp, là oan ức; *Dịch* 惕, là lo sợ, “*hưu phu*”, là ngay thật.)

Có kẻ lòng thành thật, lại bị đè nén, không cho nói lên cái lẽ phải của mình, nên tức giận đem ra công lý xin phán xét lại, đó là gốc của sự tranh tụng.

Đây, là một sự tranh giành về lẽ phải mà hai bên không đồng. Khởi đầu là sự tranh giành của con người Nhị Nguyên về sự Nhục Vinh, Phải Quấy, Lợi Hại... mà ai cũng cho rằng mình có lý.

Cho nên, cần phải tìm ra một bậc *Thánh Nhất Nguyên* (gọi là “lợi Kiến Đại nhơn) đứng ra hòa giải.

Giống như câu chuyện “*Người mù rờ voi*” của Phật Giáo:

“Xưa kia, có một ông Vua ngồi buồn, cho bắt tất cả các anh mù trong thành đem về họp một chỗ. Vua cho

đem ra một con Voi, bảo các anh mù rờ vào và tả lại cho nghe họ đã hình dung con Voi ra sao?

Sau khi mọi người đã rờ xong, Vua hỏi từng người.

Họ thưa:

- Voi, giống như cái nồi to! (Đó là những người rờ trúng cái đầu).

- Voi, giống như cây cột tròn! (Đó là những người rờ trúng mẩy cái chân).

- Voi, giống như cán chổi! (Đó là những người rờ trúng cái đuôi).

... Mỗi người đều tin rằng mình đã hình dung đúng con Voi theo “sở kiến” của mình. Không ai chịu ai, họ tranh biện om sòm; sau chửi bới nhau, mạ lỵ nhau, rốt cùng xăng tay đấm đá nhau tung bừng... Một phen cho Nhà Vua ôm bụng cười vang!

*
* *

Đó là cái trò biện luận và tranh luận của bọn người Nhị Nguyên với cái nhìn phiến diện về sự đời... “Các hữu Thái cực”, Âm Dương đâu phải Hai mà là Một. *Không có sự vật nào có bề mặt mà không có bề trái của nó, có Vinh thì có cái Nhục của nó, có Phải thì có cái Quấy của nó, có Lợi thì có cái Hại của nó...* Bọn Duy Tâm chê Duy Vật là nhận thức sai, bọn Duy Vật chê Duy Tâm là nhận thức sai... Rồi tranh giành nhau phải quấy, đánh đập nhautoi bời... Một “trò hè” của Triết học Tây phương.

Quả trên đây là một bức tranh hí họa tài tình, vì nó

thu hẹp được một cách đầy đủ cả một tấn bi hài kịch của nhân loại từ vạn cổ! Nhất là ngày nay, thiên hạ đang xâu xé nhau như lũ mù trên đây để giành lẽ phải về mình mà không một ai chịu dung tha ai cả. Vậy, chứ chiến tranh ý thức hệ là gì, nếu không phải vì ai ai cũng đều cho cái lẽ phải của mình là tuyệt đối!

Nguy hơn nữa, là người ta đã lấy đó làm cái cớ để đi xâm chiếm nước khác dưới khẩu hiệu “lo giải phóng loài người”.

Sở dĩ, đời mà ly loạn liên miên bất tận, phải chăng đâu phải vì thiếu kẻ thương đời, mà chính vì đã có quá nhiều kẻ thương đời và lo cho đời kiểu những anh mù trên đây...

Cho nên, Dịch Kinh hy vọng, cần phải có một bậc Đại nhơn sáng suốt đứng ra để hòa giải con người đang tranh nhau về Chơn Lý! “*lợi Kiến Đại nhơn thương Trung Chánh dã*” 利見大人，尚中正也。. Chữ “Đại nhơn” đắc Trung đắc Chánh; còn chữ “thương 尚” đây là người biết đề cao và thờ cái đạo “*Nhất Nguyên Trung Chánh*”.

Những kẻ thích kiện tụng của đám người Nhị Nguyên coi chừng, sẽ bị sụp vào vực thẳm! (*Bất lợi thiệp đại xuyên, nhập vu uyên dã 不利涉大川，入于淵也。*)

Thoán truyện có câu răn đe: “*Chung hung, tụng bất khả thành dã*” 終凶，訟不可成也. Rốt cuộc, tụng là hung, không thành công được.

Còn câu “*Tụng hữu phu trung kiết*” 訟有孚，中吉 là ám chỉ hào Nhị đắc trung đắc chánh, nếu những kẻ lo đi tranh tụng mà biết như Cửu nhị tự chấm dứt việc

ấy, mà cứ lăng nhăng mãi để đòi cho được cái lẽ Phải về mình, tất nhiên sẽ không đi tới đâu, mà cuối cùng còn gấp phải hung họa là khác nữa (*chung hung* 終 凶).

*
* *

Đại Tượng

Thiên dư thủy vi hành: Tụng.

天與水為行。訟。

Quân tử dĩ tác sự mưu thi.

君子以作事謀始。

Trời trên cao, Nước dưới thấp đi ngược chiều với nhau: trên thăng, dưới giáng, âm dương không bao giờ gặp nhau, đó là tượng quẻ Tụng.

Người Quân tử noi theo đó mà *tìm cho ra nguyên do đầu tiên đã khiến cho thiên hạ luôn luôn ly cách*.

Nguyên nhân đầu tiên gây ra sự nhận thức sai lầm khiến cho người người ly cách, chia rẽ làm hai khối khác nhau và thù địch nhau, trước còn tranh luận, sau đi đến chiến tranh, là *nhận thức Nhị Nguyên, nguồn gốc chiến tranh*.

Trang Tử, trong thiên Tề Vật luận của Nam Hoa Kinh đã bàn đến quẻ Tụng này một cách khá đầy đủ và võ lẽ:

“Nếu anh cùng tôi cùng tranh biện, mà anh thắng được tôi, tôi không thắng được anh; vậy, anh hẳn đã là phải, mà tôi hẳn đã là quấy chưa? Nếu tôi thắng được anh, anh không thắng được tôi; vậy, tôi hẳn là phải,

mà anh hẳn là quấy chưa? Hay là, cả hai chúng ta đều phải cả, hoặc đều quấy cả! Tôi và Anh, không thể biết được nhau, thì người người đành phải chịu tối tăm rồi!

Chúng ta phải nhờ ai chánh lại việc ấy? Nhờ kẻ đồng với anh, để chánh lại việc ấy ư? Họ đã đồng với anh, thì làm sao chánh được việc đó của tôi? Họ đã đồng với tôi, thì làm sao chánh được việc đó của anh? Cậy người khác với tôi và khác với anh, để chánh lại việc đó; hoặc cậy người giống anh và giống tôi để chánh việc đó, thì làm sao chánh cho được? Vậy thì Anh và Tôi với cả người thứ ba đó, cũng không làm sao hiểu biết nhau được, sao lại còn phải chờ đợi “người đó” làm gì?”[1]

Chỉ có bậc Thánh nhơn Nhất Nguyên mới biết rõ lẽ Thị Phi, Vinh Nhục, Thiện Ác, Lợi Hại... mới có thể đứng làm trung gian để hòa giải.

Nếu may mà gặp được bậc Đại nhơn này, họ sẽ nói với ta thế nào? Họ sẽ nói: *Vũ trụ vạn vật là một bāi Chiến trường, trên đây trỗi lên một bản Tình ca bất tận*¹! Tại sao gọi là “bāi chiến trường”? Là bởi Âm Dương thăng giáng bất giao... cọ xát nhau mãi... như luôn luôn chống đối nhau!

Dịch, như ta đã biết, được tượng bằng cái đồ Thái cực gồm cả lưỡng nghi, tứ tượng... Tuy gọi là lưỡng nghi, là Âm với Dương, nhưng Âm Dương tuy thấy là Hai mà là Một vì chúng không bao giờ tách rời ra mà đơn phương tồn tại!

1. Trích trong bộ “Trang Tử Nam Hoa Kinh”, chương Tề Vật, trang 238, 239.

Lão Tử nơi chương 81 (Đ.Đ.K) cũng nói: “*Thiện giả bất biến; Biện giả bất thiện*”.

Quẻ Tụng đã nói cái Chân lý Nhất Nguyên Lưỡng cực đó.

Tiểu Tượng

Sơ Lục: *Bất vĩnh sở sự, tiểu hữu ngôn, chung kiết.*

初六：不永所事，小有言，終吉。

Tượng viết: *Bất vĩnh sở sự, tụng bất khả trường dã. Tuy tiểu hữu ngôn, kỳ biện minh dã.*

象曰：不永所事，訟不可長也。

唯小有言，其辯明也。

Sơ lục, là hào âm, bất chánh (vì âm cư dương vị), nên *bán tánh nhu nhược*; nhưng vì có được *Cửu tú* tiếp ứng, nên ý có thể dựa bên trên. Bởi thế, hào từ có lời răn đe: tài sức còn yếu, dù được có trên tiếp ứng, tốt hon nếu liệu lấy sức mình, càng chấm dứt sự ý lại sóm chừng nào hay chừng nấy, miễn được vô sự là hay, dù có bị lời mai mỉa (*tiểu hữu ngôn 小有言*), vậy mà rốt cuộc được tốt (*chung kiết 終吉*).

Tranh tụng mà gặp hào này, tốt nhất là đừng kéo dài, về sau sẽ có kẻ biện minh cho. (*bất vĩnh sở sự, tụng bất khả trường, kỳ biện minh dã 不永所事，訟不可長也。唯小有言，其辯明也*)

Phàm các hào trong quẻ Tụng, hào ứng với nhau là cùng đứng một phe, như hào Tứ tiếp Sơ, thì Tứ là người đứng ra biện hộ cho Sơ. Có điều nên nhớ, là phải một Âm một Dương mới tiếp nhau được, bằng Dương ngộ Dương đó là không tiếp nhau, lại là *tương địch* là khác, như Cửu Nhị và Cửu Ngũ cùng là hào Dương, nên Nhị muốn kiện Ngũ là khác, nhưng vì Nhị là phận thấp, biết Ngũ là bậc tôn quý hơn nên không dám!

Cửu Nhị: Bất khắc tụng, qui nhi bô,
kỳ ấp nhơn, tam bách hộ, vô sảnh.

九二: 不克訟, 歸而遁,
 其邑人三百戶, 無眚。

Tại sao hào Cửu Nhị không kiện Cửu Ngũ, cả hai đều là dương cǎ, đều đắc trung đắc chánh cǎ, nhưng bởi Nhị thấy mình là phận dưới, không sao địch nổi với Ngũ, nên tránh đi là hay (qui nhi bô). Bởi vậy, Cửu Nhị sáng suốt, nhượng bộ, không tranh với Cửu Ngũ, dù sao Cửu Ngũ đang ở thế thượng (thượng Kiền) còn mình ở thế hạ phong (hạ Khâm).

Thời Vua Lê Chúa Trịnh, Nguyễn Hoàng đành nhượng bộ Trịnh Kiểm... là sáng suốt; đúng ở vào cái thế của quẻ Tụng “thượng Kiền” “hạ Khâm”.

Chúa Nguyễn bỏ Bắc mà vào Nam, tức làm cuộc Nam tiến, đúng với thế quẻ Tụng này!

Lục Tam: Thực cựu đức, trinh lê, chung kiết.

Hoặc tùng vuong sự, vô thành.

六三: 食舊德, 貞厲, 終吉。
 或從王事, 無成。

Tượng viết: Thực cựu đức, tùng thượng, kiết dã.

象曰: 食舊德, 從上, 吉也。

Lục Tam là âm nhu mà ở vị cương, không thể đủ cương nghị đi tranh tụng với ai cả. Biết thế, nên Lục Tam an phận thủ thường, cứ ăn nhở ở đậu chỗ cũ của mình thôi. Nhưng ở thời Tụng, dù mình không đi kiện ai, nhưng Tam ngai ngái lo sợ, vì ở trên tiếp ứng có

anh Thượng cửu là người bất trung bất chánh rất ưa kiện tụng, có thể ảnh bắt Tam phải theo phe ảnh đi kiện kẻ khác, mà anh là phận làm tội, đâu dám cãi lệnh! Có bị bắt buộc thì làm, nhưng đừng cầu cho việc ấy thành công (*hoặc tùng vương sự, vô thành*) nghĩa là không nên cộng tác với họ, thì tốt (*kiết 吉*).

Cửu Tú: Bất Khắc Tụng, phục tự mạng, du, an trinh, kiết.

九四：不克訟，復自命，渝，安，貞，吉。

Hào Cửu Tú, không đi kiện, biết theo Mạng thì đổi dũ ra lành. Biết an với lòng trinh chính của mình, thì tốt. Toàn quẻ, chỉ có hào này là chủ não.

Cửu Tú, là dương cương ở thể Kiền, bất trung bất chánh, nên là người ưa đi kiện cáo. Nhưng, hoàn cảnh không thuận, vì trên là Cửu Ngũ, ở địa vị chí tôn lại đắc trung đắc chánh, Tú đâu dám tranh luận, còn bên dưới là Tam nhu thuận nên rất sợ Tú đâu dám tranh luận với Tú. Số, thì chính ứng với Tú nên cùng phe, không có sự tranh luận. Ngó chung quanh không có ai chống đối mình thì kiện ai bây giờ? Chỉ còn có Nhị cũng dương cương như Tú, có thể kiện nhau được lắm, có điều là Nhị đắc trung đắc chánh, một người quân tử và sáng suốt đâu có việc đi thua kiện ai. Vậy, Tú cần theo Nhị mà đừng đi kiện cáo ai tất cả, là hay nhất. Nên mới có câu: “*bất khắc tụng*” (không đi kiện tụng với ai cả!)

Bây giờ chỉ còn một nước chót, là nên bình tâm hạ khí, lắng nghe noi mình lời nói của Chân tâm mà Dịch gọi là Mạng (phục túc Mạng).

Thánh nhân tác Dịch, thấy Tứ như thế, mong Tứ biến hóa khí chất nhị nguyên ham tranh luận của mình để trở về với Thiên Mạng, nên mới có lời khen: “du an trinh”, nghĩa là đừng để mất cái thiên chân của mình (bất thất dã).

Cửu Ngũ: Tụng, nguyên kiết.

九五：訟，元吉。

Tượng viết: *Tụng, nguyên kiết, dī Trung Chánh dã.*

象曰：訟，元吉。以中正也。

Hào này, là hào *tốt nhất* của thời *Tụng* (thời hắc ám).

Cửu Ngũ, là hào đắc trung đắc chánh, tượng một bậc cầm quyền tư pháp rất công minh chánh trực lại rất sành về việc xử án, nên những kẻ bị oan úc sẽ được minh oan, người dân lương thiện cảm thấy được sống an toàn bảo đảm chẳng còn sợ bức hiếp nữa. Thật là đại phúc cho người người trong thiên hạ không biết chừng nào!

Ngày xưa, đài nhà Tống bên Trung Hoa có *Bao Công* (tên là *Bao Long Đồ*) xử kiện rất công minh, bao nhiêu án ngục oan khuất bực nào, đến tay ông đều được túc khắc giải oan ngay! Ông đến đâu đều tiêu tan cả mọi oan khiên uất khí!

“*Tụng*”, mà được “*nguyên Kiết*”, là nhờ ở lòng Trung Chánh của bậc cầm cân công lý và đủ quyền hành như bậc chí tôn. *Bao Công* là hào *Cửu Ngũ* này! Vì là người được Vua ban Kiếm thượng phuong: “tiên đả hôn quân, hậu đă loạn thần”, “chí công vô tu”.

Thượng Cửu: Hoặc tích chi bàn đái,
chung triêu tam trị chi.

上九：或錫之輦帶，終朝三褫之。

Tương viết: dī tụng thu phục, diệc bất túc kính dā.
 象曰：以訟受服，亦不足敬也。

Hào Thượng cửu là Dương đức cao nhất của quẻ ngoại Kiền và cũng là trên hết quẻ Tụng. Đây là kẻ bất chính bất trung (dương cư âm), một kẻ thích làm những công việc về kiện tụng, có lẽ cũng là kẻ lấy việc kiện tụng làm nghề sinh nhai, nên được người ta ban cho áo mũ và đai da, để được vào ra cửa công tự do, nhưng chỉ có một buổi sớm mai mà bị người lột đến 3 lần (chung triêu tam trị chi).

Thánh nhân không ưa hạng người lấy nghề độc ác này là nghề chánh thức, nên mới có nói “dī tụng thu phục, diệc bất túc kính dā” (một cái nghề mà không ai nể cả).

Đọc suốt quẻ Tụng, từ Sơ đến Lục, ta thấy chung quy chỉ có 2 chữ “chung hung”. Kiện cáo là điều rất xấu xa, kẻ thất kiện như người được kiện đều “hung” cả. Chỉ có một hào Cứu tinh của thời Tụng, là hào Cửu Ngũ mà thôi, vì đây là một ánh sáng tuyệt vời trong cõi đời mịt mù đen tối này!

7. ĐỊA THỦY SƯ

地水師



Sư giả, chúng dã
師者，眾也。

“*Tụng*” thì tranh nhau, tranh là tranh giành lẽ phải, quyền lợi cả vật chất tinh thần về mình, vì chỉ có ta là có lý! Ai ai cũng tin tưởng như thế, rồi lập phe lập đảng để ủng hộ lập trường tư tưởng của mình... Càng đông, càng mạnh, mạnh thì hiếp yếu, cô thế... rồi đến Chiến tranh như những anh mù rờ voi vậy, ở quê Tụng trước đây. Căn cứ vào số đông để giành lẽ Phải của mình, nên phải có số đông quần Chúng theo về, đó là khởi nguồn cho *Kỷ nguyên Quần đoàn*.

Sư, là đám đông, mà bất cứ nơi nào, hễ lấy số đông, bao giờ cũng phải dựa vào số người trình độ thấp kém, cho nên không làm sao kiến thiết được một chế độ xã hội với đám quần chúng mà trình độ cao! Những cá nhân thông minh sáng suốt không bao giờ sống được trong bất cứ một khuôn thức nào! Cũng không sao nhốt được trong một quần đoàn nào! Họ là người “*xuất chúng*” (ra khỏi quần chúng).

Với quần chúng, với số đông, dĩ nhiên phải cần đến một người đứng ra chỉ huy! Trong 6 hào của quẻ Sư, chỉ có một hào Cửu Nhị, may ra mới cứu được cái nạn *độc tài cần thiết* cho thời Sư. Tôi nói “*độc tài cần thiết*” là vì với quần đoàn, phải có *một anh chăn chiên cương quyết* và *một đoàn chó giữ gìn trật tự*. Lỡ mà phải chọn trúng một Hitler thì quả là một đại họa cho dân chúng! và cả nhơn loại.

*
* *

Với quẻ Sư, Thánh nhân khuyên ta, ở vào những hoàn cảnh bất đắc dĩ, phải tìm cho ra được một bậc Thánh nhơn đắc Trung đắc Chánh ở hào Cửu Nhị, như ở thời Tụng, thì hãy nhìn theo hào Cửu Ngũ. Chỉ có đạo Nhất Nguyên mới cứu nổi đạo Nhị Nguyên chìm đắm thiên hạ vào vòng khổ ải! như Thoán từ đã bảo: “*Sư trinh, trượng nhơn, Kiết, vô cựu*”.

Tượng của quẻ Sư, là nước tụ vào lòng đất “*ngoại Khôn, nội Khảm*”.

Trên là quẻ *Khôn*;

Dưới là quẻ *Khảm*.

Thể của Khảm, là hung hiểm; thể của Khôn là nhu thuận, phải chăng đây là yếu điểm trong tượng quẻ.

Nước tụ trong lòng đất, khác nào quân lính thời loạn đều là những người dân lương thiện lúc thời bình.

Nước mà có một quân đội hùng hậu nhất phải chăng là một nước hiền hòa (Khôn) mà phải ôm lấy cái Họa tày trời (Phúc trung hữu họa). Ngày xưa có xứ Sparte,

ngày nay có dân Đức dưới chế độ Quốc Xã (national-socialisme).

Chế độ của quẻ Sư, là *chế độ quân phiệt dưới mọi hình thức.*

Thoán từ:

Sư trinh, trượng nhon, Kiết, vô cựu.

師 貞，丈 人，吉，無 咎。

Ở thời quẻ Sư chủ về quân sự, kẻ đứng ra trị loạn, phải là người Chánh đạo, mới gọi được là “trinh” (là Trung chánh), mới là “tốt”

Chữ “Thượng nhon” (tức là bậc trượng phu, người có tầm vóc cao lớn, “lớn hơn nhiều” những kẻ tầm thường cả về Tài lẫn Đức. Tài và Đức nói ở đây không phải là kẻ có Tài theo Nhị nguyên, kẻ có Đức theo Nhị nguyên, vì họ chính là hào Cửu Nhị, dương cường đắc Trung đắc Chánh! Đó là cái Trung của bậc Thánh nhon “*tri đắc thất, tồn vong chi đạo, nhi bất thất kỳ chánh dã*”!

Trong *Lão Tử Đạo Đức Kinh*, bàn về quẻ Sư, có nói:

“*Phù gai binh giả, bất tường chi khí, vật hoặc ố chi, cố hữu Đạo giả bất xứ... Binh giả, bất tường chi khí, phi quân tử chi khí. Bất đắc dĩ nhi dụng chi, đièm đạm vi thượng. Thắng nhi bất mỹ, nhi mỹ chi giả, thị lạc sát nhon!* 夫佳兵者，不祥之器。物或惡之，故有道者不處。兵者，不祥之器。非君子之器。不得已而用之，恬淡為上。勝而不美，而美之者，是樂殺人！”

(Ôi, đồ binh khí tốt là vật chẳng lành! Vật nào cũng ghét nó, bởi vậy, người có Đạo, không dùng nó! Binh,

là việc không lành, đâu phải đồ dùng của người Quân tử: điềm đạm là hon, nếu bất đắc dĩ mà phải dùng đến. Thắng trận đâu có tốt, nếu cho là tốt, đó là vui trong việc giết người, đó là kẻ khát máu, không xứng đáng là một bậc Chúa tể cho ta thờ kính và vâng lời.)

Noi chương 30, ông đã có nói: “Ai muốn lấy Đạo mà thờ Vua, không tuân lời Vua mà dùng binh đi bức hiếp kẻ khác, làm thế mình chỉ là kẻ đồng lõa với bọn côn đồ!”. Con hiểu thao là kẻ phải biết vâng lời cha mẹ, nhưng nếu cha mẹ bảo đi làm tên trộm cuộp giết người, nếu mình lại mù quáng nghe theo, là mình đã giúp cho cha mẹ làm điều tội ác! Ông lại nói thêm: “Sư chi sở xứ, kinh cức sinh yên. Đại quân chi hậu, tất hưu hung niên.” 師之所處，荊棘生焉。大軍之後，必有凶年。

(Chỗ đóng sư đoàn, gai góc mọc đầy. Sau cuộc chiến tranh, nhiều năm mất mùa đói rét). Đó là chưa nói đến *đại oán thù* mà bên chiến thắng để lại trong lòng người dân bại chiến! Dù kẻ chiến thắng có thật khôn ngoan đến đâu, có biết “dĩ Đức báo Oán” chẳng đi nữa, thì như Lão Tử đã nói thêm ở chương 79: “Hòa Đại oán, tất hưu dư oán, an khả dĩ vi thiện.” 和大怨，必有餘怨，安可以為善。

(Hòa được đại oán, vẫn còn oán thùa, há lại cho đó là phải sao?) Thắng trận, là nuôi dưỡng một cái oán thùa, biết làm sao hòa giải nổi... Không khéo “thắng, lại là bại”, mà “đại thắng là đại bại”! cũng không chừng!

Đại Tượng

Tương viết: Địa trung hữu thủy, Sư.

象曰：地中 有水，師。

Quân tử dĩ “Dung” dân súc chúng.

君子以“容”民畜眾。

Trong Đất có Nước, là tượng quẻ Thủy Sư

Chữ “Sư” 師 đây, có 2 nghĩa:

Sư, là đám đông, là quân chúng, là quân đoàn;

Sư, là quân binh, là quân đội.

Cả hai đều có một tánh chung, là vô tâm, mất cả bản tính, mất cả cá tính, đều như một đoàn cùu dưới quyền chỉ huy của một người. Khi sống trong thời bình, thì là quân chúng, là nhân dân; gặp thời loạn, nhân dân được võ trang thành quân đội.

Dù là Dân hay Quân nhân, đều phải được nuôi dưỡng cẩn thận mới có đủ sức tuân lệnh cấp lãnh đạo “nuôi quân ngàn thuở, nhờ có một khi”, “quân tử dĩ dung dân súc chúng” 君子以“容”民畜眾。

Để cho chúng đối, thì chúng nổi loạn, mà muốn nuôi dưỡng chúng cho đầy đủ để cho chúng đừng nổi loạn, thì còn gì hay bằng đem chúng đi cướp nước khác để lấy đó mà dưỡng nuôi làm hậu thuẫn cho những chánh quyền Quân phiệt! Phải “nuôi quân”! Một cái vòng luẩn quẩn! đáng kinh tởm! Chế độ Quân phiệt nào đều phải vậy. Phải tạo ra chiến tranh, mới có đủ tiền bạc nuôi quân.

Tiểu Tượng

Sơ Lục: Sư xuất dĩ luật, bī, tàng hung.

初六：師出以律。否，臧凶。

Tượng viết: Sư xuất dĩ luật, thất luật, hung dā.

象曰：師出以律。失律凶也。

Hào Sơ lục, là lúc ban đầu, lúc Ra quân (xuất sư). Khi đầu tiên, lúc ra quân, điều cần thiết nhất, là phải có *kỷ luật* (một thứ *kỷ luật thép*, lấy *kỷ luật* làm gốc cho sự hành quân).

Rộng ra, trong một xã hội mà chế độ là *chế độ Quân phiệt*, thì pháp luật phải bùa giảng, một “*nhu cầu*” cần thiết... Cho nên, trong những *chế độ độc tài* phải là *chế độ quân nhân*, sự “*thiết quân lực*” phải là *điều cần thiết*, để tất cả nhân dân đều phải nhắm mắt cúi đầu, không dám “thở” mạnh! Hỏ, là *ché móm*; hỏ là *giết*! Đó là *một cần thiết!*, “*thất luật, hung dā*” 失律凶也. *Phạm luật*, là vòi đại họa về mình! (*bī tàng 否臧* là (*tàng chúa cái họa của Bī*).

Nhưng, những chế độ “pháp trị” dùng pháp luật bùa giảng, theo Dịch lý, đâu phải là điều hay! Bởi “*phé giả, hung dā*”, nghĩa là “*tương đực phé chi, tất cố hung chi*” (hòng muốn phế đó, là làm cho đó hung lên) theo luật Quân bình.

Chương 57, Đ.Đ.K. Lão Tử có viết: “*Dĩ chính trị quốc, dĩ kỳ dụng binh... Pháp lệnh tư chương, đạo tặc đa hữu!*” 以正治國，以奇用兵。。。法令滋彰，盜賊多有。

(Trị nước mà như trị quân, đem pháp lệnh bùa giảng

trên đâu dân để phòng giữ chúng, thì bắt buộc họ cũng phải dùng đủ thủ đoạn để trốn tránh, gây ra mưu mô gian trá càng ngày càng thêm: dân chúng càng thêm khó trị, thì bọn đạo tặc lại càng thêm nhiều). Cỗ ngũ có câu “*pháp lập tệ sinh*”! những hạng người “tri thức” trong nước cần phải lưu tâm suy cứu kĩ.

*
* *

Cửu Nhị: Tại sư trung, kiết, vô cựu

Vương tam tích mạng.

九二：在師中，吉，無咎。

王三錫命。

Tượng viết: Tại sư trung, kiết.

Thừa thiên sủng dã, Vương tam tích mạng

象曰：在師中，吉。

承天寵也，王三錫命。

Hoài vạn bang dã.

懷萬邦也。

Hào này, là hào Dương duy nhất trong quẻ Sư, nên là hào chủ của quẻ: “nhất Dương thống quần âm”.

Theo lệ, thì Ngũ mới là hào chí tôn, chánh ứng với hào Cửu Nhị. Hào Cửu Nhị thuộc Dương, còn Lục Ngũ tuy là bậc chí tôn hay nguyên thủ mà lại thuộc âm, nên ở thời Sư đâu có đủ tài đức để cầm quân, giao mạng vận quốc gia cho Cửu Nhị là Soái tướng.

Câu “*Vương tam tích Mạng*”, bậc Vương (nguyên thủ) phải “3 lần” (tam tích) làm lễ “*bái tướng*”. Ngày xưa

bên Trung Hoa, Vũ vương “*bái tướng*” phong cho Lữ Vọng (tức Khương Tử Nha) làm Đại Tướng Quân phạt Trụ, qua đời Tây Hán, Hán Cao Tổ cũng phải làm lễ “*bái tướng*” phong Hàn Tín là Phá Sở Đại Nguyên Soái. Lễ “*Bái Tướng*”, lấy theo câu: “*Thùa Thiên sủng dã, Vương tam tích Mạng*” để cho Cửu Ngũ phải hạ mình “*bái tướng*”, đem cả vận mạng và lệnh cả của Vua mà trao hết cho viên Thượng Tướng, là hào Cửu Nhị. Đến đỗi khi “*bái tướng*”, Hán Bá Công phải quỳ lạy Hàn Tín và dâng kiếm ấn! để tạ cái ân cứu khốn phò nguy, chẳng những cho Vua mà cũng là cho khắp thần dân trong nước (chữ “*vạn bang*” là “*vạn dân*”)! Còn như thời Hậu Hán, Lưu Huyền Đức phải ba lần “tam cố mao lư” mới có thể mòi được Khổng Minh Gia Cát cầm quân diệt Ngụy, luôn luôn xem như bậc Thầy (Quân Sư).

*
* *

Lục Tam: Sư, hoặc dự thi, hung.

六三：師或輿尸，凶。

Tượng viết: Hoặc dự thi, đại vô công dã.

象曰：或輿尸，大無功也。

Lục Tam mà cư dương vị, là bất chánh, lại cũng bất trung, là tên tướng bất tài ở thời “Sư”. Đã bất tài, lại còn cho xuất sư, đem quân dẹp loạn, chỉ tổ đem *chở thầy binh lính về thôi*, chỉ làm một công việc đại bại và hao quân vô ích.

*
* *

Lục Tứ: Sư, tả thứ, vô cựu, vị thất thường dã.

六四：師，左次，無咎，未失常也。

Lục Tứ, tuy được “đắc chánh” vì “âm cư âm vị”, nhưng âm không sao tiến thủ được, mà lại giỏi về việc “rút binh”.

Binh thư có câu: “*dī thoái vi tiến*”, trong việc hành quân đâu phải chỉ biết tiến mà thôi; giữ cho được thực lực an toàn, là một chiến thuật khá cao mà cũng rất khó! Thuật rút binh, là một trá thuật rất đáng sợ như cái “thế đà đao” của Quan Vân Trường ai mà chẳng khiếp!

(Chữ “*tả thứ*” là rút lui về sau, bởi liệu sức mình không thể tấn công được bên địch).

Làm tướng ra trận, phải biết “*tri tiến thoái, tôn vong chi đạo nhi bất thất kỳ chánh dã*”. Đó là cái đạo của bậc Thánh nhơn, phải chơi đâu! *Trận mạc, như vậy; trận đồi nào có khác chi.*

*
* *

Lục Ngũ: Điền hữu cầm, lợi chấp ngôn, vô cựu; trưởng tử xuất sư; đệ tử, dư thi trinh hung.

六五：田有禽，利執言，無咎。長子出師，
弟子與尸，貞凶。

Lục Ngũ, tuy là bậc chí tôn, nhưng lại là hào âm nhu, không có tài chinh phục, chỉ có thể cầm quân giữ nước, không cho ngoại xâm thôi! Cũng như, các loài thú cầm tràn ra ngoài đồng phá hoại mùa màng nên ta bắt buộc phải bắt nó, chứ không phải mình vào rừng

núi, đi tìm nó nơi hang ổ của nó. Có thể làm công việc thủ thành thôi! Tương ứng với hào Cửu Nhị và giao trọng quyền hành.

Còn đến việc xuất sư, chinh phạt, thì cần phải cậy đến “trưởng tử”! “Trưởng tử” không phải nói đùa con lớn, mà nói về hào *Cửu Nhị*, bậc tôn tưởng như hào Cửu Nhị, là “*trưởng nhon*”.

Nếu không tìm ra được bậc “tôn trưởng” mà dùng lầm phải bọn “đệ tử” bất tài, thì chỉ là việc chờ chúng chờ thay quân lính đi về thôi (“đệ tử, dại thi” (xe chờ thay)! Đại hung vậy. (“Đệ tử” là ám chỉ những kẻ thân cận mà có nhiều thiện cảm riêng tư với mình).

Cuộc chinh phục của Thành Cát Tư Hãn (1260) đến khoảng (1280) đã chiếm cả vùng Âu Á cũng đã có một ảnh hưởng Văn hóa to rộng khắp thế giới... cả phía nam nước Nga và Ấn Độ... do sự chiếm đóng của con cháu của Đại Hãn... Nhất là, qua thế hệ *Hốt Tất Liệt* có tài *Kiến quốc*, xóa đi những sự tàn ác của cuộc xâm lăng tàn bạo này. Nếu lại tiếp tục dùng bọn nhu Thiết Mộc Nhi thì nguy hiểm vô cùng.

Thượng lục: *Đại quân hữu Mạng, khai quốc thừa gia, tiểu nhon vật dụng.*

上六：大軍有命，開國承家，小人勿用。

Thượng lục ở cuối cùng quẻ Sư, việc hành quân đã xong. Vậy, đến lúc luận công ban thưởng, cần phải phân biệt quân tử với tiểu nhon.

Thời chiến, phải dùng tất cả, bất luận là hạng người nào... Chiến tranh, thì kẻ ngày thường là bọn đầu trâu mặt ngựa, thủ đoạn, gian hùng... đều phải dùng tất cả

vì trận mạc là chỗ chém giết sát phạt, bọn vũ phu cần có chỗ dùng.

Nhưng đến thời bình: Không thể còn dùng được kẻ tiểu nhơn trong vấn đề trị nước! Để cho bọn tiểu nhơn mà lọt vào cơ quan hành chánh rất nguy! Ban cho chúng tiền bạc thì được, mà giao cho chúng một chức vụ xã hội nào là gây tai họa cho xã hội không thể tưởng tượng.

Phải lựa thật kỹ những kẻ có Tài và nhất là có Đức: “*Đức thắng Tài vi quân tử; Tài thắng Đức vi tiểu nhơn*” là một danh ngôn bất hủ! Chọn lựa những bậc “*khai quốc thừa gia*”, *chớ bao giờ dùng đến hạng tiểu nhơn*, vì làm thế, tất làm cho nước nhà thêm loạn lạc (*tiểu nhơn vô dụng, tất loạn bang dã. Đánh giặc, cần tiểu nhơn; mà trị nước, cần quân tử*. Dùng người trong thời loạn và thời bình không thể lẫn lộn được với nhau.[1]

Biết bao cuộc “cách mạng” thành công rồi, lại đi vào con đường ly loạn, bởi người cầm quyền tối cao đã bừa bãi ban thưởng không phân biệt người quân tử hay kẻ tiểu nhơn! và đã để lọt vào trong guồng máy chánh quyền những kẻ hung bạo sát nhân, bởi họ có công to trong các trận chiến. Có nhiều kẻ dốt nát, bất tài, có

1. Tôn, là Tôn Võ Tử; Ngô, là Ngô Khởi, tướng tài có để lại sách luận về cách cầm quân khiển tướng (Đọc quyển SUN-TSE (Tôn Tử, BINH PHÁP, Ed. Berger Levraylt, Paris, 1948, trong bộ Les Classiques de l'art militaire, quyển Tôn Ngô Bình Pháp, Tủ Sách dịch của Trúc Khê thi xã, Ngô Văn Triện dịch, Tôn Tử Bình pháp, Thi Đạt Chí dịch. Sách luận về việc Bình Gia, nhưng toàn là theo Tâm lý học về bề sâu. Việc Bình như việc Đời, nào có khác chi: toàn là *mưu mô trá thuật*, cần phải tham bác. Thuở nhỏ, tôi cũng thích đọc Bình pháp của hai nhà Tôn Ngô.

khi là những tên trộm cướp, sau khi cách mạng thành công lại được trọng dụng trong những chức vụ lãnh đạo *cần phải có thật chân tài cùng kỹ thuật*. Xã hội hậu chiến bị vậy mà không bao lâu sụp đổ... Câu “Khai quốc thửa gia, tiểu nhơn vật dụng” phải được các nhà cách mạng chân chính cần hết sức lưu ý!

*
* * *

Tóm lại, chỉ trong *một quê Sư, mà ta thấy gồm cả một bộ Bình thư* cho những bậc Cầm quyền tri nước.

Thoán từ nói: “*Sư, Trinh, Trượng nhơn, kiết*” 師，貞，丈人，吉。 là một câu có thể tóm lược cả những bộ Bình thư (cõi Tôn Ngô Bình Pháp) bàn về *cách lựa chọn một vì Đại Tướng*.

Đại Tướng, phải là một người dương cương, đắc trung đắc chánh, một bậc “*trượng nhơn*”, mà trong lịch sử Trung Hoa, ta chỉ thấy có *một Khuong Thượng*, hay *một Khổng Minh Gia Cát* mới có *đủ tiên phong đạo cốt, tài đức phi thường!* *đáng vai Cửu Nhi!*

Hào *Sơ Lục*, khoảng sắp xuất sư, thì bảo phải lo trước hết, kỷ luật, kỷ luật thép.

Hào *Lục Tam*, là một tướng quá tầm thường, giao việc quân cho họ, thì chỉ có lo đi chở thây quân lính đem về nước!

Hào *Lục Tử*, tuy không có tài tiến công, nhưng vẫn có tài “*rút quân*”, một chiến thuật mà một kẻ cầm quân phải biết xoay trở kịp thời.

Hào *Lục Ngũ*, kẻ cầm quyền tối cao, thì bảo phải biết

chọn người “trưởng tử” (hay trưởng nhơn) chó dùng
dùng bọn “đệ tử” bất tài, mà mang họa!

Hào Thuượng Lục, thì bảo, *xong thời binh cách, đến thời kiến quốc, chó dùng bọn tiểu nhơn dù họ có đại công.*

Chỉ vòn vẹn có 6 hào mà Thánh nhơn đã gói ghém
cả phép cầm quyền, và cả những qui mô cho thời kiến
quốc!

*
* *

Nhưng, theo Dịch Lý, bề mặt nào cũng có bề trái của
nó. *Thời Sư*, dù sao, vẫn là *thời đại họa cho nhân loại*,
vậy đối với Dịch Lý thì như thế nào? Trong quyển Dịch
Học Tinh Hoa, tôi đã có viết Thời quẻ Sư, đã đem lại
cho nhân loại những gì “hay” bên cạnh những cái “tai
hoa” tuyệt vời?

8. THỦY ĐỊA TỈ

水地比



“Tỉ giả, tỉ dã”

比者，比也。

“Tỉ giả, thân dã, hòa dã”

比者，親也，和也。

Trên là Nước, dưới là Đất: Các dòng nước đều chảy về Biển, nơi mà tất cả đều hội họp lại một nơi, tượng sự *hội hợp*. Cũng có nghĩa *đoàn kết*, cùng hợp về một nơi.

Nước trên mặt đất, dính sát mặt đất, tượng sự dính liền nhau, thân phụ nhau, đoàn kết với nhau một cách hết sức khít khao.

Cũng như ở quẻ Sư, Tỉ có *nhứt Dương thống lanh quần Âm*, có điều là Tỉ thì nhứt Dương chiếm hào Cửu Ngũ, còn ở quẻ Sư, thì nhứt Dương chiếm hào Cửu Nhị.

Cửu Ngũ tượng trưng một vị *chí tôn*, một *nguyên thủ*, một *giáo chủ*, một *ông giáo hoàng*, một *lãnh tụ chánh trị*... mà trên đầu không còn ai hơn được! Còn Cửu Nhị là kẻ được Cửu Ngũ ủy nhiệm quyền dẫn đạo tối cao để chinh phạt, đó là một vị Soái Tướng.

Thoán từ:

Thoán viết: Tỉ, kiết dã. Tỉ phụ dã. Hạ thuận tùng dã.

Nguyên phệ, Nguyên Vĩnh Trịnh, vô cựu.

Dĩ cương trung dã, bất ninh phuong lai, thượng hạ ứng dã. Hậu phu, hung; Kỳ đạo cùng dã.

彖曰：比，吉也。比，輔也。下順從也。原筮，元永貞無咎。以剛中也。不寧放來，上下應也。後夫，凶，其道窮也。

“*Tỉ, kiết dã*”, dã nói để sự đoàn kết, là “tốt” rồi, ta thường có câu ngạn ngữ “đoàn kết là sức mạnh!” nhưng cần nói thêm, *đoàn kết để đi về đâu?* Đó, mới thật là quan trọng!

“*Tỉ*” cũng có nghĩa là *thân thiết và phụ họa*, kẻ dưới phục tùng người dẫn đạo (*tỉ, phụ dã; hạ thuận tùng dã!* 比，輔也。下順從也). Cần để ý chữ “*thuận*”, bởi vì có khi chạy theo, không phải tự mình “*thuận theo*”, mà vì *bị bức bách*; và như thế, không còn phải là “*tỉ*” nữa. *Chỉ ở trong những chế độ tự do mới có được sự tự do “tỉ” này.* Hào Cửu Ngũ lanh tụ này phải thực sự là con người tự do “đắc trung đắc chánh”, mà đã là một con người tự do, thì *không bao giờ dùng cường lực hay cường quyền để nô lệ hóa kẻ khác*.

Vậy, kẻ dưới muốn theo ai để làm lãnh tụ cho mình, phải thật cẩn thận, để khỏi phải lầm bọn tiểu nhơn. Bởi thế, muốn thiết lập một chế độ Dân Chủ Tự Do đâu phải dễ. Cho nên, Thánh nhơn mới khuyên ta: “*nguyên phệ Nguyên, Vĩnh, Trịnh, vô cựu*”, nghĩa là nếu còn phân vân, do dự hãy dùng đến Bốc phệ, và phải dùng đến phép tái chiêm (chiêm đến 2 lần) để cầu thần linh noi mình giúp cho để biết bậc lãnh tụ có đủ

tư cách là con người dẫn đạo mình không? Người ấy phải có đủ ba đức này, là *Nguyên*, là *Vĩnh* và *Trinh*. Đức *Nguyên*, là gốc người Quân tử chánh cống; *Vĩnh* là kẻ có đức *Nguyên* một cách vĩnh viễn, trước sau không bao giờ thay lòng đổi dạ, tức là kẻ không bao giờ để cho hoàn cảnh thay lòng; kẻ mà, như Lão Tử đã miêu tả noi chương 56 Đ.Đ.K.

*Bất khả đắc nhi thân,
Bất khả đắc nhi so,
Bất khả đắc nhi lợi,
Bất khả đắc nhi hại,
Bất khả đắc nhi quý,
Bất khả đắc nhi tiện,
Cố, vi thiên hạ quý.*

(Sở dĩ bậc Thánh nhơn được thiên hạ xem là quý nhất, là bởi họ là kẻ mà ta không thể cầu thân, hay dùng đến sự thân thiết để câu họ được; là kẻ mà ta không thể dùng đến phương pháp ruồng bỏ để họ sợ mất nhơn tâm mà nhượng bộ; là kẻ mà không ai lấy lợi hại để câu nhử hay đe dọa; cũng là kẻ mà không ai dùng đến sự quý tiện mà câu nhử hay đe dọa được). *Dưới trời, không còn ai cao quý hơn người này! (thiên hạ quí).*

Nhà Nho cũng nói tắt một câu: “*phú quý bất năng dān, uy vū bất năng khuất*”, nghĩa là *phú quý* không thể mê hoặc được họ; *uy vū* không thể khuất phục họ được!

Đức “*trinh*”, là nói về đức *Trung, Chánh*.

Bởi vậy, Thoán từ mới bảo: “*Dī Cuong, Trung dā*”.

Nếu có gì trắc trở mà khó gặp bậc Cửu Ngũ, hoặc gặp không được, khiến cho kẻ dưới người trên không ứng được với nhau, đó là tại mình không đủ ba đức *Nguyên, Vĩnh, Trinh* nên không được sự “đồng thính tương ứng, đồng khí tương cầu”! Bởi mình không đồng đức nên không gặp được Ngũ, đạo “thân ti” vì thế mà hỏng! Cần nhất là điểm này...[1]

Sở dĩ xưa nay, người ta cố lập một xã hội dân chủ tự do đều như ăn bánh vẽ, là bởi, trước hết không có hào *Cửu Ngũ Nguyên Vĩnh Trinh*, còn quần chúng thì trình độ quá kém không biết lựa bậc Thánh đức mà bầu lên, mà chỉ bầu một cách mù mờ kẻ không xứng đáng với địa vị của họ... nên nền “dân chủ tự do” chỉ có cái tên, mà không có thực chất! “hữu danh, vô thực”! rất tai hại!

Đại Tượng

*Địa thượng, hữu thủy: Ti
地上有水，比。*

*Tiên vương dĩ kiến vạn quốc, thân chư hầu
先王以建萬國，親諸侯。*

(Trên đất có nước, tượng của quê *Ti*)

Trên là nước dính liền trên mặt đất, tượng của sự

- Ở đây, không hẳn bàn về chánh trị, mà nói chung cho tất cả mọi người nào có ảnh hưởng lớn đối với thiên hạ chung quanh. Chơi với kẻ trên, ngang hàng hay dưới mình... họ cư xử một cách hết sức *tự do*... Không cầu cạnh ai, ai đến thì tiếp, ai đi không cản... Tự do đến, tự do đi. Không như thường tình thiên hạ, khi thương thì hay trách cứ tại sao không đến? Khi ghét thì lại trách sao hay đến làm rộn! Nhà bậc Hiền giả là chỗ ra vào tự do.

đoàn kết của bọn dân đen dưới quyền chỉ huy của một người uy quyền tối thượng, một bậc *Thánh quân* (nếu có đủ đức Nguyên, Vĩnh, Trinh), và nếu rủi mà gặp một đứa tiểu nhon thì đành phải chịu sống trong một địa ngục trần gian!

Hợp quần chung quanh một vị Thánh quân (tức là Cửu Ngũ có đủ 3 đức Nguyên, Vĩnh, Trinh) là cõi thiêng đương trên dương thế; nếu trái lại, gặp loại Cửu Ngũ mà bất trung bất chánh, thì dương thế là một cảnh địa ngục vô cùng khốn khổ!

Có lẽ Thánh nhơn tác Dịch, lúc bấy giờ, thế giới còn đang ở thời xã hội phong kiến nên mới nói “tiên vương dĩ kiến vạn quốc chư hầu” nhắc lại thời tương đối thạnh trị đời Nghiêng Thuấn, thời mà “nhà nhà không đóng cửa, ngoài đường không ai lượm của rơi”! chứ như ngày nay, thiêng hạ đang đi đến chu kỳ hắc ám quá nặng, thì xã hội quê Tỉ của Hào Cửu Ngũ chắc chắn là một thời lý tưởng còn quá xa vời! vì quá lý tưởng!... Thánh nhơn đã đưa ra những phương pháp để tạo thành một xã hội cộng đồng lý tưởng, chắc chắn chưa bao giờ thực hiện được! có lẽ đã qua, nhưng không bao giờ thấy trở lại chăng?

Là vì, trước hết phải có một bậc *Thánh vương* như hào Cửu Ngũ... Nhờ đó, mà dân chúng mới có thể lý hội được thế nào là một xã hội lý tưởng có một vị Thánh quân đủ uy thế thiêng liêng lôi cuốn quần chúng theo mình một cách tự do... Kẻ nào theo, thì bậc *Thánh quân* tiếp đón ân cần, còn ai không chịu đến, cũng để tự do hành động không cầu mà cũng không my: tất cả mọi người đều được tự do đến và tự do đi... Nhân đó, giữa chánh quyền và dân chúng được cộng tác một cách tự

do không cần đến bàn tay sắt của chánh quyền xen vào ép buộc! Trong quyển Yi-King, Richard Wilhem giảng thích hào Cửu Ngũ quẻ Tỉ, viết: “*Ici, c'est un Souverain on un Être à la puissante influence vers qui les hommes se tournent. Celui qui vient vers lui, il l'accueille; celui qui ne vient pas, il le laisse aller; il ne prie personne, ne flatte personne; tous viennent de leur plein gré. Il*

Tiểu Tượng

Sơ lục: Hữu phu, tỉ chi, vô cựu.

初 六：有 孚 比 之，無 咎。

Hữu phu doanh phẩu, chung lai hữu tha kiết.

有 孚 盈 缶，終 來 有 他 吉。

“Phu” 孚，là thành tín.

“Phẩu” 缶 là cái vò bằng đất, miệng nhỏ bụng to.

Hào Sơ lục, có lòng chí thành, tượng hình cái vò mà trong ruột chứa đầy sự thành tín (hữu phu doanh phẩu). Vì được lòng chí thành, mà người ta bên ngoài đều muốn đến với mình, nên rốt cuộc được tốt (Kiết 吉).

*
* *

Lục Nhị: Tỉ chi tự nội, trinh, kiết.

六 二：比 之 自 內，貞，吉。

Lục Nhị có đức nhu thuận, lại được đắc vị “âm cư âm vị”, đắc trung đắc chính, hiệp ứng với bên ngoài là Cửu Ngũ, là tự trong mà thân với ngoài (tỉ chi tự nội).

Theo lệ thường, thì Trên mà ngó xuống Dưới là Khoan, mà Dưới vọng lên Trên, là My. Ở đây, dưới mà ngó lên trên, sao lại được gọi là “trinh, kiết”? Chẳng phải đó là “my quý cầu vinh” hay sao?

Không phải vậy, là bởi Nhị đắc Trung đắc Chánh, chứ đâu phải nhu các hào khác? Sở dĩ “tỉ chi tự nội” là bởi “tâm đồng đạo hợp”, “đồng thịnh tương ứng, đồng khí tương cầu”. Cho nên nếu tự trong mà thân với ngoài vẫn là chánh đáng! nên được gọi là “trinh kiết” (đã tốt lại lành)! đâu phải đã làm mất “tư cách” (*bất tự thất*). Cho nên là Tượng có nói thêm, vì sợ có sự hiểu lầm này: “*tỉ chi tự nội, bất tự thất dã*”.

Như ngày xưa Y Doãn chờ cho Thành Thang ba lần sinh lê thỉnh cầu; còn Khổng Minh để cho Lưu Bị phải ba lần lui tới: “tam cố mao lư”... Há phải vì muốn làm cao, mà là để xem thử hào *Cửu Ngũ trên kia có thật dạ chí thành*” chăng? Lụa người mà thờ, cần phải đắn đo thận trọng trong lúc ban đầu.

*
* *

Lục Tam: Tỉ chi phi nhon 六三：比之匪人。

“*Phi nhon*” là hạng người không ra người!

Hào Lục Tam trên dưới toàn là các hào âm mà chính bản thân cũng bất trung bất chánh, là lũ tiểu nhon kết phe với nhau.

Ở thời quẻ Tỉ mà gặp phải bọn tiểu nhon, không phải là điều đáng thương hại lắm sao, nên tượng từ có câu: “*Tỉ chi phi nhon, bất diệc thương hô!*”

“*Tỉ*” có nghĩa là “*sánh vai*”, tìm bạn bè, tìm kẻ láng giềng, vợ kén chồng, tớ kén thầy, thầy kén tớ...v.v... đều thuộc về Tỉ cả: bất cứ loại nào, hễ gặp phải bọn “phỉ nhơn” tất hỏng cả, và tai hại vô cùng!

Lục Tứ: Ngoại tỉ chi, trinh, kiết.

六四：外比之，貞吉。

Tượng viết: Ngoại tỉ ư hiền, dĩ túng thương dã.

象曰：外比於賢，以從上也。

Lục Tứ, tuy “âm cư âm vị” đắc chánh, nhưng vì là âm nhu nên không đủ tài hành động việc gì, phải cần “tỉ thân” với bậc dương cương mới mong có việc cho mà làm, nên bảo “ngoại tỉ chi”, ngoại thân với bậc Hiền (*ngoại tỉ ư hiền*). Theo lệ, hễ ngó xuống là Nội, ngó lên là Ngoại, nên ở đây, ngoại tỉ ư hiền, là bảo phải “thân tỉ” với Cửu Ngũ, hễ được “ngoại tỉ” là được trinh kiết.

Hào từ khuyên Tứ nhìn lên trên mình và thân thiện với bậc Hiền, tức là hào Cửu Ngũ. (chữ Hiền, chữ Thương đều để ám chỉ vào hào Cửu Ngũ).

*
* *

Cửu Ngũ: Hiển tỉ, vương, dung tam khu, thất tiền cầm,
âp nhon bất giới, kiết.

九五：顯比，王用三驅，失前禽，
邑人不誠，吉。

Hào Cửu Ngũ là hào quan trọng nhất của quẻ Tỉ. Tượng một bậc Thành quân, có chức vị cao, có tài, có đức mà thân tỉ và thần phục thiên hạ; mà thiên hạ

cũng vui lòng chạy theo. Đó là bậc Thánh nhất nguyên, dùng đạo Vô Vi “ngã vô vi nhi dân tự chánh” cho nên không dụ dẫn ai theo mình, ai đến thì chấp nhận, không thành kiến bạn hay thù; còn ai không muốn theo mình mà bỏ ra đi, cũng để cho tự do không bắt buộc... gọi là “hiển tí” sáng sửa không chút gì ám muội mưu mô chánh trị! Thánh “đắc trung đắc chánh” đều phải như vậy, đều có cái “tâm hu” vô chấp.

Dịch lấy một thí dụ hơi khiên cưỡng để minh thị lẽ ấy, bằng một cuộc săn bắn của các vua chúa ngày xưa bên Trung Hoa cổ thời. Cho búa vây ba mặt, chừa mặt tiền bỏ trống để cho bọn cầm thú có đường thoát. H Amanda ý, bậc Thánh quân trị nước, sự lập pháp bao giờ cũng để một chỗ thoát cho kẻ có tội có con đường cài quá! Nếu loài thú mà tìm mặt trước chạy thoát, thì Thánh nhân cũng bỏ ngơ, cho chúng đi hết... và như vậy, không có một con nào dại gì chạy đến dâng mình cho tên đạn! Thấy thì như người dân bị pháp luật búa giặc, nhưng chỗ nào cũng có chỗ ra, không bao giờ có những án tử hình hay khổ sai chung thân cả! Nếu có ai bất phục, thì cứ tự do được bỏ xứ mà đi tìm lề sống nơi khác, chứ không bao giờ có việc cấm dân xuất ngoại! Ở hay đi, là quyền tự do của mỗi người[1]. Cửu Ngũ cho rằng thuận với ta thì đến, không thuận với ta thì đi, ta không bao giờ nài nỉ, dù dỗ.

“Ấp nhon bất giới, thượng sứ trung dā” 邑人不戒, 上使中也。Chữ “Trung” này, là nói người không theo phe ai cả, thân như sơ, là kẻ “chí công vô tư”!

1. Hào Cửu Ngũ quẻ Tǐ, phải chăng là một Hốt Tất Liệt (Kubilai); một Alexandre đại đế... chẳng hạn: nhất Dương mà “súc” cả quần âm. Phải là kẻ Đại tài và Đại đức (anh hùng).

*
* *

Thượng Lục: Tỉ chi, vô thủ, hung.

上六：比之無首，凶。

Hào Thượng lục, là cực âm, lại bất trung nữa, thì kết quả cũng chả ra gì! Dù có thân thiện với ai, rồi cũng không bền! “*Tỉ chi vô thủ, vô sở chung dã*” 比之無首，無所終也。Là vì lúc ban đầu tạo nhân duyên dã là vô thủy rồi, làm sao mà chẳng “vô chung”?

Thánh nhơn nhắc nhở và căn dặn ta: phải dè dặt, cẩn thận lúc ban đầu khi gia nhập một đoàn thể nào, một tôn giáo hay một hội họp nào phải để ý nhất đến người cầm đầu của nó! coi họ có đủ tài đủ đức để điều khiển chẳng? để cho mình phụng sự?

*
* *

Nghiên cứu bất cứ thời đại lịch sử nào, người có tinh thần Dịch lý *phải luôn luôn giữ thái độ “khách quan”* khoa học, dẹp tất cả lòng thiên vị yêu ghét để xét đoán việc y như nó xảy ra, chứ đừng có óc thiên vị muốn cho những điều xảy ra theo lòng mong ước của mình. *Người nghiên cứu cần phải dẹp một bên lòng “thiên vị” mà phê bình lịch sử nước mình.* Viết Sứ, đọc Sứ... *phải có bụng thản nhiên như người ngoại cuộc.* Xét về những cái lợi hại của cuộc chinh phục của nhóm người Mông Cổ Gengis Khan, ta phải nhìn nhận cái dở và cái hay của nó, vì theo Dịch, không có cái Dở nào chẳng có cái Hay của nó, chẳng có cái Hại nào mà

chẳng có cái Lợi của nó... Ta thấy cái Bất Lợi của cuộc xâm lăng Mông Cổ thời Gengis Khan thì cũng nên nhớ xem cái hay của nó... Cũng như trường hợp Việt Nam từ xưa đến nay, đã không biết bao lần bị sự xâm lăng của Trung Quốc, của Tây phương, Pháp... Với cái “nhục” mất nước mà họ đem lại cho ta, họ có đem cho ta những gì hay chẳng? Dĩ nhiên, họ đã cho ta có cơ hội chạy theo kịp các trào lưu văn minh của toàn thế giới. Có được bộ óc khách quan, thì học Dịch mới lý thú! Việc này, đâu phải dễ! Học Dịch là để tìm chân lý chứ không phải đi tìm sự ưa ghét riêng tư theo mình. Thấy được cái bì mặt của nó là Âm, thì cũng phải nhìn kỹ cái bì trái của nó là Dương đó là phép nhìn bao trùm luồng diện theo Dịch lý.

9. PHONG THIÊN TIỂU SÚC

風天小畜



“Tiểu súc giả, nhu chế cương dã”

小畜者，柔制剛也。

Trên là quẻ Tốn, tượng gió;

Dưới là quẻ Kiền, tượng trời cao.

Trên trời có mây vần vũ dày đặc, sắp có mưa, nhưng lại bị gió thổi mà mây tan, không thể mưa được! Tượng hào Lục Tú (thuộc âm) nên gọi là “nhỏ” (tiểu); vậy mà “súc chỉ” được cả ngũ dương. *Kiền*, tượng người chồng cường cường hăng tiến; *Tốn*, tượng người vợ, tuy nhu thuận, lại có thể chặn đứng lại được tánh cường cường của chồng! nên mới bảo rằng, đây là cái đạo “*dī nhu nǎng chế cương; dī nhược nǎng chế cường*”, hay “*nhu nhược thắng cường cường*”.[1]

1. Cái học của *Nho gia*, thường chỉ là cái học bị Vua chúa khai thác, nên bị hạn chế trong vòng thực tiễn và chánh trị eo hẹp của thời phong kiến, không được rộng rãi bao la như Lão học. Khi xưa, ta thấy không có nhà văn học Nho gia nào lỗi lạc bằng các nhà văn có được cái học phóng khoáng của Lão Trang (như thời Tống phục hưng). Văn chương Trung Quốc đời Hán còn ai hơn được Tư Mã Thiên; đời Tấn

“Tiểu súc” 小畜 có nghĩa là vừa “súc chi” vừa “súc tụ” Chữ “tiểu” đây là nói về hào Âm, tuy nhỏ bé vậy mà “súc chi quần dương”, đều nhờ noi sự “nhu thuận”. Muốn dùng “nhu chế cương”, phải biết dùng sự mềm mỏng dịu dàng sở trường của người đàn bà, sở trường của cái học Trang Lão và Dịch đúng đầu của tất cả nền Văn học, Văn hóa của Trung Hoa.

Thoán từ

Tiểu Súc, hanh, mật vân bất vū, tự ngā tây giao.

小畜，亨，密雲不雨，自我西郊。

“Mật vân” 密雲, là mây đùn lại khá dày đặc, nhưng vẫn chưa đủ sức để thành mưa, để cứu nạn nóng bức làm khổn khổ nhân dân. Thoán từ đưa ra một thí dụ, là trường hợp Văn Vương bị Vua Trụ bắt giam nơi Dữu lý.

Biết là thời giải phóng chưa đến, nên phải biết ẩn nhẫn đợi thời... Và trong khi ngồi để chờ thời, cũng không có nghĩa là cứ “ngồi chơi xoi nước”, “lão già an chi”! Bậc Thánh nhơn có khác: Trước khi làm một cuộc đại cách mạng nào, cũng phải nghĩ trước công việc “giáo dân” để chúng ý thức rõ việc làm sau này của chúng. “Tiểu súc” cũng có nghĩa là “giáo dân” mà giáo dân không gì bằng Văn hóa và Giáo dục nghĩa là Giáo dân bằng Văn hóa!

.....
đến Lục Triều, còn ai hơi Đào Tiềm, Vương Hi Chi; Vương Bột đời Đường cùng Liễu Tôn Nguyên; đời Tống còn ai hơn Tô Đông Pha? Phải chăng đều là những người đã chịu ảnh hưởng sâu đậm của Lão Trang và Dịch học? một cách sâu sắc! Họ đã có được cái học viên mãn hình nhi thượng nhất nguyên và hình nhi hạ nhị nguyên.

mói nói: “*Tiểu súc, hanh*” 小畜，亨。Đại Tượng sẽ nói rõ hơn vấn đề văn hóa để giáo dân.

*
* *

Đại Tượng

Phong hành thiên thượng: Tiểu súc.

Quân tử dĩ ý Văn đức.

風行天 上：小畜。

君子以懿，文德，

Gió thổi trên trời, là tượng quẻ Tiểu Súc. Người quân tử lấy sự mềm mỏng dịu dàng mà làm công việc giáo dục, tức là làm cái việc làm của Văn hóa.

Ngày xưa, Văn Vương khi bị giam tại Dữu Lý, lo viết và soạn lại bộ Dịch Kinh vì ông cho *Dịch Kinh là quyển sách căn bản của cả nền Văn Hóa vĩ đại của Trung Hoa*: “*Dịch, quán quần Kinh chi thủ*” (*Dịch Kinh là bộ sách đầu não bao quát tất cả mọi Kinh sách của nền văn học, nghệ thuật và cả khoa học của Trung Hoa*). Điều, mà Khổng Tử về già cũng đã để hết tâm tư, kiện toàn bộ Kinh Dịch.

Việc làm ấy, đối với chúng ta ngày nay cho là vĩ đại, mà các bậc Thánh nhơn chỉ cho là một việc làm “tiểu súc”! Đó là sự tự khiêm tự tốn thôi.

Richard Wilhem, trong bản dịch của ông về Dịch Kinh cũng có nói: “*Ainsi, dans les temps où une Grande-Action extérieure (des Grands de ce monde) n'est pas encore possible, il ne reste à l'Homme noble*

rien d'autre à faire que d'affiner les expressions de son Ètre-Suprême dans l'accomplissement de petites choses.” (Yi King, p.61).

Làm Văn Hóa có lẽ thiết thực và hiệu quả hơn là làm Chánh trị: như Emerson đã nói rất chí lý: “Chánh trị đến rất muộn; nó chỉ có trị ngọt mà thôi. Ta phải tìm cho đến tận gốc, và đây chính là nhiệm vụ của Văn Hóa và Giáo Dục!”

*
* *

Cân để ý và đọc thêm quẻ *Sơn Thiên Đại Súc* (số 26), tượng của *những Thư viện*, tồn trữ các tác phẩm văn hóa và nghệ thuật, “súc tụ” hay “súc tích” tinh hoa của Văn Hóa vạn quốc từ cổ chí kim bên phương Đông. Ta cũng nên lưu ý về tính cách đặc biệt của Tây phương và Đông phương. Văn hóa Tây phương chuyên về sự sát phạt (thuộc Kim); văn hóa Đông phương chuyên về sự dưỡng dục (thuộc Mộc), và bởi Mộc là món vật mềm dẻo (sinh giả nhu nhược, kỳ tử giả kiên cường) nên mới có thể nuôi dưỡng được sự hòa bình! *Tiểu Súc* là bàn về sự “trước thư lập ngôn”; còn *Đại Súc* là công việc tổng kết và qui tụ lại những gì do *Tiểu Súc* đã làm.

Tiểu Tượng

Sơ Cửu: Phục tự đạo, hà kỳ cựu, kiết.
初九：復自道，何其咎，吉。

Tượng viết: Phục tự đạo, kỳ nghĩa, kiết dã.
象曰：復自道，其義，吉也。

Hào Sơ cửu, là dương cường đắc chánh, lại cũng ở trong thể Kiền, tức là người có tài, nhưng vì ở phải cái thế chính ứng với hào lục tú, hào âm duy nhất giữ vai trò chủ não của toàn quẻ, “súc chỉ” cả quần dương, thì còn làm được việc gì? Phải chăng, chỉ còn biết thân mà lo “ngồi yên”, lo việc tu thân “phản kỳ chân, phục kỳ bản”, có “phục tự đạo” mới được “vô cựu” và “kiết” nữa.[1]

Cửu Nhị: Khiên phục, kiết.

九二：牽復，吉。

Tượng viết: Khiên phục tại; trung, diệc bất tự thất dã.

象曰：牽復在中，亦不自失也。

Nhị, là dương cường “đắc trung đắc chánh”, bên trên có hào Cửu Ngũ chính ứng và cũng được đắc trung: Nhị và Cửu chí đồng tài đồng, cảnh ngộ như nhau, dùi dắt nhau mà trở về được với ngôi vị (tức là bốn vị thiên chân của mình) nên gọi là “phục” (phục kỳ bản, phản kỳ chân).

- Trong quyển “*Văn minh Đông phương và Tây phương*”, tôi đã có viết: Hiện tình chúng ta cả thảy đang sống trong một hoàn cảnh hoang mang lo sợ phi thường, nhất là sau tiếng nổ của bom nguyên tử ở Hiroshima. Hàng thức giả chưa chết say trong cuồng vọng của nền văn minh tiến bộ vật chất đã bàng hoàng lo ngại cho số phận chung của toàn thể nhân loại. Chính Romain Roilaud đã kêu to: “Sau cuộc tai biến thảm khốc của trận Thế Chiến nhục nhã này đã đánh dấu sự phá sản của nền văn minh Châu Âu! Châu Âu hiển nhiên không còn đủ sức để tự cứu chữa mình được nữa rồi! Họ cần phải cần đến tư tưởng của Châu Á...” (Après la catastrophé de cette honteuse guerre mondiale, qui a marqué la faillite de l'Europe, il est devenu évident que l'Europe ne suffit plus à se sauver soi-même. Sa pensée a besoin de la pensée d'Asie...).

“Khiên” là kéo về, dắt về, là nói Ngũ dắt dẫn và kéo “nhi” về với mình. Nhị về giúp Ngũ, là chỗ bạn tốt với nhau, chứ không có gì mất mát thể diện cả, vì giá trị 2 bên cận nhau, nên được “Kiết”!

Lời Tượng thêm câu: “*Khiên phục tại trung diệc “bất tự thất” dã*”. Như trước đây, hào Nhị quέ Tỉ cũng viết “*bất tự thất*”, hào Nhị quέ Tiểu Súc cũng có câu “*bất tự thất*” tình trạng giống nhau.

Cửu Tam: Dư thoát phúc: phu thê phản mục.

九三：輿說輻，夫妻反目。

Tượng viết: Phu thê phản mục, bất năng chánh thất dã.

象曰：夫妻反目，不能正室也。

Cửu Tam, dương cương, lại là dương cư dương vị, có hơi quá cương, ở cận Lục Tú, bị Tú “súc chỉ”. Vả lại, ở thời Tiểu Súc mà nhè ở sát bên Tú làm sao khỏi bị “súc chỉ” nên không sao tiến lên được! có khác nào xe mà bị gãy trục nên hết cựa quậy gì cả.

Tam không tiến lên được, bị Tú “súc chỉ” mạnh, như vợ chồng trở mặt nhau (phu thê phản mục) nên không chỉnh đốn được gia đình (*bất năng chính thất* 不能正室).

Lục Tú: Hưu phu, huyết khu, dịch xuất, vô cựu.

六四：有孚，血去，惕出，無咎。

Tượng viết: Hưu phu, dịch xuất, thương hợp chí dã.

象曰：有孚，惕出，上合志也。

Lục Tú, làm chủ quέ Tiểu Súc. Nhất âm thống quần dương, cận với Cửu Ngũ, e có sự xô xát đổ máu, nhưng vì Tú là Âm Nhu đặc chánh (âm cư âm vị) nên nhu

thuận, không đến việc đổ máu (*huyết khứ*) và cũng tránh được cả sự nguy cụ (dịch xuất 惕出 (“*dịch*” 惕 là lo sợ).

Lục Tú có tài lôi cuốn ngũ dương về quy phục Cửu Ngũ, là nhờ có hào Ngũ ở trên “hợp chí” với Tú (*thượng hợp dã* 上合也).

Cửu ngũ: Hữu phu, loan nhu, phú, dĩ kỳ lân.

九五：有孚，讐如，富，以其鄰。

Tương viết: Hữu phu, loan nhu, bất độc phú dã.

象曰：有孚，讐如，不獨富也。

Chỉ có một hào Âm mà “súc chỉ” được cả 5 hào Dương của quẻ Tiểu Súc không cho Dương ở nội quái tiến lên. Nhưng, hào Cửu Ngũ có đức *Tín thành*, nên dân dắt được bầy Dương theo mình, Lục Tú ở cạnh bên Ngũ cũng nhờ lây đức Tín thành mà cũng cảm hóa được người, giống như mình là người giàu to (Ngũ) nên có sức sử dụng được mọi kẻ láng giềng (hào Lục Tú), (phú, dĩ kỳ lân).

Chữ “phú 富” đây, không phải nói về tiền bạc mà muốn nói “giàu về đức độ” (phú hồ đức). Cho nên Cửu Ngũ sở dĩ cảm hóa được Lục Tú là nhờ ở đức rất hậu, cho hay sức mạnh của tiền bạc chỉ có một, chứ sức mạnh của “đức” thì mạnh gấp trăm nghìn lần, nên mới nói “bất độc phú dã”, nghĩa là “giàu to” đây chẳng phải nói riêng gì về tiền bạc! “Đức” đây, cũng có nghĩa là “Âm đức” có công năng thủ tiêu tất cả tội ác!

Thượng cửu: Ký vū ký xứ, thượng đức tài, phụ trinh lê;
nguyệt cơ vọng. Quân tử chinh, hung.

上九：既雨既處，上德載，婦貞厲，
月幾望。君子征，凶。

Hào Thuượng cửu, là mưa đến, đến lúc nghỉ ngơi rồi, là nhờ nơi “đức cao” (thượng đức), tức là sự kiên gan trì chí: Khác nào người đàn bà bị nguy vì đã bị săn đón kiên trì, và sẽ bị chinh phục.

Thuượng cửu ở trên hết ngoại Tốn, dương cực... nhưng vì ở thời Tiếu Súc, nhất âm súc chỉ ngũ dương, nên Thuượng cửu cũng dành bó tay và chịu giảng hòa với Tú, tượng Âm Dương hòa hợp mà thành mưa (Vũ). Có mưa được, bấy giờ là thời Âm Dương hòa xuống, đời sống tạm được yên ổn. Đức của Lục Tú đã được “súc tụ” nên gọi là “thượng đức”.

Câu “thê trinh lê” là lời răn dạy: chó thấy vợ chế chồng (nhu chế cường) mà cứ lo cố thủ cái đạo “nhu chế cường” như là một định luật bất di bất dịch, thì cái đạo vợ hiếp chồng đã chẳng những không hại gì cho người chồng, mà chính người vợ, trước tiên bị tai họa vô cùng khiếp đảm mất hẳn tình yêu của chồng! Nên mới răn đe bằng câu “phụ trinh, lê 婦 貞 厲”. Nghĩa là người đàn bà nào mà cứ cố thủ cái thế thượng phong của “tiểu súc”, sẽ gây lấy cho mình chữ “lê 厲” là “nguy” vậy.

Còn người đàn ông, ở trước tình trạng này, mà không biết nhẫn nhục, lại chống lại mãnh liệt như Thuượng cửu, thì phải gấp việc chẳng lành (quân tử chinh hung 君 子 征 凶)! Phải biết, nói chung, quê Tiếu Súc ở hào Thuượng cửu, là “tiểu nhon đắc thế” thì người quân tử phải biết liệu trước... đừng để đến nước cùng mới lo gõ rối bằng cách dương cường chinh chiến, lo trước, lúc

mà mình đã để cho Âm mọc lên và lớn lên, đến khi Âm cầm quyền tuyệt đối, thì quá muộn màng!

Đối với “tiểu nhơn” cũng thế! Đừng để nó được trưởng dưỡng ngay lúc ban đầu: “*dạy con dạy thuở còn thơ, dạy vợ dạy thuở ban sơ mới về!*” Phàm để cho kẻ tiểu nhơn được đặc chí, thì phải rước lấy cái vạ tỳ trời! như bóng trăng đã đến rầm rồi còn phòng bị gì được nữa!

“*Tri gia*”, nhu “*tri quốc*” cùng một thể cả. Đừng thấy nhỏ mà khinh thường!

10. THIỀN TRẠCH LÝ

天澤履



“Lý giả hành dã, lê dã”
履者行也，禮也。

Lý, có 2 nghĩa:

1. *Đi*, và
2. *Lễ*, lễ phép, lễ độ, nhún nhường, quên mình...

Lý, là đi (chọn bước, có cái bước trước, có cái bước sau tiếp nối nhau), cũng có nghĩa là nhấn mạnh chọn xuống đất; đôi giày dưới chân.

Nội quái, là Đoài (vui vẻ như người con gái (Đoài) là thiếu nữ).

Ngoại quái, là Kiền (cứng rắn), tượng như một ông Cha nghiêm khắc, cứng cỏi.

Ở đài trong đạo giao tế, dù là kẻ cứng rắn, bạo tàn đến đâu, cũng không sao giữ mãi được sự cứng cỏi đó, trước một nụ cười thùy mị, duyên dáng, dễ thương của người con gái trẻ! Đó là tượng của quẻ Lý. “Lý, là Lê” vậy. “Lý giả, lê dã” 履者，禮也。

Thoán từ:

Lý, hổ vĩ, bất khiết nhon, hanh.

履，虎尾，不咥人，亨。

Lấy sự hòa nhã mà đối phó với sự cuồng cường, đó là lấy vui vẻ nhã nhặn mà đối phó sự cuồng cường, thì dù người kia có cuồng cường đến thế nào, cũng phải bị cảm hóa ngay, mà dịu xuống ngay! Đó cũng là phép “dĩ nhu chế cường, dĩ nhược chế cường” như ở quẻ “tiểu súc”!

Tượng như “*Ké khéo đi, đến đối đạp lên đuôi cọp mà cọp không cắn!*” (*hổ vĩ bất khiết nhon, hanh*) tức là chớ bao giờ đụng chạm đến lòng tự ái của thiên hạ.

Rộng ra, hễ bất cứ việc gì trong đời mà biết dùng đến “lẽ” một cách khéo léo thì cảnh dù khó khăn bực nào cũng dễ chuyển họa vi phúc. Tại sao lại bảo: “dùng lẽ một cách khéo léo”? Là bởi có 2 cách dụng lẽ: có cách vụng về thành ra dua mi và cách khôn khéo đến đỗi không ai trông thấy được.

Như câu chuyện “*Can vua bỏ rượu*” sau đây:

Vua Cảnh Công nước Tề hay uống rượu, có bận say luôn mấy đêm ngày, xao lảng cả việc nước.

Huyền Chương can, nói:

– Nhà Vua uống rượu say xưa như thế, không tốt. Thần xin can. Nếu Nhà Vua không nghe, hạ thần xin tự tận trước bệ!

Ngay lúc đó, Án Tử vào yết kiến Vua.

Vua bảo:

– Huyền Chương can ta bỏ rượu, không thì tự tận.

Nếu ta nghe, hóa ra ta non thế! Nếu ta không nghe, lỡ
ra Huyền Chương chết, cũng đáng tiếc!

Án Tử, quay ra, gọi Huyền Chương:

– May lăm! May mà Huyền Chương gặp Nhà Vua,
chớ gặp phải vua Kiệt vua Trụ, thì đã chết mất rồi, còn
đâu sống được đến ngày nay!

Cảnh Công nghe nói, tinh ngộ, từ hôm đó về sau,
không uống rượu nữa... (trích Án Tử Xuân Thu)

*
* *

Phải biết giữ mục Trung, đừng thái quá, đừng bất
cập. Lẽ mà thái quá thành ra a dua, nịnh hót, không
nên. Nhưng thiếu Lẽ đến đỗi ăn nói sỗ sàng cộc cằn
cũng không nên, nhất là đối với bè trên.

*
* *

Bậc trên, không nên vin vào địa vị cao mà sinh ra
thói hống hách, kiêu căng, ngạo mạn... tất dễ làm cho
hống việc, lại gây oán thù là khác. Lẽ, để dạy bậc quân
tử và quý nhơn hon là để dạy bậc thấp bé. Cần dạy Lẽ
cho hạng người quý phái hơn cả.

Lão Tử khuyên bậc ở thế thượng phong phải hết sức
khiêm tốn, hạ mình mới gây được nhân tâm: kẻ được
thời dễ sinh kiêu thái! nguy chõ đó.

“Giang hải sở dĩ năng bách cốc vương giả, dĩ kỳ thiện
hạ chi... Thị dĩ dục thương dân, tất dĩ ngôn hạ chi; dục
tiên dân tất dĩ thân hậu chi” 江海所以能為百谷

之王者，以其善下之。是以欲上民，必以言下之。欲先民必以身後之。(Sông, biển sở dĩ làm được Vua của trăm hang (hoặc trăm dòng nước) là bởi nó khéo đứng dưới thấp! Muốn ngồi trên dân, hẳn nên lấy lời lẽ khiêm hạ mà xử với dân; muốn đứng trước dân, hẳn nên lấy thân mình để ra sau).

Và bởi vậy Lão Tử mới nói: “Ta có ba cửa báu, hằng ôm áp trong lòng: một là chữ Từ là thương yêu và tha thứ; hai là, Kiệm ước không sống xa hoa phung phí; ba là “không bao giờ dám đứng trước thiên hạ”!

Giữa bè bạn ngang hàng, thường cũng hay xảy ra xung đột bất hòa, và mỗi khi xảy ra có sự xô xát mất lòng nhau, thì phải biết “hạ mình” xin lỗi. Nhưng, nên nhớ kỹ: *trong 2 người bạn, người không lỗi phải đi xin lỗi người có lỗi*, là để tránh chạm vào lòng tự ái của người có lỗi! Lòng độ lượng của quân tử phải như vậy...

*
* *

Thoán truyện vì thế mà hết sức lưu ý ta, nhất là hào Cửu Ngũ, vì đó là địa vị cao nhất trong xã hội. *Cửu càng cao, càng phải biết xử nhũn chừng này!* “*Cửu ngũ, quyết lý, trinh, lệ*” (Xem hào Cửu ngũ).

Thoán truyện cũng căn dặn: “*Cương trung chánh, lý đế vị nhi bất cửu quang minh dã.* 剛中正，履帝位而不疚光明也。” Đây là nói về hào Cửu ngũ, nên giữ cho bền đức Trung của mình, đó là đạo “quang minh”, đừng ý thế mà đi lên trên người, thì sẽ không cửu được (nhi bất cửu), phải sáng suốt đừng sa vào cái tánh hống hách của bậc “đế”! “*Đế 帝*” là nói chung về

quyền quý cao sang, Lão Tử cũng không ngót cǎn dặn “*Hậu kỳ Thân, nhi thân tiên*”.

Đại Tượng

Thượng thiên, hạ trạch: Lý.

Quân Tử dĩ biện thương hạ, định dân chí.

大象：上天，下澤，履。

君子以辯上下，定民志。

Quẻ Lý, là Trời bên trên, Đầm phía dưới. Người Quân tử theo đó mà định phân trên dưới, quý tiễn... đâu phải để phân chia giai cấp trọng quý không hèn, mà để biết cách đối xử phải cách. Cổ nhân có câu: “*Trung nhơn dĩ thượng, khả dĩ ngú thượng dã. Trung nhơn dĩ hạ bất khả dĩ ngú thượng dã.*” (Từ bực trung sấp lên, có thể dùng lời nói cao mà nói được; từ trung sấp xuống, không thể dùng lời nói cao mà nói được.) Đối với bậc trí thức cõi trung sấp lên, mà đem những lời nói quá tầm thường nói với họ, là một sự vô lễ không thể tha thứ!

Ngày xưa, Trang Tử nói với các sứ thần đem lễ vật của Uy Vương nước Sở mời ông ra làm Tướng quốc: “Trang Châu cười lạt, bảo: Địa vị Khanh tướng kể ra cũng quý thật, nhưng riêng các ông không thấy cái thân phận con bò tế hay sao? Được người ta săn sóc, cho mặc đồ trang sức để đưa vào thái miếu. Lúc ấy dù có muốn được làm con lợn còi, há còn được nữa hay sao? Các ông hãy đi đi, chó có đến làm nhục ta!” (Trích trong *Sử Ký Tứ Mã Thiên*).

Đối với hạng người cao sĩ, mà đem vấn đề Danh Lợi Phú Quý nói với họ, là kẻ quá xem thường họ, như trường hợp Hứa Do gặp vua Nghiêu mòi ra cầm quyền thiên hạ. Do cho đó chẳng những là một việc làm coi thường ông mà còn là một cái bẩn thỉu là khác nên xuống suối rửa tai! Một cao sĩ khác, bạn của Hứa Do là Sào Phủ lại còn chê nước rửa tai bẩn đến không cho trâu của mình uống phải mà bẩn cả miệng...

Câu chuyện như thế để cho bọn thế nhơn như chúng ta phải thận trọng dè dặt, chớ bao giờ vô tình đem việc lợi danh mà bàn với người siêu thoát: “*Quân tử dĩ biện thương hạ, định dân chí*” 君子以辯上下，定民志。

Vô tình, Sở Uy Vương đã làm nhục Trang Tử, vua Nghiêu đã làm nhục Hứa Do! đều là những con người thiếu Lễ! bởi đã đánh giá quá thấp bậc cao sĩ vì không hiểu nổi tâm sự của người cao sĩ đã quá xem thường phú quý!

Và bởi thế, mà phần đông các bậc cao sĩ thích sống trong cảnh cô đơn, trong một đời “qui ẩn” để tránh thói vô lễ của các bậc “phú quý”! nhất là của những kẻ mới “rửa chén học thói làm sang!” thường phạm lấy cái thói “quan liêu, hách dịch”! mà tự mình gây hại cho chính bản thân của mình.

Tiểu Tượng

Sơ Cửu: Tố lý, vãng, vô cựu

初九：素履，往，無咎。

Tương viết: Tố lý chi vãng, độc hành nguyện dã.

象曰：素履之往，獨行愿也。

Sơ Cửu, có đức dương cương, là người mới bắt đầu vào đời chưa có phận sự gì bắt buộc nên được tự do đi lại. Chữ “tō” có nghĩa chưa bị gì làm hệ lụy, lòng trong tráng nhu to.

Sơ cửu có đủ tài đức để tu thân, nếu cứ giữ được “tố tâm” (cái tâm trong tráng chưa bị đời làm hoen ô) của mình, thì không có lỗi (*vô cựu 無咎*). Đây, là ké “độc thiện kỳ thân” chỉ làm theo chí nguyện của mình thôi *độc hành nguyện dã 獨行愿也*.

Cửu Nhị: Lý đạo thản thản, u nhon, trinh kiết.

九二：履道坦坦，幽人，貞吉。

Tượng viết: U nhon trinh kiết, trung bất tự loạn dã.

象曰：幽人貞吉，中不自亂也。

Cửu Nhị, là bậc hiền nhơn quán tử (Dương cương, lại đắc trung đắc chánh). Nhưng, bởi trên là Cửu Ngũ cũng thuộc Dương, không tiếp ứng được, thành ra người độc thâu, vô viễn, tượng người quán tử chưa gắp thời!

“Lý đạo thản thản 履道坦坦”, là con đường đi quẻ Lý, bằng phẳng tron tru, đối với hào Cửu Nhị này. Nếu không phải là hào Cửu Nhị này, thì phải gắp cảnh gay go khó chịu vì không có ai tiếp viễn, bởi chính ứng là Ngũ, mà Ngũ cũng là Dương nên không ứng được. Nhị, đắc trung đắc chánh, nên vẫn thản nhiên mà đi, lòng thanh thản, nên gọi là được “an nhàn trinh kiết”; có điều là bên cạnh phía trên, có anh chàng Lục Tam, bất trung bất chánh, nên *Thánh nhon lo sợ bị cám dỗ*, nên có lời răn đe: Nhị hãy coi chừng: “Gần mực đen, gần đèn sáng”, hai vật để gần bên nhau bao giờ cũng bị ảnh hưởng lẫn nhau, tốt cũng như xấu!

Tuy Nhị là người có đức Trung Chánh, nhưng chớ xem thường có kẻ tiểu nhơn bên cạnh, quen thân với kẻ tiểu nhơn, không thúi cũng hôi! Đừng quá tin noi lòng trinh chánh của mình, mà nói “ăn thua mình” ai xúi giục ta được! Đành là như thế, nhưng ảnh hưởng xấu xâm chiếm lòng ta một cách âm thầm, lâu ngày thêm sâu đậm mà ta không hay biết gì cả! Vào một noi hôi thúi, ban đầu ta cảm thấy rất khó chịu, nhưng dần dần mùi hôi thâm nhập vào áo quần, da thịt, rồi tạng phủ... đến đỗi ta không còn thấy gì hôi thúi nữa, ta đã đồng hóa với nó rồi mà không dè... Đó là một việc thực tế quá hiển nhiên, *bậc Thánh nhơn rất lấy làm lo sợ, còn thế nhơn lại vẫn xem thường!* Như Cửu Nhị đắc trung đắc chánh, là một bậc hiền nhơn quân tử chánh cống, mà Thánh nhơn còn lo sợ cho có sự cám dỗ, đủ biết ảnh hưởng xã hội bên ngoài quan trọng là thế nào! Cái đáng sợ ở thời hắc ám là *phải bị bó buộc sống chung với bọn tiểu nhơn, gần nó có hại mà xa nó, hất hủi nó, không nên!* Trường hợp của Kê Khang, một nhân vật lỗi lạc và nổi tiếng của nhóm Trúc Lâm Thất Hiền, vì *hất hủi, khinh khi tên tiểu nhơn Chung Hội*, mà sau bị chúng giết thê thảm quá!

“Kê Khang được tiếng là người giỏi. Tư Mã Chiêu sai Chung Hội đến mời ra làm quan. Khi Chung Hội đến cống, sai người vào báo với Kê Khang: “Có sứ thần của Tấn Công đến!”

Kê Khang ngồi chồm hổm trên ván, sai người ra mời vào. Chung Hội thấy Kê Khang khinh thế ngạo vật, kiêu căng, tự phụ, ghét bỏ đi ra.

Kê Khang thấy vậy, lại trêu tức hỏi:

– Nghe thấy gì mà đến, nhìn thấy gì mà đi?

(Hà sở văn nhi lai, hà sở kiến nhi khú?)

Chung Hội vừa đi vừa đáp:

– Nghe lời đồn mà đến, thấy cử chỉ như vậy, mà đi!

(Văn sở văn nhi lai, kiến sở kiến nhi khú!)

Tú đó Chung Hội để tâm thù Kê Khang, sau cùng dệt lời dèm pha, xui Tú Mã Chiêu giết Khang! một cách hết sức thê thảm: chém đầu giữa chợ.

Luc Tam: *Diếu, nǎng thị, bí, nǎng lý, lý hồ vĩ, khiết nhon, hung. Vũ nhon vi vu đại quân.*

六三：眇能視，跛，能履，履虎尾，咥人，凶。武人為于大君。

Tượng viết: *Diếu, nǎng thị, bất túc dī hưu minh dā; bí nǎng lý, bất túc dī dū hành dā; khiết nhon chi hung, vi bất đáng dā; vũ nhon vi vu đại quân! Chí cương dā.*

象曰：眇能視，不足以有明也。跛能履，不足以與行也。咥人之凶，位不當也。
武人為于大君。志剛也。

Trong quẻ, hào Lục Tam là quan trọng nhất.

Lục Tam, hào âm lại ở vị dương, đã bất trung lại bất chánh, lại còn bị 3 hào dương bên trên thượng tiến, nên anh ta cũng muốn bắt chước tam dương mà tiến lên, rất tiếc mình là tài hèn (âm là kẻ không có tài dương cương), đúng là một tên mù mờ mắt lại muốn dòm ngó; còn một tên què mờ chon, lại thích chạy... thì làm sao được như ý muốn. (Chữ “diếu 眇” là kẻ mù một mắt, nên không thấy rõ, chỉ thấy một cách phiến diện mà thôi); chữ “bí 跛” là kẻ què mờ chon, nên mới

nói “diếu, nǎng thi; bí, nǎng lý” (mù một mắt mà muốn nhìn; què một chon, mà muốn đi).

Một kẻ vô tài vô đức, lại muốn bắt chước kẻ có tài có đức cao, đi làm những công việc lớn lao táo bạo, thì chắc là phải lao mình vào chỗ chết, khác nào kẻ vụng về dãm chon lên đuôi cọp (*lý hổ vĩ* 履虎尾 mà bị cọp cắn (Hung triệt!).

Lại nữa, Tam đứng trên nội quái, yếu đuối như một cô thiếu nữ, lại quá táo bạo muối ngồi trên thiên hạ, thì sao khỏi bị xô ngã, khác nào một kẻ vũ phu mong đi làm công việc điều quân khiển tướng như một bậc đại quân công (vũ nhơn vi vu đại quân 武人為于大君。) tức là kẻ “đức tiếu nhi vị trọng” thì tránh sao khỏi tai họa tày trời!

Cửu Tú: Lý hổ vĩ, sóc sóc, chung kiết.

九四：履虎尾，愬愬，終吉。

Tương viết: Sóc sóc chung kiết, chí hành dã.

象曰：愬愬終吉，志行也。

Lục Tam chon dãm lên đuôi cọp bị cọp ăn, còn Cửu Tú cũng dãm lên đuôi cọp, lại được bình an. Là vì Tam, thể âm nhu mà chí lại cường cường, tài chẳng đủ, mà hành động cấp táo, nên mặc phải hung họa; còn Tú, thể dương mà chí âm (dương cư âm vị) là kẻ đã có tài lại biết dùng đến đạo nhu, nên được chung kiết! Âm chế cường nên người biết dè dặt.

Cứ nhìn kỹ 2 hào Tam Tú cũng biết được mọi lẽ biến hóa trong Dịch học: Người quân tử dương cường là bậc dư Tài dư Đức, rất thích hợp với những hoàn cảnh yên lặng, tĩnh mịch; còn kẻ tiếu nhơn yếu chí, thiếu đức

thiếu tài, nên rất ưa những môi trường kích động để “lên gân” mới có thể hành động được chút nào!

Phàm kẻ *bên trong là anh hùng*, thì *bên ngoài rất trầm tĩnh*; kẻ bên trong hèn kém, bên ngoài hay có những cử chỉ lố lăng, náo động và bê bối loạn cuồng. Cứ nhìn cử chỉ bên ngoài mà đánh giá được bên trong, không sai chay! Những đứa trẻ bao giờ cũng thích náo động, vậy mà có những *đứa trẻ thích trầm tư và lăng lẽ, đó là những đứa trẻ phi thường!* Người lớn cũng một thế.

Người quân tử không ưa nhiều bạn và rất kén bạn, kẻ tiểu nhơn thì giao thiệp rất đông người, ngày ngày bè và bạn không ngót tới lui... là bởi bên trong trống rỗng, thiếu thốn nhu cái thùng không! Cứ lấy câu: “*Âm trung hữu Dương cǎn, Dương trung hữu Âm cǎn*” làm tiêu chuẩn để phân biệt kẻ tiểu nhơn với người quân tử! “*biện phân Thượng Hạ*”, như Đại Tượng đã nêu lên. Tiểu nhơn thích tiệc tùng, chè chén; quân tử thích sống một mình với cõi lòng tràn đầy nhựa sống! Tây phương Tâm Lý học về bề sâu cho rằng:

Kẻ có Dương cǎn, là người Nội hướng còn kẻ có Âm cǎn, là người Ngoại hướng. Nội hướng thì thâm trầm, còn ngoại hướng thì nồng nỗi, bốc đồng.

Cửu Ngũ: Quyết lý, trinh, lê
九五：夬履，貞，厲

Tượng: Quyết lý trinh lê, vị chánh đáng dã.
象曰：夬履貞厲，位正當也。

Cửu Ngũ, đáng lê là hào toàn mỹ nhất, là chủ não của toàn quẻ. Đây là “bước đi” vững vàng nhất của thời Lý!

Thế sao Thánh nhơn có lời răn đe: “*dù trung chính cõng coi chùng sē có điều “nguy”*” (*lệ 厲*). Là bởi, ở cương vị chí tôn, chỉ sợ quá cao quý mà dễ sinh ra lòng ngạo nghễ, biến thành một kẻ độc tài chuyên chế?

Ôi! Đến những bậc Quân tử đạo hạnh cao siêu như thế, mà Thánh nhơn còn lo sợ sinh lòng cao ngạo, huống hò như bọn thế nhơn tầm thường của chúng ta. Địa vị mà quá cao là điều kiện rất thuận tiện để nuôi dưỡng và đề cao bản ngã của mình càng thêm cao kiêu! Thật là vô cùng khám phá nhận xét này! Xem lịch sử loài người từ xưa, *những kẻ độc tài và tàn bạo nhất, là những kẻ rất ghét độc tài hơn ai cả!*

Sở dĩ ta ghét kẻ kiêu ngạo, là bởi sự kiêu ngạo của kẻ ấy đã động nặng đến lòng tự kiêu của mình!

“*Phú quý mà không kiêu*”, ít thấy có, nhưng biết đâu sự từ khuốc một lời khen tặng, lại chẳng phải là muốn được khen tặng thêm một lần nữa. Thánh nhơn mà răn đe, quả là một nhận xét đáo đẽ? Chính Khổng Tử cũng khuyến cáo bậc cao quý “*Quân sứ thân dī Lẽ*” (Luận Ngữ, Bát Dật III).

Thượng Cửu: Thị lý khảo tường; kỳ tuyên, nguyên kiết.

上九：視履考祥，其旋，元吉。

Tượng viết: Nguyên kiết tại thượng, đại hữu khánh dã.

象曰：元吉在上，大有慶也。

Hào từ quẻ Lý ở Thượng cửu, cách nhận xét, giống như hào Thượng cửu quẻ Súc (Tiểu Súc trước đây). Theo thông lệ của Dịch, thì mỗi hào từ đều lấy theo bản thân của hào mà luận, chỉ trừ hai hào Thượng cửu của Tiểu Súc và Lý, thì lại lấy theo toàn quẻ mà luận.

Thượng cửu của Tiếu Súc, là quẻ cuối cùng của thời Tiếu Súc, nên Thánh nhơn lo cho đạo của tiểu nhơn quá thịnh, nên mới bảo “*quân tử chinh hung!*”. Còn hào Thượng cửu của quẻ Lý, là đạo của thời Lý đã đến lúc hoàn thành, nên Thánh nhơn mừng cho đạo của quân tử được viên mãn, nên nói “*Kỳ tuyễn, nguyên kiết*” (“*tuyễn*”, là trọn vẹn có đầu đuôi, chung thủy).

*
* *

Phụ chú: Chữ “*Lê*” của thời Lý, là nói chung về *trật tự thiên nhiên*... ngay ở những loài động vật trong một tập đoàn, đều có sự trên dưới, như các loài ong, kiến... đều có quân thần.

Riêng về hạng người “xuất chúng” thì có khác, vì “*xuất chúng*” có nghĩa là *đã thoát khỏi kiếp sống của tập đoàn*, của quần đoàn, họ là người đã được “*tự chủ*”, *nên không còn có ai làm chủ được họ nữa!* như hạng người thuộc loại “*quần long vô thủ*” đã nói trong quẻ Kiền (hào Dụng Cửu).

*
* *

Xã hội loài người còn thấp, phải cần có chữ Lê, nghĩa là cần đến kỷ luật hơn đâu tất cả, như trong xã hội quân nhơn, trong những chế độ của quần đoàn.

Bởi vậy Nho học trọng Lê, vì phải đối phó với xã hội của quần đoàn; còn Lão học hay Thiền học Trung Hoa, là xã hội của các bậc vĩ nhân thoát tục, không thể còn dùng đến Lê giáo quá buộc ràng! Cho nên, Lão Tử mới

bảo “*Lẽ giả, trung tín chi bạc, nhi loạn chi thủ*”, đâu phải để nói với bậc quân tử siêu việt, mà là để cảnh cáo bọn ngụy trí thức hay lạm dụng chữ Lẽ để bắt buộc kẻ khác phục vụ mình một cách vô điều kiện! *Lẽ của thời Lý, là cái cười té nhí (u mặc) của bậc chí nhon*; khác xa với chữ Lẽ, chỉ vụ có bên ngoài, đây giả dối! chứ không tự phát nỗi dạ chí thành “vô ngã” của mình!

11. ĐỊA THIÊN THÁI

地天泰



“Thái giả, thông dã”
泰者，通也。

Thái, là thời “Đương trướng, Âm tiêu”. Dương khí từ dưới bay lên cao; Âm khí từ trên lăng xuống thấp, nên chi Âm Dương gấp gõ nhau. Quέ này, thuộc về mùa Xuân Âm Dương điều hòa, các sự vật đã bắt đầu mạnh nha và phát triển. Nói đến Thái phải nhớ đến quέ Bĩ, tức thời “Âm trướng Dương tiêu”, Âm khí đã bắt đầu lớn dần và đẩy lui Dương khí ra ngoại quái. Còn Thái, là thời của “Quân tử đạo trướng, tiểu nhơn đạo tiêu”. Tháng giêng thuộc quέ Thái.

Thoán từ:

Thái, tiểu vāng, đai lai, kiết hanh.

Tắc thị thiên địa giao nhi vạn vật thông dã.

Thượng hạ giao nhi kỳ chí đồng dã.

Nội Dương nhi ngoại Âm, nội kiện nhi ngoại thuận

Nội quân tử nhi ngoại tiểu nhơn,

Quân tử đạo trướng; tiểu nhơn đạo tiêu dã.

泰，小往，大來，吉亨。
 則是天地交而萬物通也。
 上下交而其志同也。
 內陽而外陰，內健而外順。
 內君子而外小人。
 君子道長，小人道消也。

Thái, là cái nhỏ đi ra, cái lớn trở vào trong, nên mới được tốt và hanh thông. Cái nhỏ đây, là nói về bọn tiểu nhơn bị hất ra ngoài chánh trường, không được trọng dụng; cái lớn nói trên đây là ám chỉ bọn người quân tử được trọng vọng và nắm được quyền. Hay nói một cách khác: trong là dương (quân tử), ngoài là âm (tiểu nhơn), trong thì cường kiện mà ngoài phải biết nhu thuận và tuân lệnh. Như thế, đạo của người quân tử càng ngày càng lớn, thì đạo của bọn tiểu nhơn phải càng ngày càng suy! Đó là thời Thái vậy.

Đó phải là cái đạo trị nước nếu muốn được hanh thông, phải được như vậy; và nói chung, đây cũng là nguyên lý của cả cái đạo tề gia, trị quốc, bình thiên hạ! Người Trên phải biết Nhu thuận, đó là hào Lục Ngũ.

*
* *

Đại Tượng

Thiên Địa Giao: Thái.

*Hậu dĩ tài thành, thiên địa chi đạo, phu tướng; thiên
địa chi nghi, dĩ tá hữu dân.*

大象：天下交，泰。

后以財成，天下之道，輔相，天下之宜，
以左右民。

Thời Thái, là nhớ Âm Dương Trời Đất hậu được khí
Thái hòa!

(Chữ “hậu 后” là ám chỉ bậc Nguyên thủ, người cầm
quyền thiên hạ; “tài thành” là cắt xén cho thành được
Đạo của Trời Đất; “phụ tướng” là *bổ bất túc, bù đắp*
vào chỗ khiếm khuyết cho được tròn đầy (phụ tướng
thiên địa chi nghi).

Bậc Thánh nhon trị nước thời Thái, phải biết lo *tài*
xén chỗ dư, bù đắp chỗ thiếu, như vấn đề giàu nghèo
không nên để cho dân chúng quá thiếu thốn, lấy chỗ
thừa mà bù đắp vào chỗ thiếu.

“Tá hựu dân”, là phải lo giúp đỡ dân; dù có được thiên
thời, địa lợi, cũng còn phải lấy sức người phụ vào, dùng
đến phép “tài thành phụ tướng” cho mọi người giữ được
mức quân bình của sự sống, đừng để có sự thái quá
hay bất cập khiến cho vô số hiện tượng bất công xảy ra
trong xã hội. Hoặc có kẻ quá giàu, quá sướng; hoặc có
kẻ quá nghèo, quá khổ, như thế không được ổn!

*
* *

Dường như Lão Tử cũng đã dùng cả một chương
77, Đ.Đ.K để giảng rộng phần Đại tượng này của quẻ
Thái, bàn về chỗ mà Dịch nói: “*tài thành Thiên Địa*
chi đạo, phụ tướng Thiên Địa chi nghi”. Nói chung
Lão Tử gọi đó là *Thiên đạo*, đạo của Trời Đất! Đạo của
Trời, làm gì?

Thiên chi đạo, kỳ du trương cung dư?

Cao giả úc chi,

Hạ giả cử chi,

Hữu dư giả tổn chi,

Bất túc giả bổ chi.

Thiên chi đạo: Tổn hữu dư, bổ bất túc!

(Chương 77 – Đ.Đ.K)

天知道，其猶張弓與。

高者抑之，下者舉之。

有餘者損之。

不足者補之。

天知道：損有餘，補不足。

(Đạo Trời ư? Khác nào cây cung giuong lên: chỗ cao, thì ép xuống; chỗ thấp thì nâng lên; Có dư, thì bót đi, không đủ thì bù vào. Đạo của Trời là *Bót chỗ dư, Bù chỗ thiếu*).

Tiểu Tượng

Sơ cửu: *Bạc mao nhụt, dĩ kỳ vặng, chinh, kiết.*

初九：拔茅茹，以其彙，征，吉。

Hào Sơ cửu là hào dương cường, lại được cư dương vị, là hạng có tài cường minh, còn ở vị thấp.

Ở vào thời Thái, mà cả 3 hào Dương, có khác nào cả một lũ người quân tử dắt díu nhau cùng lên. Sơ cửu, tuy còn ở địa vị thấp, nhưng lại được hai hào trên cùng lúc tiến lên, có khác nào nhổ một chùm rễ, vừa nhổ một cây mà cả chùm đều được nhổ lên một lượt. Ở thời Thái, mà quân tử cùng nhau kết đoàn thì còn việc gì

mà chẳng làm xong? nên mới nói “chinh, kiết 征, 吉”. (“Mao”, là cỏ tranh).

Cửu Nhị: Bao hoang, dụng băng hà, bát hà di, băng vong, đắc thượng vu trung hành!

九二：包荒，用 馮河，不遐遺，
朋亡，得尚于中行。

*Bao hoang, đắc thượng vu trung hành,
dĩ quang đại dã.*

象曰：包荒，得尚于中行，以光大也。

Thời thái bình, điều cần nhất cho bậc cầm quyền trị nước, là phải có một tấm lòng khoan đại, cởi mở dung chúa được tất cả mọi người cả thiện lẩn ác... Hào Cửu Nhị đây, rất quan trọng trong thời Thái. Đó là hào đắc trung đắc chánh của quẻ Kiền (nội Kiền), tương ứng với hào Cửu Ngũ, tượng một bậc nguyên thủ. Có điều là, Cửu Ngũ là bậc chí tôn nhung thuộc Âm nên tài hoa kém thua Cửu Nhị cương cường hơn. Cửu Ngũ tuy là bậc chí tôn phải biết hạ mình, vì mình thuộc về ngoại quái là quẻ Khôn, cầu bậc hiền tài là Cửu Nhị, và trao hết binh quyền cho Nhị lên làm Tướng Quốc!

Muốn làm tròn nhiệm vụ vô cùng quan trọng ấy, Cửu Nhị phải có đủ 4 đức sau đây, là:

1. *Bao hoang* 包 荒
2. *Dụng băng hà* 用 馮 河
3. *Bát hà vi* 不 遐 遺
4. *Băng vong* 朋 亡

1. “Bao hoang” 包 荒 là gì?

Thời buổi mới bước sang vận Thái, mầm tuy mới đom, mà rác ruồi của thời cũ vẫn chưa sao quét sạch. Nếu gặp phải người độ lượng hẹp hòi, chấp nhất đến đổi trừ ác thái quá, trừ tệ quá cấp, thì dù có hay cho mấy cũng hóa ra dở dang!

Xử vào thời này, người cầm quyền tối cao như Nhị, phải có độ lượng, biết dùng người và dung tha (bất sát hạ mã chi nhơn), nghĩa là có thể bao bọc được tất cả những gì uế tạp, khủ tiểu nhơn, trừ tệ chính bằng một tấm lòng bao dung và nhân hậu. Đó là phép biến thù thành bạn, thuật làm chánh trị cao nhất! Đó là đức “bao hoang” của hàng Tướng Quốc! Trường hợp của Quản Di Ngô (Quản Trọng).

2. Dụng bằng hà 用 活 là sao?

Từ xưa, thường kẻ có độ lượng rộng rãi thường hay mắc phải cái tệ bệnh là hay có tánh bất nhẫn và do dự! Tha không tha, mà giết cũng không giết! lại thành yếu đuối mà hư việc.

“Ngày xưa, Trịnh Tử Sản lâm bệnh nặng, bảo con là Thái Thúc: Ta chết, con sẽ lên nắm chánh quyền. Nên nhớ: chỉ có những kẻ có đức lớn, mới có thể dùng khoan nhu mà phục lòng dân, còn thì không gì hay bằng dùng chánh sách cứng rắn và mạnh! Như lửa đỏ, ai mà chẳng sợ, nên ít có kẻ chết vì lửa; còn nước thì mềm yếu hiền lành, dân ưa đùa giỡn mà dễ gắp tai ương! Chánh sách khoan nhu hay thật, nhưng rất khó thi hành!

Tử Sản chết. Con lên nối nghiệp, không nỡ dùng đến cương đạo. Giặc cuớp nổi dậy khắp nơi, giết người ở

Hoàn bồ! Thái Thúc hối hận ăn năn, nói: “Nếu ta biết nghe lời cha, thì đâu đến nước này!” Bèn đem quân tiểu trừ trộm cướp. Giết sạch bọn cướp, trộm cướp hết liền!

Gặp việc phải quyết đoán, thì phải dám quyết đoán, phải dám làm cái việc như người “trần minh lội qua sông, chẳng biết khiếp sợ”! Đó là “dụng bằng hà” 用馮河.

3. “Bất hà vi” 不遐遺 là gì?

Những con người độ lượng khoan hồng lại cũng thường bị cái tệ bịnh này, là hay nhìn cái lớn mà xem thường cái nhỏ! lại cho là tiểu tiết, nhỏ mọn! Chiếc thuyền to mà chìm, thường do những lỗ mọt nhỏ mà ta không lo để ý sửa liền đi! Người ta thường nói về Hoàng đế Nã Phá Luân đệ nhất, khi cầm quân không một sơ sót nhỏ nào mà ông không thấy! mà ông bỏ qua! Khi duyệt binh, thoảng qua là ông đã thấy rõ anh lính nào cài nút không kỹ. Muru sự rất cẩn mật, kế hoạch rất tinh tường mới có đủ tư cách làm Đại Tướng hay Tướng Quốc!

4. Bằng vong 脚亡 là gì?

Cầm quyền tối cao, tuy nhân hậu và rộng lượng đến đâu, cần phải sợ cái họa bè đảng, dù bè đảng của mình là cả một lũ người đồng chí hướng và trung thành!

Cầm quyền tối cao cần *phải biết quên chố thân*, để giữ gìn cho chắc chắn: “quân pháp bất vị thân”.

“Quân tử quần nhi bất đảng” người Quân tử tuy họp nhau thành bầy, mà chẳng bao giờ nghĩ đến việc riêng tư, bè đảng... Điểm rất quan trọng cần lưu tâm để ý.

Được cả 4 điều nói trên rồi, vậy mà Thánh nhân vẫn còn lo. Lo gì?

Lo cho “bao hoang” mà thái quá, thường lại biến thành phù phiếm hồn tạp! Lo cho “dụng bằng hè” mà thái quá, dễ biến thành táo cắp vọng động. Lo cho “bất hè vi” mà thái quá, thường khiến cho có tánh rù rò, chậm chạp, tản漫, tỉ mỉ mà hỏng cả việc to. Lo cho “bằng vong” mà thái quá, cũng dễ “thất quần cô lập” chả còn ai muốn giao tiếp với mình nữa, ngay với kẻ chí thân.

Thánh nhân “bao hoang” mà cũng phải biết lọc lừa kén chọn, chứ không phải chấp nhận một cách xô bồ! “dụng bằng hè” nhưng không phải không suy nghĩ kỹ càng trước; “bất hè vi” nhưng không phải đi làm những chuyện bâng quơ không thiết thực; “bằng vong” mà vẫn cũng thân với kẻ hiền tài, xa lánh những người gian xảo! Có được như thế, mới không mất đạo Trung.

*
* *

Ôi! Tại sao Cửu Nhị và Cửu Ngũ tương giao tương ứng như thế... thì việc làm còn gì khó, mà hào từ lầm lời răn đe, nói đi nhắc lại mãi? Là bởi họa thường nüp trong cái phúc, kẻ lãnh trách nhiệm quá to, cần phải luôn luôn tâm niệm để đừng bị phải cái họa bất ngờ!

Cửu Tam:
a / – Vô bình bất bí[1]

1. = bí = sụp xuống, “bình” là bằng phẳng.

- *Vô vāng băt phuc*
 - *Gian trinh vō cựu*
 - *Vật tuất kỳ phù*
 - *Vu thực hưu phúc*
- 無 平 不 陂。
無 往 不 復。
艱 貞 無 答。
勿 恤 其 孚。
于 食 有 福。

b / – Vô vāng băt phuc, thiên địa tế dã.
無 往 不 復， 天 地 際 也。

Hào Cửu Tam là hào Dương trong bầy Dương, tuy
bất đắc trung, vẫn ở trong vận Thái, đó là một bậc đàn
anh trong đám người quân tử, đóng vai một bậc lão
thành; chẳng cần lo có lỗi (vô cựu). Nhưng dương khí
đã lên đến hào ba quẻ Kiền, là dương cực thịnh e phải
qua đoạn suy vong sắp đến!

Thánh nhân tác Dịch, có lời răn: đường đời thẳng rẳng
chẳng lẽ thẳng rẳng mãi mà chẳng bao giờ bị nghiêng
đổ hay sao (vô bình bất bí), vận nước cứ lên mãi mà
chẳng bao giờ sụt xuống hay sao? (vô vāng băt phuc).

Xứ vào địa vị của hào Cửu Tam, phải để tâm phòng
cảnh gian nan mới không có điều hối lỗi (gian trinh
vô cựu), không có gì phải lo đến họa hoạn (vật tuất).
Đã chẳng những không lo đến họa hoạn lại còn được
hưởng phúc nữa là khác!

Nếu ở hào Cửu Nhị mà lên tới Cửu Tam thì người
quân tử có quyền an hưởng tuổi già không còn phải lo
sợ gì nữa (vật tuất kỳ phù, vu thực hữu phúc).

Hẽ có “bình” ắt có “bí”; có “vãng” ắt có “phục”, *thiên vạn là thế*, lẽ tự nhiên là thế! Không có sự đi ra nào mà chẳng có sự trở về (như cái dòng đưa lắc qua lắc lại mãi không bao giờ ngưng), đó là sự giao tế của Âm Dương Trời Đất (thiên địa tế dã).

*
* *

Học Dịch, có hai chủ trương: chủ trương của Nho Mặc, và chủ trương của Lão Trang.

Người gọi là “đạt lý đạt tình”, tinh thâm Dịch lý phải cố gắng làm sao cho có “bình” mà không có “bí”, có “vãng” mà không có “phục”, tất phải biết lo ngăn ngừa trước, ngay đang hướng cảnh thanh bình, ngay lúc mình khi còn đang ở trong thời “vãng”. Ý Thánh nhơn của phe chủ trương này, là khéo kéo dài cảnh thanh bình được chừng nào hay chừng nấy, bằng ý chí cương quyết của mình: “có Trời mà cũng có Ta”! Đó là theo nhóm Nho Mặc! “cho hay nhơn định thắng thiên cũng thường”! và “tri kỷ bất khả nhi vi chi” – tức là đè cao “nhơn vi”.

Nhưng, đạo Trời bao giờ cũng “vô bình bất bí, vô vãng bất phục”! Hẽ Âm xuống là để mà trở lên, Dương lên để mà trở xuống! Hẽ có đi ra, thì phải có trở về, làm gì có việc ở mãi một chỗ mà không bao giờ động biến? Làm gì trẻ mãi mà không già; già mãi mà không chết? Lê Trời là vậy, sao khá cương cầu! Bởi vậy, hãy để lòng thán nhiên cùng tạo vật xoay vần. Sinh Tử, Nhục Vinh, Nên Hư, Đắc Thất, Thiện Ác, Phải Quấy không còn có nghĩa lý gì để bận tâm suy nghĩ: “đạt nhơn tiền bất khả ngôn Mạng!”. Phàm đã có Quân tử thì phải

có Tiếu nhơn, cũng như có Dương thì phải có Âm như trong các quẻ, có quẻ nào thuần Dương hay thuần Âm, quẻ Thái và quẻ Bĩ nói rõ lên điều ấy. Ngay ở 2 quẻ Thuần Kiền hay Thuần Khôn, có bao giờ thực sự là Thuần chǎng? “Âm trung hỮU Dương, Dương trung hỮU Âm”.

Thiên Lý là vậy![1], tự nhiên phải vậy.

Lục Tứ: *Phiên phiên, bất phú dĩ kỳ lân, bất giới dĩ phu.*

六四：翩翩，不富以其鄰，不戒以孚。

Phiên phiên bất phú, gai thất thực dã

翩翩不富，皆失實也。

Bất giới dĩ phu, trung tâm nguyện dã.

不戒以孚，中心原也。

Một âm len lỏi vào hàng quân tử, nó đã bắt đầu đi xuống... Bên trên 2 hào âm cũng đun đầy cho đi xuống thêm mạnh hơn, khiến cho Tứ cùng cả bầy âm vùn vụt bay xuống vực sâu của lòng ti tiện, hiềm ác, dọn đường đi qua thời Bĩ!

Nhưng, dù sao, bọn họ vẫn còn ở trong thời Thái, đành phải nhuộm bộ cho bọn người quân tử đang lên, mà bước lắn ra ngoài... Dù sao, bọn tiếu nhơn có bao

1. Chính Khổng Tử chủ trương “Nhơn vi”, vậy mà có lúc, lại nói: “Ta có muốn nói gì đâu? Trời cũng có nói gì đâu? Mà bốn mùa vẫn xoay tự nhiên, trăm vật vẫn sinh sôi tự nhiên! Ta có muốn nói gì đâu? 余欲無言。天何言哉。四時行焉。百物生焉。天何言哉。Dư dục vô ngôn! Thiên hà ngôn tai, tứ thời hành yên, bách vật sinh yên! Thiên hà ngôn tai!”

Phải chăng đây là ngôn ngữ của nhóm Lão Trang? theo thuyết Tự nhiên?

giờ chịu an phận! tánh khí họ là như thế! Nếu biết an phận thì ra họ là người quân tử rồi sao? Thấy thời của Thái đã quá nửa rồi, họ kết bè với nhau để len lỏi vào trong nội bộ để lấn áp người quân tử!

“Phiên phiên” là kết bầy mà bay cho mau, thành ra chỉ là một bầy người “bất phú”, nghĩa là nghèo nàn, khát vọng, thiếu thốn luôn luôn. Liên kết nhau thành một bọn tiểu nhơn, ai ai cũng đều đã tin nhau rồi (bất giới, dĩ phu). Theo thông lệ của Dịch, thì hào Dương là có dư (phú), hào Âm là bất túc (bần hay bất phú). Cả 3 hào âm, là cả một bầy “bất phú”! Mà hễ “bần cùng sinh đạo tặc, còn phú quý sinh lẽ nghĩa” là lẽ dĩ nhiên như vậy! Chữ “phú quý” hay “bần cùng” nói đây không hẳn là nói về tiền bạc, mà nói chung cả tinh thần bất túc hay hữu dư về đạo đức! Có kẻ thật nghèo tiền nghèo bạc mà không tham; có kẻ rất giàu tiền giàu bạc lại hết sức gian tham, một thứ gian tham không đáy! nhà Phật gọi bọn đó là bọn người “ngã quỉ” (quỉ đói) “bất phú, thất thực” (không giàu, thiếu ăn).

Người quân tử mà gặp hào này “động”, cần phải cảnh giác: hãy coi chừng bọn tiểu nhơn sắp hợp nhau mà làm những điều càn dở! Hãy cẩn thận dòm ngó kỹ chung quanh.

Lục Ngũ: Đế ất qui muội, dĩ chi, nguyên kiết.

六五：帝乙歸妹，以祉，元吉。

Tượng viết: Dĩ chi nguyên kiết,
trung dĩ hành nguyên dã.

象曰：以祉元吉，中以行愿也。

Ngũ, là ngôi chí tôn, âm nhu lại đắc trung, lại ở vào

thời Thái, bên dưới có nhiều bậc hiền tài cương minh tài đức là Cửu Nhị được Ngũ chính ứng và giao hết quyền trị nước.

Ở ngôi chí tôn mà quên hết địa vị tôn quý của mình, trăm việc đều toàn nhờ một tay Cửu Nhị thì có khác nào bà Quận chúa em vua Đế Át hạ mình lấy một kẻ thường dân (Đế Át qui muội).

Kẻ ở trên mà dám hạ mình “khuất kỹ hạ hiền” như vua Nghiêu hạ mình tìm ông Thuấn để truyền ngôi, chắc chắn sẽ được kết quả tốt.

Hào Lục Ngũ sở dĩ được “dĩ chỉ nguyên kiết” là nhờ nhu trung ở Ngũ hào lại gặp được cương trung ở Nhị hào, thảy đều hợp theo chí nguyên của nhau, cho nên thực sự, đâu có bên nào bị ép mình hay miễn cưỡng gì cả!

Vua Đế Át nhà Thương có ra lệnh khi gả em mình cho thường dân: dù là hàng Công chúa hay Quận chúa mà lấy chồng thường dân phải biết quên địa vị tôn quý của mình mà thờ chồng như bất cứ hạng thường dân nào. Có vậy, mới có được hạnh phúc!

Rõ người xưa uyên thâm và tâm lý biết là chừng nào!

Thượng lục: Thành phục vu hoàng, vật dụng sư, tự ấp,
cáo mạng, trinh, lẩn.

上六：城復于隍，勿用師，
自邑，告命，貞吝。

Tượng viết: Thành phục vu hoàng, vật dụng sư, kỳ
mạng loạn dã.

象曰：城復于隍，勿其命，其命亂也。

“*Thành phục vu hoàng*” là thành quách sắp đổ nát và rơi xuống hố sâu. Đây, là muốn nói đến một kẻ tiểu

nhơn được đặt vào địa vị một kẻ tối cao, đó là sắp đi vào “thời loạn” của quẻ Bī, sắp chìm vào hố sâu không đáy!

Sự biến chuyển đã được tiên báo ngay ở hào Lục Tứ rồi. Móc đất để đắp thành cho cao, thành đổ lại rơi vào hào vũng đã được móc đất ấy!

Quẻ Thái mà đi đến hào Thượng mà cũng là hào thượng của ngoại Khôn, đó là đã đến thời chung kết của thời Thái rồi: thịnh cực loạn sinh hay trị cực loạn sinh! Thượng lục là hào Âm lại cầm đầu bọn tiểu nhọn, thì chính hắn là tay phản động số một rồi còn gì!

Thánh nhơn thấy vậy, mới có lời than: “*Thành phục vu hoàng*” (thành trì đã đổ nát thành tro bụi rồi!)

Cuộc diện xã hội đã mục nát rồi, thì tự nó phải đổ, cần gì phải dùng đến quân binh vũ lực. Mục nát từ trên xuống dưới; mục nát từ dưới lên trên, nghĩa là từ thượng từng cơ sở đến hạ từng cơ sở đều đã mục nát, rõ ràng “đại thắng” thành “đại bại”, cực vượng đến suy vong! Đừng nghĩ đến việc dụng binh dẹp loạn gì nữa cho tốn công vô ích thêm khổ cho nhân dân! Đến như hạng cầm quân khiển tướng mà cũng mục nát cả rồi, thì còn nghĩ gì đến quân nhu? “*Vật dụng sự, tự áp cáo mạng*”. Loạn đã đến rồi, thì còn ai tuân theo mệnh lệnh? “*Thành phục vu hoàng, kỳ mạng loạn dã!*”

*
* *

Ôi! *Thái vừa đến phần cuối, sao mà chuyển qua Bī* một cách cấp bách đột ngột như thế? *Làm cho nên,* tốn công tốn sức vô số kẻ, vậy mà *làm hư chỉ trong nháy mắt, trong một sớm một chiều!* Thật là đáng kinh khủng quá, cho cái luật *nên hư, thành bại* của cuộc đời!

Nên để ý: *Đọc Thái và Bĩ, cần đọc tiếp Tùy và Cổ* (vì Thái và Bĩ là nói về cái Thể; còn Tùy và Cổ, là cái Dụng của Thái và Bĩ).

12. THIÊN ĐỊA BĨ

天下否



“Bĩ giả, bế dã”
否者，閉也。

Quẻ Bĩ, là nghịch hẳn quẻ Thái: Thái, là thông; *Bĩ, là bế tắc!* Quẻ Bĩ thuộc về *khoảng đầu Thu* (*tháng bay*): Khí Trời, thanh thiên, tính nó là thăng (bay lên cao); còn Khí Đất, trọng trược, tính nó là trầm xuống: Hai lực sinh thành vũ trụ vạn vật cách biệt nhau: *Thu, là mùa mà khí Dương bắt đầu rút sâu vào lòng đất; tức là mùa lá rụng! Tháng Bay.*

Thái, là thanh bình;

Bĩ, là ly loạn.

Thoán từ:

*Bĩ chi phi nhon
Bắt lợi quân tử trinh
Đại vāng, Tiểu lai*

*Tắc Thiên Địa bắt giao, như vạn vật bắt thông
dã. Thượng hạ bắt giao nhi thiên hạ vô bang dã*

Nội Âm nhi ngoại Dương; nội Nhu chi ngoại Cương

Nội Tiểu nhọn nhi ngoại Quân tử.

Tiểu nhọn đạo trưởng

Quân tử đạo tiêu.

否之匪人。不利君子貞。大往小來。
則天地不交而萬物不通也上下不交而天下無邦也。

內隱而外陽。內柔而外剛。內小人而外君子。小人道長。君子道消也。

Bī, không phải nói về người, mà nói về thời, không lợi cho người quân tử; cái lớn đi ra, cái nhỏ vào trong; bởi Trời Đất Âm Dương không giao tế với nhau mà vạn vật không thông với nhau. Trong là Âm, ngoài là Dương; trong là Nhu, ngoài là Cương, trong là Tiểu nhọn, ngoài là Quân tử. Đạo của Tiểu nhọn lún lên; còn đạo của Quân tử mòn lẩn.

Thời Bī, là chu kỳ đại hóa của Trời Đất đã chuyển qua mùa Thu và đi vào mùa Đông (tương là thời Sắt và Thép; cũng như thời của quẻ Thái là thời của Kim và Ngân (Vàng và Bạc) thuộc về mùa Xuân và mùa Hạ vũ trụ (Xem Chu Dịch Huyền Giải).

Thời Bī, thì Người cũng bị ánh hưởng của thiên vận mà trớn nên Bī: thiên nhọn tương hợp, thiên nhọn tương dữ. Bởi vậy, tâm tư của người thời Bī phần Thiên Lý đã từ trong mà ra ngoài, còn phần thú tính lại trở vào trong: “nội Âm nhi ngoại Dương; nội tiểu nhọn như ngoại quân tử”. Đó là hiện tượng của một con người tiểu nhọn “khẩu Phật, tâm xà”, đầy tràn thú tánh. Đời này, gần như đại đa số là tiểu nhân hiềm ác, là những

hạng giả nhân giả nghĩa, miệng nói toàn là đạo nghĩa mà tâm tư là một con dã thú vô cùng độc ác.

Trong nội bộ của bất cứ cơ quan nào, xã hội, tôn giáo (trong bất cứ ngành hoạt động nào) đều toàn là Tiểu nhơn, còn người Quân tử bắt buộc phải bước ra ngoài... nên gọi là thời mà đạo của tiểu nhơn càng ngày càng lớn (tiểu nhơn đạo trưởng), còn đạo của người quân tử thì càng ngày càng mòn (quân tử đạo tiêu).

Thoán từ trong toàn cả bộ Kinh Dịch, chỉ có đây là xấu nhất!

Khi trong một nước, mà tiểu nhơn nắm chánh quyền, thì người quân tử bị hất ra khỏi ngoài xã hội: thời điêu linh nhất cho bọn người quân tử không còn đất để dụng võ! Đó là *trường hợp qué Lữ, bỏ nước mà ra đi! may ra mới được an thân.*

“*Thiên Địa bất giao nhi thiên hạ vô bang dã*”. Thời Bĩ, thiên hạ không đâu còn một bang quốc cả. Nghĩa là gì? Gọi là Nước (bang) sao chỉ có một hạng tiểu nhơn hoành hành, đặt ra luật pháp, không còn chỗ nào cho đám người quân tử có chỗ sống! “Sống” đây, là sống bằng tinh thần, mà tinh thần đây, là tinh thần của một con người TỰ DO. Quân tử thì lòng rộng như Biển Trời bao la man mác dung được tất cả mọi người, cho nên Quân tử và Tiểu nhơn có thể sống chung trong hòa bình an lạc; chứ trong xã hội mà tiểu nhân cầm quyền sinh sát cầm hẵn việc sinh hoạt tinh thần tự do, thì những con chim trời cá nước kia phải bị bắt buộc ra đi hoặc *ra đi tạm thời, hoặc ra đi vĩnh viễn...* cho nên mới nói: “*thượng hạ bất giao, nhi thiên hạ vô bang*”.

Đại Tượng

Thiên Địa bất giao: Bī.

Quân tử dĩ kiệm đức tị nạn, bất khả vinh dĩ lộc.

大象：天下不交：否。

君子以儉德避難，不可榮以祿。

Trời Đất không giao, là tượng quẻ Bī.

Người quân tử noi theo đó mà phải biết đem *giấu đi cái “đức” của mình*, biết *bọc lại cái ánh sáng của mình*, *chớ cho nó chói sáng quá*, để “*tránh nạn*”, nhất thiết *bất cứ “lộc vị” gì của người bây giờ (thời Bī) ban tặng, tuyệt đối không nên lấy, không nên nhận!* Đó là ý nghĩa của câu “*bất khả vinh dĩ lộc*” (chẳng nên xem “lộc” gì của họ “ban” là vinh dự, chứ đừng nói là đi cầu vinh bằng cách nhận lãnh tước lộc của họ ban!)

Thời quẻ Bī đã khởi lâu rồi, ngay hồi thời Chiến Quốc... đến nay là đến gần thời cuối cùng của quẻ Bī.

Thời Bī, người quân tử phải biết lo trước: việc lấy “*ẩn đức mà tị nạn*” là phương châm đầu tiên để tránh nạn, như Trang Tử đã nói:

“Uy Vương nước Sở nghe nói Trang Châu là người hiền tài trong thiên hạ, sai sứ đem hậu lẽ đón, muốn mời ra làm Tướng Quốc! Trang Châu cười bảo với sứ giả: Cái lợi của nghìn vàng quả trọng thật, cái địa vị Khanh tướng quả cũng quý thật. Nhưng riêng ông chả thấy con bò tế hay sao? Được người ta săn sóc, được mặc đồ trang sức văn vẻ để đưa vào Thái miếu làm con vật hi sinh. Lúc ấy, dù có muốn được làm một con lợn còi, há còn được nữa hay không? Ông hãy đi về đi, chớ có đến mà làm nhục ta. *Thà ta dong Choi ở chốn bùn*

lầy nước đọng còn thấy tự do sung sướng hơn là để cho kẻ làm chủ một nước kia trói buộc được ta... ”. (Sử Ký, Tư Mã Thiên, mục Lão Trang Thân Hàn Liệt truyện).

Đó, phải chăng là đã làm như lời Đại tượng quẻ Bỉ đã khuyên: “*Bĩ, quân tử dĩ kiêm đức tị nạn, bất khả vinh dĩ lộc*”. *Tước lộc của những con người thời Bĩ ban cho, toàn là của bọn tiểu nhân đắc thế, nên bậc quân tử không bao giờ dám nhận!* Ở quê Cổ, nơi hào Thượng Cửu có câu: “*Bất sự vương hầu, cao thượng kỳ sự*”. Nên biết: Thời Bĩ như thời Cổ, vì Cổ là thời “*đại băng hoại*”, thời “*đại loạn*”! nên có khác hơn Bĩ... cuộc ly loạn đang bắt đầu... thế đạo nguy khốn thập phần, người quân tử muôn tạm sống mà tồn sinh, chỉ còn có một con đường “*qui ẩn*”, đó là đạo “*minh triết bảo thân*” của Trương Lương Phạm Lãi lỡ nhúng tay vào thế cuộc, nên “*công thành thân thối*” một cách lẽ làng! Thượng từ của 2 quẻ Bĩ và Cổ tuy khác nhau mà đạo lý vẫn dung thông.

Tóm lại, Đại Tượng có ý nhắn nhủ ta:

Thời Bĩ, tiểu nhân đắc thế, cầm hết quyền hành sinh sát, người quân tử có đủ Tài Đức phải biết thu mình vào bên trong con người của mình, kiên nhẫn làm việc trong bóng tối để chờ đợi thời hanh thông sắp đến (vì Bĩ cực Thái lai), trước là để tị nạn khỏi bị khốn đốn do bọn tiểu nhơn không ưa luôn luôn dòm ngó, cho dù là kẻ “*thông minh due trí*” phải biết “*thủ chi dĩ ngu*”, dù là kẻ “*dũng lực chấn thế*” cũng phải biết “*thủ chi dĩ khiếp*”! nhất là phải biết từ chối tất cả danh vọng tước lộc của bọn tiểu nhơn đắc thế dù dỗ mình!

Richard Wilhem, bàn về Đại Tượng quê Bỉ, viết: “*Lorsque la défiance mutuelle règne dans la vie publique par suite de l'influence exercée par les hommes vulgaires, une activité fructueuse est impossible parce que les bases sont erronées.*

C'est pourquoi, l'homme noble sait ce qu'il a à faire en de telles circonstances. *Il ne se laisse pas séduire par des propositions brillantes l'invitant à participer aux affaires publiques:* celles-ci ne seraient que périlleuses pour lui car *il ne peut faire sienne la mesquinerie des autres.* C'est pourquoi il *cache son mérite et se retire dans le secret.*

Người chân chánh quân tử, ở thời Bỉ, không thể làm gì được, vì *không thể chấp nhận những ý thức của kẻ tiểu nhân*, nên phải “ẩn đức” (cacher son mérite) và *lui vào bóng tối, không để cho chúng thấy được cái tài hiền của mình “kỳ bất dục kiến hiền”* chứ đừng nói là đi kề tài đức của mình để xin xỏ chút ân huệ cho mình và than trách sao họ không nhận thấy cái tài của mình và bỏ rơi mình!

Câu chuyện *Sào Phủ Húa Do*, một phần nào đã diễn tả cái nghĩa rất thâm sâu của câu “*kỳ bất dục kiến hiền*” (không để ai thấy được tài hiền của mình)!

“Húa Do rửa tai, vì không thích nghe lời của Vua Nghiêng cầu ông ra cầm quyền thiên hạ! dĩ nhiên là phải theo truyền thống của Vua Nghiêng...

Sào Phủ cười bảo: “*Anh đã làm gì đến Vua Nghiêng biết anh là người hiền trong thiên hạ để đón anh ra làm Vua?*”

Bậc cao sĩ trong thiên hạ mà xưa nay, ai cũng biết

tiếng, vậy mà còn bị Sào Phủ chê là *chưa biết “làm cho thiên hạ quên mình”!* lại còn để cho *thiên hạ “biết được cái tài hiền của mình”* đồn đến tai Vua.

*
* *

Lý do từ khước của các bậc cao sĩ ngày xưa đối với “tước lộc” của bọn tiểu nhơn ban tặng, còn có cái nghĩa rất tầm thường sau đây, là *dù muốn dù không, “ân phải đèn, nghĩa phải trả”*. Cho nên *thọ ân ai, phải xem xét thật kỹ, mình có thể trả ơn người ta chẳng, và người ấy có đáng là ân nhân của mình chẳng?* Cho nên giữa người “ban quà” và người “thọ quà”, kẻ “thọ quà” chính là người ân của kẻ “tặng quà”! Bị từ chối, là một cái nhục... cho nên thói thường, hễ vừa thọ quà là đã lật đật mang quà khác đem tặng lại, để khỏi phải mang ơn! một hình thức của sự “bội ân”! trắng trợn, không hay! Đó là làm nhục người!

“Liệt Tử nghèo lǎm, có khi đói khát là khác. Có kẻ nói về Trịnh Tử Vương: Liệt Tử là một bậc hiền, nay lại ở tại nước ta mà phải cảnh bần cùng, chẳng hóa ra Nhà Vua không biết quý trọng bậc hiền tài ư?”

Tử Dương nghe nói, sai sứ giả tặng cho Liệt Tử mười xe thóc.

Liệt Tử ra yết kiến sứ giả, vái hai vái, xin từ, không nhận.

Sứ giả đi.

Liệt Tử vào nhà trong. Vợ ngóng trông, bức túc, tự đập vào ngực mà nói:

– Thiếp nghe vợ con những bức đạo đức tài cao đều

được an nhàn vui vẻ; nay vợ con tiên sinh túng đói, Vua đưa cho tiên sinh thóc gạo, tiên sinh lại từ, thế là nghĩa làm sao?

Liệt Tử cười, bảo:

– Vua biết ta, đâu phải tự chính Vua biết mà do nghe có người nói mới biết! Nghe người nói mới biết mà cho thóc, thì *lúc ta ở trong vòng cương tỏa* lại muốn bắt tội ta, tất cũng lại nghe người nói mà thôi. Vì thế mà ta không nhận. Đó là một lẽ, còn một lẽ khác quan trọng hơn nhiều, là phàm đã chịu bỗng lộc của người, thì người mắc nạn ta phải liều chết mà cứu họ, nếu không chả là phuờng bất nghĩa hay sao? nhút là phải chết và liều thân cho bọn người bất nhân bất nghĩa và vô đạo như bọn Vua Chúa, thì lại còn nghĩa lý gì nữa chứ! *Bán cả thân mạng ta bằng mấy xe thóc thừa ấy à?*

Quả *Tử Dương* về sau bị người giết chết.”

(Trích trong *Liệt Tử Xung Hu Kinh*)

*
* *

Tiểu Tượng

Sơ Lục: Bạt mao nhự, dī kỳ vị, trinh kiết hanh.

初六：拔茅茹，以其彙，貞吉亨。

Tượng viết: Bạt mao trinh kiết, chí tại quân dã.

象曰：拔茅貞吉，志在君也。

Nhỏ cỏ mao, nhỏ một gốc mà lại kéo theo cả nhóm khác chung quanh, vì rễ nó dính chùm nhau. Có khác

nào hào Sơ lục là tiểu nhơn, ăn chịu với các hào lục khác như chùm cỏ mao cùng một bầy kéo nhau lên tấn công để hiếp bọn người quân tử: thế đạo bấy giờ thật lâm nguy...

Với câu “trinh, kiết, hanh” nếu Sơ muốn được thành công trong sự nghiệp, là muốn khuyên Sơ (cũng như tất cả mọi người trong bọn) biết cúc cung tận tụy bắt tay với người quân tử bên kia (như Sơ ứng với Tứ, Tứ là người quân tử) thì sẽ được tốt (kiết) sẽ thành sự nghiệp và được hanh thông.

Khó, là bởi mình đang đứng chung với bầy tiểu nhơn mà muốn tách ra khỏi bầy để cùng tiếp tay với người quân tử thì bầy lũ có bằng lòng để cho làm không? Thế nào cũng có sự cản trở.

Cho nên hào từ khuyên Sơ lục: cố mà nhẫn nại và kiên trì giữ một lòng trinh chánh mà theo người quân tử, thì cũng có thể sẽ trở nên quân tử “chí tại quân tử”, thì được “tốt”. Sơ lục chỉ là hào đầu, cái Ác của Lục chưa hiện lên rõ ràng, còn sửa đổi được!

*
* *

Lục Nhị: Bao thừa, tiểu nhơn, kiết, đại nhơn bī hanh.

六二：包承，小人，吉，大人否亨。

Tượng viết: Đại nhơn bī hanh, bất loạn quần dā.

象曰：大人否亨，不亂群也。

Đối với người quân tử, cảnh ngộ ở thời Bī, bao giờ cũng khốn đốn. Vậy, tại sao lại còn nói: “Bī hanh?”

Là bởi, người quân tử ở thời này, thế lực của kẻ đứng ngoài làm sao tranh nổi với bè đảng tiểu nhân đang cầm quyền sinh sát, nhưng cái đạo của người quân tử nên giữ cho được luôn luôn chói sáng, và luôn luôn không bao giờ giống với bọn tiểu nhơn.

Lục Nhị tuy là tiểu nhơn ở trong thời Bī, nhưng vì bản thân lại *cư trung đắc chánh*, hẳn là một tay *hào kiệt trong bọn tiểu nhơn*. Đáng của nó là tiểu nhơn, nhưng nó lại chẳng muốn làm mất lòng người quân tử, nó khéo che chở bảo bọc cả 3 hào Dương trên bị hất ra ngoài (bao thừa), cho nên tuy đứng cùng bầy tiểu nhân, mình vẫn là đắc trung đắc chánh, nên không còn phải là tiểu nhơn, có thể gọi *đại nhơn của thời Bī* vậy.

Chữ “Đại nhơn” trên đây, là ám chỉ người có đức lớn, không chịu sống “hỗn tạp” với bầy tiểu nhân, lại còn “bao thừa” những người bị hất ra ngoài tập đoàn đang cầm quyền ở nội quái! Nếu biết tiếp ứng với hào Cửu Ngũ đắc trung đắc chánh bên ngoài.

Lục Tam: Lục Tam Bao tu

六 三：包羞。

“Bao tu vị bất đáng dā”

包羞，位不當也。

Hào Lục Tam, là tiểu nhơn trên các tiểu nhơn, và nó là *đầu đảng của bọn tiểu nhơn*, tâm địa rất thâm độc, luôn luôn rình rập hại người quân tử.

“Bao tu” là bao quát cả mọi sự xấu xa đáng xấu hổ.

Người như thế đâu xứng đáng làm kẻ cầm đầu, kẻ dẫn đạo, người làm vua chúa thiên hạ (*vị bất đáng*).

Như ta đã thấy ở hào Sơ, thì tiểu nhơn mới sinh ra,

còn non yếu, còn có thể mong nó hóa ra người quân tử; qua thời thứ hai (lục nhị) thì mong nó bao che được người quân tử...

– Qua thừa thứ ba, thì sự ghét người quân tử đã lên đến cực độ rồi!

Cửu Tứ: Hữu mạng, vô cựu, trù ly chi,
九四：有命，無咎，疇離祉。

Tượng viết: Hữu mạng vô cựu, chí hành dã.
象曰：有命，無咎，志行也。

Đến hào Tứ, thì Bī đã sắp chuyển rồi! Đến hào Tứ, người quân tử đã đến cái thể của quẻ Kiền, đó là người quân tử sống trong thời Bī.

Nhưng Bī đã qua quá nửa, đến đây là đến thời cơ tốt cho người quân tử có thể xoay thời thế để vượt khỏi vận Bī, nên Thánh nhơn mừng cho Tứ “hữu Mạng”.

Thánh nhân mừng vì thời cơ đã đến. Ở trên Tứ có 2 hào Dương, là đảng quân tử của mình, vậy hãy lo việc tiến hành cái đạo của người quân tử cho đúng thời... nên gọi là “chí hành dã 志 行 也”.

Cửu Ngũ: Hưu Bī, đai nhơn kiết, kỳ vong;
Kỳ vong, hé vu bao tang.
九五：休否，大人吉，其亡。
其亡，繫于苞桑。

Đến thời này, thời Bī sắp tan và chấm dứt (*hưu*, ngưng lại). Người quân tử đang chờ đợi, vậy đừng để lỡ cơ hội tốt này, nên cột chặt nó lại như buộc lại bằng chùm rẽ dâu (*hé vu bao tang*).

Cửu Ngũ có đức dương cương, đắc trung đắc chánh, lại đến lúc thời Bī sắp ngưng (*hưu Bī*) thì bậc đại nhơn (ám chỉ hào Ngũ) tốt (*đại nhơn kiết* 大人吉).

Theo hoàn cảnh, tuy sắp hết Bī qua Thái (Bī hưu) nhưng vẫn còn nằm trong vận Bī. Cho nên, tuy có tài có đức, mà đừng vội mừng! vì phải nghĩ một cách sâu xa hơn, phải biết phòng ưu, lụ hoạn tự răn mình: Coi chừng, thấy đó biết đau mất đó... (Kỳ vong, kỳ vong 其亡, 其亡).

Hệ từ bàn về hào Ngũ này có câu giải thích rất rõ: “*Nguy giả an kỳ vị dã, vong giả bảo kỳ tồn giả dã; loạn giả hưu kỳ trị giả dã. Thị cố quân tử an nhi bất vong nguy; tồn nhi bất vong vong; trị nhi bất vong loạn. Thị dĩ thân an nhi quốc gia khả bảo dã.*”

危者安其位也。

亡者保其損者也。

亂者有其治者也。

是故君子安而不忘危，存而不忘亡，治而不忘亂。

是以身安而國家可保也。

(Sở dĩ đến nỗi gặp nguy, là vì mình chắc luôn luôn được ở an nơi ngôi vị của mình mãi; sở dĩ đến nỗi mất, là bởi mình đã tin chắc không khi nào mất; sở dĩ gặp loạn là vì mình đã yên chí sẽ được sống mãi trong cảnh bình trị).

Bởi vậy, người quân tử lúc yên không quên lúc nguy; đang có không quên lúc mất; đang sống trong cảnh thanh bình không quên lúc ly loạn. Cho nên thân mới được yên, mà quốc gia mới có thể vững bền!

Ôi! Lạ gì cái thói phán trắc của Âm Dương Họa Phúc?[1] Vừa có, vừa không; vừa trị vừa loạn; vừa vinh vừa nhục, chúng đeo dính nhau, không bao giờ rời nhau! Nên moi nói “An nhi bất vong nguy” (lúc yên đừng quên lúc nguy); “Tồn nhi bất vong vong” (lúc có đừng quên lúc sê mất); “Trị nhi bất vong loạn” (lúc sống trong cảnh an bình thanh trị, đừng quên lúc loạn ly). Hay nói một cách khác, như Lão Tử thường khuyên: “Họa hè Phúc chi sở ỷ; Phúc hè Họa chi sở phục” (Họa, là chỗ dựa của Phúc; Phúc là chỗ núp của Họa). Điều mà bậc Thánh trí không bao giờ quên; đó là luật tắc cực kỳ quan trọng và cũng là yếu chỉ của Dịch Lý.

Đang trị, thì làm cho loạn, rất dễ. Loạn mà làm cho trị, đâu còn phải là việc dễ nữa!

*
* *

Lời Tượng nói thêm: *Đại nhơn chi kiết, vị chánh đáng dã.*

Tuy cả 2 hào Nhị và Ngũ giống nhau, là bậc đại nhơn cả, nhưng có khác nhau. Ở Nhị, thì thánh nhơn (hay đại nhơn) ở cái thể *vô vị*, tuy có đức mà chưa có quyền hành nên đành phải chịu làm một bậc “đại nhơn bī

1. Hé Từ thượng (tiết thứ tám) có câu: *Âm Dương bất trắc chi vị Thần 神.* Chữ “*Thần 神*” là diệu dụng nhất của Dịch Lý. “*Thần*” là chỗ tinh diệu, bởi “*Thần vô phương, nhi Dịch vô thể*”. Thần diệu thay sự biến thiên *không thể lường trước* được của Tạo hóa, của Âm Dương. Đã chẳng những “trong Dương có Âm căn, trong Âm có Dương căn”. Không biết *phương hướng nào nhất định để mà tìm (thần vô hướng)*; không có hình thể nào hạn lượng được chỗ biến dịch bất trắc, nên gọi là *Dịch vô thể*.

hanh” 大人否亨. Còn Ngũ ở ngôi chí tôn, ở vào cảnh *Chánh vị* (*Chánh đặng* 正當). Đức thịnh, vị tôn nên làm nổi sự nghiệp thời “*hưu Bī*” 休否. “*Dại nhơn chi kiết, vị chánh đặng dā*”. Cái tốt của Cửu Ngũ là được ở chánh vị của nó.

*
* *

Thượng Cửu: Khuynh bī,

*Tiên bī, hậu hỉ,
Bī chung, tắc khuynh.*

Hà khả trường dā.

上九: 傾否
先否, 後否
否終, 則傾
何可長也。

Đến đây, thời Bī đã đến hồi khuynh đảo (nhào đổ), đoạn trước, 3 hào âm ở nội quái, là vận Bī; nay đã đến đoạn sau, 3 hào dương ở ngoại quái, là sắp đến vận Thái! Nên hào từ mới nói: Bī tới hồi ngã đổ (khuynh bī) đó là mở màn cho cái việc “tiên bī mà hậu hỉ” (trước xấu, sau tốt).

“Bī” đến hồi cáo chung (hay nói cho đúng hơn, đến hồi “*Bī cực*” là mở màn cho “*Thái lai*”), việc đòi như vậy, không sao có thể tránh được! (Bī, có chứa Thái bên trong (Âm trung hữu Dương cǎn), chính Bī nuôi Thái trong lòng nó).

Cũng nên nhớ: Đọc Thái phải đọc thêm Tùy; đọc Bī phải đọc thêm Cổ; vì Thái và Bī là cái thể, còn Tùy và Cổ là cái dụng.

13. THIÊN HỎA ĐỒNG NHƠN

天火同人



Trên, là quẻ *Kiền*;
 Dưới, là quẻ *Ly* cũng gốc là quẻ *Kiền*, mất hào Trung.
Khí của Kiền là thăng lên
Khí của Ly (lửa) cũng thăng lên.

Cả hai cung bay lên cao, đó là tượng của sự “tương đồng, tương ứng, thương hạ đồng tâm. Nhị và Ngũ, một âm một dương chánh vị (âm cư âm vị, dương cư dương vị) đều được đắc Trung đắc Chánh cả, tượng của sự “Chí đồng đạo hợp”.

*
* *

Hoàn toàn nghịch với quẻ Sư: *Địa Thủy Sư, Sư đỉ với Bĩ*.

Sư, thì nội hiềm, ngoại thuận, một hào Dương, thống suất cả quần âm.

Còn Đồng Nhơn, thì nội Ly (Ly, là sáng suốt: “ly giả, lê dã”, một người Thánh nhon thống nhất quần

dương... (bày người quân tử). Trật tự của quân âm (tiểu nhọn) khác xa với trật tự của quân dương, như sẽ thấy sau đây. *Đồng nhọn đi với Thái.*

*
* *

Thoán từ:

Đồng nhọn vu dã, hanh.

Lợi thiệp đại xuyên.

Lợi quân tử trinh.

同人于野，亨。

利涉大川。

利君子貞。

Đồng nhọn, là đồng với mọi người... Nhưng, không phải chỉ đồng với mọi người trong một gia đình, trong một bè đảng, trong một quốc gia hay xã hội, vì đồng như thế là đồng với bản ngã của ta, cái lòng ích kỷ của ta mà thôi. Tôi, nhà tôi, gia đình tôi, bè đảng tôi, quốc gia tôi, xã hội tôi... chỉ là một cái “tôi” nhỏ hoặc lớn mà thôi! Chung quy, chỉ là một lòng ích kỷ, dưới mọi hình thức lớn nhỏ. Người ta thường nhận làm, lòng yêu gia đình, lòng yêu quê hương hay lòng yêu nước của ta là một sự thanh cao, cao cả, nên thường lấy đó mà tự hào. Ôi! Chỉ là một “trò hè của bản ngã” mà thôi!

Đồng nhọn như thế, chưa phải là Đồng Nhọn của quẻ, mà là một thứ “đồng nhọn” giả trá, vì cái “tiểu ngã” mà ta thường tự xưng “ta”, dù có làm cho lớn cả nghìn lần to hơn, cũng chỉ là một cái tiểu ngã, chưa phải là cái Đại Ngã, cái Đại Toàn thể Nhân loại... Đó

mới thật là “Đồng nhon vu dã” (“Dã 野” là đồng rộng mênh mông) ám chỉ “Đồng” với tất cả mọi người trong thiên hạ, không phân biệt người da vàng, da trắng, da đỏ hay da đen, cũng không phân biệt kẻ dữ người lành, kẻ hèn người quý! Như thế Đồng Nhon mới gọi được là hanh thông! (“Đồng nhon vu dã, hanh” 同人于野, 亨。).

Được đến chỗ Đại Đồng như thế rồi, thì có gặp hiểm trở gì, cũng đều qua (*lợi thiệp đại xuyên* 利涉大川。). Một hào âm đặc trưng đặc chánh, làm chủ cả quần dương đó là tượng của sự “nhu thăng cường; nhược thăng cường”, chỗ mà Lão Tử noi chương 43 nói: “Thiên hạ chi chí nhu, trì sinh thiên hạ chi chí kiên” (Cái rất mềm của thiên hạ, thăng cái rất cứng trong thiên hạ).

“Đồng nhon” là hội họp được với các bậc quân tử chân chánh (*quân tử trinh*) rất có lợi cho quân tử, chứ không lợi cho bọn tiểu nhơn (*lợi, quân tử trinh* 利君子貞).

Tiểu nhơn họp với nhau vì tư lợi, sớm muộn gì, khi chia chác lợi lộc, sẽ có sự chia rẽ và thanh toán nhau. Cho nên, quẻ Đồng nhon không có lợi cho tiểu nhơn, chỉ có lợi cho người quân tử thôi.

Nên nhớ: Quέ Sư và quέ Bī đi cùng nhau.

Quέ Đồng nhon và quέ Thái đi cùng nhau. Đó là điều quan trọng mà người đọc Dịch nên lưu ý! Để so sánh.

Thoán Truyện:

a) *Đồng Nhơn. Nhu đắc vị, đắc trung, nhi ứng hò kiền, viết Đồng Nhơn.*

同人。柔得位，得中，而應乎乾，
曰同人。

Trong quẻ Đồng nhơn, hào Nhị là hào âm đắc Trung
đắc Chánh ứng với hào Ngũ quẻ Kiền ở ngoại quái,
nên mới nói “ứng hò Thiên (Kiền). Thượng Hạ tương
đồng, nên đặt tên là Đồng Nhơn.

b) *Đồng nhơn vu dã, hanh.*

Lợi thiệp đại xuyên: Kiền hành dã.

同人于野，亨。
利涉大川：乾行也。

Cái đức ban bố tình thương cho tất cả mọi người
trong thiên hạ, là đức “Chí công vô tư”, thì mới có thể
cảng đáng nể việc đại đồng (đoàn kết tất cả thiên hạ)
như lãnh chức vụ “Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc” (!)
ngày nay, thì dù có khó khăn đến đâu cũng không có
tai họa gì (lợi thiệp đại xuyên), hành động ấy là hành
động của Trời vậy (Kiền hành dã).

c) *Văn minh dĩ kiện,*

Trung chánh nhi ứng,

Quân tử chánh dã.

文 明 以 健

中 正 而 應

君 子 正 也。

Theo về thể quẻ, thì quẻ Ly là nói về “*văn minh*”; quẻ Kiền nói về đức “*cường kiện*” nên gọi là “*văn minh dĩ kiện*”.

Hai hào Nhị và Ngũ là lẽ tương ứng do 2 bên đều có đức Trung Chánh (*Trung Chánh nhi ứng*); nên mới nói “*Quân tử chánh dã*”, tức là đạo Chánh Trung của người Quân tử, hay nói cách khác, Chánh Trung là Quân tử, Quân tử là Chánh Trung, đó là chỗ phân biệt Quân tử Tiếu nhân, không có Quân tử nào mà không có Chánh Trung, không có Chánh Trung nào là tiếu nhơn vậy!

d) *Duy quân tử vi năng thông thiên hạ chí chí.* 唯君子為能通天下之志。

Người quân tử nhờ ở đức “*Trung chánh và Văn minh cương kiện*” mới thông suốt được tâm chí của thiên hạ. Có thông suốt được tâm tư của thiên hạ mới có thể điều dắt được thiên hạ, đều là nhờ ở cái Tâm Hư (hu minh tự chiếu) của Thánh Nhân, tiêu chuẩn cần thiết để nhận thức ai là kẻ xứng đáng là bậc dẫn đầu thiên hạ.

Và chỉ có kẻ ấy, chỉ có người quân tử ấy “*duy quân tử*” mới “*năng thông thiên hạ chí chí*”.

Đại Tượng

Thiên dã Hoả: Đồng nhon

Quân tử dĩ loại, tộc biện vật.

天與火：同人。

君子以類族辯物。

Loại Tộc 類族 là phân biệt sự vật ra từng loại, từng giống một cách rành rẽ.

Quê Kiền, là Thể; quê Ly, là Dụng; Hai xu hướng cùng đồng với nhau, *đồng thăng*, nên tên là quê *Đồng nhon*.

Tuy “đồng” thì có “đồng”, mà sở năng và sở nhu của mỗi vật mỗi khác. Nếu không phân biệt rõ ràng, lại ép những chỗ bất đồng phải đồng nhau thì hỏng cả!

Ở thiên Tề Vật Luận, Trang Tử đã giảng rõ về quê Đồng Nhơn này, có viết như Dịch đã vừa nói trên đây “dĩ loại tộc biện vật”: “Tất cả mọi chế độ chánh trị, xã hội, luân lý từ xưa đến nay đều quy định một cách tận thiện mẫu để làm tiêu chuẩn chung và bắt ép người người đều phải theo đó mà sống (như trong một trại binh). Đó là cưỡng bức chỗ không thể đồng phải đồng với nhau.” (Đọc Trang Tử Tình Hoa và Trang Tử Nam Hoa Kinh)[1].

Có được vậy, mới tận dụng được tài năng của mỗi người, chỗ nhu cầu của mỗi người mà đáp ứng (các tận kỳ sở năng; các thủ kỳ sở nhu).

Tiểu Tượng

Sơ Cửu: Đồng nhon vu môn, vô cựu.

初九：同人于門，無咎。

Tượng viết: Xuất môn đồng nhon,

Hữu thùy cựu dã.

象曰：出門同人，又誰咎也。

Hào Sơ cửu quê Đồng nhơn, là tượng người mới bắt

1. Richard Wilhem cũng viết: “*La communauté (T'ong Jen) ne sera pas un mélange des individus ou des choses – ce serait un chaos, non une communauté – mais, pour que l'ordre s'établisse, elle requiert une multiplicité organisée.*” (p.78, Yi-King)

đầu vào đời, như chỉ “đồng” với người ngoài cửa (đồng vu môn). Cân để ý nghĩa bóng của chữ “đồng vu môn” này. Ta thường đồng với người thân trong nhà, rộng ra một chút, là đồng với người cùng một làng xóm, hay rộng hơn nữa, là đồng với người cùng một nước, cùng một dân tộc... Nhưng đó là sự “đồng” ích kỷ, chưa ra khỏi cái bản ngã của mình... Đồng với vợ con, cha mẹ, anh em, họ hàng và của toàn quốc... thì cũng chỉ có một ý nghĩa là cha mẹ *tôi*, vợ con *tôi*, họ hàng *tôi*, đồng bào *tôi*... Chưa ra khỏi cái “tôi”, là chưa ra khỏi cửa. Nếu khi nào mà “đồng với mọi người ở ngoài cửa” (*đồng nhon vu môn*) thì mới có thể “vô cựu” (không lỗi), thì còn có ai trách được mình là kẻ riêng tư thiên vị? (*hựu thùy cựu dã* 又 誰 答 也).

Lục Nhị: Đồng nhon vu tông, lân.

六二：同人于宗，吝。

Tương viết: Đồng nhon vu tông, lân đạo dã.

象曰：同人于宗，吝道也。

Hào Lục nhị là hào ứng với hào Ngũ, nên gọi là “đồng nhon vu tông” (*tông 宗*) là cũng một giọng giống với nhau, vì cả hai đều là *cư trung đắc chánh* cả!

Và như vậy, có khác cùng giọng lại dan díu tư tình với nhau (tình cảm ích kỷ riêng tư với người cùng ứng với mình) *trái hẳn với tinh thần cộng đồng quốc tế* (hay đại đồng) của quê Đồng nhon. Richard Wilhem dịch câu “Đồng nhon vu tông” như sau:

“Six à la 2e place signifie: “Communauté avec les hommes du clan. Humiliation”... “Ici apparaît le danger d'une coterie fondée sur des intérêts personnels et égoïtes...”

(Hào Lục Nhị có nghĩa là: Xã hội cộng đồng với người cùng tộc đảng: đáng xấu hổ! Có chỗ nguy hiểm là chỗ hợp lại các quyền lực riêng tư và ích kỷ).

*
* *

Tuy nhiên, Nhị và Ngũ đều được đặc trung đặc chánh, dù sao vẫn tốt, vì còn có đạo Trung.

*
* *

Cửu Tam: Phục nhung vu māng

九三：伏戎于莽，

Thăng kỳ cao lăng

升其高陵，

Tam tuế bất hung.

三歲不興。

Tượng viết: Phục nhung vu māng; dịch cương dã.

象曰：伏戎于莽，敵剛也。

Tam tuế bất hung, an hành dã.

三歲不興，安行也。

Tam, dương cư dương vị, bất đặc Trung, là tượng một con người cường bạo và tham lam. Nhung, vì vào thời Đồng nhơn nên ai ai cũng muốn theo phần đông, tức là theo phong trào Đại Đồng.

Theo thì cứ theo, mà lòng vẫn e dè, không thực lòng theo. Bởi vì Tam có tánh cương mà bị sống kẹt ở giữa 2 hào Nhị và Ngũ. Ngó xuống hào Nhị, muốn cướp Nhị

theo mình, nhưng không dám vì 2 hào Nhị Ngũ đều đắc trung đắc chánh tương hợp, nhất âm nhất dương càng tương ứng, nên cứ rình mò, làm việc lén lút, có khác nào kẻ giấu binh khí trong rừng (“phục nhung vu măng” *māng*, là rừng). Bởi núp lén, nên đâm ra hay nghi ngờ. Sở dĩ núp lén, giấu binh khí trong rừng, là ý đồ âm mưu cướp Lục Nhị theo mình! Rồi thì nhu kẻ ẩn núp trên gò cao (thăng kỳ cao lăng) để rình mò theo dõi Lục Nhị, sợ thế lực của Cửu Ngũ không sao địch nổi... Cứ “núp” mãi, đến 3 năm rình rập, vậy mà không dám phát động (tam tuế bất hưng).

Đây là muôn nói về bọn tiểu nhơn muốn phá hoại phong trào đại đồng, nhưng tự lo không đủ sức địch nổi mà cứ ẩn nhẫn an lòng nằm trong bóng tối đợi chờ (an hành dã).

Ôi! Trong đời có việc làm nào của đám người quân tử lo việc cho xã hội mà không bị bọn tiểu nhơn âm thầm phá hoại? Cho nên, cần phải tự cảnh giác! Đừng tin tưởng: “Ta làm điều phải” mà ai hại ta? Cái hay nào cũng có bề trái của nó, trong một cộng đồng tốt bao giờ cũng có tiểu nhơn ẩn núp để phá hoại! Trong một cộng đồng như giáo hội của Phật tổ Như Lai mà cũng có một chàng Đề-bà-đạt-đa (Dévadatta), luôn luôn âm mưu khuynh đảo; trong giáo đường Hoàng Mai ngũ tổ, có Thần Tú tổ chức bè đảng lật đổ lục tổ Huệ Năng... Đó là hiện tượng tự nhiên của Dịch lý: “Đương trung hữu Âm căn...”

Trong một “cộng đồng tự do” nào, cũng có phần tử đối lập, nếu không sẽ biến thành một cộng đồng nô lệ, vì chỉ có một chiêu thô!

Cửu Tú: *Thùa kỳ dung, phất khắc công, kiết.*

九四：乘其墉，弗克攻，吉。

Tượng viết: *Thùa kỳ dung, nghĩa, phất khắc dã.*

Kỳ kiết, tắc khốn nhi phản tắc dã.

象曰：乘其墉，義，弗克也。其吉，則困而反則也。

Hào Tú, là hào Dương ở vị Âm (bất trung, bất chánh, nhưng vì ở thời Đồng nhơn, cũng muốn chạy theo phong trào để hòa hợp riêng tư với hào Lục Nhị (là hào âm duy nhất của quê).

Ở trên, thì gần với Cửu Ngũ, thấy Ngũ rất thân thiết với Nhị, nên “ghen” vì cũng muốn được Nhị về với mình!

Ở dưới, muốn gần Nhị, lại gặp phải Tam như bị cách tường ngăn lại. Tú, là dương trong nhu, nên tánh có phần nhu thuận, biết hối mà trở về con đường chánh, vì leo tường để qua Nhị là phong độ bất chánh. Biết hối, mà an phận trở về với chánh đạo, mà không khắc Tam, mới được khen là “tốt” (kiết)!

Lời Tượng khen Tú: sở dĩ không khắc Tam, là vì chữ “Nghĩa” mà không đi khắc Tam (phất khắc dã). Không hợp với Nhị được, thì trải rộng tình thương đối với tất cả mọi người, thực hiện công trình tập hợp đại đồng, nên được gọi là “tốt” (Kiết 吉).

*
* *

Cửu Ngũ: *Đồng nhơn, tiên hào đào nhi hậu tiếu.*

Đại sư khắc, tượng ngộ.

九五：同人，先號啕而後笑。大師克，
相遇。

Tượng viết: Đồng nhơn chi tiên, dī trung trực dā.

Đại sư khắc tương ngộ, ngôn tương khắc dā.

象曰：同人之先，以中直也。
大師克相遇，言相克也。

Cửu Ngũ với Lục Nhị là chỗ tương ứng, đồng tâm đồng đức, lẽ ra sự hòa hợp êm thắm có gì trở ngại mà phải than thở kêu rên (“hào đào” là kêu than). Là bởi trung gian (giữa 2 hào Ngũ và Nhị) có Tam và Tứ ngăn cản. Tam, là tay cường bạo tham lam, Tứ cũng bất trung bất chánh và cương cường nên âm mưu giấu đúc binh khí để hại Ngũ, hầu cuộp Nhị về mình. Nếu muốn “tiên hào đào” nhi “hậu tiếu”, thì phải dùng đến binh nhung dẹp bọn Tam Tứ, cứu Nhị đem về cho mình, nên mới nói “đại sư khắc” mới được cùng Nhị “tương ngộ”.

Cửu Ngũ, là bậc chí tôn, tại sao phải dùng vũ lực mới trừ được Tam Tứ, và Tam Tứ tại sao là thần dân lại không tuân lệnh của Ngũ? Cửu Ngũ muốn cho mạng lệnh mình được người người hưởng ứng, thì phải là kẻ “chí công vô tư”, trái lại, đi dan díu tư riêng với Nhị, thì không còn xứng đáng cho người người khâm phục như đấng Minh Quân! Làm kẻ cầm đầu thời Đồng Nhơn đâu phải dễ.

Thương Cửu: Đồng nhơn vu giao, vô hối.

上九: 同人于郊, 無悔。

Tượng viết: Đồng nhơn vu giao, chí vị đắc dã.

象曰: 同人于郊, 志未得也。

Đồng nhơn ở ngoài đồng, ngoài quốc đô (Chữ “giai 郊” là ngoài đồng, ngoài quốc đô). Không phải có sự ăn năn (*vô hối* 無悔).

Nếu “đồng nhơn” mà ở ngoài đồng, thì còn có ai đâu mà đi theo mình? Nên cũng không có gì ăn năn hối lỗi cả! Hào Thuượng cửu, ngoài không ai theo, còn ở dưới thì cũng không ai nghe vì Cửu ngũ mắc lo việc tư riêng, còn bận lo đi khắc phạt đám nổi loạn, như hào Tam và Tứ. Chung quy, mục đích “đồng nhơn” kết cuộc cũng không làm sao thực hiện được! (“chí vị đắc dã” 志未得也).

Ta thấy “đồng nhơn” mà không thấy gì là “đồng nhơn” cả! Chỉ thấy mỗi người một ý, muốn đồng với tất cả mọi dị biệt, thì thật khó, nếu không nói là không thể bao giờ được! Cái sự trở ngại đầu tiên, là lòng vị kỷ. Còn lấy cái lòng ích kỷ của mình mà đối xử với người, thì ta và người không bao giờ hợp lại với nhau được. Cả cái mà ngày nay, gọi là *Hội đồng Liên Hợp Quốc* cũng chỉ là một cơ quan hữu danh vô thực! Nói đó là một diễn trường hí kịch... vì tự mỗi con người hội viên trong đó là đại diện cho một cái *Ta Quốc Gia* “to” tố bối! Rốt cuộc kẻ có quân đội hùng mạnh nhất, giàu có nhất sẽ là người được lớn tiếng nhất (có quyền phủ quyết!).[1]

1. Trên nguyên tắc, *Bản Tuyên Ngôn Nhơn Quyền* của Liên Hiệp Quốc, kể ra rất hay, trong đó nhấn mạnh về sự *Tự do cá nhân* trên hết,

Với hào Thượng lục, Thánh nhân đã nói lên nỗi thất vọng chung của loài người: ngày nào ta còn nghĩ đến ta, ngày đó chưa thể nói là Hòa bình; Và con người cứ sống, sống trong *hi vọng!* *Ở ngày mai.* Xã hội lý tưởng cộng đồng, là một xã hội lý tưởng *của ngày mai*, và có lẽ sẽ không bao giờ đến với chúng ta, khi mà chúng ta không lo giải quyết vấn đề căn bản của kiếp sống con người: *giải quyết vấn đề vị ngã...*

Không thể áp dụng trong những xã hội ngày nay vì một xã hội thực đúng với tên thật của nó là Đồng nhơn, *phải ở ngoài những quyền lợi riêng tư của tộc đảng;* hơn thế *không hề có sự tranh chấp* với những quyền lợi kia giữa các người trong tộc đảng, “*trên đồng cỏ*” cái gì cũng được xét đoán một cách vô tư: xã hội mới sẽ hiện ra dưới hình thức “*cộng đồng tự do.* Chính Khổng Tử cũng đã bảo: “*Ở thời đại của Ngài, chưa thể thực hiện được xã hội Đồng nhơn*”!

Đúng như hào từ đã nói: “*Đồng nhơn vu giao, chí vị đặc dã*” (Đồng nhơn ngoài đồng cỏ, không bao giờ có thể thực hiện được!). Cái gọi là *Hội đồng Liên Hiệp Quốc* cũng là một sự cố gắng đáng khen và khuyến lè

Mục đích của Đồng nhơn, là tạo thành một xã hội tự do lý tưởng (đã nói nơi quẻ Tỷ, hào Cửu Ngũ); và người tự do là thế nào? Cần thiết, là chỗ định nghĩa này.

Người tự do (theo Dịch đạo) là người được quyền làm chủ lấy mình, chứ không để bất cứ ai làm chủ mình, trong sự giao tiếp với mọi người, luôn luôn thấy mình không bị một thế lực nào bên ngoài khu sự ngăn cấm không cho mình nói hay làm theo mình. Ấy là người

.....
đúng theo quẻ Thiên Hỏa Đồng Nhơn.

không thần tượng (sans idoles), không giáo lý nào chỉ huy (sans dogmes) nghĩa là không bị nhốt vào một ý thức hệ nào, một tôn giáo nào, một chế độ chánh trị nào, và không thành kiến nào cả (sans préjugés). Trái lại, người nô lệ là kẻ luôn luôn tư tưởng hay hành động theo chỉ thị của một bè trên, cho một truyền thống nào, cho một giáo điều nào, cho một ý thức hệ nào (với họ phải có một kẻ nào để thờ, một ai phải thù hận để tiêu diệt (il lui faut toujours quelqu'un à adorer et quelqu'un à haïr et à tuer)). *Người tự do, đó là hạng người mà ở quê Kiền đã bảo: “thùa lục long nhi ngự thiêng”, “kiến quan long vô thủ kiết”!*! (Xem quê Kiền, hào Dụng Cửu).

*
* *

14. HỎA THIÊN ĐẠI HỮU

火天大有



Quẻ Đại Hữu, là quẻ nghịch lại với quẻ Đồng Nhơn.

Quẻ Đồng Nhơn thì Kiền trên, Ly dưới; còn Đại Hữu thì Ly trên, Kiền dưới.

*
* *

Ngoại quái là Ly (mặt trời);

Nội quái là Kiền (trời)

Mặt Trời trên trời cao, tia sáng chói sáng khắp mọi nơi, nhờ vậy mà mọi vật đều được hiện ra rõ ràng.

Hào Ngũ ở vào địa vị danh dự sáng chói mà tất cả quần dương cùng hướng về một cách hài hòa. Kẻ ở một địa vị chí tôn mà biết cù xử một cách khiêm hạ, thiên hạ dĩ nhiên đều đổ xô về mình.

*
* *

Thoán từ:

Đại Hưu, nguyên hanh.

大有，元亨。

Thoán viết: Đại hưu, nhu đắc tôn vị, đại trung nhi thương hạ ứng chi, viết Đại Hưu.

彖曰：大有，柔得尊位，大中而上下應之，曰大有。

Kỳ đức cương kiện nhi văn minh, ứng hò thiên nhi thời hành, thị dĩ Nguyên Hanh.

其德剛健而文明，應乎天而時行，是以元亨。

Hào Lục Ngũ quẻ này là hào Âm, đắc trung đắc chánh, ở địa vị chí tôn (*nhu đắc tôn vị*), có được đức “đại trung” như thế ở thời Đại hưu, thì đức Đại Trung này mới được trên dưới 5 hào Dương mới chịu hướng về “*nhi thương hạ ứng chi*” 而上下應之 mới có tên là “*Đại Hưu*” 大有 .

“Đại Hưu” có 2 nghĩa:

a) tất cả các loài vật lớn đều chạy về mình cả thảy (tượng 5 hào Dương): “nhất Âm thống quần dương”.

b) sau thời Đông nhọn, thiên hạ trên dưới đều thuận ứng về một vị “*Đại Trung*” 大中 , thì còn cái sở hữu nào to lớn hơn, nên gọi là “*Đại Hưu*”.

*
* *

Nội quái, là *Kiền* (trong đó đã có đức cương kiện “*Kỳ đức cương kiện*” 其德剛健).

Ngoại quái, là *Ly*, là Văn minh rực rõ (“*nhi văn minh*” 而文明).

Cho nên, hào Lục Ngũ đã đến lúc làm nên đại sự rồi, nghĩa là đã tới vận thời, ứng với lòng Trời (“*ứng hô Thiên nhi Thời hành*” 應乎天而時行).

Đại Tượng

Hỏa tại thiên thượng: đại hữu.

火在天上，大有。

Quân tử dĩ “át ác dương thiện”, thuận Thiên hữu Mạng.

君子以“竭惡揚善”，順天休命。

Trên Trời có ngọn lửa soi sáng vạn vật, là quẻ Đại hỮU.

Người quân tử noi theo đó mà “ngăn chặn điều ác, biểu dương điều thiện”, thuận theo Lẽ Trời mà yên vui noi Mạng”.

*
* *

Phan Sào Nam, trong quyển Chu Dịch, bình giảng câu “Át ác dương thiện, thuận Thiên hữu Mạng” có viết: “*Nguyên Mạng Trời phú cho người chỉ có Thiện mà không có Ác, nên phải tuyệt loài Ác, dương loài Thiện, chính là theo Mạng Trời đó vậy!*” (Quyển I, trang 325).

Giảng như thế, là sai! “Át ác” là “ẩn ác” để làm sáng ra cái thiện (dương thiện) đâu có nghĩa là tận diệt loài Ác; nếu loài Ác mà bị tận diệt, thì còn gì ĐÀO nữa? Phải chăng đây là chủ trương thuyết Cô Dương! Dịch

đã bảo; noi quẻ Khôn (hào Dụng Lục): “Âm nghi ư Dương... vị kỳ hiềm ư vô dương dã nhi tất chiến!” Quẻ Khôn (thuần Âm) tuy thấy không có Dương, nhưng mà Dương vẫn chưa từng không có trong quẻ Khôn.

Học Dịch mà không để ý đến câu này của Chu Liêm Khê và Trình Minh Đạo, nhất là của Trình Minh Đạo: “*Thiện Ác giao Thiên Lý*” 善惡皆天理 thì có đọc Dịch suốt đời, chẳng bao giờ hiểu nổi Dịch?

“*Thuận Thiên, hưu Mạng*” 順天休命 Thuận với Lẽ Trời, biết dừng lại noi Mạng! Cỗ kinh có câu: “*Tại Thiên vi Mạng, tại Sux vi Lý*”, Mạng là Thiên Lý noi con người.

*
* *

Tiểu Tượng

Sơ Cửu: vô giao hại, phi cựu, gian tắc vô cựu.

初九：無交害，匪咎，艱則無咎。

Ở thời Đại hữu, Sơ Cửu, dương cư *đắc chánh* (dương cư dương vị); tuy còn ở vị thấp nên chưa bị ai lui tới xu phụ, mà cũng chưa làm việc gì xấu xa tai hại: đó là tượng một người *con nhà phú quý*. Lẽ ra, chưa làm gì tội lỗi (phi cựu); nhưng chỉ tội một điều là “*con nhà giàu*”! Nhiều tai họa đang đợi chờ cậu “*con nhà giàu*” này!

Chắc chắn là *không ai ua*, lại còn dòm ngó xoi bói, nói xấu, bởi như cổ ngạn đã nói: “*phú giả oán chi phủ*” 富者怨之府 (*giàu là cái kho chứa oán*); ăn mặc đẹp đẽ lắm kẻ ghét ghen (*mỹ phục, hoạn nhơn chi*).

Vậy, phải biết *phòng hoạn* (phúc hèle họa chi sở phục) vì đó là bề mặt trái của sự đời. Phải xử sự như người đang bị bao vây trong những ác ý, oán ngầm, trong những dèm siểm, trong những ghét vô oán chạ... Sống như thế không được yên thân đâu! Chớ ngày thơ mà yên chí rằng thiên hạ thương ta với cảnh phú túc của ta! Sơ cửu là kẻ bắt đầu ở vào buổi phú quý! Coi chừng đấy!

Thánh nhơn lo cho Sơ cửu còn non dạ, vô tâm đi vào con đường sa đọa... vì *thường tình* con người sống trong phú quý mà thiếu kinh nghiệm sự đời, hay sinh ra thói kiêu căng và xa xi! Nên có lời nhǎn nhủ răn dạy: “*gian, tắc vô cựu*” 賈 則 無 咎 nghĩa là, phải biết phòng trước, như mình đang sống trong chốn “*gian guy hiểm ác*” (*Gian* 賈 là gian nan khốn khổ)! Vì “*Phúc trung hưu Họa*” bất ngờ!

Trong Kinh Xuân Thu, có lời khuyên của Quản Trọng nói với Tề Hoàn Công: “*Yên vui là thuốc độc, chó khai hoài bão*”! Thiên hạ, hạng tầm thường, sẽ cười Quản Trọng đã quá lời, là bởi bụng của Quản Trọng muốn răn Tề Hoàn Công, nên không tránh cái tật “*nói quá lời*” làm cho người ta sợ!

Nào phải thế! Nếu Quản Trọng mà nói thật cho hết lời thì người đời còn hãi kinh hơn nữa, vì chết về thuốc độc, trong ngàn vạn người chỉ có một, còn chết về yên vui hưởng lạc thì thiên hạ đều bị cả, không sót một ai! Cái “độc” của yên vui thật là vô cùng thảm khốc, không còn lấy gì so sánh được.

Xe đi trên mặt đất, không chỗ nào “nhân từ” bằng những khúc đường khúc khuỷu quanh co như ruột dê; mà không nơi nào “bất nhân” bằng những con đường bằng thẳng phẳng lỳ!

Thuyền đi trên nước, chặng chõ nào “nhân từ” bằng những khúc sông sâu hiểm như gành thác; mà không nơi nào “bất nhân” bằng những nơi rộng lớn êm ái tạ ao tù! Bởi, biết có nguy, nên lòng âu lo mà thân mới được an toàn; vì thấy quá dễ dàng khinh thường mà thân phải bị tan nát! Người đời sống mà biết phòng nguy, thì bình an (*nguy giả sự bình*) 危者使平; trái lại, nếu lòng an nhiên khinh thường thì dễ bị nghiêng đổ (*dị giả sự khuynh* 易者使傾).

Câu “*nguy giả sự bình*”, là cùng một nghĩa với câu “*sinh ư ưu hoạn*”; còn “*dị giả sự khuynh*” tức là đồng với câu “*tử ư an lạc*”. Dịch cho đây là một cái đạo vô cùng to lớn của Dịch đạo (“*Kỳ đạo thậm đại*” 其道甚大). (Hệ từ hạ truyện, chương 11).

*
* *

Cửu Nhị: Đại xa dĩ tái, hữu du vãng, vô cựu.

九二：大車以載，有攸往，無咎。

Tượng viết: Đại xa dĩ tái, tích trung bát bại dã.

象曰：大車以載，積中不敗也。

Cửu Nhị, là hào dương cường, đắc trung đắc chánh, cho nên Nhị, là kẻ có tài. Nhị, lại cư tại âm vị (dương cư âm vị) nếu có đức nhu thuận, khiêm tốn nên được Lục Ngũ bên trên hết sức tín nhiệm và trao cả gánh nặng quốc gia xã hội trên vai Cửu Nhị. Ở thời Đại Hữu, chỉ có Cửu Nhị là có đủ sức to lớn gánh vác, khác nào *một chiếc xe to chở nặng, đi đường xa* (*đại xa dĩ tái* 大車以載) *lui tới dễ dàng hữu du vãng* *vô cựu* 有攸

往無咎), nhất là chạy cho thật khéo, đừng để cho đồ bể các món vật trong xe (*tích trung bất bại dā 積中不敗也*).

Những đồ vật chất chúa trong xe, là ám chỉ nhân dân trong nước bị hư hỏng vì mình quá nặng tay lái!

*
* *

Tại sao Cửu Nhị, là hào tốt nhất trong thời Đại Hữu, mà hào từ không ban cho những danh từ như “hanh”, như “kiết” mà chỉ ban cho hai chữ “vô cựu” (không lỗi) mà thôi?

Thật vậy, có gì phải khen ngợi; Nhị ở cương vị đó, có tài năng đức độ đó, là phải có *bốn phận* an bang tế thế, nếu lại quên đi, tưởng đó là một ân huệ mình ban cho xã hội, rồi hống hách quên đi bốn phận của mình, thì đắc tội rất lớn với thiên hạ! Được “vô cựu” là may lăm rồi! Nếu ở địa vị cao để mà phụng sự cho nhân dân, lại để cho nhân dân thống khổ, thì có khác nào “chiếc xe to thật” mà anh cầm lái vụng về vô trách nhiệm khiến cho đồ đạc chúa bên trong bể nát, thì tội cũng rất to, khó dung thứ!

Có công to với thiên hạ, đừng vẹn vào đó mà đòi hỏi nhân dân phải *vọng thò* mình, bắt cứ dưới hình thức nào! Ngày xưa thì bắt dân phải lập miếu mà thò, ngày nay cũng chẳng khác ngày xưa, nhân dân phải tạc tượng dựng hình, đó cũng là một cách “thiên niên quý tết”! rất khác xa với tinh thần Dịch đạo.

*
* *

Cửu Tam: Công dụng hưởng vu thiên tử,
tiểu nhơn phất khắc.

九三：公用亨于天子，小人弗克。

Tượng viết: Công dụng hưởng vu thiên tử,
tiểu nhơn hại dã.

象曰：公用亨于天子，小人害也。

Cửu Tam, dương cường lại được đắc chánh (dương cường dương vị), còn ở trên hết quẻ Kiền, tức là có ngôi vị cao, tuy không bằng Cửu Nhị là vai Tướng Quốc, cũng cỡ bậc “Công hầu khanh tướng” ở vào thời Đại Hữu, có nhiều đất nhiều dân, có thể là một vị nguyên thủ nước chư hầu, nhưng thiết tiệc mời Thiên tử, được Thiên tử đến dự “công dụng hưởng vu thiên tử” 公用亨于天子. Có thể nói, được vậy là “cực quý” rồi; mà “cực quý” thì cần phải “bất kiêu” (không kiêu thái), thì mới mong hưởng được cái cực phú cực quý ấy!

Phú quý nhi kiêu,

Tự di kỳ cựu.

富貴而驕

自遺其咎。

Chẳng những không hưởng được, lại còn tự với họa ương cho mình! Bậc Quân tử, vì biết khiêm tốn nên không bị họa, còn tiểu nhơn dĩ nhiên không bao giờ biết khiêm tốn mà còn trái lại, hiu hiu tự đắc, chắc chắn bị hại (tiểu nhơn hại dã 小人害也) chẳng sai!

Lại cũng xin nhắc câu: “Phúc trung hưu Họa” chẳng bao giờ sai cả! (Dương trung hưu Âm căn).

Cửu Tứ: *Phi kỳ bành, vô cựu.*

九四：匪其彭，無咎。

Tượng viết: *Phi kỳ bành, vô cựu, minh biện tích dã.*

象曰：匪其彭，無咎，明辨晰也。

Ở thời “đại hưu”, hào này đã vượt quá nửa quẻ, đó là cực thịnh rồi! nhưng lại là hào bất trung bất chánh nữa nên sợ xủ sự trong thời phú quý và thịnh vượng, e có nguy to!

Nhưng nếu biết “*phi kỳ bành* 匪其彭” (xem có như không), nên “*vô cựu*” (không lỗi gì cả). Chữ “*bàn* 彭” là rầm rộ, là bành trướng; chữ “*tích* 晰” là sành sỏi, rạch ròi.

Nếu ở đời mà biết “*biện biệt*” một cách rành rẽ sáng suốt về lẽ thi phi, vinh nhục, họa phúc (*minh biện tích dã* 明辨晰也) ; mà biết “*phổ kỳ bành*” (xem như không có gì cả, không có mình, không có công gì với ai, không có danh gì với ai (*vô kỷ*, *vô công*, *vô danh*), thì làm sao còn bị lụy vì cảnh phú quý của mình.

Xử trong cảnh “thịnh” mà như ở cảnh “suy” quên hẳn cái cảnh phú quý thịnh vượng của mình, quên cả chỗ “sở hữu to lớn” (đại hưu) của mình, thì sao phải bị cái họa của phú quý, cái nhục của vinh hiển?

*
* *

Như trường hợp của Đại tướng *Phocion* thành Athènes (Hi Lạp) được Đại đế Alexandre tặng một trăm “talents” vàng.

Phocion từ chối:

– Nhà Vua biệt đại lão phu như thế, thật là quá đáng! và quá hậu! Nhưng, lão phu muốn biết do cớ gì Nhà Vua lại ban ân riêng một mình lão phu trong mấy mươi vạn người đất Athènes này?

Sứ giả nói:

– Bởi chỉ có một mình Tướng quân được Hoàng thượng hâm mộ, và cho là người lương thiện nhất, danh vọng nhất!

Phocion nói:

– Nếu vậy, nhờ các ông về tâu lại với Hoàng thượng, xin Hoàng thượng hãy để cho lão phu giữ lấy cái tư cách lương thiện ấy suốt đời! (Dịch, gọi đó là đức “vĩnh trinh”).

Sứ giả theo sau lão tướng về đến nhà riêng, hi vọng cố nài nỉ mãi, có lẽ sẽ đắc lời!

Thấy cách sống quá chùng đòn giản, các sứ giả vô cùng thán phục, vì tại sao một kẻ đại quý như thế này lại cam chịu sống trong cảnh bần cùng như thế này? Bà vợ thì đang xay bột. Lão Tướng vừa vào nhà, là đã đi ngay ra giếng, kéo lên một thùng nước để rửa chon! Không nhờ đến ai cả!

Các sứ giả càng năn nỉ để lão nhận món tiền khổng lồ của Vua ban, trước còn van lơn, sau đổ quạu, bảo rằng: được là bạn thân của Đại đế mà ai nghe nói đến tên đều phải rụng rời! Sao lại cam tâm chịu sống khắc khổ và xơ xác như thế này?

Trong lúc ấy, có một cụ già đi qua, ăn mặc tả tơi, do bẩn... Phocion hỏi các sứ giả: “Các ông lại cho tôi không bằng người này sao?”

Các sứ giả thưa:

– Thưa, chúng tôi đâu dám thế?

– Vậy chứ các ông thử ngẫm, người này chắc không thể nào có được nhiều của cải hơn tôi được, vậy mà, người ấy đã biết an phận như vậy. Coi, gương mặt ông ta, vẫn thản nhiên!

Thực sự, thì tôi không dùng gì đến số tiền quá to lớn này. Tôi đâu có thiếu gì? Nay mà Hoàng thượng cứ ban cho, thì đồng vàng này sẽ không bao giờ được tiêu dùng đến! Nhu cầu của tôi không có gì cả ngoài mấy buổi cơm ăn đậm bạc. Tiền ấy không chỗ dùng, giữ nó, có hại cho bản thân tôi là khác! Nếu tôi lại tiêu dùng nó, trước hết, tôi thấy tự thẹn với lương tâm, và sau cùng Hoàng thượng cũng sẽ mang tiếng là có một người bạn bần tiện!

Thành ra, số tiền lớn lao ấy, các sứ giả phải mang trả về, trả lại cho Alexandre đại đế.

*
* *

Người dân Hi Lạp bấy giờ phê bình: Kẻ đã nhặt nổi số tiền khổng lồ ấy, tất nhiên, là kẻ giàu có còn hơn xa cái ông Đại đế đã ban ân to lớn ấy!

Đó là bên Tây phương, bên Đông phương chúng ta cũng có một câu chuyện tương tự như thế, câu chuyện của *Kiêm Lâu*: *Kiêm Lâu* là một bậc cao sĩ nước Tề. Tánh ông rất khắng khái, không bao giờ chịu khuất phục và khuất thân cầu phú quý mà lụy đến thân mạng. Các nước chư hầu, nhiều nước biết ông là bậc hiền tài, liêm khiết mời ông ra làm Tướng Quốc, nhưng ông luôn luôn từ chối!

Vua Uy Vương nhà Châu kính ông như bậc Thầy.

Ông nghèo lǎm! Lúc mất chỉ có một cái chǎn, không liệm đủ thân thể.

Tăng Tử đến viếng, thấy vậy, nói: “Để lệch cái chǎn đi, thì liệm đủ thân thể!”

Bà vợ *Kiêm Lâu* bảo: “Lệch mà thừa, đâu bằng ngay mà thiếu! Lúc sinh thời, tiên sinh tôi chỉ vì tánh thảng mới được thiếu thốn như thế! Bây giờ tiên sinh tôi mất, mà liệm phải lệch như thế, e không hợp ý tiên sinh chǎng?”

Tăng Tử nghe, không nói gì nữa cả.

Sau, hỏi: “Có đặt tên Thụy cho tiên sinh chưa?”

Bà vợ *Kiêm Lâu* nói: “Tiên sinh tôi không bao giờ lấy sự nghèo mà buồn, không lấy sự giàu sang làm ham mê, đặt tên Thụy là “*Khang*” có nên chǎng?”

Tăng Tử nghe, than: “Chỉ có người chồng như thế, mới có được người vợ như thế!”

Lục Ngũ: Quyết phu giao nhu, uy nhu, kiết
六五：厥孚交如，威如，吉。

Tương viết: Quyết phu giao nhu, tín dĩ phát chí dã.
Uy nhu chi kiết, dị nhi vô bị dã.

象曰：厥孚交如，信以發志也，
威如之吉，易而無備也。

Lục Ngũ, là vị nguyên thủ trong thiên hạ ở thời Đại Hữu (tức là thời cực thịnh), mà biết khiêm cung, thời thiên hạ đều đổ về như “nhất Âm” hút cả quần dương. (quái đa Dương, dĩ Âm vi chủ, là thế).

Với hào Âm nhu chí thuận, *hòa hoãn khiêm cung* lại *chí công chí chánh* (đắc trung đắc nhánh) phải chăng đó là *cá nghệ thuật thu phục nhân tâm!*

Lục Ngũ đã biết lấy lòng tín thành mà giao hảo với bậc đại hiền như Cửu Nhị, và thân thiện với mọi người chung quanh, là tuyệt hay rồi! Nhưng, cần thiết là đừng làm mất *đạo Trung* mà sa vào thái quá, nghĩa là quá mềm yếu!

Để giữ được mục Trung 中, phải có đủ *An 恩* và *Uy 威*; quá mềm yếu mà ân bừa bãi, thì dân chúng “lòn mặt”, mà mang lệnh không được thi hành tốt đẹp!

Lục Ngũ ở ngôi chí tôn thuộc quẻ Ly, tượng của “*phu tin 孚信*” nghĩa là tin nhau cả trên lẫn dưới (trên tin dưới, dưới tin trên). Một khi được kẻ dưới tin người trên, nhờ trên đã ban bố nhiều ân huệ, được lòng kẻ dưới rồi, thì phải *biết dừng...* và tỏ ra uy quyền để cho chúng nhon chó khinh lòn! Khó là chỗ đó, phải biết rõ lúc nào nên “ra ân” lúc nào nên “ra uy”. Có lúc nào sung sướng khi cha mẹ thương con bằng cách chiều chuộng đủ điều; còn có lúc nào đau khổ bằng phải dùng đến uy quyền trùng trị? Dùng “An” hay dùng “Uy” dừng bao giờ quên chữ “đắc Trung”.

Việc gì trong đời, đừng có xem thường việc nhỏ mà không biết phòng bị trước, bởi chó bao giờ quên câu “Âm Dương bất trắc, vị chi Thần” 隅陽不測, 謂之神。

Hào từ Lục Ngũ mới bảo: “*Dị, nhi vô bị*” 易而無備, bởi thấy quá tầm thường nên ta thường có thói “xem thường” (khinh dị) cho rằng, có gì mà phải lo, nên chẳng bao giờ biết phòng bị trước! Quan trọng nhất trong câu, là chữ “*Dị*” 易 này!

*
* *

Việc đời, thường như thế! Thấy được “yên ổn” thì tin rằng sẽ được yên ổn mãi, không bao giờ gặp nguy, nên xem thường xem khinh mà không phòng bị... Có biết lo “phòng bị” trước, sẽ không còn sợ họa hoạn sinh ra bất ngờ... vì ta đã lo trước, nên bình tĩnh đợi chờ!

Như trước đây, nơi hào Sơ Cửu đã có nói: “*nguy giả sù bình; “dị” giả sù khuynh, kỳ đạo thậm đại!*” 危者使平，易者使傾，其道甚大。

“*Thứ chi vị Dịch chi đạo dã*”. 此之謂易之道也。

Dó, là cái đạo của Dịch! Đạo phòng loạn hơn là trị loạn.

*
* *

Thượng Cửu: Tự thiên hựu chi, kiết, vô bất lợi.

上九：自天祐之，吉，無不利。

Hựu, 祐 là trợ giúp

Trời đâu có giúp riêng cho ai, chỉ có ai biết thuận theo Trời, thì Trời mới giúp cho mà thôi

Tự thiên hựu chi 自天祐之, đó là kẻ đã thực hiện được câu “thuận Thiên giả tồn”, thuận với Lê Trời, với Tự nhiên... thì mới có thể sinh tồn, bằng sống nghịch với Tự nhiên, thì mắc họa “nghịch Thiên giả vong”! Theo Lê Trời mà sống, sẽ “tốt” (Kiết) và không việc gì mà chẳng có lợi (“vô bất lợi” 無不利).

Hào Thượng Cửu là hào Dương, là một bậc “Đại

Hiền". Theo lệ thường, cái gì lên quá cao thì phải sụp xuống, nhưng Thượng Cửu này tuy "thịnh", nhưng *đã biết không để cho "đầy" nên không "tràn"*!

*
* *

Tóm lại, trong các quẻ, thời của *Kiên* là tôn quý nhất; thời của *Thái*, là thịnh vượng nhất..., nhưng chỉ có thời *Đại Hưu* này, vừa được hanh thông, nhân sinh đều được hạnh phúc... là *hơn tất cả*! Ta thử xét lại: hào Sô, hào Nhị, hào Tứ đều được chữ "*vô cựu*", hào Tam được chữ "*hanh*", hào Ngũ được chữ "*kiết*", cuối cùng hào Thượng "*vô bất lợi*" và "*kiết*"!

Đại Hưu sở dĩ được tốt đẹp như thế, là nhờ đi theo sau quẻ Đồng Nhơn (tức là thời Đại Đồng thế giới), chính Đồng Nhơn đã tạo "nhân" cho Đại Hưu, hay nói cách khác, Đại Hưu là hậu quả tốt đẹp của Đồng Nhơn. Cho hay "*thiên thời*" là thời Đại Hưu *phải đi sau "nhon hòa"* là thời Đồng Nhơn: chỗ kỳ diệu của Dịch đạo là thế ấy! *Có được Nhơn Hòa, thì sẽ được tất cả. Trời cũng trợ giúp cho: "tự Thiên hựu chi" 自天祐之.*

Trong *Binh thơ* có nói: "*Thiên thời, Địa lợi, Nhơn hòa, nhon hòa vi bốn*" 天時, 地利, 人和, 人和為本。Gốc, là ở chỗ được Nhơn Hòa... Rất xác đáng, vì được Nhơn hòa, người ta có thể bất chấp cả Địa lợi với Thiên thời! *Không bao giờ bị thất bại hoàn toàn*. Về Lý học cũng một thế: "*nhon hòa vi bốn*".

15. ĐỊA SƠN KHIÊM

地山謙



“Khiêm giả, ẩn dã”
謙者，隱也。

Quẻ *Trên là Khôn* (Đất), đất thì thấp.

Quẻ *Dưới là Sơn* (Núi), núi thì cao, nhưng Núi mà biết hạ mình xuống thấp, vì con trai nhỏ phải cúi đầu trước Mẹ.

(Khôn, là Mẫu (mẹ); Cán, là đứa trai nhỏ, thiếu Nam).

Người mà biết nhún nhường, là người được kẻ khác tôn thờ (lên cao như núi), tức là chỗ mà Lão Tử bảo: “*Hậu kỳ thân, nhi thân tiên*” (để thân ra sau, mà lại được người ta đua mình ra trước).

*
* *

Sau quẻ *Đại Hưu* là quẻ *Khiêm*, bởi cái gì quá đầy thì đỡ...

Ta đã thấy các hào từ quẻ Đại Hữu, đều khuyên ta nên lấy sự *Khiêm hạ* để gìn giữ cho tương đối được bền vững thời Đại Hữu. Là Núi cao, cần phải lún mình xuống sâu mói vững chắc, cất nhà cao, cần phải đắp nền cho sâu, mói vững chắc... “*Cao dī hạ vi cơ*”, “*quí dī tiệm vi bản*” 高以下為基，貴以賤為本。

“*Khiêm*” đứng đầu trong các “đúc” của bậc Thánh nhơn, là phép xử thế cao nhất của Thánh nhơn, tức là người “Vô kỷ, vô công và vô danh” mà Trang Tử đặt cho cái tên là “*Chí nhơn vô kỷ, thần nhơn vô công, thánh nhơn vô danh*”!

*
* *

Trong quẻ Khiêm, chỉ có *hào Ba là quan trọng nhất, nhất Dương thống trị quần Âm*. Cho nên hào 3 là hào chủ chốt.

Thoán từ:

Khiêm hanh; quân tử hữu chung.

謙亨，君子有終。

Hết khiêm tốn, tất được thành công, việc khó gì cũng sẽ được xuôi trót! Người quân tử mà thực hiện được đức Khiêm đến đâu thì kết quả càng được hanh thông đến đó!

Tại sao bảo “*quân tử hữu chung*”? Là bởi chỉ có bậc quân tử mói chân thành có tánh khiêm tốn, họ không còn có cái *Ngã của họ nữa*, họ là kẻ vô kỷ, nên việc làm của họ không bao giờ lấy đó mà kể công, không bao giờ xem đó là danh vọng gì hon người mà khoe khoang.

Lòng hiếu danh, có những cái “trò giả dối”, mà sớm muộn gì cũng bị khám phá... Người ta đã bảo: Từ chối một lời khen, thấy như là một sự khiêm tốn, kỳ thực biết đâu đó là một sự giả vờ để được người ta khen lại một lần nữa... Một “trò” đạo đức giả! Người quân tử mà khiêm tốn, là thực sự không thấy có mình, trước như sau (“quân tử hữu chung”), chứ không phải muốn được đề cao thêm một lần nữa![1]

Thoán Truyện:

Thoán viết: Khiêm hanh. Thiên đạo hạ tết hào quang minh; Địa đạo tiết hào thượng hành.

彖曰：謙，亨，天道下濟而光明，地道卑而上行。

Ở đây, lấy 2 chữ Khiêm hanh mà giải rộng ra, chia thành Thiên đạo, Địa đạo, Quỷ thần đạo, Nhân đạo...

Đạo Trời, là nói về ảnh hưởng của Thái dương, Thái âm... đối với toàn thể vạn vật trên mặt đất, hợp với ảnh hưởng các tinh tú khác, với biết bao nhiêu vũ trụ tuyến (forces cosmiques) thật là rõ ràng sáng sủa (*thiên đạo hạ tết hào quang minh* 天道下濟而光明). Con người trên mặt địa cầu, đâu phải là một vật cô độc, hoàn toàn cô lập. Đó là muốn đề cập đến sự quan hệ mật thiết giữa vũ trụ vạn vật và con người: “*Thiên Nhơn tương hợp*”.

Đạo Đất (địa đạo), tuy dưới thấp mà đi lên trên

1. Lấy ý câu nói này của nhà văn La Rochefoucauld: “*Le refus de la louange est un désir d'être loué deux fois!*” (Từ chối một lời khen là muốn được khen lại một lần thứ hai).

(thượng hành), ám chỉ các địa mạch ảnh hưởng cũng rất mạnh đến các vật trên mặt đất!

Con người giống như cái cây mọc trên mặt đất, rễ ăn sâu vào lòng đất, hút âm khí trong lòng đất, và hút cả sinh lực trên không trung... mà sống, cho nên Người ta là chỗ giao tiếp với Thiên Địa sinh lực, cả ba là một (Tam Tài giả, vi nhất chi ngôn).

Từ dưới đất xông lên, từ trên giáng xuống giao tiếp nhau, đó là *Khiêm hanh*. Nếu trên không xuống thấp, thì địa mạch không sao chuyển được, người cũng không hóa được!

*
* *

a) *Thiên đạo khuy, doanh nhi ích “Khiêm.*

天道虧，盈而益謙。

(Khuy 虧 , là bót; doanh 盈 , là đầy), tức là sự bù trừ của Tạo Hóa: *hết đầy quá thì bớt đi, thiếu quá thì bù vào để lập lại Quân bình* (tức là Đạo). “Khiêm” là ở cái thế “khuy” nên phải được làm cho đầy!

Tức là chỗ mà Lão Tử (ở chương 77, Đại Đức Kinh) đã nói rõ, thế nào là *đạo Trời* (*Thiên đạo*):

“*Thiên chi đạo, kỳ du trương cung dư!*

Cao giả, úc chi

Hạ giả, cử chi

Hữu dư giả, tổn chi

Bất túc giả, bổ chi.

Thiên chi đạo: Tổn hữu dư; Bổ bất túc.”

(Đạo Trời ư? Có khác nào cây cung mà giương lên!)

*Chỗ nào cao thì ép xuống,
Chỗ thấp thì nâng lên,
Có dư, thì bớt đi,
Có thiếu, thì bù vào!
Đạo của Trời là Bớt chỗ dư, bù chỗ thiếu!)*

Khiêm, là hạ mình xuống, thì đạo của Trời sẽ làm cho đầy (doanh nhi ích 盈 而 益). Chính là chỗ mà Lão Tử bảo “*OA tǎc doanh 窪 則 盈*” (cái gì voi thiếu thì sẽ được bù đắp cho đầy lại) (Chương 22 Đạo Đức Kinh). Luật Quân bình chẳng bao giờ có sự chênh lệch quá to! Người mà làm không nổi, thì Trời Đất cũng giúp cho. Trời Đất đây, là Thiên Lý đấy!

Hết mặt Trời lên cao, thì xế (nhụt doanh, tắc trắc); trăng khuyết thì lại tròn... Hết “doanh” (đầy) thì bị bớt đi “khuy”... Bởi vậy, khi công danh lên tuyệt đỉnh rồi, thì phải biết dọn đường lo đi xuống như Mặt Trời lên cao, thì xế! Còn như muốn kéo dài cái “doanh” thì cần phải biết “khiêm hạ” để giữ lại mức quân bình. Lão Tử bảo: “*Công thành, thân thối, biến chi đạo dã*”. Đó là đạo Người giống như đạo Trời: để tránh cái họa của “doanh” phải dùng đến cái “hu”, công mà thành rồi, hãy bỏ đó mà đi! Nếu lại ngu mê hôn ám, chỉ biết tham quyền cố vị thì nếu người không lật đổ mình, thì Trời cũng không tha!

Hết “doanh” thì “khuy”, mà “khiêm” thì được “ich”: “*Thiên đạo khuy doanh, nhi ích khiêm*” 天 道 虧, 盈 而 益 謙。Đạo của Trời là “bớt cái dư”, mà “bù cho cái thiếu”.

b) Địa đạo, biến “doanh” nhi lưu “khiêm”.

地 道 變 盈 而 流 謙。

Nói về “địa đạo” là nói về lẽ biến hóa trên mặt đất. Cồn cao, là “doanh”, thì chẳng bao lâu sẽ bị sụp xuống “khuy”! Vực sâu, là “khiêm” nên bao nhiêu nước cũng rút vào đó cho đầy: “oa tắc doanh”.

(*Lưu* 流 là chảy vào) Núi cao hơn các gò nồng, là “doanh”, nhưng lại thường bị cái họa của “son băng” đó là “doanh” mà phải biến, nên gọi là “biến doanh” 變盈. Biển, thấp ở dưới trǎm sông (bách xuyên) là tượng của Khiêm hạ, nhưng bao nhiêu sông cũng đều chảy vào, đó là Khiêm mà được các sông đổ vào, nên gọi là “lưu khiêm” 流謙.

*
* *

Vì sự quan trọng của câu “*Địa đạo, biển doanh lưu khiêm*” mà Lão Tử đã phải dành một chương (Chương 66, trong Đạo Đức Kinh) để bàn cho vỡ lẽ thêm. “*Giang hải sở dĩ nǎng vi bách cốc vương giả, dĩ kỳ “thiện” hạ chi. Cố nǎng vi “bách cốc vương”!* 江海所以能為百谷之王者，以其善下之。故能為百谷之王。

(Sông biển có thể làm vua của trăm hang, là vì nó “khéo” ở dưới thấp, nên làm vua trăm hang).

“*Thị dĩ, dục thương dân, tất dĩ ngôn hạ chi; dục tiên dân, tất dĩ thân hậu chi; thị dĩ Thánh nhơn xứ thương nhi dân bất trọng, xứ tiền nhi dân bất hại...*” 是以欲上民，必以言下之。欲先民必以身後之。是以聖人處上而民不重，處前而民不害。

(Bởi vậy, muốn ngồi trên dân, hẳn nên lấy lời mà hạ mình. Muốn đứng trước dân, hẳn nên lấy thân mình

đứng ra sau. Vậy nên, Thánh nhơn, ở trên mà dân không hay nặng, ở trước mà dân không thấy bị thương tổn...)

Cũng như những hào từ của Thoán truyện, Lão Tử đồng *lấy sông biển* (lưu khiêm) để cụ thể hóa đức Khiêm trong đạo trị dân trị nước.

c) “*Qui thần, hại doanh nhi phúc khiêm.*”

鬼神，害盈而福謙。

Chữ “quỉ thần” ở đây, không phải nói về “ma quỷ” như người trong dân gian thường dùng, mà nói về khí linh của “Âm Dương bất trắc” (*âm dương bất trắc vị chi thần* 陰陽不測謂之神。), tuy vô hình mà vẫn có công năng huyền diệu khiến cho kẻ nào “tự cao tự mãn” (mãnh doanh) thì sẽ có “hỏa tai” đến ngay lập tức, kẻ nào biết khiêm tốn thì sẽ được ban phúc!

Thoán truyện mới nói: “*Qui thần hại doanh nhi phúc khiêm* 鬼神，害盈而福謙。.”

Cũng là một nghĩa với câu: “*Thiên chi đạo, tốn hữu dư nhi bổ bất túc*” của Lão Tử.

d) “*Nhơn đạo, ố doanh nhi háo khiêm.*”

人道亞盈而好謙。

(Đạo của con người, rất ghét cái gì đầy tràn (kiêu căng, tự mãn) mà rất thích sự nhũn nhặn khiêm tốn!)

Đạo *xử thế*, “*khiêm tốn*” là chìa khóa của thành công! Còn “tự mãn, tự kiêu” là nguồn của thất bại và tai ương.

e) “*Khiêm, tôn nhi quang; ti nhi bất khả du: quân tử chi chung dã*”.

謙，尊而光，卑而不可踰。君子之終也。

Hết có đức Khiêm, thì “thiên đạo Ích chi”; “địa đạo

lưu chi”; “quỉ thân phúc chi”, nhơn tình thương mến, ưu đãi.

Mình dù ở địa vị cao, mà biết lấy đức Khiêm làm đạo “minh triết bảo thân”, thì đạo ấy càng thêm sáng tỏ (“tôn nhi quang” 尊而光); tự xử như người dưới thấp, mà thực sự lại chẳng còn ai cao hơn (*ti nhi bất khả du* 卑而不可踰) (*Du* 跃, là vượt qua nỗi). “*Bất khả du*”, là không thể vượt qua nỗi!

Đại Tượng

Địa trung hữu son: Khiêm.

象曰：地中 有山：謙。

Quân tử dĩ biêu đa ích quả, xứng vật bình thí.

君子以裒多益寡，稱物平施。

(Trong đất, có Núi, nghĩa là Núi cao chôn sâu trong lòng đất, là *Khiêm* vậy.

Người quân tử noi theo đó mà “bót chõ dư, bù chõ thiếu” (*tốn hữu dư, bổ bất túc*) để giữ mức Quân bình của Tạo Hóa “xứng vật bình thí”.

Luật tắc này của Dịch Đại Tượng thật *hết sức quan trọng*, cho nên Lão Tử đã phải dành riêng một chương (chương 77, Đ. Đ. K) để giảng giải! Tại sao Đại Tượng bảo người “*Quân tử*”, mà không nói chung “người ta”? Là vì, chỉ có người quân tử “vô kỷ, vô công, vô danh” mới có thể làm nổi việc này, chứ thế nhơn làm sao làm cho nổi? Lão Tử nói: “*Thiên chi đạo: Tốn hữu dư nhi bổ bất túc. Nhơn chi đạo, tắc bất nhiên: Tốn bất túc dĩ phụng hữu dư. Thực năng hữu dư dĩ phụng thiên hạ? Duy hữu Đạo giả!*” 天之道，損有餘而補不足，人之道則不然。。。損不足以奉有餘。孰能

有寓意、有餘以奉天下。唯有道也。(Đạo của Trời, bót chõ dư, bù chõ thiếu. Đạo của Người, không như vậy, bót chõ thiếu, bù chõ dư. Ai đâu biết lấy cái dư để bù cho thiên hạ, nếu không phải kẻ đã đắc Đạo!).

Tiểu Tượng

Sơ Lục: Khiêm khiêm quân tử,
dụng thiệp đại xuyên, kiết.

初六：謙謙。君子用涉大川，吉。

Tương viết: Khiêm khiêm, quân tử, ti dĩ tự mục dã.

象曰：謙謙，君子卑以自牧也。

Người quân tử ở hào Sơ, là kẻ hết sức khiêm nhượng (khiêm khiêm) nghĩa là bậc quân tử mà xem mình thấp kém (quân tử ti), thì dù có đi qua sông lớn đầy nguy hiểm cũng chẳng hề chi, nên gọi là tốt (kiết).

Lại nữa, nếu người quân tử mà biết lấy đạo Khiêm để tu đúc. Chữ “tự mục” có nghĩa là “tự trị”, trị cái lòng kiêu căng ngạo mạn của mình, thì đạo hạnh sẽ còn cao hơn trước vô cùng!

Lục Nhị: Minh khiêm, trinh kiết

六二：明謙，貞吉。

Tương viết: Minh khiêm, trinh kiết, trung tâm đắc dã.

象曰：明謙，貞吉，中心得也。

Lời nói khiêm tốn, không phải đủ cho ta tin là lời nói chí thành, vì chỉ có người quân tử như hào Lục Nhị mới có thể thốt ra những lời nói khiêm tốn chân thành mà thôi, là bởi Nhị là hào được đắc trung đắc chánh...

mà thôi! Cho nên mới nói “*Lục Nhị minh khiêm, trinh kiết, trung tâm đắc dã*” (Lời nói khiêm cung của Lục Nhị là lời nói tự đáy lòng, nên tốt, vì được chân thành mà thoát ra) “*Minh*, là tiếng nói, lời nói”. “*Minh khiêm*” là lời nói khiêm cung nhũn nhặn.

Cho nên, cần phải cẩn thận xét đoán kẻo lầm phải những kẻ giả vờ khiêm tốn mà thực sự là những lời nói ngoài môi cốt để lừa phỉnh vì một mục đích vị lợi gì đây? Lời nói khiêm tốn, do lòng chí thành thoát ra, mới thật là “lời khiêm” (*minh khiêm* 明謙). Lời xưa có câu khuyên ta: “*Mạc tín trực, trung trực, tu phòng nhân bất nhân*”.[1]

Cửu Tam: Lao khiêm, quân tử hữu chung, kiết.

九三：勞謙，君子有終，吉。

-
1. Đừng nghe kẻ nói với ta những lời lẽ trung trực mà tin bằng lời là người trung trực; phải phòng những kẻ hay nói đến nhân là kẻ có thật lòng nhân. Thấy ta thích đạo đức, nên muốn được lòng tin của ta, bọn giả đạo đức toàn nói với ta những lời đạo đức... Thời loạn, bọn giả đạo đức thích giảng về đạo đức để gây lòng tin tưởng nơi quần chúng, như ta thường thấy ngay ở các giáo đường các tôn giáo: Họ bảo với các tín đồ ngoan ngoãn: Hãy nghe những lời ta nói, đừng nhìn những gì ta làm! Cho nên, theo Dịch, nơi hào Nhị khuyên ta: *chớ nêu chỉ nghe lời người ta nói, mà phải xét kỹ những gì họ đã làm!* Trang Tử cũng đã có nói: “Nói Nhân Nghĩa là người khôn; nghe Nhân Nghĩa là đồ dại!”. Bởi từ xưa, thiên hạ đều kẹt trong câu này của Trang Châu: “Thiết câu giả tru; thiết quốc giả hầu!” (Trộm một cái móc xâu thì bị pháp luật tru di; nhưng nếu lo đi làm tội tớ cho bọn cầm quyền thiên hạ, đi trộm cướp (hạng đi xâm lăng nước khác) thì lại được gọi là anh hùng cứu nước và được phong hầu! Một thứ “trò hề” muôn thuở. Cho nên mới có câu: “Bất sự vương hầu, cao thượng kỳ sự” như đã nói nơi hào Thượng cửu quẻ Cỗ.

Tượng viết: Lao khiêm quân tử, vạn vật phục dã.

象曰：勞謙君子，萬民復也。

Cửu tam, là dương cường, dương cư dương vị, đắc chánh, hào Dương thống lãnh quân âm, tức là hạng người quân tử, *địa vị thật cao*, (ở chót vót nội quái, là *Cấn* (núi cao), có tài năng thực sự, có công lao thật lớn... nhưng lại biết giữ mình, xử thế rất khiêm cung, chẳng khoe tài, chẳng khoe công, chẳng khoe danh. Có đại công lao với thiên hạ như thế mà giữ được đức Khiêm duòng ấy, thật là “*quân tử hữu chung*”. “*Lao Khiêm*” là đại công lao mà khiêm tốn; làm, mà không để cho ai thấy công lao của mình. (“*Lợi trạch u vạn thế, thiên hạ mạc năng tri dã*” ban ân huệ nhuần thấm khắp mọi người đến muôn đời, mà thiên hạ chẳng ai hay biết). Đó là đức *Khiêm* đến cực độ cao siêu! Gánh vác việc khó khăn lao nhọc như thế mà chẳng cậy công, chẳng khoe khoang, đức thật dày... như thế mà bảo là chẳng có công gì của mình, nhân dân đừng thán phục sao được!

Đây là bậc người “vô kỷ, vô công, vô danh”! là bậc *Thánh nhơn của thời Khiêm*! Cho nên, một mình nó, làm chủ cả ngũ âm.

Hào Lục Tú: Vô bất lợi, huy Khiêm,
無不利，撝謙。

Tượng viết: Vô bất lợi huy khiêm, bất vi tắc dã.

象曰：無不利，撝謙，不違則也。

Hào Lục Tú, âm cư âm vị là đắc chánh, người có công với xã hội, nhưng bởi ở cận hào Lục Ngũ là vị chí tôn nên phải có vẻ ái ngại, kiên sợ, còn ở dưới lại phải nể hào Tam... nên ở phải địa vị khó khăn không được

hoàn toàn thoái mái. Vậy, phải biết giữ thể Khiêm thật hoàn toàn, nếu chẳng đến nơi, khó được vẹn toàn! “*huy Khiêm*”.

Thánh nhân vì thế mà răn Tú: Nên lo mà phát huy đức Khiêm của mình đến nơi đến chốn thì mới có thể tân thiện, không có gì là không lợi (vô bất lợi). Ở giữa thế kẹt, trên là Lục Ngũ rất nhân hậu, dưới là một kẻ đại tài đại đức trên người: phải làm sao cho xứng đáng! với người trên kẻ dưới! “*Bất vi tắc*” là đúng với bốn phận, chứ đâu phải là việc vượt ra ngoài bốn phận! Sự tín nhiệm của bề trên đừng để mất lòng tin; còn công lao kẻ dưới (hào Tam) cũng phải làm sao đừng bị thiệt thòi.

Hoàn cảnh của vì thế tướng Tiêu Hà giữa Cao Tổ và Đại Tướng Quân phá Sở là Hàn Tín!

*Lục Ngũ: Bất phú dĩ kỳ lân,
lợi dụng xâm phạt vô bất lợi.*

六五：不富以其鄰，利用侵伐無不利。

*Tượng viết: lợi dụng xâm phạt, chinh bất phục dã.
象曰：利用侵伐，征不服也。*

Hào Lục Ngũ, ở vị đắc trung đắc chánh, ngôi vị chí tôn có tính nhu thuận, có đức khiêm nhu nên được người quy phục.

Nhưng hãy coi chừng. Ở bậc chí tôn, có Ân mà chẳng có Uy thì dễ bị khinh lòn, chưa đủ tư cách làm nhà lãnh đạo.

Nếu gặp phải có những kẻ ngang ngạnh chưa chịu thần phục, thì phải biết dùng đến uy vũ mà chinh phục

mới được (*lợi dụng xâm phạt, chinh bất phục dã* 利用
侵伐，征不服也。)

*Thượng Lục: Minh Khiêm, lợi dụng hành sự,
chinh áp quốc*

上六：鳴謙，利用行師，征邑國。

*Tượng viết: Minh Khiêm chí vị đắc dã. Khả dụng hành
sự, chinh áp quốc dã.*

象曰：鳴謙志未得也。可用行師，征邑國
也。

Hào Lục âm (thượng lục) là âm ở ngôi âm, là cực âm. Cực âm, là cực nhu đối với thời Khiêm, không nên. Bởi ở ngôi cao mà cực Âm, là kẻ bất tài, còn nhu nhược là khác nữa! Không thể chế được những phần tử ngoan cố!

Khiêm mà chân chính, chẳng bao giờ mất đạo Trung của nó, phải biết dùng Cương mà chế trước sự nhu nhược của mình, tức là phải có ý chí mạnh rồi phải có đủ sức để “hành sự” chỉnh đốn lại thiên hạ, nghĩa là phải lập lại trật tự quân bình nơi mình và nơi người; người mà chưa làm chủ được mình, không sao làm chủ được người!

16. LÔI ĐỊA DỰ

雷 地 豫



“Dự giả, duyệt dā”, nhạc dā.
 “豫者，悅也”，樂也。

Dự, có 2 nghĩa:

1. *Uy nghi, thể thống.*
2. *Vui vẻ, sung sướng.*

Lôi trên, Địa dưới, tượng sấm sét từ trên đánh xuống và nổ trên mặt đất: tượng của uy tròn mà cũng là tượng của sự hấp thụ được dương khí ở trên mà vạn vật dưới đất đều được sinh sôi nẩy nở!

Hào Tú, là nhất dương làm tan âm khí bao trùm trời đất. Tất cả đều được cởi mở, vui vẻ. *Dự, là Vui.* Hào Tú, là hào chủ não.

Thoán từ:

Lợi kiến hầu, hành sư.
 利見候，行師。

Hào Cửu Tú, dương cương, cận bên Cửu Ngũ (là ngôi chí tôn) tượng một *người có tài đức xuất chúng*, gặp thời đắc chí ở thời Dự, nhất Dương thống lãnh quần âm. Ngày xưa, Trung Hoa sống trong chế độ phong kiến, thì Thiên tử là chủ chư hầu, dùng đến Uy (tượng trung bằng việc hành sự) để quy phục chư hầu (nói chung là nhân dân).

Trên là *Chấn* (là sấm sét) tượng bậc quân trưởng, nên mới nói “kiến hầu”. *Khôn*, tượng đại chúng, nên nói “hành sự”!

Đất (*Khôn*) nhò có “Uy” (sấm sét) mới có được hưởng ân huệ của sấm sét mà được *an vui*...

Ta thử lấy *hiện tượng Sấm sét* theo khoa học ngày nay mới có thể hiểu được rõ ràng hơn.

Lôi (Chấn) là nhút Dương sinh ở hào Cửu Tú, hào chót phía dưới quẻ Chấn (tượng *làn điệu (éclair) phát xuất từ trên không trung* mà bên trên là mây đen kịt (tượng bằng 2 hào âm trên quẻ Chấn)).

*
* *

Quẻ Dự, *trên dưới thuận hòa, đó là điểm vui nhất trong đạo trị nước!*

“Thời của của quẻ Dự, nghĩa ấy lớn vậy thay”! (“*Dự chi thời, nghĩa đại hỉ tai!*”) *Uy quyền* như sấm sét vang trời ai mà chẳng sợ chẳng kiêng; nhưng mà *An huệ* ban bố cho khắp thiên hạ nhuần thấm như mưa dào thì vô kể! *Trị nước* mà gồm đủ cả *Ân-Uy* thật ít có! Nên lời tán mới có câu “*đại hỉ tai!*” trong 64 quẻ, ta chỉ thấy có 11 quẻ mới được lời tán này!

Đại Tượng

Lôi xuất địa phán: Dự

象 曰：雷 出 地 奮，豫。

Tiên vương dĩ tác Nhạc sùng đức,

ân tiến chi Thượng đế dĩ phối tổ khảo.

先 王 以 作 樂 崇 德，殷 薦 之 上 帝 以 配 祖 考。

Sấm sét phát nổ àm àm từ mặt đất: tượng quẻ Dự, khí dương ở mặt đất bùng lên nổ vang thành tiếng sét! Đó là nghĩa của câu “*Lôi xuất địa phán*”. Vạn vật nhân đó mà thoả được Dương khí của Trời Đất mà sinh sôi nẩy nở.

Bậc tiên vương ngày xưa xem đó mà chế Nhạc, *Nhạc là biểu tượng của khí Thái hòa!* Đó là phép dùng Nhạc để trị nước của người xưa.

Người xưa cũng dùng Nhạc trị bệnh thần kinh náo loạn vì Âm Dương bất hòa (ngày nay mới đây Tây phương cũng có đề xướng phép trị bệnh bằng âm nhạc).

Nhạc mà thịnh, thì công đức cũng được thịnh, để tiến dâng lên Thượng đế, đem nhân sự mà phối hợp với thiên lý (ân tiến chi Thượng đế dĩ phối tổ khảo) với tổ tiên loài người!

Châu Liêm Khê đã dành cả 3 chương (nói về Nhạc): chương 17, 18, 19 trong quyển Dịch Thông Thơ 易通書.

Nhạc, là tiết điệu. Mà Tạo Hóa cũng là “*tiết điệu*”.

Trời Đất có Ngày Đêm, có 4 mùa, 8 tiết... Không bao giờ sai điêu tiết (Đọc Phụ lục: luật Tuần Hoàn).

Sau một buổi mưa rào, sấm vang đất động mà tạo

vật giải tỏa được cơn nóng bức căng thẳng tinh thần, do đó mới có được sự sáng sủa và niềm vui sướng bất đầu! Nhạc cũng có công dụng là làm thư giãn tâm hồn bị bức dọc, làm tiêu tan những niềm u uất trong lòng người! Cho nên, thường trong lòng có sự chan chúa niềm đau thương hay vui sướng đều được phát ra bằng lời ca tiếng hát, giọng điệu trầm hùng hay tha thiết. Nghe một bản nhạc ai cũng cảm thấy nhẹ nhõm tâm hồn, nên *Nhạc là một nhu thiết* (là một nhu cầu thiết yếu) của tinh thần được người xưa khai thác! Thánh nhơn biết nhạc có cái thế lực rất mạnh về đường đạo đức, nên mới chế nhạc để dạy người. “*Nhạc giả dã, Thánh nhơn chi sở lạc dã, nhi khả dĩ thiện nhơn tâm, kỳ cảm nhơn thâm, kỳ di phong dịch tục, cố tiên vương trú kỵ giáo yên!*” (*Nhạc là chỗ vui của Thánh nhân, có thể khiến cho lòng dân trở nên tốt lành, có thể cảm lòng người rất sâu và “di phong dịch tục” được, nên tiên vương mới bày ra việc dạy nhạc*)

Tiểu Tượng

Số lục: Minh Dự. Hung.

初 六：鳴 豫，凶。

Chữ “Dự” ở quẻ, khác “Dự” ở hào. “Dự” ở quẻ, là Vui của sự thái hòa cùng vạn vật; còn “Dự” ở hào, đó là sự “tự lạc” nghĩa là cái Vui của riêng mình, cái Vui của lòng tư kỷ, dục lợi.

Vui mà vui cùng mọi người, là cái vui của người quân tử, còn sự vui riêng cho mình, là cái vui của người tư kỷ, không tốt nên gọi là “Hung”.

Ở địa vị thấp kém, “Sо” lại là *hào bất trung bất chánh* (âm cư dương vị) nên gọi là “minh dự” 鳴豫,

cái vui tự hào, tự cao rằng ta đây là người có nhiều thế lực, nhờ có nhiều bạn quý cao sang quyền túc! Nên gọi là “hung”!

Lục Nhị: Giới vu Thạch, bất chung nhụt, trinh kiết.

六二：介于石，不終日，貞吉。

Tượng: Bất chung nhụt, trinh kiết, dī Trung Chánh.

象曰：不終日，貞吉；以中正也。

Ở thời Dụ, tượng có sự Vui.

Nhung, quá vui, thì không nên, bởi “lạc cực sinh bi”! Đó là lệ thường phải vậy của Dịch lý.

Riêng có hào Lục Nhị đây, đặc trung đặc chánh, “âm cư âm vị” thè sự đặc trung đặc chánh của hào lại được gia bội. Bởi vậy, Lục Nhị đặc biệt, là kẻ biết tự chủ, chẳng vui đùa theo thế tục đến quá lố!

Chữ “giới” 介 có nghĩa là sự tiết chế: đang vui, biết kiềm chế việc vui không đến đổi quá lố! cũng không đến quá phóng túng như bọn thế nhon! mới gọi là “giới vu thạch” không để bị lôi cuốn đến suốt ngày hay suốt đêm. Lục Nhị nhờ chữ đặc Trung mà giữ mình có mục độ (*dī Trung Chánh dā 以中正也*).

Cách ngôn có câu: “Nói đương sướng mồm mà nín được ngay; ý đương hờn hở mà thu hắn lại được, thì đương được cái tâm bình-hòa ngay-chánh!”

Đọc Dịch nên lưu ý kỹ mục “Trung” của Tạo Hóa: Người quân tử trong niềm vui nỗi buồn, không bao giờ tỏ ra thái quá hay bất cập; Kẻ tiểu nhon mà vui, thì cười vang híp mắt; mà buồn, thì thê thảm sụt sùi! Đo lường nhân phẩm con người, hãy căn cứ vào 2 hào Sơ Lục và

Lục Nhị của quẻ Dự này. Sơ Lục mà đắc ý thì kiêu căng, hống hách, khoe khoang cái hạnh phúc của mình! Ta há chẳng từng thấy bọn tiểu nhơn mà đắc chí bất cứ trong việc nhỏ hay lớn nào, thì nào là tiệc tùng bè bạn, tấu nhạc tung bừng để đánh trống thổi kèn khoe khoang thế lực, bắt buộc mọi người phải chú ý đến cái vui của mình, phải đồng thời là cái vui của thiên hạ!

Trái lại, người quân tử Lục Nhị, “được không mừng, mà mất cũng không buồn” tâm tư luôn luôn trầm lặng và điềm đạm! *Khoe khoang cái vui của mình, đó cũng là thái độ bất nhân và vô lễ... trong khi chung quanh mình còn biết bao kẻ bạc phúc, khóc thảm...*

Lục Tam: Hu dự, hối trì, hưu hối.

六三：盱豫，悔遲，有悔。

Tượng viết: Hu dự, hưu hối, vi bất đáng dā.

象曰：盱豫，有悔，位不當也。

Lục Tam, là hào bất trung bất chánh, lại đứng dưới Tứ, nhìn lên Tứ là kẻ có quyền to, ngửa mặt trông lên mong được nhờ hơi mà được lộc thừa của quý, đó là cái vui của tiểu nhơn cầu cạnh thế quyền, tất nhiên sẽ phải có điều ăn năn hối lỗi (hưu hối)!

Tuy nhiên, lòng ăn năn hối lỗi này, phải sớm tinh ngộ mới hay. Nếu không biết sớm lo hối lỗi, lại để chậm chấp diên trì (*trì*: chậm) mà sa vào cái bẫy của quyền thế, trở thành ngạo nghễ, thì sao tránh được sự ăn năn hối ngộ (*hưu hối*).

Cửu Tú: Do dự, đại hưu đắc, vật nghi, bằng hạp trâm.

九四：由豫，大有得，勿疑，朋盍簪。

Đây, là hào chủ não của quẻ Lôi Địa Dụ: “nhất Dương thống lãnh quần âm”.

“Do dù” 由豫, là do noi mình, mà tất cả đều được vui suông, hạnh phúc, tức là chỗ mà Lão Tử bảo:

Ngã vô vi nhi dân tự hóa.

Ngã hiếu tịnh nhi dân tự chính.

Ngã vô dục nhi dân tự phác.

Ngã vô sự nhi dân tự phú.

我無為而民自化

我無為而民自正

我無為而民自樸

我無為而民自富。

(Ta “vô vi” mà dân tự hóa.

Ta ua tịnh mà dân tự chính.

Ta vô dục mà dân trở thành chất phác.

Ta vô sự mà dân tự giàu.)

(Chương 57, Đ.Đ.K)

Chữ “tự” trên đây, là chữ “do” của hào Cửu Tú quẻ Dụ. Mấy chữ “tự hóa”, “tự chính”, “tự phú”, “tự phác” là ám chỉ vai trò cá nhon trong việc tu thân. “Tự hóa” là nói về cái quyền sống tự do cá nhân của con người. Nhờ hành được cái đạo Vô Vi mà mỗi cá nhân đều được “tự hóa”, nghĩa là mỗi cá nhân đều được quyền tự nhiên “hóa theo mình” chứ không bị bắt buộc hóa theo ai cả! Sở dĩ có sự tự hóa, là vì “đồng thinh tương ứng, đồng khí tương cầu”! Sự giúp đòn của Thánh nhon giống như tác động của ánh Thái dương giúp cho trăm hoa đua nở, nhưng cây nào trổ hoa nấy! *Khác xa với đạo hữu vi, hay*

can thiệp đến việc tự hóa của con người, mong hóa tất cả mọi người theo một mẫu người “lý tưởng” nào đó, do chế độ ước định! “dĩ Nhơn diệt Thiên”, chỉ tổ làm khổ cho mọi người! như Trang Tử đã nói ở Thiên Thu Thủy.

Tự, nhờ ở đức dương cương, là người chủ động trong thời Dự này, lại được cận với Ngũ (bậc nguyên thủ) hết lòng tín nhiệm mà giao cả quyền hành cho Tứ “thế thiên hành đạo”! Như thế, hoàn cảnh đã thuận, quyền lớn trong tay... người quân tử gặp thời, chắc chắn sẽ được “đại hưu đắc” 大有得, và người đời nhò mìn mà được vui vẻ hạnh phúc.

Lục Ngũ: Trinh tật, hằng bất tử
六五：貞疾，恆不死。

Tượng viết: Lục ngũ trinh tật, thừa cương dã.

Hằng bất tử, trung vị vong dã.

象曰：六五貞疾，乘剛也。
恆不死，中未亡也。

Lục Ngũ, tuy ở địa vị chí tôn, mà thuộc về loại âm nhu, ở vào thời Dự nên đã biến thành “dật dự” nghĩa là bị chìm đắm trong vòng vui chơi dâm dật (như Tề Hoàn Công giao phó quyền bính cho Quản Di Ngộ đặng tự mình hưởng lạc!)

Tuy dưới Ngũ có Tứ là dương cương đắc chánh, rất được lòng dân, đứng ra gánh vác việc thiên hạ, nhưng làm Vua mà phải nhường quyền cho kẻ khác, thì có khác nào kẻ bị binh “bại xuôi” (không đi được) suốt đời rồi! May được Tứ là bậc quân tử không quá tay áp bức, và Ngũ dù sao cũng đắc trung, việc thiên hạ có người lo, mình chỉ thừa vị mà thụ hưởng được hu vị mãi mãi...

Tượng là một người bị bệnh bại “*trinh tật*” nhưng sống lâu (*hằng bất tử* 恒不死).

Ở nước Trung Hoa ngày xưa, hào Lục Ngũ và Cửu Tú là tượng Tề Hoàn Công với Quản Trọng; còn ở nước Việt Nam, là hoàn cảnh thời Vua Lê Chúa Trịnh, và sau cùng là thời Pháp thuộc với các vua dòng họ Nguyễn. Tề mà mất, là bởi Quản vong; Trịnh mất thì Lê vong; Pháp mất thì Nguyễn vong...

Thượng lục: Minh dự, thành hữu du, vô cựu.

上六：冥豫，成有渝，無咎。

Tượng viết: Minh dự, tại thượng, hà khả trường dã.

象曰：冥豫在上，何可長也。

Hào Thượng lục, là hào âm nhu đến cực độ, bất trung bất chánh, lại ở nhầm thời Dự mà “dâm dự” đến cùng cực, say đắm trong việc vui chơi cuồng loạn, chỉ biết có cái vui trước mắt mà không nghĩ đến cái buồn khổ sau lưng (lạc cực sinh bi), thật là một kẻ si mê ám chướng... đắm đuối trong cảnh “trà đinh tửu điếm” ở những xóm bình khang nhơ nhuốc...

Nhưng, may là hào Thượng lục này thuộc về ngoại Chấn (cũng như hào Lục Ngũ), nên còn có “co” động tâm mà tĩnh ngộ! (vì ngoại Chấn, là có Dương động).

Câu “*Thượng lục minh dự*” 上六冥豫 (*Minh* 冥 là buổi tối, lúc hoàng hôn, chứ không phải minh là sáng) đó là cái “Vui mê muội”, cái “Vui túy lúy của hạng tiểu nhơn ngu si đần độn và tự hào! Vui đắm đuối có lẽ nào vui được mãi mãi hay sao? Vui quá, dễ sinh chán, sau cuộc vui nhộn, con người trở thành vô cùng bi thiết: luật quân bình của Tạo Hóa! Cười rồi khóc, khóc rồi

cười loay quay mãi trên cái vòng lẩn quẩn bất tận! Đó là cảnh “đè tiểu gai phi”!

*
* *

Đọc xong 6 hào quẻ Dự, ta nhận thấy rất rõ thế nào là “lạc cực sinh bi”, “sinh ư ưu hoạn, tử ư an lạc” câu đầu lưỡi của Kinh Dịch khuyên răn đe dọa chúng ta! Không bao giờ chán!

Quẻ Dự dạy ta: Vui Buồn, Sướng Khổ như một Âm một Dương luôn luôn đeo dính nhau như Bóng với Hình. Cho nên “Sướng bao nhiêu, Khổ bấy nhiêu” mới là Lẽ Đạo! Hê “đạt dự” (vui hết sức vui) là triệu trâm của một cái gì buồn khổ vô tận đang đợi chờ ta! Chắc chắn là như vậy!

Cho nên, có câu: “Yên an trâm độc, bất khả hoài dã 宴安鳩毒，不可懷也。” (Yên vui sung sướng, chính là thứ rượu độc hay giết người, chẳng nên say mê mà ôm áp nó!), và đây cũng là lời Quản Trọng khuyên Tề Hoàn Công.

“Dự”, vì thế có 2 nghĩa:

Vui mà phải biết *dự phòng*: *phòng đi đến quá vui!* Trong Nội Kinh cũng có nói: “*Hỉ, thương tâm*”!

Gặp sự vui mừng, phải liền *tiết chế* nó lại... chỉ mỉm cười là đủ rồi! cho nên ta há thường không thấy, chỉ có kẻ tiểu nhơn mới có *tiếng cười vang dội*, có cái cười *ngắc nghéo...* *rũ rượi!* *Đi đâu mà nghe có tiếng cười vang động, chắc chắn nơi đó, không có bậc Hiền.*

Tóm lại, *muốn đánh giá một bậc Quân tử hay một Kẻ tiểu nhơn*, người xưa hay để ý *dò xét những lúc*

vui buồn của họ. Tiếu nhơn là hào Sơ luôn luôn “minh dại”; Quân tử là người của Lục Nhị thì “giỏi vu thạch”! Chỉ có ở những ca lâu tẫu điểm mới có cảnh náo nhiệt “cuộc vui đầy tháng, trận cười suốt đêm”, những tiếng cười vang dội...

17. TRẠCH LÔI TÙY

澤雷隨



“Tùy giá tùng dã”

隨者，從也。

(Tùy, là tùy tùng)

“Tùy” là cái dụng của quẻ Thái.

Đây, là tượng của cái Động, mà cái Động nằm trong Đàm nước, tức là Động trong cái Tịnh (Trạch trung hữu lôi).

Mình làm chủ động, lại được người người theo, một cách vui lòng. Đó là *Đoài* (vui vẻ) nằm trên quẻ *Chấn*, là lôi động dữ dằn!

Đoài, là *thiếu nữ* (vui vẻ) nằm vắt trên quẻ *Chấn* (là *Lôi*) *trướng nam*, một người đàn ông có tuổi lại nghiêng mình trước một thiếu nữ, và làm cho cô ấy vui lòng thuận theo (un homme d'un certain âge s'incline devant une jeune fille et lui témoigne de la considération. De cette manière, il l'émeut si bien qu'elle le suit).

“*Tùy*”, là “theo”, vui lòng mà theo, chứ không phải bị bắt buộc! Đã *tùy*, là có *tùng*, nên gọi chung là “*tùy tùng*”.

“Tùy” là một việc vô cùng quan trọng và to tát trong đời người!

Mình là kẻ cầm đầu thiên hạ, nếu muốn được thiên hạ theo mình, phải biết rõ đạo Tùy này; nếu mình là kẻ thường nhọn, cũng phải biết lựa chọn “cái gì” đáng làm ngọn đèn dẫn đạo để mà theo, chứ không phải bừa bãi chấp nhận bất cứ ai...

Việc lớn nhất trong đời người phải chăng là đạo Tùy? Nên mới nói: “*Tùy thời chi nghĩa, đại hỉ tai!*”

Như trong quyển “Chu Dịch Huyền Giải” tôi đã lưu ý đọc giả nghiên cứu về Kinh Dịch: “Quẻ Thái và quẻ Bĩ là để bàn về cái thể của Trời Đất; còn *quẻ Tùy và quẻ Cố* là để nói về *cái Dụng* của thời *Thái* và thời *Bĩ*” (hay nói cách khác, đó là nói về cái “thuật xử thế” ở những thời *Thái* và thời *Bĩ* (Chương 13, trang 134).

Cho nên, đọc *Thái* và *Bĩ* phải đọc tiếp quẻ *Tùy* và quẻ *Cố* mới có đầu đuôi.

Nho gia, vì sự quan trọng của quẻ *Tùy* nên mới đề xuống lên đạo *Tam Tùng*.

Nhưng, theo tôi, Đạo gia mà Lão Tử là đại diện, thì đạo *Tùy* mới là điều cơ bản.

(Cần phân biệt danh từ Đạo gia và Đạo sĩ... *Đạo gia*, dùng để ám chỉ hạng người của “Đạo Đức gia”, như Lão Tử, Trang Tử, Liệt Tử... là kẻ thuần túy theo cái học của Lão Trang; còn danh từ *Đạo sĩ* là những kẻ theo *Đạo giáo*, một biến thiêng của Lão giáo, do nhóm theo phái thần tiên...) Trong toàn quyển *Đạo Đức Kinh*, Lão chủ trương triệt để đạo *Khiêm hạ*, xem đó như là đạo xử thế tuyệt hảo... nhất là ở các chương 26, 28, 29, 30... sẽ lần lượt giải bày sau đây. Thiền tông Đốn pháp

của Trung Hoa về sau, cũng một thế: *Khiêm hạ là tư cách căn bản của Thiền gia.*

Người “con trai lớn” lại chịu nghiêng mình chiềú chuộng trước một “cô gái nhỏ”, tỏ vẻ kính trọng, thì người con gái nào mà chẳng yêu, mà chẳng đi theo?

Bậc đại quý mà nghiêng mình chiềú chuộng kẻ dưới một cách thành thật thì làm sao không gây được cảm tình của hàng thuộc hạ?

Nếu tỏ ra kiêu căng, thì sẽ hỏng cả!

Là một đại cường quốc mà giao tế với các nước nhỏ, cần phải tránh cái khí kiêu căng của người đại thắng, may ra mới làm tiêu lầm cái oán thù của người thất thế: “*Hòa đại oán, tất hữu dư oán!*”. Chỗ gọi là “dư oán”, cái oán còn du thừa của một vết thương tủi nhục, đâu có dễ gì xóa bỏ trong nhất thời!

Lão Tử đã giải thích một cách tinh tường quẻ *Tùy* của Kinh Dịch qua chương 61 quyển Đạo Đức Kinh:

“*Dai quốc giả hạ lưu; thiên hạ chi giao, thiên hạ chi tấn* 大國者下流，天下之交，天下之牝。” (Nước lớn, hãy biết làm như phần thấp kém của các giòng nước (tức là ở phần đất dưới thấp, nơi các giòng nước đều tụ về...) “*Thiên hạ chi tấn*” là làm “con cái” trong thiên hạ, cũng là chỗ mà Lão Tử thường ví “tri kỷ hùng, thủ kỷ thu” (là con trống, hãy làm như con mái). Sự “giao tế” giữa thiên hạ phải biết giữ cái thế làm con mái. Chủ nghĩa “thủ Nhu” của Lão Tử bao trùm cả quẻ *Tùy* này.

Thoán từ:

Tùy: Nguyện, Hanh, Lợi, Trinh, vô cựu.

隨：元，亨，利，貞，無咎。

Như đã nói trên đây, Tùy là theo, là tùy tùng. Nhưng Tùy, có 2 phương diện: mình tùy người, hay người tùy mình, nhưng dù gì thì phải cẩn thận lưu ý đến chữ “Trung Chánh”, hễ “đắc kỳ Trung” thì Tùy mà hay, còn Tùy mà “bất đắc kỳ trung” chỉ là sự a dua (a tùng) theo đòn mà sai với Chánh đạo (hay Trung đạo), thì Tùy mà dở! “Đắc Kỳ Trung” thì sẽ không có gì sai lầm, sẽ không có gì sai lầm, hối hận gì cả, đó là “*Tùy, nguyện, hanh, lợi, trinh, vô cựu*”!

Sở dĩ gọi là “*Tùy nguyện hanh lợi trinh*” là bởi kẻ cường cường (mạnh mẽ) lại đến dưới kẻ nhu nhược (yếu đuối), hành động làm cho kẻ yếu vui lòng mà tùng thuận: “*Tùy, cương lai hạ nhu, động nhi duyệt: Tùy*”.

Đại Tượng

Trạch trung hữu lôi: Tùy

Quân tử dĩ hướng hối, nhập yến túc.

象 曰：澤 中 有 雷：隨。

君 子 以 署 晦 入 宴 息。

Tiếng sấm trong đầm, nên đầm theo tiếng sấm mà động theo.

(*Nước trong đầm, là nơi hút điện lực, làm cho cái cường cường dữ dằn của điện sấm sét thành ra bất lực, bị giải tán ngay trong đầm nước*).

Tùy, là tùy thời. Nghĩa của 2 chữ Tùy thời thật là cao diệu làm sao! Là bởi “tùy thời” là thuận theo mà

hành động nên không bị chống đối, không bị gãy, bể! Ai có tập theo Nhu thuật hoặc Nhu đạo (Jin-Jitsu ou Judo) sẽ rõ công lực phi thường của sự Nhu thuận: “Nhu nhược thắng cường cường”.

Người quân tử theo đó, mà *tùy thời hành động*. Hễ ban ngày là thời động, thì động; còn đêm đến thì tĩnh, biết hướng về đêm tĩnh mà vào nhà yên nghỉ (*yến túc* 宴息). Nghĩa là nếu là thời động, thì động; thời tĩnh, thì tĩnh vào phòng mà yên nghỉ “*hướng hối nhập yến túc*”. Đó là Dịch cử ra một hành động tầm thường hằng ngày: *ngày làm, đêm nghỉ*, để cho ta hội ý hai chữ Tùy thời mà suy rộng ra.

Hai chữ “*tùy thời*” và “*cáp thời*” vô cùng quan trọng nên trong các quẻ Kiên, quẻ Cấn chẳng hạn đều có đề cập đến.

Ở quẻ Cấn, Thoán từ có câu: “*Thời hành, tắc hành; thời chi, tắc chi. Động Tịnh bất thát kỳ thời, kỳ đạo quang minh*” 時行，則行；時止，則止。動靜不失其時，其道光明。(Thời nên làm thì làm, thời nên nghỉ thì nghỉ. Nếu động tĩnh mà không sáu thời, đạo mới được sáng tỏ).

Ở quẻ Kiên cũng có đề cập đến hai chữ “*cáp thời*”! “*Cáp thời*”, là làm cho kịp cơ hội, sớm không được, mà trễ cũng không được. Khó, là ở chỗ “*tri túc, tri chi*” (biết đủ, biết dừng).

Ở quẻ Tùy này, *thượng quái là Đoài*. Đoài, thuộc mùa Thu, khí dương bắt đầu chui vào lòng đất, nên trời bắt đầu lạnh lạnh, sắp đến hoàng hôn (Cung Đoài ở Dậu, là giờ của hoàng hôn (crépuscule): người quân tử theo đó mà “*hướng hối*” lo nghĩ để an dưỡng tinh thần sau một ngày quần quật “*chung nhụt kiên kiên*”.

Nên mới nói: “*Trạch trung hưu lôi... quân tử dĩ hướng hối yếu túc*” (Nước đầm, là nước đứng, nước đọng) tức là nước không còn chảy như ở sông rạch, mà đã ở vào thời “tịnh chỉ”. *Tùy, là thời mà sấm sét (lôi) nằm yên trong chầm*, người quân tử theo đó, nên ngưng hoạt động để tìm nơi an nghỉ. Cổ thư có câu: “*Dĩ Tạo hóa chi suy, tắc vi Chấn Xuân, vạn vật tùy chi nhi sinh; Đoài giả Thu dã, vạn vật tùy chi nhi thành; Xuân, sinh chi; Hạ, trưởng chi; Thu, thành chi; Đông, tàng chi, các tùy kỳ thời dã*”. Lấy theo thời tiết của Tạo hóa mà nói, mùa Xuân thuộc quẻ *Chấn* (lôi phát thanh) vạn vật theo đó mà sinh sôi nẩy nở. *Đoài*, là mùa Thu vạn vật theo đó mà thành; mùa Xuân thì sinh; mùa Hạ thì lớn; mùa Thu, thì thành; mùa Đông thì cất giấu... *Mỗi mỗi đều theo cái thời của mình mà Sinh, Trưởng, Thu, Tàng!*

Kẻ nào chỉ lo “*chung nhụt kiên kiên, bất túc*” có khác nào kẻ thức mãi mà không chịu đi ngủ, hay đã mắc bệnh “mất ngủ” đó là cái chết đến nơi rồi đó! Đó cũng là cái đạo “*xuất xứ*” của người xưa.[1]

1. “*Xuất xứ*”, là khi ra gánh vác việc đời gọi là “*xuất*”, khi trở về an nghỉ (hưu) hay “*ẩn cư*” trong thời loạn mà mình không còn chỗ dùng được nữa, gọi là “*xứ*”!

Hoàng Giáp Trần Đình Thái có bài thơ “*xuất xứ*” đúng với quẻ “*Tùy*” của Dịch học như sau đây:

“*Thế sự phù trầm hưu thuyết trước (1)*

“*Ai công đâu mua chuốc sự đời chí!*

“*Duy cầm, duy kỳ, duy tửu, duy thi,*

“*Thú vui thú, phong hoa tuyết nguyệt.*

“*Đường “xuất xứ” có buổi cùng buổi đạt.*

“*Cuộc hành tàng, nào ai có, ai không?*

“*Chữ công danh đã tạc với non sông,*

“*Cơ vinh hiển hép gì trong phú tái! (2)*

“*Tuế tự đương hồi xuân cánh tại, (3)*

Tiểu Tượng

Sơ Cửu: Quan hữu du, trinh kiết

初 九：官 有 愈，貞 吉。

Xuất môn, giao hữu công.

出 門，交 有 功。

Chữ 官 quan , là nói về Chủ động; còn 愈 , là nói về sự biến động.

Quái, dùng để chỉ việc người theo mình; còn hào dùng để chỉ việc mình theo người.

Ở đây, hào Sơ cửu thuộc Dương, chính nó làm chủ quẻ Chấn (nội quái), nhân đó cũng làm chủ cả quẻ Tùy. Là tại sao? Chấn là chủ động, mà Đoài là bị động, nên Chấn vi Lôi, là ở tại hào Dương này. Lại nữa (*nội quái là Chủ, ngoại là Khách*). Bởi có được làm Chủ (Quan 官) mới có sự thay đổi (Du 愈), và có “đổi” phải được “Chánh 正”; mà Sơ, là dương cư dương vị, là đắc Chánh, nên được hanh thông!

.....

"Khổ hết rồi, âu phải cam lai.

"Thôi thì thôi, tiền định đã an bài,

"Sâu cho nát lòng người chi nữa!

"Ngộ thử thời, hành thử sự, (4)

"Dẫu hành tàng, xuất xử cũng tùy nghi!

"Thực tài, ứng biến tri kỵ (cơ) (5)

(1) Việc đời chìm nổi sá gì!

(2) Phú tái (trời che, đất chở...)

(3) Trong khoảng trời đất mịt mù, lần lượt khí dương trở lại, thì Xuân tại đó!

(4) Gặp thời nào thì hành động theo thời đó (các tùy kỳ thời).

(5) Đây là để ăn với vận “nghi” nên không đọc “cơ” mà đọc “kỵ” (gọi là “licence poétique”! “tri kỵ”, là “tri cơ” (biết “cơ hội”))

Giữa 2 bên, người chỉ huy và người bị chỉ huy, bên mạnh bên yếu, tuy yếu phải bị nhượng bộ mà ngay bên chỉ huy chủ động cũng bị ảnh hưởng bên bị động (đó là hiện tượng giao cảm giữa âm dương, cướp lấn khí của nhau như trường hợp Kiền Khôn sinh ra Lục tử: Kiền Khôn vi Chủ, lục tử vi Dụng”. Đây là *hiện tượng cướp khí lấn nhau giữa Âm Dương, khoa học Tây phương ngày nay gọi là luật Cảm Ứng (loi de l'Induction): “đồng thính tương ứng, đồng khí tương cầu”*

Cho nên, dù mình có đứng thượng phong, nên phòng bị trước, đứng để cho ý chí và lập trường mình bị diên đảo vì ảnh hưởng kẻ khác. Lấy trường hợp giữa Thầy và Trò đủ thấy: lẽ ra Thầy dạy Trò, mà lầm khi chính Học trò dạy lại Thầy! Không Tử thường than: “Nhan Hồi không dạy ta được điều gì cả, bởi những gì ta nói, dù chỉ nói có nửa lời thôi, nó đã hiểu và hành liền! Chỉ có những đứa thiếu thông minh như Tử Lộ, nó dạy ta nhiều nhất!”

Thế thời, ta thích những ai phụ họa theo ta, và cho đó là đồng chí với ta; trái lại những ai chống đối ta, là kẻ thù của ta. Những kẻ thích a dua, phụ họa ta, ta cho là bạn ta! Đó là *một tai họa đáng lo đáng sợ đối với người lãnh đạo tối cao.*

Tại sao nói: “*Xuất môn giao hữu công, bất thất dã* 出門，交有功，不失也。”? Là bởi tình thường, ai gần ta và thân với ta, nói gì ta cũng dễ nghe, và cho là phải; trái lại, ta ghét thì dù nói phải, ta cũng không muốn nghe! Vậy, ta cần đi ra khỏi nhà, ý nói, ta cần phải đi ra ngoài, ra khỏi gia đình mới có thể, mang ra thấy được sự thật ở những kẻ không thương ta! “*Thường nhơn chi tình; ái chi, tặc kiếu kỳ thi, ố chi,*

tắc kiếu kỳ phi. Cố, thê noa chi ngôn túy thất nhi đa tùng, sở tăng chi ngôn, tuy thiện nhi ác dã! 常人之情，愛之則見其是，惡之則見其非。故妻孥之言雖失而多從，所憎之言。雖善為惡也。” (Theo thường tình, người mà mình thương, thì chỉ thấy toàn là lời phải; người mà mình ghét, nói gì mình cũng cho là không phải! Cho nên, lời nói của vợ con mình, dù có lầm lạc mình cũng hay nghe theo! Lời nói của kẻ mình ghét, dù có phải cũng vẫn là quấy).

*Lúc ghét dệt thêu ngay hóa vạy;
Khi thương tô vẽ méo nén tròn!*

Lục Nhị: Hé tiểu tử, thất trượng phu
六二： 系 小子，失 丈 夫。

Tượng viết: Hé tiểu tử, phát “kiêm dự” dã.
象 曰： 系 小 子， 弗 “兼 與” 也。

Lục Nhị: nếu theo đứa tiểu nhơn (hệ tiểu tử), thì mất người quân tử (thất trượng phu).

Theo tiểu nhơn, là Nhị mà theo Sơ (tiểu tử) thì sẽ mất hào Ngũ (trượng phu), và như vậy, chẳng lẽ phải cùng một lúc mà theo cả hai “phát kiêm dự”!

Không thể được, vì khi mà ta theo kẻ trượng phu quân tử, ta phải bỏ, phải dứt với bạn tâm thường! Đó, là một “sự mất mát” (une perte) nghĩa là phải dứt khoát với “quần đoàn” của mình (se séparer du troupeau). Phải có gan “ly thế diệt tục” mà bắt tay với hàng “đại nhơn” mới được!

Bỏ quần đoàn, là bỏ “óc quần đoàn” thì mới có thể “tùy thượng khiêm hạ”. Bởi vậy, xưa nay bậc “hiền tài”

không thể sống chung đụng với thế nhọn, nên đành xa lánh thị thành và đám đong để sống cô đơn nơi rùng núi hay một nơi hẻo lánh nào...

Có nhiều người vừa muốn học Đạo mà không dám sống trong cảnh “thanh bần lạc đạo”, lòng chưa sao dứt ra khỏi lợi danh, lại vô tâm đến đỗi, thân cận với bậc hiền, lại còn đem vấn đề danh lợi mà bàn bạc với họ, khiến những bậc hiền “sợ” mà không dám tiếp họ nữa! Có “đồng thinh mới tương ứng, có đồng khí mới tương cầu” bởi vậy nếu họ không “lánh” người hiền, người hiền cũng “lánh” họ!

Lục Tam: Hé truong phu, thất tiểu tử

Tùy, hữu cầu đặc, lợi cu trình.

六三：系丈夫，失小子。

隨有求得，利居貞。

Tương: Hé truong phu, chí xá hạ dã.

象曰：系丈夫，志舍下也。

Tính chất của Lục Tam cùng một loài với Lục Nhị, tức là cùng bọn âm nhu, ti tiểu không có tinh thần độc lập. Bọn này, theo ai có thể lực thì chạy theo bợ đỡ cầu thân “các túng kỳ loại” với những kẻ tham danh trực lợi!

Nhưng, may cho Tam, là trên Tam có Tứ, một kẻ quân tử trượng phu, cùng với Sơ đồng loại dương cường, có điều Tam quá cận với Tứ nên được Tứ quyến rũ mạnh, nên đành phải mất Sơ để quan hệ với Tứ, hào từ mói bảo “Hé truong phu” (là Tứ) mà bỏ mất kẻ nhỏ (“thất tiểu tử”) Tam là âm, Tứ là dương nên thu hút nhau dễ dàng, và Tam được Tứ sẽ giúp cho Tam

mẫn nguyệt, nên mới nói “hữu cầu đắc” (Tứ cầu Tam mà được, nên nói “cầu đắc 求得”.

Phải thật dứt khoát với bè lũ tiểu nhon (“chí xá hạ dā 志舍下也”) (“Xá 舍”), là bỏ dứt).

Có điều khá tệ này, là người như Cửu Tú đã khuất phục được Tam theo mình, phải coi chừng, đừng để cho Tam theo với tư cách nô lệ bản nhiên của Tam đến trở thành kẻ mất phẩm cách, xu quyền phụ thế, làm cho Tứ cũng phải hổ thẹn vì đã đào tạo ra một lũ hèn hạ!

“Nếu Ta là Thượng đế, ta sẽ không cho con người quỳ dưới chon ta. Không có lý nào họ phải quỳ mlop trước mặt ta, bởi chính ta đã tạo ra họ... và có bao giờ ta lại tạo ra bọn người nô lệ như thế, và phải chăng cái nhục ấy lại trở về cho Ta!”

Tứ, phải giúp sao cho Tam trở thành quân tử như mình, chứ đừng để cho nó cư xử theo phuờng ti tiện tiểu nhon!

Cửu Tú: Tùy hữu hoạch, trinh, hung.

九四：隨有獲，貞，凶。

Hữu phu tại Đạo, dī minh, hà cựu.

有孚在道，以明，何咎。

Cửu Tú, tuy dương cường, nhưng “dương cư âm vị”, bất trung bất chánh... nhưng mà hung, là tại sao? Gặp thời Tùy, được lòng thiên hạ về mình (*hữu hoạch*) lại sinh lòng bất chính, thay vì giáo dân quy về Cửu Ngũ, lại nghĩ đến gây uy tín cho mình, xem Chủ như không có, còn tìm cách “hiếp” bè trên nữa... như Hàn Tín khi xưa, như Tào A Man thuở nọ!

Dịch bảo rằng: “*Công cái thiên hạ giả, bất thường; uy chấn Chúa giả, thân nguy!*” (Công đã hơn cả thiên hạ, thì chẳng còn biết lấy gì thưởng cho xứng; uy danh mà đã làm chấn động kinh nghi Chúa mình, e cho thân mình lâm nguy.)

Tuy theo về nghĩa lý, vẫn là trinh, nhưng theo về sự thế, thì có lẽ hung (*trinh, hung*).

Người quân tử xứ địa vị này, phải làm sao? Có 2 con đường: Con đường của Hàn Tín đi đến cái chết; và con đường của Trương Lương hay Phạm Lãi thì “*hữu phu tại Đạo, minh công dã*”, tức là giữ lấy đạo “*minh triết bảo thân*”: “*công thành, thân thối, thiên vị đạo dã!*” Nên hào từ mới nói: “*hữu phu tại Đạo dĩ minh, hà cựu*”. Lấy đạo “*minh triết*” mà bảo thân, thì làm sao bị hung nguy như Hàn Tín, như Văn Chủng? “*hà cựu dã*” (sao lại có lỗi)

Cửu Ngũ: Phu vu gia, kiết

孚于嘉，吉。

Vị chánh trung dã.

位正中也。

Cửu Ngũ, dương cường, đắc Trung đắc Chánh, ứng với Lục Nhị cũng đắc Trung đắc Chánh, một Âm một Dương, “vị” đều là vị “Chánh Trung 正 中” cả!

Hào này tốt nhất thời Tùy! hào chủ não.

Thượng lục: Câu hé chi, nái tùng duy chi.

上六：拘係之，乃從，維之。

Vương dụng hanh vu Tây Sơn.

王用亨于西山。

Thượng lục, là hào cuối cùng của quẻ Tùy: “âm cư âm vị” tượng một bậc *đại hiền*, tức là người đã thoát khỏi vòng hệ lụy của cuộc đời đầy ô trọc! bên ngoài.[1]

“Câu hệ 拘 係” là nắm giữ; “duy 維” là buộc chặt lại, tức là muốn bảo rằng lòng người đã cố kết cùng mình quá chặt! “Tùy” mà được sự cố kết như thế, nhân tâm đã được cùng mình cố kết như thế, thì đại nghiệp của Thánh nhơn, làm sao mà không thành?

Có lẽ đây, là lấy theo tích xưa vua Thái Vương lánh nạn rợ Địch, bỏ ấp Mân chạy sang Kỳ Sơn (Kỳ Sơn, tức là Tây Sơn). Người ấp Mân, già trẻ trai gái dùi dắt nhau đi theo Thái Vương. Nhân tâm theo mình “cố kết” như thế, đó là Thái Vương đã dùng đạo Tùy hào Thượng lục mới hanh thịnh được nghiệp vương ở Tây Sơn, nên nói: “Vương dụng hanh vu Tây Sơn 王 用 亨 于 西 山。 ”.

Chấn, là sấm, nằm dưới bụng, là điểm *Chân Dương* là *Chân Khí*[2] (hay là điểm Thiếu dương nằm trong lòng Thái Âm trong đồ Thái Cực)

1. Nhân tiện, xin thử bàn về câu của Đại Tượng: “Trạch trung hữu Lôi: Tùy. Quân tử dĩ hướng hối nhập yên túc” theo lối giải thích của phái Đạo Giáo.

Theo Đạo giáo, đây là phép “hồi quang phản chiếu” để nuôi dưỡng khí túc của Đan Điền.

Đoài, là nước trong đầm, *nước đứng* (*eau dormante*) chủ về *Tịnh cực* (“trí hư cực, thủ tịnh đốc... các phục quy kỳ căn” (chương 16 – Đ.Đ.K)

2. Nội Kinh, chương Đạo Sinh có bài thơ tứ tuyệt sau đây:

Điềm đạm Hư Vô,

Chân khí “tùng” chi,

Tinh thần nội thủ,

Bệnh an “tùng” lại.

(Lòng mà giữ được hư vô điềm đạm, thì chân khí theo đó mà trở về

Quẻ Chấn, là một hào Dương động ở Sơ hào quẻ Chấn.

Sơ hào quẻ Chấn, là hào Thiếu dương. Muốn luyện Nội đan phải dùng Nội túc. Có 2 phép hô hấp: *nội túc* và *ngoại túc* (*túc*, là hô hấp), câu “*yên túc*” có nghĩa là, cách thở “*nội túc*” như hơi thở đứa hài nhi đang nằm trong thai mẹ (gọi là *thai túc*) (không thở bằng mũi, mà thở trong Đan điền). “*Nhập minh yên túc*” (minh đây là tối, chứ không phải là sáng). Nhà Đạo, gọi đây là điểm Chân Dương, hay Chân Khí. “*Yên túc*” là thuật ngữ của Đạo gia, có nghĩa là “*túc tâm*” (vô niệm), tâm tư yên lặng. Đại khái công phu “*đại định*” của Tiên gia là phải biết “*qui cẩn, phục mạng*” mà Đạo Đức Kinh bảo “*thâm cẩn cố đế, trường sinh cứu thi dã*”.

.....

ngôi đan điền. Tinh thần mà “nội thủ” không cho tán loạn vọng động, thì bệnh theo đâu mà đến)?

Có 2 thứ hô hấp: *Nội túc* là vận chuyển nội khí ; *ngoại túc* là vận chuyển ngoại khí.

“*Nội túc*” là của riêng của mỗi người, đó là cái Nguyên Khí đồng với Nguyên Khí trường cửu của Trời Đất lúc tạo ra vạn vật. Con người, khi mới sinh ra, đã thọ cái Nguyên Khí ấy của Trời Đất mà thành người.

Câu “*hướng hơi, nhập yên túc*” là câu khẩu quyết của thuật Trường Sinh Cửu Thị”. Một tác giả cuối thế kỷ thứ 6 là Lý Thiên Thừa có viết văn tắt như sau: “luyện phép này để được “*diên niên thọ mạng*” (kéo dài kiếp sống mà chẳng có bệnh tật gì cả), phải “*nằm xuống*” (*yên túc*), *nghiêng về phía bên tay mặt, cắp mắt nhắm lại như ngủ, hai tay nắm chặt lại*, và thi hành “*nội túc*”. Đó gọi là “*bế khí*”.

18. SƠN PHONG CỐ

山風蠱



“Cố giả, hoặc dã”

“Cố giả, sự dã, đai sự dã”

蠱者，事也。

蠱者事也，大事也。

Qué Tùy, là cái “dụng” của qué Thái

Qué Cố, là cái “dụng” của qué Bĩ.

“Cố”, tượng 3 chữ “trùng” (là sâu bọ, trên một cái mâm hay cái chậu (mānh, là chậu), ý muốn nói về *sự mục nát* trên một cái mâm mà những chất để trên đã lúc nhúc các thứ sâu bọ. (un plat dans le contenu duquel croissent des vers): *một sự mục nát hoàn toàn* (*complètement corrompu*). Và *cái sự mục nát ấy lại là nguồn sinh lực mới để dưỡng nuôi vạn vật*.

Tượng, Núi ở trên, dưới chon núi có ngọn gió mạnh thổi đến, gặp núi chặn lại, nên gió quật ngược lại, làm cho mọi vật bị tan tành hư hoại.

Cái tai họa do sự mục nát xã hội là do người gây ra, đó là việc “tự chiêu kỳ họa” chứ không phải do “thiên tai”. Như vậy, hễ do người gây ra, thì cũng sẽ do tay

người tạo lập lại, chứ đâu phải thiên nhiên tạo ra mà bảo không thể nào ngừa được!

Có loạn, mới có lo trị loạn, có bệnh mới có lo trị bệnh.

Phép trị loạn là ở vào thời Cổ này: “Loạn cực, Trị sinh”.

Phàm “trị cực” thì “loạn sinh”; “loạn cực” thì “trị sinh”. Bởi vậy Cổ, là một đại sự trong đời người, nên “Cổ”, cũng có nghĩa là “Sự” (Cổ giả sự dã) mà lại Đại sự!

Ngày nay, ở các nước văn minh Âu Mỹ đã biết khai thác những gì bị phế thải như rác rến chế thành phân hữu cơ dùng nuôi dưỡng lúa gạo...vv, điều mà quẻ Sơn Phong Cổ trong Dịch Kinh đã đề cập có gần 5000 năm trước đây.

(*Hoa Sen*, sinh trong bùn, nhưng không nhiễm mùi bùn: “sinh ư nê, nhi bất nhiễm ư nê”!) là tượng quẻ Cổ: cái Sinh nằm trong cái Tử, cái Thiện nằm trong cái Ác, cái Vinh nằm trong cái Nhục, cái Nên nằm trong cái Hư, cái Thanh nằm trong cái Trọc, Hoa Sen nằm trong bùn lầy hôi thúi..., vậy mà, nó là hoa trong sạch và thơm nhất... Phật giáo lấy nó làm tượng trưng cho con người đắc Đạo không “ly thế gian tướng”! (tức là Đại thừa Phật giáo) hàng Bồ Tát thừa[1] Túc là hào Thiếu dương trong Thái âm.

1. Không riêng gì đối với Phật giáo, *Hoa Sen* là tượng có tánh cách quốc tế “le Lotus représente le Feu dans l'Eau, symbole Universel chez les Hindoux, les Aryens, les Egyptiens, et après eux, les Bouddhistes.” Tượng của Hoa Sen, là *Lửa trong Nước* (le Feu dans l'Eau), tức là quẻ Khảm.

Huyền thoại “Quí Vương” (tức là “cực Âm”, quẻ Khôn (hào Thượng Cửu).

Huyền thoại “Qui Vương” (tức là “cực Âm”, quẻ Khôn (hào Thượng Cửu).

Trong thiêng *Trí Bắc Du* cũng có nói như quέ Cố: “Cái

.....

“Il demeure entendu que Satan, en lui-même, est un Mythe... Philosophiquement parlant, on peut dire néanmoins que toute force produisant la confusion et le trouble (les forces soi-disant maléfiques (maléfiques) a son utilité; car dans une fermentation-comme celle de raisin dans la cuve, qui est répugnante et nocive au point que quelqu'un qui S'er approche peut trouver la mort - malgré le bouillonnement incohérent qui compose la matière, il y a la perpétration d'une Œuvre dont la pureté se remarquera finalement - de même que le vin pur et limpide, bienfaisant et agréable sortira, en fin de compte, de cette corruption de l'excellent fruit de la vigne.

Ce qu'on appelle, alors, le mal métaphysique n'est qu'une apparence et ne peut se prendre en considération que si l'on ne tient pas compte des bonnes conséquences lointaines qu'il engendre. Ce qu'on désigne sous le nom de forces diaboliques - "Esprits du Mal" s'ingéniant à corrompre ce qu'on voit de meilleur - a sa raison d'être qu'on ne distingue qu'à condition d'envisager les choses dans leur finalité reculée.”

(*Clef Universelle des Sciences Sacrées*, par P.V.Piobb, Tome II, page 311 – 312, Ed. des Champs Elysées, 1950).

Đoạn văn trên đây đã nói lên câu “*Thiện Ác giao Thiên Lý*” của Trình Minh Đạo. Bàn về *Lợi Hại, Thiện Ác...* theo khoa *Thiêng liêng Huyền bí* (*Sciences sacrées* appelées secrètes), thì những lực lượng gọi là Ác (forces maléfiques) vẫn có cái lợi của nó (a son utilité), như trong sự lên men của rượu (fermentation) lúc sôi động của men, ta không nên đến gần, có hại; nhưng chính nhờ vậy mới có rượu ngon...

Cho nên, cái mà ta gọi “*cái hại siêu hình*” (le mal métaphysique) chỉ là một cái “*hở cần thiết*” (mal nécessaire) nếu ta lưu ý đến hậu quả sau cùng của nó... “*Hại to, lợi to*”.

Cái mà ta hiện gọi là “*những tai họa ma quái*” (les forces diaboliques), cũng rất cần thiết để tạo ra sau này, những cái hay tương đương với những tai họa hiện thời...

Phật giáo bảo: “*Phiền não tức Bồ đề*”... Có đau khổ mới mở ra được con mắt của Giác ngộ. Krishnamurti cũng có nói: “*Ma voix est voix de la Compréhension,née de l'infinie douleur*” (Tiếng nói của tôi là tiếng nói của sự Đại Giác do sự Đau Khổ tuyệt vời tạo nên).

Trong thiêng *Tri Bắc Du*, Trang Tử nói: “*Thị kỵ sở, Mỹ giả vi Thần kỵ, kỵ sở ố giả vị Xú phụ. Xú phụ phục hóa vi Thần kỵ; Thần kỵ phục hóa vi Xú phụ*. Cố

sống cái Chết là Một, tất cả đều là Một, cả Xấu lẫn Tốt, cái Thom cái Thúi là Một... Chỉ là bề mặt bề trái của sự đời... Chỗ tốt đẹp thơm tho của Đạo, là cánh hoa Sen thơm phút với màu hồng thắm... nên gọi là “thần kỳ”, còn phần xấu xa thúi tha của nó, thì gọi là “xú phụ”. “Xú phụ” hóa lại (phục hóa) thành ra “thần kỳ”, rồi “thần kỳ” phục hóa thành hôi thúi (thì cũng nó).

Thoán từ:

Cổ, nguyên, hanh, lợi thiệp đai xuyên.

Tiên giáp tam nhụt

Hậu giáp tam nhụt.

蠱，元，亨，利涉大川

先甲三日

后甲三日。

Cổ, là loạn cực, tại sao lại bảo Nguyên Hanh?

Từ xưa, phải chăng như Lão Tử đã bảo: “*Hoa hè, Phúc chi sở ý; Phúc hè, Họa chi sở phục*” (Ôi! Việc trong thiên hạ, mầm họa đâu phải sinh ra trong lúc loạn ly mà thường dễ sinh ra trong những lúc thái bình thịnh trị!). Họa đâu phải sinh ra trong những con hoạn nạn, mà thường dễ sinh ra trong những lúc đang hưởng

.....
viết: Thông thiên hạ nhất khí nhĩ.”). Chỗ đẹp gọi là *thần kỳ*; chỗ xấu gọi là *xú phụ* (*mùi hôi thúi*). Cái hôi thúi biến trở lại hóa ra chỗ thơm tho; chỗ thơm tho lại biến trở lại hóa ra chỗ thúi tha (như ta thấy ở *quẻ Cổ, hào Thương Cửu*: “*Bất sự vương hầu, cao thương kỳ sự*”. Đồng nghĩa với *hào Dụng Cửu* *quέ Kiền* (Như trên đây đã nói: “*Cái đẹp trở thành cái xấu, cái xấu trở thành cái đẹp; cái thơm tho lại trở thành thúi tha; cái thúi tha lại trở thành thơm tho*” (Xú phụ, phục hóa vi thần kỳ; thần kỳ phục hóa vi xú phụ” (*Tri Bắc Du, Trang Tử Nam N.H.K, trang 529*).

hạnh phúc tuyệt vời! Cố, là họa hoạn nên có Triệu sẽ gặp Phúc!

Bởi vậy, ở Hệ từ hạ truyện, chương 11, khuyên ta: “*Nguy giả sử bình, dị giả sử khuynh* 危者使平, 易者使傾。” Nghĩa là, hễ lo trước mà phòng nguy, thì dù nguy có đến, ta du sức đối phó vì đã biết phòng trước; trái lại, nếu cứ xem thường xem khinh thì khi gặp họa không sao chống đỡ cho kịp mà bị khuynh đổ! “Cố” mà “nguyên hanh” là ở câu “*Sinh, ư ưu hoạn*” vậy!

*
* *

Công việc “trì Cố” hay “trị loạn” đâu phải dễ! Cần phải biết đắn đo suy nghĩ, nên mới có câu “*tiền giáp tam nhát, hậu giáp tam nhát*” xem trước 3 ngày, xem sau 3 ngày, nghĩ về việc đã qua, gãm điêu sẽ đến. Chữ “tam” (ba) là nói về số nhiều!

Lo trị loạn (trì Cố) mà biết lo lường đường ấy, bảo không hanh thông sao được!

*
* *

Thoán Truyện:

Cố: Cương thương nhi nhu hạ, tốn nhi chỉ: Cố.

蠱剛上而柔下, 異而止: 蠱

Quẻ Cố, nguyên là hào Dương của quẻ Kiên, leo lên tới hào Thượng cửu; còn hào Âm của quẻ Khôn thì tụt xuống dưới chót quẻ làm hào Sơ lục, nên mới nói: “*Cương thương nhi nhu hạ*”.

Trên, thì hết sức cường cường; còn dưới thì hết sức nhu thuận, thì làm sao lập nên đại nghiệp? Theo lẽ thường là vậy! nên mới gọi là “Cổ”!

Nhung phải có “Cổ hoại”, “Cổ loạn” thì mới có sự đòi hỏi quyết liệt tìm ngay giải pháp trị Cổ (hay trị Loạn), nghĩa là phải dùng ngay Cương đạo, chứ không thể dùng Nhu đạo được nữa. Trong cái Loạn cực, đã sẵn có cái mầm của Trị và Thái bình rồi.

*
* *

“Ngày xưa Trịnh Tú Sản bệnh nặng, gọi con là Thái Thúc: “Ta chết, con sẽ thay thế mà cầm quyền! Chỉ có những kẻ có “đức to” mới có thể lấy Khoan cho dân phục. Còn thì, không gì hay bằng dùng sức mạnh. Lửa đỏ, ai mà chẳng sợ, dân tự nhiên tránh xa, ít phải va vào mình. Nước thì mềm yếu hiền lành, dân hay đùa giỡn, nên dễ thành tai ương! Chánh sách khoan, tuy hay, nhưng rất khó thi hành!”

Đau mấy tháng, rồi chết.

Thái Thúc lên giữ chánh quyền nước Trịnh. Không nỡ dùng cương, nên dùng chánh sách khoan hòa. Giặc cuồng nổi lên cùng khắp!

Thái Thúc ăn năn, nói: “Nếu ta sớm biết nghe lời Cha, thì đâu đến nước này!”

Bèn đem binh tiêu trừ giặc cuồng. Giết hết. Trộm cuồng dứt!”

(Lã Thị Xuân Thu: Tả Khưu Minh)

*
* *

Hào *Thượng cửu quέ Cổ*, là *Tử Sản*, còn hào *Sơ lục*, là *Thái Thúc*, thuộc âm nhu, còn mới lên cầm chánh quyền, thiếu kinh nghiệm. Tử Sản *rời ngôi Lục Ngũ*, *gọi con thế vào*, bước lên *Thượng cửu*.

Đại Tượng

Son hạ hữu phong: Cổ

Quân tử dĩ chấn dân dục đức.

象曰：山下有風，蠱。

君子以振民育德。

Thời Cổ, đạo đức đã mục nát cả rồi, vậy phải lo *phục hồi lại đạo đức*. “Chấn” là chấn hưng, gây dựng lên phong trào “chấn hưng đạo đức” (*chấn dân dục đức*).

Đâu phải dễ, nếu muốn thực sự gây lên được một phong trào đúng đắn, chứ không phải là một phong trào “hữu danh vô thực”, thì người chủ xướng phải là người có đủ tài đức như *hào Thượng cửu quέ Cổ*. Nhà Phật bảo: “*Tự giác, giác tha*”, người đi làm công việc “*giác tha*”, trước hết phải là người “*tự giác*”: “*Tự tri giả minh, tự thắng giả cường!*”. Thời Cổ, đức dục đúng đầu, nhưng bộ ba của nó, không thể bỏ qua, phải bồ túc đức dục, bằng trí dục và thể dục! Nhưng “*đức dục*” ở thời Cổ, không còn phải là “*đức*” của Nhị Nguyên, mà phải là “*Nhất nguyên chi đức*”, hay nói theo Trang Tử, đó là *Vương đức của Chân nhơn*.[1]

1. *Vương đức* (đức của Chân nhơn), “*nghe rõ được trong chốn vô thính, thấy rõ được trong chốn mờ mờ, nghĩa là họ thấy được trong những chỗ gọi là vô thính vô sắc. Trong chốn mờ mờ của vô sắc, họ thấy rõ cái ánh sáng của Đạo, trong chốn im lìm của vô thính, họ thấy rõ cái nhạc diệu thái hòa của tất cả mọi cuộc xung đột và mâu thuẫn trên đời*”. Hay

Tiểu Tượng

Sơ Lục: Cán phu chi cổ, hưu tử,
khảo vô cựu, lệ chung kiết.

初六：幹父之蠱，有子，考無咎，厲終吉。

Tương viết: Cán phu chi cổ, ý thừa khảo dã.
象曰：幹父之蠱，意承考也。

“Cán phu” là cán đáng công việc của ông cha thời “Cổ hoại”, phận sự người con phải làm theo cha... vì Sơ hào còn nhỏ, chưa đủ kinh nghiệm bắng cha ông mình. Sơ âm, nên còn bất tài bất lực, phải biết nghe (thuận theo) bậc phụ huynh, đừng ý tài mà cứng đầu tự cao tự phụ mà hỏng cả đại sự! Được thế, sẽ không có lỗi (vô cựu), cho dù có việc nguy (lệ) vẫn chung quy được tốt (kiết).

Chữ “phu và tử” trên đây, ý bảo “tuổi trẻ” phải noi theo, nghe theo kinh nghiệm của “tuổi già” (không hẳn phải là cha mình, mà là thầy mình, là sách vở người xưa để lại, ghi lại biết bao nhiêu kinh nghiệm, chớ có xem thường!

“Con, cần nghe theo Cha!” như trước đây, trong Thoán truyện đã kể về Tử Sản dạy con là Thái Thúc. Thái Thúc là hào Sơ lục; Tử Sản là hào Thuợng cửu, gốc là hào Lục Ngũ mà ra.

.....
nói một cách khác, họ là người thấy được rất rõ trong Âm có Dương, trong Dương có Âm, tức là có được cái nhìn Nhất Nguyên về sự vật.

(Trang Tử)

(Đọc lại quyển “Tinh Hoa Đạo Học Đông Phương” trang 25).

Cửu Nhị: Cán mǎu chi cổ, bất khả trinh.

九二：幹母之蠱，不可貞。

Tượng viết: Cán mǎu chi cổ, đắc trung đạo dã.

象曰：幹母之蠱，得中道也。

Cửu Nhị là dương cương, đắc trung đắc chánh, trên thượng ứng với Lục Ngũ (âm dương đầy đủ), Ngũ thuộc Âm, thủ tượng là Mẹ; Nhị, là tượng một kẻ cương nghị giúp một bậc cao cấp (một bậc vương hầu) tánh tình yếu đuối, nhu thuận, hiền hậu như Ngũ, phải khá tế nhị, đừng dùng đến sự “cương trực” mà làm bức lòng, dùng đến lời nói dịu dàng mà can gián... Thánh nhân căn dặn và răn đe: “cán mǎu chi cổ” chớ dùng trực ngôn mà làm thương tổn lòng tự ái “Mẹ” đa cảm của mình (“Mẹ” (*mẫu*) là ám chỉ hào Lục Ngũ thuộc Âm).

“Cảnh Công nước Tề, hay uống rượu, có khi say mấy đêm ngày, xao lãng cả việc nước! Giám quan Huyền Chương can Vua:

– Nhà Vua mà say sưa mãi như vậy, thần xin can. Nếu Nhà Vua không nghe, thần xin tự tận nơi đây trước mặt Nhà Vua!

Vua nghe giận đỏ mặt. Lúc ấy Án Tử vào yết kiến.

Vua bảo:

– Huyền Chương khuyên ta bỏ rượu, không thì tự tận! Đó là bắt ép ta phải nghe. Nếu nghe, thì ra ta quá yếu kém! Mà không nghe, lỡ mà Huyền Chương chết, nghĩ cũng đáng thương!

Án Tử, không nói gì cả, quay mặt nói với Huyền Chương:

– May thay! Huyền Chương gặp đặng Nhà Vua, nếu

gặp phải Vua Kiệt Vua Trụ, thì đã chết mất lâu rồi, đâu có sống được đến ngày nay?

Cảnh Công nghe nói, tinh ngộ.

Từ hôm đó hoàn toàn bỏ rượu.

(Trích Án Tử Xuân Thu).

*
* *

“*Cán mǎu chi cỗ*”, phải biết “*tùy thời*”, “*tùy địa vị*”, “*tùy nhơn sự*”, liệu cách mà biến thông. Đó là “*trung đạo*”! Dùng đến Cương hay Nhu, phải biết hành sự theo quẻ *Tùy*, mà *đừng* mất *đạo* “*Trung*”, nên hào từ quẻ Nhị mới nói: “*Cán mǎn chi cỗ, đắc Trung dã*.

Đừng nói: đây là việc can gián giữa Tôi và Vua, mà là cho tất cả mọi người, giữa con và cha mẹ, vợ đối với chồng, *nhất là giữa bạn bè... giữa ta và hàng nhở bé dưới quyền điều khiển của mình...* như cha đối với con, chồng đối với vợ, thày đối với trò, chủ đối với tớ... *Trực ngôn, làm thương tổn...* Phải coi chừng. Kẻ dưới ta họ bị “*mặc cảm*” nhiều nhất, gọi là “*mặc cảm tự ty*” và “*mặc cảm tội lỗi*”! “*Vi nhơn nan*” là thế![1]

Cửu Tam: *Cán phu chi cỗ, tiểu hữu hối, vô đại cựu*
九三: 幹父之蠱，小有晦，無大咎。

Tượng: *Cán phu chi cỗ, chung vô cựu dã.*
象曰: 幹父之蠱終無咎也。

1. Đọc “*Thuật xử thế của người xưa*” cùng một tác giả và quyển của Dale Carnegie (bản dịch ra Việt Văn, có bản dịch của Nguyễn Hiến Lê). Với các quyển này, ta sẽ thấy sự quan trọng của hào *Cửu Nhị* này.

Hào *Cửu Tam*, lại là hào dương cương, “cương cư cương vị” nên gọi là *quá cương*, và bởi bất trung, nên khó tránh khỏi cái tính “cương táo” (quá nóng). Nhưng, vì Tam còn ở tại quê Tốn, mà *Tốn là thuận, thuộc Âm*, nên vẫn có sự chế bót và làm được công việc sai lầm trước của cha (cán phụ chi cổ), tuy mang phải một ít việc ăn năn nhỏ (tiểu hữu hối) mà rồi cuối cùng không tội lỗi gì lớn (*vô đại cựu 無大咎*).

Cửu Tam, là hạng người có tính “quá cương” trực ngôn, trực gián, đôi khi cũng làm mất lòng cha, nhưng trực gián vẫn tốt, dù có thái quá mà được việc, không sao nên hào từ mới nói “*chung vô cựu dã*” 終無咎也.

Thấy cha sa vào vòng bất chánh mà trực gián cho cha khỏi đắc tội, vẫn là đứa con có hiếu, đó là cách “cán phụ chi cổ”, không lỗi (*vô cựu*).

Lục Tứ: Dụ phụ chi cổ, vãng kiến lân.

六四：裕父之蠱，往見客。

“*Dụ 裕*” là sự kéo dài

Hào Tứ đây là hào Âm, lại âm cư âm vị, nên có tính nhút nhát, không thể canh đáng công việc trị loạn ở thời Cổ. Cứ dùng dằng chỉ kéo dài mãi họa hoạn (*vãng*) thì chỉ thấy có điều hối hận mà thôi! (*vãng kiến lân 往見客*).

Lời Tượng bảo thêm: “*vãng, vị đắc dã*” 往，未得也。 (vị đắc 未得, là thất bại, không được gì cả).

Tam, thì *quá cương*, nên có điều “hối”; nhưng *quá nhu* như Tứ đây, thì chỉ nằm khẽnh mà trùm chǎn ở thời loạn, chẳng lợi ích gì cho thế cuộc!

Lục Ngũ: a) Cán phu chi cổ: dụng dụ

b) Cán phu chi cổ, thừa dĩ đức dã.

幹父之蠱，用譽。

幹父之蠱，承以德也。

Hào Lục Ngũ là người ở ngôi chí tôn, bản chất âm nhu, đây là tay “chủ cán” quan trọng nhất thời Cổ hoại này! (Hào chủ não của Quẻ).

Bản thân là âm nhu nên không đủ tài khai cơ sáng nghiệp, nhưng may mắn có được hạ ứng là *Cửu Nhị* có tài ba và quyết nghị, nhờ “đắc trung” mà gặp được tài hiền tài, lại biết “hạ mình” cầu bậc hiền tài, và giao cho đại sự, nên dù khó khăn bực nào, cũng có thể làm thành đại sự.

Khác nào Hán Lưu Bang gặp được Trương Lương, đó là “cán phu chi cổ”, lại còn biết dùng những bậc hiền tài và đặt họ vào ở những địa vị đúng với khả năng (*dụng dụ* 用譽).

“*Dụng dụ*” là *biết dùng người*.

Lúc Bá Công thu được thiên hạ, lên ngôi Thiên tử, nhân một hôm quần thần khánh hội, hỏi: Ta sở dĩ ngày nay tóm thu thiên hạ là nhờ đâu? Ai nói trúng, ta sẽ thưởng cho ngự tửu!

Các quan đua nhau ca tụng công đức tài ba; nhưng Bá Công bảo:

– Trật hết! Thực sự, ta đâu có tài gì? Ngôi trong trường mà liệu được mưu thần chước quỉ trong ngàn dặm ngoài, ta không bằng Trương Lương; điều binh khiển tướng, trăm trận trăm thắng, ta sao bằng Hàn Tín; còn lo việc phủ dụ nhân dân, dỗ an trăm họ, ta sao

bằng Tiêu Hà. Nhưng, bất tài như ta mà lại được ngôi Vương đế, là nhò *ta biết dùng 3 bậc đại tài trong thiên hạ* Trương Lương, Hàn Tín và Tiêu Hà!

Phải chăng, *Hán Cao Tổ là người của hào Lực Ngũ* này, “*lực ngũ, cán phu chi cổ, dụng dụ*” 用 譽 ; Cửu Nhị, là Trương Lương.

Thượng Cửu: Bất sự vương hầu, cao thượng kỳ sự.

上九：不事王侯，高尚其事。

“*Bất sự Vưong Hầu, cao thượng kỳ sự*”.

不事王侯，高尚其事。

“*Vương Hầu*” chẳng phải chỉ bậc vua chúa, mà nói chung những bậc chí tôn, đầu não, lãnh tụ các tôn giáo có tổ chức, các chế độ chính trị dù mang danh “dân chủ” như ngày nay.

Theo Phật giáo, *ngũ thời Phật pháp, đều phải trở về với thế gian tướng, cõi Bồ Tát thừa còn phải nguyện độ tận chúng sinh...* Trái lại, đến Phật thừa, không còn bị bắt buộc phải trở về với Thế gian, cũng không còn việc phải lo độ người nữa (giác tha). Trong quyển “*La Doctrine Suprême*”, có dành một chương để nói về việc này, nhan đề “*L'idolatrie du "Salut"*”. Người đắc Đạo, không phải lo “độ ai” cả: “*Thường nhơn tha độ; thượng nhơn tự độ*”. Đọc tập “*Thiền Đạo Tinh Hoa*” (tập I và II từ trang 21...)

Lời đại nguyện của Quan Âm cũng cùng một nghĩa như trên: *Hết nhất thiết chúng sinh mà còn một giọt nước mắt thì ta nhất định không nhập Niết bàn, không thành Phật vội!*” Là tại còn lo độ chúng sinh, chứ một khi đã thành Phật, chẳng cần lo độ ai nữa cả! Đó là

hào Thượng Lục quẻ Cỗ, thuộc về Phật thừa. Hạng người “xuất thế”. Còn Quan Âm còn là Bồ Tát.

Tượng viết: *Bất sự vương hầu, chí khả tắc dã.*
象曰：不事王侯，志可則也。

Theo Dịch, hào Ngũ là ngôi vị của bậc chí tôn, còn hào Lục, là ngôi của người “Vô Vị” một vị trí đứng ngoài các ngôi vị trong xã hội, tức là *hạng người cao sĩ xuất thế*.

Từ hào Ngũ trở xuống, Tứ, Tam, Nhị, Sơ... thuộc hạng người *nhập thế* cả.

Richard Wilhem bình giảng hào Thượng Cửu quẻ Cỗ có nói rất rõ về 2 hạng người này: *hạng nhập thế* và *xuất thế*. “*Tất cả mọi người, đâu phải đều bắt buộc nhập thế! Có nhiều kẻ “siêu thoát”, họ có quyền để cho cuộc đời trôi chảy thế nào theo lẽ tự nhiên mà không phải nhúng tay vào công việc sửa đổi. Họ lo cho họ đi đến chỗ toàn thiện toàn mỹ, đi đến bậc “siêu nhân”, dù thấy như họ sống riêng tư, tách rời nhân thế, xa hẳn cuộc náo loạn của thế giới bên ngoài, họ vẫn đang tiếp tục tạo ra những giá trị tinh thần vô giá cho tương lai nhân loại, điều mà thế nhân ít ai làm nổi!*”[1]

1. “Tous les hommes ne sont pas tenus à se mêler aux affaires du monde. Il en est aussi qui sont parvenus à un tel degré d'évolution intérieure qu'ils ont le droit de laisser l'Univers suivre son cours sans se mêler à la vie politique pour la réformer. Cependant, cela ne veut pas dire qu'ils doivent se tenir *inactifs* ou observer une attitude purement critique. Seul le fait de travailler dans sa propre personne aux buts supérieurs de l'Humanité jusifie une pareille attitude. Car même le Sage se tient éloigné des agitations quotidiennes, il continue de créer des valeurs humaines incomparables pour l'Avenir.” (Yi-King, p.101) N°18 Kou (Cỗ).

Đây, là hạng người *siêu nhơn thoát tục*, hạng người của hào *Dụng Cửu quẻ Kiền*, hạng người của xã hội “*quần long vô thủ*”; còn ở hào Thượng Cửu quẻ Cỗ, là hạng người mà Dịch khen: “*bất sự vương hầu, cao thượng kỳ sự!*” Hạng người này đã tiến rất cao, đến mức đâu cây sào trăm thước của nhà Phật tối thượng thừa, tức là hạng *Thiên sư đắc ngộ* (phái Thiên tông) và là hạng xuất thế cõi *Lão Tử, Trang Tử, Liệt Tử*, như ở nước ta, *Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm*. Thường là *bọn người “ẩn sĩ”*.[1]

.....

Nhận xét này của R.Wilhem thật rất xác đáng, chẳng bì một số nhà văn Việt Nam đã không sao hiểu nổi tư cách của các con người siêu đẳng ấy, đã lén án bọn “*Trúc Lâm Thất Hiền*”: “Đời ai cũng muốn làm Bác Di Thúc Tề thì bắt ai ra làm Y Doãn Châu Công?” (Hải Âu Tử).

2. Jean Grenin bình luận về hạng “*siêu nhân*” vắng mặt này, như sau:
...“*L'homme qui a le plus d'influence sur ses semblables est celui qui vit loin d'eux...*” (Le Non-Agir... Le Wu-Wei, page 137).
“*Moins on agit, plus on domine. Voilà le principe qu'il ne faut pas perdre de vue et qui, si étranger qu'il soit à la pensée moderne, n'en a pas moins conservé pendant des siècles l'empire sur les esprits...*”

Trong quyển “*La Doctrine Suprême*”, Hubert Benoît có lưu ý về việc “*Io phổ độ*” của những kẻ tu “*Thiền Đốn pháp*” (le Zen Abrupt): một sự hiểu lầm tai hại trì kéo người học Đạo trong mê hồn trận của Vô Minh, không sao thoát khỏi vòng sinh tử luân hồi! mà “đắc Ngộ”.

Ông nói: “*Une des erreurs qui entravent le plus sûrement la réalisation intemporelle de l'homme consiste à voir à cette réalisation un caractère contraignant... Il faut qu'ils se réalisent, qu'ils se libèrent, ils s'effraient à la pensée de n'y pas parvenir... Il y a là “ambition spirituelle” qui s'accompagne nécessairement de l'idée absurde du “surhomme” qu'il s'agit de devenir, avec revendication de ce devenir, et angoisse.*

Cette erreur entraîne, d'une façon fatalement logique, le besoin d'enseigner autrui...”

(Chap.III, *L'Idolatrie du “Salut”*, pages 57, 58, 59, 60 et 61).

(Người ta theo Huệ nghiệp, vì hiểu lầm rằng khi hiểu biết phải có bổn phận đi khai ngộ kẻ khác, lấy việc đi thuyết pháp là bổn phận vừa thiêng

Họ đều là hạng người sống xa xã hội loài người nhung *đâu phải họ sống một đời sống tư riêng ích kỷ, và vô trách nhiệm*; trái lại, họ âm thầm tạo ra không biết bao nhiêu “giá trị vĩnh cửu” để giải thoát toàn diện con người, họ càng sống xa cách con người bao nhiêu, ánh hướng tinh thần của họ đối với thế nhân càng mạnh hon những kẻ đang sống hiện diện trong xã hội bấy nhiêu! Có thể lấy sự việc “càng xa lại càng gần”, “ánh hướng vô hình mạnh hon ánh hướng hữu hình” làm nguyên tắc căn bản để suy luận về việc đời (“chí khả tắc dã” 志可則也. Và như văn hào Hermann de Keyserling đã nói: “*Thánh sống không bằng Thánh chết; Thánh được tạo hình ánh hướng tín đồ hon khi ông ấy còn sống!*”

Bất cứ tác giả nào, sau khi chết, danh mới nổi cao!

.....
liêng vừa bắt buộc. Họ thấy bề mặt chưa thấy bề trái... là đã vội vàng lo đi “phổ độ quần sinh”. Nếu họ thật hiểu thật biết rằng “*Thiện Ác giao Thiên Lý*” họ đâu có vội vàng. Chính cái thị kiến sai lầm này, chận đường giác ngộ của họ. Họ “tham” làm ông Thầy, được có nhiều đệ tử tôn thờ... Trang Tử nói: “*Vô Chỉ nói chuyện với Lão Đam: Khổng Khưu hình như chưa phải là bậc Chí nhơn! Ông ta làm gì mà dạy đồng học trò thế? (...)* Vậy, chứ ông ấy không biết rằng đối với bậc Chí nhơn vô kỷ, đó toàn là gông cùm cho mình ư?

Lão Đam nói:

- *Sao ông không bảo thằng cho ông ta biết rằng Sinh Tử đồng một lẽ, Nên Hư (Đắc Thất) đều cùng là một việc... hầu mở gông cùm cho ông ta có được không?*

Vô Chỉ nói:

- *Trời đã hành tội ông ta, gỡ ra sao nổi mà gỡ!*” (Xin đọc quẻ Kiền, hào Dụng Cửu).

Cho nên, Trang Tử bảo thêm: “*Kẻ nào hỏi Đạo, là người Ngu. Nhưng, kẻ nghe hỏi, lại còn trả lời, người ấy còn Ngu hơn nữa!*” . “Thuyết pháp là không có pháp nào để thuyết, nên mới gọi là Thuyết pháp.” (Kim Cang Kinh).

*
* *

Những ý tưởng hoặc những giáo điều cố định không nên có và duy trì nếu không muốn cho nó lỗi thời lạc hậu mà ta gọi là “hủ lậu” (mục nát). *Những chủ trương cần phải được thường xuyên đổi mới...* Những người thủ xuống hay chủ trương không nên mê muội đến tuyên bố sẽ không bao giờ thay đổi, luôn luôn cố giữ “trước sau như một”, “không bao giờ đảo ngược tình thế”, là kẻ hết sức ngu muội mê tâm.

Con người sở dĩ sống được là nhờ *luôn luôn được thay đổi* các tế bào trong thân thể. Nếu chõ cơ quan nào dừng lại, không chịu thay đổi, y học gọi đó là *bệnh ung thư* (*cancer*): *điềm sáu chết*. (kiên cường giả, tử chi đồ).

Dịch Kinh đã diễn đạt ý tưởng canh tân này trong 2 quẻ *Tinh* và *Cách* (bàn trong phần *Tự quái*). “*Tinh* *đạo bất khả bất cách*”. *Tinh* là giếng nước, nước trữ lâu ngày ắt đọng lại nhiều chất do, nên cần phải *vết sạch* *nước cũ* cho nước mới rỉ ra, như Lão Tử đã bảo “*Tệ tắc Tân*” (cái gì cũ thì lại mới) (chương 22), một chân lý của thiên thu!

Bài trên đây, nói theo khoa Huyền bí học Tây phương đâu có khác gì Dịch Kinh đã nói về quẻ Cổ. Chân lý, là chân lý, bất luận ở thời nào hay chõ nào, bất cứ ở Đông hay Tây.

Quẻ Cổ có điểm đặc biệt này, là những gì gọi là “*mục nát*” lại là *một nguồn sinh lực mới để nuôi dưỡng vạn vật...* như lời nói của Hermann de Keyserling: “*Les parfums les plus suaves proviennent des matières en décomposition*”. Hoa đẹp... toàn mọc trên những “đống

phân” thối nát. Thời “Cổ hoại” mới có sinh ra những bậc siêu nhân... Trong Loạn, có mầm Trị là thế!

Hoa Sen, sinh trong bùn, vậy mà hoa nó thơm ngát... (theo nhà Phật) lấy nó làm tượng con người giải thoát... “*Sinh ư nê, nhi bất nhiêm ư nê*”. *Châu Liêm Khê* (cũng gọi là *Đôn Di*), có bài thơ *Ái Liên thuyết* (dịch ra theo điệu Ca trù) như sau:

“*Thủy lục chi hoa phiên khá ái
Xem yêu hoa mà rõ chí khách trần gian.
Nào tài đức, nào chung đĩnh, nào lâm san.
Thiên tính mỗi người riêng mỗi khác.
Tấn Dao Uyên thích câu dật lạc
Tìm Cúc vàng giữa chốn cao son.
Từ Lý Đường đều chuộng mẫu đơn
Duy Sen, lại lòng ta độc chiếm.
“Canh xuất nê trung nhi bất nhiêm
Diệp hàn liên thượng diệc vô yêu”
Trong thông, ngoài thắng một chiêu,
Không nhánh nhóc, hương xa càng phúc phúc!
Rõ một dực uy nguy rất mực
Đặng xa trông mà chẳng đặng gần kè.
Ta gọi Cúc, ẩn dật chi huê,
Liên, quân tử, Mẫu đơn phú quý.
Ôi! Sau Dao Tiêm ít ai để ý.
Đến Cúc vàng, tốt bậc thanh cao.
Yêu Sen đồng tớ ai nào?
Mẫu đơn mê mẩn, biết bao nhiêu người!
Phinh thay! Sắc nước hương trời...
(Thu Giang dịch)*

19. ĐỊA TRẠCH LÂM

地澤臨



“*Lâm giả, Đại dâ*”
臨者，大也。

Cần để ý đến quẻ Lâm và quẻ Quán. Lâm, thì 2 dương đang tiến tới; còn Quán, thì nhị dương đang sắp tàn, bị 4 âm lấn tuốt ra ngoại quái là quẻ Khôn.

Quán là Dương sáp tàn nhưng tàn mà hay, vì có chết mới có sống lại.

Thoán từ:

Lâm, nguyên hanh, lợi trinh.

Trí vu bát nguyệt, hưu chung.

臨，元，亨，利，貞。

至于八月，有凶。

Đoài, là gốc quẻ Khôn được 2 hào Dương thay vào Sơ và Nhị mà thành quẻ Đoài, quân tử tiêm trưởng và lấn mãi tiếu nhơn tiêm tiêu.

Quẻ Lâm, là thời tiết vào tháng 12 sau Đông chí,

Dương khí lớn lên, nên gọi là Lâm (rất lớn). *Mùa Xuân sắp đến*, thế đạo đã gần đến chỗ hanh thông, nên gọi là “nguyên hanh 元亨”.

Tháng 12 đến tiết Lập Xuân.

Cửu Nhị, đắc trung đắc chánh, lại ứng với Ngũ nhu trung, quân thần khánh hội, nên Thánh nhơn mừng cho xã hội thời Lâm này, mới bảo “*Nguyên Hanh*”.

Nhưng, dù có tốt đến bực nào, cũng nên nhớ rằng đạo của người quân tử không sao tiêu diệt nổi cho hết bọn tiểu nhơn! Quân tử ở thời này, nên đề cao cảnh giác, cần lo bồi đắp cẩn cơ chánh đạo của mình cho thật bền vững mới được “lợi trinh”.

Bằng không, phải lo họa hoạn sẽ đến vào lối tháng 8. Quẻ Quán, là quẻ điên đảo của quẻ Lâm tháng 8.

Tháng 8 (“*Trí vu bát nguyệt*”) đến tháng tám, gấp “hung”, vì âm trưởng (4 hào âm lấn 2 hào dương ra ngoài), thế đạo còn gì xấu hơn, thời này là thời của bọn tiểu nhơn cầm quyền (Khôn vi nội quái).

Theo lý tự nhiên của Dịch lý, thì họa phúc thịnh suy quả thật đáng sợ! Cho nên Thánh nhơn bao giờ cũng lo nghĩ về luật tiêu trưởng của Âm Dương mà xử sự! Đang lúc Dương trưởng Âm tiêu như quẻ Lâm, mà đã lo nghĩ phòng trước lúc Âm trưởng Dương tiêu... “*trí vu bát nguyệt, hữu hung 至于八月，有凶。*”.

Với bậc Thánh nhơn, mới vừa đến quẻ Lâm đã phòng trước khi đến quẻ Quán...; còn thế nhân chúng ta, ở ngay quẻ Quán, lúc mà tiểu nhơn cầm hết quyền chánh, và đuổi quân tử ra ngoài xã hội đến phải chạy đôn chạy đáo... như chó mất chủ, mà vẫn như kẻ sống say chết ngủ... quả đáng thương biết chừng nào! Còn chạy cầu cạnh bọn tiểu nhơn để ban cho chút danh thừa!

Thoán Truyện:

- a) *Lâm, cương “tǎm” nhi trưởng;*
duyệt nhi thuận; cương trung nhi ứng.
 臨, 剛 浸 而 長。說 而 順, 剛 中 而 應。
- b) *Đại hanh dī chánh, thiên chi đạo dā.*
 大 亨 以 正, 天 之 道 也。
- c) *Trí vu bát nguyệt, hưu hung, tiêu bất cưu dā.*
 至 于 八 月, 有 凶, 消 不 久 也。

*
 * *

a) Câu đầu, quan trọng nhất là ở chữ “*tǎm* 浸” là từ *từ*, lần lần... Dịch gọi là “*tiêm tiệm nhi tiến*” tiến lên, nhưng hãy đi “*đi từ từ*”... như xuân qua, hạ đến... cũng đến từ từ... như hoa nở, trăng lên cũng từ từ, không bao giờ có việc “*thi đua*”, “*hối hả*”, “*đốt giai đoạn*”, “*cướp thời gian*”!

Sở dĩ bậc người quân tử mà đắc Đạo, khác với thế nhơn ở chỗ luôn luôn giữ một thái độ im lìm lặng lẽ... Thế nhơn lại không phải như vậy, họ tỏ vẻ bôn chôn vội vã, ồn ào chụp giụt. Văn hóa, giáo dục rất tối kỵ sự cướp thời gian hay “*đốt giai đoạn*”. Thiên tài là một sự nhẫn耐!

Ôi! Đến cái việc “tế độ quân sinh” thì các thày sãi cũng thúc giục tín đồ mình phải “biết tranh thủ thời gian”... “tu mau”, “tu gấp” qua trung gian họ. Trong khi đó Dịch khuyên ta: “*Lâm, cương “tǎm” nhi trưởng*” (quê Lâm, là dương cương mà là dương trưởng âm tiêu, sự *lớn lên* (“trưởng”) của Dương cũng phải biết *âm thầm*,

lǎng lē, từ từ mà tiến... Đó là “mật pháp” của phép “tu” của hàng thức giả! “*duyệt nhi thuận* 說而順”).

Đoài, là đứa con gái nhỏ (thiếu nữ) tiếng nói nhỏ nhẹ với nụ cười hồn nhiên duyên dáng dễ thương.

*
* *

Tuy hiện là quê *Lâm*, nhưng rồi cũng còn chẳng bao lâu, lại đến quê *Quán*, và từ đó đến Bác và Khôn... Dương khí sẽ tiêu hết mà Trời Đất cũng sẽ không còn! “*Tiêu, bất khả cứu đã*”. Tiêu trầm, cũng chẳng còn bao lâu... Hạnh phúc có bao giờ trường cửu!

Đại Tượng

Trạch thương hữu địa: Lâm.

Quân tử dĩ giáo tư vô cùng.

Dung, bảo dân vô cương.

澤上有地，臨。

君子以教思無窮。

容，保民無疆。

Trên đầm có đất, là quê Lâm.

Đầm, thì sâu; Đất, thì rộng, cho nên người quân tử lấy cái tượng sâu thẳm của đầm, cái rộng rãi bao la của đất mà đem chỗ sâu thẳm và rộng rãi về sự hiểu biết của mình để dạy dỗ thiên hạ, không phân biệt giai cấp sang hèn hay thân sơ, như Lão Tử đã bàn về sự giáo duõng nhân loại “*Thánh nhơn thường thiện cứu nhon, cố vô khí nhon; thường thiện cứu vật, cố vô khí vật* 聖人常善求人，故無棄人。常善求物，故無棄物。”. Thánh nhơn khéo cứu nhơn, nên

không có người nào bị bỏ; thường khéo cứu vật, nên không vật nào bị bỏ!

Nên hào tử Đại Tượng nói: “*Quân tử dĩ giáo tú vô cùng, dung bảo dân vô cuồng*” 君子以教思無窮，容保民無疆。

“*Giáo tú* 教思, là ban bố giáo dục đến tận cùng (“vô cùng 無窮”), là dạy dỗ đến chỗ “cùng Lý tận Tánh”.

“*Dung bảo* 容保” là dung hòa rộng rãi và bao quát, không phải riêng cho kẻ thiện, cho người thân, người cùng một nước, nghĩa là chỉ lo cho một nền quốc học, mà cho cả nền văn hóa quốc tế. Hạng người quân tử này đả phá mọi ranh giới quốc gia hay địa phương (“vô cuồng 無疆”).

Bậc Quân tử này của quê Lâm, có lẽ muốn ám chỉ các nhà văn có tánh cách quốc tế như những kẻ đã tạo ra được các văn phẩm quốc tế như các bộ sách cỡ *Dịch Kinh*, *Đạo Đức Kinh*, *Nam Hoa Kinh*, *Kim Cang Kinh*, hay là bộ *Kinh Thánh* (*Bible*), sách *Cabbale*... của Hy Lạp và Ai Cập.

Tiểu Tượng

Sơ Cửu: Hàm lâm, trinh kiết.

初九：咸臨，貞吉。

Tượng: Hàm lâm trinh kiết, chí hành “chánh” dã.

象曰：咸臨貞吉，志行“正”也。

Sơ Cửu là hào dương cường đắc chánh (dương cường dương vị) lại được Cửu Nhị (bạn dương cường duy nhất của mình) đắc trung đắc chánh, đồng tâm hiệp lực để tiến lên áp đảo quân âm.

Cho nên được gọi là “*hàm lâm 咸 臨*” (*Hàm* 咸 là bao gồm lại làm một lực lượng chung; “*lâm*” là to lớn).

Với 4 chữ “*Hàm lâm trinh kiết*”, thánh nhơn tác Dịch tỏ ý mừng cho hàng quân tử “tịnh tiến” (cùng tiến). Nhưng, vẫn như trước đây, Thoán truyện đã khuyên “cuong “tẩm” nhi trưởng”, thì có tiến lên, hãy *tiến từ từ, chó hấp tấp, vội vã mà mất đức* *Trung Chánh đi*; lại còn ngại điều này, là một khi đoàn kết được với nhau rồi, thường hay sinh ra cái nạn “bè phái”! Nên mới có lời răn dạy: “*chí hành “chánh” dã 志 行 “正”也。*”, đừng bao giờ quá thiên về người quân tử mà hất hủi tiểu nhơn.

Cửu Nhị: Hàm lâm, kiết, vô bất lợi.

九二：咸臨，吉，無不利。

Chữ “*hàm lâm*” của hào *Cửu Nhị* cũng giống như *hàm lâm* của hào *Sơ Cửu*, cùng hợp sức để áp đảo quần âm.

Về đạo lý vẫn chánh đáng, về cơ hội vẫn thuận tiện; về thời vận “nhị dương đồng hành” nên tốt “kiết” và tương lai chẳng việc gì mà không thuận lợi! (“vô bất lợi” 無 不 利) và như vậy, là cả hai hào *Sơ* và *Nhị* đều được chữ “kiết” (tốt).

Nhưng, lời Tượng lại nói thêm: đừng tin rằng đây là có được “thời” rồi buông trôi cho sự việc... phải nhớ rằng tranh đấu với tiểu nhơn đâu phải dễ... vì chúng đa mưu và nhiều thủ đoạn, cần đoàn kết chặt chẽ với nhau, không sơ hở... may ra, chứ đoàn kết lỏng lẻo thì sẽ bị chúng len lỏi vào làm hỏng việc như chơi! Nghĩa là phải “tận nhơn lực” mới “tri thiên mạng”! Theo lẽ Trời, theo luật tiêu trưởng của Âm Dương thì mình

ở thời Lâm rất thuận lợi, nhưng cứ tin rằng không có việc gì phải lo phải phòng, đó là việc *lầm lớn*, khi mình tranh đấu với tiểu nhân! Chúng vô cùng tráo trở, đừng thấy chúng lui bước nhượng bộ mình mà nhầm mắt tin tưởng. Chữ “vị 未” không phải là “chưa”, mà là “chẳng phải” chúng theo Mạng Trời mà chịu lui đâu! Với bọn tiểu nhơn, sớm đầu tối đánh, *liên miên phản trắc là bản tánh của chúng*. Chúng chịu nhượng bộ mà lui, dù hứa miệng hay ký kết giao kèo... cũng đừng tin. Quân tử mà đối phó với tiểu nhơn, cứ lấy bụng ta suy bụng người, là điều lầm lạc to tát. Bởi vậy, từ xưa đến nay, quân tử cùng tiểu nhơn tranh đấu, quân tử chịu thua là cái chắc! Vì thiếu cảnh giác để dự phòng sự tráo trở!

Lục Tam: Cam lâm, vô du lợi, ký ưu chi, vô cựu.

六三：甘臨，無攸利。既憂之，無咎。

Tượng viết: Cam lâm, vị bất đáng dã,
ký ưu chi, cựu bất trưởng dã.

象曰：甘臨，位不當也。既憂之，
 咎不長也。

Hào Tam, là một tên tiểu nhân của thời Lâm đã âm nhu lại ở vị dương, bất trung bất chánh.

Tam ở trên đầu quẻ Đoài thuộc Âm, lại làm chủ đoàn Âm là khác, thấy Nhị dương đang lên, đâm ra lo sợ cho bản thân, nên toan dùng lời ngọt mà a dua nhị dương nên mới bảo “cam lâm” (Cam là lời nói ngọt ngào bợ đỡ). Như thế, không lợi gì cho mình, bởi Cửu Nhị là quân tử chánh cống, đâu có thích lối a dua? Có đời nào mà hạng quân tử thích sự a dua, giả sử có kẻ yếu tánh dễ ưa lời a dua nịnh, đó là hạng người hòn

mê, nếu là hạng vua chúa, thường gọi là “hôn quân”! Chứ thuở nào lại ưa sự dua nịnh? Ưa lời dua nịnh là đồng thời mình đã đồng hóa với bọn a dua, bọn người tiểu nhơn rồi! Đó là tiêu chuẩn duy nhất để đánh giá nhân phẩm con người! Quả là điều đáng sợ cho những ai muốn trở thành quân tử! phải tự đề cao cảnh giác! Nghe lời khen tặng mà mừng dù biết rõ lời khen tặng ấy không chánh đáng, là tự mình đã đề cao cái bản ngã ti tiện của mình rồi! Huống chi, *thích nghe lời dua nịnh*, là vô tình hay hữu ý giúp cho bọn tiểu nhơn càng thêm có nhiều, đó là càng củng cố khuyết khích bọn tiểu nhơn trở nên càng đông đảo... Bậc Vua chúa hay một bậc tôn trưởng mà thích nghe lời a dua, thì không mấy chốc triều đường sẽ rặt phuòng tiểu nhân mà bọn người quân tử càng vắng bóng!

Chỉ có bọn “*ngụy quân tử*” mới thích việc a dua nịnh bợ mà thôi, vì cái đáng lo đáng sợ, không phải là kẻ tiểu nhơn, mà chính là hạng người “*ngụy quân tử*” thâm độc hơn tiểu nhơn nhiều![1]

Dù sao, Tam này cũng chỉ mới bắt đầu đi vào với bọn tiểu nhơn, cần nó có Sơ Nhị là quân tử. Thánh nhơn chưa nỡ cự tuyệt, nên mới có lời khuyên răn: “*Ký ưu chi, vô cựu*” 既憂之，無咎。Nếu Tam biết cải thiện một cách chân thành, người quân tử cũng chẳng hẹp hòi gì mà chặn đường tiến đức!

1. Một câu ngạn ngữ khác cũng khuyên ta chớ ưa nghe lời đạo đức của bọn “giả nhân giả nghĩa” mà lụy thân: “*Mạc tín trực trung trực, tu phòng nhân bất nhân*” (Đừng tin những kẻ giả vờ đóng vai người trung trực là thật trung trực, đừng tin kẻ làm ra kẻ có nhân là thực người nhân: bọn giả quân tử đấy).

*
* *

Với một chữ “Cam” là ngọt ngào, mà Thánh nhơn đã phác họa cả tinh thần của bọn tiểu nhơn:

*“Ngoài thì thon thót nói cười,
Mà trong nham hiểm, giết người không dao!”*

Người xưa đã bảo: “*Kỳ ngôn thái cam, kỳ trung tất khổ*”: lời mà quá ngọt ngào, bên trong chứa đầy chất đắng 其言太甘, 其中必苦.

Lão Tử nói thẳng: “*Tín ngôn bất mĩ; mĩ ngôn bất tín* 信言不美, 美言不信。” (chương 81) (Lời chân thành không đẹp; lời đẹp không chân thành).

Lục Tú: *Chí lâm, vô cựu, vị đáng dã.*
至臨無咎，位當也。

Lẽ ra, hào Lục Tú này thuộc loại âm nhu, hạng tiểu nhân ở thời Lâm, nhưng vì nó là âm, lại “cư âm”, nên *đắc chánh*; dưới tiếp với hào Sơ, là một bạn hiền nên *mất đi bản chất tiểu nhơn*, bởi vậy mới có câu “*Chí lâm vô cựu, vị đáng dã*” 至臨無咎，位當也. Nhờ ở vị Âm mà đắc Chánh, Tú khỏi kẹt vào hạng tiểu nhơn! (chí 至, là đến).

Lục Ngũ: *Trí lâm, đại quân chi nghi, kiết.*
六五：知臨，大君之宜，吉。

Tượng viết: *Đại quân chi nghi, hành trung chi vị dã.*
象曰：大君之宜，行中之謂也。

Ngũ, là vị chí tôn, đắc trung đắc chánh, tiếc vì bản thân là âm nhu, nên thiếu tài... phải nhờ vào bậc hiền tài như Cửu Nhị dương cương đắc trung đắc chánh, là đúng tư cách bậc nguyên thủ (*đại quân chi nghi 大君之宜*).

Lục Ngũ là đắc trung; *Cửu Nhị* cũng đắc trung, đó là “Âm Dương tương túy”, “thanh khí tương cầu”, “chí đồng đạo hợp” cùng phát triển đức “Trung” nên gọi là “hành trung 行 中”. *Lục Ngũ*, là Âm; *Cửu Nhị*, là Dương, đủ cặp Âm Dương, nên gọi là “Âm Dương tương túy” chỗ tương đắc là đó.

Chữ “知” đọc là *Trí* 智 (ngày xưa đọc lẫn nhau), hào Ngũ, tốt nhất, là chỗ “*Trí lâm*” nghĩa là khen cho con mắt tinh đời nhu Hán để, biết xem người, để giao trọng trách cho Trương Lương, Hàn Tín, Tiêu Hà mỗi người đúng địa vị của họ.

Thượng Lục: Đôn lâm, kiết, vô cựu
上六：敦臨，吉，無咎。

Tượng viết: Đôn lâm chi kiết, chí tại nội dã.
象曰：敦臨，之吉，志在內也。

Theo thông lệ, quẻ nào đến hào Thượng, thường không tốt, bởi Dịch rất kỵ cái gì đến cực độ: “cực tắc biến”!

Duy có quẻ Lâm này, thì trái lại, rất tốt, một ngoại lệ. Là bởi Thượng ở thời cuối cùng của Lâm, chỗ chung kiết của Lâm, lại ở trên hết quẻ Ngoại Khôn, đó là được chỗ chí thuận cho thời *Lâm quân tử đạo trưởng*.

Theo lẽ tự nhiên, thì việc lớn trong thiên hạ đâu phải

việc mà chỉ có bọn người quân tử làm xong, nếu không có bọn tiểu nhơn phụ vào để mà phụ trách! “vô tiểu nhơn bất thành quân tử”. Cần nhất, là bọn tiểu nhơn này phải được đặt đúng vào địa vị của nó mới hay... phải ở vào địa vị của kẻ phục tùng.

Chữ “đôn 敦” là đôn hậu, *trung hậu 忠厚* nên được “tốt” (kiết) và “không lỗi” 無咎.

*
* *

Thượng Lục sở dĩ được Kiết (*đôn lâm chi kiết*) là bởi tinh thần ý chí của Thượng Lục chỉ biết thuận tùng với 2 hào Dương của Nội quái (*chí tại Nội dã 志在內也*). Thượng Lục, thể Khôn, là thuận tùng, chân thành thuận tùng Sơ và Nhị (2 hào Dương của Nội quái) chính là anh đầu bầy bọn tiểu nhơn, dẫn dắt cả bầy tiểu nhơn, thành tâm phục tùng quân tử, đó là trung hậu đến mức, nên gọi là “đôn lâm, kiết, vô cựu 敦臨, 吉, 無咎”.

*
* *

Chữ “lâm” ở 2 hào *Sơ, Nhị* mà áp đảo được cả 4 hào âm trong quẻ, nên gọi là “hàm lâm”. “Hàm” là đồng tâm đồng lực để bày trù quần âm, vì sợ nếu sự đồng tâm không khít khao, sẽ không làm sao áp đảo nổi tú Âm. Còn chữ “lâm” ở các hào *Tam, Tú, Ngũ, Lục* thì lại mong cho bọn tú âm này đồng lòng đi theo phía người quân tử để mà phục tùng.

Trù Tam, là hạng tiểu nhơn, hay lấy lời ngon ngọt

đua nịnh quân tử nên mới gọi là “cam lâm”; chứ hào Tứ, thì gọi là “*chí lâm* 至 臨”; hào Ngũ, thì gọi là “*trí lâm* 智 臨” đều là những hào trung hậu, chân thành và liêm sỉ, nhất là Thượng Lục, được gọi là “*đôn lâm* 敦 臨” trung hậu nhất.

Trong một xã hội, hay một quốc gia mà đều được như hào Thượng Lục “đôn lâm” thì phúc cho thiên hạ biết chừng nào! Là bởi quân tử hợp quần với quân tử là việc thường; chứ tiểu nhơn mà chịu hóa theo người quân tử, hạnh phúc cho thiên hạ tốt đẹp biết chừng nào! Cho nên, phải lo kẻ tiểu nhơn hơn là lo cho người quân tử, đó mới thật là Tình thương của Tình Mẫu tử thiêng liêng.

20. PHONG ĐỊA QUÁN

風地觀



Chữ Quán 觀 có 2 giọng đọc, và 2 nghĩa khác nhau:

1. *Quan*, là nhìn rộng (như quan sát, quan tượng (xem thiên văn)... đó là nhìn chung, đứng trên cao nhìn bao quanh.

2. *Quán*, là xét xem kỹ mỷ, từng chi tiết.

Người ta ví quẻ Quan, như hình *một cái đài cao trên đó có thể nhìn rộng khắp chung quanh*, tượng trưng một vị Vua Chúa đứng trên cao nhìn khắp dân chúng bốn phương (tượng hào Cửu Ngũ). Đó là *Quan* (quan sát).

Còn *Quán*, là chung quanh nhìn lại trên đài cao, chiêm ngưỡng vị Chúa tể như là một Thần tượng, bốn phương ngưỡng vọng: 4 hào âm, là dân chúng 4 phuong nhìn lên đài cao...

Cho nên 2 hào Dương đứng trên cao.

Nói về vấn đề Âm Dương tiêu trưởng, thì quẻ Quán, thuộc về mùa Thu (tháng 8), tiết Thu phân: Âm trưởng đến 4 hào, Dương tiêu chỉ còn có 2 hào Dương ở chót vót.

Thoán từ:

Quán, quán nhi bất tiến, hữu phu ngung nhược.
觀，盥而不薦，有孚顒若。

Câu này, nói về hào Cửu Ngũ, bậc chí tôn.

Ở đây, lấy một thí dụ về Nghi lễ (tế lễ) để nói lên: phàm ngày xưa người ta bày ra nghi lễ cốt để tỏ lòng thành kính, kỳ dư chỉ là những hình thức không quan trọng.

Chữ “Quán 盥” là cái chậu nước để cho thày tế rửa tay trước khi tế lễ, như vậy, là để tỏ dạ kính thành. Thế, là đã đủ rồi, chả cần đến việc dâng lên các món đồ cúng kiến, bày ra mâm cỗ thịnh soạn như “tiến tú” (dâng rượu), “tiến soạn” dâng các món ăn...v.v... Chỉ rửa tay cho sạch để tỏ lòng kính thành là đủ rồi! Không cần đến việc “tiến 薦” nữa.

Bậc trị nước, cốt lấy lòng *chí thành* đối với dân để cảm hóa, không cần phải nhiều nghi thức rườm rà khác bè ngoài, vô ích. Ngày nay, ta thấy có nhiều chánh quyền thích bày biện lễ lạc cho nhiều để dối dân, để dân tưởng rằng chánh quyền quá lo cho dân... trong khi họ coi dân như cỏ rác!

Miễn là, trên hết có dạ chí thành, thì dưới sẽ hết lòng tin tưởng, đâu cần những nghi tiết rườm rà bên ngoài, mà lòng không chân thật thương lo cho dân.

Đại Tượng

*Phong hành địa thương: Quán
Tiên vuong dĩ tinh phuong, quan dan thiết giáo.
象曰：風行地上，觀
先王以省方，觀民設教。*

Gió thổi trên mặt đất, tượng của quẻ Quán! Chỗ nào có gió thổi, cỏ đều rập xuống dưới làn gió mạnh, mà chỗ nào cũng có gió, cũng có sự có mặt của gió ít hay nhiều. Tiên vương, noi theo ý đó, mà đi tuần tỉnh bốn phương *tiên vuong dī tinh phuong* 先王以省方, nghiên cứu phong tục khác nhau của mỗi địa phương để tùy cảnh mà áp đặt nền văn hóa và giáo dục thích hợp cho mỗi vùng, chứ không nhăm mắt bắt tất cả mọi người trong mỗi địa phương phải chịu chung một nền văn hóa giáo dục kiểu mẫu nào.

Trung Quốc bấy giờ là một nước quá to rộng, có nhiều địa phương chứa nhiều sắc tộc khác nhau, nên cần phải lập thành một đại quốc theo kiểu chế độ liên bang ngày nay, mà Lão Tử đầu tiên đã đề xuất. Trong Đạo Đức Kinh, chương 80, có đề nghị: “*Tiểu quốc, quả dân... cam kỳ thực; mỹ kỳ phục; an kỳ cư, lạc kỳ tục* 小國，寡民。。。甘其食，美其服，安其居，樂其俗。”. (Nước nhỏ, dân ít... mỗi địa phương đều được ăn món ngon của nơi đó; mặc đồ đẹp của nơi đó; sống yên ổn nơi mình đang ở đó; và vui với phong tục của nơi đó...)

Trước kia, nước ta cũng có thái độ sinh hoạt như thế, trong chế độ “*phép Vua, thua lê làng*”.

Dịch, noi chương Đại Tượng đây cũng đã ghi rõ: “*quan dân, quan phong 觀民，觀風*” để mà thiết lập một nền chánh giáo cho từng địa phương (“*tỉnh phuong, quan dân, thuyết giáo* 省方，觀民，設教”).

Tiểu Tượng

Sơ Lục: Đồng quan, tiểu nhơn, vô cựu, quân tử lãn.

初六：童觀，小人，無咎，君子吝。

Tượng viết: Sơ lục đồng quan, tiểu nhơn đạo dã.

象曰：初六 童觀，小人道也。

Nên nhớ, ở thời Quán, biểu thị về Người, phải lấy hào Cửu Ngũ làm chủ quẻ.

Chữ “Quan 觀” ở đây, là “quan chiêm 瞠” (nhìn các hình tượng) tất cả các hào âm đều phải nhìn về Cửu Ngũ, nghĩa là phải chiêm ngưỡng hào Cửu Ngũ.

Sơ còn nhỏ quá, lại còn ở quá xa Cửu Ngũ, nên không thấy rõ, mới gọi là cái nhìn của đứa trẻ (đồng quan 童觀). Là một đứa tiểu nhơn nên thị kiến của nó chỉ thấy một cách mập mờ không biết phân biệt quý tiện, thánh phàm! Nên không lỗi gì “vô cựu 無咎” đối với một đứa trẻ. Nếu là người lớn mà không chịu hướng về Ngũ mới là “xấu hổ” (tiểu nhơn vô cựu, quán tử lẩn).

Lục Nhị: Khuy quan, lợi nữ trinh.

六二：闌觀，利女貞。

Tượng viết: Khuy quan nữ trinh, diệc khả xú dã.

象曰：闌觀女，亦可丑也。

Hào Lục Nhị, là âm nhu, quẻ nói về người ở trong nhà mà ngó lén người ngoài đường (Nhị ở nội quái; Ngũ ở ngoại quái) nên mới nói “khuy quan”. Cách nhìn này là cái nhìn lén của người con gái, đó là nết trinh của con gái (ngày xưa): “khuy quan, lợi nữ trinh”!

Gọi rằng “lợi nữ trinh” là chê khéo Lục Nhị “quan chiêm” một cách không đàng hoàng, không hợp với tư cách một bậc đại trượng phu, “đáng xấu hổ” (“khả xú dã 可丑也”). Chữ “xú” cùng nghĩa với chữ “tu 羞” (xấu hổ). Huống chi nhìn, mà nhìn qua kẽ cửa, chỉ là

cái nhìn phiến diện, làm sao thấy được toàn diện con người, đó là cái nhìn của mấy “tên mù rờ voi”!

Nhìn ra được một người quân tử, một bậc Thánh nhơn, ít ra phải là người có được ít nhiều con mắt Thánh, chứ hàng tiểu nhơn, tiểu trí, thì làm gì nhận ra bậc quân tử anh hùng? Chỉ có “đồng thinh tương ứng, đồng khí tương cầu”, đọc Dịch mà biết Dịch hay, say mê đọc Dịch... là trình độ của mình cũng đã gần nhíp với các quyền sách mà kẻ khác không bao giờ đọc và hiểu nổi một câu!

Dịch đã nói: “Các tùng kỳ loại” (mỗi mỗi đều cùng một loại mà theo nhau!). Lục Tổ Huệ Năng, nghe đọc câu kinh trong Kim Cương: “*ung vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm*” mà đắc Ngộ.

*“Khen cho con mắt tinh đời,
Anh hùng tìm giữa trần ai mới già!”*

Sở dĩ người xưa có câu than: “Đắc nhất tư kỹ, khả dĩ bất hận”, đủ biết gấp được một bậc tri âm tri kỷ đâu phải dễ, và cũng đã có biết bao bậc vĩ nhân, tới giờ chết... vẫn chưa có được một người tri kỹ, tri âm... như trường hợp Hégel!

Nhà triết học Hégel, lúc hấp hối, lẩm bẩm câu: “*Chi có nó hiểu tôi mà thôi!*”. Chung quanh đều lắng lặng, kính cẩn chờ xem ông nói ra tên người nào mà được diêm phúc là người tri kỹ của Hégel. Nhưng sau cùng, nghe ông thở ra, nói: “*Nhưng, nó đã hiểu lắm!*”. Đã không biết bao nhiêu người đã giảng sai Dịch Kinh, Đạo Đức Kinh, hay Nam Hoa Kinh!

Lục Tam: *Quan ngā sinh, tiến thoái.*

六三：觀我生，進退。

Tượng viết: *Vị thất đạo dã.*

象曰：觀我生，進退，未失道也。

“Quan ngā sinh” là hãy xem bản thân mình, xem những hành vi động tác của mình để biết được lúc nào phải tiến, lúc nào phải thối “*quan ngā sinh, tiến thoái*” 觀我生，進退. Là bởi Lục Tam là hào âm, đóng ở vị dương, lại còn ở vào cái thế “*bán thương lạc hả*”, may ra cũng có thể *tiến* lên được, theo Tú mà lên. Nếu xét *mình*, thấy không đủ sức tiến lên, thì nên thủ phận, may ra không bị tụt xuống như hào *Lục Nhị*.

Hào này, tuy chưa phải là bậc hiền hay đại hiền, nhưng nếu biết tự lượng sức mình, biết quyền biến... thì chưa phải đến chõ “thất đạo” vậy.

Lục Tứ: *Quan quốc chi quang,*

lợi dụng tân vu vuong.

六四：觀國之光，利用賓于王。

Được nhìn thấy cái ánh sáng của quốc vương, rất có lợi mà làm khách quý của nhà vua.

Hào Lục Tứ, âm nhu đắc chánh (âm cư âm vị) lại cũng là hào kế can với Cửu trùng, được nhìn rõ và thân cận với Ngũ, khác nào một Hiền thần gặp được Thánh quân, được xem như vị “*thượng tân*” (khách quý) của triều đình, được hành động như một bậc cao quý, chứ không phải bị dùng như một công cụ (mis à une place d'autorité où il pourra agir en toute indépendance et être respecté, et non utilisé comme instrument).

Cửu Ngũ: Quan ngã sinh, quân tử vô cựu.

九五：觀我生，君子無咎。

Tượng viết: Quan ngã sinh, quan dân dã.

象曰：觀我生，觀民也。

Hào Cửu Ngũ, là vị chí tôn, đắc trung đắc chánh, lại được “dương cư dương vị”, được 4 hào âm phía dưới nhìn mình!

Nhưng Ngũ được người người nhìn mình, mà mình cũng phải “tự nhìn” *tự quan* 自 觀 tức là “*quan ngã sinh* 觀 我 生”, cũng là chỗ mà Lão Tử thường đề cao noi thái độ người quân tử: “*tự tri giả minh, tự thắng giả cường*” 自 知 者 明，自 勝 者 強。

“*Tự tri*” là bước đầu, mà cũng là bước cuối cùng của bậc Thánh nhân. “*Tự tri*” là một việc vô cùng khó khăn; bởi cái mà ta thường gọi là Ta, thực sự không phải Ta, mà là cái *Siêu Ngã* của ta, tức là cái Ta giả tạo do xã hội, gia đình, luân lý, phong tục... chung quanh tạo nên, gọi là cái “Ta xã hội”.

Lời Tượng bảo: “*Quan ngã sinh, quan dân dã*” Chữ “dân” nghĩa là người dân trong nước, nếu mình cầm quyền trong nước; nếu mình là chủ nhà, là chủ sở, là cha mẹ, là thầy... thì “dân” là người trong nhà, là các nhân viên trong sở... (tức là kẻ dưới tay, bè bạn... thuộc cung nô).

Nhin kỹ ta, cũng cần nhìn kỹ những người chung quanh ta, trực thuộc ta... Nếu họ không tốt, hãy xét lại, có phải tại ta chưa biết cư xử tốt với họ chăng? Có bạn mà phản ta, hãy tự hỏi, ta có gì xử không phải với họ chăng: “*tiên trách kỷ, hậu trách bỉ*”, đó là “*Quan ngã sinh, quan dân dã*”.

Thượng Cửu: Quan kỳ sinh:

quân tử vô cựu. Chí vị bình dã.

上九: 觀其生, 君子無咎。志未平也。

Hào này giống như hào Cửu Ngũ.

Theo lệ, hào này là bậc *Chí nhân quân tử*, một bậc Hiền, nhưng không lãnh chức quyền gì trong nước cả!

Gương sáng chói lợi, thiên hạ đều trông vào! Bởi không nhận lãnh tước phẩm nào cả, nên người dân *quý trọng hon* những bậc quyền quý có phẩm tước, có chức quyền! Lẽ đời là vậy.

Tuy họ không lãnh chức vụ nào cả, nên không bị bó buộc phải có bốn phận giáo dân, nhưng vai trò văn hóa và giáo dục của họ không thể vì đó mà chênh mảng, thường lại có nhiều hiệu quả hơn là khác! Dân chúng lại thích nghe họ hơn lời nói của chánh quyền!

Tóm lại, “Quán” dạy ta cách nhìn sự vật trên đồi, cần nhất là “cái nhìn bao trùm” (*vue planétaire ou synthétique*) như cái nhìn của người đứng trên lầu cao nhìn cảnh vật chung quanh, cái nhìn của Nhất Nguyên luận, cái nhìn của Đạo, cái nhìn khách quan vô dục! Tức là cái nhìn của hào Thượng Cửu này: “*chí vị Bình dã* 志未平也” (*Bình* 平 là im lặng, không thiên vị, trung bình hay bình đẳng: không thiên bên nào cả, âm hay dương, tiểu nhơn hay quân tử). “*Bình*” là “*bình đẳng quan*” của nhà Phật. Đó là cái nhìn bao quát của Nhất Nguyên. Richard Wilhem dịch câu này: “ici, à la place la plus élevée, tout élément personnel et lié au moi est exclu.” (Chữ 未 đọc là 位 (vị) ngày xưa đọc lẫn nhau).

21. HỎA LÔI PHỆ HẠP

火雷噬嗑



“*Hợp giả, hợp dã*”
噬者，合也。

Hình vẽ *cái Miệng mở rộng* (giống như quẻ Son Lôi Di) (tượng cái miệng) nhưng Phệ Hạp ở khoảng giữa thay vì 4 hào Âm (trống tron) có một hào Dương (tượng một vật cứng) ở chận giữa 2 hàm, khiến miệng không khép kín lại được! Nên cần phải *cắn mạnh* cho nát vật cứng ấy đi mới khép kín lại, nên gọi là “*cắn để hợp lại*” (*phệ để hợp = Phệ Hợp*) “*Hợp giả hợp dã*”.

Việc trong thiên hạ, cha con, vợ chồng, anh em mà hợp nhau lại được thì gia đình mới hanh thông, quốc gia xã hội mà dân chúng hợp nhau lại được mới được hanh thông. Rộng ra, nhân loại có hợp lại được thì nhân loại mới có hòa bình! Trái lại, là một tai họa vô cùng đau thương, thảm khốc.

*
* *

Thoán từ:

Phệ Hợp, hanh, lợi, dung ngực.

噬嗑：亨，利，用獄。

Phệ Hợp, là cắn cho nát, để mà hợp lại. Việc trong đời, từ gia đình đến xã hội quốc gia, nhân loại mà không sao hợp nhau lại được, không sống chung hòa bình được, là tại sao?

Tại có một số người *gian tà, siểm nịnh thường lọt vào khoảng giữa gia đình, giữa ta và những người cùng sống chung với ta*. Chúng có đặc tài *ly gián bằng đủ thủ đoạn để chia rẽ vì lòng ganh tị bất mãn!* Chúng không thể sống vui khi thấy kẻ khác hơn họ bất cứ về lãnh vực nào, tiền bạc, danh vọng, hạnh phúc, may mắn, hoặc đẹp đẽ, khôn ngoan hơn chúng! *Sự gièm pha, sàm báng, chê bai...* là mối đầu câu chuyện mà ta thấy xảy ra hằng ngày, hằng buổi trong mọi cuộc giao tế hay xã giao: hai người vừa gặp nhau, là đã rỉ tai *khai màn bằng việc nói xấu đủ cách về người kia kể nẹt rồi!* mà *chắc chắn không một ai chạy khỏi họ...* Dù trong câu chuyện một đôi khi cũng phải có vài câu khen cho có vị, nhưng đó cũng chẳng qua là một *lối chê khéo léo!*

“*Lôi*” và “*Hỏa*” là 2 lực vô cùng mạnh bạo, mà Thánh nhơn tác Dịch, khuyên kẻ cầm quyền trị nước nên dùng để *trù khử bọn này không thể nói tay!* thì may ra, thiên hạ mới sống được yên thân, hòa bình và hạnh phúc! (*phệ hợp hanh, lợi dung ngực*).

Lôi, là uy vũ rất mạnh; *hỏa*, là lòng sáng suốt minh chánh, là 2 việc rất cần để trừ cái họa “phệ hợp”. Cho nên, hằng ngày chớ do dự mà dung túng cho con em mình được phép hội họp, ngồi lê đỗi mách bàn tán và

nói xấu chuyện người! Người quân tử phải tuyệt đối cấm đoán con em mình xa lánh ngay một cách dứt khoát *bọn người đa ngôn đa sự*, luôn luôn *gièm siểm* kẻ tài hay trí, giỏi hơn chúng. Đó là bọn *gián cách* mà Dịch truyện gọi thảng là “*thiên hạ chi đại họa dã*” 天下之大禍也。

Nhà Phật cho rằng Vọng Ngũ là một trong Ngũ giới, lại là thứ nghiệp chướng nặng nề nhất lôi cuốn theo nó cả bốn “giới cấm” kia! Khẩu nghiệp do vọng ngũ... gây ra đầy tội ác đáng sợ.

Phần Thoán truyện, không có gì lạ, chỉ *nhại đi nhại lại* những gì đã nói ở Thoán từ. Vậy xin bỏ qua bớt sự rườm rà vô ích.

Đại Tượng

Lôi Điện Phệ Hợp,
tiên vương dĩ minh phạt sắc pháp.

象曰：雷電噬嗑，先王以明罰敕法。

Trên là quẻ Ly (Hỏa)

Dưới là quẻ Chấn (Lôi).

Lôi và Điện đồng thời phát ra, như Minh và Uy đồng thời tịnh dung, đó là tượng của quẻ Phệ Hợp (Hỏa Lôi Phệ Hợp).

Ké trị nước ở thời Phệ Hợp (phải *cǎn mạnh* mới hòa hợp được thiên hạ), phải có đủ lòng sáng suốt và dùng đến *Uy vũ* (gọi là Minh Uy) để cầm cân công lý.

Nhất định phải dùng đến Ngục hình, mà là một thứ hình ngục “*minh phạt 明罰*” bằng “*sắc lệnh*” rõ ràng (*sắc pháp 故法*). *Phạt thật nặng bọn gián cách!*

Tiểu Tượng

Sơ Cửu: Lý giáo diệt chỉ, vô cựu.

初九：履校滅趾，無咎。

Tượng viết: Lý giáo diệt chỉ, bất hành dã.

象曰：履校滅趾，不行也。

Toàn quẻ Phệ Hạp chuyên nói về việc Hình Ngục, nên 6 hào được chia ra làm 2 hạng người: Sơ và Thượng là hạng người không chức vị, là hạng người bị thọ hình.

Bốn hào ở giữa, Nhị, Tam, Tứ, Ngũ là hạng có chức vị được quyền dụng hình.

*
* *

Hào Sơ Cửu, ở dưới chót quẻ Phệ Hạp là một kẻ tiểu nhơn, lúc đầu tiên bị thụ hình, nhưng vì tội nhỏ nên chỉ bị cùm chon thôi (Đây là hình thức dụng hình bên Trung Quốc thời xưa, hễ tội nhỏ (tiểu hình) thì bị cùm chon (tức như bị giam, không cho đi tự do bên ngoài). (*Lý giáo*, là cùm chon).

*
* *

Ở Hệ từ có nói: Mới vừa có tội nhỏ, mà trừng trị ngay; là răn dạy nó không làm nên đại tội! Chính là *làm phúc cho tiểu nhơn* vậy! “Cùm chon” tuy đau, mà tương lai sẽ “vô cựu” không phạm tội đại hình! Đó là chặn đứng, không cho nó hành động tội lỗi nữa!

Đây, là bọn dân ngu ngoan cố, chỉ biết sợ pháp luật chứ không biết phục thiện. Không thể quá dễ dãi, quá dùng lòng nhân mà làm hại nó về sau. Phải cứng rắn ngay lúc ban đầu, thì mới có thể cứu nó trong tương lai khỏi bị đại hình! Đừng làm cái việc “nuôi loạn” để “trị loạn” kiểu Sở Trang Vương vô cùng hiểm độc.

Lục Nhị: Phệ phu, diệt ti, vô cựu.

六二：噬膚，滅鼻，無咎。

Bốn hào giữa của quẻ Phệ Hợp, tượng những kẻ có chức vị dụng hình. Còn 2 hào Sơ và Thượng, là tượng những kẻ bị thụ hình.

Bốn hào trong, đều được quyền “Phệ” là cắn, nghĩa là dùng hình ngực. Cho nên *Nhị, phệ phu; Tam, phệ tích nhục; Tứ, phệ kiên tri; Ngũ, phệ kiên nhục*.

Hào *Lục Nhị cư trung đắc chính*, tiếp ứng được với hào Lục Ngũ, chính là người được vị “quốc trưởng” giao cho sự xử lý hình ngực.

“Nhị” cõi trên hào “Sơ”. Sơ có tánh ngang ngạnh, nên trị Sơ, có phần khó khăn và cần phải khéo léo, chớ quá nặng tay! Nên biết *Nhị là hào đắc trung đắc chánh*, đó là một vị *quan trung chánh* dễ được nhân tâm. Bởi “Sơ” là kẻ cương cường ngang ngạnh, nên Nhị bị bắt buộc phải dung đến hình phạt hơi nặng, tượng như cắn vào mó thịt mềm (*phệ phu, diệt ti*), lún cả cái mũi vào mó thịt mềm, ý nói vì quá nóng nảy nên mất đi cái khiếu linh mẫn (on perd la subtilité du flair). “Mó thịt mềm” là muốn nói kẻ làm ra tội chưa “già” nên thịt còn mềm!

Tuy “cắn” nhẹ mà đau, có đau mới có thể làm cho Sơ cải tà qui chánh được.

Lục Tam: Phệ tích nhục, ngộ độc, tiếu lẩn, vô cựu.

六三: 噓腊肉, 遇毒, 小吝, 無咎。

Tượng viết: Ngộ độc, vị bất đáng dã.

象曰: 遇毒, 位不當也。

Lục Tam cũng là người có quyền dụng hìn, nhưng là hào âm ở vị dương (âm cư dương vị) nên địa vị không được chánh đáng (“vị bất đáng 不當也”).

Tuy có quyền hành, mà không được người người tâm phục (bất chánh) e còn bị oán thù mà có hại cho sinh mạng sau này, nên tượng như “cắn” mà *đụng phai xương cứng*, lại bị ngộ độc (phệ tích nhục ngộ độc). Tuy vậy, cũng không có lỗi! (*vô cựu* 無咎).

Cửu Tú: Phệ kiền tri, đắc kim thi, lợi gian. Trinh kiết.

九四: 噓乾肺, 得金矢, 利艱, 貞吉。

Kiền tri, là thịt bọc xương khô cứng; “*đắc kim thi*” được mũi tên bịt bằng sắt.

Cửu Tú là dương cương, có cương là có trực, lại ở cận Lục Ngũ, nên Tú có trách nhiệm nặng nề, lo trùng tri dân trong cả nước.

Tú, có đức cương trực lại được ở thế Ly (là sáng suốt), cho nên dù cho gặp phải lũ người có thể lực lớn, hoặc có vũ trang cướp bóc, Tú “cắn” như chơi (de puissants adversaires de l’Etat).

Thịt liền xương, lại còn được phơi khô (*kiền tri* 乾肺) mà Tú “cắn dễ như chơi”! Lại còn có được cung tên bịt đầu bằng kim khí, nghĩa là được quyền bắn giết nếu cần! (*đắc kim thi* 得金矢). Tú, là một bức *quanto*, được cả quyền tự mình sinh sát...

Có điều, Tú tuy là dương cương, có tài, mà bị ở cái thế “*Dương cự Âm vị*” nên có tánh hoi yếu đuối như đàn bà, do dự, không nỡ dùng cương đạo... như trường hợp Thái Thúc:

“Trịnh Tử Sản, lúc gần chết, gọi con là Thái Thúc:

– Ta chết, con sẽ lên nắm giữ chánh quyền! Chỉ có những ai có Đức lớn mới có thể dùng *Khoan* mà trị dân, còn thì không còn có gì bằng dùng chánh sách mạnh, là dùng đến uy vũ! Như lửa đỏ, ai mà chẳng sợ, nên dân tự nhiên tránh xa, nên ít va vào mình. Còn nước thì mềm yếu, hiền lành, dân ưa đùa giỡn dễ bị tai ương! Chánh sách Khoan tuy hay, nhưng rất khó, vì trên đời có quá nhiều kẻ ngoan ngạnh không biết phục thiện!

Tử Sản chết. Con là Thái Thúc lên cầm quyền nước Trịnh, không nỡ dùng chánh sách mạnh, lại dùng Khoan hồng mà trị nước! Trộm cướp nổi lên khắp chốn. Bấy giờ, Thái Thúc hối vì không chịu nghe lời cha dạy, than: Nếu trước biết nghe lời cha dặn, thì có đâu đến nỗi nước này!

Bèn cất quân đi diệt trừ trộm cướp. Giết hết. Trộm cướp yên.”

(Trích bài *Tử Sản thụ chính Thái Thúc*, của *Tả Khưu Minh*, trong bộ *Tả Thị Xuân Thu*)

*
* *

Ở thời *Phê Hạp*, chỉ có hào Cửu Tú này là hay nhất!

Lục Ngũ: Phê kiền nhục,
đắc hoàng kim, trinh lệ, vô cựu.

六五：噬乾肉，得黃金，貞厲，無咎。

Tượng viết: Trinh lệ vô cựu, đắc đáng dã.

象曰：貞厲無咎，得當也。

Lục Ngũ, tuy thuộc Âm nhu, nhung được đắc trung đắc chánh. Âm nhu mà ở vị cương, là được Nhu pha Cương, lại còn có Tứ là một bậc minh đoán giúp cho Ngũ trong thời Phệ Hợp, hễ “cắn” (phệ) đâu, thì đó phải chịu phục tùng ngay, tượng như “cắn” phải miếng thịt khô, có đôi chút dai, nhung rồi cũng cắn đứt (phệ kiền nhục).

Luôn luôn phải biết ý thức rõ vai trò khó khăn của mình, không khác nào kẻ được một khối vàng ròng (“đắc hoàng kim 得 黃 金”). Người xưa cho đó không phải là cái phúc, mà là một cái họa ngầm ngầm đe dọa bản thân

Bảng Tóm lược Phệ Hợp theo Cổ tự.

Nét Dương ở giữa, làm trở ngại cho cái Miệng không hợp lại được. Đó là kẻ gian tà làm kẻ gián cách dùng vọng ngữ (gièm siểm) làm cho xã hội loài người ly tán.

Phệ (là bói): Hình vẽ chữ Phệ: cái miệng của người bói; bên kia là 2 người: người hỏi người trả lời. Ông thầy bói, là kẻ biết được Thiên cơ; người đi coi bói, là kẻ không biết gì cả. Sự ngăn cách phía giữa, là khoa học Lý Trí cắt đứt con người với thiên nhiên tạo hóa. Người không biết đến hỏi người biết vén cho tấm màn bí mật! Hình là 2 cọng cỏ thi, dùng để bói. Phệ là bói.

Chữ “hợp 噬”，cổ tự vẽ – chữ 口 “khẩu” bên trái, là lời nói bị người bên kia giấu như nhốt vào trong một cái nồi đậy kín lại . Hình là hình cái nắp đậy cái nồi,

phía dưới cái nồi là cái chun. Cho nên Hạp là *tên nói lão*, kẻ “*vọng ngữ*” để chia rẽ...

Lời gièm siểm, là nguồn gốc mọi cuộc loạn trong xã hội. “*Vọng ngữ*” là lời dối láo! Nguồn gốc ly loạn.

*
* *

1. Sơ Cửu: Tội nhọn “vọng ngữ” phải trị nó bằng tiểu hình (cùm chon nó lại, dùng để nó tự do đi lại giữa xã hội phao đòn sự dối trá).

2. Lục Nhị: Lột da nó, cắt mũi nó... (phê phu, diệt tỉ).

3. Lục Tam: Đánh mạnh đến xương, cấm không được nói láo.

4. Người trị nước, đối với tiểu nhọn nổi loạn, phải cương quyết dùng đến vũ lực (một quan quyền to lớn).

5. Trị quân tiểu nhọn, có Tứ giúp, tốt.

6. Bị đại hình, vì đây là thú tiểu nhọn hạng nặng, như Thân Công Báo thời Võ Vương phạt Trụ.

Nếu biết lo sợ và cẩn thận dè dặt, thì “không lỗi” (vô cựu). Hào Ngũ đây, là hào chủ não của Phệ Hạp.

*
* *

Nên biết: 4 hào ở giữa quê, là những kẻ có quyền dụng hình bằng Nhị, Tam, Tứ, Ngũ.

Còn 2 hào *Nhị* và *Ngũ*, thì *Nhị* là *nhu*; mà *Ngũ* là *cương*. *Nhị*, thì “*nhu cưng nhu*”; còn *Ngũ* thì “*nhu cưng dương*”, nên *tài của Ngũ hơn Nhị nhiều!* Ngũ, vì thế,

mà “phệ” được “kiền nhục”, còn Nhị chỉ “phệ” được “phu nhục” mà thôi.

Về *Ngũ* và *Tam*, tuy cũng đồng một thể nhu, nhưng *nhu* của *Tam*, là “*nhu*” *bất trung* (âm cư dương vị) còn nhu của *Ngũ*, là “*nhu*” *đắc trung*, nên cái thế của *Ngũ* hon Tam xa! Bởi thế, *Ngũ* thì “đắc hoàng kim”, còn Tam, thì “ngộ độc”.

Như vậy, trong 4 hào *Nhị*, *Tam*, *Tứ*, *Ngũ* chỉ có *Tứ* là tốt nhất, vì *Tứ* có đức cương hơn *Ngũ* về *Tài*, hơn Tam về *Vị*. Bởi nhờ có *Tài* có *Vị* giúp cho, mà *Tứ* mới có đủ sức “phệ” và được ban chữ “kiết” mà thôi!

Cho hay, được “vị” mà không có “tài”, không sao tạo nổi thời thế; còn nếu có “tai” mà không có “vị” thì phải biết đợi thời cơ!

Trù gian diệt nịnh là việc làm rất khó trong đời! Kẻ không tài không vị, thì làm gì đảm đương nổi việc to lớn này? “*Ngũ*” này được có quyền thế to.

Thượng Cửu: Hạ giảo, diệt nhī,
hung, thông bất minh dā.

上九：何校，滅耳，凶，聰不明也。

Chữ 何 đọc là hạ, nghĩa là đội.

“*Hạ giảo diệt nhī*” (đội sợi dây xiềng, mà ngập mất lỗ tai) một thú hình phạt nặng nhất. Tội nhẹ, tội nhỏ thì “xiềng chon”, tội nặng thì “xiềng đầu xiềng cổ”! theo nhục hình ngày xưa bên Trung Quốc!

Hào Thượng Cửu, cũng như hào Sơ Cửu, là những người phạm tội thời Phệ Hợp. Sơ Cửu, là tội nhẹ, của kẻ mới lần đầu phạm pháp, chứ Thượng Cửu, là kẻ quá ngoan cố, đã đến “cực độ chi ác”, là tay làm “gián”

cực hung, cực ác bị đưa ra “đại hình” bị “đội gông vào đầu cổ, xát đứt mất lỗ tai” (*hạ giáo diệt nhī*). Là bởi “thông bất minh dã” (*lỗ tai bị điếc, không còn nghe được lời giáo huấn gì nữa!*!).

*
* * *

Có những trường hợp mà người làm công việc ly gián, lại tưởng rằng mình làm việc chánh đáng: thấy sao nói lại vậy. Sự nói đi lặp lại, bao giờ cũng không chính xác... Thấy là một việc, mà thấy đúng như sự thật, khó. Là bởi có khi “tình ngay” mà “lý gian”. Kẻ cầm cân công lý há chẳng biết rằng: không ai thấy được sự thật, như trong vỏ tuồng *Yabu no naka* (*Trong hẻm núi*) của nhà văn Nhật Bản Ryunosuke Akutagava đã chứng minh.

Trong quyển *Tôi tự học*, tôi có dành một chương riêng về sự mỏng manh các tài liệu lịch sử, phần nhiều quá chủ quan mà thành ra sai hết sự thật: Sử không đáng tin hoàn toàn.

22. SƠN HỎA BÍ

山火賁



“Bí giả, súc dã”

賁者，飭也。

Súc, là trang súc, trang điểm... cho thêm đẹp

Quẻ Bí, là quẻ đảo ngược quẻ Phê Hạp.

Bí, là tượng núi (Cấn) ở dưới có lửa (Ly) phun ra. Ngọn lửa thoát ra trên đảnh núi (tượng của Hỏa diệm son), nhờ ngọn lửa ấy mà chung quanh sáng rực... như nhờ sự trang súc mà sắc đẹp càng thêm lộng lẫy hơn. Trang súc giúp cho sắc đẹp thành những Ngọn lửa thiêu đốt cả loài người.

Có 2 lối trang súc:

1. Lối trang điểm bên ngoài để che giấu bót vẻ đẹp thiếu kém bên trong.
2. Lối trang súc bên trong, làm cho đẹp nết đẹp tình hon, bằng cách ăn ở, lời ăn nói duyên dáng. Một câu thơ hay, bao giờ cũng chứa đựng bên trong nguồn Chân, Thiện, Mỹ.

Người ta chỉ biết cái chõ tai hại của các chất lỏng do phún thạch gây nên cho con người sống bên núi lửa, nhưng người ta đâu có hiểu được cái lợi của phún thạch đối với mặt đất, nhờ đó mà đất trở thành phì nhiêu đầy sinh lực lạ lùng mang từ trong lòng đất ra cho con người... (Như trường hợp sấm sét đã bình giảng nơi quẻ số 16 *Lôi Địa Dụ*).

*
* *

Giữa 2 quẻ *Bí* và *Phệ Hợp*, Phệ Hợp là sự hội họp (*Hợp giả, hợp dã*). Đã họp, thì cũng phải có lớp lang, thứ tự, chứ không thể là một sự hợp lại một cách bừa bãi vô trật tự, nên “*Bí*” có nghĩa là *văn súc, trang súc* có *hòa điệu, có nhạc điệu*. (*La grâce et la beauté de la forme est indispensable à toute union pour la rendre harmonieuse et aimable, et non chaotique et désordonnée.*)

Thoán từ:

Bí hanh, tiểu lợi hữu du vãng.

貴亨，小利有攸往。

Bất luận vật gì trong thiên hạ, phải trước có bản chất, sau mới có văn thái. Có bản chất rồi, lại được thêm văn súc, tất sẽ được hanh thông (*Bí, hanh 貴亨*).

Hay nói cách khác, *hễ có Văn phải có Chất. Hữu văn, vô chất* chỉ là phè phõn. “*Chất*” nói đây, là chất “*Chân*”, chất “*Thiện*”, “*thực chất*”. Cho nên, có Văn mà thiếu phẩm chất, thì có thể thành tựu được chỉ trong những công việc rất nhỏ bé mà thôi, chứ không thể

thành tựu trong những công trình đại sự (*tiểu lợi du vāng* 小利有攸往).

*
* *

Về vấn đề Văn và Chất, ta thường nghe thiên hạ bình phẩm về loại văn có *văn có chất*, là *loại văn có điện lực* (style *enflammé ou électrisé*) lôi kéo kẻ khác theo mình như bị thôi miên! Đó là lối văn được nung nấu trong một tâm hồn như lửa cháy (hình ảnh “*son trung hữu hóa*” của quẻ Sơn Hỏa Bí (Hỏa diệm sơn)).

Thoán truyện:

Thoán viết: Bí hanh, nhu lai nhi văn cương, cố hanh.

Phân cương thượng nhi văn nhu,

cố tiểu lợi hữu du vāng.

Cương nhu giao thác, thiên văn dã.

Văn minh dĩ chỉ, nhân văn dã.

Quan hồ thiên văn, dĩ sát thời biến.

Quan hồ nhân văn, dĩ hóa thành thiên hạ.

彖曰：貴亨，柔來而文剛，故亨。

分剛上而文柔，故小利有攸往。

彊柔交錯，天文也。

文明以止，人文也。

觀乎天文，以察時變。

觀乎人文，以化成天下。

Lời lẽ của Thoán truyện định nghĩa công việc của *văn chương văn hóa* thật là *khám phá*, nhưng cũng rất khó hiểu cho những ai mới học Dịch.

Nên biết: quẻ *Kiền* và *Khôn*, thuần chất là Dương hay Âm, nên chưa dùng được trong việc Văn sức. *Phải lấy cái Biến của Kiền là Ly; và cái Biến của Khôn, là Cấn để làm việc Văn sức.*

Phải lấy Dương mà trang sức cho Âm; và phải lấy Âm mà trang sức cho Dương.

Quẻ Ly, là quẻ biến của quẻ Kiền. Kiền thì thuần Cương, cộc lốc, nóng nảy, nên thiếu văn hóa, phải nhờ dùng đến Khôn nhu để Kiền được vẻ văn minh, tức là Kiền biến ra Ly, là văn minh, là sáng sủa, tốt đẹp tuyệt vời.

Quẻ Khôn, thì thuần nhu, mộc mạc thật thà, nên phải nhờ chút Dương của quẻ Kiền điểm vào quẻ Khôn, biến thành quẻ Cấn ở hào trên của Khôn. Bây giờ, thì không còn gì là thuần Dương hay thuần Âm như Kiền và Khôn, mà đã biến thành Cấn và Ly – có được công dụng văn hóa: Ly là Kiền đặc nhất Âm, còn Cấn là Khôn đặc nhất Dương, rất là tốt đẹp làm sao!

Quẻ Bí, do 2 quẻ Cấn trên, Ly dưới cấu thành, mà Cấn là quẻ biến của quẻ Khôn, phân hào Dương của Kiền để văn sức cho Khôn; đó là “*phân cương thượng nhi văn nhu*”; còn ở quẻ Ly, thì lấy hào Âm của Khôn để văn sức cho Kiền “*nhu lai nhi văn cương*”.

*
* *

Tuy nhiên, “văn sức” thường tình lại là công việc *trau dồi bên ngoài* cho tốt mã, cho có vẻ dịu dàng dễ yêu, tránh mọi góc cạnh dễ làm khó chịu và đau đớn kẻ khác bằng những lời lẽ quá bộc trực và dã man, với quẻ

Kiên quá cương kiện. Xã hội loài người bắt đầu có “văn minh” với những lời nói bồng bế đầy thi vị do phụ nữ gây nên, đó là “*nhu lai nhi văn cương*” nhò đem cái âm nhu mà văn súc cho cương bạo! Có nhà văn hào Tây phương đã nhận xét rất đúng: những *thời buổi giả dối nhất* mà nghệ thuật mới được xán lạn huy hoàng nhất. Giả dối là một trong những điều kiện của Nghệ thuật. *Phận sự của công chúng là đòi hỏi nghệ sĩ phải giả dối*” (C'est aux plus hypocrites époques que l'Art a le plus resplendi. L'hypocrisie est une des conditions de l'Art. Le devoir du public c'est de contraindre l'artiste à l'hypocrisie). Sáng tạo, là giả tạo, giả tạo là giả dối... Giả dối cần cho sự sống hon là sự chân thật mà trăng trọn khô khan.

Lão Tử rất chống đối sự Giả dối, nên lời lẽ văn chương của phái Lão Trang có vẻ rất “tàn bạo” đối với con người rất “văn minh” ngày nay... và người ta đã cho Trang Tử có lối viết văn độc ác và “khinh thế ngạo vật”! Lão Tử bảo: “*Lẽ giả, loạn chi thủ, trung tín chi bạc*” (Lẽ, là cái vỏ mỏng của lòng trung tín, là đầu mối của sự hỗn loạn (tức là sự giả dối).) Ông lại còn nói thảng: “*Tín ngôn bất mỹ, mỹ ngôn bất tín*” (Lời nói thành thật (nghĩ sao nói vậy), thì không đẹp; lời nói đẹp không chân thành). Là bởi “đời đã đi đến chỗ cực kỳ giả dối rồi”, và đó chỉ là lời khuyên chúng ta ngày nay *chớ quá lưu tâm đến những “văn súc” bên ngoài*, làm cho *ngọn lửa của Chân tâm “tắt đi”!* hoặc “*mờ đi*”.

Thật vậy, văn mà “kêu” lầm, thường ít có “chất”, hoặc, *chẳng có chất gì cả!* Một nhà văn Tây phương có nói: *Một câu văn hay, là một câu văn mà ai ai đọc đến, chỉ thấy có cái tú của nó, chứ không phải để ý đến hình*

thức của câu văn của nó! Cũng như, “người đàn bà trang sức khéo, là người biết trang sức rất kín đáo đến dối không ai dè có trang sức. Cho nên, có câu: Trang sức mà không thấy có trang sức là cách trang sức rất khéo!”

Tóm lại, quẻ Bí, là quẻ bàn về sự Văn minh của loài người, qua các “Văn nghệ phẩm” có cả Văn lẫn Chất như ngọn lửa phát ra từ các *Hỏa diệm son* (núi lửa).

“*Nhu*” để văn sức cho Cương;
 “*Cương*” để văn sức cho Nhu
 “*Cương Nhu giao thác, thiên văn dã*”
 疊柔交錯，天文也。

Đó là nguyên tắc của Văn minh loài người vậy. Cái gì nói ra mà không phải phát xuất từ lòng mình, thì những lời nói ấy chỉ là giả nguy, giả tạo và giả dối, không phải là hiện tượng của Văn minh. Triết lý là một nghệ thuật, kẻ nào tìm Chân lý, đầu tiên phải nói cái gì của lòng mình (*la Philosophie est un Art. Qui cherche la Vérité doit d'abord exprimer parfaitement sa propre Personnalité*).

*
 * *

Thoán truyền lại có câu rất quan trọng này: “*Văn Minh dĩ chỉ, nhon văn dã* 文明以止，人文也”.

Câu này, muốn nói lên vai trò của sự hạn chế (chỉ “止”, là dừng lại) trong vấn đề văn chương, văn hóa, văn minh. *Phải biết có tiết chế, tiết độ.*

Ly, là ngọn lửa nổ bùng lên, súc bành trướng của nó

thật là vô hạn, vì bản chất của nó là vậy! *Tren Ly, phải có Cấn* (tượng quẻ Bí). “Cấn”, là núi, là “chỉ”, đứng dừng lại. Có Ly mà thiếu Cấn, chưa phải là Bí, là văn minh. “Cấn”, dồn đàu “Ly”, thật ý nghĩa huyền diệu vô cùng! Về văn học, người ta bảo: “*Kẻ nào chưa biết hạn chế ngòi bút mình không bao giờ thành được Nhà Văn*” (*Qui ne sait se borner ne sait jamais écrire*). Văn cô đọng, là văn hàm súc, có một công lực phi thường! Đó là chỗ hay của văn ngôn (cỗ văn) hơn xa bạch thoại.

“*Văn minh dĩ chỉ*” là luật tắc căn bản cho tất cả mọi nền văn hóa từ xưa đến nay và mãi mãi sau này!

Đại Tượng

Son hạ, hữu hỏa: Bí.

山下有火，貳。

Quân tử dĩ minh thứ chính, vô cảm chiết ngục.

君子以明庶政，無敢折獄。

Lửa trên núi, tuy sáng thật, nhưng không phải là “minh tụ” ánh sáng được tụ lại một chỗ, như ánh sáng của *hai đăng*, của *đèn đợi*, cái sáng ấy *không sáng xa* được.

Cho nên người quân tử xem đó mà lo việc *làm sáng cho mình* (tự minh, tự giác) chứ không dám để ý đến việc to lớn và cao xa trong thiên hạ như việc xử đoán về *Hình ngục* (*vô cảm chiết ngục* 無敢折獄).

Tại sao Dịch rất lo sợ về việc Hình Ngục? Là bởi con người sở dĩ gây nhiều tội ác, nguyên do không đơn giản mà vô cùng phức tạp. Luật pháp, bất cứ luật pháp của chế độ nào, của bất cứ thời đại nào chỉ là một sự phòng bị, và nhất là một sự *trả thù*, chứ không có chút lòng

gì nhân đạo, lo giáo dục nhân dân. Giai cấp nào cầm quyền cũng lo bình vực giai cấp của mình, thành ra *gây bất mãn* cho giai cấp bị trị... Vì vậy, Lão Tử rất chống đối việc “*dī trị, trị thiên hạ*” 以治治天下 túc là lấy pháp luật để trị dân, chõ mà ông bảo: “*pháp lệnh tư chương, đạo tặc đa hưu* 法令滋彰，盜賊多有。” (Pháp lệnh càng tỏ rõ; đạo tặc càng thêm nhiều), là vì cái mà ta gọi là Công lý, thực sự chỉ là *Công lý của giai cấp cầm quyền*, và như vậy, đâu phải còn là công lý nữa mà là “tư lợi”, “tư quyền” của giai cấp đương quyền thôi! Và như vậy, “*quá công bình, quá bất công*” (như ngạn ngữ la-tinh “*summum jus, summa injuria*” (excès de justice, excès d'injustice). Công lý một chiêu, thuận lợi cho kẻ thắng trận, kẻ đang cầm quyền, đó là “lẽ phải của kẻ mạnh” (la raison du plus fort), chỉ có giá trị nhất thời mà thôi! Vì nó hết sức bất công.

Tiểu Tượng

Sơ Cửu: Bí kỵ chi, xá xa nhi đồ.

初九：責其趾，舍車而徒。

Tượng viết: Xá xa nhi đồ, nghĩa phất thừa dã

象曰：舍車而徒，義弗乘也。

Sơ Cửu là dương cương đắc chánh, ở vào thể *nội quái* “Ly minh”, đó là người có đức “Minh”, nhưng vì còn ở dưới chót quẻ, buối đầu tiên, chỉ vừa có đủ sức để “*tu sức*” phẩm hạnh của mình thôi, mà cũng chỉ là bốn phận của người đứng dưới!

Câu “*bí kỵ chi*” là trau dồi phần dưới “ngón chon cái” (chỉ 趾, ngón chon cái).

Người này là người quân tử chỉ tu theo “tiểu thừa”,

lo việc “tự giác” chứ chưa dám có cao vọng làm công việc “độ tha”... Bởi, là một con người biết an phận mà không dám có “tham cầu”, nên mới có lấy ví dụ “bỏ xe” (xá xa 舍 車 để đi bộ, đỗ, là đi bộ 走). Ý muốn nói, dù có ai đem xe ngựa, tức là đem công danh phú quý mà dù dỗ cũng không chấp nhận; là một kẻ thành thật chon tu, biết khinh thường con đường hoạn lộ!

*
* *

Nói rằng: “*Nghĩa, phất thừa dã*”, là nghĩa làm sao?
義 弗 乘 也。

Như ta đã thấy ở thời Đại Hữu, hào Nhị thì khuyên “*đại xa dĩ tài* 大 車 以 財”; còn ở hào Sơ quέ Bí, thì “*xá xa nhi đỗ* 舍 車 而 徒” (bỏ xe mà đi bộ) đủ thấy, người quân tử phải biết “tùy thời” mà hành động, không nên “cố chấp” trong sự *nên hay không nên* ưa hay ghét phú quý!

Đó là tinh thần “vô chấp” và “tùy thời” mà Lão Tử đã nhắn nhủ Khổng Tử lúc đi hỏi Lê noi Lão Tử: “*người quân tử đắc thời thì đi xe, không đắc thời thì tay vịn nón lá mà đi chon!*”

Sơ Cửu được hào từ khuyên, đừng có ngồi xe mà *nên đi bộ* tốt hơn! (*xá xa nhi đỗ*)! Chữ “*nghĩa* 義” ở đây, có nghĩa là “*nghi*”, là *nên* tức là khuyên “*nên bỏ xe mà đi bộ*”.

“*Đi bộ*”, *không đi xe*, cũng là một lối trang sức của bậc hiền!

Lục Nhị: Bí kỳ tu.
六二：貴其須

Tu 須 , là râu mép.

“*Bí kỵ tu*” là, hãy lo trang sức bộ râu của mình! “Bộ râu” đâu phải là vật tự động (autonome) mà do cái hàm. Hàm động thì bộ râu cũng máy động theo.

Hào Lục Nhị thuộc về quê Nội Ly, và cũng là *chủ chốt của nội quái!* Lục Nhị nhở vạy, biến thành một *người trọng yếu* trong thời Bí (văn sức) này. *Săn sóc bộ râu, cũng là một lối trang sức khó khăn!*

Tuy nhiên, cũng nên biết rằng: *bộ râu là để dùng làm vật trang sức cho cái đẹp của bộ miệng, chứ tự nó không đẹp cũng không xấu!* Xấu hay tốt là do *bản chất* của cái miệng.

Tượng như *bộ râu làm đẹp cho cầm*, nhưng trước hết *phải có một cái cầm đẹp*, nghĩa là rộng, nở nang, phuong phi... thì thêm vào bộ râu mới đẹp! Nếu gấp phải cái cầm “lẹm”, thì bộ râu cũng chả có ích gì! Đây là thủ lấy theo tướng pháp mà luận cho dễ hiểu cái gì là chánh, cái gì là phụ. Có một “tú” cao siêu mà được dùng một câu văn hay để trình bày, thì cái “tú hay” nhở “văn hay” mà thêm đẹp đẽ. Trái lại, nếu “tú chẳng có gì hay cả” dù có dùng từ ngữ đẹp bao nhiêu, cũng không sao làm cho tú ấy đẹp hơn được!

Hào từ này dạy ta cách trang sức cho Nhị. Nhị, âm nhu đắc chánh, là tượng *một bộ cầm đẹp nở nang vuông tròn, nếu có thêm bộ râu, càng thêm đẹp hơn!*

(Theo Tướng pháp Trung Hoa, cầm thuộc về Bắc Nhạc, nếu có cái cầm dày, rộng thì về già sung suóng; trái lại, nếu cầm nhọn và khuyết hâm thì cuộc đời về sau chả thành tựu gì cả, lại còn gấp nhiều khốn đốn).

Người ta cũng giải nghĩa hào Nhị này, bằng tượng:

Nhị, là bộ râu, âm nhu nên thuộc về vật phụ, nhờ phụ vào hào Tam bên trên mà trở thành đẹp, bởi Tam là hào “dương cương đắc chánh” là “dương cư dương vị”, ở vào vị cuối cùng của quẻ Ly (là tốt đẹp, là “văn minh chi cực”).

Cửu Tam: Bí nhu, nhu nhu, vĩnh trinh, kiết.

九三: 貞如, 濡如, 永貞, 吉。

Hào Cửu Tam là dương cương đắc chánh (dương cư dương vị) ở hào cuối cùng của quẻ Ly, là đã đi đến chỗ *cực minh* (văn minh chi cực), chính là kẻ có Tài, có Học đủ để trang sức kẻ khác chung quanh như 2 hào âm trên và dưới quẻ Tam, nên gọi là “*Bí nhu*” 貞如.

Cương và Nhu, *trang sức* cho nhau, lâu ngày, được thẩm nhuần như ta dùng “nước son” để trang sức cho da thịt được mịn màng (*nhu nhu* 濡如).

Tuy nhiên, Tam và Tú không phải chánh ứng với nhau, chỉ nhờ ở gần bên nhau mà giúp đỡ cho nhau, e lâu ngày sinh ra tình lưu luyến mà mê nhau (bởi một âm một dương nên có sự dán díu tư tình, nhưng không đúng vị mà thành ra sai đạo, nên Thánh nhơn mới có lời răn: Trang sức cho âm, cần phải luôn luôn gìn giữ Chánh đạo cho được lâu bền, thì mới tốt (*vĩnh trinh kiết* 永貞吉).

“Gìn giữ chánh đạo” nghĩa là gì? Nghĩa là, phải giữ kỹ phẩm chất, chứ đừng lo trang sức những thứ “gỗ mục”, như người xưa thường nói: “*hủ mộc nan điêu*” (gỗ mục, khó mà điêu khắc).

Xem như thuật son mài, người thợ trước khi son phết lớp mài lên khúc gỗ, bao giờ cũng lựa khúc gỗ tốt,

bằng thứ “cây chắc thịt”, không bao giờ dùng thứ “gỗ muc”, “gỗ bở”...

Chữ “vĩnh trinh” là then chốt, vì nếu không giữ “chất” tốt được bền vững, thì dù nước sơn có đẹp bao nhiêu, cũng chỉ là một thứ “sơn phết” lấy lệ, lâu ngày nước sơn sẽ phai và nhã màu! Có được chất tốt, được “vĩnh trinh”, thì đâu cần phải phụ vào bằng nước sơn... trái lại, người ta để nguyên chất, như các thứ gỗ quý dùng làm bàn ghế! Nên mới nói: cái tốt của “vĩnh trinh”, là không gì làm cho nó “phai” được “chung mạc chi lăng dã”.

Trong giới tình ái, lúc ban đầu trai gái gặp nhau, toàn là những “thủ đoạn trang súc” bên ngoài để “đánh lừa” nhau, nhưng khi được sống chung trong một thời gian, nước sơn phai lần, để lộ nguyên chất... đó phần nhiều là thời kỳ “võ mộng” mà lúc ban đầu, là thời kỳ “dệt mộng”! một “trò đùi nhân thế” (une comédie humaine).

Lục Tứ: Bí nhu, ba nhu, bạch mã hàn nhu,
phi khấu hôn cẩu.

六四：貞如，皤如，白馬翰如，匪寇婚媾。

Tương viết: Lục tú dương vị nghi dã,
phi khấu hôn cẩu, chung vô ưu dã.

象曰：六四，當位疑也。

匪寇婚媾，終無尤也。

Lục Tứ là âm nhu, dưới ứng với hào Sơ là dương cương: 2 bên đều được “đắc chánh”, “âm cư âm vị” là hào Tứ; “dương cư dương vị” là hào Sơ, nên rất săn lòng trang điểm cho nhau.

Nhưng ở khoảng giữa có hào *Tam*, nên giữa Tứ và Sơ bị *Tam* gián cách. Tại sao bị *Tam* gián cách, là bởi *Tam* là dương cương chống lại, nếu *Tam* là âm nhu thì không có sự ngăn cản, vì Âm là thuận, không bao giờ ngăn cản.

Tuy vậy, *Tam* vẫn là người quân tử ôn nhu, đâu phải là kẻ dữ mà hăm hại tình cảm của đôi bên Sơ và Tứ. Lâu ngày, thấy *Tam* là người tốt, nên hai bên mới kết hôn với nhau (phi khấu, hôn cấu).

“*Phi khấu*”, là *Tam* không phải là loại người xấu, nên 2 bên Sơ và Tứ mới kết hôn với nhau “*hôn cấu*”.

Chữ *nhu* 如, chỉ là tiếng đệm, không có nghĩa gì cả.

Chữ “*ban nhu* 番如” có nghĩa là tráng phau. Tứ, lòng muốn mau gặp Sơ, như muốn cõi ngựa bạch (bạch câu) mà bay đến Sơ. (Nên để ý: Tứ là Âm, nên mê Sơ là Dương, nên Âm có tánh hay ghen). “*Hàn nhu*” là bay đi.

Lục Ngũ: Bí vu khưu viễn,
thúc bạch tiến tiến lẩn, chung kiết.

六五：貴于丘園，束帛箋箋，吝，終吉。

Tượng viết: Lục ngũ chi kiết, hưu hi dã.
象曰：六五之吉，有喜也。

Hào Lục Ngũ, là âm nhu, có đức *trung chánh*, lại ở thời Bí (văn sức), tức là người biết lo trang sức thực thà chân chánh, nghĩa là vừa phải, đúng đắn đúng với đạo Trung: không quá xa xỉ, cũng không quá tần tiện: “*Thúc bạch tiệm tiệm*” là nói về “miếng lụa tráng” (thúc bạch) “thường thường” (tiệm tiệm) thôi...

Người chúng ta vượt lên những miền thấp thỏi của những kẻ tầm thường để đi vào những vùng cao siêu thanh quý; ta gặp một người mà ai cũng kính mến, ai cũng muốn làm bạn. Nhưng mà họ không tiếp ta một cách xa hoa lộng lẫy vì họ là người đơn giản cao thượng, thấy hình như họ không được hào hoa cho lắm! Sự trang sức của họ có vẻ như lạt léo bề ngoài, mà bên trong nồng hậu dẽ tin. Chung cuộc, tốt (chung kiết).

Sự trang sức bên dưới thì quá tầm thường; còn sự trang điểm lên cao, thì càng cao càng bót rườm rà phúc tạp, càng trở nên giản dị sơ sài! Tâm lý người đời là vậy! Hạng thấp kém tầm thường thì nhiều phúc tạp trong vấn đề nghi tiết, họ tươi cười, niềm nở, săn đón... Còn kẻ thanh cao thì thấy như lạt léo, nhung đậm đà thâm thúy bên trong. Trong thiên Đại Tông Sư, Trang Tử đã tả hạng người này như sau: “*Họ đã được cái đạo Trung mà lòng họ luôn luôn vững vàng, cử chỉ điềm đạm, gương mặt bình thản lạnh lùng! Thấy thì họ lạnh như mùa Thu, mà ấm như mùa Xuân!*”[1]

Bậc “chí tôn”, người lãnh đạo tối cao trong thời Bí (trang điểm), thiên hạ sống xa hoa trang sức, vậy mà tự mình tiết chế thị dục, bỏ xa hoa, lo kiệm ước thì quả là một việc tốt, và đáng mừng (hữu hỉ dã) cho thiên hạ!

1. *Trang Tử Nam Hoa Kinh* (bản dịch của T.g Nguyễn Duy Cần, 1963, trang 349).

Quan niệm thẩm mỹ của Khổng Mạnh ngày xưa chuộng sự ăn mặc rất kín đáo và cho đó là “đạo đức”; ngày nay, đã thành lạc hậu, vì phái Tự nhiên đã thắng... lại quý trọng vẻ thiên nhiên... kiều my... bởi trên thế gian này, thân thể con người được xem như là kỳ công bậc nhất của Tạo Hóa! Đó là phái Tự nhiên theo Lão Trang. Bên Tây phương gọi là phái Ngoại đạo (les Païens) nghịch là với phái Ngoan đạo.

Thượng Cửu: Bạch bí, vô cựu;

上九：白貴，無咎。

Tượng viết: Bạch bí vô cựu, thượng đắc chí dã.

象曰：白貴無咎，上得志也。

Phàm trang điểm, là phải dùng đến *ngũ Sắc* (năm màu), thế mà lại bảo *Trang điểm với toàn màu trắng*, thì trang điểm cái gì mới được chứ! Cái màu nhiệm, chỗ huyền diệu của đạo “trang sức” là chỗ “Bạch Bí” này!

Màu Trắng (*Bạch*) là màu chánh, màu không màu (*tức là vô sắc*). Được trang điểm bằng màu Trắng, thì Ngũ sắc chỉ là biến đạo của màu Trắng (màu giả tạo) người ta đã đi đến mức cao nhất của thuật trang điểm rồi! (le sommet de l'Art c'est d'être extrêmement simple). “Như trong phép “hội họa” của Trung Quốc, ta thấy họ bỏ cả ngũ sắc, chỉ dùng có một màu đen, khi đậm khi nhạt, hòa với nước lõa trên tờ giấy trắng mà thôi. Màu sắc dù có dùng đến, thì cũng chỉ lọt lạt và rất ít, chứ không lòe loẹt, vì chỉ có sự cực kỳ đơn giản mới tượng trưng được hai chữ *Hư Vô*, tức là cái vô cùng vô tận của vũ trụ”.

Lão Tử đã nói: “*Ngũ sắc lệnh nhơn mục manh. Thị dĩ Thánh nhơn, vị phúc bất vị mục, cố khứ bỉ thủ thử* 五色令人目盲。。。是以聖人為腹不為目。故去彼取此。” (Năm màu khiến người tối mắt; Bởi vậy, Thánh nhơn vì bụng mà không vì mắt, nên bỏ cái này mà lấy cái kia). (Chuong 12, Đ.Đ.K)

Chương này của Đạo Đức Kinh muốn nói lên cái hại của văn minh vật chất. Văn minh vật chất mà càng tiến

bộ thì sự đeo đuối thinh sắc càng ngày càng tăng gấp, khiến cho người người như mù mắt... Loạn của thiên hạ vì đó mà sinh ra! “*Thánh nhon vì bụng mà không vì mắt*”, là vụ “bên trong” mà không vụ “bên ngoài”.

*
* *

“*Bạch bí*” là *trang sức* một cách đơn giản, và đơn giản đến không nhận thấy có *trang sức*. Hào Thương Cửu, là tượng một bậc Thánh, đã loại bỏ tất cả mọi thứ trang điểm lòe loẹt, phản lại lối trang điểm của thế nhơn, mọi thứ trang điểm giả tạo, như *người đàn bà tuyệt đẹp, một cái đẹp không son phấn, không áo quần, không vòng vàng chầu ngọc...* một người đẹp “trần truồng”! như các nghệ sĩ Hy Lạp đã tạo nên một cái hình tuyệt đẹp của người đàn bà qua bức tượng thần Vénus (Vệ nữ) ở Milo: một cái đẹp tự thân của những con người biết “*phản bốn hoàn nguyên, qui Chân phản Phác*”, bỏ tất cả mọi phán sức không tự nhiên để trở về với “*con người thật*” của mình.

Thương Cửu là hào cuối cùng của thời Bí. Mà đã “cùng” phải biến, biến nghịch lại là “không trang sức gì nữa cả”! nên gọi là “*Bạch bí*”. Người mà đi đến “*Bạch bí*”, không tự hào, đắc chí sao được! (*thượng đắc chí dã 上得志也*).

*
* *

Với một đời sống vô cùng phiền phức nhiêu khê như ngày nay, chỉ đua nhau trong sự trang điểm văn sức,

kiêu xa, hoa dạng... để rồi kéo nhau vào bể hoạn... thì ông bạn Thuượng Cửu này là bậc đại ân nhân của Nhân loại, dạy ta trở về với “đời sống đơn giản” trở về với cái Thiên Chân của mình.

“*Bạch bí*”, theo Thiền học, được gọi là đức *Thanh bần*, mà người Tây phương không bao giờ ý hội nổi.

Đời sống “*thanh bần*” là một đời sống vô cùng đơn giản, *không có một cái gì dư*... Câu của hiền giả Solon Hy Lạp: “*Rien de trop*” (*không có cái gì dư*), miêu tả rất rõ thế nào là *thanh bần*, thế nào là “*bạch bí*”.

Cỗ sự Hi Lạp có câu chuyện ông già *Diogène* đập bể cái chén để đựng nước uống của mình.

“*Diogène* sống một cách vô cùng đơn giản, chỉ giữ bên mình một cái chén đá, để đựng nước uống! Ngày kia, ông khám phá ra có một đứa trẻ chỉ lấy hai tay bụm nơi dòng nước mà uống, ông bèn than: “Thế là ta đã có dư một bát đựng nước rồi!”. Ông bèn đập nát cái chén đựng nước của ông, với một tấm lòng nhẹ nhõm.”

Đây chẳng qua là một cỗ sự mà người xưa muốn khuyên ta *đừng quá nô lệ sự tiện nghi*, nên lời nói có điều quá đáng! Cần thiết ở chỗ mình “*mắc*” hay “*không mắc*” trong vấn đề phú quý! “*Cái chén*” phải tội tình gì mà phải đập nát nó? Người ta có thể ngồi trên ngôi vua mà không mắc trong ngôi vị ấy, nghĩa là *xem có như không* thì sợ gì ngoại vật mà từ chối? *Diogène* chưa phải thật là bậc Hiền của Đông phương.

Khinh ngoại vật, vì sợ nó cám dỗ mình, là còn sợ bị ô nhiễm, *còn nghĩ đến nó là chưa hẳn đã làm chủ nó*. “*Bần*” như thế chưa hẳn là “*thanh bần*”! *Thanh bần* đâu phải từ bỏ tất cả vật sở hữu, mà là *lòng dung dung*

không xem nó vào đâu cả! Lòng luôn luôn thán nhiên với tất cả mọi vật.

“Có một vị “chân tu” từ bỏ tất cả của cải thế gian, sống trong cảnh “thanh bần” tột độ, chỉ giữ lại bên mình có hai cái khố để thay đổi giặt diệm! Ngày kia, được một vị đế vương mời đến một khu rừng yên tĩnh ven đồi để đàm luận về Đạo!

“Trong khi đang bàn luận sôi nổi, đèn Vua bỗng cháy rực trời. Nhà Vua *thán nhiên* ngồi chăm chú nghe nhà sư thuyết pháp, trái lại, vị “cao tăng” xuất tục này, cặp mắt *dòn dác*, mãi dòm chừng nơi cháy... Té ra, vì hồi sờm ông có phoi cái khố của ông gần đó!”

Như thế, quan trọng đâu phải ở chỗ có nhiều của cải hay không có gì cả... mà ở chỗ mình còn “mắc” hay “không mắc” trong ngoại vật. Người quân tử đắc Đạo, *được không mừng, mất không buồn*... đó mới thật là con người “*bạch bí*” [1] 白 實.

Cửu nói: “*Bạch Bí*”.

Các họa sĩ theo phái “cẩn nguyệt” của Nho gia, sở dĩ chọn cái giả tướng hơn chân tướng là bị phe “*đạo đức hương nguyệt*” nhòi sọ, rồi vô tâm hễ thấy *sự tràn trề* liền sợ và cho là “thất lễ”! Trong quyển “*Tìm Hiểu Hội Họa*”, Đoàn Thêm viết: “chẳng phải riêng

1. (Đọc quyển “*Tinh hoa Đạo học Đông phương*” (trang 33) phần thứ Hai: “*Quan niệm Hư Vô trong Văn nghệ*”.

“...trên những bức tranh thủy mặc, họa sĩ chỉ dùng có một màu đen, khi đậm khi nhạt hòa với nước lũ trên tờ giấy trắng. Màu sắc cũng lợt lạt và phớt qua thôi, không có màu đậm. Chỉ có sự *cực kỳ đơn giản* mới nói lên được lẽ Hư Vô, chỗ vô cùng vô tận của vũ trụ vạn vật. Chỗ gọi là “*cực kỳ đơn giản*”, đơn giản đến đỗi không thấy được đơn giản” mới là chỗ mà hào Thượng.

gì Việt Nam mới có những vị coi tranh khóc thân là chướng mắt! Ngay bên Âu châu, lỗi vē hoặc lỗi khắc người trần truồng tuy đã thành thói quen từ thương cỗ, vẫn bị nhiều người công kích! Nghĩ thật khó hiểu!"

Có gì khó hiểu: *Kẻ tội lỗi sợ tranh khóc cảm dỗ và kích thích lòng dâm ô của mình... Các đứa trẻ trần truồng chơi chung với nhau đâu có việc e thẹn; khi biết e thẹn là đã mất cái tâm xích tử của chúng!*

23. SƠN ĐỊA BÁC

山地剝



“Bác giả, bác dã”
剝者，剝也。
Bác, là tiêu mòn.

Thuộc về tháng Chín, tiết *Sương giáng*, sắp đến tiết *Lập đông*.

Theo tượng quẻ, năm hào Âm tịnh tiến, đuôi hào Dương cuối cùng, chốc nưa là tiêu luôn để thành quẻ Khôn.

Hào trên hết, là hào Dương đã già lăm rồi, cố chấp, hẹp hòi, lạc hậu... trước sau gì cũng ra đi, cho đoàn trẻ tiến lên cầm quyền, nếu người quân tử chịu nhường bước!

Đó là hiện tượng một ổ mối nổi loạn: các mối con giết hết mối già, tiêu diệt tất cả những giá trị cổ hủ, mà bọn người lớn phải chịu đầu hàng vô điều kiện và cũng sắp bị thủ tiêu toàn diện. Đó là thời được nhiều người nói đến, thời tận thế (*apocalypse*) của một chu kỳ đại hóa.

Thời này, là thời Âm cực trưởng, Dương cực tiêu, đó

là thời đại của bọn tiểu nhơn hoành hành, thủ tiêu cả những gì “thiêng liêng”... Tất cả đều bị đổ nát, chúng làm đến cái việc “đào mồ cuộc mả ông cha”... với nghĩa trăng và nghĩa đen[1].

Người quân tử ở thời này, phải bó tay, không còn chỗ đứng, chỉ biết thời mà làm cái việc “*thiên địa bế, hiền nhân ẩn*” may ra mới khỏi bọn tiểu nhơn hâm hại là may lầm rồi!

Thời “Bác”, là thời *Cách mạng* giữa hai phe trẻ “*cấp tiến*” và “*già, quá mệt mỏi và cổ hủ*”.

“Người ta quan sát một ổ mối khổng lồ trong một khu rừng rậm Phi châu. Ổ mối này thật to, hoạt động đều đẽu và âm thầm... Một hôm, đói sống của ổ mối thầm lặng kia bỗng dung náo loạn ồn ào, và chỉ trong một đêm thôi, ổ mối bị phá vỡ tan tành, không một ai có thể ngờ trước được. Chỉ trong một đêm thôi, sáng ngày người ta thấy chung quanh ổ mối to tướng kia ngổn ngang đầy xác chết.

Công việc tàn phá ấy lại chẳng do đâu xa, chính *đàn con cháu* của thế hệ vừa lớn lên đã hủy diệt tất cả công trình kiến tạo của ông cha chúng đã cần cù xây dựng từ phút, từ giờ. Cứ như là mỗi 4 tuần một lần, ổ mối bị phá hoại hoàn toàn như vậy.

Có điều rất quan trọng ta cần để ý là sau khi tiêu diệt hoàn toàn ổ mối, thì bắt đầu đêm sau, chính đoàn mối con kia lo đi làm công việc xây dựng lại ổ mối đã bị chúng phá hủy.[2]

1. Xin đọc “Chu Dịch Huyền Giải” để hiểu rõ về “ổ mối” nói trên đây.

2. Léo Trobenius, “Le Destin des Civilisations” (Gallimard, Paris, 1940), page 1, 2, 3.

Hiện tượng nổi loạn và phá hoại một cách *dường như* vô cớ của thế hệ trẻ, chà đạp mọi giá trị cổ truyền mà người xưa xem là thiêng liêng nhất... đã và đang xảy ra trên toàn thế giới ngày nay, là *những chiến tranh nội bộ do nhóm “cấp tiến cực đoan” của tuổi trẻ chống lại nhóm bảo thủ của tuổi già...*

Sắp đến thời Tân thế (Apocalypse), tiểu nhon tham vọng đến cực độ khiến cho toàn cả thế giới xâu xé nhau ngay trong Nội Bộ. Không nước nào mà chẳng bị nội loạn (phe tiểu nhon đang làm sóng gió...). Chiến tranh thời quỷ Bác, nguy nhất là chiến tranh nội bộ do Ý thức hệ gây ra: điển hình nhất là tại Trung Đông hai nước cùng một văn hóa lộng lẫy của bộ tiểu thuyết “Ngàn lẻ một đêm” (contes des Mille et Une Nuits) được sắp vào loại “đứng đầu” thế giới mà chẳng một đại trí thức gia nào chẳng biết, đang tàn sát lẫn nhau như “bầy điên”. Tượng của quỷ Bác, 5 hào âm là bọn trẻ cấp tiến lấn áp một hào dương cô độc và mệt mỏi! Quỷ Bác, là hình một cái nhà, mà nóc nhà sắp bị đập bể, nhà sắp đổ nát. Nóc nhà là hào Dương. Bọn tiểu nhon không đánh thẳng, mà chỉ làm cho tiêu mòn... vì bản tánh của âm là *tiêu lòn và đánh lén*. Chiến tranh công khai với chúng phải phòng những phản trắc và tráo trở... Khó là chỗ không sao ta có thể tin noi lời hứa hẹn của chúng, ngày nay ký hiệp ước sống chung hòa bình, ngày mai chúng sẽ đánh mình trước trong khi mình tin tưởng noi lời hứa hẹn của chúng!

Chống tiểu nhon, phải hành cái đạo của tiểu nhon, chứ cứ lấy bụng ta suy bụng người thì hỏng! Quân tử thua tiểu nhon là chỗ đó! Vương đạo thua Bá đạo – sự thật là vậy.

Thoán từ:

Bác, bất lợi hữu du vãng.

剝，不 利 有 攸 往

Thoán viết: Bác, bá dã.

彖 曰：剝，剝 也。

Năm hào Âm phía dưới đang tịnh tiến, hiếp một hào Dương già nua, cô đơn: người quân tử ở thời này thật nguy hiểm vô cùng, vì chung quanh đều là cả bầy tiểu nhơn đầy thủ đoạn... Nên mới nói “*bất lợi hữu du vãng*” (không lợi đi giao thiệp với thiên hạ).

Bọn tiểu nhơn đang dòm ngó và nghi ngờ, không bỏ sót một cử động nào của ta, dù vô tâm. Vậy, người quân tử phải làm sao? “*Thiên địa bế, hiền nhân ẩn*”, không tranh giành quyền lợi với chúng, không khoe tài hay sắc đẹp, và như Lão Tử đã khuyên: “*Đại từ nhược ngu; đại dũng nhược khiếp; đại xảo nhược chuyết; đại trực nhược khuất...*” (Chương 45, Đ.Đ.K)

(Là người cực kỳ thông minh, hãy làm như kẻ ngu đần; là người sức mạnh dũng mãnh nhất, hãy làm như người nhút nhát; là người rất khéo léo, hãy làm như người vụng về; là người rất ngay thẳng, hãy làm như kẻ cong cong...)

Chương 45 này của Đạo Đức Kinh, *Lão Tử viết cho con người sống trong thời Bác loạn*. Cũng như trong Hệ từ Kinh Dịch, có nói: Dịch làm ra, là do thời ưu hoạn “*Tác Dịch giả, kỳ hữu ưu hoạn hò?*”.

Đây, là quê của thời nay, sắp đến thời “Tận thế”? Nhưng, Dịch đạo nói: “*Bác tận, Phục sinh*”: một “tư duy mới” sẽ thay vào “tư duy cũ”.

Thoán Truyện:

1.Bác, bác dã: nhu biến cương dã.

Bất lợi hữu du vãng, tiểu nhơn trưởng dã.

剝，剝也，柔變剛也。

不利有攸往，小人長也。

Âm quá nhiều, nên làm biến đổi cả hào Dương (nhu biến cương dã), cho nên người quân tử đi ra ngoài, giao tiếp với đời đầy âm mưu hiểm độc, phải cẩn thận dè dặt từ lời ăn tiếng nói, từ những việc làm tầm thường nhỏ nhặt.

Đâu phải trong một sớm một chiều mà tiểu nhơn lật đổ người quân tử: chúng gậm nhấm từ từ như ngọn đèn làm hao dầu từ từ, đến khi hết dầu, đèn tắt mới hay! Thủ đoạn của tiểu nhơn thật đáng sợ: nó hại mình mà mình không hay...

2. Thuận nhi chi chi, quan tượng dã.

Quân tử thượng tiêu túc, doanh hưng, thiên hành dã.

順而止之，觀象也。

君子尚消息，盈虛，天行也。

Ở thời Bác loạn, người quân tử nên xem tượng của quê Bác mà hành động.

Quê Bác, trên là quê *Cấn* (tức là dừng lại, Chỉ là dừng lại); còn dưới là quê *Khôn* (là thuận), có nghĩa là phải thuận theo mà dừng lại. Thuận theo Lẽ Trời mà dừng lại (*thuận nhi chi chi 順而止之*) vì *Lẽ Trời là Âm trưởng thì Dương tiêu*, đó là sự vận hành của Lẽ Trời, không sao cuồng được!

Ở thời Bác, tiểu nhơn đạo trưởng, người quân tử phải

biết thuận theo Thiên Lý mà ẩn thân... lui vào bóng tối, đi vào con đường “qui ẩn”: “*Thiên địa bế, hiền nhon ẩn*”.

Đại Tượng

Son phụ u địa: Bác

Thượng dī hậu hạ, an trạch.

象曰：山附於地，剝
上以厚下，安宅。

Quẻ Bác, là *Núi nằm trên mặt đất*.

Muốn núi cho cao, phải nhờ dựa trên mặt đất vững vàng (“*Hậu hạ* 厚下”) là nền phải cho thật vững.

Lão Tử đã có nói: “*Cao dī Hạ vi Cơ*” (cái Cao phải lấy cái Thấp làm nền), tức là như hào từ Đại Tượng nói: “*thượng dī hậu hạ*”. Đất mà không dày, núi đổ; nền móng không vững vàng, đừng mong tạo lập được cái gì trên đó.

Cho nên, theo tượng quẻ Bác, phải biết lo, trước nhất, là *đắp nền cho vững cái đĩa!* Phải lấy “*hạ tùng cơ sở*” làm nền, mới có thể xây dựng “*thượng tùng cơ sở*” bên trên: “*thượng dī hậu hạ, an trạch*” (“Trạch”, là chỗ ở của dân gian) phải được *an cư lạc nghiệp*. Không được thế, thì chế độ nào cũng đổ, chánh thể nào cũng hư! *Hết* “*dân giàu*” thì “*nước mót mạnh*”, có “*hữu sản hóa*”

Tiểu Tượng

Sơ Lục: Bác sàng dī túc, miệt trinh, hung.

初六：剝床以足，蔑貞，凶。

Tượng viết: Bác sàng dī túc, dī diệt hạ dā.

象曰：剝床以足，以滅下也。

“Sàng”, 床 là cái giường ngủ, tượng *chỗ an nghỉ*. “Bác sàng dī túc” là *đeo* cái giường mà lại *đeo* ngay 4 chon (cẳng giường) thì giường sập còn gì!

Khí Âm bắt đầu ở dưới đi lên, tức là *đeo* lần lên trên; “miệt trinh” là tiêu diệt chánh đạo, nên hào từ mới nói “dī diệt hạ dā” (tiêu diệt ngay nơi cái gốc của nó).

Thật, đáng lo cho thế nước không chênh!

Lục Nhị: Bác sàng, dī biện, miệt trinh, hung.

六二：剝床以辨，蔑貞，凶。

“Biện” 辨 là cái then giường

Đeo giường mà *đeo* đến cái then giường, nên càng trở thành hung.

Tượng lại viết thêm:

“Bác sàng dī biện, vị hữu “dụ” dā”.

Đeo giường mà *đeo* đến cái then giường, là nguy sắp đến rồi! Hào Nhị cùng với hào Sơ cùng là một bầy tiểu nhơn mà xúm hại người quân tử thì tai họa càng thêm thảm hại.

Sở dĩ bọn tiểu nhơn càng ngày càng tăng, mà người quân tử lơ là không lo đoàn kết, hoặc nói cho đúng hon, chưa biết đoàn kết (vị hữu “dụ” dā). “Dụ”, là đảng dụ. Nếu quân tử mà biết đoàn kết với nhau, thì cũng có thể tránh được phần nào bọn tiểu nhơn thẮng thế!

Tuy nhiên, nói thế, là *mong mỏi* thôi, chứ quân tử, *bản tánh* đâu có thích kết phe kết đảng, họ thích sống một mình trong cô đơn tịch mịch! Trái lại, kẻ tiểu nhơn thì thích kết phe kết đảng, thích sống trong quần đoàn! Xem ngay trong một bầy trẻ, đứa nào “xuất chúng” ua

choi riêng một mình... Bởi vậy, mới dùng đến danh từ “xuất chúng” để ám chỉ những bậc quân tử vĩ nhân! “*Xuất chúng*” là *ra khỏi quần đoàn!* Không có bậc “vĩ nhân” nào lại thích sống với quần đoàn; hạng thích sống trong quần đoàn có bao giờ là bậc vĩ nhân!

Lục Tam: Bác chi, vô cựu; thát thương hạ dã.

六三：剝之，無咎，失上下也。

Ở thời Bác loạn mà được gọi là “vô cựu” khi kẻ tiểu nhơn biết hồi đầu đi theo người quân tử mà đoạn tuyệt với những bè bạn bên trên và phía dưới. Ý nói hào Tam, trên có 2 hào Âm, dưới cũng có 2 hào Âm, *bỏ hết bọn tiểu nhơn chung quanh* để ứng tiếp với hào *Thượng Cửu* là người quân tử! (*thát thương hạ dã*). Cho nên, ở thời Bác loạn, lại được *vô cựu*.

Lục Tứ: Bác sàng dī phu: Hung. Thiết cận tai dã.

六四：剝床以膚，凶。切近災也。

Âm đã đến hào Tứ: quân tử bị “đeo” đến tận *da thịt rồi!* Phải nói, đây là hung triệt (*thiết cận tai dã 切近災也*! Tai họa đã đến cận bên mình.

Quẻ Bác, chỉ có một hào Dương (Thượng Cửu) như ngọn hải đăng. Ngọn đèn mà tắt, thì nhân loại sẽ bị đắm chìm trong khổ ải! Nóc nhà mà bể nát, thì bọn tiểu nhơn cũng không sống được!

Lục Ngũ: Quán ngư, dī cung nhon sủng, vô bất lợi.

六五：貫魚，以宮人寵，無不利。

Tương viết: Dī cung nhon sủng, chung vô ưu, dã.

象曰：以宮人寵，終無尤也。

Hào Lục Ngũ, đứng trên bốn Âm, ở ngôi vị bậc chí tôn, tức là *người đại thủ lĩnh trong bầy tiểu nhơn*. Nếu Lục Ngũ thống lãnh quần Âm mà tiêu diệt hào Thượng Cửu, thì đạo Trời cũng hỏng luôn hay sao? Đạo Trời làm sao mất được!

Tại sao vậy? Đạo Trời có bao giờ chỉ có Âm mà không có Dương. Ở Thiên đạo có ngày nào mà không có Thái dương, mà ở Thế đạo cũng không bao giờ có ngày nào mà không có quân tử... Cho nên càng đè nén một bên Dương, thì Dương càng thêm mạnh (tương đực phế chi, tất cổ hung chi). Cho nên Lục Ngũ dù sao, rồi cũng dẫn quần âm về đầu phục Thượng Cửu, đó là luật “*tổn hữu dư, bổ bất túc*”. Ngoài Lục Ngũ, không còn ai có quyền thế sai bảo bọn “quần âm”!

“*Vật cùng tắc biến*” là thế! Cho nên Bác loạn mà đi đến hào Ngũ, thì biến! Đó là yếu nghĩa của câu “*Âm Dương bất trắc vị chi Thần*” “*Loạn cực, trị sinh*” là thế.

Lục Ngũ mà biết dẫn bầy tiểu nhơn phục tùng quân tử, khác nào bà Hậu Phi dắt đoàn cung nhơn lên hầu Vua, và được Vua yêu tất cả, nên sau cùng không có gì lỗi cả (chung vô vưu dã 終無尤也).

Hào Thượng Cửu
Hào chúa não que Bác.

a) *Thạc quá bất thực,*

Quân tử đắc dư,

Tiểu nhơn bác lư.

碩 果 不 食

君 子 得 輿

小 人 剝 廬。

b) *Quân tử đặc dù*
Dân sở tải dã
Tiểu nhơn bác lư
Chung bất khả dụng dã.
 君子得輿
 民所載也
 小人剝廬
 終不可用也。

*
* *

“*Thạc quả*” là trái cây rất to; “*thực*” là ăn được. Hào Thuợng Cửu, là hào Dương ở trên cao bị Âm đeo gầm hết phía dưới rồi! Tượng, cây trái đã rụng hết (*bác*, là *rụng*), chỉ còn *một trái thật to* ở trên ngọn cây, không bị hái xuống để ăn! Mà là để làm giống.

Trái lớn, mà không bị hái xuống để ăn, là để dành làm giống! Đó, là *nòi giống người quân tử chưa bị tuyệt!* mà *cũng chẳng bao giờ bị tuyệt*.

Theo về *cái thể* của *Quέ* mà nói, thì Bác là thời của kẻ tiểu nhơn. Mà theo *cái tượng* của Hào, thì *Thuợng Cửu* là *cái mầm giống* của người quân tử chúa trong những tác phẩm vô tiền khoáng hậu, như những ngọn *hai* *đăng* trên những sóng gió hãi hùng đang đắm chìm nhân loại!

Trong đạo Âm Dương, Dương không bao giờ tắt, dù ở bước đường cùng! *Hon nūa, Âm càng hiếp Dương bao nhiêu, thì Dương lại càng trở nên mạnh bấy nhiêu!* Về ánh hưởng, người quân tử có sức “*nhất nhơn địch vạn*”

đối với hạng tiểu nhơn. Chỉ với một bộ sách *Đạo Đức Kinh* hay *Dịch Kinh* đủ sức cứu vớt hàng triệu triệu con người đang thất vọng và không còn muốn sống! Hễ đòi mà đi đến cực loạn, là cái cơ của trị loạn sắp sinh! “Âm cực Dương sinh” không bao giờ sai chạy! Cho nên, chớ thấy Bác loạn mà sinh chán... *Nhiều hi vọng lầm đây!* “*Tương duc Phế chi, tất cố Hung chi!*”.

Như vẫn minh vật chất cơ giới đã đến hồi cực thịnh, ai thấy cũng đâm ra bi quan rằng nó sẽ b López chết tâm linh con người rồi! với sức tàn phá kinh khủng của nó!

Nhưng Dịch đạo có bao giờ cho phép như thế được! Một số đông người quân tử trên toàn thế giới đã lo cung cố cái “nóc nhà” (hào Thượng Cửu). Nên mới nói: “Quân tử đặc dù” (“đặc dù” là được quân chúng nghe theo).

Như đã nói trên đây, hào Thượng Cửu nằm trên ngũ âm, như “cái nóc nhà” che chở ngũ âm; nếu bọn tiểu nhơn mà phá vỡ luôn cái nóc, thì chính bọn chúng tự phá hủy căn nhà chúng đang trú ẩn! “Tiểu nhơn bálc lư” (bọn tiểu nhơn “đeo” cái nhà của chúng (“lư” là cái nhà chúng ở).

Cho nên, theo Quέ, thì phần xấu thuộc về người quân tử, vì bị chúng “đeo”, nhưng về nghĩa của hào Thượng Cửu, thì phần xấu lại trở về cho bọn tiểu nhơn! *Quân tử mà chết hết rồi, thì tiểu nhơn cũng không còn!* Nên mới có lời răn: “tiểu nhơn bálc lư, chung bất khả dụng dã”. Lời răn này, là nói với bọn tiểu nhơn vậy!

Tóm lại, nguyên là *qué Kiền*, “đeo một nét dương ở dưới, lấp vào một nét âm, là *qué Cấn*, tức là nhất âm sinh; rồi từ đó lần lần biến hết tú dương mà thành *qué Đôn*, *qué Bĩ*, *qué Quán*.

Biến hết Ngũ Dương, thành ra quẻ Bác. Theo lệ thường thì phút chốc đây, Bác sẽ thành Khôn (thuần Âm 6 hào), thời *Đại băng giá* (Glace Eternelle) sắp đến, bởi người ta đã bị bom nguyên tử quá Nóng.

Ôi! Nhưng đừng tưởng lầm rằng quẻ Khôn là thuần Âm mà không có Dương? “Âm trung hữu Dương căn; Dương trung hữu Âm căn” là một luật tắc căn bản của Dịch đạo, cho nên *Băng tan lẩn*, biến thành quẻ Phục.

Âm Dương tranh nhau ở nhút, tiêu nhút, tức đó là Âm Dương hiện ra trong chỗ hữu hình, nên ta còn có thể nhận thấy được, chứ “tiêu túc” núp trong chỗ vô hình như hột giống nằm trong lòng đất, chúng ta làm sao thấy được, mặc dù nó có!

Cho nên Dương bị bắc ở trên quẻ Bác, lại được phục hồi ở Sơ hào quẻ Phục, đó là dương đã hiển lộ ra trong chỗ hữu hình! Còn khi nó đang “huân sinh, huân trưởng” ở trong quẻ Khôn, ta làm sao thấy được! Cái chỗ tuyệt diệu của Dịch, là chỗ “hiển hối”^[1] của Âm Dương. Chỉ có bậc Thánh nhọn mới thấy rõ được cái Sinh nằm trong cái Tử, cái Tử nằm trong cái Sinh; cái Chân nằm trong cái Giả, cái Giả nằm trong cái Chân; cái Hu nằm trong cái Thực, cái Thực nằm trong cái Hu; cái Phúc nằm trong cái Họa, cái Họa nằm trong cái Phúc; cái Trí nằm trong cái Loạn, cái Loạn nằm trong cái Trí! Hay nói cách khác, theo Dịch: “Âm trung hữu Dương căn; Dương trung hữu Âm căn”! Xin nhắc lại! Trong thời Bác loạn đã thai nghén cơ Trí rồi! “Bác tận, Phục sinh”.

1. “Hiển”, là hiện lên; “Hối”, là ẩn tàng. Cái ẩn hay hơn cái hiện “Dương cực, Âm sinh”, bởi người ta đã dùng đến Nguyên tử lực với một sức nóng kinh khiếp nên khí hậu bao quanh sẽ trở thành cực lạnh.

24. ĐỊA LÔI PHỤC

地雷復

Sự trở lại, cái sống thiêng liêng
được phục sinh (sống lại).



“Phục giả, hồi dã”
復者，回也。

Phục, là sự trở về của đứa con đi hoang, tức là sự sám hối, sự “*Hồi dương phản chiếu*”.

Ý chánh: *Sự hối lỗi* (hay sám hối) trở về Chánh đạo, trở về “nguồn gốc của sự Sống lúc ban đầu”.

Phục, là quẻ thuộc về tháng 11 (cung Tý) nhất Dương sinh (tiết Đông chí), dương khí bắt đầu phục hồi trong lòng đất, để chuyển sinh một mùa Xuân mới. Sau thời Bác loạn, thì đến thời *Phục sinh*, quẻ Phục là quẻ diên đáo của quẻ Bác: “*Bác tận Phục sinh*”, cũng là một nghĩa với câu “*chung tắc thủy*” – nền tảng của Kinh Dịch (quẻ Vị tế).

Thoán từ:

Phục hanh, xuất nhập vô tật, băng lai vô cựu.
復亨。出入無疾，朋來無咎。

Phản phục kỳ đạo, thất nhạt lai phục; lợi hưu du vãng.

反復其道，七日來復，利有攸往。

Thời Bác loạn, tăm tối đã qua, một điểm Dương lại bắt đầu sinh ra trong lòng đất, bắt đầu cho một mùa Xuân sắp đến!

Khi Dương mà được phục hồi, thì được hanh thông.
Khí Dương đã bắt đầu máy động trong lòng đất, đó là nói về thiên đạo; còn nói về người, thì hào nhứt dương sinh cũng đã bắt đầu máy động tại Đan điền khí hải.

Khí Dương đang còn non yếu, cần tiếp tục tiến lên lần lần đến 7 lần chuyển (*thất nhạt lai phục*). Con số 7, là con số cực dương... Như quẻ Cấn, dương bắt đầu “tiêu”, phải đi đến 7 lần mới tới quẻ Phục. (Thất giả, biến dã).

Dương mà tiến, thì âm phải thối, cho nên người quân tử ở thời này, làm việc gì cũng được thuận lợi: quân tử đắc thời.

Thoán viết: Phục hanh cương phản

Động nhi dĩ thuận hành

Thị dĩ, xuất nhập vô tật

Bằng lai, vô cựu.

彖曰：復亨剛反
動而以順行
是以出入無疾
朋來無咎。

Phục mà được hanh thông, là vì, dương cương đã quay trở về (phục hanh cương phản).

Nội Chán, là tánh động.

Ngoại *Khôn*, là tánh *thuận*.

Đó là sự động mà thuận theo đạo Trời.

Bè bạn lui tới không hại, quần dương là các người quân tử hợp nhau tha hồ, không còn sợ có tai họa gì nữa, như ở thời Bác loạn. (*Xuất nhập vô tật, băng lai vô cựu*).

“Tâm Hư” không còn thiên về Thân hay Sơ, Thiên hay Ác nữa, nên đối với mọi người bè ngoài thấy như *lạt léo, không dồn dập*, nhưng bên trong ấm áp (*Sơ hào là hào Dương*) tình thương nồng nàn sâu đậm, nhưng không thoát ra lời, không hiện ra mặt (vô cùng kín đáo).

Trang Tử có nói: “*Bắc Chân Nhân ngày xưa, bên ngoài thì lạnh lùng như giá buốt của mùa Đông; nhưng bên trong thì ấm áp hơn mùa Xuân...*”

(Đức Sung Phù)

“Phục kỳ kiến thiên địa chi tâm hồn!”

復其見天地之心乎！

Câu này, cần lấy theo Đạo gia mà giảng mới dễ hiểu hơn.

Theo Đạo giáo, nói đến cái “*Tâm của Trời Đất*” (thiên địa chi tâm) là nói về cái *Tâm Hư*, ngũ tại khiếu *Đan điền* 丹田 (Cerveau Abdominal). *Đan điền* là điểm Dương tiên thiên nằm ngay dưới Rún tại huyệt Khí Hải (giữa bụng). *Bụng* là cái bầu chứa đựng nguyên khí, nguồn gốc mạng sống con người.

Đan Kinh (Nội Kinh Tri Yếu) nói chương Đạo Sinh có nói:

*Điểm đạm Hư Vô
Chân khí tung chi*

Hễ thể hiện được Tâm hư, thì nơi Bụng (phúc) được phục hồi Chơn khí như Lão Tử đã nói:

Hư Kỳ Tâm

Thực Kỳ Phúc!

(Hễ thực hiện được Tâm Hư, thì *chon khí lập túc quy* về Đan diền đầy đủ).

“*Thiên địa chi Tâm*”, cũng chỉ về quê “*Phục*” (tháng 11. Cung Tý là cái gốc của Thiên trụ, trục Tý Ngọ, đó là trung tâm của Trời Đất.

Chính đây, là nòng cốt của tư tưởng Lão Tử qua câu: “*Phản giả, Đạo chi động!*” (Chương 40, D.Đ.K).

Đại Tượng

Tượng viết: Lôi tại địa trung: Phục.

象曰：雷在地中，復。

Tiên vương dĩ chí nhụt bế quan, thương lữ bất hành.

Hậu bất tinh phuong.

先王以至日閑關，商旅不行。

后不省方。

Quê Phục, thuộc về Đông chí, tục người Trung Quốc khi xưa, khuyên người dân nên nghỉ, vì khí dương mới vừa hoàn phục, còn yếu ớt lấm, nên ngày Đông chí là ngày dương bắt đầu sinh, hãy để cho nó yên nghỉ để khí dương được nuôi dưỡng... cho nên ngày đó, đóng cửa thành, kẻ đi đường, người buôn bán đều phải nghỉ hết (bế quan, thương lữ bất hành) còn Vua cũng không đi quan sát các tỉnh phuong (*hậu bất tinh phuong* 后不省方). “*Hậu* 后 là bậc Vua chúa.

Tiểu Tượng

Sơ Cửu: Bất viễn phục

Vô kỳ hối, nguyên kiết.

初九: 不復遠

無其悔, 元吉。

Bất viễn chi phục, dī tu thân dā.

不遠之復，以修身也。

Hào Sơ này, là *hào Dương* mới phục về, chừ đâu phải phục đã lâu rồi, nên không có gì xấu (vô kỳ hối), và được chู khen “*nguyên kiết*” (tốt lắm)!

Dù có sơ sót hay lỗi lầm, lúc ban đầu, cũng dễ mà sửa đổi, đừng để đi xa!

Công phu phục khí, cần chóng thực hành đừng để quá muộn, thì dù có muốn phục lại, làm sao cho kịp, nên mới nói: “*bất viễn chi phục, dī tu thân dā.*”

*
* *

Cái gì còn non nót, vừa mới nẩy mầm... thì dễ làm, dễ sửa! Để cho lớn lên rồi, cứng cáp hơn, già cứng hơn... thì sự sửa chữa e rằng quá muộn, khó khăn!

Lão Tử, trong Đạo Đức Kinh, chương 64, có lẽ vì tượng của Sơ hào quẻ Phục này nên đã ân cần cẩn dặn ta một cách rạch ròi tỉ mỉ như sau:

A. “*Kỳ an dì trì; kỳ vị triệu dì mưu;*
Kỳ thủy dì phán; kỳ vi dì tán;
Vi chí ư vị hữu; tri chí ư vị loạn.”

其安易持，其未兆易謀。
其水易泮，其衛易散。
為之於未有，治之於未亂。

(Vật yên tĩnh, dễ cầm; chưa lộ điểm, dễ lo; vật mềm, dễ làm cho tan tác; vật nhỏ, dễ phân tán; Ngăn ngừa khi chưa hiện; Sửa trị khi chưa loạn).

*B. “Hợp bǎo chi mộc, sinh ư hào mạt;
Cửu tầng chi dài, khởi ư lũy thô!
Thiên lý chi hành, thi ư túc hạ”*

合抱之木，生於毫末。
九層之臺，起於累土。
天理之行，始於足下。

(Cây to một ôm, khởi sinh do một gốc nhỏ.

Đài cao chín tùng, khởi đầu là một nhóm đất con.

Đi xa ngàn dặm, khởi đầu do một bước chon).

Tức là, việc gì còn mềm yếu, còn nhỏ bé, vừa chớm nở, bao giờ cũng dễ uốn nắn, dễ sửa đổi... chứ để cho nó trở thành cứng rắn, thì sửa dạy rất khó, có khi quá cứng mà gây không chừng! Muốn trị, thì nên trị ngay lúc chưa loạn (trị ư vị loạn) – dù cho là đạo tu thân hay trị nước, cũng một thế! “dạy con dạy thuở còn thơ”!

*Lục Nhị: Hưu phục, kiết.
六二：休復，吉。*

*Hưu phục chi kiết, dī hā nhān dā.
休復之吉，以下仁也。*

Hào Lục Nhị cư trung đắc chánh, là một người quân tử, được hào từ khen là “hưu phục, kiết” (nghĩa là thời

Phục mà được tốt (hưu là tốt) là bởi Nhị có đức Khiêm, biết hạ mình chơi thân với hào Sơ (cũng là quân tử nhỏ tuổi hơn). (*Hưu phục chi kiết, dĩ hạ nhân dã*).

Chữ *Nhân* đây đồng nghĩa với chữ *Nhon*: “*Nhân giả, nhon dã*” 仁者，人也。

Lục Tam: Tân phục, lê, vô cựu.

六三： 頻復，厲，無咎。

Tượng viết: Tân phục chi lê, nghĩa vô cực dã.

象曰： 頻復之厲，義無咎也。

Phục, là trở về Chánh đạo, mà Lục Tam là hào “bất trung bất chánh”, lại muốn trở về với điều thiện... nhưng thiếu bền lòng (đó là nhược điểm của những hào bất chánh bất trung). Cho nên, theo điều lành mà thiếu sự bền lòng bền chí, nên theo rồi bỏ, “mất đi” rồi “phục” lại, phục lại, rồi mất đi...

Chữ “*tân 頻*”, là luôn luôn, luôn luôn Phục rồi Bỏ, Bỏ rồi lại Phục... dù sao, cũng là đáng khen cho Tam ở chỗ *không bỏ hẳn cái thói xấu ấy*, thiếu sự cương quyết! Cho nên cũng không hẳn là thật có lỗi, chỉ thiếu sự bền vững của lòng cương quyết thôi. *Đây, là cái bệnh chung của phần đông người cầu Đạo...* thiếu ý chí bền bỉ thường bị gián đoạn, nếu được “*tân phục*” mới có thể tạo thành thói quen tốt. Chỗ may của Tam, là hằng hằng “thất” (mất sự liên tục) nhưng lại được chỗ tốt là “hằng hằng phục”.

“*Lê*” là xấu, vì bị “tân thất” thường bị gián đoạn; và sở dĩ vô cựu là được chữ “hằng hằng phục”! Chỗ mà Lão Tử bảo: “*Trung sĩ văn Đạo, nhược tồn nhược vong*”. *Tam, là hằng Trung sĩ*.

Lục Tứ: Trung hành, độc phục.

六四：中行，獨復。

Tượng viết: Trung hành độc phục, dī tùng Đạo dā.

象曰：中行獨復，以從道也。

Hào Tứ, đứng ở giữa bọn Âm, trên 2 hào dưới 2 hào, vậy mà nó cương quyết *trở về* (phục) với hào Sơ là hào Chánh ứng với nó, hào này là hào của người quân tử, mặc dù còn non nớt, chưa giúp được Tứ bao nhiêu.

Chữ “*độc* 獨” có nghĩa là “*riêng mình tự lực*” phục tùng người thiện, *dám tách rời khỏi tập đoàn tiểu nhọn* mà theo người quân tử (tùng Đạo dā). Thật đáng khen!

Nhung, tại sao Lời Tượng không khen là “*kiết*”, hoặc ban cho 2 chữ “*vô cựu*”? Là vì quần âm vẫn còn mạnh, Sơ vẫn còn non nớt, có khác nào một con phụng ở giữa bầy gà hay bầy cú, chắc gì Tứ thay đổi nổi hoàn cảnh, nên chưa dám quả quyết là “tốt”, mà chỉ ban cho 2 chữ “*độc phục*” là đủ rồi! Khen cho người có chí cao, sống giữa bầy ác mà không theo giống ác, như thế là bậc “trên người” rồi, thường gọi là “siêu nhân”!

Lục Ngũ: Đôn phục, vô hối.

六五：敦復，無悔。

Tượng viết: Đôn phục vô hối, trung dī tự khảo dā.

象曰：敦復無悔，中以自考也。

Hào Lục Ngũ, vừa nhu thuận, vừa đắc trung, là cương vị bậc chí tôn. “*Đôn*”, là dày, bền... “*Đôn phục*” là trở về với *thiện đức dày và bền* của mình. Đây, là bậc quân tử “*tự tu tự ngộ*”, nhờ tự mình làm cho mình

thành đạo, chứ không nhờ đến một ai cả! Đó là con người cõ Thích Ca, *người đại căn!* “*Thường nhon, nhon độ; đại nhon, tự độ*” (Kẻ tầm thường, nhờ kẻ khác độ cho; còn bậc đại nhơn, thì mình độ lấy mình), lời của Ngũ tổ Hoằng Nhẫn nói với Lục tổ Huệ Năng.

Hay nhất là câu: “*Trung dī tự kháo* 中以自考也”. Đều nhờ ở một chữ “*Trung*”! là “*chấp Trung*”, là “*cương kiện trung chánh*”! tu “*tự lực*” chứ không tu theo “*tha lực*”!

Thượng Lực: Mê Phục, hung, hưu tai, sảnh.
迷復，凶，有，災，眚。

Chữ “*tai*”, là tai vạ do bên ngoài đưa đến; còn “*sảnh*” là tội lỗi tự mình gây ra.

“*Dụng hành sự, chung hưu đại bại*
Dĩ kỳ quốc, quân hung, chí vu thập niên bất khắc chánh.”

Hào Thượng Lực, ở hào cuối cùng của quẻ Phục, lại là hào đứng trên hết của bầy tiểu nhơn, tượng một người đi lầm đường từ đầu chí cuối, đó là “cực kỳ mê lầm”, kết cuộc thì tai họa do bên ngoài cũng như do tự mình gây ra, đều lãnh đủ! (hữu Tai, sảnh).

*
* *

Thượng lực, là kẻ có thế lực nhất trong bầy tiểu nhơn, lại cùng không chịu phục thiện, nhận lỗi mà sửa lỗi! Lại còn dùng cả uy lực áp đảo mọi người, thì còn gì xấu bằng, hung bằng!

Đã “hữu tai sảnh” còn “dụng hành sư” nên kết cuộc *đại bại!* Đó là *số kiếp một con người độc ác, độc tài!* Cho nên nước của hào Thượng, vua của hào Thượng, đều vì Thượng mà mang họa lây! Câu: “chỉ vu thập niên bất khắc chánh” chữ “thập niên” là nói suốt đời, chứ không phải riêng gì là 10 năm!

*
* *

Tóm lại, nhìn chung, thì chỉ có *hào Sơ* là duy nhất hào Dương, mà là *Dương của quê Chấn*, lại là *chủ chốt của toàn quê Phục* (Quái đa âm, dĩ Dương vi chủ).

Phục, là *phục hồi*, là *trở về* với *Chân khí* với *Chánh đạo* (Retour à la Vie Primordiale).

Hào Thượng Lực quá sức hôn mê, không chịu “phục” trở về với Sơ dương quả là trái đạo với Sơ Cửu: “phản quân đạo dã” nên “Hung”!

*
* *

Giờ đây, thử bỏ khí số đi, chỉ lấy nhơn sự mà bàn thôi, ta thấy hào Sơ Cửu thiên về Thiện, nên được khen “nguyên kiết” (hết sức tốt);

– Hào *Nhi*, vì biết “*hữu phúc*” (trở về với cái tốt) nên được khen “*kiết*”;

– Hào *Tam*, thì biết “*tần phục*” trở lại với cái tốt, không để bị gián đoạn, “*thất*” rồi lại “*phục*”, “*phục*” rồi “*thất*”... không để bị gián đoạn hẳn, nên được “*vô cựu*”;

– Hào *Tứ*, nhờ biết “*độc phục*” mà được khen;

– Hào Ngū, vì biết “đôn phục” mà được “vô hối”, đó phải chăng vì biết lấy nhon sự mà thắng được khí số?

Chỉ có *Thượng Lục*, vì “mê phục” mà đến nỗi hung tai!

*
* *

Cho hay “nhon định thắng thiên cũng thường!”
Chuyển từ Hung qua Kiết, từ chõ đa đoan phúc tạp
qua sự giản đơn dung dị.

Bởi thế, kế quẻ Địa Lôi Phục, là quẻ *Thiên Lôi Vô Vọng*.

25. THIÊN LÔI VÔ VỌNG

天雷無妄



“Vô Vọng giả, vô niệm dã”

“Vô niệm giả, vô dục dã”

“Vô Vọng giả, hư ký tâm dã”

“Vô Vọng giả, vô vi dã”

無妄者，無念也。

無念者，無欲也。

無妄者，虛其心也。

無妄者，無為也。

Chữ “Vọng 妄” là “vọng động” cũng gọi là “tà vọng” hay “vọng tưởng”... Có “vọng tưởng” mới có sinh ra “vọng tác” (làm càn, làm bướng), đều do lòng vô minh mà ra.

“Vô minh”, là lòng mê muội tối tăm, bởi đã làm lạc trong việc “chấp ngã”. Có Ngã, là có Tà, mất Chánh, vì Chánh gồm cả Nội Ngoại hay “Âm Dương bất nhị” nói theo nhà Phật Đại thừa (tức là phái Thực Đại Thừa).

Có “tà” (là có Ta) pha vào, nghĩa là nếu có lòng tự riêng (tà vọng) xen vào là hành động Nhị nguyên, còn

nếu không có cái Ta xen vào, thì *Ta và Người là Một*, Âm Dương không phải Hai mà là một Khối bất khả phân như trong thiên Tề Vật luận của Trang Tử đã nói.

Tóm lại, “*Vô Vọng*”, là “*Vô Tự*”, là “*Vô Ngã*”. Cho nên sau quẻ *Phục* là quẻ *Vô Vọng*. *Phục* là *Trở về*.

Đạo, là khi nào ta thực hiện được cái Tâm “*Vô Vọng*”, hay “*Vô Tâm*”, “*Vô niệm*”: căn bản của giáo lý *Thiên tông đốn pháp* là đây!

Quẻ *Phục* trước đây, có nói: “*Phục, kỳ kiến Thiên Địa chi tâm hồn* 復 其 見 天 地 之 心 乎。”. “*Thiên địa chi Tâm*”, là cái *Chân Tâm*!

Và đây cũng là *căn bản* của giáo lý *Lão Tử*, nên chỉ trong *Đạo Đức Kinh*, chương 16, Lão Tử đã đặc biệt *bình luận* và 2 quẻ *Phục* và *Vô Vọng* của Kinh Dịch như sau:

Trí hư cực, thủ Tịnh đốc
Vạn vật tịnh tác, ngô dĩ quan Phục
Phù vật vân vân... các Phục qui kỳ căn
Qui căn, viết Tịnh, thị vị viết Phục Mạng
Phục Mạng viết Thường
Tri Thường viết Minh
Bất tri Thường, vọng tác, hung.
 致虛極，守靜篤
 萬物並作，吾以觀復。
 夫物芸芸。。。各復歸其根。
 歸根，曰靜，是謂復命。
 復命曰常。
 知常曰明。
 不知常，妄作，凶。

(Đi đến chỗ cùng cực Hư Không,
 Là giữ mình được trong cái “*Tịnh*”
 Vạn vật cùng đều sinh ra, ta lại thấy nó trở về Gốc
 (Phục, là trở về...)

*Ôi! Vạn vật trùng trùng,
 Đều trở về Cội Rẽ của nó!
 “Trở về cội rẽ, gọi là Tịnh
 Cũng gọi là Phục Mạng.*

Mà *Phục Mạng* là trở về *Đạo Thường*. *Không Biết rõ* *đạo Thường* (thường hằng vĩnh cửu) mà *làm càn* (vọng tác) là gây ra hung họa! 常 “*Thường*” chính là “*Đạo*” vậy.

*
 * *

*Chương 16 này của Đạo Đức Kinh thật vô cùng quan trọng, nên Lão Tử đã đặc biệt dành riêng một chương để bàn về sự liên lạc khắn khít của 2 quẻ “*Phục*” và “*Vô Vọng*” (tức là “vô tâm, vô niệm”).*

Đây, là thuyết *Phục Mạng* của Lão, mà cũng là của *Thiền Tông* *Đốn Ngộ*... Chương trước đây, Dịch đã bàn rất rộng về *quẻ Phục*, đó là *thuyết “Phục Mạng”*: các vật sau khi phóng ra (xuất sinh) thì đều trở về nguồn gốc của nó cả. Chính là chỗ mà Lão Tử bảo: “*Phản giả Đạo chi động*” 反者道之動 “*vãng lai bất cùng*”.

Cội rẽ của vạn vật là ở nơi *Vô cực* (tức là *Tịnh*). *Tịnh* *cực* thì *Động* *sinh* (nên gọi “*Hữu sinh ư Vô*”), và “*Qui căn viết Tịnh*” (Trở về cội rẽ gọi là *Phục Mạng*. Đó là

nói về quẻ *Phục*, phục về Đạo (cũng gọi là *Thường 常*), nghĩa là thường hằng vĩnh cửu!

Bởi không biết rõ Đạo là Thường tồn vĩnh cửu mà *vọng động, làm càn*, mói gặp hung họa cho mình và cho người.

Là tại sao?

Là vì kẻ không biết Đạo nên mói “chấp có, chấp không”, cho Phải là phải, hay Quấy là quấy một cách tuyệt đối, nên sinh ra có sự tranh đấu một mất một còn, thiếu lòng bao dung của những kẻ “độc tinh” kiểu Khuất Nguyên: “chúng nhon gai trọc, duy ngã “độc thanh”; chúng nhon gai túy, duy ngã “độc tinh” (thiên hạ đều đục, một mình ta trong; thiên hạ đều say, một mình ta tinh).

*
* *

Trên, là quẻ *Kiên*, là Thiên lý;

Dưới, là quẻ *Chấn* (tức là sự động của lòng ta).

Động theo Thiên lý; đó là *Thiên Nhơn tương ứng*.

Hành động của Ta, là hành động Hòa hợp với Thiên lý (le mouvement du Cœur suit exactement la loi du Ciel, ainsi l'homme est *innocent et sans fausseté*. C'est *l'état pur et naturel*)[1], không còn phải là hành động của tư tâm nữa! Đó là cái *Tâm Vô Vọng* cũng gọi là “xích tử chi tâm”.

1. Muốn hiểu rõ ý nghĩa thâm sâu của quẻ Vô Vọng nên đọc thêm 3 quyển sau đây: “*Phật Học Tinh Hoa*”, “*Tinh Hoa Đạo Học Đông Phương*” và “*Thiền Đạo Tinh Hoa*” (cũng một tác giả: Thu Giang, Nguyễn Duy Cần).

Thoán từ:

Vô Vọng, Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh.

Kỳ phi chánh hữu sảnh, bất lợi hữu du vãng.

無 妄，元，亨，利，貞。

其 匪 正 有 賈，不 利 有 攸 往。

“Vô vọng” là “Tâm không bị vọng động”, tức là đã được cái “động” của Chân tâm (tượng quẻ Nội Chấn (nhất dương sinh ở hào Sơ) cái động của Tiên Thiên Nhất Khí (cũng gọi là Chơn Khí) mà “Nội Kinh Tri Yếu” thiên Đạo Sinh đã nói:

“Điềm đạm Hu Vô,

“Chơn khí” tùng chi...”

恬 懈 虛 無，

真 氣 從 之。。

*
* *

Cái “động” của lòng ta, cũng phải cùng hợp với cái “động” của Thiên Lý, gọi là “Thiên Nhơn tương hợp nhì dĩ hỉ”; trái lại, nếu để cho “tư ý”, “tư lợi” xen vào, thì không còn phải là chánh đạo, mà là “tà” đạo: “hành động dĩ nhơn ý, tắc vi “vọng” dã” 行動以人意，則為安也。

Nếu lấy 2 chữ “Vô Vọng” này mà giải thích cho đến noi đến chốn, thì có lẽ chỉ có bậc “Thánh nhơn” mới hành nổi “thiên đạo” này mà thôi! vì phải diệt Ngã, đâu phải việc dễ làm?

Trong Vũ Trụ, vốn có sẵn một cái Lý Tự nhiên, theo

“đó” mà hành động thì cần gì phải cậy đến “nhơn vi” tạo tác thêm cho đà sự?

“Vô vọng” là tạo được “nhân” tốt, tức là cái mà nhà Đạo gọi là “nhân vô nhân”, nên mới được “Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh” như Thiên đạo (tức là Kiền đạo).

Được “Vô Vọng”, là được cùng với Thiên Lý; trái lại, nếu không được vậy (kỳ phỉ chánh, hữu sảnh) thì không lợi gì cả cho công phu tu tập của mình! (Hữu sảnh, là có lỗi)

Quẻ Vô Vọng gốc ở quẻ Khôn, bị biến ở Sơ hào mà thành quẻ Chán, đó là “Chánh biến”, chứ không phải là “Tà biến”, đó là hành động của Vô Ngã, gọi là Vô Vi, đó là “Mạng Trời” vậy: “*Thiên chi Mạng dã*”.

Đại Tượng

Thiên hạ lôi hành, vật dữ vô vọng.

Tiên vương dữ mậu đổi thời, dục vạn vật.

象 曰：天 下 雷 行，物 與 無 妄。

先 王 以 茂 對 時，育 萬 物。

Dưới Trời, có sấm lưu động. Vạn vật cùng động với sức động của Sấm mà đâm mồng nứt mộng một cách tự nhiên, sống lên cái sống tự nhiên của mình...

Thánh nhơn, nhân theo “tượng tự nhiên động” của cái sống tự nhiên của mỗi loài... mà để cho mỗi vật đều được sống theo cái bản tính của mình, chứ không sống theo các vật khác, sống theo những khuôn thức do xã hội tạo nên và bắt buộc! (Đọc lại kỹ, quẻ Kiền: “*Kiền đạo biến hóa, Các Chánh Tánh Mạng, Bảo hợp Thái Hòa, nãi lợi trinh*”).

Chủ trương này của Dịch: *để cho mỗi vật được sống tự do theo cái sống của mình, tự do phát triển cái Tánh Tự Nhiên của mình!*[1] Gọi là hành động tự do, khi nào trong hành động ấy, ta đã biểu lộ được cả cái người thâm sâu, thành thực của ta, chứ không phải bị bắt buộc phải sống theo một kiểu mẫu người lý tưởng nào do một thứ luân lý, một chế độ xã hội nào đã quy định như là một mẫu người lý tưởng! Tức đây là chủ nghĩa *Phóng nhiệm 放任* của Lão Tử.

“Vô vọng”, là *không vọng tâm, không vọng niệm*, thì cái khiếu linh giác linh thị tự nhiên của mình được phát động tự nhiên, cái *Vô Thức* của cái “Tâm Vô Vọng” (hay Tâm hư) được hoạt động tự nhiên nơi Đan điền, mà nhà Đạo gọi là *Phúc não (cerveau abdominal)*. Do danh từ “phúc não”, người sau mới có dùng đến danh từ “phúc cảo” nghĩa là viết văn hay thảo văn trong bụng.

Không vọng tâm, không vọng niệm thì cũng không còn những việc càn buồng trái xa với Đạo tâm, như Lão Tử đã bảo: “*Tri thường viết minh; bất tri thường, vọng tác hung*”.

Bậc quân tử nhân đó mà biết rõ Đạo Trời, lo nuôi dưỡng đức tự nhiên của vạn vật, không để cho “nhơn vị” làm mất “thiên chân” gây đau khổ cho vạn vật.

1. *Vương Bột* là một trong Tứ Kiệt đời Sơ Đường (647 – 675). Ông có tài mẫn tiệp lạ lùng, mài mực xong, rồi uống rượu cho thật say, trùm mền ngủ, tỉnh dậy, viết một hơi là xong, không sửa một chữ. Người đương thời bảo ông có tài “*phúc cảo*”, nghĩa là thảo văn ở trong bụng (ám chỉ Đan điền).

Tiểu Tượng

Sơ Cửu: Vô vọng, vãng kiết.

初九：無妄，往吉。

Tượng viết: Vô vọng chi vãng, đắc chí dã.

象曰：無妄之往得志也。

Hào Sơ Cửu quẻ Vô Vọng, là *hào đầu của nội quái Chấn*, và cũng là Chủ của quẻ Chấn, hào dương cương đắc chánh (dương cư dương vị) là hạng người chí thành, chân thật, không tà tâm, không thủ đoạn, đó là “*con người vô vọng*”, đi đâu mà không tốt (vãng kiết), con người còn giữ trọn cái “*tâm xích tử*” của mình.

Cửu Sơ, Cửu là Kiền Khí, gốc của quẻ Kiền, còn Sơ thuộc về thể Chấn, nhất dương sinh, nên động mà hợp với Lẽ Trời. Có được đúc chí thành vô vọng như thế, đi đâu mà không thỏa chí (*đắc chí dã 得志也*).

Đây, là bậc “*chí nhơn vô ký*”, chỗ mà Lão Tử đã dành một chương riêng để nói về nó: cái Tâm của đứa con đỗ “*xích tử chí tâm*”.

Lục Nhị: Bất canh hoạch, bất trị dư, tắc lợi du vãng.

六二：不耕穫，不蓄畜，則利有攸往。

Tượng viết: Bất canh hoạch, vị phú dã.

象曰：不耕穫，未富也。

Lục Nhị, âm cư âm vị, đắc trung đắc chánh, lại được chính ứng với hào Cửu Ngũ cũng dương cư dương vị, đắc trung đắc chánh, đó là một bậc *đại hiền*, mà Trang Tử gọi là “*thần nhơn vô công*”. “*Bất canh hoạch*” nghĩa

là không phải làm công việc cày cấy để mà chờ ngày gặt lúa... làm thì làm, chứ không phải làm để mong một kết quả cụ thể có lợi gì cho mình, một *hành động hoàn toàn vô tư lợi, hành động vô cầu, “hành vi vô vọng” của bậc thánh nhân “làm vì làm”*...

Phần đông chúng ta, bất cứ làm một điều gì cũng cân lợi hại..., nghĩa là làm để được hưởng một cái gì? Có khi, một mà lời một không bao giờ bằng lòng, mà phải “nhất bỗn vạn lợi” mới bằng lòng cho. Tu, là để thành Thánh, thành Thần, thành Tiên, thành Phật... Tệ nhất, làm lành để gặp lành, làm phước để được phước, toàn là những công việc *lời lô bán buôn, mua may bán đắt!* Làm cho ai một cái ân gì, thì phải được ân đền nghĩa trả... Thậm chí, cha mẹ nuôi con, cũng mong được có ngày đền đáp! óc con buôn như thế là quá rồi! mất cả ý nghĩa thiêng liêng của Tình Mẫu Tử! hay của Tình Thương nói chung.

Lục Tam: Vô vọng chi tai, hoặc hệ chi ngưu,
hành nhơn chi đắc, áp nhơn chi tai.

六三：無妄之災，或系之牛，
 行人之得，邑人之災。

Tương viết: Hành nhon đắc ngưu, áp nhon tai dã.
 象曰：行人得牛，邑人災也。

“Vô vọng” là tốt, làm sao lại còn gọi là có “cái họa của vô vọng”? “vô vọng chi tai”?

Chỉ có hào nào “đắc trung” hay “đắc chánh” mới là “vô vọng”, thì hào nào bất trung bất chánh phải gọi nghịch lại là “hữu vọng” mà *hữu vọng* là *hữu tai!* Hào Lục Tam, là hào bất trung bất chánh trong thời Vô Vọng nên phải

bị cái tai họa của sự “hữu vọng” của mình. Gọi là “vô vọng chi tai” “bị tai họa trong thời Vô Vọng”!

Ở trong thời Vô Vọng mà chỉ có mình là Vọng, nên phải mang tai, mà tai này cũng là vô cố mà mắc phải!

Tượng một người kia mất bò! Lại khi đi qua ấp khác, thấy con bò của ai cột bên đường, anh ta lại “vọng tưởng” là con bò của mình, nên bắt con bò đó dắt về! Người trong ấp, bị người ta dẫn mất con bò của mình, đã bị mất bò, lại còn bị nghi oan là kẻ trộm bò. Anh mất bò, “vọng tưởng” rằng bò mình bị đánh cắp nên bắt bò để bên lề đường dẫn về... Cả hai đều là kẻ bị “vọng tưởng” (mà sinh ra “vọng tác”).

Phải làm sao bây giờ?

“Ngày xưa, có ông Lưu Ngung Chi đang đi giày. Có người láng giềng đến nhận giày! Lưu Ngung Chi, không nói rằng gì cả, cởi giày đưa cho người láng giềng. Có biết cãi cũng vô ích vì chỉ có mình tinh, mà người láng giềng mê.

Sau, người láng giềng về nhà, tìm thấy chiếc giày của mình, bèn lật đật đem chiếc giày trả lại cho ông Ngung Chi. Ông này, nhất định không nhận.

Cũng có ông Thẩm Lan Sỉ đang đi giày. Cũng có một người láng giềng đến nhận. Ông cười, bảo: “Giày của bác à?” rồi cởi giày đưa cho người láng giềng!

Sau, người láng giềng về nhà, tìm thấy chiếc giày của mình, cũng lật đật đem giày trả lại. Ông Lan Sỉ, cũng cười, bảo: “Không phải giày của bác à?” Rồi ông nhận lại.

Việc này, tuy là việc nhỏ mọn, nhưng ở đời ta *nên cư xử như ông Lan Sỉ* mà không nên cư xử như ông

Ngưng Chi. Cư xử như ông Ngưng Chi tuy cũng khá đặc biệt, nhưng có vẻ cố chấp, không bằng cách cư xử như ông Lân Sỉ *vô cố và vô chấp*, đúng là *cách cư xử ở thời Vô Vọng!* Lúc bị nhà láng giềng đến nhận lầm, cả 2 ông Ngưng Chi và Lân Sỉ đều biết rõ, anh láng giềng bị “*vọng tưởng*” nên mới có thái độ “*vọng tác*” như vậy! Hai ông, không cãi lại, chỉ để riêng mình là *tỉnh* mà người láng giềng là *mê*, mà thôi. Kip khi người láng giềng tìm lại, thấy họ đã nhận lầm, thì *người láng giềng đã hết “vọng tưởng”* nghĩa là *hết “mê”*. Thì rồi, cả hai không còn ai “mê” vọng nữa! có phải hay không?

Chứ như người chúng ta ngày nay, át không bao giờ chịu nhận mình là “mê”, một mục *tranh giành lẽ phải* về mình, “*thiên hạ đều mê, một mình ta tỉnh!*” như Khuất Nguyên... thì biết chừng nào thiên hạ mới được thái bình?

Cửu Tú: Khả trinh, vô cựu.

九四：可貞，無咎。

Tương viết: Khả trinh vô cựu, cố hữu chi dã.

象曰：可貞無咎，固有之也。

Hào *Cửu Tú*, là hào dương cường, là ở vào thể ngoại Kiền, tức là người ở vào cảnh giới “*vô tư*”, “*vô vọng*”!

Vậy, cố mà giữ lấy lòng “*vô tư*”, “*vô kỷ*” của mình (*cố hữu chi dã* 固有之也).

Cửu Ngũ: vô vọng chi tật, vật được hưu hi!

九五：無妄之疾，勿藥有喜。

Tương viết: vô vọng chi được, bất khả thí dã.

象曰：無妄之藥，不可試也。

Cái “bệnh” của Vô vọng, là *một thứ “bệnh” của Thánh nhân*, mà thế nhơn không làm sao hiểu nổi. Chính như câu nói này của Văn hào Tây phương, Maurice Maclerlunch: “Trong một cái nhà thương điên, dưới con mắt của các bệnh nhơn điên, chính ông Bác sĩ Giám đốc nhà thương điên, là người điên nhất.” Có người “điên” nào mà cho rằng mình điên? Kẻ nào giống ta là kẻ “tỉnh”, kẻ nào không giống ta, là người “mê”.

Trong cái đời mà tất cả đều sống trong “mê vọng” thì kẻ nào “không mê” phải bị thiên hạ loại vào hạng mê, nhưng thực sự đó là cái mê của bức *thánh nhơn “độc tinh”!* Đó là cái bệnh của người Vô vọng “vô vọng chi tật” 無妄之疾, chính là hào Cửu Ngũ này, được Liệt Tử gọi là “Bệnh MÊ”.

“Mê” đến đỗi không còn phân biệt Thiện Ác, Thị Phi, Vinh Nhục... trong khi tất cả mọi người trong thiên hạ đều rất để ý phân biệt Thiện Ác, Thị Phi, Vinh Nhục... để tranh nhau về lẽ Phải đến đỗi không tha thứ được cho ai dám nghĩ khác mình! Cái Họa của Nhị Nguyên.

“Nước Trần có con nhà họ Bàng, lúc nhỏ thông minh, khôn ngoan quá sớm, đến lớn tự nhiên mắc phải bệnh Mê: nghe hát cho là khóc, trông thấy trắng, gọi là đen, ngửi thơm cho là thúi, ăn ngọt cho là đắng bao nhiêu những gì anh ta nghĩ đến đều bị đảo ngược sai lầm cả đỗi với người chung quanh.

Có người mách cha anh ta: Có bậc quân tử nước Lỗ có lăm thuẬt, nhiều nghề, họa may cứu được bệnh ấy chăng? Sao không đi qua đó mà hỏi?

Người cha sang qua nước Lỗ; khi qua nước Trần lại gặp ông Lão Đam. Nhân nói chuyện về chứng bệnh của con ông ta, Lão Đam, cười, bảo:

– Nhà ngươi há đã biết được cái bệnh Mê của con nhà người đâu? Nay thiên hạ, ai ai cũng u o về Phái Trái, mờ mệt về Lợi, Hại, kẻ mắc bệnh Mê như con nhà ngươi rất nhiều, chẳng còn ai tỉnh cả! Vả chẳng, một mình mê không đủ làm lụy một nhà; một nhà mê, không đủ làm lụy cho cả nước; một nước mê, không đủ làm lụy cả thiên hạ. Và, nếu mà cả thiên hạ đều mê, thì còn ai làm lụy ai được được nữa?

Giả sử thiên hạ, ai ai cũng mê như con nhà ngươi, mà chỉ có nhà ngươi muốn chữa bệnh Mê, thì chính nhà ngươi lại hóa ra mê mất đi còn gì?

Nhưng, người cha vẫn cố đi tìm cho được “ông Thầy nước Lỗ” này[1], và hứa sẽ chia hai gia tài, nếu chữa đặng.

Ông Thầy nói:

– Bệnh này, bói cũng không ra, mà cúng cũng không khỏi, còn thuốc, thì chả có thuốc gì trị nổi! (như hào từ hào Ngũ đã nói: “vô vọng chi được, bất khả thí dã” 無妄之藥，不可試也。)

Ta thử hóa cái tính anh ta, biến chõ “vô vọng” thành ra “hữu vọng”, xem nào!

*
* *

Nói xong, ông Thầy liền sai lột áo để cho lạnh, anh ấy kêu lạnh và xin áo! Sai cấm không cho ăn, anh ấy kêu đói, xin ăn. Sai đem anh ta bỏ vào phòng tối, anh ta kêu xin cho anh ta ra ánh sáng.

1. Ám chỉ *Khổng Tử*.

Ông Thầy hớn hở, nói:

– Bệnh này, chữa đặng! Song môn thuốc của ta rất bí mật, không thể nói cho ai biết được.

Rồi, đuổi cả người chung quanh, chỉ để một mình ông và người bệnh ở chung nhau, trong 7 ngày. Chẳng biết ông Thầy làm gì, mà cái bệnh Mê lâu năm ấy lại khỏi ngay.

Lạ thay! Khi anh bị bệnh Vô Vọng kia tinh lại, bèn nổi giận, chửi vợ, đánh con, cầm dáo đuổi theo Ông Thầy... Người nhà bắt lại, hỏi nguyên do của sự giận dữ, thì anh ta than:

– Lúc trước lòng ta *thản nhiên vô vọng*, khoan khoái là dường nào! Trời Đất có cùng không, ta cũng chẳng quản... Nay, thì ta lại phải nhớ lại tất cả những việc đã làm cách vài mươi năm về trước, nào là việc còn, việc mất, những việc đưọc, việc thua, những việc thương việc ghét... muôn mối ngốn ngang, nổi dậy bời bời! Ta chỉ sợ sau này, ta muốn có đưọc một phút yên tâm quên hết đi cả, liệu còn có đưọc nữa hay không?”

(Liệt Tử)

*
* *

Trên đây, câu chuyện nói lên cái “*bệnh Mê và Quên*” đối với nhị nguyên luận chia phân Thiện Ác, Thị Phi, Vinh Nhục... tức là cái “*bệnh*” *Nhứt Nguyên* của Thánh nhơn, và bởi nó không giống với phần đông con người, nên bị gọi là “*bệnh*” (anomalie) đối với thế nhơn.

Chính đây cũng là “*cái vô vọng chi tật*” của Lão Tử, khi ông nói:

“Chúng nhơn hi hi, nhu hướng thái lao, nhu Xuân
đăng dài! Ngã độc bạc hè kỳ vị triệu, nhu anh nhi chí
vị hài, luy luy hè vô sở qui.

“Chúng nhơn giai hữu dư, nhi ngã độc nhược di...
Ngã ngu nhơn chí tâm dã tai!

“Độn độn hè, tục nhơn chiêu chiêu! Ngã độc hôn hôn,
tục nhơn sát sát, ngã độc muộn muộn.

“Đạm hè kỳ nhược hải,
Liêu hè nhược vô chỉ,
Chúng nhơn giai hữu dĩ,
Nhi ngã độc ngoan tự bi
Ngã độc di ư nhơn!”

眾人熙熙，如享太牢，如春登臺。我獨
泊兮其未兆，如嬰兒之未孩，儼儼兮
若無所歸。

眾人皆有餘，而我獨若遺。我愚人之
心也哉。

沌沌兮！俗人昭昭，我獨昏昏，俗人察
察，我獨悶悶。

澹兮其若海

飈兮若無止。

眾人皆有以，

而我獨頑且鄙。

我獨異於人。

(Người đời vui vẻ, nhu hướng thái lao, nhu lên xuân
đài! Riêng ta im lặng chẳng dám lộ vẻ vui mừng ra nét
mặt, nhu trẻ sơ sinh chưa biết cười cợt với đời, dường
như sống không biết đi đâu, về đâu.)

Người đời có dư, riêng ta thiếu thốn (tức là người thì

“vi học nhật ích”, còn ta thì “vi đạo nhật tổn”, họ hữu vi còn ta vô vi... nên mới nói: “lòng ta ngu dốt” cả về cái học trực vật nhị nguyên. Người đời phân biệt Thị Phi, Thiện Ác, nên dường như họ sáng chó... riêng ta không thấy có sự phân chia Thị Phi, Thiện Ác nên dường như mịt mù hỗn độn!

Người đời sáng chó

Riêng ta mờ mịt

Người đời phân biệt

Riêng ta hỗn độn.

(Nên mới gọi ta mắc “*bệnh Mê*” như bài “Bệnh Mê” của Liệt Tử, tức là chỗ mà Dịch bảo “vô vọng chi tật”!)

Nhờ vậy, mà lòng ta luôn luôn thản nhiên điềm đạm, còn lòng người luôn luôn náo động, vọng động không ngừng. (Bởi vậy người “*bệnh Mê*” của Liệt Tử mới than: “*Ta chỉ sợ sau này, ta muốn có được một phút yên tâm và thản nhiên như trước, được chăng?*”).

Kết quả, người đời đều để cho đời lợi dụng được, nên đời mới gọi họ là người dùng được (hữu dụng), riêng ta, vì không chạy theo thị hiếu của đời, không còn tham danh, thì đời lấy gì (danh hay lợi) để lợi dụng sai khiến ta, ta không tham lợi, thì đời lấy “lợi gì” để lợi dụng và sai khiến ta? Bởi vậy nói nói: “*người đời đều có chỗ dùng, riêng ta là kẻ vô dụng!*” (“Chúng nhơn giai hữu dĩ, nhi ngã độc ngoan tự bỉ”) “*Ngã độc dị ư nhơn*”: riêng ta khác người!

Liệt Tử bàn về “*bệnh mê*” (vô vọng chi tật) của chàng trai họ Bàng nước Tân, còn Lão Tử lại nói đến cái “*bệnh mê*” của chính mình!

Thảo nào, Lâm Ngữ Đường không nói “móc”: “*Lão*

Tử là một kẻ chí ngu” (“Lao-Tseu est un sacré idiot”) trong quyển “*L’Importance de Vivre*”. Đó là cái Ngu của Thánh nhon! của hào Cửu Ngũ quέ Vô Vọng. Một lối “u măc” của phái Đạo gia.

Thượng Cửu: *Vô vọng hành, hữu sảnh, vô du lợi.*
上九：無妄，行有眚，無攸利。

Tượng viết: *Vô vọng chi hành, cùng chi tai dã.*
象曰：無妄之行，窮之災也。

Hào này, là đã đi đến chõ cùng cực của Vô Vọng rồi! bởi vậy Thánh nhon tác Dịch, e rằng hào Thượng Cửu này, là hào Dương nhưng lại “*Dương cư Âm vị*”, không được đắc chánh, mà sợ rằng lại *hành động quá trớn*, mất cái Chánh trung mà hỏng việc, vừa bị cái tai họa do hành động sai thời này gây ra! Thời quá độ, cần yên lặng là tốt; nếu *động càn*, là *vọng động*, là *vọng tác* thì hung họa đến liền, như Lão Tử đã cảnh cáo: “*Tri thường viết Minh, bất tri Thường, vọng tác hung*”.

“*Vô vọng chi hành, cùng chi tai dã!*” là thế!

26. SƠN THIÊN ĐẠI SỨC

山天大畜



Đại Sức là súc tích, tích trữ lớn.

Thượng Cửu là đỉnh cao nhất của loài người: Thánh nhơn

Sơn Thiên Đại Súc, là nói về sức Súc Tích của cái To Lớn. Xem quẻ số 9 *Tiểu Súc* 畜.

Noi quẻ *Phong Thiên Tiểu Súc* (số 9) là bàn về sự “trước thư lập ngôn”; còn nói về *Son Thiên Dai Suc* là nói về sự tồn trữ các công trình văn học và văn hóa quốc gia và quốc tế, những thư viện tư hay công.

Kiền, là sức sáng tạo nói chung, tạo ra Trời Đất Vạn vật, đây muôn ám chỉ những gì do con người sáng tạo, những bậc Thánh nhơn từ xưa đã súc tích và lưu lại cho văn minh loài người, được đặt ngang hàng với sức sáng tạo của Trời Đất tạo ra Vũ Trụ và Con Người.

Quẻ Cán, là núi trùm lên quẻ Kiền; Cán là chỗ chứa lớn (*Đại Sức*) các kho tàng văn hóa (các Thư Viện Quốc Gia của các nước trên thế giới). Hào dương (*thượng*

cửu) là đỉnh cao nhất của núi cao như đỉnh núi Hy Mã Lạp Sơn.

“*Thư Viện Quốc Gia*” là nơi chứa cả một nền Trời văn hóa của đất nước! Ở đây, Thánh nhơn đề cao các sáng tác về Văn Học nền tảng của Văn Minh loài người! “Đại Súc”, không nên chỉ chứa những sách thuộc về ý thức hệ riêng tư của mình, mà nó phải có tánh cách Quốc tế, hay đối nghịch với tư tưởng của riêng mình.

Thoán từ:

Đại Súc, đại trinh, bất gia thực, lợi thiệp đại xuyên.

大畜 大貞，不家食，利涉大川。

Tượng viết: “*Bất gia thực*”, *kiết, duōng hièn dā*.

象曰：不家食，吉，養賢也。

“*Đại Súc*” là “chứa rất nhiều”, nhưng phải được tuyển chọn kỹ lưỡng (tất cả những tinh hoa, chứ không nên hỗn tạp). Hơn nữa, tác phẩm văn học như các món ăn tinh thần cần được tuyển chọn những tác phẩm nào có tánh cách quốc tế (*de qualité universelle*) chứ không nên chỉ chọn những món ăn địa phương hẹp hòi chỉ dùng được trong địa phương nhỏ bé “*bất gia thực 不家食*” mà thôi.

Như các quyển sách có tánh cách rộng rãi và bao quát cho tất cả mọi người, cỡ như các tác phẩm *Kinh Dịch*, *Đạo Đức Kinh*, *Nam Hoa Kinh*, *Kim Cương Kinh*, *Kinh Thánh Evangile*... hay *Manuel d'Epictète* hay *L'Initiation de Jésus Christ*... chẳng hạn v.v... đều là những tác phẩm “*duōng hièn*” (nghĩa là “nuôi đức”!). “*Bất gia thực, kiết, duōng hièn dā 不家食，吉，養賢也*”. Quan trọng là câu: “*bất gia thực*”. Đó là những

tác phẩm “lợi trinh” và được dùng bất cứ trong những lúc gian nan thống khổ (lợi thiệp đại xuyên) nào, trong cõi đời tao loạn này!

Lấy ngay quyển *Kinh Dịch*, quốc tế ngày nay đều nhận nó là “một quyển sách thuộc về một trong những thứ sách quan trọng nhất của Văn học Quốc tế” (Le Yi-King appartient incontestablement aux livres les plus importants de la Littérature Universella).

Còn các sách thuộc về cái học Tam Huyền của Trung Hoa, nhất là sách của Lão Tử, học giả Tây phương E. V. Lenker, trong quyển “*Histoire de la Philosophie Chinoise*”, nói về Lão Tử có câu: “*Lão Tử đâu phải chỉ sống cho một nước Trung Hoa và cho thời buổi của ông mà thôi đâu; Ông là một trong những bậc Thầy thuần túy nhất và sâu sắc nhất của toàn thể Nhân loại*” (Lao-tsé n'a pas vécu seulement pour la Chine et pour son époque; il est un des Maîtres les plus purs et les plus profonds de l'Humanité entière.) (p.108) Phải chăng đây là câu nói của Lời Thoán: “*Đại Súc, đại trinh, bất gia thực, kiết, dưỡng hiền dã*”. Chữ “Súc” cũng có nghĩa là “nuôi dưỡng” các bậc hiền thánh hoặc nuôi dưỡng con người được trở nên hiền thánh.

Đại Tượng

Thiên tại sơn trung: Đại súc.

天在山中，大畜。

Quân tử dĩ đa thực,

tiền ngôn vãng hành, dĩ súc kỳ đức

君子以多識，前言往行以畜其德。

(Trời, cả một Trời sáng tạo nằm trong lòng núi), đó là ý nghĩa của Đại Súc.

Người Quân tử xem tượng này mà lo thu trữ tất cả những lời nói “trinh chính” của người xưa, súc tích lại các sự hiểu biết của người đi trước để lại, dùng đó mà “nuôi dưỡng thánh đức” của mình! (*dī “súc” kỵ đức* 以畜其德).

“Trời ở trong lòng núi” (“*Thiên tại son trung*”) là gợi cho ta “những kho tàng bí ẩn cất kín trong các “bài cổ sự” do người trước lưu lại cho ta. Và nhờ những bài học cao thâm ấy, ta nuôi dưỡng được “đức” của ta. Đó là phép học đạo đức bằng các bài “cổ sự”, học đạo làm người quân tử qua lịch sử của toàn thể con người trong thiên hạ được súc tích trong các kinh sách lưu lại...

“Đức” nói đây, là chỗ mà Lão Tử bảo: “*Thượng đức bất đức*” (Chương 38 – Đ.Đ.K); còn Trang Tử gọi là Vương đức của Chân Nhơn. Bộ “*La Cabbale*”, “*Table d’Emeraude*” của Văn minh Trung Đông đã được chôn giấu trong Kim Tự Tháp (nhờ Alexandre đại đế khám phá và đem phô biến cho cả vùng Ai Cập và Trung Đông).

Tiểu Tượng

Sơ Cửu: Hữu lẻ, lợi dī.
初九：有厲，利已。

Tượng viết: Hữu lẻ lợi dī, bất phạm tai dā.
象曰：有厲利已，不犯災也。

Toàn quẻ, chỉ có 3 dương ở nội Kiền, nhưng đều bị ngoại Cấn “súc chi” lại cả! Vì “*Cấn giả chi dā*” (Cấn, là dừng lại, chặn đứng lại). Cho nên hào Sơ cũng không sao tiến lên được. Huống chi, thế lực của Sơ còn nhỏ bé

lắm, *tiến sē nguy!* vậy, *thà đừng tiến còn hơn!* Nên nói
nói: “*lợi dĩ*” 利 以 (Dĩ, là chỉ 止 là dừng lại.)

*
* *

Theo lệ thông thường của Dịch, thì các hào tiếp ứng với nhau, được quyền viễn trở lẩn nhau như Sơ và Tứ chǎng hạn... Nhị và Ngũ, Tam và Lục... Nhưng ở quẻ Đại Súc không còn được như vậy nữa. Tứ đã chǎng những không tiếp ứng Sơ mà lại còn “*chận lại*” là khác, gọi là “*súc chỉ*”.

Bởi vậy, Sơ không được tiến lên, nếu “*tiến*” sẽ gặp hung nguy (*hữu lỵ* 有 屬) mà dừng lại là có lợi (*lợi dĩ* 利 以), “*bất phạm tai dã*” (không gặp tai họa).

Cửu Nhị: Dự, thoát phúc.[1]

Tượng viết: *Dự thoát phúc trung, vô ưu dã.*

九二：輿，說輻。

象曰：輿說輻，中，無尤也。

Như ở hào Sơ, Tứ “*súc chỉ*” Sơ, thì ở đây “*Ngũ* (lẽ ra tiếp ứng với Nhị) lại *súc chỉ* (ngăn trở) không cho Nhị tiến lên.

Nhưng vì Nhị là hào *đắc trung*, nên sáng suốt, biết rằng mình không thể tiến, nên tự mình “*cõi*” cái cốt bánh xe ra, cho xe không đi được. Đó là “*thời chỉ, tắc chỉ*”.

- 輿 *dự*, là cỗ xe;
輻 *phúc*, là cốt bánh xe
說 *thoát*, là cởi ra, tháo ra

Sở dĩ Nhị biết đối xử khôn ngoan như vậy, là nhờ *Nhị là kẻ đặc Trung*, nên không có gì bị lỗi lầm cả (*vô ưu 無尤*).

“*Dụ thoát phúc, Trung, vô ưu đã*”.

Cửu Tam: Lương mā trực, lợi gian trinh,
nhực nhàn dụ vẹt, lợi hữu du vāng.

九三：良馬逐，利艱貞，曰閑輿衛，
 利有攸往。

Tượng viết: Lợi hữu du vāng, thương hợp chí dā.
 象曰：利有攸往，上合志也。

Câu “*luong mā trực*” là nói về cặp 3 – 6 *Cửu Tam* và *Thượng Cửu* đều là hào dương cả. Cửu Tam và Thượng Cửu là Dương ngộ Dương tiếp sức với nhau mà tiến lên như một cặp ngựa hay, đua nhau mà chạy! *chạy như bay*.

Ở đây, là một biệt lệ của quẻ Đại Súc, vì ở quẻ này, chỉ có hào trên mới “súc chỉ” hào dưới (như Thượng Cửu “súc chỉ” hào Tam), vậy mà không phải vậy; 2 hào này không ai súc chỉ ai, cả 2 đồng lòng cùng tiếp sức nhau cùng tiến lên. Cho nên *cái tiến* của 2 hào Tam và Lục rất mạnh, nên Thánh nhon lo cho cặp Dương này ý tài mà chưa kịp phòng bị lại vội tiến sẽ không được an toàn, nên có lời răn “*lợi gian, trinh*” cần lo dự bị turom tất mới có thể “*lợi hữu du vāng* 利有攸往”!

Lời Tượng nói thêm: Có được Thượng Cửu chí đồng đạo hợp (*thương hợp*) dắt nhau mà lên, tất hay (*lợi hưu du vāng*).

Lục Tứ: đồng ngưu chi cốc, nguyên kiết.

六四：童牛之牿，元吉。

Con bò con, chưa mọc sừng, nên cho nó mang trước cái cùm sừng, thì tốt lắm!

Hào Lục Tứ chỉ là hào Sơ âm của quẻ Cấn, ví như con bò con chưa mọc sừng, nên cho nó mang trước một “cái cùm sừng”, để sau này khi nó lớn lên và sừng mọc, nó không gây thương tích cho ai được cả, vì đã có cái cùm sừng che trước rồi!

Ý bảo, nên phòng bị trước ngay lúc nó chưa mọc sừng! ngăn ngừa một cái ác nó có thể gây cho mọi người sau này, ngay lúc nó mới sấp mọc ra!

Hào Tứ, là hào cận bên hào Ngũ, là một bậc đại thần, có trách nhiệm, trên đối với Vua phải ngăn ngừa sự tà tâm; dưới đối với dân, phòng ngừa sự tà tâm của dân chúng. Cái ác tâm của con người, nếu có ngăn cấm hãy ngăn cấm lúc nó chưa phát hiện, chứ để cho nó lớn lên rồi, khó mà ngăn cấm được!

Cái ác mà đã trưởng thành rồi, bậc Thánh cũng không trị nổi! Cho nên ở đây Thánh nhơn muốn nhủ phải biết ngăn ngừa cái ác, ngay lúc nó chưa phát ra.

Lục Ngũ: phản thi chi nha, kiết.

六五：豮豕之牙，吉。

(Hào này là hào chủ não của Qué.)

Tương viết: Lục ngũ chi kiết, hữu khánh dã.

象曰：六五之吉，有慶也。

Đoạn văn này, văn từ thô thiển, nhưng ý nghĩa rất

thâm, khó giải nghĩa, người đọc cần vận dụng linh giác may ra mới hiểu được phần nào.

“*Phần thi chi nha*” 猖豕之牙 cái nanh con heo rừng đã bị thiến. Ý muốn bảo: Cái nanh của con heo rừng, là phần cứng nhất và nguy hiểm nhất. Cọp beo là thứ dữ nhất, vậy mà gấp heo rừng chỉ dùng cái nanh của nó thôi, đủ giết chết ngay cọp beo! Nhung, con heo rừng này đã bị thiến rồi! hết hung hăng như trước, cho nên thứ nanh dữ của nó cũng hết chỗ dùng!

Trị cái “ác” của tiểu nhon đang sung sức để hành ác, đâu phải dễ dàng! Cần phải tìm cho ra, cái gì đã giúp cho tính hung ác của nó trở thành bồng bột? Người ta tìm ra, chính cái *đục tính* của nó quá mạnh vậy, “thiến” nó đi, thì nó sẽ trở thành hiền hậu lại và dễ trị hơn.

Đây, là lấy thử một thí dụ thôi, để nói lên *phép trị ác*! Phải trị ngay nơi cái gốc (“căn”) của tội ác! Trước một tội ác nào, cần phải tự hỏi: Tại sao? để tìm cho ra cái nguyên động lực của nó!

Xưa nay, trị ác chỉ biết dùng hình phạt, tru lục, bắt quá lấy cái chết mà dọa chúng là cùng! Nhung, Lão Tử đã cảnh cáo bọn pháp gia: “*dân bất úy tử, nại hà dĩ tử cu chi*”. Trị dân mà dùng đến pháp trị, cứ dồn mãi người dân vào cảnh chết chóc, chém giết, đến khi dân không còn biết sợ chết nữa, vì họ đã quen bị đe dọa hằng ngày, thì còn lấy gì trị được chúng nữa? Dùng pháp luật búa giặc, là đã phạm vào cái lỗi Pháp gia, điều mà Dịch đạo rất kỵ! Ham sống, sợ chết, là thiên tính của loài người... đừng để cho chúng sống trong tuyệt vọng, mà phải tạo cho chúng biết ham sống... để chúng đừng liều lĩnh đi tìm lẽ sống bấp bênh trên những trận địa khói

lửa mịt mù hoặc trên những chiếc thuyền nhỏ linh đình
trên mặt biển đầy sóng gió hãi hùng!

*
* *

“Một nhà Vua xứ Syrie, nhân thấy ở trận tiền có một người lính can đảm phi thường lúc nào cũng xung phong vào những nơi muôn ngàn nguy hiểm!

Nhà Vua bèn cho gọi tên lính ấy đến để ban khen nhưng hết sức ngạc nhiên khi thấy anh ấy gầy yếu xanh xao quá! Người lính thú thật rằng anh bị một chứng nan y nên tiêu tụy đến thế.

Vua bèn ra lệnh các quan ngự y phải ra sức thuốc thang để cứu một bậc anh hùng cái thể. Các viên thày thuốc tuân lệnh và lo săn sóc, trị lành được bệnh cho người lính. Nhưng, khỏi bệnh rồi, người lính ấy lại mất hết dũng khí, và từ đó không còn thấy anh ta cắm cổ xông pha vào làn tên mũi đạn như trước nữa, còn tìm kiếm những nơi yên tĩnh mà lánh mình!

Vua cho gọi anh ta đến mà hỏi:

– Tại sao đã bội bạc với công ân của cấp trên, đã trở nên hèn nhát?

Tên lính tâu:

– Muôn tâu, chính lòng tốt của Bệ Hạ đã làm cho hạ thần mất cả hùng khí ngày xưa!

– Sao lại như thế được?

– Chính vì Bệ Hạ đã sai các lương y trị bệnh ngọt nghèo cho hạ thần, và khỏi bệnh rồi, *thành ra hiện nay hạ thần ham sống!*

(Trích trong “*Sử Ký Thanh Hoa*” (le Parfum des Humanités) par E. Vayrac (Ed. du Trung Bắc Tân Văn (1925), tr.30)

Thảo nào, từ xưa phần đông những kẻ giàu sang khó thành những bậc anh hùng! Và cũng đừng có dồn người dân đến bước đường cùng đến họ không còn muốn sống nữa! Trong những chế độ hà khắc bạo ngược hay dùng đến cực hình, dân chúng hằng ngày thường sống trong cảnh không ngày mai... Thế rồi, họ hết sợ chết nữa. Dân mà không còn biết ham sống sợ chết nữa, thì không còn lấy cái gì để “dọa” chúng được nữa... Vấn đề chỉ còn ở trong một sờm một chiều thôi! *Cực hình càng tăng, số tội ác càng thêm!* Các nhà Xã hội học ngày nay đã chứng minh điều ấy! Đó, cũng là trở lại câu nói của Lão Tử: “*Tương dục phế chi, tất cố hung chi!*”.

Thượng Cửu: Hà thiên chi cù hanh.

上九：何天之衢亨。

Tương viết: Hà thiên chi cù, đạo đại hành dã.

象曰：何天之衢，道大行也。

Cái thời “súc chí” (ngăn chặn) không còn nữa. *Bấy lâu nay, sự “ngăn chặn” đã giúp cho những cái thế bị ngăn chặn trở thành mạnh mẽ hơn,* đúng như lời của Lão Tử:

Tương dục hấp chi, tất cố trương chi.

Tương dục nhược chi, tất cố cường chi.

Tương dục phế chi, tất cố hung chi.

Tương dục đoạt chi, tất cố dữ chi.

將欲翕之，必固張之。

將欲弱之，必固強之。

將欲廢之，必固興之。

將欲奪之，必固與之。

(Chương 36 Đ.Đ.K)

(Hòng muốn thu rút đó lại, là sắp mở rộng đó ra!)

Hòng muốn làm yếu đó,

là sắp làm cho đó mạnh lên!

Hòng muốn vứt bỏ đó, là sắp làm hưng khởi đó!

Hòng muốn cướp đoạt đó, là sắp ban thêm cho đó!)

Hào Tam cùng với hào Thượng Lực như *cặp ngựa đua* (“*luong mā*” (ngựa hay) chạy bay trên đường Trời, đâu còn có gì ngăn chặn nổi nữa!

“*Thiên chi cù, đạo đại hành dã*” là con đường *mặt trước mặt sau*, không ai ngăn, cũng không ai xô đẩy, bốn bề thông suốt, đường lối thênh thang! “*Thiên cù hanh*” là *đường trời rộng mở, máy bay chim liệng tha hồ...*

Đây, là nói về *hạng người Hiền Thánh*. Không còn ai ngăn cản nổi nữa (súc chỉ) lời nói của họ, câu văn của họ... đều được thiên hạ xem như lời nói của Thánh Kinh.

27. SƠN LÔI DI

山雷頤



Di giá, duōng dā
頤者，養也。

Quέ Di, tượng cái *Miệng mớ ra*; hai hào Dương trên và dưới, là 2 làn Môi. Từ hình thức là *cái Miệng* để ăn uống nuôi dưỡng thân thể, người ta cũng nghĩ qua sự ăn uống nuôi dưỡng tâm hồn.

Nói chung *Di*, là *phép Duōng Sinh*, và không đâu bằng ở đây, ta thấy *sự liên lạc giữa vật chất và tinh thần* rất là khít khao chặt chẽ! Người xưa bên Tây phương có nói: “*một thân thể không đau; một tâm hồn không loạn, đó là Chân hạnh phúc của con người*”.

Có câu ngạn ngữ: “*Một tâm hồn trong sạch, trong một thể xác thanh khiết*”, “*Di*” vì vậy, là *đạo Duōng sinh*, nghĩa là dưỡng cả 2 mặt: vật chất và tinh thần. Mà *duōng Tâm* là căn bản theo thuật *Duōng sinh* của Đông phương Đạo học. Và món ăn vật chất cũng ảnh hưởng tinh thần khá quan trọng.

Tượng quέ Di, như đã nói, là *hình cái Miệng hả lớn*,

hai hào Dương cương trên và dưới là hai môi bọc ngoài hai hàm răng cứng. Ở giữa miệng, là một lỗ trống, tượng một cái gì trống không (một cái Tâm Hư), tượng của Thái Âm.

Lão Tử bảo: “*Hu Kỵ Tâm, Thực Kỵ Phúc*” một bí quyết của thuật Dưỡng sinh, đã được Nội Kinh lập thành một bài thơ tút tuyệt như sau:

*Điềm đạm Hu Vô
Chân khí tùng chi
Tinh thần nội thủ
Bệnh an tùng lai.*

Phía trên, là quẻ Cấn (là Tịnh) nên hàm trên bất động; phía dưới, là quẻ Chấn (là Động) nên hàm dưới máy động (Thượng chi, Hạ động 上止, 下動).

Cái *chỗ “trống không”* của quẻ Di, là tượng cái *bao tử*; ăn uống gì cũng do Miệng mà đưa vào bao tử, và nhút là khi *luyện nội công*, có công phu “nuốt khí” vào *Đan điền* là *quan trọng nhất*: cũng do “miệng” hút khí và nuốt khí (Thanh long công, hít khí bằng miệng, và nuốt khí vào đan điền).

Từ đó, cả Ấn Độ và Trung Hoa, Dưỡng Sinh học mới có phép “*Tịnh tọa*”: *ngoài thì im lìm bất động* (quẻ Cấn, ở ngoại quái, thuộc về bên ngoài); còn bên trong là cả một sự động chuyển phi thường của “*nội túc*” tại *Đan điền*, đó là tượng quẻ Chấn ở nội quái! Ai đã từng tu phép “*nội túc*” sẽ hiểu rõ sức linh diệu của phép dưỡng sinh đặc biệt này.



Ba hào quẻ trên của Cấn là những món ăn tinh thần (như sách vở, báo chí, kinh, truyện dùng làm căn bản cho văn hóa, giáo dục); còn ba hào quẻ Chấn của nội quái, thuộc về món ăn cho thân xác, nói chung quẻ *Di*, là *những cách dưỡng Tâm và dưỡng Thân của loài người*: đó là *Văn Minh* (la Civilisation), là *Văn Hóa* (la Culture). *Thuật nấu ăn (art culinaire) là một hình thức văn hóa cao*.

Nhân sự quan trọng của các món ăn để di dưỡng Tâm Thân, một vấn đề khác rất liên quan, đến sự di dưỡng này, là việc *lựa chọn món ăn nào thích hợp*. Cho cả thân xác và tâm hồn! Sự ăn uống ảnh hưởng khá mạnh về tư tưởng và tình cảm của ta, nên Phật giáo có đề xướng đến sự liên quan giữa món ăn và việc tu hành, và xướng lên thuyết *món ăn cũng là món thuốc!* (xem quẻ Vô Vọng).

Một Bác sĩ người Nhật, tên là *OHSAWA* có phát minh một phương pháp ăn uống theo nguyên lý Âm Dương đã được thế giới công nhận và đang được bành trướng khá rộng (xin đọc quẻ Vô Vọng (số 25).). Ở quẻ Vô Vọng nói Đại Tượng, Dịch đề nghị “*đau, không cần dùng thuốc nhân tạo, hãy để cho sức đề kháng tự nhiên của cơ thể hoạt động cũng trị được*”.

Ngày nay Y Học Thái Tây, cũng đã có nhiều nhóm nghiên cứu yêu cầu *trở về với thuyết tự nhiên này*, mà Dịch đã đề xướng gần 5000 năm trước đây.

Đâu phải do sự ngẫu nhiên mà dân chúng có thói quen dùng đến yến tiệc trong các cuộc vui buồn chung như hôn nhon tang tế v.v... Ngoài những nghi lễ trang nghiêm long trọng, hạng người văn minh nhất cũng

tìm nơi đây một cơ hội để cùng nhau chia sẻ tâm sự hồn nhiên của mình.

Đầu tiên, những buổi ăn chung trong gia đình, người ta sẽ không còn thấy cô đơn... bởi ngoài những món ăn để bồi dưỡng sức khỏe vật chất, sự ăn chung trong gia đình gìn giữ cho con người thâm tình giữa những gì thân thiết nhất của ta.

Cái thói quen tụ họp nhau chung một buổi ăn, bắt nguồn từ một đòi hỏi có tính cách thiêng liêng thần thánh, vì nó đòi hỏi nơi ta một sự tế nhị... Người xưa chê những kẻ ăn mà không biết mùi (thực bất tri kỳ vị) là những kẻ còn “thô tục”, chỉ nhìn cái việc ăn uống có thể đánh giá được sự cao thấp về văn hóa. Cái vui về sự ăn ngon cần phải có được môi trường thuận tiện, nếu thiếu có sự cộng hưởng sẽ mất gần hết các thú của bữa ăn. Cho nên không có cơ hội nào hay bằng được cùng bạn yến ẩm: các bậc Cao sĩ lánh đòi vẫn lấy một bữa ăn thân mật với bạn làm việc thú nhất trên đời... Ngày xưa, bên Á Đông, nếu uống trà mà không có bạn trà, uống rượu mà không có bạn rượu... thì buổi uống buổi ăn như đã mất phần hứng thú của nó. Cũng như đọc sách mà chẳng gặp đặng tri âm tri kỷ thì đọc sách chỉ đọc nhảm... mà thôi. Tức là đọc sách cần gặp được người tri kỷ... như Tô Đông Pha mà đọc sách thích nhất là gặp được Lão Trang: “đắc nhất tri kỷ, khả dĩ bất hận”, là thế!

Trừ những bậc Thánh hay hạng người Cao sĩ lánh đòi đoạn tục, không gì đau đớn bằng ăn uống thui thủi một mình... “Bạn com rượu” “Bạn rượu thịt”, là chỗ thân thiết của thế nhơn – tự nhiên là như vậy! cũng như hạng cao nhơn gặp sách hay chẳng bao giờ chịu đọc một mình (đọc quẻ Đại Súc).

Thoán từ:

1. *Trinh kiết. Quan di, tự cầu khẩu thực.*

1. 貞吉。觀頤，自求口實。

Thoán Truyện:

2 / *Di, trinh kiết, duōng chánh, tǎc kiết dā.*

Quan Di, quan kỳ sở duōng dā; tự cầu khẩu thực;
quan kỳ tự duōng dā.

Thiên Địa duōng vạn vật dā.

Thánh Nhân duōng hiền, dī cáp vạn dân.

Di chi thời, đai hī tai!

2. 頤。貞。吉。養正則吉也。

觀頤，觀其所，養也，自求口實，觀其自養也。天地養萬物。聖人養賢，以及萬民。

頤之時，大矣哉。

*
* *

1) *Di, trinh, kiết.*

Quan di, tự cầu khẩu thực.

2) “*Di, trinh, kiết*”, là nói chung về tất cả mọi cách *di duōng*. Nhưng có 2 cách nuôi, nuôi theo lẽ Chánh (*Duōng Chánh*) thì tốt. “*Di trinh kiết, duōng chánh tǎc kiết dā*”.

Sao gọi là Chánh? là Bất Chánh?

“Chánh” có 2 nghĩa:

1/ Là “*chánh đương 正富*” là “thích đương” với Thời.

(Học Dịch phải thật hiểu rõ chữ Thời để hành động cho được “đắc kỳ trung”)

2/ Chánh cũng có nghĩa là *Tự Nhiên*.

Bởi vậy các món ăn, bất cứ thuộc loại nào, vật chất hay tinh thần, đều phải được *thích ứng* với hoàn cảnh và hợp với tự nhiên. Chủ trương này của Dịch, hiện nay đã được các nước tiên tiến nhất chấp nhận và đang được bành trướng mạnh mẽ, nhất là theo phép Tân Dưỡng Sinh của Bác sĩ Nhật Ohsawa.

*
* *

Trời Đất, nhờ ở đức Nguyên của Kiền mà sinh ra vạn vật (Thiên địa dưỡng vạn vật), bậc Thánh nhơn cũng do nhìn theo đó mà lo nuôi dưỡng những bậc hiền tài, hầu về sau này các bậc hiền tài đó thay mặt Thánh nhơn mà chăm lo săn sóc thiên hạ. Các bậc hiền tài được Thánh nhơn truyền Đạo, sẽ lo giáo dục và nuôi dưỡng tinh thần thiên hạ bằng các tác phẩm của họ lưu lại cho đời từ lâu trên khắp thế giới (*thánh nhơn dưỡng hiền dĩ cập vạn dân* 聖人養賢，以及萬民。)

Những quyển sách cổ như *Dịch Kinh* và các quyển sách khác do Dịch tạo ra... đã được phổ cập đến “vạn dân” công đức thật là vô lượng! “Dưỡng hiền” là nuôi dưỡng tinh thần để chúng nhơn có thể thành được bậc hiền, là một công việc to lớn làm sao!

*
* *

Nhìn lối “sở dưỡng” và “tự dưỡng” của mỗi người, ta biết được người ấy là hạng người nào. Như Mạnh Tử đã nói: Nếu muốn biết người nào đó là người cao thượng hay không, chỉ nhìn cái lối *tự nuôi dưỡng* họ thì biết: có lối xem trọng thân thể lớn (đại thể) của họ, hay là xem trọng phần hạ tiện (tiểu thể) của họ. “*Dưỡng kỳ đại thể vi đại nhơn; dưỡng kỳ tiểu thể vi tiểu nhơn* 養其大，體為大人，養其小體為小人”. Con người chỉ có 2 phần quan trọng: *Tinh thần là đại thể; vật chất là tiểu thể*. Lo nuôi dưỡng phần tinh thần là bậc đại nhơn, lo nuôi dưỡng phần vật chất là hạng tiểu nhơn. Lấy *đạo nghĩa* mà nuôi dưỡng là nuôi phần tâm hồn, còn lấy *chỗ bắt nghĩa* bắt chánh mà nuôi mình là mình thuộc về hạng tiểu nhơn. Ôi! chỉ nhìn xem lối sở dưỡng và tự dưỡng của người mà có tiểu nhơn có quân tử, thì *đạo Di quan trọng* biết chừng nào! Nếu phải đi làm đạo tặc để nuôi thân, làm gian ác để mà nuôi thân, làm thân trâu ngựa để nuôi thân... té ra chỉ vì một sự nuôi mà cái chỗ “sở dưỡng” lại bất chánh, thì ra làm hủy hoại hết cái Thiên lương trời phú cho, đó là “*Di bất trinh*”! là hung triệu rồi đó![1]

-
1. Đọc bài “Qui khứ lai từ” của Đào Tiềm, trong quyển “Cái Cười của Thánh Nhơn”, trang 287 – 293.

Đào Tiềm, còn có tên là Uyên Minh, có một cuộc đời đặc biệt, có thể chia làm 3 thời kỳ:

1/ *Từ nhỏ đến khoảng 30 tuổi*: có hùng tâm, tráng chí, muốn ra giúp đời, cứu nước (theo Khổng Minh).

2/ *Từ 30 đến 40 tuổi*: vì nghèo ra làm quan, nhưng vì tánh tình cao khiết, không chịu luồn cúi, nên không nhận chức nào cao, mà cũng không ở chức nào lâu.

Mới đầu (29 tuổi) làm chức Tế tửu ở Giang Châu, nhưng rồi không bao lâu, xin về cày ruộng.

Hồi 35 tuổi, lại ra làm chức quan, không bao lâu, lại cũng xin về hưu.

Đại Tượng

Son hạ hữu Lôi, Di.

*Quân tử dĩ thận ngôn ngữ,
tiết ẩm thực.*

山下有雷，頤。
君子以慎言語，
節飲食。

Dưới núi, có sấm, là quẻ Di. Quân tử theo đó, mà *cẩn thận* lời nói và biết *tiết chế* sự ăn uống!

Đó là muôn nói, *hãy lấy cái Tịnh* (núi) mà *nuôi dưỡng* *cái Động* (lời nói phát xuất ra ngoài) đó là tượng quẻ Cấn trên quẻ Lôi, *lấy cái Tâm Hu* (tịnh cực) mà *đối phó* với các cuộc biến động như sấm sét bên ngoài, tức là “*dĩ bất biến* (Cấn) ứng vạn biến (Chấn)”, “*dĩ hu vô chi tâm* *nhi ứng vạn biến chi sự* 以虛無之心而應萬變之事”. Nhà Phật cũng bảo: *dĩ “Tịnh tọa nhi ứng vạn biến* *nư lôi” có lẽ cũng thể theo quẻ Son Lôi Di này!*

Đây, là cái Tánh *Điềm Đạm Hu* Vô của bậc Thánh nhơn trước mọi động biến của cuộc đời! *một đức lớn nhất* của bậc Thánh nhơn đắc Đạo. Cái động bên ngoài, dễ tri hơn cái động bên trong, là cái động của lòng tham danh của mình.

3/ *Lần thứ ba*, làm chức Tham quân, đổi qua làm Huyện lệnh ở Bành Trạch. Nhân trên quận sai viên Đốc bưu (một chức “lại” nhỏ đi thâu thuế) đến huyện, nha lại trình với ông phải đeo đai ấn ra đón! Ông than: “Ta có thể nào, vì 5 đấu gạo (lương huyện lệnh hồi đó) mà phải khom lưng ư?”. Ông liền trả áo mão cho triều đình, bỏ về vườn, viết bài “Qui khứ lai từ” để lại. Từ đó về sau, ông luôn luôn từ chối mấy lần được vời! Đó, là “*Di bất trinh*”, “*làm thân trâu ngựa*” mà *nuôi thân*, không thèm.

“Thận ngôn ngữ, tiết ẩm thực”, là nguyên tắc căn bản của thuật dưỡng sinh.

Lời nói (tương quẻ nội Chấn), thì thường dễ bị lôi cuốn, vì tự cao mà người ham nói mới thỏa mãn được lòng tự cao tự đại của mình!

Phép dưỡng sinh huyền bí của Trung Hoa hay Ấn Độ bao giờ cũng lấy sự *Tịnh Khẩu* làm phương pháp để giữ được *Tịnh Tâm*. Trong lúc họ “cấm khẩu” họ không bị một lực lượng nào bắt buộc họ phải nói trái với ý nghĩ của họ, mà vì chữ Lẽ bắt buộc họ không nên nói gì đau lòng kẻ khác! Cho nên Lão Tử mới nói: “*Lẽ giả trung tín chi bạc, nhi loạn chi thủ*” 夫禮者忠信之薄, 而亂之首。(*Lẽ*, là cái vỏ mỏng của lòng Trung Tín, và là cái đầu mối của hỗn loạn). *Lẽ*, phải chăng là một thứ nước sơn giả dối nhất trong đạo xử thế của Nho gia: thuật nói láo cho vui lòng người, đồng thời làm nhẹ nhân phẩm của mình... Có “sợ” mới có “nói dối”! *Dám nói thật, bất cứ đúng trước hoàn cảnh nào, đó là dũng khí của bậc Thánh nhon!*

Tóm lại, sự “cấm khẩu” của các bậc Thánh nhân là một phương pháp giúp họ không được nói dối với lòng mình để giữ Lẽ đối với kẻ khác (chỉ mong có một điều, là được nghe lời mình ca tụng họ mà thôi!).

Muốn tập tành “ăn ngay nói thật”, cần phải khởi ngay lúc con người còn đang còn thơ ấu! Tập cho chúng biết sùng bái sự ngay thẳng cương trực, và biết khinh bỉ sự dối trá dưa bợ!

Mỗi một khi ta nói dối, tinh thần ta bị giảm khá nhiều dũng khí... Càng nói dối chừng nào, thì cái dũng khí của mình càng bị suy nhược chừng ấy! Cho nên, những kẻ ham nói dối là những con người khiếp nhược

nhất! Mỗi khi ta nói dối, là mỗi khi ta “nuôi dưỡng” (頤 di) tính hèn nhát tiểu nhon của ta.

Trong “Ngũ giới” của Nhà Phật tiểu thừa, cũng lấy sự “Cấm vọng ngũ” làm đầu não cho các sự cấm kỵ khác. Phải chăng đó là bước đầu tiên để có thể đi sâu vào tinh thần độc đáo của Phật, là Đại Hùng, Đại Lực của Thích Ca?

Nếu không phải vì sợ uy thế hình phạt, hay vì muốn ăn mày ăn xin tình yêu của kẻ khác; hoặc nếu chẳng phải vì muốn “ngọt mật chết ruồi” một thứ ám khí để dụ dỗ người vào cạm bẫy của tình thương, nhất định không còn có cái gì khác bắt ta phải nói dối, lại còn lấy đó làm khuôn thúc để khen tặng là người “văn minh”, “có giáo dục” tốt! đánh lừa cá mình và thiên hạ.

Đó, là “thận ngôn ngũ”

Còn “tiết ẩm thực”!

Lời nói, là cái “động”, từ trong ra ngoài, còn sự ăn uống (ẩm thực) là từ ngoài đi vào trong. Cả hai động tác đều phải giữ sự “tiết chế” cho đúng với sự Chánh Trung. Lời nói có chừng mực (thận ngôn ngũ), còn ăn uống cũng phải có chừng mực. “Có chừng mực” là biết “tự tri”, “tự thăng” biểu hiệu của hàng Thánh Nhân: “Tri nhon, giả Trí, tự tri giả Minh; thăng nhon giả hữu lực, tự thăng giả cường”. (Chương thứ 33, Đạo Đức Kinh)

Đó, là đặc tính của Thánh nhon!

“Thận ngôn ngũ, tiết ẩm thực”, là việc cần thiết nhất trong đạo Dưỡng sinh: (*Di chi đạo 頤之道*).

Nói về Đạo, Thánh nhon cũng rất thận trọng về lời nói, vì còn sợ lỡ mà nói ra những lời nói về nhị nguyên mà làm loạn thiên hạ? (*Hoa tùng khẩu xuất, bệnh tùng*

khẩu nhập 禍從口出, 痘從口入。). “*Họa*” đây, là *cái họa* của lý luận Nhị Nguyên. Bởi vậy Lão Tử mới khuyên: “*Tri giả bất ngôn; ngôn giả bất tri* 知者不言, 言者不知。”

Còn Phật Tổ Như Lai, sau 49 năm ròng rã thuyết pháp lại tuyên bố: “*Từ xưa đến nay, ta chưa từng nói một lời nào!*”. Đó là lời nói để răn đe.

Cả hai, Lão và Phật, đều đã quá thận trọng về vấn đề Ngôn Ngữ! Đến bao giờ nói gì cả, thì may ra mới khôi bị sai lầm và gieo rắc sự sai lầm!

Một chữ “tiết” là cái hồn của quẻ “*Di*” vậy.

Tiểu Tượng

Sơ Cửu: Xá nhī linh quy; quan ngā đóa Di Hung[1]
初九：舍爾靈龜，觀我朵頤凶。

Tượng viết: Quan ngā đóa Di, diệc bất túc quí dā.
象曰：觀我朵頤，亦不足貴也。

*
* *

Con *linh quy*, là một thứ vật không cần ăn mà sống, chỉ *nuốt khí* là *đủ sống*, tượng một người, đối với bản tính và địa vị của mình, được sống tự do và độc lập,

1. 舍 *Xá*, là bỏ; *linh quy* là con rùa thiêng; “*đóa 朵*”, là rủ xuống; “*di 頤*”, là cái cầm, cái mép. Linh quy, con rùa thiêng, một giống vật, không ăn, chỉ *nuốt khí* mà sống nên đạo gia có phép luyện hơi thở chỉ hoạt động nơi đan điền, gọi là “*quy túc*”.

chữ “*đóa 朵*” là tượng người thấy đồ ăn thì thèm đến nhiều dãi).

không cần đến ai khác cả. Vậy mà, nó lại từ khước cái ân huệ đặc biệt ấy của Tạo hóa ban riêng cho nó, để đi thèm ngó kẻ khác mà nó cho là được nhiều ân huệ của Tạo hóa ban cho, hơn nó!

Hào Sơ Cửu, là hào dương cương đắc chánh (dương cư dương vị), *lẽ ra* phải có đủ sức thông minh để lo công việc *tự dưỡng* như con linh quy kia biết *tự nuốt khí* mà sống; ai dè Sơ Cửu này lại đậm ra mê muội nhìn lên trên hào chính ứng của mình là hào Lục Tú tỏ ý thèm muốn như người thèm ăn đến nhều dãi (*đóa là* thèm, *nhìn kẻ* khác *ăn mà* nhều dãi).

Thánh nhơn, vì thế, mới thác lời cho Lục Tú khuyên ngăn Sơ rằng: “Anh đừng có quên mà bỏ mất chỗ linh thiêng của anh (*xā nhī linh qui* 舍爾靈龜 “*nhī*”, là anh), *cứ nhìn tôi* mà *thèm thường* (*quan ngā đóa di* 觀我采頤) như vậy là *xấu!* (*hung*). Anh sao lại bỏ phần dương cương của anh (tức là phần tinh thần), để lo nghĩ về phần vật chất (tú, thuộc hào âm) của tôi? Đó không phải là vật quý đâu! (*quan ngā đóa di, diệc bất túc quý dā*).

Ở đây, tuy là lời của Tú khuyên Sơ, mà thực sự cũng là lời khuyên cho những ai đi cầu Phật bên ngoài, mà quên Phật trong tâm của mình. Điểm linh thiêng của linh quy chính là cái mà Nhà Phật gọi là *Phật tánh*.

Phật tánh! Lão Trang gọi là “*Thiên Chân*”.

Trong quyển “*Lục Môn Thiếu Thất*” (sáu cửa vào động Thiếu Thất) của Bồ Đề Đạt Ma (sơ tổ của Thiền Tông Đông độ) có câu:

“*Tâm, tức Phật*.

“*Phật, tức Tâm*.

“Ngoài Tâm, không Phật

“Ngoài Phật, không Tâm.

Nếu biết Tâm mình là Phật, ắt chẳng nên tìm Phật ngoài Tâm.

Kẻ nào tìm Phật ở ngoài Tâm, kẻ ấy hoàn toàn chẳng biết Tâm mình là Phật.

*
* *

Ngạn ngữ có câu: “*Ẩm thực chi nhơn, tắc nhơn tiễn* 飲食之人，則人賤。” (Kẻ mê ăn mê uống, là kẻ hạ tiện).

Ta thấy giá trị rất cao của chữ “tiết”, là *tiết chế*. Mê ăn mê uống là tham dục của tiểu nhơn. Cho nên có thể nói “tiết thực” là “tiết dục”, và ăn uống cần nhất là có *điều độ* và *thanh đạm*, tiêu chuẩn để có thể phân biệt kẻ tiểu nhân với người quân tử![1]

Lục Nhị: ĐIÊN DI, PHẤT KINH, VŨ KHƯU DI, CHINH HUNG.

六二：顛頽，拂經，于丘頤，征凶。

Lục Nhị: CHINH HUNG, HÀNH THẤT LOẠI DÃ.

六二，征凶，行失類也。

Theo lệ, mỗi người phải lo tự dưỡng, nếu vì quá bạo nhược tinh thần đến đỗi làm một tên ăn mày đi cầu kẻ

1. Đánh giá con người, cổ nhơn lấy đạo Di làm căn bản: “*Thận ngôn ngữ, tiết ẩm thực*”.

“*Di chí thời, đại hĩ tai!*”

Thật đáo để!

khác nuôi dưỡng mình, thì tự mình đã bán đứng quyền sống tự do của mình và đã biến thành một tên nô lệ.

Trong những chế độ độc tài mà tất cả việc gì, từ sự nuôi dưỡng vật chất đến tinh thần đều tháo khoán hoàn toàn cho chánh quyền thì nhân dân trong chế độ đó chỉ còn là một bầy nô lệ mất cả nhân quyền nhân phẩm.

Lục Nhị, là hào âm nhu, không tài “tự dưỡng”, nên phải nhờ đến hai hào Dương là hào Sơ Cửu và Thượng Cửu lo cho.

Nhị cầu Sơ, đó là trên đi cầu dưới, rất sai lầm thường rồi! Lẽ thường thì cha mẹ nuôi con, chứ có bao giờ con phải nuôi cha mẹ. Mẹ cho con bú, mấy đời mà mẹ lại đi bú con? Cho nên mới nói: “*Điên Di phật kinh*” 頽頤拂經 nghĩa có lẽ nào lại có sự đảo điên ngang trái sai với lẽ thường?[1] (Theo Đạo Trời, thì việc cha mẹ nuôi con, là lẽ thường, là bốn phận bắt buộc; còn con mà nuôi cha mẹ, là vì tình nghĩa, không còn phải là bốn phận). Theo Nho đạo, thì Ân phải đền; nghĩa phải trả; nhưng đối với Đạo của Trời, không còn phải vậy..., bởi bất cứ một cái Ân nào, khi ban Ân, là cho ra, chứ không đòi hỏi phải trả.

Tình Cha Mẹ đối với con, là mối tình thiêng liêng nhất, không có việc như trao đổi bán buôn.

Một cái Ân thi thoả ra mà còn nghĩ đến việc trả ân... đó là mất Ân rồi! Đừng bao giờ đem những gì có tánh cách thiêng liêng như “*Trời che Đất chờ*”, mà làm thành một cuộc buôn may bán đắt! Bởi vậy, người xưa thường bảo: “*Thi ân bất cầu báo*”. *Làm ân mà kề ân, là mất ân!*

1. “*Điên*”, là điên đảo; “*Phật*”, là sự ngang trái; “*Kinh*” là lẽ thường.

*
* *

Như trên đã trình bày: Nhân cách cao quý nhất của con người là biết lo “*tự dưỡng*”, “*tự lực cánh sinh*”, “*tự tu tự ngộ*”, tức là khả năng độc lập của những cá nhân tự do.

Trái lại, nếu mình không súc tự dưỡng lại đi cầu sự nuôi dưỡng noi kề dưới, thì còn gì là quý; mà cầu noi kề trên thì lại càng làm mất nhân phẩm của mình thêm. Trừ ở những chế độ độc tài bắt buộc dân chúng phải giao tất cả quyền sống cho một người hay một thiểu số cầm quyền.

Lục Tam: Phật di, trinh hung.

Thập niên vật dụng, vô du lợi.

六三：拂頤，貞凶，十年勿用，無攸利。

Tương: Thập niên vật dụng, đao đai bội dã.

象曰：十年勿用，道大悖也。

Hào Lục Tam, là chất Âm nhu, bất trung bất chánh, lại ở cuối quẻ Nội Chấn, tức là *cực động*.

Đã là Âm nhu bất trung bất chánh, lại háo động (vì ở nội Chấn là động cực) nên Tam không chịu an phận, thấy đâu có ăn, thì nhào càn vô để mà “ăn cỏ”, rất xấu xa, trái với chánh đạo của Di, nên hào từ mới xấu như thế (phật di, trinh hung).

Kết quả chẳng những “hung”, mà còn bị thêm “*đại bội*”, nghĩa là hết sức trái ngược!

(Số 10 (thập) đây, không có nghĩa là 10 năm, chỉ là

con số cuối cùng của một chu kỳ là 10 năm. Đó là muốn nói “suốt đời” bị toàn là hung sự).

Lục Tứ: Diên di, kiết. Hổ thị đam đam,
kỳ dục trực trực, vô cựu.

六四：顛頽，吉，虎視眈眈，
 其欲逐逐無咎。

Tượng: Diên di chi kiết, thượng thi quang dã.
 象曰：顛頽之吉，上施光也。

Hào Lục Tứ, khác xa *hào Lục Nhị*, mặc dù *Lục Nhị* có chữ “diên di”, mà *Lục Tứ* cũng có “diên di”. Tại sao? Bởi *Nhị* thuộc về phần *khẩu phúc*, *Nhị* cầu *Sơ*, là thuộc về phần vật chất, còn *Tứ* cầu *Sơ* là cầu dưỡng nuôi cho phần đạo đức tinh thần.

Lục Tứ, tuy bản chất Âm Nhu, nhưng chỗ xử sự thì đắc chánh, là người tốt lại còn được tín nhiệm của *hào Lục Ngũ*.

Tứ ứng với *Sơ*, là tự hạ cầu dưỡng ở *Sơ*. *Sơ* giúp cho *Tứ* thành công nên kết quả được tốt (kiết). *Tứ*, ở địa vị đại thần cận quân vương (gần như là bậc quân vương) mà đi cầu kẻ dưới là *Sơ*... Nhưng lại e rằng lòng *Tứ* lo nghĩ quẩn quơ mà thay đổi ý thì uổng, vì *Sơ* có *thực tài* (nhất dương ở quê Chấn), tượng một con linh quy nên *hào* từ khuyên *Tứ* chớ mòn lòng, phải hết sức chí tâm như “hổ rình mồi”...

Câu chuyện *Tứ* đi cầu *Sơ*, điển hình là vua Thành Thang đi cầu Y Doãn!

Lục Ngũ: Phật kinh, cư trinh, kiết;
bát khả thiệp đại xuyễn.

六五：拂經，居貞，吉，不可涉大川。

Tượng viết: Cư trinh chi kiết, thuận dĩ tùng thương dã.

象曰：居貞之吉，順以從上也。

Theo lẽ thường, thì ở thời Di, Lục Ngũ phải lo nuôi dưỡng thiên hạ, nhưng vì mình là âm nhu cho nên tài không đủ để nuôi được thiên hạ, phải dựa vào hào Thương Cửu. Dương cương, nhờ người ấy nuôi mình để có thể giúp thiên hạ.

Hào Thương Cửu là ngôi vị của bậc Sư phó (Thầy của Vua).

Là hào Âm nhu, nhưng vì ở hào Chí tôn nên phải có phận sự nuôi dưỡng nhân dân, vậy mà lại nhờ kẻ khác, phải chăng là trái với lẽ thường (*phật kinh*). Nhờ biết tôn đức cầu hiền, vẫn còn là đạo lý đương nhiên (*cư trinh*) và phải hết lòng tin tưởng mới được!

Ở vào buổi gian nguy, chớ tự mình đi vào nơi hiểm nguy (bất lợi thiệp đai xuyên).

Lời Tượng bảo thêm: “*Cư trinh kiết, thuận dĩ tùng thương dã*” muốn được việc, thì hãy biết nhất nhất thuận tùng hào Thương Cửu.

Thượng Cửu: Do Di, lê, kiết, lợi thiệp đai xuyên.

上九：由頤，厲，吉，利涉大川。

Tượng viết: Do Di lê kiết, đai hữu khánh dã.

象曰：由頤厲吉，大有慶也。

Thượng Cửu ở trên chót vót quẻ Di, chính là *bậc Thầy của vị Nguyên thủ*, mà vị nguyên thủ phải một lòng tôn trọng: đó là *Thượng Cửu đem cả Tài Đức*

mình, và cả *thân mạng* mình mà nuôi dưỡng cả *thiên hạ* về 2 mặt kinh tế và văn hóa.

Là một Thánh Nhân thời Di, trách nhiệm vô cùng to lớn, đâu có thể ngồi khỏe ăn ngon mà làm xong được đâu.

Bởi vậy, có lời răn: “Lệ 厲”, nghĩa là phải biết “lo lắng sợ hãi” từng giờ, phải *thật ý thức sứ mạng quá trọng đại của mình*. Chẳng những Lục Ngũ được nhờ, mà cả thiên hạ đều được được nhờ, thì *phúc khánh* to lớn biết chừng nào mà kể!

*
* *

Trong 6 hào, 3 hào dưới thuộc về quẻ Chấn, nhờ người nuôi dưỡng giúp mình, nên xấu. Còn 3 hào trên có trách nhiệm nuôi người, nên tốt.

Tâm sự của bậc Thánh nhân, là “*dī bách tánh tâm vi tâm*”, lấy điêu họa phúc của thiên hạ làm cái họa phúc của mình; luôn luôn, nếu thiên hạ có việc lo, thì mình phải lo trước; nếu thiên hạ có sự vui, thì mình vui sau thiên hạ (tiên ưu nhi hậu lạc 先憂而後樂).

28. TRẠCH PHONG ĐẠI QUÁ

澤風大過



“Đại giả, quá dã”

“Quá giả, Họa dã”

Đại quá giả, đại họa dã

大者，過也。

過者，禍也。

大過者，大禍者。

Lớn quá, là thái quá. Mà thái quá, dễ sinh ra họa, hay nói cách khác: *Quá, là Họa; Đại Quá, là Đại Họa*.

Quẻ có 4 hào Dương ở giữa; 2 hào Âm bọc ngoài. Bọc âm yếu quá, dương bên trong quá mạnh, thế là *sẽ có nổ to*, như *quá bom nguyên tử*. Nếu bên ngoài mạnh, bên trong yếu, không có chuyện gì xảy ra nguy hiểm. Lớn sự! Phải sửa, không thì nguy! *Đây, là quẻ nghịch lại với quẻ “Di”* (4 âm bên trong, 2 dương bao ngoài).

Tượng quẻ giống hình *cây cột chính* (*cây đà nhà*) phía giữa thì dày nặng còn 2 đầu mỏng quá, e không chịu nổi sức nặng của nóc nhà... *không thể chịu đựng lâu được, phải lo sửa lại, bằng không thì nguy!* Đại để,

đây là một thời đại sự, cần phải có những bậc vĩ nhân mới mong gánh nổi đại sự, đâu còn phải là những việc tầm thường! Đại Quá, là việc tày trời!

Đại Quá ở sau quê Sơn Lôi Di 山雷頤 là cùng một thứ quê “bất dịch”.

Như đã thấy: Quê Di, là phép di dưỡng, là thuật dưỡng sinh, theo thể quê, phải dùng đến phép “thực hiện Tâm Hu” (hư kỳ Tâm, thực kỳ Phúc) như hình vẽ 4 hào âm bên trong, tượng “Hu Vô chi Tâm”... đó là mật nhiệm của thuật dưỡng sinh: “Trường sinh chi thuật, viết Hu Vô” 長生之術, 曰虛無, đã được Nội Kinh đề cập qua câu tú tuyệt này:

*Điêm đạm Hu Vô,
Chân khí tùng chi.
Tinh thần nội thủ.
Bịnh an tùng lai.*

*
* *

Quê Đại Quá để liền sau quê Sơn Lôi Di, rất có ý nghĩa vô cùng thâm diệu.

Các công việc thuộc về Đại Sự chỉ có những bậc *đại thánh nhân*, tức là những bậc phi thường mới làm nổi những công việc phi thường! Trái lại, những kẻ tầm thường thiếu cả Tài lắn Đức của Thánh nhân, chỉ tổ đem thiên hạ vào những kiếp vận đau thương như lịch sử Đông Tây từ xưa đến nay đã minh chứng! Trước khi khởi công làm một việc gì to tát, bậc phi thường hay rút vào bóng tối, những nơi thật lặng lẽ, lo *hàm dưỡng* *hao khí* rồi mới ra mặt hành sự, chứ không bao giờ hấp

tấp vội vàng như bọn tiểu nhọn nông nỗi! Một văn hào Pháp có viết: “*Con ong hút nhụy hoa ngoài ánh sáng, nhưng làm việc trong bóng tối âm thầm*” (*Les abeilles butinent dans la Lumière, mais elles ne travaillent que dans le silence et l’Obscurité*). Những tác phẩm vĩ đại thường được thực hiện trong sự âm thầm lặng lẽ. Phải chăng là tượng của quẻ Sơn Lôi Di bước sang quẻ Trạch Phong Đại Quá?

Thoán từ:

Đại Quá, đống nạo, lợi hữu du vãng, hanh.

彖 曰：大 過， 棟 橋， 利 有 攸 往， 亨。

Tượng viết: Đại Quá, Đại giả Quá dã.

象 曰：大 過， 大 者 過 也。

Đống nạo, bốn mạt nhược dã.

棟 橋， 本 末 弱 也。

Cương quá nhi trung, tốn nhi duyệt hành,

剛 過 而 中， 異 而 說 行。

Lợi hữu du vãng, nãi hanh.

利 有 攸 往， 乃 亨。

Đại quá chi thời, đại hĩ tai!

大 過 之 時， 大 矣 哉。

Quẻ Đại Quá, gồm 4 hào dương ở giữa, hai hào âm hai đầu, tượng một cây đà (*đống nạo* 棟 橋), phía giữa thì dày cứng (*trung cương* 中 剛); còn phía đầu và phía gốc (tức là 2 đầu cây đà) lại quá mong manh (*bốn mạt, nhược* 本 末 弱).

Đống 棟, là cây đà; *Nạo* 橋, là èo uột, cong queo; “*đống nạo*” là cây đà cong queo, không được ngay thẳng, hai đầu rất mỏng.

Câu trên đây, có hai nghĩa:

1/ Lấy riêng nghĩa 2 chữ “*trung cuong*” 中 剛 là để ám chỉ thời của người quân tử; bởi Âm nhược Dương cường, nên “*lợi huu du vang*” 利 有 往 往.

2/ Nhưng “*trung cường*” mà “bốn, mạt, nhược”, gốc và ngọn yếu, e không sao gánh nổi hay đỡ nổi nóc nhà (tức là đâm đương nổi đại sự!).

*
* *

Giải rộng hơn Lời Thoán, thì hai hào chánh trung của Nội Tốn, Ngoại Đoài đều là dương cường mà là dương cường cực thịnh (bởi 2 hào đều được đắc Trung cả), gọi là “*Cuong qua nhi trung*” 剛 過 而 中”. Tức là 2 hào Nhị và Ngũ “Cường quá nhị trung” nghĩa là có Trung mà lại mất Trung, hay nói cách khác “có tài” mà “thiếu đức”!

Theo thể quái: Hạ Tốn (là thuận); thượng Đoài là duyệt (vui vẻ), cả 2 nhị ngũ mà cùng vui vẻ hòa thuận mà làm việc đại sự thì sao không thành công? Nên mới nói “*lợi huu du vang, nai hanh*”, thời đại quá mà thành công thật là đại kỳ sự vậy! (đại hỉ tai!).

Nhưng chỉ đại tài thôi, nếu còn thiếu đức, thì coi chừng “*bốn mạt nhược da*” 本 末 弱 也”, sự thành công đâu có lâu dài!

Lịch sử cả Đông lẫn Tây, đều đã chứng minh rõ ràng luật “Đóng nạo” này của Kinh Dịch. Ta thử tỉ dụ ở Âu và Á: về trường hợp đại cách mạng nước Pháp (1789) với *Nã Phá Luân Đệ nhất* (Napoléon 1er), *Đại đế Alexandre* (Alexandre le Grand) và *Tần Thủy Hoàng đế*... nay là Hitler.

Những tay “chọc trời khuấy nước” này, phải nhìn nhận là những kẻ “phi thường” và đã làm nhiều điều “đại sự”, nhưng “hữu Tài vô Đức”, họ đã để lại những gì? Những đau thương thống khổ và thất bại nǎo nè! Đó, toàn là những tay “đống nạo”! của Đại Quá vậy.

Đại Tượng

Trach diệt Mộc: Đại quá.

澤滅木，大過。

Quân tử dĩ độc lập bất cụ: độn thế vô muộn.

君子以獨立不懼，遯世無悶。

Nước hồ (đầm) ngập đến ngọn cây, là Đại Quá. Người quân tử theo đó mà đứng một mình không biết sợ, lánh đời cũng không buồn như cội cây, không lay động.

Đó là thái độ “điềm đạm” của bậc Thánh nhon trước mọi biến cố nguy hiểm đến bực nào![1] Đó là “độc lập tinh thần” hay “tinh thần nội thủ” thì sẽ không có tai họa gì đến với mình được cả! Mà dù tai họa có đến, có sao đâu, vì Sống hay Chết, đối với bậc Thánh nhon “điềm đạm” thì có nghĩa lý gì phải hoảng hốt!

Dám đứng một mình, không chạy hoảng theo ai cả;
dù có ai không hiểu mình, mà phải sống “cô độc” hay “cô đơn” cũng chẳng có gì phải buồn!

Hoàn cảnh bị ngập lụt, là muốn nói về bất cứ hoàn cảnh nguy hiểm nào, hãy như cội cây đứng vững gốc, chờ nước rút!

Ở vào thời đại quá (hay đại loạn) hãy giữ vững tinh

1. Xem quyển “Cái Dũng của Thánh Nhân” để hiểu rõ thái độ “độc lập bất cụ” và “độn thế vô muộn” của Thánh nhân gấp nạn!

thần điềm tĩnh như người thuyền trưởng đứng vững một mình một chỗ, lo cách cứu kẻ khác, và chờ đợi cái chết, nếu có! mà không biến sắc! phải biết “*dī bắt biến*”, “*ứng vạn biến*”, nghĩa là phải biết “*dī Hu Vô chi tâm, nhi ứng vạn biến chi sự*”.

Trên đây, là “*tương*” nói bóng để gợi ý, chứ không phải bảo người ta phải như cội cây không lay động! “*Cội cây không lay động*” là *đứng hốt hoảng, vội vàng... bình tĩnh xem thời cuộc để đối phó*. Phải hiểu như vậy, thì mới có thể đọc Dịch và hiểu Dịch, vì Dịch là bất đắc dĩ phải dùng đến văn từ, nên phải biết dùng “máy” trong danh từ, là vì nói về đạo Biến như Kinh Dịch, lẽ ra phải nói như Lão Tử: “*Tri giá bất ngôn!*” còn đọc Kinh, phải đọc “*Kinh vô tự*”! Bởi vậy Thiền chủ truong: “*Bất lập văn tự*” rất đúng!

Tiểu Tượng

Sơ Lục: *Tạ dụng, bạch mao, vô cựu.*

初六：藉用白茅，無咎。

Tượng viết: *Tạ dụng bạch mao, nhu tại hạ dã.*

象曰：藉用白茅，柔在下也。

Sáu hào trong quẻ, đại diện cho những người ở vào sáu thời của Đại Quá.

Đành rằng, ở thời Đại Quá có nhiều biến cố lớn xảy ra, ai là người thấy quốc gia hữu sự mà chẳng muốn ra gánh vác không nhiều cũng ít với thiên hạ? Nhưng, sơ lục đây là *âm nhu, bất chánh* (âm cư dương vị), còn xử sự thì ở cấp nhỏ bé nhất và vô vị, nếu miến cưỡng

mà lãnh một công việc lớn nào, làm sao mà không hư hỏng được!

Dịch Hé từ hạ có nói: “*Đức bạc nhi vị tôn, trí tiểu nhi mưu đại, lực tiểu nhi nhiệm trọng, tiễn bất cập hỉ!*” (Đức mỏng mà ngôi cao, trí nhỏ mà lo làm việc lớn, sức nhỏ mà gánh vác việc nặng, ít khi thành công vậy, nếu không nói là bị tai họa!)

Thánh nhân răn Sơ rằng: nếu Sơ mà muốn làm việc lớn, hãy cẩn thận, dè dặt... như khi mình muốn để một vật nặng gì trên mặt đất, trước hết nên trải lên mặt đất một lớp cỏ tranh trắng (*bạch mao*) để cho món đồ đứng động mạnh trên đất mà bị nứt mẻ (*Tạ*, là lót). Được vậy thì không có gì hối lỗi.

Bất cứ việc gì, lớn nhỏ gì cũng vậy, hãy cẩn thận và làm một cách nhẹ nhàng êm dịu! (*nhu tại hạ dã 柔在下也*)

Cửu Nhị: Khô dương sinh đê,
lão phu đắc kỳ nữ thê, vô bất lợi.

九二：枯楊生梯，老夫得其女妻，無不利。

Cửu Nhị, dương cường đắc trung đắc chánh, nên có cái tài xử dụng nhu thuật bởi dương mà nằm trên nhu.

Ở thời đại quá, nếu cương trên cương sẽ thành quá cương, mà quá cương thì phải gãy (thái cương tắc chiết). Duy có hào Nhị là cương cận Sơ âm nên được âm dương tương hợp, cương nhu tương tế, lại cư âm vị nên khỏi cái nạn quá cương, khác nào cành dương tuy đã khô lại sinh rễ mới! 枯楊生梯.

Rễ mới nở thêm ở dưới, thì cành lá cũng được thịnh vuông bên trên.

*
* *

Lại còn một tượng nữa: Cửu Nhị là cương hào, được kết hợp với Sơ nhu có khác nào người trai đã lớn mà cưới được một cô vợ rất trẻ.

Phàm Cô dương thì không làm sao sinh được, nay là lão phu mà đặc “nữ thê”, thời chắc chắn cơ có sinh dục... Có đủ 2 điều ấy, thì mới thật là đâm được rẽ mới mà ngành lá xanh tươi, âm dương sinh dục, không có gì bất lợi cả (*vô bất lợi* 無不利).

*
* *

Tượng viết: Lão phu nǚ thê, quá dī tương dự dā.

象曰：老夫女妻，過以相與也。

Cửu Nhị là quá cương mà làm thân với Sơ âm, Sơ là âm còn non lấm, tượng như cảnh chồng già vợ trẻ, thật là “quá”, nghĩa là *khác thường*. Nhất là rất gắn bó, yêu thương nhau tha thiết mới là cái lạ... (*tương dự*, là thân thiết với nhau, thương lấn nhau một cách *tương đặc*)! Theo Tâm lý về bè sâu: “Tình yêu chân thật không có việc phân biệt tuổi tác!”.

Cửu Tam: Đống nạo, hung.

九三：棟橈。凶。

Tượng viết: Đống nạo chi hung bất khả dī hữu phụ dā.

象曰：棟橈之凶，不可以有輔也。

Theo lệ, thì ở thời Đại Quá, phải là người “đắc trung” mới có thể đảm đương đại sự, vì có cả cương nhu.

Tam, là dương cương lại cư dương vị, là quá cương, không sao làm nổi công việc đại quá được!

Tất nhiên phải hỏng, vì “thái cương tắc chiết”, có khác nào trường hợp “đống nạo”, thứ cây đà mà cong cong hai đầu! làm sao đỡ nổi nóc nhà... Nên mới nói: “đống nạo, hung”.

Nếu có kẻ giúp... may ra!

Nhưng Hào Tam này quá cương, là người tự cao tự đại, có coi ai ra gì đâu mà nói đến việc giúp đỡ, nên mới nói: “bất khả dĩ hữu phu”.

Cửu Tú: Đống long, kiết, hữu tha, lân.

九四：棟隆，吉，有它，吝。

Tượng viết: Đống long chi kiết, bất nao hô hạ dã.

象曰：棟隆之吉，不撓乎下也。

Long 隆, là lớn và vững vàng, tức là cây cột cao.

Cửu Tú là dương cương mà ở vị âm, nên tuy cương mà không quá cương; nhu mà không quá nhu. Có thể thì ở thời Đại Quá mới có thể đỡ nổi gánh nặng, như cây cột lớn (đống long) đỡ nổi mái nhà!

Cửu Tú tuy cương nhưng ở vị âm, nên nhu hoàn toàn, lại còn hạ ứng với Sơ nhu nữa, thành ra quá nhu, nếu lại đi hạ ứng với Sơ. Thánh nhơn mới căn dặn Tú: “Chớ bận bịu với Sơ”! Trong thời “đại quá” mà đi chơi thân với tiểu nhơn, thì việc phải hỏng!

Chỗ “Kiết” của Cửu Tú, là phải giữ dương tính của mình, không nao lòng mà đi xuống với hào Sơ (*bất nao*

hở hở dã) để phải biến thành “đống nao” (cây cột cong) không sao giữ vững được công việc đại quá của mình.

Cửu Ngũ: Khô dương sinh hoa,
lão phụ đắc kỳ sĩ phu: vô cựu, vô dư.

九五：枯楊生華老婦得其士夫，無咎，無譽。

Tượng viết: Khô dương sinh hoa, hè khả cửu dã.

Lão phụ sĩ phu, diệc khả xú dã.

象曰：枯楊生華，何可久也，
 老婦士夫，亦可丑也。

Cửu Ngũ là tượng cây dương khô rồi, mà còn sinh hoa, bà lão lấy chồng, tuy không lỗi lầm, nhưng cũng không danh dự gì (*vô cựu, vô dư* 無咎，無譽！)

Hào Cửu Ngũ, là vị chí tôn đắc trung đắc chánh, lẽ ra phải làm được việc lớn, trong thời đại quá! nhưng bởi ở thời Đại Quá mà lại là dương cư dương vị thành ra quá cuồng, mà quá cuồng không nên, sợ bị gãy đổ (thái cuồng tắc chiết). Hào Thượng Lục bên trên cũng không giúp gì cho Ngũ là bởi nó là *nhu*, lại là *cực nhu* vì ở chót vót quẻ Đại Quá.

Hào Cửu Ngũ, tượng như một cây dương đã khô héo rồi, lại còn cố sinh ra một búp hoa... ngày tàn đã sắp đến, chỉ tổ làm hao thêm sinh lực, nghĩa là mau chết (*khô dương sinh hoa, hè khả cửu dã*).

Lại cũng có khác nào một bà lão lại còn đi lấy chồng, làm gì còn sinh đẻ nữa mà mong? (lão phụ sĩ phu) không xấu hổ sao? (diệc khả xú dã).

Nhờ liên lạc giao du với bọn người thấp kém để nhờ

sự vùa giúp cho được thành công làm chủ thiên hạ, phải hỏi, có phải vì thiên hạ mà mình “*khuất thân há tiện*”, hay là vì mình muốn lấy đó mà tạo nên sự nghiệp cho mình! Nếu để lợi dụng thời cơ mà làm nên sự nghiệp cho mình, thì thái độ không còn phải là của người quân tử nữa! *nhục nhã, xấu hổ!* (*xú*).

Tuy không lỗi, nhưng không danh dự gì! (*vô cựu, vô dự* 無咎，無譽).

Thượng Lục: *Quá thiệp, diệt đính, hung.*

上六：過涉，滅頂，凶。

Tượng viết: *Quá thiệp chi hung, bất khả cựu dã.*

象曰：過涉之凶，不可咎也。

Thượng Lục, bản chất âm nhu, lại bất trung bất chánh, quả là một *hạng bất tài*, nhưng vì ở thời Đại Quá nên cũng bắt chước thiên hạ chung quanh lo việc đại sự. Mới liều lĩnh lội qua sông lớn và sâu, đến ngập cả đầu (*quá thiệp diệt đính* 過涉滅頂) thật là hung.

Khi biết mình bất tài mà dám liều lĩnh làm việc đại sự, nên phải bị chết chìm, nghĩ cũng đáng thương! Thì có khác nào như hào Sơ Lục: “*Đức bạc nhi vị tôn, trí tiếu nhi mưu đại, lực tiếu nhi nhiệm trọng tiễn bất cập hĩ!*”

29. BÁT THUẦN KHẨM

八純坎



“Khảm giả hâm dâ”
坎者，陷也。

Cái gì thái quá đều không hay, đều gây họa hại... cho nên sau quẻ Đại Quá, là quẻ Khảm, tức là bị sụp đổ.

Khảm là *nguy hiểm*, như sông sâu nước chảy mạnh... qua sông rất nguy! Tượng *dòng nước chảy mạnh qua đèo* (gorge montagneuse), hào Dương tượng *dòng nước mạnh* bị hai hào âm ép vào giữa không được chảy tràn khắp nơi được. Lại là “*Tập khảm*”nên *nước chảy rất mạnh* (hai quẻ Khảm).

Thoán từ:

Tập khảm, hữu phu, duy tâm hanh, hành hữu thương.
彖曰：習坎，有孚，唯心亨，行有尚。

Các quẻ Bát Thuần, chỉ có một tên thôi; nhưng tại sao chỉ có Khảm này, Thoán từ lại thêm vào 2 chữ Tập Khảm? Là vì *rất hiếm*, nên thêm chữ *Tập* 習 (có nghĩa là *nhiều lần*).

Người ta ở thời đại trùng trùng nguy hiểm này (thời nào cũng là *thời nguy hiểm* cả, dù là ở cái mà ta gọi là *thời bình* vẫn phải lo, vì nó đã có một *cái họa tương đương* ẩn trong, như trong đồ tú tượng ta đã thấy ghi “*âm trung hữu dương căn; dương trung hữu âm căn*” tức tà chô mà Lão Tử bảo: “*phúc hè họa chi sở phúc, họa hè phúc chi sở ý*”, tuy hết sức nguy hiểm, nhưng nếu biết xem tượng quẻ Khảm này, thì trong đó, ta cũng thấy được lối thoát, lối cù xử trong thời hiểm.

Cái chô ảo diệu của Dịch Kinh, là đó! Dịch đưa ra cho ta thấy cái sở *đương nhiên* và đồng thời cũng đưa ra cho ta thấy cái gọi là sở *dĩ nhiên*, và từ đó, chỉ cho ta phép “*dĩ độc trị độc*”, nghĩa là chỉ cho ta cách để thoát hiểm. Bất cứ quẻ nào cũng vậy, như trong sách thuốc, bao giờ cũng kể chứng (sở đương nhiên), kế đó đưa ra cho ta lý do tại sao có chứng bệnh (tức là chô sở *dĩ nhiên*), rồi lại cuối cùng, chỉ cho ta phương pháp trị bệnh, bằng một toa thuốc. Sách Dịch, cũng như Y thư vậy! Mà bất cứ tôn giáo nào cũng vậy... Cho nên mới có câu: “*Dịch, quán quần kinh chi thủ*”!

*
* *

Tượng Khảm, là nhất Dương ở chính giữa quẻ, và làm chủ quẻ, nên trong quẻ 2 hào Nhị và Ngũ là 2 hào được đắc trung mà thôi, về bất cứ quẻ nào cũng vậy. Cho nên, nếu cố giữ cho bền vững đức Trung Chánh, một lòng chí thành, thì hoàn cảnh nào dù hiểm ác bậc nào, tâm tư vẫn được hanh thông: “*duy Tâm, hanh*” 唯心，亨.

Nhờ ở lòng chí Thành, chí Chân, chí Chánh... đi đâu

mà chẳng gặp được sự cảm mến của người đời? Cho nên, chẳng những không còn phải lo gì hiểm nạn nữa, mà lại có khi làm được nhiều việc “hữu công” là khác (*hành hữu thượng*).

Khám, là tượng dòng nước đang chảy mạnh, hai bên dòng nước, có bọt nước bị dòng nước tống qua 2 bên (tượng hào âm --); cho nên, nếu muốn múc nước ở dòng sông chảy, phải múc ở giữa dòng, nước ấy là dương. Khi đó, nếu chỉ múc nước ở bên mé sông, thì không còn dương. Khi nữa, mà là âm thủy. Đó là chỗ phân biệt Âm thủy với Dương thủy.[1]

Thoán truyện

Tập Khám, trùng hiểm dã.

習 坎，重 險 也。

Thủy lưu nhi bất doanh, hành hiểm nhi bất thất kỳ Tin.

水 流 而 不 盈，行 險 而 不 失 其 信。

Hành duy Tâm, hanh, nai dī cương trung dã.

行 唯 心，亨，乃 以 剛 中 也。

Hành hữu thượng, vāng hữu công dã.

行 有 尚，往 有 功 也。

*
* *

Tượng quẻ *Khám*, là Nước, và là *Nước chảy mạnh*

- Trong Y thư, thường phải nấu thuốc (gọi là sắc thuốc) với nước (thủy), nhưng có thứ thuốc phải nấu bằng dương thủy hoặc bằng âm thủy, trái lại cứ lấy nước thường đứng trong lu, thì không ứng dụng được. Tịnh thủy có 2 thứ: nước giếng hoặc nước hai bên mé sông.

biến thành Dương khí vì sự ma sát với mặt đất. Nước chảy và *chảy mãi*, đó là tượng của *Thiên Lý lưu hành* (thê giả như tư phù).

Thiên Lý thì “*lưu hành bất túc*” (chảy mãi không ngừng), tức là biến mãi không thôi: biến từ thái độ này qua thái độ kia, để tìm kiếm cái Quân bình của Trời Đất (cái điều hòa, cái bình hành).

Sự “*lưu hành*” ấy của Thiên Lý phảng phất như nước chảy, chỉ khác một điều là khi nước chảy mà đến khi hai mặt nước bằng phẳng nhau rồi, thì không chảy nữa. Thiên Lý mà lưu hành lại có khác, vì *bất cứ lúc nào cũng vẫn lưu hành không nghỉ!* Từ đi tới điều hòa này đến không điều hòa, rồi lại do không điều hòa đi đến điều hòa, tức là do *chỗ tương thành mà hóa ra tương phản*, rồi lại do *cái tương phản hóa ra tương thành!* và *cứ thế mà biến hóa vô cùng bất tận*. Đó là đặc điểm của sự “thiên lý lưu hành”, cũng là đặc điểm của quẻ Khảm.

Nước chảy mà lại bị ngưng, là nước bị ú đọng, mà ú đọng là nước chết, đã mất thân khí của nó rồi.

Tánh của Nước, lại có tánh cách hay lấp chỗ trống trên mặt đất, lấp đầy mặt biển hay vực sâu, bao giờ cũng đi giữa dòng luân lưu của Khí.

Nơi thân người, máu huyết cũng nhờ Khí dẫn đi (cũng là tượng quẻ Khảm). Khí mà suy hay Khí mà tuyệt, thì huyết hết lưu thông, đọng lại, và chết là việc dĩ nhiên. Khí mà tuyệt, thì Thần cũng đi luôn!

Khảm, vì vậy, có thể gọi là đường luân lưu Chân khí của Trời Đất, tượng của hào Nhất dương ở trung cung quẻ Khảm, cũng tượng trung vị nguyên thủ của quốc gia (nếu ở hào Ngũ) hoặc là vị Tướng Quốc đại diện quyền tối cao (nếu là hào Nhị).

Bởi vậy, Khảm là lòng Trung thực, nên Thoán từ mới gọi nó là “*hữu phu*”.

Con người mà lòng được chí chân, chí thành thì cũng sẽ được hanh thông thư thái: “*duy Tâm hanh, nai dĩ cương trung*”. “*Cương trung*” là ám chỉ sự chí chân, chí thành của hào Dương ở giữa 2 hào Âm quẻ Khảm.

Cứ như thế, cứ giữ một dạ chí thành, thì bất cứ gặp trường hợp nguy hiểm nào cũng chả nên sợ! lại còn “có công” là khác! (行有尚, 往有功也。hành hữu thượng, vãng hữu công dã).

*
* *

Trong thời hiểm, vì vậy bậc Thánh nhân đâu có sợ gì sự hiểm nguy mà trốn tránh phận sự, có khi họ còn lao thân vào nơi hết sức hiểm nguy là khác, mới có câu:

“*Tri kỳ bất khả, nhi vi chi*” 知其不可，而為之。 Theo Ấn Độ đây là những bậc Thánh theo cái đạo *Karma – Yoga* “*Hiểm chi thời dụng, đai hĩ tai!*” là thế.

*
* *

Thoán truyện, nói tiếp:

“*Thiên hiểm bất khả thăng dã;*

Địa hiểm, sơn, xuyên, khuu, lăng dã.

Vương công thuyết hiểm, dĩ thủ kỳ quốc.

Hiểm chi thời dụng, đai hĩ tai!

天險不可升也。

地險，山，川，丘，陵也。

王公設險以守其國。
險之時用，大矣哉。

Có 2 thứ hiểm: hiểm thuộc phần vô hình, là hiểm do Trời; còn hiểm thuộc phần hữu hình, là hiểm của Đất, như núi, sông, gò đống... *Cái hiểm của Trời*, ta không thể lên cao (*bất khả thăng dã* 不可升也 mà đo lường được; chứ *cái hiểm của Đất* bất quá là núi sông gò đống, ta có thể vượt qua. Hiểm của Trời nói đây, không phải chỉ nói đến các *thiên tai* mà nói luôn cả về *thiên vận* như trong “*Hoàng Cực kinh thế*” đã nói. *Thiên vận*, như *Xuân, Hạ, Thu, Đông...* hễ hết Xuân, qua Hạ, cuối Hạ qua Thu, cuối Thu qua Đông thì sương sa tuyết phủ, vạn vật như im lặng cây cối tro cành, đất trời chỉ còn có một màu tuyết phủ! “*Cái hiểm của Trời*” đây không phải chỉ nói về cái hiểm hữu hình như các thiên tai ta thường chứng nghiệm, chứ “*cái hiểm của Trời*” vô hình, ta phải chịu thua, không sao đo lường nổi.... Khoa Tâm Lý Học ngày nay tuy đã được ca tụng là tuyệt diệu, nhưng thực sự “lòng người” sâu hiểm còn hơn “vực sâu, bể thẳm”, và bậc Thánh vương bực nào, dù có thâm hiểu lòng người đến đâu, vẫn cũng chỉ tạm dùng để giữ đở nước nhà trong một thời gian nhỏ bé nào đó thôi... chứ không sao hiểu hết được lòng người sâu hiểm phản phúc bất thường cho nổi! Tâm con người là một Thái cực, là Luồng nghi, là Tứ tượng... đâu phải chỉ có đơn Âm hay đơn Dương... Thiện đó mà cũng Ác đó; Thương đó mà cũng Ghét đó;... như Lão Tử đã nói rõ:

“*Thiên hạ gai tri mĩ vi mĩ, tư ác dĩ; gai tri thiện chi thiện chi vi thiện, tư bất thiện dĩ* 天下皆知美為美，斯惡已，皆知善之為善，知不善已。”

(Chương II, Đ.Đ.K). (Thiên hạ đều biết tốt và cho là tốt, thì *đã có cái xấu trong đó rồi*; đều biết lành và cho đó là lành, thì *đã có cái chẳng lành trong đó rồi!*)

Làm phải, làm lợi cho thiên hạ suốt một đời cúc cung tận tụng, để rồi trong nháy mắt, tất cả đều đổ nát như đống gạch vụn... ai làm ra? Thiên Lý ư? Thiên vận ư? Mà nó là cái gì? Thì cũng chẳng ai biết rõ. “*Tạo ra, để rồi phá; phá rồi, để tạo lại*” là nghĩa lý gì? Thảo nào Lão Tử đã chẳng bảo: “*Thiên địa bất nhân, dĩ vạn vật vi sô cẩu!*” (Thiên Lý, quá lạnh lùng, nếu lại lấy cái tình cảm hẹp hòi nông nổi của ta mà độ lòng trời (thiên lý) quả là một trò hiểm ác! Đó là điều mà Dịch lý dạy ta: *Không có gì trường cửu cả! ngay cả Trời Đất Âm Dương.*

Tóm lại, thời Khảm, là thời của Hiểm, thì hãy biết dùng *Hiểm mà thoát hiểm*, thật là điều quá to lớn! (*Hiểm chi thời Dụng, đại hỉ thay!*). Thiên tính con người thì bảo: cố mà giữ mãi; nhưng Thiên Lý lại bảo: không có gì có thể giữ mãi được! Bởi chẳng biết thuận Thiên Lý mới có đau khổ vì cảnh vô thường của sự vật!

Đại Tượng

Thủy tiến chí, tập Khảm.

象曰：水 浚 至，習 坎。

Quân tử dĩ thường đức hành, tập giáo sự.

君 子 以 常 德 行，習 教 事。

Nước cứ chảy tới mãi, không bao giờ ngưng! Đó là tượng 2 quẻ Khảm chồng lên nhau, gọi là Tập Khảm.

Nước chảy không ngừng, khác nào Thiên Lý lưu hành bất túc, chỗ mà Đại Tượng quẻ Kiền bảo: “*Thiên*

hành Kiện, quân tử dĩ tự cường, bất túc 天行健，君子以自彊，不足。”.

Người quân tử xem tượng này, mà lo việc *tiến đức tu nghiệp* luôn luôn không cho gián đoạn. Bất cứ một công cuộc nghiên cứu học hỏi, hay tu thân tạo nghiệp phải nhìn theo hào Dương quẻ Khảm mà tự cường bất túc... một ngày như một giờ, một tháng như một ngày, một năm như một tháng. Nếu mất sự liên tục thì công phu, tiến đức hay tu nghiệp đều bị ngưng trệ và ung thúi như dòng nước đọng. Chữ “tập” ở đây, chỉ sự cố gắng tăng gia gấp bội trong công phu tu tập... bí quyết của thành công bất cứ trong công việc nào!

Tiểu Tượng

Sơ Lục: *Tập Khảm, nhập vu Khảm, hām, hung.*

初六：習坎，入于坎，陷凶。

Tập Khảm nhập Khảm, thất đạo, hung dā.

象曰：習坎入坎，失道，凶也。

Hào Sơ Lục, bản chất Âm nhu, bất chánh (âm cư dương vị) lại cũng là hào dưới chót hết của “tập Khảm”, tượng một *kẻ sa lầy* (cát lún) (*enlisement*) *càng cựa quậy để thoát ra, thì lại càng bị lún sâu xuống đáy!* (*Khảm hām* 坎陷，là chỗ bị sa lầy vô cùng nguy hiểm!)

Nếu ý tài ý tận đi lạc lối sa vào vũng lầy, nên mới nói “*thất đạo, hung*”, đi lạc, và gặp hung tượng.

Cửu Nhị: *Khảm, hữu hiểm, cầu tiểu đắc.*

九二：坎，有險，求小得。

Tượng viết: Câu tiểu đắc, vị xuất trung dã.

象曰：求小得，未出中也。

Cửu Nhị, đắc trung, nhưng bất chánh (vì “dương cư âm vị”). Tuy nhiên, được cái đức Trung và dương cường, Nhị có đủ tài để hộ thân, lẽ ra không lo gì có sự hiểm nguy, nhưng vì ở thời hiểm (thời Khảm), hoàn cảnh bị vây hãm giữa “trùng hiểm” của nội Khảm, nên khó mà tránh được hiểm họa.

Nước chảy từng giọt chưa thông, nhưng Nhị được đắc trung nên có thể làm được những việc nho nhỏ thôi (câu tiểu đắc 求小得！ bởi dù thế nào Nhị vẫn còn ở trong tình trạng bị bao vây trong vòng tay âm. Đó là một ánh sáng bị bọc trong cái lồng đèn che kín (vị xuất trung 未出中).

Người ở trong tình trạng này không phải là người có một ánh sáng chói lọi được ra ngoài, mà là một tâm hồn bị nhân dục che lấp. Óc sáng suốt chỉ là một thứ “lý trí” bị ảnh hưởng vật chất bên ngoài che lấp, phải lần mò để tìm hiểu chứ không như khiếu hiểu biết của trực giác.

Nguồn nước rỉ ra từng giọt (hào Dương đây là dòng nước), và phải nhẫn耐 kiên trì lâu ngày may ra mới tìm được con đường giải thoát. Có kẻ đã bảo rất đúng: Tài hoa chỉ là một sự biết nhẫn耐 lâu ngày! Nghĩa “chí công mài sắt, chầy ngày nên kim!”

Đừng tưởng câu nói này tầm thường quá! Các bậc vĩ nhân từ xưa đến nay đều là những kẻ đã lâu ngày mài dũa tài năng mình!

Lục Tam: Lai chi khám khám, hiểm thả chấm,
nhập vu khám hâm, vật dụng.

六三：來之坎坎，險且枕，
入于坎陷，勿用。

Tượng viết: *Lai chi khǎm khǎm, chung vō công dā.*
象曰：來之坎坎，終無功也。

Lục Tam, bản chất âm nhu, lại bất trung bất chánh (âm cư dương vị) thì làm nên việc gì. Ở vào thời Khảm hiểm, mà ngó trước mặt thấy Khảm, nhìn lại sau cũng thấy Khảm, còn con đường nào mà đi?

Hào từ bảo: “*Lai chi khǎm khǎm, hiěm thá chǎm* (枕 là sau ót); *nhập vu khǎm hám, vật dụng*”, nghĩa là đâu đâu cũng gặp Khảm, trước mặt, sau lưng, “chớ dùng” (*vật dụng* 勿用) nghĩa là khuyên kẻ sống gấp phải thời Khảm, chớ có dùng anh Lục Tam này, vì làm gì thì làm, chung quy ánh sē gấp hoàn toàn thất bại! (*Chung, vō công* 終無功).

Lục Tú: *Tôn tưu quĩ[1], Nhị dụng phẩu,*
nạp ước tự dù, chung vō cựu.

六四：樽酒簋，貳用缶，
納約自牖，終無咎。

Tượng viết: “*Tôn tưu quĩ nhị, cương nhu té dā*”
象曰：樽酒簋貳，剛柔際也。

“*Quĩ*” là đồ ăn đựng trong giỏ tre; “phẩu” là cái ve bằng sành... Một bình rượu, một chén com, vài chậu sành đựng vài món ăn nhấm như dưa giá, củ kiệu v.v...

1. Chữ “簋quĩ” này là một thứ đồ dùng để đựng xôi, khi cùng lě, là vật đan bằng tre.

Chữ “樽tôn”, là hủ rượu (tôn tửu).

Đó chỉ là những món đồ quá giản đơn dâng lên tặng đấng quân vương với dạ chí thành!

Lục Tứ ở thượng quái, tức là kẻ ở ngôi cao, cận với Quân vương (Cửu Ngũ); âm cư âm vị, nên **đắc chánh**, là một bậc đại thần bên cạnh đấng Chí tôn, nhưng vì là Âm nhu làm sao dám lãnh chức vụ to trong khi quốc gia đại sự? Rất may là nhờ Tứ là con người **đắc chánh**, Âm nhu nên cùng với Cửu Ngũ là dương cương, được cương nhu tương **đắc**, nên hào từ dạy cho một phương pháp: Ở đời lúc gặp hiểm nạn, mà mình là bậc đại thần, hãy lo kết với bậc Chí tôn bằng tấm lòng chí thành của mình, không nên làm những việc phù phiếm bên ngoài như nhiều lẽ mẽ, miễn là hết lòng cùng lo giúp đỡ, thì cũng không có gì hối lỗi (Tôn tửu quí, nhị dụng phẫu, nạp ước tự дū, chung vô cựu”! Câu “*cương nhu tế dā*” là bảo 2 hào Ngũ (cương) và Tứ (là nhu), cùng giao tế nhau rất có lợi.

Cửu Ngũ: Khâm bất doanh, chỉ ký binh, vô cựu.

九五：坎不盈，只既平，無咎。

Tượng viết: Khâm bất doanh, trung vị đại dā.

象曰：坎不盈，中未大也。

Quẻ Khâm, có nghĩa là gặp nguy hiểm, vì các hào Dương (quân tử) bị các hào Âm (tiểu nhon) bao vây. Cho nên 2 hào Nhị và Ngũ (quân tử) cần lo làm sao thoát hiểm và chỉ nên mong mỏi được vậy là quí! Chứ những hào Sơ Lục và Thượng Lục, Lục Tam, Lục Tứ là kẻ đi đến bên vực thẳm (Sơ và Tam) như hào Tứ và Lục, bị đe dọa nặng... Như hào Thượng Lục rất nguy vì còn phải chịu đựng cả 3 năm tam tai... Như vậy, bậc Hiền tuy có họa bao vây mà

không đến đỗi gì (bởi nhờ lòng sáng suốt và quảng đại),
còn bon tiếc nhọn mà lâm nan (hiểm) thì khó thoát lăm!

Như vậy, câu “Đức năng thắng số” đâu phải là câu an ủi kẻ Hiền, mà là một Chân Lý.

Vực thâm chưa được đầy, chỉ đến mức bờ nhung chưa tràn ra.

Cửu Ngũ dù có tài cương trung, dù ở vị chí tôn, dù có
dư sức cứu tế qua con hiểm nạn, nhưng vì Khâm chưa
đầy tràn (còn bất doanh 不盈) nên chưa đến lúc được
sự vinh quang quảng đại (*trung vi đại dã* 中未大也).

Thương Lực: Hệ dụng huy mặc, chí vu tung cúc,
tam tuế bất đặc, hung.

上六：係用徽纆，置于叢棘，
三歲不得凶。

Tương: Thất đạo, hung tam tué dā.
象曰：失道，凶，三歲也。

Vốn là âm nhu, lại được đặt lên một địa vị quá cao! địa vị quá hung hiểm (hiểm nguy cực độ) như một người bị giam vào chốn lao tù trong một đống gai nhọn hai tay hai chân đều bị còng trói!

Bị cột, bị trói bằng dây cọc, nhốt trong một khám cung mà trên bốn bức tường đều có cây nhọn chom chỏm. Bị giam ba năm mà không tìm ra được lối thoát!

(thất đạo, hung, tam tuế dã 失道，凶，三歲也)

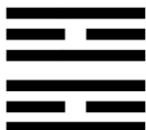
Quá hung![1]

1. (chữ “tùng cúc” là một đống gai nhọn; “huy mặc” dây buộc; “hẹ” là bị trói, bị còng; “chi” bị đặt lên).

30. BÁT THUẦN LY

八純離

Sự sáng chói, lửa của mặt Trời



Ly giả, lê dâ

離著麗也。

Ly–Trung–Hư, lấy chữ *Minh* (sáng chói) làm chủ yếu, cũng như *Khảm*–Trung–Mãn lấy chữ *Thành* 誠 làm gốc.

Cho nên, có thể nói quẻ *Ly* và quẻ *Khảm* là cái Dụng của quẻ Kiền và quẻ Khôn. Nên mới có nói: Thủy Hỏa là hai quẻ “đắc thiên địa chi trung”. Quẻ *Khảm* là “đắc thiên chi trung”; quẻ *Ly* là “đắc địa chi trung”. Đây là điểm rất quan trọng cần lưu ý cho kỹ...

Theo về phương hướng thì quẻ *Khảm* ở Chánh Bắc được nhất dương sinh; còn quẻ *Ly* ở Chánh Nam, được nhất âm sinh. (*Khảm*, nhất Dương sinh (☲); quẻ *Ly*, nhất Âm sinh (☱). Cho nên *Khảm* thuộc Dương; mà *Ly* thuộc Âm (lấy chỗ chánh trung làm chủ điểm “quái đa Âm, dĩ Dương vi chủ”; “quái đa Dương, dĩ Âm vi chủ”). Xin nhắc lại điều này.

Ly, có 2 nghĩa: vì *Dịch*, là mâu thuẫn.

1. *Ly, là lẻ* (dính vào, bám vào); vừa dính vào, vừa làm cho *tan rã* (ly tan).[1]

2. *Ly, là minh* (sáng) tượng trưng cái *Tâm Hu*, Thiên tông có câu: “*Hu minh tự chiếu*”, giữ được cái Tâm Hu, thì đó là *được cái Sáng* của *Hu Vô* (tức là Đạo). Tượng hào Âm ở giữa 2 hào Dương. Đó là ánh sáng của Đạo, ta thường tạm gọi là Trực Giác, còn ánh sáng của Khảm, thuộc về ánh sáng của Lý Trí.

Ly, như vậy có 2 nghĩa đường như nghịch nhau, làm cho dính lại; và lìa ra. Lửa không có hình thức cố định nhưng gặp vật gì thì nó “dính” vào (bám vào) để đốt cho tiêu, và làm cho tan rã (lìa).

1. “*Ly*”, theo cổ tự, bên mặt là hình con *sơn ngưu* (yack) rất mạnh, rất dữ..., bên trái là hình con chim lông cánh tuyệt đẹp, tượng sự diễm lệ của người đàn bà.

Ly, vì vậy tượng bằng 2 hào Dương (cương cường lăm) và 1 hào Âm ở giữa (là sự đẹp đẽ, kiều my của người đàn bà) hội hợp của *Sức Mạnh* (Force) *Ly* và *sự Diễm lệ* (Beauté).

Ly, là Đẹp đẽ và Cương quyết (tượng người đàn bà).

(Theo thần thoại Thiên Chúa giáo, Eva (người đàn bà do Thượng đế rút xương sườn của người đàn ông Adam mà tạo thành). Bởi thế, người đàn bà “*Hu mà Thực*” tức là thông minh hơn người đàn ông nhiều, bởi họ thuần dùng *Trực Giác*, còn người đàn ông dùng Lý Trí nhiều, nên không nhạy cảm bằng người đàn bà. Đừng nói về loài người, loài thú, con cái bao giờ cũng khôn hơn con đực. *Con đực thì thể xác rất mạnh* (tượng con *sơn ngưu*; con cái là con chim phượng).

Cái hay nào cũng có cái dở của nó: Đàn bà thông minh, nhưng yếu đuối về thể chất, đàn ông mạnh mẽ phần vật chất, những kém sự nhạy cảm người đàn bà! Và bởi vậy, *Tạo Hóa giao cho người đàn bà* (*thông minh và diễm lệ*) sứ mạng làm bậc “*Mẫu Nghỉ*” thiên hạ!

Thần thoại La Hy, thì *đàn bà* được tượng trưng bằng *Nữ thần Vénus*; còn *đàn ông* tượng bằng *nam thần Mars* (thần chiến tranh).

Thoán từ:

Ly, lợi trinh hanh, súc tần ngưu, kiết.

離，利，麗 貞，畜 牝 牛，吉。

Như đã nói trên, Ly có hai nghĩa dường như nghịch nhau: *làm cho dính lại, và làm cho tan ra*. Gặp vật gì, lửa liền bám vào để đốt cho cháy, cho tiêu, nghĩa là vừa bám vào, vừa làm cho tan ra!

Nước thì đi xuống; Lửa thì đi lên, đó là bản tính của chúng như Âm thì giáng, Dương thì thăng (*Thiên tôn, địa ty, Kiên Khôn định vị*).

Ly, là “*ngọn lửa hư vô*”, một thứ ánh sáng nhiệm màu mà nhà Thiền gọi là “*Hư minh*” (cái sáng của *Tâm Hu*) thường cũng được gọi là *Tâm Bát Nhã, Tâm Bình Đẳng như nhu*.

Chỗ gọi rằng “*Ly giả lê dã*” (dính lại), là Dịch muốn nói về sự “*Thiên Nhơn tương hợp*” hoặc “*Thiên nhơn vi nhất*”, vạn vật không có vật nào rời rạc mà không có dính dấp, dựa vào nhau như ta thấy trong đồ Thái cực, Âm Dương dính liền làm một khối (tuy Hai mà Một), mà trong thực tế tuy Một mà Hai. Đó là *mâu thuẫn đầu tiên của Dịch lý*. Đó là nghĩa đỏi của chữ Ly, là “*dính mà rời*” (hợp mà ly).

Chữ “*tần ngưu*” (con bò cái) là nói về đức “*thuận*” của 2 hào *Nhi* *Ngũ*.[1]

1. Hai hào chủ não của quẻ Ly là Lục Nhị và Lục Ngũ; thực ra thì hào Lục Nhị mới là chủ não, vì Lửa mới bắt đầu lóe lên, ánh sáng rất chói lọi sáng xanh; còn lửa lên tới hào Ngũ, thì biến thành màu vàng (lửa gǎn tàn).

Thoán Truyện:

*Ly, lê dã: nhụt nguyệt lê hồ thiên,
bách cốc thảo mộc lê hồ thổ.*

“Trùng minh” dĩ lê hồ chánh, nãi hóa thành thiên hạ.

離，麗也，日月麗乎天，
百穀草木麗乎土。
重明以麗乎正，乃化成天下。

Ly, là dính vào, dựa vào. Như mặt Trời mặt Trăng dựa vào thiên không; trăm giống lúa và cây cỏ dính vào mặt đất. Trong khoảng Thời Không, chẳng có một vật nào cô độc, sống độc lập và tách rời nhau... Hay nói cách khác *giữa Ta và Vạn vật không bao giờ rời nhau*: sự tương quan hay tương thông là một qui luật tối thượng. Tách rời ra là chết! Như con người, phải có ăn uống và thở hút, nếu dứt với món ăn và không khí là chết tức khắc với cõi đời sắc tướng!

Ly, là sáng (minh): Ly trên, Ly dưới là tượng của sự “trùng minh” 重明 (sáng gấp đôi). Lão Tử gọi là “tập minh” (Chương 27, Đ.Đ.K).

Quẻ Ly sở dĩ thành Ly, là ở hào Nhị và Ngũ (2 hào Trung chánh). Bởi vậy, hào từ mới nói: “*Trùng minh dĩ lê hồ Chánh*” (Cái sáng gấp đôi là ở hào Trung Chánh) và nhờ đó mà hóa được thiên hạ.

Câu này nên hiểu chữ “hóa” rất quan trọng... Chỉ với Trí huệ Bát nhã hay Tâm Hư của Đạo chiếu ra, thì mới hóa chuyển được thiên hạ, ngoài ra Trí Huệ Nhị nguyên của Khảm chẳng làm sao “hóa” được thiên hạ.

*Hào âm quẻ Ly, là cái Tâm;... Tâm
hào dương quẻ Khảm, là cái Trí... Trí*

Chỉ có Tâm mới hóa được thiên hạ, chứ chỉ với Trí mà thôi, không làm sao hóa ai được cả.

Một thứ Chân lý độc đáo mà ta chó bao giờ quên, trong những việc tế thế độ nhơn hay tu thân xử thế. *Tâm đạo đứng đầu*, và mới có thể như ánh sáng Thái dương làm sống lên muôn vật.

Hai hào Nhị Ngũ có tánh chất Âm nhu dựa vào địa vị Trung Chánh (*nhu lê hô Trung Chánh* 柔麗乎中正) và nhờ vậy mà được hanh thông (*cố hanh* 故亨). Câu “*súc tần ngưu, kiết dã 畜牝牛，吉也*” nghĩa là “nuôi được bò cái” mới được hanh thông, vì *bò cái* có tánh nhu thuận để theo về Thiên đạo!

Đại Tượng

*Minh luõng tác Ly;
Đại nhon dĩ kế minh, chiểu vu tú phuong.
明兩作離。
大人以繼明，照于四方。*

Sáng hai lần, là sáng gấp đôi, sáng bên trong, sáng cả bên ngoài (nội Ly và ngoại Ly).

Bậc Đại nhơn dùng cái ánh sáng trong Tâm mình mà rọi sáng ra ngoài khắp bốn phương. Nghĩa là trước hết, đốt lên ngọn đèn của Lòng (tự giác), nhân đó mới lo rọi sáng cho khắp mọi người (giác tha).

Cái sáng bên trong này, gọi là “*Hư minh tự chiếu*” tượng nói về cái sáng của Hư tâm, sáng này của bậc cầm quyền trị nước, và chỉ có bậc *Thánh nhơn đặc Đạo* mới có mà thôi. Chưa có được cái sáng “*Hư Minh*” này chó vội đi soi sáng cho đời, chó vội đóng tuồng “*anh mù dẫn đoàn mù*” đi trên đường tối!

Người *đại giác* bao giờ cũng là người “*bất ly thế gian tuòng*” cho nên *tự giác* và *giác tha* là một: chẳng bao giờ trong đêm tối có một ngọn đèn đốt lên mà chung quanh không ai được hưởng. Người tự giác tự nhiên giác tha, đó là huyền nghĩa của câu “*lưỡng minh, chiếu vu tú phuơng*”. Lửa lòng là gốc, lửa lóe ra ngoài là ngọn tu tượng trung bằng lời nói hay chữ viết.

Bên trong sáng trǎm phần trǎm, lóe ra ngoài bằng lời nói hay tác phẩm chỉ còn sáng năm sáu chục phần trǎm là kỳ diệu rồi: “Thư bất tận ngôn, ngôn bất tận ý” vì “ý tại ngôn ngoại”.

Tiểu Tượng

Sơ Cửu: Lý thắc nhiên, kính chi, vô cựu.

初九：履錯然，敬之，無咎。

Tượng viết: Lý thắc chi kính, dī tị cựu dā.

象曰：履錯之敬，以辟咎也。

Hào Sơ Cửu, dương cương đắc chánh, nhưng dù sao, còn non nót lắm vì đang ở hào chót vào thời Sơ khởi thôi! Nhưng bản chất là Lửa nên thấy nôn nóng muốn cháy bùng lên, con người bút rút muốn vội vã ra đi, nên xỏ chon vào giày mà xỏ lộn xộn... (*lý thắc nhiên*).

Còn non tài, thiếu đức mà lòng quá hăng hái cầu tiến một cách quá vội vã, e sẽ dễ thất bại, nên hào từ mới khuyên răn: “nên cẩn thận” (*kính chi*) có nghĩa là nên kính cẩn từ từ thì mới không có lỗi! (*vô cựu 無咎*).

Cái đại bịnh của hạng người trẻ nào cũng vậy, chưa biết đi, là đã muốn chạy! Họ *thích tiến bộ* và *cấp tiến* nữa kia! Bất cứ nghe nói đến “tiến bộ” thì mê thích

ngay, chả cần biết tiến bộ là gì? Thế nào là tiến bộ? Kẻ nào biết suy nghĩ đắn đo... thì liền bị họ ban cho hai chữ “lạc hậu”! Đó là mồi ngon nhất cho bọn làm chánh trị hoạt đầu như Hitler trong thế chiến thứ hai vừa qua.

Trước tấm lòng hăng say nóng nảy của thanh niên, cần phải đề cao cảnh giác họ vì sự hăng say thường dễ làm cho ta mất cái đức “minh” này, càng khó lòng có được sự “minh minh đúc”!

Ôi! Không biết hăng say, không được; mà quá hăng say cũng không được!

“*Tri bất minh, hành bất thận*” (tuy hai mà là một) là bởi “hành bất thận” mà “tri bất minh” và bởi “tri bất minh” nên “hành bất thận” cứ loay hoay trong cái vòng lẩn quẩn bất tận!

Khó mà cảnh tỉnh được, vì lòng tham của con người bất tận. Cái bệnh đáng sợ này là cái bệnh của hạng người Sơ Cửu quê Ly vậy!

Lúc này, là lúc khó nhất trong đạo “*tiến đức tu nghiệp*”, cho sự “*minh tâm kiến tánh*”.

Lục Nhị: Hoàng ly, nguyên kiết.
六二：黃離，元吉。

Tương viết: *Hoàng ly nguyên kiết, đắc Trung đạo dã.*
象曰：黃離元吉，得中道也。

Lục Nhị, là hào tốt nhất của quê Ly, là vì nó là “ánh sáng của nội tâm”, là cái *Tâm Hư*, là cái *Trí Huệ Bát Nhã*, là cái “*Hư minh bất muội chi thân*”, ôi! Sáng suốt biết chừng nào!

Nhị ứng với Ngũ, cả hai đều đắc trung đắc chánh, cái Tâm nhìn vào trong, cái Tâm nhìn ra ngoài... nên bảo là “*hoàng ly*” (Hoàng là sắc vàng, là màu của Trung Ưong Mô Kỹ thổ). Chính cũng là cái Sáng của mặt Trời vàng rực ở buổi trưa (nhật lê trung thiên). Mới nói: sáng ở Lục Nhị, màu xanh trong; sáng lên đến Lục Ngũ đã yếu, và màu vàng.

Cửu Tam: *Nhụt trắc chi ly, bất cỗ phẩu nhi ca,
tắc đại diệt chi ta, hung.*

九三：日昃之離，不鼓缶而歌，
則大耋之嗟，凶。

Tượng viết: *Nhụt trắc chi ly, hà khả cửu dã.*
象曰：日昃之離，何可久也。

Nhụt trắc, là lúc *hoàng hôn*.

Hào Cửu Tam, là tượng mặt Trời sắp lặn, vì dương đã đến cực đỉnh rồi (nội quái). Đây, là lúc con người đã leo lên đến cực đỉnh của cuộc đời và ngã về chiều: ánh hoàng hôn khiến ta liên nghĩ đến cảnh sớm nở tối tàn, nay còn mai mất! Một số người “nghĩ dài”, cứ lo thụ hưởng và vui sướng với những gì ta còn, trong con sống sót(!), hoặc không thế, thì đập bồn đập trống ca hát suốt đêm cho quên đi hiện tại và ngày mai sắp đến, hoặc chán nản quá, vì thấy cảnh già sòng sọc kéo đến mà ta thán, mà ngậm ngùi, thốt ra bằng những vần thơ nỗi nuột!

Những cử chỉ trên đây, là của bọn thế nhon tăm thường. Hạng người quân tử không vậy! Họ chờ đợi cái chết đến, thản nhiên như ngắm cảnh hoàng hôn rực rỡ sắp rũ màu!

Trong cái vô thường phải tìm cho thấy cái vĩnh cửu, mà mỗi phút là một thiên thu vô tận, như các nhà Đạo học như Lão Trang.[1]

*Cửu Tú: Đột nhu, kỳ lai nhu; phàn nhu, tử nhu,
khí nhu, vô sở dung dã.*

九四：突如其来如，焚如，死如，
棄如，無所容也。

Cửu Tú đã vượt khỏi nội Ly, bắt đầu bước vào ngoại Ly, thật là đến một cách quá đột ngột...

Bản thân là dương cương, tánh tình nóng nảy táo bạo, bất trung bất chánh, thấy Lục Ngũ là âm nhu đúng một mình, nên toan bức hiếp lăng nhục, muốn đốt (*phàn* 焚 là thiêu đốt), tức là muốn thủ tiêu đi!

Thế là phải chết đi (tử nhu); hoặc bị bỏ đi (khí nhu),

1. Trong quyển "Tinh Hoa Đạo Học Đông Phương", chúng tôi đã bàn đến cái thị kiến của Lão Trang như sau:

"Hiểu được Đạo, ta mới nhận thấy được cái Không nằm trong cái Có, cái Tử nằm trong cái Sinh, cái Chân nằm trong cái Giả,... hay nói một cách khác, theo Kinh Dịch, cái Dương nằm trong cái Âm, cái Âm nằm trong cái Dương... tức là cái Họa nằm trong Phúc, Phúc nằm trong Họa... và tóm lại, trong cảnh Vô thường, ta thấy rõ cái Vĩnh cửu... (le Fini dans l'Infini). Đó là đức của Chân Nhân, gọi là "Vương đức".

Cho nên, hoa trổ đẹp, mà hoa tàn cũng đẹp. Xuân đẹp mà Thu cũng đẹp, Thiền thi có câu:

*Mạc vị Xuân tàn, hoa lạc tận
Đình tiền, tạc dạ nhất chi mai*

(Chớ bảo Xuân tàn hoa rụng hết, đêm qua mai trổ trước sân nhà).

Khác xa là thị kiến của các bậc đại nho nước ta, như ta thấy trong các loài Ca trù, ca tụng sự ăn chơi cho thỏa thích! bởi chưa hiểu Đạo lại chán đời!

ai mà thèm dùng hạng người này, mà dung tha được bọn người này (vô sở dung dã).

Muốn hiếp kẻ trên, cho nên thiên hạ không ai có thể dung tha nó được 無 所 容 也, như lửa thiêu cây và biến cây thành đống tro tàn! Đây, là hình ảnh của một thú lửa rom, phùng lên dữ lầm để rồi tắt hẳn.

Lục Ngũ: Xuất thế đà nhược, thích ta nhược, kiết.

六五：出涕沱若，戚嗟若，吉。

Tượng viết: Lục ngũ chi kiết, ly vuong công dã.

象曰：六五之吉，離王公也。

Xuất thế đà, là nước mắt chảy ra dầm dề; thích, là lo lắng hết sức; “ta 嘴” là ta thán, ngậm ngùi.

Hào Lục Ngũ có đức Minh của Ly, là một người tốt (đắc trung đắc chánh), nhưng bị ở vào thế kẹt trong hai hào dương bên trên và bên dưới ép bức. Sự sáng chói (trong sáng) bị giảm nhiều.

Có điều là nhờ Ngũ có đức Minh, nên đã biết lo lắng phòng bị (phòng ưu, lụ hoạn) nên có thể chống nổi hoàn cảnh! “Tốt” (kiết).

Tượng người quá lo nghĩ việc thiên hạ đến đỗi “nước mắt dầm dề” thương cho nhon sanh đau khổ! than thở ngậm ngùi (thích ta nhược 戚嗟若), như vậy là người “tốt” (kiết).

Để ý 2 chữ “ta 嘴” (than vãn) ở 2 hào Tam và Ngũ. Sự “ta thán” của Tam là sự ta thán của kẻ hôn mê u ám; còn sự “ta thán” của Ngũ là sự ta thán của con người “tri co” đậm ra “úy cụ” mà ngậm ngùi!

Cái kiết của Lục Ngũ (Lục Ngũ chi kiết 六五之吉),

là cái tâm sáng suốt (ly minh 離明) của đấng “minh quân” (*vương công* 王公).

Đây, là kẻ đã lên tới đỉnh cao của cuộc đời... Nếu không được *chánh giác*, sẽ tự mình thiêu hủy tâm tư trong tư lự như trong ngọn lửa, phải biết đem cái tâm “hư minh” để nhìn thẳng vào việc đời, thì *những điều tư lự vu vơ sẽ biến thành giải thoát*. Đây, là một sự “*tinh ngộ*”, chứ không phải một sự ê chè chán nản *không lối thoát* như tâm trạng bơ vơ của hào Cửu Tam trước đây!

Thượng Cửu: *Vương dụng xuất chinh, hữu gia, chiết thủ, hoạch phi kỳ xú, vô cựu.*

上九：王用出征，有嘉，
折首，獲匪其丑，無咎。

Tượng viết: *Vương dụng xuất chinh, dī chính bang dā.*
象曰：王用出征，以正邦也。

Hào Thượng Cửu là hào dương cường đứng trên hết 2 quẻ Ly (nội Ly và ngoại Ly) nên được “trùng minh”, tức là cường minh đến cực độ. “Minh” thì hay soi sáng, còn “cường” thì hay quyết đoán. Cho nên, bậc vương giả nên dùng đến cái tài cuồng minh của Thượng Cửu này để đi làm cái việc “xuất chinh” 出征 trừ gian diệt nịnh làm hại lê dân.

Tuy nhiên, cuồng minh quá, cũng đáng e sợ dễ rơi vào sự tàn bạo mà quá tay sát phạt! Ra uy cho vừa phải, dung hình cũng cho vừa phải mà chớ quá nặng tay.

Khi ra dẹp loạn, chỉ nên bắt những bọn cầm đầu

(*chiết thủ 折首*), còn bọn phu tùng thì hãy nương tay (*hoạch phi kỳ xú 獲匪其丑*). Được vậy, sẽ không có lỗi (*vô cựu 無咎*).

Dùng Thượng Cửu để đi dẹp loạn, là “an bang” đó! (dĩ chánh bang dã 以正邦也).

*
* *

Trị loạn, trị những kẻ cầm đầu; thì trong đạo tu thân cũng nên trị các tật xấu căn bản, và nên bỏ qua các tật xấu không nguy hiểm.

Câu “*chiết thủ, hoạch phi kỳ xú*” là câu châm ngôn căn bản trong đạo “tu thân xử thế”. Tỉ như, những ai có tính nóng nảy, háo thắng, mà cũng ưa đua nịnh... phải trị cái gốc của các tật nhỏ kia, đó là lòng *tự tôn, tự đai* của mình, cái bệnh “*phì đai bản ngã*” của mình! mà Nhà Phật gọi là “ngã mạn”.

SÁCH THAM KHẢO

1. *Tcheou-Yi, Le Yi-King (Livre des Changements de la Dynastie des Tchéou, par P.L.F Philastre, Paris, Ernest Leroux, Editeur, 1885.*
2. *Le Yhi-King, Texte Primitif, rétabli, traduit et commenté par Charles de Harlez* (Membre de l'Académie Ryale de Belgique, Bruxelles, 1889.
3. *Le Yi-King, Traduit d'après les Interprètes Chinois avec la Version Mandchoue par Ch. De Harlez, Paris, Le Roux, Lib. Editeur, 1897.*
4. *Tchou-Hi* (Sa doctrine – son influence) par P. Stanislas Le Gall, S.J.Chang Hai, 1894 (Variétés Sinologiques N°6)
5. *La Philosophie Morale de Wang-Yang-Ming* par Wang Tch'ang Tche, S.J.Chang Hai, Lib. Orientalisme P.Geutner 1936 (Variétés Sinologiques N°63)
6. *Yi-King* (Le Livre des Transformations, (*Texte complet*) Version allemande de R.Wilhem, préfacé et traduit en français par Etienne Perrot, Lib. Médicis, 1973.
7. *Le Livre des Mutations* (Le texte primitif traduit

- du Chinois par Charles de Harlez, présenté et annoté par *Raymond de Becker*, Ed. Denoël, 1959.
8. *Le Livre de la Terre et du Ciel* (les Secrets du Yi-King, par *J.Lavier*, Tchou, éditeur, 1969.
 9. *La Philosophie Morale dans le Néo-Confucianisme* (Tcheou Touen-Yi, Châu Đôn Di) par *Chow Yih Ching*, P.U.F., 1954.
 10. (Textes Chinois des œuvres de Châu Đôn Di) (do Chu Hi bình giải) (Commentaires de Tchou-Hi (Chu Hi)
 11. *La Voie Métaphysique* par Matgioi (Albert Puyou, comte de Poumourville) Ed. Traditionnelles, 1936. (Bàn về Dịch lý)
 12. *La Voie Rationnelle* (du nî auteur) Ed. Traditionnelles, 2^e édition, 1941.
 13. *Nho Giáo, Quyển III*, của Lê Thân Trần Trọng Kim (T.B.T.V Ed., 1933)
 14. *Tống Nho*, Bửu Cầm, Ed. Nhân Văn.
 15. *La Cabale* (Tradition Secrète de l'Occident), Papus, Ed. Niclaus, 1937.
 16. *Doctrine Secrète*, par H.P.Blavassry, Collection complète en 6 vol. (1921).
 17. *Méthode Pratique de Divination Chinoise par le "Yi-King"*, par Le Maître *Yüan-Kuang*, avec Préface et Notes explicatives de Tchou-Houa et Charles Canone (Jean Rivière), Les Ed, Véga, Paris, 1950.
 18. *Le Livre de Marco Polo* (Albert Nachbaur – Editeur à Pékin), Marco Polo, citoyen de Venis, Haut Fonctionnaire à la Cour de Koubilaï-Khan,

Généralissime des Armées mongoles Gouverneur de Province, Ambassadeur du Grand Khan vers l'Indochine, les Judes, La Persee et les Royaumes Chrétiens d'Occident (rédigé en français sous la dictée de l'Auteur en 1295 par Rusticien de Pise, revu et corrigé, par Marco Polo lui-même, en 1307, publié par G.Pauthier en 1867, traduit en français moderne et annoté d'après les sources Chinoises par A.J.H. Chariguon (Tome I), PéKin, Albert Nachbaur Editeur, 1924)

19. *Le Parfum des Humanités*, par E.Vayrac, Ed. du Trung Bắc Tân Văn, Hanôï, 1925, Sứ Ký Thanh Hoa, bản dịch của Nguyễn Văn Vĩnh.
20. *Figures de Proue*, René Grousset, Paris, Plon, 1949.
21. *Histoire de l'Extrême-Orient* (2 tomes), René Grousset, Paris, Paul Geuthner, 1929.
22. *Survol de l'Histoire du Monde* (l'œuvre de 150 générations), par René Sébillot, Lib. Arthème Fayard, 1940.
23. *Histoire de l'Humanité*, par Hendrik Willem Van Loon (Traduit de l'Anglais par Maurice Soulié), Payot, 1946.
24. *Histoire de la Chine, de l'Antiquité jusqu'en 1929*, par George Soulié de Morant, Payot, 1929.
25. *L'Histoire*, par Arnold J. Toynbee (traduit de l'Anglais par Elisabeth Julia), Lib. Gallimard, 1951.
26. *La Civilisation à l'Epreuve*, par A.J.Toynbee, traduit de l'Anglais par Renée Willoteau, Gallimard, 1951.

27. *Guerre et Civilisation*, A.J.Toynbee, traduit de l'Anglais par Albert Conat, Gallimard, 1953.
28. *Le Monde et l'Occident*, A.J.Toynbee traduit de l'Anglais par Primerose Du Bos, Desclée de Brouwer, 1953.
29. *Histoire de l'Asie*, René Grousset, P.U.F 1947.
30. *L'Ombre et son Histoire*, René Grousset, Plon, 1954.
31. *Histoire de l'E.O (2 vol)*, René Grousset, Geutner Ed., 1929.
32. *Bilan de l'Histoire*, René Grousset, Plon, 1946.
33. *La Face de l'Asie*, René Grousset, Payot, 1955.
34. *Histoire de la Chine*, R. Grousset, Lib. Arthème Fayard, 1942.
35. *Histoire de la Civilisation Chinoise*, par Richard Wilhem.
36. *La Pensée Chinoise*, par Marcel Granet, Albin Michel, La Renaissance du Livre, Paris, 1934.
37. *La Civilisation Chinoise*, Marcel Granet, Ed. Albin Michel, 1948.
38. *La Pensée Grecque*, par Léon Robin, Albin Michel, 1932.
39. *La Science Orientale*, par Abel Rey, Ed. Albin Michel, 1942.
40. *L'Inde Antique et la Civilisation Indienne*, par Masson Oursel, H. de Wilman Grabowska, Phillippe Stern, Ed. Albin Michel, 1951.
41. *La Naissance de la Chine*, par Herrlee Glessner

- Creel, traduit de l'Anglais par M. Clerc Salles, Payot, 1937.
42. *Chronologie de l'Histoire Mondiale*, par E. Cavaignac. Payot, 1946.
 43. *Esquisse de l'Histoire Universelle*, par H.G.Wells, Traduction de Edouard Guyot, couronnée par l'Académie français, Payot, 1948.
 44. *Trung Quốc Sử Lược*, Phan Khoang, Văn Sử Học x.b., 1970.
 45. *Trung Hoa Sử Cương*, Đào Duy Anh.
 46. *A Short History of Chinese Philosophy*, Fung-Yu-Lan, Edited by Derk Bodde, New York the Macmillan Company, 1964.
 47. *Trung Quốc Triết Học Sử*, Phùng Hữu Lan (*Đại Học Tùng Thư*), Thương Vụ Án Thư Quán phát hành (Bản chữ Hán của P.H.Lan).
 48. *Tân Lý Học*, Phùng Hữu Lan, Thương Vụ Án Thư Quán phát hành (*Đại học Tùng Thư*).
 49. *Đại Cương Triết Học Sử Trung Quốc*, Phùng Hữu Lan (Bản dịch: Nguyễn Văn Dương), Hué (1962).
 50. *Précis d'Histoire de la Philosophie Chinoise* par Fong Yeou Lan (d'après le texte anglais édité par Derk Bodde Prof de Chinois à l'Université de Pensilvanie, Payot, 1952.
 51. *Héraclite d'Ephèbre* (Doctrines philosophiques), traduites intégralement et précédées d'une Introduction par Maurice Solovine, Lib. F.Alcan, Paris, 1931.
 52. *Héraclite*, Shrî Aurobindo Ghose, Traduction

- français de J. Herbert et D.N. Bonarjee, Lyon, Paul Derain Ed., 1951.
53. *Histoire de la Dialectique*, par Paul Sandor, Les Ed. Nagel, 1947.
 54. *La Dialectique*, par Paul Foulquié, P.U.F. (Que Sais-je), Paris, 1949.
 55. *Marxisme et Dialectique*, par Victor Kronstadt, traduit de Russe, Ed. Siboney, 1947.
 56. *Description du Marxisme*, par Roger Caillois, Gallimard, 1950.
 57. *Psychanalyse du Marxisme*, par Mathilde Niel, Le Courrier du Livre, Paris, 1967.
 58. *De Marx au Marxisme*, (1848–1948) par 1 groupé d'auteurs sous la direction de Robert Aron (Ed. de Flore, Paris, 1948).
 59. *A la lumière du Matérialisme Dialectique*, par Henri Lefebvre, Edition Sociales, Paris, 1947.
 60. *Psychanalyse du Communisme*, par Henri Pollès, Paris, Editeur Henri Lefebvre, 1949.
 61. *Le Septième Sens (L'Aisthésis)* par Paul Le Cour, Dervy Ed., Paris, 1952.
 62. *Introduction à la Parapsychologie* (Bilan actuel des Sciences Occultes), Traduction française par L.Lamorlette, Agriégé de Sciences Naturelles, Payot, Paris, 1951) par Fudolf Tischner (Membre de la Society for Psychical Research de Loudres).
 63. *Psyché (Numéro Spécial sur la Parapsychologie)* № 55 (Mai 1951), La Connaissance paranormale

et sa place dans la Psychologie par le Dr. Laurence T. Bendit.

64. *Le Matin des Magiciens*, par Louis Pauwels et Jacques Berger, Introduction au Réalisme fantastique (Gallimard, 1960).
65. *Les Rythmes et la Vie*, collection Présences, Lib. Plon, par le Professeur Laignel Lavastine de l'Académie de Médecine avec la collaboration de Lue Benoît; Dr. René Biot; Jean Thibaud; Dr. Henry Duprat; Dr. Henri Cordot; Dr. G. Morin; François Mentré; Jean Chevalier; Edmond Bucher; Dr. G. Richard; Jean Guitton; Gustave Thibon, 1947.
66. *Cycles et Rythmes*, Robert Tocquet, Ed. Planète, Paris, 1969.
67. *Les Horloges Biologiques ou les théories du Nei-King (Nội Kinh) devant la Biologie Moderne*, par le Docteur Jean Choain.
68. *Les Grands Secrets de la Nature*, par Jean Charle de Monlor, 1948.
69. *Symboles fondamentaux de la Science Sacrée*, René Guénon, Gallimard, 1952.
70. *Le Symbolisme de la Croix*, par René Guénon, Les Ed. Véga, Paris, 1931.
71. *La Grande Triade*, René Guénon, La Table Ronde, 1946.
72. *La Métaphysique Orientale*, René Guénon, Les Editions Traditionnelle, 1945.
73. *La Crise du Monde Moderne*, R. Guénon, Ed. Bossard, Paris, 1927.

74. *Le Règne de la Quantité et les Signes des Temps*, par R.Guénon, Gallimard, 1945.
75. *Le Kybalion*, par les Trois Initiés, Henri Durville, Paris, 1925.
76. *La Cabbale Mystique*, par Dion Fortune, Traduit de l'Anglais par Gabriel Trarieux d'Egmont, Ed. Adyar, 1937 – (Hoàn toàn khó kiếm) (Rare)
77. *Les Forces Magiques* (Etudes Archéomètres) par Shoral, H.Durville éditeur, Paris, (sans date).
78. *La Science Secrète*, H.Durville, Paris, 1924.
79. *Mystères Initiatiques*, H.Durville, Paris 4^e, 1925 (La Haute Science Egyptienne)
80. *Spiritualité de la Matière*, par Robert Lissen (Directeur de l'Institut Supérieur de Sciences & de Philosophies de Bruxelles) Editions la Planète, 1966.
81. *Le Matérialisme Spirituel*, R.Linssen, Ed. Etre Libre, Bruxelles, 1935.
82. *L'Avenir du Monde*, R.Linssen, Ed. Etre Libre, 20 Rue Père Dedeken, 1951 (Bruxelles) (De 1950 à 2000), (1951).
83. *Tham Đồng Khé*, của Ngụy Bá Dương (sách đầu não các Đơn Kinh phe Đạo giáo): đây là bộ Dịch Kinh của Đạo giáo (đời Hậu Hán).
84. *Châu Dịch Xiển Chon*, của Ngộ Nguyên Tử và Lưu Nhất Minh (Đơn Kinh của Đạo giáo) Quyển I và II.
85. *Lão Tử Đạo Đức Kinh* (bản dịch của Thu Giang Nguyễn Duy Cân).

86. *Lão Tử Tinh Hoa* (T.g. Nguyễn Duy Cân)
87. *Trang Tử Nam Hoa Kinh* (T.g. Nguyễn Duy Cân)
88. *Trang Tử Tinh Hoa* (T.g. Nguyễn Duy Cân)
89. *Liệt Tử Xung Hư Chân Kinh* (Bản chữ Hán) Bản dịch của Nguyễn Hiến Lê.
90. *Đông Lai Bác Nghị*, Lữ Đông Lai (bản dịch của Bs. Dương Tân Tươi).
91. *Chiến Quốc Sách* (Bản chữ Hán).
92. *Sử Ký Tư Mã Thiên* (Bản chữ Hán).
93. *Le Parfum des Humanités*, E.Vayrac, Trung Bắc Tân Văn, Bản dịch ra Viet Văn.
94. *Le Science Secrète des Initiés et la Practique de la Vie*, par Serge Marcotoune (Traduit du Russe par Eugène et Marc Semenoff (revue par l'auteur), ed. André Delpeuch, Paris, 1928).
95. *Le Retour Eternel & la Philosophie de la Physique*, par Abel Rey, Editeur Ernest Flammarion, Paris, 1927.
96. *Introduction aux Nombres Théosophiques*
97. I. *Astral des Plantes* (1922)
98. II. *Astral des Sons* (1924)
99. par le Professeur Paviot
100. (Ed. Rhéa, Paris, 1922–1924)
101. *La Dialectique*, par Paul Foulquié, P.U.F. (Que Sais-je?), 1949, La Pensée Marxis Le, Thierry Maulnier, Ed. F.Bronty, J. Fayard, 1948.
102. *L’Evangile de St Jean dans ses rapports avec les 3 autres Evangiles*, R.Stenier (1945).

103. *Le Marxisme*, Henri Lefebvre, P.U.F (Que Sais-je?), 1948.
104. *Six Essais sur Trois Tyrannies*, par Etiemble, Fontaine, Paris, 1947, “*Dialectique Matérialisme et Dialectique Taoïste*”
105. *La Révolution Mondiale et la Responsabilité de l'Esprit*, Hermann de Reyserling, Ed. Stock, 1934.
106. *L'Esprit Synthétique de la Chine*, par Liou-Ria-Hway, P.U.F., Paris, 1961.
107. *Le Monde qui naît*, Hermann de Reyseiling, Stock Ed., Paris, 1929.
108. *Le Secret de la Fleur d'Or*, par Lu-Tsou, Traduction de Lou-Tse-Houa, Lib de Médicis, Paris, 1969.
109. *Les Procédés de Nourrir le Principe Vital dans la religion taoïste ancienne*, par Henri Maspéro, Journal Asiatique (Avril-Juin 1937) et (Juillet Septembre 1937).
110. *Les Triomphes de la Psychanalyse*, Pierre Daco, Marabout Service, 1965.
111. *Les Prodigieuses Victoires de la Psychologie Moderne*, Pierre Daco, Marabout Service.
112. *La Sainte Bible*, (*La Bible de Jérusalem*) (1957 des Ed. Desché De Brouwer).
113. *L'Evangile de l'Esprit*, Saint Jean (Traduit et Commuté par Alta) (1918, Ed. H.Durville).
114. *La Science Spirituelle dans ses rapports avec L'Apocalypre*, R.Steiner (1945).

MỤC LỤC

Lời nói đầu	5
Dẫn nhập	
Những điều cần lưu ý khi học Dịch kinh.....	15
Luân lý của Dịch kinh	73
Sở dĩ có Dịch để làm gì?.....	82
Vai trò của triết lý kinh Dịch trong nền triết lý chung của thế giới.....	86
Lẽ cùng thông và thành bại theo Dịch lý	98
Quyển Thượng	
1. Bát Thuần Kiền	111
2. Bát Thuần Khôn	140
3. Thủỷ Lôi Truân.....	168
4. Sơn Thủỷ Mông.....	184
5. Thủỷ Thiên Nhu	199
6. Thiên Thủỷ Tụng.....	208
7. Địa Thủỷ Sư.....	221
8. Thủỷ Địa Tỉ.....	234
9. Phong Thiên Tiểu Súc	245
10. Thiên Trạch Lý	254

11. Địa Thiên Thái.....	268
12. Thiên Địa Bī.....	283
13. Thiên Hỏa Đồng Nhơn.....	297
14. Hỏa Thiên Đại Hữu	311
15. Địa Sơn Khiêm.....	326
16. Lôi Địa Dự.....	339
17. Trạch Lôi Tùy	350
18. Sơn Phong Cỗ.....	364
19. Địa Trạch Lâm.....	382
20. Phong Địa Quán	394
21. Hỏa Lôi Phê Hạp	402
22. Sơn Hỏa Bí	413
23. Sơn Địa Bác.....	432
24. Địa Lôi Phục	444
25. Thiên Lôi Vô Vọng	455
26. Sơn Thiên Đại Súc	472
27. Sơn Lôi Di	483
28. Trạch Phong Đại Quá.....	501
29. Bát Thuần Khảm.....	512
30. Bát Thuần Ly.....	524

DỊCH KINH TƯỜNG GIẢI

Quyển Thượng

*Thu Giang NGUYỄN DUY CẨN
dịch và bình chú*

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc - Tổng biên tập NGUYỄN MINH NHỰT

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó giám đốc - Phó tổng biên tập NGUYỄN THẾ TRUẬT

Biên tập và sửa bản in: ĐỖ BIÊN THÙY

NGUYỄN THỊ KIM ANH - NGUYỄN THỊ NGỌC PHƯỢNG

Bìa: BÙI NAM

Trình bày: ĐỖ VẠN HẠNH

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

161B Lý Chính Thắng - Quận 3 - Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT: 39316289 - 39316211 - 38465595 - 38465596 - 39350973

Fax: 84.8.8437450 - E-mail: hophubandoc@nxbtre.com.vn

Website: <http://www.nxbtre.com.vn>

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN TRẺ TẠI HÀ NỘI

Số 21, dãy A11, khu Đầm Trầu, p. Bạch Đằng, q. Hai Bà Trưng, Hà Nội

ĐT: (04)37734544 - Fax: (04)35123395

E-mail: chinhanh@nxbtre.com.vn

Công ty TNHH Sách điện tử Trẻ (YBOOK)

161B Lý Chính Thắng, P.7, Q.3, Tp. HCM

ĐT: 08 35261001 – Fax: 08 38437450

Email: info@ybook.vn

Website: www.ybook.vn

DỊCH KINH TƯỞNG GIẢI

QUYỀN THƯỢNG

“Những năm tháng được học với cụ Thu Giang chúng tôi không chỉ học kiến thức, chúng tôi còn được học làm người, sống đúng phẩm giá của con người phương Đông, tự trọng, tin vào ngày mai, ứng xử công bằng với người, với xã hội. Tôi hạnh phúc khi được học ông”

— Trích phát biểu của nhà văn Vũ Đức Sao Biển tại buổi tọa đàm

“Tủ sách Thu Giang Nguyễn Duy Cần và vấn đề lập thân của giới trẻ”
diễn ra vào tháng 04/ 2013 tại tòa soạn báo Tuổi Trẻ

“Thu Giang Nguyễn Duy Cần và tác phẩm của ông cao lồng lộng, sâu thẳm thẳm, rộng bao la mà cũng thật gần gũi, ấm cúng”.

— Trích phát biểu của lương y Võ Phước Hưng tại buổi tọa đàm

“Tủ sách Thu Giang Nguyễn Duy Cần và vấn đề lập thân của giới trẻ”
diễn ra vào tháng 04/ 2013 tại tòa soạn báo Tuổi Trẻ

Nhắc đến Thu Giang Nguyễn Duy Cần, không ít người thuộc những thế hệ trưởng thành tại miền Nam trước 1975 đều khẳng định: Thanh niên muốn lập thân không thể thiếu việc đọc sách học làm người, nhất là sách của cụ Nguyễn Duy Cần. Nếu đã đọc một cuốn, thì chắc phải tìm đọc cả tủ sách Thu Giang Nguyễn Duy Cần...

— Trích bài Một Nghệ Thuật Sống, Thời Báo Ngân Hàng, ngày 2/08/2013

“Trong tác phẩm của mình, Thu Giang Nguyễn Duy Cần chú ý đến mục đích đào tạo văn hóa và bản lĩnh ứng xử của con người. Những tác phẩm như *Cái dũng của thánh nhân*, *Thuật xử thế của người xưa...* cũng là một cách để cụ có thể hướng dẫn cách giữ sự bình tĩnh phi thường cho từng cá nhân tránh bị ảnh hưởng xô đẩy của mọi luồng tư tưởng hỗn loạn.

Mẫu người trong *Cái dũng của thánh nhân* là một con người điềm đạm nhưng có đủ dũng khí và bản lĩnh đối diện với mọi khó khăn, thử thách trong cuộc sống. Quyển sách này đã gây được tiếng vang lớn trên văn đàn. Với sự am tường và thẩm thấu sâu sắc hệ tư tưởng triết học Đông phương, ông đã đưa vào trong các tác phẩm cách ứng xử khôn ngoan, sự bình tĩnh, chuộng phẩm chất, luôn lấy cái gốc vững vàng cho mọi công cuộc phát triển của cá nhân và xã hội.”

— Trích báo Doanh Nhân Sài Gòn số ngày 25/04/2013



facebook.com/
nhaxuatban.tre

nxbtre.com.vn